NĂM THỨ MƯỜI • # 118 & 119 • FEB & MARCH 1999

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

XUÂN KỶ MÃO

1999

THÚY NGA - 9295 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - USA /
P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683 - USA -
Tel. (714) 891-5665 - Fax (714) 891-9673
Internet: www.thuynga.net / E-mail: thuynga@thuynga.net
© Copyright 1999 THUY NGA. All rights reserved.
Designed by DANNY DeVue. Printed by Westminster Press.

Toàn thể anh chị em
tòa soạn và trị sự

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

xin thân ái chúc
quý độc giả, văn hữu
và thân chủ quảng cáo

Năm Mới

Kỷ Mão

vạn sự như ý

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL. (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

* *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
* *Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
* *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*

* NHA KHOA THẨM MỸ

* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

Cung Chúc Tân Xuân

Bác sĩ TRẦN THỊ KIM CHI, M.D.

Y KHOA GIA ĐÌNH - PRIMARY CARE

Bác sĩ NGUYỄN ĐỨC VƯỢNG, M.D.

TRỊ BỊNH TÂM THẦN
GENERAL PSYCHIATRY

9500 Bolsa Avenue, Suite M, WESTMINSTER, CA 92683
(Khu chợ BOLSA SUPERMARKET)

Phone: (714) 531-8915 * Fax: (714) 531-6231

GRAND OPENING
NGÀY 4 THÁNG 2, 1999

Moonlight Therapy
Therapeutic Massage

(Có Bác Sĩ Chiropractor)

* Bớt đau lưng, đau nhức, nhức mỏi, giãn xương cốt, bớt căng thẳng, trị nhức đầu, mất ngủ, trị đau bắp thịt.
* Phòng tắm và phòng tắm hơi riêng biệt cho Nam và Nữ.
* **Deep Tissue - Swedish - Acupressure Reflexology - Aromatherapy.**

Điện Thoại: (714) 890-1622

13701 BEACH BLVD.,
WESTMINSTER, CA 92683

NHẬN: Bảo hiểm, Visa & Master Card

Tranh bìa: *Đối xuân Đà Lạt,* sơn dầu và acrilic của **Nguyễn Thị Hợp**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường, Nguyễn Trọng Khôi**
Hí họa: **Babui, Hiếu Đệ**
Ảnh: **Tôn Nữ Thu Nga**, lưu trữ **Văn khố Nga** (Liên Xô cũ), lưu trữ **Hải ngoại Pháp**, tư liệu của đặc san **Tiếng Sông Hương**, tư liệu của **Phan Thuận An**, tư liệu của **Thế Kỷ 21.**

MỤC LỤC

Số 118 & 119 . Tháng Hai và Ba 1999

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

12 Đồng Euro ra đời - **Ngô Nhân Dụng**
16 Một bài học của Nga: khi phải yêu đảng thay vì yêu nước - **Tôn Thất Thiện**
21 Người ngoại đạo - **Nguyễn Hữu Chung**
27 Người Việt Đông Âu chúng ta là ai - **Bùi Tín**
34 Một cái nhìn trở lại - **Trần Độ**
65 Giới thiệu Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam, Đại học Texas Tech - **Trần Anh Tuấn**
84 Hiểm họa cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi sinh của đất nước - **Phạm Phan Long**

LỊCH SỬ - XÃ HỘI

42 Cuộc gặp gỡ ở Paris năm 1922 giữa Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, Cao Văn Sến, Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh - **Lê Thanh Cảnh**
47 Ai đưa công chúa sang ngang - **Trần Gia Phụng**
68 Một trăm nhân vật của một ngàn năm - **Nguyễn Hùng Vũ**
90 Tình yêu và... lãnh tụ - **Nguyễn Minh Cần**
117 Vài nét về người Việt cao niên - **Trần Minh Tùng**

NGHỆ THUẬT

51 Những bảo vật của vua Càn Long... - **Thụy Khuê**
57 Màu sắc dân tộc qua hội họa Bé Ký - **Huỳnh Hữu Ủy**
98 Chiếc sáo tre Việt Nam và tôi - **Nguyễn Đức Mai**
144 Viagra và hí họa - **Babui 75 Mamburao**

VĂN

104 Tìm được bức tường - **Trần Mộng Tú**
108 Thiện Cùi - **Tâm Thanh**
121 Chín chữ của nàng - **Dương Như Nguyện, Thảo Như** chuyển ngữ
127 Vài mẩu chuyện văn chương - **Huy Lực Bùi Tiên Khôi**
132 Chân dung kỷ niệm - **Trần Thu Miên**
139 Ánh Tuyết - **Nguyễn Đức Tường**
147 Đi chùa Hương - **Tôn Nữ Thu Nga**

THƠ

83. Hạnh phúc đến từng phút giây - **Trần Hồng Châu. 86.** Chiều tâm lượng - **Nghiêm Xuân Hồng. 106.** Ngày xưa ở Huế - **Dương Kiền. 111.** Đường xuân tình tự - **Trần Trung Tá. 115.** Xuân-Em - **Cổ Ngư. 123.** Thơ giải oan gửi mẹ - **Hồ Thành Đức. 129.** Bâng khuâng - **Tạ Tỵ. 135.** Phất phơ mươi ngọn cỏ xuân - **Luân Hoán. 141.** Ngày xuân - **Hoàng Tường Anh.**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Thư trong tháng
8 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
60 Sổ tay
153 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Văn phòng trưởng & Phát hành:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

TRƯỚC THÊM NĂM MM, NHỚ LẠI NĂM M

VƯƠNG HỮU BỘT

Nhìn lại quá khứ tương đối dễ hơn dự đoán tương lai. Cách đây 1000 năm, người ta không viết là "năm 1000." Ở Việt Nam, lúc đó là năm Ứng Thiên thứ Bảy, Ứng Thiên là một trong ba niên hiệu của Lê Hoàn, sau gọi là Đại Hành hoàng đế. Ở Trung Hoa đó là năm Thuần Hóa thứ 12, nhà Tống. Còn ở Âu châu, 1000 năm trước viết là "anno M," số La Mã - vì hai thế kỷ sau chữ số hiện dùng được người Ả Rập nhập cảng từ Ấn Độ mới bắt đầu truyền bá qua Ý.

Viết số lối La Mã không dùng để tính toán được, mà người Âu châu cũng chưa biết dùng bàn toán như dân Trung Hoa và Ả Rập. Vào năm M, toán học đang tiến các bước vĩ đại trong thế giới Hồi giáo. Hoàng đế Otto III rời đô từ Đức trở về La Mã, để một năm sau thì bị lật đổ. Đế quốc Hồi giáo đang bắt đầu phân chia làm hai. Nhà Tống đang củng cố đế quốc ở phương Đông. Giống người Viking ngự trị trên mặt biển, đem reo rắc hạt giống của họ từ Normandie đến Sicily, và tạo ra tên Rus mà bây giờ còn trong tên Russia.

Nước ta lúc đó mang tên là Cồ Việt, Cồ đã đủ lớn lớn rồi, còn thêm là Đại Cồ Việt cho to hơn. Lê Hoàn đã củng cố chính quyền được 20 năm và đã được chính phủ Trung Quốc công nhận, phong làm Nam Bình Vương, một thắng lợi to lớn về mặt ngoại giao không khác gì việc "bình thường hóa" bang giao với Mỹ cuối thế kỷ 20 này. Kể ra 20 năm cũng là một thời gian khá dài cho một ông vua, nếu chúng ta so sánh với các triều đại Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Linh, v.v. ngày nay. Sau Ngô Quyền, Lê Hoàn đã đặt nền móng cho một quốc gia Việt Nam mà ngày nay chúng ta rất hãnh diện, dù dân ta lúc đó chưa đến một triệu người - nhưng chắc có nhiều người yêu nước hơn ngày nay?

Vào năm Ứng Thiên thứ Bảy, tức năm M đó, nạn đói đang tràn lan ở Pháp, trong khi giá móng ngựa bằng sắt tăng gấp đôi; mùa màng ở Trung Hoa đang đạt mức kỷ lục nhờ ruộng cấy hai mùa; và tại châu Mỹ, dân Maya cũng làm cách mạng nông nghiệp, bắt đầu theo lối luân canh. Đàn bà Viking đã mở đầu việc giải phóng nữ giới, từ nay họ có quyền tuyên bố li dị chồng. Và cũng không thiếu chuyện xì căng đan, như vụ Tướng quân Fujiwara Michinaga đang dan díu với nhiều mệnh phụ trong triều ở Nhật.

Nếu giới trí thức Âu châu lúc đó bàn những vấn đề như chúng ta bây giờ, năm M họ sẽ thảo luận về các nguyên do khiến Âu châu còn chậm tiến so với các đế quốc Trung Hoa và Ả Rập. Chắc họ sẽ công nhận rằng hai đế quốc này vượt xa Âu châu là nhờ "coi trọng kiến thức," tương đương với "văn minh tin học" ngày nay. Trung Hoa đã thiết lập hệ thống giáo dục phổ cập nhất, số người biết chữ rất đông, và các triết gia tranh luận về các lý thuyết đạo đức và chính trị. Người Ả Rập đã lập Đại học Fez từ năm 859, và dịch các sách vở từ tiếng Ba Tư, Hy Lạp và Sanskrit để mở mang dân trí. Ngoài ra còn các đại học ở Cairo, Cordoba đã hơn 100 tuổi.

Các kiến thức được đem ra áp dụng vào công nghệ và thương mại. Người Trung Hoa đã dùng hệ thống sông đào với "cửa khóa," điều chỉnh mực nước, giúp hàng hóa lưu thông. Người Ả Rập đã xuất bản một cuốn sách tả 100 tiến bộ kỹ thuật, trong đó có đồng hồ bằng nước. Họ có tặng Hoàng đế Charlemagne một đồng hồ chạy nước từ 200 năm trước, nhưng không được bọn "hủ nho" trong triều đình chú ý. Người Ả Rập đã học được của Trung Hoa cách dùng la bàn, và hai giống dân đó đang mở các biên cương mới trên mặt biển.

Những tin tức 1000 năm trước có giúp ích gì cho chúng ta ngày nay chăng? Sự thịnh suy của các nền văn minh phải tính bằng thế kỷ. Kiến thức giúp phát triển kinh tế. Học vấn giúp một dân tộc hưng thịnh, nhưng lợi thế đó sẽ mất khi giáo điều trói chặt đầu óc lớp người suy nghĩ. Và giống dân Việt Nam suốt 1000 năm có vẻ vẫn yêu nước, bây giờ chắc không hơn nhưng cũng không kém những năm Thiên Phúc, Hưng Thống và Ứng Thiên.●

Tâm trạng Độc tài

Tôi rất mừng được đọc bài Tâm Trạng Độc Tài của giáo sư Nguyễn Hữu Chi (trên bìa của quý vị in nhầm tên là Chí) vì tôi vốn là học trò cũ của ông ở Quốc Gia Hành Chánh. Tôi đã tưởng ông đi ra ngoại quốc trước năm 1975 rồi lặn luôn không bao giờ xuất hiện nữa thì người Việt Nam mất đi một nhân tài rất có lòng với đất nước.

Bài khảo luận về Tâm Trạng Độc Tài của ông giúp tôi hiểu rõ rất nhiều về căn bệnh của nhiều người trong dân tộc mình, Nam cũng như Bắc, trong nước cũng như hải ngoại. Chỉ tiếc là giáo sư Nguyễn Hữu Chi đã viết vắn tắt quá, không cho chúng ta nhiều thí dụ cụ thể dễ thấy hơn.

Nhưng tôi vẫn thắc mắc về chữ "Tâm trạng" mà giáo sư dùng để dịch Personality. Xin quý vị mở thêm mục Chữ và Nghĩa để bàn xem chữ nào thì tốt nhất để dịch? (Nhân cách, Nhân trạng, Tâm lý, Tính, Tâm tính v.v...)

Chúng tôi mong được đọc thêm các bài giá trị và hợp với trình độ phổ thông như bài của giáo sư Nguyễn Hữu Chi.

Lê Văn Tuấn *(Paris, Pháp quốc)*

Cầu Nhiêm Khách chứ không phải Cầu Diên Khách

Câu chuyện Lý Tĩnh cuối đời Tùy gặp Hồng phất nữ và một người hào hiệp râu xoắn đã được cụ Vương Hồng Sển tóm lược trong một cuốn biên khảo về tiểu thuyết Trung Hoa, và gọi tên là truyện "Cầu nhiêm khách." Sau khi thấy Thế Kỷ 21 (số 113, tháng Chín 1998) in bản lược dịch "Cầu *diên* khách," tôi tìm Thái Bình Quảng Ký để xem lại thì thấy cụ Sển đúng.

Chữ "nhiêm" có nghĩa là râu trên mép, trên má. "Cầu nhiêm" là râu xoắn lại. Quan Vân Trường đời Tam Quốc vì có bộ râu đẹp nên được gọi là "Mỹ nhiêm công." Nếu gọi là "Cầu diên" thì không có nghĩa gì cả.

Hình như người dịch truyện đăng trên TK 21 đã không dịch theo nguyên văn trong Thái Bình Quảng Ký mà theo bản dịch lại từ một ngôn ngữ Tây phương. Chữ "nhiêm" này được phiên âm là "rán" theo pinyin. Chắc vì thế có sự lầm từ "nhiêm" ra "diên." Đây chỉ là chuyện nhỏ thôi, nhưng tình cờ thấy được thì nghĩ cũng nên có đôi dòng đính chính.

"Một độc giả" *(Los Angeles, CA)*

Thế Kỷ 21 bắt đầu từ năm nào?

Ông Phụng Nghi đã có một số ý kiến về vấn đề này trong TK 21 số 117 vừa qua. Tôi có một vài góp ý sau để sự việc được rõ hơn:

* Thế kỷ thứ nhất tây lịch (Gregorian calendar) được các nhà làm lịch tây tính từ năm Chúa Jesus ra đời, xem như năm đầu của Công Nguyên (A.D). Điều đó không phải là một nền tảng khoa học. Cũng như theo Phật lịch thì năm hiện tại là năm thứ 2544, và theo lịch Do Thái thì năm 2000 sẽ là năm 5760. Lý do duy nhất ta sử dụng lịch tây vì nó thông dụng trên thế giới như một thứ tiêu chuẩn chung. Một điểm nữa, theo số đông sử gia, Chúa Jesus đã sinh trước đó vài năm chứ không phải năm "001," nếu thế hệ thống tây lịch thật ra chỉ là một quy ước, chứ không phải dựa vào một sự thật lịch sử.

* Con số đầu tiên và quy tắc đếm thứ tự là hai việc khác nhau. Hệ thống số chúng ta dùng là thập phân (decimal) trong khi đó máy computer sử dụng nhị phân (binary). Hệ thập phân gồm có 0,1,2,3,4,5,6,7,8,9 (có lẽ bắt nguồn từ mười ngón tay) và trong hệ nhị phân ta có 0,1 (đặt trên trạng thái đóng mở của transistor). Con số 0 là con số bắt đầu của hai hệ thống và còn mang ý nghĩa tiên khởi, bắt đầu, nguyên thủy (như time zero, point zero). Tuy nhiên, khi ta dùng con số theo ý nghĩa định vị (ordinal/positional, khác với cardinal/quantity) để chỉ vị trí thứ tự hay đếm, ta thường bắt đầu bằng the 1st, the 2nd, the 3rd..., the 2000th, the 2001st. Ta không thể dùng zero cho ý niệm thứ bậc, vì lý do hiển nhiên không thể có "thứ zero." Như thế, ta không viết là "thế kỷ 001" hay "năm 001," mà phải viết là thế kỷ *thứ nhất* hay năm *thứ nhất*. Khi ta cầm tờ giấy bạc một trăm, con số 100 đó tượng trưng cho số lượng một trăm, không phải thứ tự 100th. Cũng vậy, ý niệm "năm đầu tiên" rất khác ý niệm "một năm."

* Từ những điểm phân biệt trên, ta có thể kết luận là nếu theo chính xác tinh thần toán và logic của máy điện tử, số lượng một trăm phải được tính từ 0- 99 (ta không có quyền bỏ qua con số zero trong hàng đơn vị, cũng như một tập hợp trống cũng là một tập hợp) ta cũng không thể viết 00-99 vì thừa một con zero, vô nghĩa (viết như thế trong lớp toán tiểu học sẽ bị thầy giáo trừ điểm). Trong máy điện tử, con số 0 luôn được dùng như số bắt đầu. Và vì thế, một số sách toán điện tử theo chỗ tôi biết, bắt đầu cuốn sách bằng chapter 0 và chấm dứt bằng chapter 10 chẳng hạn, tính tổng cộng có 11 chapters. Điều này đúng theo logic, nhưng không được dùng trong lối đếm quen thuộc. Có điều đáng nói, đó là cuối năm nay, những máy điện toán con người đang sử dụng, khi con số 99 đi hết vòng radix và trở về 0, chúng ta sẽ phải đối phó với cái gọi là *"Y2K" bug* có thể sẽ gây nhiều trở ngại trên nhiều lãnh vực, và hiện thời nước Mỹ có hàng ngàn thảo chương viên đang làm việc ngày đêm để mà *fixing the millenium bug.*

* Dựa theo quy tắc đếm thứ tự, thì chúng ta đang ở trong năm thứ 1999 tây lịch, và thế kỷ thứ 21 sẽ bắt đầu vào Jan 1st year 2001st, tức là còn gần hai năm nữa. Sự kiện này chỉ là ảo tưởng của thói quen và phổ thông lâu ngày.

Để kết luận, tôi đồng ý với ông Nghi là có những lối suy nghĩ dựa theo cảm tính thay vì dựa trên lý luận khoa học. Nhưng tôi không đồng ý nhận định "thật hay ảo ảnh" vì tôi thấy không có gì thật hay giả trong vấn đề này. Một thế kỷ được định nghĩa là một trăm năm, một thiên kỷ là một ngàn năm, nhưng trăm hay ngàn là những thứ chu kỳ không dựa trên bất cứ một lý luận, yếu tố khoa học nào để làm chuẩn. Tất cả có tính cách quy ước (arbitrary) dựa trên những ý niệm trừu tượng toán học thập phân về quan niệm số, hoàn toàn khác với sự kiện một năm có 365.242 ngày, dựa trên một vòng quỹ đạo của trái đất trong thái dương hệ, cũng như một ngày 24 giờ được định nghĩa là một vòng xoay của quả đất quanh trục của chính nó, là những sự kiện khoa học lấy thiên nhiên làm tiêu chuẩn căn bản. Những điều đó mới là thật. Còn ý niệm "thế kỷ là một trăm năm" chẳng qua chỉ là một thứ dấu mốc nhân tạo, một thứ ảo ảnh tưởng như thật. Thói quen, sự thông dụng cũng như những quy ước nhân tạo nhiều khi dễ làm chúng ta tưởng lầm một điều nào đó là sự thật và chân lý, nhưng nếu để ý suy nghĩ, ta thấy nó chỉ là một ngộ nhận thông thường.

Việc các quốc gia chào mừng thế kỷ mới năm nào cũng không là một vấn đề vì có thể người ta ăn mừng "năm thứ 2000" chứ không hẳn là ăn mừng "thế kỷ thứ 21." Mới đây, trong một cuộc thăm dò ước nguyện, có những ông bà cụ đã quá già, chỉ mong nhìn thấy được con số 2000 trên mặt lịch sớm chừng nào tốt chừng đó. Họ tự an ủi rằng chỉ cần cố gắng... sống một năm nữa thôi để mà đón thiên kỷ mới trước khi lên... tầu suốt, và đối với những người cao tuổi như thế, năm nào cũng như năm nào.

Nguyễn Hùng Vũ *(Chino Hills, CA)*

Nên dịch chữ "Hospice" và "Compassionate Care" thế nào?

Tôi có đọc bài "Ngành Chăm Sóc Hospice" của Bác sĩ Nguyễn Đạt do BS Nguyễn Văn Đức chuyển sang Việt ngữ trong báo Thế Kỷ 21 số 117 tháng Giêng 1999. Cám ơn hai y sĩ đã cho độc giả những kiến thức tổng quát rất hữu ích về lãnh vực mới mẻ này của ngành Y Khoa mà không mấy ai, kể cả khá nhiều những y sĩ Mỹ hay Việt hiện đang hành nghề tại Hoa Kỳ, biết đến.

Cộng đồng Việt Nam cần biết đến dịch vụ này, vì thế tôi nghĩ nên dịch chữ này ra Việt ngữ.

Bài báo có giải nghĩa "Hospice" đại khái là sự chăm sóc và nâng đỡ những người bệnh sắp chết. Tôi đề nghị dịch chữ "Hospice" hay "Hospice Care" là "Săn Sóc Cận Tử." Cũng có thể dịch là "Săn Sóc Bệnh Nhân Gần Chết" nhưng tôi thấy "Săn Sóc Cận Tử" ngắn và gọn hơn.

Còn một danh từ của Mỹ khá mới, chúng ta cũng nên biết đến, là "Compassionate Care." Tôi tạm dịch là "Săn Sóc Trắc Ẩn (nguồn gốc từ chữ "compassion" có nghĩa là "lòng thương hại" hay "lòng trắc ẩn;" tôi thấy chữ "trắc ẩn" hay hơn là "thương hại" trong trường hợp này.)

Với "Săn Sóc Cận Tử" bệnh nhân sẽ được chăm nom ở nhà, có thể trong vài tuần hay vài tháng, để chết ở nhà. Còn với "Săn Sóc Trắc Ẩn" bệnh nhân được giữ lại bệnh viện vì sẽ chết chỉ trong vòng vài ngày. Cũng có thể dịch "Compassionate Care" là "Săn Sóc Bệnh Nhân Lìa Đời" nhưng hơi dài dòng. Chữ "lìa đời" cho ta cảm giác bệnh nhân sẽ "chết nhanh hơn" là "cận tử" hay "gần chết."

Cả hai "Săn Sóc Cận Tử" và "Săn Sóc Trắc

Ẩn" đều có mục đích để bệnh nhân sẽ phải chết, nếu không được "nằm chết như mơ" (rất có thể xảy ra vì Morphine hay Bendiazopines là những thuốc chính dùng trong các trường hợp này, làm bệnh nhân ngủ mê man) thì cũng được "ra đi" thật là thoải mái.

BS Phạm Anh Dũng *(Santa Maria, CA)*

Đàn hặc, Tham hặc, Củ hặc

Chúng tôi rất thích thú đọc các lời biện giải về việc dịch chữ impeachment là "đàn hặc" của báo *Người Việt*. Chắc các bạn cũng đã đọc một bài khảo luận rất dài của giáo sư Nguyễn Ngọc Phách trên *Việt Luận* (Úc châu) và đăng lại trên báo *Ngày Nay* (Houston, Mỹ), trong đó ông công nhận báo *Người Việt* viết lách thận trọng và có tinh thần kính trọng chữ nghĩa. Giáo sư Nguyễn Ngọc Phách có nêu ra nhiều chữ có thể dùng để dịch chữ impeachment như: tham hặc (ông Phách quen dùng chữ này trước khi biết *Người Việt* dùng chữ đàn hặc), tham hạch, củ đàn, củ hặc, hạch đàn v.v... Ông Phách cũng lý luận rõ là dùng các chữ "kết tội" hay "truất phế" để dịch impeachment thì chắc chắn là sai.

Sau khi đọc bài trên *Thế Kỷ 21* và bài của giáo sư Nguyễn Ngọc Phách thì tôi xin đề nghị riêng trong trường hợp ông Clinton bị impeach, việc impeachment ông ta nên dịch là "củ hặc," vì âm thanh và hình ảnh chữ đó gợi ra thích hợp với ông Tổng thống Mỹ hơn cả!

Nguyễn Phước Can *(Tampa, Florida)*

Về nụ hôn và cái tát

Trước hết xin nói tác giả và ông "tôi" trong chuyện là hai người. Tác giả rất cám ơn nhã ý của bà/cô Minh Hằng đã nêu ra vài thắc mắc. Thay mặt ông "tôi," tác giả trả lời như sau:

1. Đó là một nụ hôn vô cùng kỳ diệu. Tác giả biết một người dọa cô bạn: "Wait until I kiss you!" Cô này không sợ, nói: "Come on, you can only do that much." Từ ngày anh ta dùng "nụ hôn nồng nàn chưa bao giờ hái," cô này sợ không dám "talk back."

2. Sự đe dọa của một cái tát trong trường hợp này thì đại khái hữu hiệu bằng một cánh bèo đối với người không biết bơi, tuy vậy anh ta vẫn nắm lấy cánh bèo. Điều giúp anh ta nhiều hơn là tính quân tử "Tầu" tả ở câu tiếp, ý nghĩa việc giúp đi kiếm việc v.v. Not guilty.

3. Tác giả không đủ thẩm quyền để cãi lại quan điểm của phái nữ. Guilty as charged.

Nguyễn Đức Tường *(Aylmer, Canada)*

Tiện lợi thế mà lâu nay đâu có biết

"Đường dây ngôn ngữ" (bài *Người Việt Nam có sáng kiến đầu tiên lập dịch vụ đường dây ngôn ngữ AT&T*, TK 21 số 117) thật là một sáng kiến tuyệt vời, mà tôi nghĩ chỉ một nước đa chủng, giàu có, đầy sáng kiến như Mỹ mới có thể tổ chức được. Có điều lạ là đường dây ấy có đã lâu mà đa số người Việt Nam không mấy ai biết, trong khi nhu cầu dùng dịch vụ ấy thì rất nhiều. Phần đông những người lớn tuổi chỉ có trình độ Anh ngữ trung bình đủ xài trong giao tế thông thường, nhưng khi phải "deal" những việc như về bảo hiểm, y tế, cảnh sát, tòa án, ngân hàng v.v... thì không đủ khả năng.

Xin cám ơn tác giả bài "đường dây ngôn ngữ," ông có một lối viết rất vững chãi, hiểu biết vấn đề tới nơi tới chốn và trình bày mạch lạc khúc chiết, giúp người đọc nắm sự việc một cách nhanh chóng. Tôi mong Thế Kỷ 21 có nhiều bài loại nầy để giúp ích một cách thiết thực vào đời sống của người Việt tỵ nạn. Tôi nghĩ một chuyện như "đường dây ngôn ngữ," một khi đồng bào Việt Nam đã biết rõ và quen dùng thì đời sống của họ có thể thay đổi hẳn, họ sẽ tự tín hơn, sẽ bớt những thiệt thòi vì không hiểu quyền lợi của mình do không hiểu tiếng nói, sẽ bớt những bi kịch vì bị kẻ khác qua mặt trong những tai nạn giao thông, những tranh chấp trong đời sống...

Nguyễn Vũ *(Dallas, TX)*

Nói thêm về năm khởi đầu của Thế kỷ 21

Thật là chính xác khi tính ngày khởi đầu của Thế kỷ 21 vào ngày 1-1-2001 như các ông Phụng Nghi, Nguyễn Minh Cần đã trình bày trên TK 21 các số 116, 117 với hàm ý rằng năm công nguyên thứ nhất không thể là 0 mà phải bắt đầu bằng con số 1 (A.D. = Anno Domini = Year of the Lord, năm của Chúa.) Tương tự như các niên hiệu của ta thời quân chủ trước đây, ví dụ như năm Hồng Đức nguyên niên v.v...

Điều đáng nói thêm là cả nghìn năm mới có một lần bước sang vừa thế kỷ vừa thiên kỷ mới. Sự khởi đầu từ ngày 1-1-2000 hay 1-1-2001 hoàn toàn không có tác dụng, ảnh hưởng gì đến tất cả mọi cách tính, đếm thời gian trong khoa học ứng dụng các ngành. Các khoa học gia trên thế giới không hề quan tâm đến chuyện này. Việc mà các nhà sản xuất nhu liệu trên thế giới đang cuống cuồng sốt vó chạy đua với thời gian là sửa chữa cái nhãn ô

(field, cell) chứa năm cuối cùng trong hàng triệu nhu liệu cũ mà dữ kiện sẽ là 00 cho năm 2000 để có thể tính toán được. Chuyện đó chẳng dính dáng gì đến chúng ta. Vậy tại sao chúng ta không ăn mừng thế kỷ 21 sớm hơn một năm cho vui vẻ cả làng?

Nguyễn Hưng Quảng *(Connecticut, Mass.)*

Lo lắng

Nhân đọc bài "Áp dụng luật rừng trên sông Mekong" tôi rất lấy làm lo sợ khi không tìm ra câu trả lời cho câu hỏi của tác giả nêu lên ở cuối bài. Bài báo đã làm tôi suy nghĩ: Trung Cộng đã đặt một tiền lệ, trong tương lai các nước hạ nguồn sẽ tự do xây đập không sợ ai phản đối. Việt Nam, ở cuối sông sẽ là quốc gia chịu ảnh hưởng tai hại nhất: đồng bằng sông Cửu Long sẽ là một vùng đồng chua nước mặn, không trồng trọt được gì vì không có nước và phù sa.

Chỉ với một dãy đập bảy cái mà Trung Cộng đã khống chế kinh tế toàn vùng hạ lưu sông Mekong. Tôi tự hỏi chính quyền Việt Nam, đối diện với thực tế thiếu nước thiếu phù sa sẽ làm gì để khai thác vùng Châu thổ Cửu Long?

Dương Quang Sinh *(Las Vegas, Nevada)*

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Trần Anh Tuấn, Trần Yên Hòa, Nguyễn Trung Dũng, Thái Quốc Mưu, Trần Hồng Châu, Phan Lạc Tiếp, Ngô Thế Vinh, Tôn Nữ Thu Nga, Võ Đình Mai, Trần Huy Sao, Thái Tuấn, Hoàng Đống, Ngọc Dũng, Nguyễn Công Khanh, Hiếu Đệ, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Dy Sỹ, Tô Lữ Hoàng Lan, Bùi Duy Thuyết, Nguyễn Tiến Cảnh, Nguyễn Đăng Ngọc, Thảo Chi, Hồ Trường An, Võ Văn Lượng, Nam Dao, Sương Mai, Huy Anh, Ý Yên, Đỗ Thị Kênh G, Võ Đình Tuyết.

Nguyễn Công Khanh *(Seattle, WA)*: Nhận được bài về đồ gốm của anh trong khi đã chuẩn bị xong trang nghệ thuật của số Xuân. Hơi tiếc, nhưng nghĩ là để dành cho số sau càng hay. Vậy là anh có duyên với số Tân Niên, năm ngoái cũng thế. Nhưng chúng tôi chờ anh suốt năm chứ không phải chỉ đầu năm. Thân.

Trần Anh Tuấn *(Alameda, CA)*: Đáng lẽ bài "Chủ trương xóa bỏ..." nên đi kèm để minh họa thêm cho bài trong số này, nhưng khi nó đến nơi thì số báo đã xong xuôi. Chúng tôi nghĩ về đề tài này nên có một công trình đầy đủ hơn nữa để mọi người thấy tính chất bè phái và phi khoa học của "họ." Hy vọng ông có thời giờ để tìm tòi bổ túc cho đầy đủ hơn nữa thì sẽ rất quý. Kính.

Hộp thư tri sự

ĐỘC GIẢ GIA HẠN VÀ ĐỘC GIẢ MỚI:

Sang Văn Lê (Westminster CA), Lê Văn Thành (Mangilao GUAM), Nguyễn Ngọc Phong (Dorchester MA), Thiện Hỷ (Carollton TX), Ewing Điệp (Shalimar FL), Lợi & Nguyệt Vương (Winter Haven FL), Võ Hùng Hải (SWITZERLAND), Nguyễn Ngọc Kim (Telford PA), Kết Nguyễn (Dorchester MA), Nguyễn Hữu Tuệ (San Mateo CA), Đỗ Cường (Sacramento CA), Nguyễn Văn Nha (NORWAY), IRCC, Inc. (San Jose CA), Lê Văn Sâm (Albuquerque NM), Nguyễn Kim Hùng (Orange CA), Phạm Trung (Holland OH), Nguyễn Hữu Hiệp (Chicago IL), Võ Văn Đình (Hatfield PA), Đậu Phương Mai (Vienna VA), Văn Minh Phước (CANADA), Nguyễn Gia An (CANADA), Lê Thị Thu Nga (CANADA), Lê Khắc Tuân (CANADA), Nguyễn Thị Suối Khiết (CANADA), Đỗ Hữu Thuận (Anaheim CA), Trần Sĩ Tuấn (Northridge CA), Đỗ Minh Túy (Louisville KY), Trần Ngọc Châu (Woodlands CA), Phạm Nguyên Hạnh (Cerritos CA), Nguyễn Cao Tuấn (CANADA), Trần Anh Tuấn (San Francisco CA), Huỳnh Hữu Ủy (Garden Grove CA), Annete Church (Sacramento CA), Bùi Phụng Mai (San Jose CA), Đặng Thị Lý (Dallas TX), Vũ Văn Định (Westminster CA).

ĐỘC GIẢ ĐỔI ĐỊA CHỈ:

Nguyễn Ngọc Phong (Dorchester MA), REV Nguyễn Văn Vạn (Costa Mesa CA), Lê Minh Giang (Ontario CA).●

ĐỒNG EURO RA ĐỜI

NGÔ NHÂN DỤNG

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, mười một quốc gia đồng ý tự bỏ đồng tiền riêng trong ba năm, dùng một đồng tiền chung trước chưa hề có. Khi mười một nước Âu châu đồng ý dùng chung một đồng tiền, lập một Ngân hàng Âu châu (ECB) chung, họ đã tự bỏ bớt chủ quyền của mình. Vậy hệ thống tiền tệ chung đó có ích lợi gì?

Mậu dịch và đầu tư gia tăng

Đồng euro trước hết sẽ giúp cho kinh tế Âu châu phát triển cao hơn nhờ tăng gia mậu dịch, cạnh tranh, và đầu tư. Vai trò của Thị trường Vốn (Capital Markets) sẽ lên, vai trò các ngân hàng sẽ xuống.

Nhờ đồng tiền chung, việc mua bán giữa các nước Âu châu sẽ dễ dàng hơn. Các công ty giảm bớt phí tổn trong mọi trao đổi qua biên giới. Một xí nghiệp Pháp mua phụ tùng ở Ý hay Tây Ban Nha sẽ không mất công đổi tiền qua ngân hàng, tiết kiệm cả thời giờ lẫn tiền bạc. Ích lợi lớn hơn là giảm bớt rủi ro vì hối suất lên xuống. Thí dụ một nhà sản xuất ở Đức mua nguyên liệu từ Pháp hoặc bán hàng qua Hòa Lan, trong sáu tháng mới trả tiền khi giao hàng. Trước đây thì sau khi ký hợp đồng rồi còn lo sáu tháng tới không biết đổi tiền sẽ đổi với giá nào vì hối suất thay đổi. Bây giờ người ta không lo các rủi ro này nữa. Giảm phí tổn, bớt rủi ro, các hoạt động kinh doanh sẽ gia tăng.

Đồng tiền chung sẽ khuyến khích sự cạnh tranh giữa các nước. Người ta có thể tính giá cả với một đồng tiền chung, dễ so sánh hơn, đi tìm mua nơi rẻ nhất, người mua được tự do lựa chọn nhiều hơn. Cạnh tranh là động lực thúc đẩy kinh tế.

Nhờ đồng tiền mới, số vốn đầu tư giữa các quốc gia cũng tăng. Ở Mỹ, người ở Los Angeles có thể bỏ vốn làm ăn trong các công ty ở New York hay Houston dễ dàng. Các nước Âu châu gần nhau giống như các tiểu bang ở Mỹ, nhưng người nước này ít khi đầu tư sang nước khác. Ngay tại các nước lớn như Đức, Pháp, Ý, vốn đầu tư ở ngoại quốc chỉ chiếm 5% tổng số đầu tư. Tại hai nước có thị trường tài chánh cao là Anh và Hòa Lan thì tỷ lệ 15-20%. Số lượng thấp một phần vì người ta lo rủi ro khi hối suất thay đổi, phần nữa vì luật lệ bắt buộc các công ty tài chính, bảo hiểm phải đầu tư đồng tiền trong nước mình. Nay với đồng euro, những rào cản trên sẽ bớt dần, tiền vốn tự do luân chuyển. Các công ty sẽ phải cạnh tranh gắt gao để thu hút vốn của người tiết kiệm, xuyên qua các biên giới quốc gia.

Tiền để dành của người Âu châu xưa nay thường gửi ngân hàng, trương mục tiết kiệm bưu điện, hay công khố phiếu. Với đồng euro và những cơ hội đầu tư mới, số tiền đem mua trái phiếu và cổ phần các công ty sẽ tăng lên. Các phương tiện đầu tư này có lợi suất cao hơn ngân hàng, càng khuyến khích người dân tiết kiệm thêm.

Nhưng các lợi ích kinh tế không phải là mục đích duy nhất khiến đồng euro ra đời. Mục tiêu xa hơn là sự kết hợp Âu châu về mặt chính trị, giấc mơ của nhiều người từ hàng thế kỷ nay, nhất là sau Đại chiến Thứ Hai. Âu châu đã trải qua những cuộc chiến tranh liên miên, nay mai có hy vọng đạt tới một tình trạng hòa bình lâu dài. Cựu Thủ tướng Đức Helmut Kohl từng nói rằng việc chọn một đồng tiền chung là "lựa chọn giữa chiến tranh và hòa bình."

Thị trường Vốn sẽ thay thế địa vị ngân hàng

Trong các nước tư bản, cách tích lũy và phân bổ vốn thay đổi khác nhau. Việc gây vốn ở Mỹ và Anh dựa trên các thị trường, trong đó người ta mua, bán các cổ phiếu và trái phiếu.

Ngược lại, ở lục địa Âu châu và Nhật, các ngân hàng đóng vai trọng yếu.

Từ ba chục năm nay, vai trò các ngân hàng ở Mỹ ngày càng xuống. Những Quỹ đầu tư (mutual funds) mỗi tháng đem 14 tỷ Mỹ kim mua cổ phiếu, công ty Fidelity nay làm chủ gần 3% tổng số cổ phần ở Mỹ. Khi ngân hàng đóng vai chính, số người quyết định đầu tư là một số nhỏ, thường có liên hệ cá nhân với nhau, nhất là khi các ngân hàng lại được phép làm chủ cổ phần các công ty, như ở Nhật hay Đức. Trong thị trường chứng khoán, số người mua, kẻ bán, những người quyết định chuyển vốn từ nơi này qua nơi khác, đông hơn, và liên hệ với các công ty có tính chất vô danh hơn.

Từ ba chục năm qua, ở Mỹ nhiều người bỏ vốn vào những dự án đầu tư đầy rủi ro (venture capital) cũng nhờ vai trò Thị trường Vốn năng động. Các công ty như Microsoft, Intel bắt đầu với lối gây vốn mà thường các ngân hàng dè dặt không dám bỏ tiền vào. Thị trường Vốn khích lệ sáng kiến, thưởng các công ty thành công, phạt các công ty thất bại một cách công bằng hơn các ngân hàng. Nhà sản xuất phải cạnh tranh và người tiêu thụ cũng được lợi. Nền kinh tế có tính chất mở và tin tức đầy đủ, trong suốt hơn.

Thị trường Vốn ở Âu châu đang thay đổi với đồng euro ra đời. Âu châu sẽ có một Thị trường Vốn thống nhất, rộng lớn, và vai trò sẽ ngày càng quan trọng hơn các ngân hàng. Các công ty ở Âu châu sẽ phải thay đổi. Các chính phủ lâu nay vẫn có chính sách ưu đãi những công ty lớn, với các nghiệp đoàn lớn, cũng sẽ thay đổi. Ở Mỹ phải mất một thế hệ Thị trường Vốn mới chiếm ưu thế, ở Âu châu bây giờ sẽ chỉ mất dăm năm, vì kỹ thuật tin học sẽ thúc đẩy và giúp cho sự thay đổi nhanh hơn.

Nhưng, đồng euro vẫn còn đang bị thử thách. Vì hệ thống tiền tệ chung đi đôi với biên giới chính trị, mỗi chính phủ có những triết lý chính trị, đường lối kinh tế, xã hội khác nhau, những xung đột sẽ xảy ra. Liên hiệp Tiền tệ Âu châu (EMU) đặt ra các tiêu chuẩn rất khắt khe về mức khiếm hụt ngân sách và số nợ của các chính phủ. Đây là một thử thách lớn cho các nhà chính trị và người dân các nước. Liệu người dân Liên hiệp Âu châu có đủ kiên nhẫn nhìn xa, chịu các khó khăn trong thời gian chuyển tiếp được hay không?

Thử thách

Khi chúng ta nói 11 chính phủ Âu châu tự tước bỏ một số quyền của họ khi họ chịu dùng đồng tiền chung, thì đó là những quyền gì?

Nói chung, đó là quyền thay đổi giá trị đồng tiền của mình. Thí dụ một nước đang gặp khó khăn khi khó xuất cảng, thông thường nước này có thể hạ giá đồng tiền của mình xuống, hàng bán ra nước ngoài sẽ rẻ hơn, dễ cạnh tranh hơn. Họ có thể hạ giá đồng tiền bằng các biện pháp thay đổi lãi suất. Từ nay các nước âu châu không được làm chuyện đó nữa, thẩm quyền này trao cho Ngân hàng Trung ương Âu châu (ECB.)

Thí dụ khác, khi kinh tế thoái trào thì ảnh hưởng đến mỗi nước, hay mỗi vùng khác nhau. Trước kia, mỗi nước có thể đối phó với sự giảm sút kinh tế theo cách riêng, thí dụ, tăng chi tiêu của nhà nước hoặc bớt thuế, không cần xin ý kiến nước khác.

Chẳng hạn, một chính phủ muốn giảm bớt nạn thất nghiệp bằng cách vay nợ để tăng các khoản chi tiêu trong ngân sách, gọi nôm na là "in thêm tiền," khiến giá cả tăng lên. Từ nay, chính phủ 11 nước Âu châu không được tự do làm nữa, vì ECB kiểm soát mức giới hạn tối đa về nợ và khiếm hụt ngân sách, theo tiêu chuẩn các nước đã thỏa thuận.

Mười một nước Âu châu đồng ý gia nhập khối euro chứng tỏ họ tin rằng cái giá đáng trả, để hưởng những ích lợi mà đồng euro đem lại. Nhưng dân chúng các nước chưa chắc sẽ nghĩ như các chính phủ. Hiện nay, đa số dân ủng hộ việc thống nhất tiền tệ, ở Đức thấp nhất, 51%, Pháp 68%, Hòa Lan 73%, Ý cao nhất, 83%. Nhưng khi các khó khăn xảy ra, dân chúng sẽ nghĩ lại. Những khó khăn như thế nào?

Khó khăn lớn nhất là nền kinh tế các nước không phát triển giống nhau. Hiện nay, nước đổi mới kinh tế mạnh nhất là Ái Nhĩ Lan có mức tăng trưởng 8,5% một năm, trong khi kinh tế Ý chỉ tăng thêm 1,5% một năm. Hai nước đó đều có lãi suất 3%, theo thoả thuận chung. Nếu chính phủ Ý muốn hạ lãi suất để kích thích kinh tế cũng chịu bó tay. Tình trạng kinh tế chênh lệch sẽ trầm trọng nếu có cơn "sốc" từ bên ngoài, khiến mỗi nước bị ảnh hưởng một cách khác nhau. Thí dụ nếu kỹ nghệ xe hơi bị xuống thì Đức và Pháp chịu ảnh hưởng nặng hơn Bỉ và Hòa Lan; giá nông sản lên thì Tây Ban Nha chịu ảnh hưởng khác Phần Lan. Trước đây, mỗi nước tự do hạ thấp lãi suất, để "bơm" tiền vào kích thích nền kinh tế, đồng thời hạ thấp giá đồng tiền xứ mình để dễ xuất cảng hơn. Ngày nay, các chính phủ mất quyền đó, dân chúng sẽ tự hỏi có phải vì lỗi ở đồng euro mà tình trạng thoái trào kéo

dài hay không?

Kinh tế Mỹ cũng có chênh lệch, thí dụ khi giá dầu lửa xuống thì Texas bị ảnh hưởng nặng hơn New York. Nhưng khi đó, người từ Texas có thể đi tìm việc làm ở New York hay Georgia. Còn ở Âu châu, người dân Pháp không dễ dàng sang Đức hay Ý làm việc, ít nhất cũng vì hàng rào ngôn ngữ, ngoài ra còn hệ thống hưu bổng và quy chế lao động khác nhau. Vì vậy, ông Jacques Attali, cựu cố vấn Tổng thống Mitterrand nói: "Liên hiệp tiền tệ Âu châu thích hợp cho dân du mục, mà người Âu châu không phải dân du mục.

Ở Mỹ, mọi người đều đóng thuế cho chính phủ liên bang. Nếu kinh tế New Mexico xuống, California lên, thì Wasshington sẽ thu thuế ở Cali chuyển sang trả trợ cấp xã hội hoặc thất nghiệp cho dân New Mexico dễ dàng. Tại Âu châu, các hệ thống bảo hiểm thất nghiệp và xã hội của mỗi nước một khác, còn lâu mới phối hợp hay thống nhất.

Cho nên, trong mấy năm tới các chính phủ Âu châu sẽ phải tự thích ứng với đồng euro trong khi dân chúng nếu trông đợi quá nhiều sẽ bị thất vọng. Người ta sẽ tự hỏi tại sao các chính phủ do dân bầu lên lại không nắm quyền quyết định việc điều tiết nền kinh tế, mà để cho một cơ quan chuyên môn, là Ngân hàng Trung ương Âu châu nắm quyền quyết định?

Những xung đột giữa 11 chính phủ với Ngân hàng Trung ương chắc chắn sẽ xảy ra. Nhiệm vụ đặt ra cho Ngân hàng Trung ương Âu châu là giữ cho giá trị đồng euro ổn định, mà dụng cụ trao cho họ là chính sách lãi suất và tiền tệ. Thống đốc Ngân hàng ECB Duisenberg đặt chỉ tiêu lạm phát không quá 2% một năm, một chỉ tiêu rất khắt khe.

Nếu, một năm nào đó các chính phủ 11 nước Âu châu coi một mục tiêu khác quan trọng hơn, thí dụ, giảm bớt nạn thất nghiệp (hiện nay trung bình 11%), và họ đều đồng ý với nhau (tất cả đồng ý cũng là điều rất khó) là cùng đi vay và tăng chi ngân sách, thì nạn lạm phát có thể sẽ cao hơn 2%. Khi đó, Ngân hàng Âu châu sẽ phải tìm cách kìm lạm phát xuống bằng cách tăng lãi suất. Người ta khó vay tiền và bớt tiêu tiền đi, hoạt động kinh tế giảm sút, những biện pháp kích thích của các chính phủ bỗng dưng mất hiệu lực, thì xung đột tất xảy ra. Khi đó, các chính trị gia sẽ làm gì? Ngân hàng Âu châu được thành lập dựa trên kiểu mẫu Ngân hàng Bundesbank của Đức, rất độc lập đối với chính phủ. Nếu các nhà chính trị tìm cách gây ảnh hưởng trên Ngân hàng ECB thì lòng tin vào tiền tệ và giá trị của đồng euro sẽ bị suy giảm. Vận mạng đồng euro tùy thuộc vào lòng tín nhiệm đối với Ngân hàng ECB, các chính phủ không thể phá hại được - trừ khi họ từ bỏ ý định dùng đồng tiền chung, mà điều này khó xảy ra.

Việc thống nhất tiền tệ Âu châu là do các nhà kinh doanh, ngân hàng, nói chung lãnh vực kinh tế thúc đẩy, giới chính trị không hăng hái bằng. Các nhà chính trị biết rằng một khi tiền tệ thống nhất thì các luật lệ kinh tế, thương mại sẽ thay đổi, theo chiều hướng cởi mở tự do hơn; các luật lệ về nhân dụng, tuyển người và sa thải nhân viên sẽ phải linh động, dễ dàng hơn; và thuế khóa cũng như hệ thống an sinh xã hội sẽ phải hòa hợp, đồng dạng giữa các nước với nhau hơn. Nói chung, khi kinh tế được tự do hơn thì vai trò các chính phủ, các bộ máy hành chánh giảm bớt. Đến khi đó, những ích lợi của đồng euro mới thể hiện được hết.

Thiệt hay hại cho Mỹ?

Đồng euro ra đời sẽ ảnh hưởng đến đồng đô la Mỹ như thế nào?

Trước hết, nhu cầu dùng đô la Mỹ sẽ giảm đi. Lâu nay, các nước trên thế giới khi mua bán với nhau có thể dùng tiền của họ, nhưng một số lớn thích dùng đô la làm đơn vị trao đổi. Người Pháp có thể mua đồng Mark để trả tiền cho Đức, hay bán hàng cho Nhật họ có thể nhận đồng Yen. Nhưng giữa Thái Lan với Brazil chẳng hạn, khi mua bán với nhua, họ sẽ thấy dùng đô la Mỹ tiện hơn cả, dễ tránh được rủi ro khi đồng tiền hai bên lên xuống giá.

Từ khi có đồng euro, 11 nước không cần dùng đô la Mỹ làm đơn vị trao đổi nữa. Khi đồng euro đủ mạnh, nhiều nước khác tin tưởng đồng euro không kém đồng Yen hay đô la, họ cũng sẽ dùng euro làm đơn vị giao hoán. Thay vì mỗi khi đi vay trên thị trường thế giới người ta cứ vay bằng đô la, sau này các nước có thể vay đồng euro cũng tiện không kém. Hồng Kông, Singapore, Trung Quốc đã bắt đầu euro hóa.

Nhu cầu dùng đô la còn giảm đi khi nhiều quốc gia bớt số Mỹ kim trong kho dự trữ. Các nước thường giữ một số vàng và ngoại tệ, để bảo đảm giá trị đồng bạc của họ, hoặc để bù lấp khiếm hụt khi nhập cảng nhiều hơn xuất cảng. Kho dự trữ của Trung Quốc trị giá 140 tỷ Mỹ kim; Nhật 200 tỷ; Đài Loan, Hồng Kông 70-80 tỷ, những khoản dự trữ đó phần lớn là đô la, càng cao thì người ta càng cần mua đô la Mỹ. Tổng số dự trữ hiện nay trị giá khoảng

1000 tỷ đô la. Kho dự trữ này có thể là vàng, là đồng Yen của nhật, đồng Mark của Đức, v.v., và 60% là đô la Mỹ. Giống như các chính phủ khác đang cho nước Mỹ vay 600 tỷ đồng, lấy lãi rất thấp khi họ mua công khố phiếu của chính phủ Mỹ. Bây giờ, thí dụ chính phủ một nước quyết định thay đổi thành phần dự trữ ngoại tệ. Thay vì 60% là tiền Mỹ họ đổi, chẳng hạn, chỉ có 40% bằng đô la Mỹ, 30% bằng đồng euro của Âu châu, 10% bằng đồng Yen của Nhật, còn lại là vàng và tiền các nước khác. Sự thay đổi đó sẽ đưa đến hậu quả là nhu cầu dùng đô la sẽ giảm đi.

Khi nhu cầu dùng đô la Mỹ giảm đi, đồng tiền sẽ bị áp lực phải giảm giá. Nhưng hiện tượng đó có làm hại cho nền kinh tế Mỹ hay không? Trong ngắn hạn thì đô la xuống sẽ gây thiệt hại, nhưng trong dài hạn, sự ra đời của đồng euro sẽ giúp cho kinh tế Mỹ lành mạnh hơn!

Trong nửa thế kỷ vừa qua, đô la Mỹ đã đóng vai trò "bản vị tiền tệ" cho cả thế giới. Khi các nước mua nhiều đô la Mỹ, để họ mua bán với nhau hay cất vào kho dự trữ, thì người Mỹ cứ dùng đô la mua hàng nhập cảng hoài khỏi lo "bị đòi nợ." Tình trạng đó nuôi dưỡng cán cân mậu dịch Mỹ thâm thủng triền miên. Người Mỹ không những tiêu sài nhiều, họ còn vay nợ càng ngày càng nhiều hơn trước. Tỷ lệ tiết kiệm so với tiêu dùng của dân Mỹ cứ giảm dần, trong khi dân Nhật tiết kiệm nhiều và đầu tư ở ngoại quốc cũng nhiều. Từ địa vị một nước bỏ tiền ra đầu tư khắp thế giới, bây giờ Mỹ là con nợ của thế giới. Tình trạng này không thể kéo dài. Tiền tiết kiệm ít, nợ chồng chất mãi đe dọa có ngày làm cho nền tài chính Mỹ bị khủng hoảng.

Điều làm các nhà kinh tế Mỹ lo ngại là nếu có một cơn "sốc" nào đó khiến thế giới bớt nhu cầu dùng đô la, thì kinh tế Mỹ sẽ gặp nạn. Thử tưởng tượng nhiều nhà đầu tư ngoại quốc cùng một lúc muốn bán bớt các trái phiếu và cổ phần mà họ đang đầu tư ở Mỹ! Mà khi đô la Mỹ gặp nạn thì nhiều nước khác cũng khổ. Năm 1995 khi kinh tế Mexico khủng hoảng, đô la mất giá, chỉ còn 79 Yen một đô. Khi đó, vì đồng Yen lên giá so với Mỹ kim, Nhật cũng bị vạ lây. Hàng Nhật khó bán ra ngoài, dân Nhật vẫn không chịu tiêu sài, kinh tế bị trì trệ cho đến ngày nay. Mà cũng vì kinh tế Nhật xuống mà các nước Á châu lâm vào cơn khủng hoảng gần đây.

Nay với sự xuất hiện của đồng euro hệ thống tài chánh thế giới sẽ cân bằng hơn trước, không quá lệ thuộc vào đồng đô la. Ngược lại, đồng đô la yếu hơn sẽ khiến cho người ngoại quốc bớt mua tiền Mỹ, bớt cho các công ty và chính phủ Mỹ vay tiền. Điều này sẽ tạo áp lực cho tỷ lệ tiết kiệm nội địa của Mỹ phải tăng, dân Mỹ sẽ phải để dành tiền nhiều hơn trước. Khi đó sự phát triển của kinh tế Mỹ, căn cứ trên khả năng sản xuất và tổ chức tiếp thị có hiệu năng, sẽ vững chắc hơn bây giờ.

Sự ra đời của đồng euro sẽ còn giám tiếp tạo ra ảnh hưởng tốt khác cho kinh tế Mỹ. Đồng euro sẽ thay đổi hệ thống kinh tế và hệ thống tài chánh các nước Âu châu. Hệ thống đó chắc chắn sẽ hữu hiệu hơn bây giờ, và sẽ cạnh tranh với Mỹ ráo riết hơn. Nhưng đồng thời, khi các nước thành viên của Liên hiệp Âu châu phải mở cửa cho nhau, họ cũng sẽ mở cửa rộng hơn đối với các công ty Mỹ. Cuộc cạnh tranh trong một khung cảnh cởi mở, mọi tin tức công khai và minh bạch hơn, sẽ giúp cho cả đôi bên. Mà các xí nghiệp Mỹ thì quen thuộc với lối làm ăn trong thị trường minh bạch và công khai, hơn nhiều xí nghiệp Âu châu, họ sẽ thích ứng nhanh hơn.

Thời đại kinh tế toàn cầu

Cũng như các loại giấy nợ khác, đồng tiền có giá trị khi người ta tin tưởng khả năng làm ra tiền của người đi vay. Khối dân 375 triệu ở Âu châu, khi tất cả các nước gia nhập khối tiền tệ, có một nền kinh tế với Tổng Sản Lượng Nội Địa lớn hơn của Mỹ.

Sức mạnh của đồng euro có tính chất lịch sử, vì sức mạnh này sẽ hoàn toàn dựa trên sản năng kinh tế. Các đồng tiền có địa vị chế ngự trên thế giới xưa nay thường đi đôi với các đế quốc đang hùng mạnh. Thế kỷ 19, đồng "bảng Anh" (pound) chế ngự, một phần vì chính sách tài chánh của các chính phủ Anh tạo cho đồng pound giá trị vững vàng, nhưng cũng nhờ đế quốc Anh ngự trị khắp thế giới. Đến Thế chiến Thứ Nhất thì đồng pound mất địa vị, và sau Thế chiến Thứ Hai thì đô la Mỹ đóng vai trò đơn vị trao đổi quốc tế, cùng lên với thế lực quân sự của Mỹ.

Sự ra đời đồng euro cho thấy loài người đã thay đổi. Sự cạnh tranh trên thế giới ngày nay là cạnh tranh kinh tế. Người Mỹ có thể thấy lo ngại khi có một đối thủ cạnh tranh với Mỹ kim, nhưng tính về lâu dài thì nước Mỹ cũng có lợi. Đồng euro ra đời là một dấu hiệu của hiện tượng "toàn cầu hóa" nền kinh tế thế giới. Người Mỹ tin ở tự do mậu dịch và cạnh tranh sẽ thấy euro vừa là một mối đe dọa, vừa là một cơ hội kích thích cho kinh tế Mỹ.●

CUỐI NĂM, ÔN CỐ TRI TÂN

MỘT BÀI HỌC CỦA NGA: KHI PHẢI YÊU ĐẢNG THAY VÌ YÊU NƯỚC...

TÔN THẤT THIỆN

Trong bảy năm qua dân Nga đã bị khủng khoảng dài dài, và có rất ít triển vọng họ sẽ thoát khỏi tình trạng này trong một thời gian ngắn.

Lý do chính của tình trạng trên đây không phải là ông Yeltsin và các chính phủ ông bổ nhiệm đã lựa chọn những chính sách tài chính kinh tế sai lầm, mà là trong 70 năm bị cộng sản cai trị, dân Nga đã được "giáo dục" phải coi Đảng là Tổ Quốc. Dân quen với khẩu hiệu: "yêu Tổ Quốc là yêu Đảng," và với ý niệm: Đảng là Nước, Đảng là quyền lực tối hậu, dân phải yêu Đảng hoặc sợ Đảng. Nay Đảng đã không còn, thì không còn gì để yêu hay để sợ.

Vì lòng yêu nước và tinh thần công dân đã tiêu biến nên xã hội Nga hiện nay thiếu những điều kiện đạo đức và tinh thần căn bản cần thiết để xây dựng một quốc gia cường thịnh và tiến bộ, có khả năng tồn tại và phát triển.

"Ôn cố, tri tân" có thể coi như một khẩu hiệu thời Tết. Nhưng "ôn" cái gì đây?

Đối với những người như tôi, nay đã bước vào hàng bô lão, "cố" gồm có nhiều chuyện lắm. Phần khác, những gì mà những người lứa tuổi tôi "ôn" phải có ích ít nhiều gì cho giới trẻ, nếu không chúng tôi sẽ bị giới này coi như những ông già lẩm cẩm muốn lôi kéo họ lui về quá khứ, vào những chuyện đâu đâu không liên quan gì đến họ và đến tương lai của họ, phí giấy mực, và phí thì giờ của họ. Như Cụ Phan Bội Châu giải thích, "thất thập nhi tùy tâm sở dục" (vào lứa tuổi 70, cứ làm theo như tâm mình bảo), nhưng.... phải "bất du củ" (không ra ngoài khuôn khổ). Khuôn khổ là đạo lý, nhưng "đạo lý" ở đây lại gồm có bổn phận giúp đỡ người khác, đặc biệt là giúp thế hệ đi sau mình hiểu biết quá khứ để rút kinh nghiệm, tránh những quyết định sai lầm trong hiện tại, để khỏi bị đẩy vào thế kẹt trong tương lai.

Cho nên tôi chọn một vấn đề mà tôi theo đã dõi khá sát trong thời gian qua vì tôi cho rằng nó liên quan rất nhiều đến Việt Nam. Đó là cuộc khủng khoảng đã dằn vật dân Nga trong bảy năm qua, đang làm cho họ điêu đứng trong hiện tại, và các dấu hiệu cho thấy tình trạng này sẽ còn kéo dài trong tương lai.

Khủng khoảng dài dài

Từ hơn bảy năm nay, kể từ ngày đám cán bộ cộng sản cao cấp bảo thủ đảo chính hụt Gorbachev, đưa đến sự giải thể của Liên Xô và chế độ cộng sản, nước Nga đã bị chìm đắm trong một tình trạng khủng khoảng "hậu cộng sản" trầm trọng. Tình hình kinh tế tài chính càng ngày càng suy sụp và hỗn loạn. Ông Yeltsin, Tổng Thống Nga và những cộng tác viên của ông đã ra sức đưa nước Nga ra khỏi tình trạng bi đát này, nhưng đã không thành công, dù rằng chính phủ Nga được các nước bạn, đứng đầu là Hoa Kỳ, và các tổ chức kinh-tài quốc tế (Ngân Hàng Quốc Tế, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế) tận tình giúp đỡ.

Về sự suy sụp và hỗn loạn của tình hình kinh tế tài chính thì trong thời gian qua báo chí đã nói đến nhiều. Mọi người đều biết rằng nước Nga nay nợ ngoại quốc hàng trăm tỷ đô

la (con số mới nhứt là 158 tỷ), các ngân hàng Nga hầu hết ở tình trạng vỡ nợ, nước Nga thiếu ngoại tệ trầm trọng phải giảm nhập cảng triệt để, chính phủ không có tiền trả lương cho nhân viên, đặc biệt là thợ mỏ, và quân đội. Trong thời gian gần đây, tình trạng suy sập được biểu hiện qua sự sụt giá ngoạn mục của đồng rúp: tháng Tám vừa qua 10 rúp đổi được một đô la, nhưng tháng 12 phải mất 18 rúp. Tình hình tiếp tế lương thực nguy cập đến nỗi giới chức Nga phải nuốt tự ái và cầu cứu Hoa Kỳ viện trợ (3,1 triệu tấn, trị giá 625 triệu đô la) để tránh khỏi nạn đói có thể xảy ra trong mùa đông này. Đồng thời, chính phủ Nga, trong đó có một số tổng trưởng cọng sản, phải chấp nhận một số điều kiện của Ngân Hàng Quốc Tế và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế để được các cơ quan này tiếp tục cho vay để khỏi lâm vào thế phải quỵt nợ.

Tình hình trên đây, mới nhìn qua, thì có vẻ thật lạ lùng. Tại sao nước Nga là một nước rộng lớn, tài nguyên phong phú, từng là một nước xuất cảng nông lâm phẩm và các loại khoáng vật, dầu hỏa, khí đốt, vàng và kim cương, lại rơi vào một tình cảnh như vậy? Tất nhiên có nhiều lý do. Có những lý do đã được báo chí, TV nói đến nhiều. Nhưng cũng có những lý do ít được đề cập đến, vì nó tế nhị hơn.

Di sản của chế độ cọng sản

Giáo sư Martin Malia, giảng dạy về Lịch sử Nga tại Đại Học Berkekey, California, đã viết như sau trong báo *New York Times* (ngày 3.9.1998) về "sự tan vỡ" hiện tại về kinh tế tài chính của Nga:

"Chắc chắn rằng đây không phải chỉ là kết quả của chính sách kinh tế tiền tệ sai lầm mà thôi. Lý do sâu xa là đây là di sản của quốc gia cực quyền Xô Viết. Khi quốc gia này sập đổ, nó đã để lại một đống gạch vụn về hành chánh và kinh tế, không có thủ tục pháp lý, kiện tụng và cảnh sát cần thiết cho một xã hội tân tiến — một khiếm khuyết biên chế mà các quốc gia Đông Âu không có khi họ chuyển qua một nền kinh tế thị trường."

Một trong những lý do đã được nói đến nhiều là: trong 70 năm cọng sản nắm toàn quyền, nước Nga đã phải theo một chế độ kinh tế "Mác-Lênin" kế hoạch hóa toàn diện hoạt động kinh tế, không lấy giá cả thị trường làm tiêu chuẩn, tuyệt đối cấm tư nhân sản xuất, buôn bán. Nay chế độ đó bị dẹp bỏ nhường chỗ cho một chế độ kinh tế căn cứ trên tự do kinh doanh, giá cả thị trường, sáng kiến cá nhân. Trong chế độ này, nhân viên công quyền không được chỉ thị hàng ngày và chi tiết, lúng túng không biết phải làm gì và làm sao, cũng như dân chúng quen chờ mệnh lệnh ân huệ của nhà nước, cũng bỡ ngỡ không biết xoay sở ra sao.

Trong khi đó, Đảng Cọng Sản đã không giúp gì vào việc cải thiện tình thế, mà còn làm cho tình hình càng khó khăn thêm để có điều kiện gia tăng thế lực của họ. Tuy không hy vọng gì lập lại chế độ cọng sản, nhưng họ chiếm được 30% tổng số dân biểu trong Hạ Nghị Viện trong khi các đảng phái và lực lượng không cọng sản phân tán, và Hiến Pháp hiện thời của Nga buộc Thủ Tướng phải được đa số dân biểu Hạ Viện chấp nhận. Do đó, nhóm cọng sản trong Quốc Hội Nga có khả năng chận phá chính sách của chính phủ. Và dù Ông Yeltsin muốn cải tổ kinh tế mau, rộng, và sâu, theo chiều hướng tự do, những kế hoạch cải tổ của ông đều bị ngăn chận. Cho nên kinh tế đã không cải thiện được, mà càng ngày lại càng suy sụp thêm.

Cắp lột khắp nơi

Một lý do khác, ít được đề cập tới vì khía cạnh này tế nhị hơn, không có tính cách ngoạn mục để đưa lên TV, nhưng lại có hậu quả nặng nề và nguy hiểm hơn nhiều, là hiện nay dân Nga tỏ ra thiếu lòng yêu nước và tinh thần công dân. Sự kiện này biểu hiện trong những hành vi bất chấp luật pháp và "dĩ công vi tư" của họ. Một vài ký giả Mỹ hay Canada đã ghi chép một số sự kiện đó như dưới đây.

Ký giả Geofrrey York, của báo *Toronto Globe and Mail*, trong một bài (ngày 2/11/1998) mang tít "Tài sản quốc gia tha hồ chiếm đoạt", đã ghi: "dân Nga hiện nay coi tài sản quốc gia là của công, mà mọi người tha hồ chiếm đoạt; ai đến trước thì chiếm được... Từ ngày Liên bang Xô Viết sụp đổ, đã diễn ra một cảnh tượng cắp lột lan tràn trên toàn lãnh thổ Nga. Trước hết, tất cả những gì mà không được gắn chặt đều bị lấy mang đi bán. Kế đến là ngay cả những gì được gắn chặt cũng bị lột gỡ ra và chở đi... giây cáp về viễn thông bị đào lên, cắt ra, và đồng, chì, các loại kim khí khác, kể cả cáp của các đài radar dùng để hướng dẫn máy bay lên xuống, và cột điện, hàng chục km giây nhôm, giây điện, cáp kéo thang máy, dụng cụ hướng dẫn tàu hỏa, đài vô tuyến và

ống sắt, nguyên cả một đài radar cao 35 thước cũng bị gở lột đem bán làm sắt vụn..."

Ngay cả giây cáp truyền tin của các đài phóng hỏa tiễn nguyên tử cũng bị cắt; ở Vladivostok, việc hướng dẫn máy bay lên xuống ở sân bay quốc tế bị gián đoạn vì kẻ trộm cắt mất giây thước cáp của hệ thống truyền tin; ở Ulan Ude hệ thống truyền tin quân sự bị tê liệt vì kẻ cắp cắt mất 60 thước cáp của trung tâm truyền tin của thành phố. Ngay ở Mốt xcôva, 1000 cột điện bị kẻ cắp hạ sập để cắt giây đồng...

Một trong những trường hợp ngoạn mục nhất về sự "dĩ công vi tư" này là vụ tháo gỡ đài radar quân sự Yeniseysk -15 ở Xi-bê-ri. Ký giả Geoffrey York tường thuật như sau (*Toronto Globe and Mail,* ngày 9/11/1998): đây là một đài radar quân sự 30 tầng, cao bằng kim tự tháp của Ai Cập, của Quân Đội Nga xây cất vào đầu thập niên 1980, nhưng năm 1991 phải đóng cửa vì Hoa Kỳ phản đối là vi phạm thỏa hiệp về giảm khí giới. Đài đã bị nhân viên của công ty mua lại và dân chúng trong vùng làm thịt sạch trơn. Chính phủ đã bán lại đài đó cho một công ty tư nhân để biến nó thành một nhà máy làm bàn ghế, và đã bỏ vào đó 10 triệu đô la. Nhưng nhân viên công ty đã bỏ túi số tiền đó, lại còn tháo gỡ dụng cụ chở đi. Những gì còn lại: cột điện, ống tháo nước, giây đồng, giây nhôm, các vật dụng bằng kim khí, hàng trăm tấn sắt, vách tường bê tông, đều bị dân trong vùng tháo gỡ đem về dùng riêng hay bán đi.

Tài chính kiệt quệ, tham nhũng lan tràn

Một trong những dữ kiện đặc biệt của tình hình Nga trong mấy năm qua là nhân viên chính phủ, dân sự cũng như quân sự, không được trả lương không những hết tháng này qua tháng khác, mà còn hết năm này qua năm khác. Trường hợp ngoạn mục nhứt là trường hợp những thợ mỏ than vùng Kuzbas, vùng mỏ than lớn nhứt của Nga, như vùng Hòn Gay của Việt Nam vậy.

Theo ký giả Michael Wines của báo *New York Times* (ngày 17/9/1998) thợ mỏ than vùng Kuzbas không được trả lương từ ba năm qua. Xin nói rõ: ba năm. Chỉ riêng từ tháng 10 năm 1997 đến tháng 9 năm 1998, Chính phủ nợ thợ mỏ 120 triệu rúp. Vùng này có 250 mỏ than. Nhưng những mỏ này thiết bị cũ kỹ, ngang với trình độ mỏ than Hoa Kỳ của những năm 1960. Và giá than đắt gấp ba giá thị trường. Thợ chẳng cần biết phí tổn là gì. Họ là nạn nhân của "kế hoạch hóa": kinh tế thời cọng sản nắm quyền. Sản xuất đã từ 432 triệu tấn một năm tụt xuống còn 244 triệu tấn.

Một trong những lý do thợ không được trả lương là than sản xuất ra, không những số lượng giảm sút, mà khách hàng không trả tiền, và nếu có, thì số tiền đó bị những kẻ tham nhũng ăn chận. Ví dụ, năm 1997, mỏ than ở vùng Beryozovsky sản xuất được 400.000 tấn, nhưng mất đi 60.000 tấn, không ai biết là nó đi đâu. Cũng như trong vụ mua bánh xe cho cam nhông chở than. Mỗi cái giá thực là 2000$, nhưng trong sổ thì ghi là 3.700 $. Nhân viên nói: "nó biến thành nhà nghỉ mát, xe hơi đắt

tiền, hay cái gì khác mà chẳng ai biết được..."

Tham nhũng thì lan tràn từ dưới lên trên. Đầu tháng này, ông Yavelinsky, một trong những nhân vật quen thuộc, đã từng làm cố vấn kinh tế cho chính phủ dưới Tổng Thống Yeltsin, đã viết thơ công khai tố cáo 16 nhân viên cao cấp chính phủ tham nhũng, trong đó có Đệ nhất Phó Thủ Tướng Yuri Maslyukov (cọng sản), Phó Thủ Tướng Vadim Gustov, và khi thính giả đài phát thanh loan tin này được hỏi họ có tin rằng chính phủ Primakov có tham nhũng không thì 92% trong số 16500 người trả lời rằng "TIN."

Những kẻ tham nhũng và thao túng thuộc cả giới hữu lẫn tả. Phía hữu chúng thuộc về giới mà báo chí gọi là đám "crony capitalists" (tư bản bồ bịch), "criminal oligarchs" (bọn trùm tài phiệt tội phạm). Đám này lại toa rập, "nằm cùng giường" với đám Mác-Lê, như ký giả William Saffire viết (*New York Times*, ngày 17/9/1998), để ngăn chận các chính sách cải tổ kinh tế để chúng dễ bề thao túng, đặc biệt là bảo vệ các công ty "quốc doanh" phá sản, và in giấy bạc thả dàng dù rằng làm vậy sẽ gây ra lạm phát. Chúng thao túng dễ dàng vì sau bao nhiêu năm cọng sản cai trị, Nga không có một hệ thống luật pháp và tòa án để bảo vệ hợp đồng, không có cảnh sát để ngăn ngừa tham nhũng.

Về phía dân thì họ đã quen với quan niệm không đóng thuế. Phần khác, trong tình trạng công chức công nhân không được trả lương, thương doanh bị phá sản, và kinh tế hỗn loạn, Chính phủ chẳng thâu được thuế. Tỷ lệ thuế thâu vào không quá 30-40 % tổng số dự trù. Thêm nữa, trong tình trạnh chính quyền trung ương yếu, và chính trị bế tắc, các vùng không chịu chuyển những số tiền thuế thâu được cho chính phủ trung ương.

Lòng yêu nước và tinh thần công dân tiêu biến

Thủ Tướng đương nhiệm Primakov đã kêu gọi dân tỏ "lòng yêu nước" để đưa nước Nga ra khỏi khủng khoảng hiện tại. Sự kêu gọi này rất có ý nghĩa: nó nói lên một dữ kiện then chốt mà chúng ta cần thấy để hiểu rõ tại sao từ 1991 đến nay, Nga bị khủng khoảng kinh tế dài dài, dù rằng chế độ cọng sản đã bị giải thể.

Lý do đó, một lý do mà ít người để ý đến vì nó rất tế nhị là: tuy chính phủ Nga nay không phải là một chính phủ cọng sản, và Tổng Thống Nga, ông Yeltsin, là người đã làm thất bại cuộc đảo chánh cọng sản năm 1991, nhưng nước Nga "hậu cọng sản" vẫn là một nước Nga mang nặng di sản của 70 năm cọng sản trị vì.

Trong 70 năm đó chính quyền cọng sản đã "giáo dục" cán bộ đảng viên quen với tư tưởng: Đảng là trên hết, Đảng nắm toàn quyền, Đảng là nguồn sống chết của tất cả mọi người. Cán bộ và đảng viên phải yêu và bảo vệ Đảng; dân thì phải theo Đảng, sợ Đảng, làm gì cũng phải nghĩ đến phản ứng của Đảng. Đảng là Chính phủ, Đảng là chính quyền, Đảng là Tổ Quốc. Yêu Tổ Quốc là yêu Đảng. Bảo vệ Đảng là bảo vệ Tổ Quốc. Phục vụ Đảng là phục vụ Tổ Quốc.

Có người sẻ hỏi: thế trong Thế Chiến II dân Nga đã chiến đấu rất anh dũng, không phải là họ đã hy sinh vì Tổ Quốc sao? Chiến tranh chống Đức sử gia cọng sản gọi là Chiến Tranh Bảo Vệ Tổ Quốc. Đúng. Nhưng vì lúc đó quân đội Hitler đã cư xử như một đoàn quân chiếm đóng, rất tàn bạo với dân Nga, và Stalin đã kêu gọi dân Nga chống Đức để bảo vệ *Tổ Quốc Nga* chớ không nói gì đến Đảng Cọng Sản Nga hay chế độ cọng sản Nga. Nhưng khi chiến tranh chấm dứt thì sử gia và Đảng Cọng Sản Nga lại đổi điệu, và nói rằng dân Nga đã chiến đấu để bảo vệ chế độ Xô Viết Nga.

Luận điệu trên dây đã bị dân Nga công khai bác bỏ vào tháng 8, 1991, lúc cọng sản phản động đảo chính Gorbachev để tái lập chế độ cọng sản Nga. Lúc đó dân chúng đã đổ xô ra đường đứng về phía Yelstin đánh bại đám đảo chính cọng sản. Mà không những dân chúng, mà lực lượng an ninh K.G.B và quân đội cũng đứng về phía ông Yeltsin, nghĩa là chống lại sự tái lập chính quyền cọng sản xô viết. Tháng 9 năm 1993, tàn dư Đảng Cọng Sản, liên minh với những phần tử bảo thủ Nga, lại bạo loạn nhằm đảo chính ông Yeltsin nhưng bị ông này đập tan. Cũng như hồi tháng 8, 1991, dân chúng và quân đội đứng về phe chống cọng sản.

Nhưng dù sao, sau khi sụp đổ, cọng sản đã để lại một di sản nặng nề, đặc biệt là sự biến mất tinh thần yêu nước và tinh thần công dân. Dưới chế độ cọng sản, cán bộ, đảng viên, dân chúng đều trông vào Đảng, yêu Đảng hoặc sợ Đảng. Nhưng khi Đảng không còn nữa thì không còn gì để yêu để sợ nữa. Mỗi người chỉ biết lo cho mình và phục vụ bản thân mình. Thêm vào đó, đời sống khó khăn, chính quyền bất lực hay thờ ơ, nên dân chúng chẳng tôn

trọng luật lệ gì nữa, mạnh ai nấy sống, mạnh ai nấy làm.

Việt Nam hậu 1975

Tình trạng của Nga kể trên cũng giống tình trạng Việt Nam sau 1975. Cũng xảy ra những vụ cắt giây điện, hạ cột điện, tháo gỡ bù lon các máy móc, dỡ nắp cống, v.v...đem về dùng riêng, hay đem bán cho ngoại quốc làm sắt vụn. Ở biên giới Việt-Hoa loại "ngoại thương" này rất thịnh hành. Trong xứ thì những vụ lấy cắp dụng cụ nhiên liệu nơi sở làm rất phổ biến. Và hình ảnh gây ấn tượng mạnh mẽ nhứt là cảnh giao thông hỗn loạn trên đường phố, dân chiếm lề đường để làm quầy hàng, xây nhà, và cán bộ cao cấp chiếm cả bờ đê để cất biệt thự, bất kể luật lệ; làm ăn tham nhũng tràn lan. Mà chính quyền thì chẳng lấy đó làm chuyện quan trọng.

Những gì xảy ra cho nước Nga đáng làm cho chúng ta suy nghĩ về hậu quả của sự duy trì chế độ "xã hội chủ nghĩa" lâu dài. Một khi chế độ đó sụp đổ thì trong nước không còn giá trị gì nữa để duy trì một xã hội trật tự văn minh, vì xã hội đó thiếu hai yếu tố căn bản: lòng yêu nước và tinh thần công dân.

Khi viết đến cuối bài này thì tôi nhận được số báo *Ngày Nay* mới nhất, (số 401, ngày 15/11/1998). Trong đó, có những tin sau đây liên quan đến đề tài của bài đang viết.

Tin thứ nhất là: trong những phiên họp Quốc Hội đang diễn ra lúc này, "rất nhiều dân biểu đã than phiền về nạn tham nhũng cửa quyền, trong đó có ông Đinh Hạnh, Phó Chủ Tịch Ủy ban Nhân Dân Hà Nội ... Chính phủ Phan Văn Khải cũng phải thú nhận rằng ... ngân sách dành cho các chương trình quốc gia khi xuống đến dân có nới chỉ được 20%, còn lại dọc đường là bị cấp trung gian ăn hết." Vì vậy, năm 1999 này phải xúc tiến cải cách hành chánh.

"Cấp trung ương" là ai? Trong một chế độ ĐCS nắm toàn quyền và viên chức có quyền phải là người của Đảng, thì "cấp" đó chỉ có thể là cán bộ đảng viên cọng sản.

Còn "xúc tiến cải cách hành chánh" thì chúng ta đã nghe nói nhiều trong hơn 20 năm qua, từ năm 1976, thời ông Phạm Văn Đồng (lúc đó là Thủ Tướng), đến các ông Trường Chinh và Lê Duẩn tuyên bố trong những năm 1978-1980 rồi, và, sau đó, của các ông Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Lê Khả Phiêu...

Tin thứ hai là: theo một báo cáo chính trị của Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam, một cơ quan do Nhà nước cọng sản chỉ huy, thì "một trong những công tác trọng yếu sẽ là 'học tập chủ nghĩa mác-lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, khơi dậy tinh thần ái quốc và lòng yêu xã hội chủ nghĩa'". Sau 23 năm độc lập và toàn quốc tiến nhanh tiến mạnh, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, lòng yêu xã hội chủ nghĩa (= yêu Tổ Quốc) và tinh thần ái quốc tiêu biến đi đâu mất, mà bây giờ lại phải khơi dậy?

Thật là giống hệt Nga. Chỉ có khác là Nga đã chính thức ở thời "hậu cọng sản," còn Việt Nam thì đang ở thời cọng sản cực thịnh!!! Đó là một đề tài đáng làm cho người Việt, nhất là những người cọng sản còn giữ được ít trí tuệ, suy tư.

Sự suy tư này là một hoạt động đầu năm hữu ích. Nó có thể bắt đầu với sự đọc hai tác phẩm rất thích hợp, là *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên (Trăm Hoa, Westminster, California, 1997), đặc biệt là những đoạn trong đó anh ấy nói rằng quan niệm "Đảng là Trời" đã biến Đảng thành "quỷ" và dân thành "giun," và thiên bút ký "*Một Cái Nhìn Trở Lại*" của Tướng Trần Độ, vừa phổ biến vào tháng 9/1998, trong đó ông ta đưa ra nhận xét rằng quan niệm Đảng "lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối, triệt để", đã đưa đến tình trạng "bắt mọi người phải tin theo và đáp ứng yêu cầu chính trị của Đảng, chỉ hướng vào một mục tiêu quan trọng là tin tưởng tuyệt đối và ra sức củng cố và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng."

Trong những trường hợp mà anh Vũ Thư Hiên và ông Trần Độ nêu lên, khi Đảng = Quỷ không còn nữa, trong nước chỉ còn "giun," và khi dân không còn phải đáp ứng nhu cầu của ai nữa, họ chỉ còn hướng vào một mục tiêu quan trọng là tin tưởng tuyệt đối vào chính mình. Kết quả là một tình trạng không còn tinh thần ái quốc, không còn tinh thần công dân nữa. Trong tình trạng đó mạnh ai nấy dựt, mạnh ai nấy bê, không còn kỷ cương luật pháp, quốc gia tê liệt, kinh tế hỗn loạn, khủng khoảng triền miên.

Đó là kinh nghiệm trong bảy năm qua của dân Nga, với di sản nặng nề của chế độ cọng sản, một kinh nghiệm mà người Việt, đặc biệt là những người đảng viên ĐCS còn sáng suốt, cần nghiền ngẫm.●

Ottawa, Tết Kỷ Mão, 1999

NGƯỜI NGOẠI ĐẠO

NGUYỄN HỮU CHUNG

Bạn bảo tôi viết một bài báo về tương lai nước Việt Nam để mừng năm con mèo sắp tới. Nói tới năm con mèo thì tôi rất lo ngại vì nó là năm tuổi của tôi. Cũng cái năm con mèo nầy, 24 năm trước tôi đã mất hết nhà cửa sự nghiệp, tay không bỏ xứ ra đi, sống cái kiếp ăn nhờ ở đậu xứ người, lang thang, lếch thếch. Tôi lại có một anh bạn rất giỏi về bói toán, anh ta bảo tôi rằng trong năm tới tôi không được làm gì cả, không được mua bán nhà cửa ruộng vườn, không được cưới vợ, không được đổi việc làm (dù có tăng lương)..., làm cái gì cũng sẽ thất bại. Anh bạn tôi bảo cái năm tuổi nầy độc lắm, vì là tuổi đủ năm con giáp, 60 tuổi, lôi thôi tai họa có thể còn lớn hơn là năm con mèo 1975. Tôi ngẫm nghĩ thấy anh bạn có lý, vì là tuổi đã 60 thì còn làm được cái gì nữa mà có thể thành công, vì vậy tôi phải bỏ qua một bên mọi dự tính, ngay cả cái dự tính đổi job, nghỉ cái job đang làm để về nhà lấy cái job rửa chén cho vợ. Anh bạn tôi nói cái chuyện đổi job nầy lại là một trong những chuyện quan trọng nhất, phải cẩn thận chờ năm tốt, chứ còn gặp năm xấu, ma xui quỷ khiến bả sẽ không ưa cái mặt già của mình, mà bả lại phải nhìn thấy suốt ngày, thì bả có thể cho mình "quit" cái job rửa chén, khi đó anh chỉ còn nước... qua Cali kiếm vợ khác, mà mình lại bị kẹt một điều là không biết hát karaoke. Như vậy là qua sang năm tôi phải cẩn thận, tránh tất cả mọi việc, luôn cả việc viết báo chọc thiên hạ. Và bài báo nầy sẽ là bài báo cuối cùng của những năm bắt đầu bằng con số một. Có chi sơ xuất, xin cô bác rộng lòng tha thứ vì kẻ đáng tội nghiệp nầy sẽ không thể cầm bút để đính chánh, thảo luận, hay xin lỗi, trong vòng ít ra 13 tháng tới.

Nói chuyện Việt Nam thì thật là khó nói, vì không biết phải nói làm sao cho vui lòng cả ông Ta lẫn ông Tây, cho vui lòng vừa chánh phủ và nhân dân trong xứ , vừa bà con hải ngoại. Ở hải ngoại, lại phải nói sao cho vui cả chư quân tử Đông Âu lẫn chư quân tử Tây Âu, làm vui các anh gốc Hải Phòng lẫn các anh gốc Nghệ Tĩnh. Thật là chuyện đội đá vá trời! Không có khả năng nói khéo, vậy thì chỉ còn nước nói thật, thấy sao nói vậy, ai không vui thì kẻ hèn nầy xin chịu lỗi.

*

Về tương lai của nước Việt Nam thì tôi thấy nó rất phức tạp vì có những điều đáng lo, mà cũng có những điều đáng mừng.

Điều đáng lo thì có cả trăm, nhưng cái đáng lo nhất vẫn là cái mà chúng ta lo mấy chục năm nay, đó là cái thực trạng nội tại của xã hội Việt Nam, cái mà ông Tổng bí thư Lê Khả Phiêu gọi là nội lực, khi ông kêu gọi toàn thể đảng viên vận dụng nội lực để củng cố Xã hội chủ nghĩa. Cái nội lực của nước Việt Nam nó như thế nào trên ba phương diện chánh trị, xã hội và kinh tế, thì tôi thấy chắc tôi phải viết một cuốn sách để nói rõ mọi chuyện. Trong khi chờ dợi, tôi chỉ xin mượn một tin nhỏ của các báo cách nay vài tháng để cho cho bạn thấy trọng điểm của vấn đề. Các báo loan tin rằng những người Việt Nam định cư ở các xứ Bắc Âu đã chuyển vận bạch phiến bằng cách mua trẻ con Việt Nam, mổ bụng, dồn bạch phiến vào rồi một người đàn bà trong tổ chức ôm đứa bé trong lòng khi xe qua biên giới, bảo rằng đi du lịch nhưng đứa nhỏ bị bịnh nặng nên phải trở về gấp..., như vậy đã qua mặt được quan thuế, cảnh sát nhiều lần trong quá

khứ.

Tôi đã kinh hoàng khi đọc tin nầy. Tôi đã sống ba mươi năm trong chiến tranh (1945-1975), đã chứng kiến bao nhiêu cảnh chết chóc, đã ra Huế sau tết Mậu thân, nhưng chưa bao giờ tôi thấy ghê rợn như vậy. Một cái xã hội đã sanh sản ra những con người "đỉnh cao trí tuệ" như vậy, dù chỉ là có một trong số một triệu người, cái xã hội đó không có cách gì khá lên được. Thường thì người ta phạm tội ác khi ghét, khi sợ, khi điên, khi hiếp dâm, cướp của, khi cần che dấu tội ác v.v. Giết một đứa bé con như giết một con gà, thì không phải là tội ác nữa, mà đó là một hành động ngoài biên giới của nhân tính. Tôi thấy ở Rwanda, khi những người Hutu tàn sát hơn nửa triệu người Stusi, họ đã giết người trong cơn lên đồng tập thể và họ không trí tuệ như những người Việt Nam trong các tổ chức kia.

Ở Bắc Mỹ có một con sông, nơi đó người ta tìm thấy rất nhiều cá bị ung thư và nhiều con có hình thù quái dị. Sau khi nghiên cứu, người ta thấy mức độ ô nhiễm của con sông cực kỳ trầm trọng, nhất là những chất độc do các nhà máy thải ra đã tích tụ rất nhiều trong bùn đất dưới lòng sông và không có cách nào lấy ra được. Nếu vét lòng sông thì người ta sẽ không biết đem bùn đất đổ đi đâu vì chúng sẽ lại làm ô nhiễm các con sông khác, khi nước mưa cuốn chúng xuống các con sông đó. Con sông nầy coi như bỏ. Phải chừng cả trăm năm sau, khi lớp bùn đất hiện tại bị chôn vùi bởi vài mươi phân bùn mới thì khi đó người ta mới có thể xử dụng những con cá trong sông nầy.

Cái môi trường tinh thần của xã hội Việt Nam ắt phải ô nhiễm trầm trọng mới tạo ra những con người có tầm cỡ như những anh Việt Nam trong các tổ chức tội ác ở Bắc Âu. Lại nghe nói có rất nhiều tổ chức như thế từ Liên bang Nga, tới Liên bang Đức, tới các nước vùng Bắc Âu. A Di Đà Phật! May mà các bác chưa tới đây, các bác mà tới thì nhà cháu sẽ phải giải tán cái club Hell Angels của cháu. Dường như cái mạch sống của xã hội Việt Nam là sự hung bạo và sự bất tâm, nên một nhà văn ở Hà Nội đã nổi tiếng nhờ khai thác cái tính hung bạo nầy. Sẽ có tiến bộ gì trong một môi trường tinh thần ô nhiễm như vậy?

Tiếng nói của những con người có lương tri ở Việt Nam đang cất lên cũng giống như những dòng nước từ các con suối sạch chảy ra để rửa dòng sông, để mang đến một lớp phù sa mới. Nhưng còn lâu, còn rất lâu. Rất lâu, bởi vì sự ô nhiễm kia đã xảy ra không phải chỉ một ngày, một năm, mà là đã hơn nửa thế kỷ. Và bởi vì các nhà máy ô nhiễm vẫn còn đang tiếp tục thải chất độc ra sông.

Chiến tranh đã chấm dứt gần một phần tư thế kỷ. Những người thanh niên 25 tuổi hôm nay không biết gì về chiến tranh. Nhưng dường như cấp lãnh đạo không có gì để nói cho các em nghe về tương lai hay về đạo đức, họ lại nói về chiến tranh, đem cái huyền thoại chiến tranh ra để nuôi dưỡng lớp trẻ. Nói về Mac, về Mao, về Hồ thì chẳng ai thèm nghe. Nói về giá trị tinh thần của xã hội thì ngượng ngập vì chẳng lẽ vừa ăn cắp, vừa nói? Tổng bí thư Đỗ Mười đã ăn cắp hay ăn hối lộ được bao nhiêu triệu đôla mà có một triệu đem tặng các cơ quan từ thiện? Nhưng không phải chỉ có TBT Đỗ Mười. Có hàng chục ngàn tên Cộng sản khác, đang tại chức hay đã về hưu, có bạc triệu nhờ ăn cắp, buôn lậu, hối lộ. Vậy thì nói cái gì với tuổi trẻ? Chỉ có thể nói về chiến tranh, về những trận đánh là có thể nói một cách hùng hồn.

Hồi 12-13 tuổi, tôi có nghe bài hát về tiểu đoàn "ba lẻ bảy." Tiểu đoàn 307 là một tiểu đoàn địa phương do một anh tên Sĩ trong làng tôi chỉ huy. Đánh thắng Tây mấy trận ở Bến Tre và Mỹ Tho vào khoảng 1950 nên có tên tuổi và được truyền tụng. Bẵng đi hơn 45 năm, bây giờ tôi lại nghe nói về bài hát đó. À thì ra! Mấy anh Cộng sản đã mang nó lên Internet cho thanh niên hát, để làm sống lại những huyền thoại về chiến tranh, về đảng. Ôi, cái chiến tranh và cái đảng nó đã tạo được những con người trí tuệ vượt khỏi biên giới của nhân tính.

*

Nhưng mà bạn đừng vội bi quan. Cũng có điều đáng mừng cho Việt Nam. Điều đáng mừng là tuy Việt Nam đen tối như vậy mà lại được nước Mỹ thương yêu, lo lắng. Nước Mỹ là một cường quốc quân sự và kinh tế số một thế giới. Canada cũng là một trong bảy xứ kỹ nghệ giàu có. Nhưng hãy thử so sánh Mỹ với Canada thì sẽ thấy cái giàu có muôn hộ của Mỹ. Một anh kỹ sư trung bình bên Mỹ lãnh 70 ngàn US một năm, tương đương với 100 ngàn Canada. Anh ta đóng thuế 30%, còn lại trong túi một số tiền tương đương với 70 ngàn đồng Canada. Một anh kỹ sư trung bình Canada ăn lương 50 ngàn. Anh ta đóng thuế 40%, còn lại

30 ngàn. Như vậy, một anh kỹ sư Mỹ có lợi tức gấp đôi anh kỹ sư Canada, trong khi giá sinh hoạt hai xứ ngang nhau, và khi đi shopping, anh Mỹ chỉ trả khoảng 6% thuế hàng, trong khi anh Canada phải trả 15% thuế. Làm một sự so sánh nhỏ như vậy để mọi người thấy sự giàu có của nước Mỹ và người Mỹ, nó hơn gấp đôi Canada và tất cả các nước kỹ nghệ khác trên thế giới.

Thế mà trong cái xứ phồn thịnh bậc nhất đó lại có hơn một triệu người Việt Nam sinh sống. Hạnh phúc thay cho dân ta! Người ta nói một triệu người Mỹ gốc Việt nầy có lợi tức hàng năm tối thiểu là 20 tỷ đôla, cao hơn tổng sản lượng quốc dân của 70 triệu người trong xứ, và chỉ một cái búng tay, họ có thể về Việt Nam xây những dàn phóng hỏa tiễn để đưa dân Việt Nam lên cung trăng.

Nhưng người ta lại nói rằng cái chuyện có một triệu ông Việt mỗi năm lãnh 20 tỷ mỹ kim không phải là quan trọng nhất. Quan trọng hơn là nước Mỹ với 250 triệu dân và lợi tức 5-7 ngàn tỷ mỹ kim đang trở lại Việt Nam để yêu thương nước nầy. Đậy mới là hạnh phúc lớn cho những người Việt Nam. Ai không có cái may theo diện Quy-Mã (qua Mỹ) thì lại được hưởng cái phước của diện Mã-Quy (Mỹ qua).

Thần Kim Quy của hồ Hoàn Kiếm quả thật là linh thiêng. Người ta nói rằng vào một ngày nào đó mười năm về trước, thần đã bò ra khỏi hồ, trên lưng có khắc chữ Mã. Tương lai dân tộc Việt Nam từ đó được quyết định theo chữ Mã mà thần ban cho. Quy-Mã là số một rồi, mà Mã-Quy thì cũng tốt luôn.

Cái sự yêu thương của nước Mỹ đối với Việt Nam đã được thể hiện qua ông đại sứ Peterson, một cựu phi công bị bắt cầm tù nhiều năm trong nhà ngục Hỏa-lò, Hà Nội. Hằng ngày, ông chở Honda bà vợ Việt Nam đi dạo phố thăm dân rồi đi ăn phở như mọi người Hà Nội khác. Nói chuyện với ai, ông cũng bảo rằng ông yêu thương nước Việt Nam và sẽ làm hết sức mình để giúp Việt Nam. Chuyện nầy làm tôi nhớ lại chuyện một anh xì thẩu khi ngủ với một cô gái chơi đã thỏ thẻ rằng anh yêu em thật tình vì em giống người yêu trong mối tình đầu của anh, nhưng vì hoàn cảnh làm trắc trở tơ duyên, bây giờ gặp em, anh như sống lại mối tình đầu. Đàn ông đôi khi cũng đi nói *pillow-talk* trong nhà thổ. Nhưng luật nhà thổ là tiền trao... Anh móc tiền ra trước đi, rồi em sẽ tình cảm. Các ông CSVN cũng như một cô gái chơi, anh Mỹ móc đôla ra thì anh được ôm. Còn chuyện tình thì để mai xem lại, vì mới hôm qua anh mặc sắc phục anh bố ráp tôi.

Bạn hỏi tôi sao bây giờ Mỹ lại đi yêu Cộng

sản? Tôi không biết rõ, nhưng tôi cũng có nghe nhiều ông Mỹ nói rằng trên thực chất, Việt Nam không còn là Cộng sản nữa, Xã hội chủ nghĩa chỉ là chuyện ngoài lổ miệng thôi. Tôi đã tin như vậy vì tôi thấy mình phải tin vào lời nói của các nhà làm dư luận của Mỹ, cũng như 45 năm về trước, tôi và thế hệ của tôi đã tin vào tạp chí "Thế giới tự do" do phòng thông tin Mỹ phát hành. Tôi còn nghĩ thêm rằng nếu Hà Nội vẫn còn là Cộng sản thì cũng chẳng sao. Trong thế chiến thứ hai, Mỹ đã liên minh với Cộng sản Liên sô để đánh nhau với Đức quốc, liên minh với Cộng sản Trung hoa để đánh Nhật. Cộng sản hay không Cộng sản gì cũng không sao, miễn đi đúng nhu cầu của mình thì thôi.

Nhưng bạn lại thắc mắc hỏi câu hỏi khác, rằng thì là Mỹ yêu thương Cộng sản Việt Nam để được cái gì? Có quyền lợi kinh tế gì quan trọng đâu? Về cái chuyện đó thì tôi cũng không có câu trả lời chính xác vì chẳng nghe ông Mỹ nào nói rõ. Hồi đầu, ông Tổng thống Clinton bảo là Mỹ trở lại bang giao với Việt Nam là để tìm hài cốt, rồi mấy ông Nghị trong Quốc hội Mỹ cũng nói như vậy nên chẳng có ai tố cáo ai là nói láo, khiến mọi người cứ tin như vậy. Nhưng tới bây giờ thì nói chuyện tìm xác chết nghe hơi sượng nên các ông không nói gì nữa về chuyện ôm CSVN. Không được giải thích để hiểu cái LÝ của chuyện nầy, tôi chỉ có thể suy rằng đây là cái Nghiệp (nói theo nhà Phật) của cường quốc số một thế giới. Khi ta càng giàu, càng mạnh thì cái nghiệp càng to. Nước Mỹ phải lo sao cho tất cả các quốc gia Nam Mỹ được yên. Phải lo củng cố cái Liên minh quân sự Bắc Đại Tây dương để bảo vệ Âu châu. Lo dập tắt ngòi lửa ở xứ Palestine. Lo gõ đầu các anh Irak, Iran khi các anh nầy ngẩng đầu lên một chút. Phải đóng quân ở Nam Hàn để bảo vệ Nhật Bổn. Phải lo bảo vệ vùng Đông Nam Á vì cái nguy cơ Trung Quốc, trong khi lại đi buôn bán và trao kỹ thuật cho Trung Quốc vì việc buôn bán nầy đã củng cố kinh tế Mỹ. Mỹ làm tất cả những chuyện vất vả khắp thế giới không phải vì nhiệm vụ của một anh cảnh sát viên thế giới như người ta nói, mà vì những chuyện nầy là nguyên nhân và là hậu quả của cái vị thế cường quốc số một.

Bởi vì cái lý là: phải là cường quốc số một về quân sự rồi thì mới có thể là cường quốc số một về kinh tế. Nếu không, nếu chỉ biết chú tâm chế tạo xe hơi tốt hay máy bay tốt, nhưng rồi bị nước khác ép chuyện nầy, chuyện kia như làm khó về mậu dịch hay gây rắc rối trong việc cung cấp năng lượng thì không thể làm cường quốc kinh tế số một được. Đó là chưa nói chuyện mình có thể dùng cái thế số một của mình để đặt những điều kiện có lợi trong chuyện buôn bán v.v...

Chuyện Mỹ trở lại Việt Nam để ôm mấy anh Cộng sản nằm trong cái chiến lược quân sự của Mỹ ở Á châu, mà chiến lược nầy lại nằm trong chiến lược quân sự toàn cầu của Mỹ, để củng cố vị thế cường quốc quân sự số một của Mỹ. Mà củng cố vị thế cường quốc quân sự số một là để củng cố vị thế cường quốc kinh tế số một của Mỹ. Cộng sản Việt Nam có được Mỹ yêu là nhờ ở vị thế địa lý chánh trị đặc biệt của nước Việt Nam. Bạn không thấy sao, Cuba đâu có khác gì Việt Nam, nhưng Cuba cứ bị Mỹ bóp cổ trong khi Việt Nam được vuốt ve âu yếm.

Vì vậy, nếu bạn là một ông kỹ sư Mỹ gốc Việt, đang lãnh lương gấp đôi các ông kỹ sư khác khắp thế giới, bạn nên hiểu rằng việc Mỹ trở lại Việt Nam để ôm mấy ông Cộng sản là để gián tiếp củng cố cái kinh tế của bạn đó. Dĩ nhiên, theo logic mà nói, bạn phải ủng hộ chánh sách của Mỹ ở Việt Nam và cũng nên ưu ái các ông lãnh tụ ở Hà Nội như ông đại sứ của bạn. (Tôi viết điều nầy một cách nghiêm chỉnh đó bạn).

Nhưng tôi biết rằng bạn sẽ quật lại tôi vì bạn là người yêu chuộng dân chủ và đang tranh đấu cho nhân quyền, bạn phải chống lại bọn độc tài Cộng sản Việt Nam, phải ăn thua đủ với chúng. Đồng ý với bạn, nhưng xin bạn cứ yên tâm. Nước Mỹ cũng là nước tranh đấu mạnh cho nhân quyền. Về cái chuyện tranh đấu nầy thì chánh phủ của bạn đã có cái liều lượng của họ và tôi nghĩ rằng bạn không tính trúng hơn họ đâu. Giả sử bạn tính trúng hơn thì bạn cũng không có phương tiện gì bắt ông chánh phủ Mỹ xài thuốc của bạn. Về phần bạn thì bạn không có đôla để bào chế cái thuốc đó để mang nó về Việt Nam. Vì vậy, bạn nên yên tâm giao chuyện nhân quyền cho chánh phủ của bạn. Bạn làm lôi thôi chỉ có thể làm phiền cho chánh phủ. Tôi nói điều nầy không phải vì tôi sáng suốt gì hơn bạn đâu, mà vì tôi thấy ông đại sứ Peterson cũng có ý nói như vậy khi ông đi nói chuyện với cộng đồng Việt Nam bên Cali năm rồi. Bạn nên tin ông đại sứ.

Còn về chuyện dân chủ thì tôi lại càng tin Mỹ hơn. Mỹ đã đi đánh nhau khắp thế giới để

chống bọn độc tài Quốc xã hay bọn độc tài Cộng sản, không còn nghi ngờ gì nữa cả. Nhưng bạn phải hiểu là mức độ dân chủ mỗi nước không giống nhau nên Mỹ thường phải đi ôm những đứa dơ mà ngủ. Nếu Mỹ đã có những đồng minh cật ruột như Marcos (Phi), Mobutu (Congo), Pinochet (Chili), Suharto (Indonesia) và vài ba chục anh như vậy ở khắp nơi trong quá khứ thì nay nếu họ có đi ôm Cộng sản Việt Nam thì... cũng vậy thôi. Biết rằng cái cô gái nầy là gái chơi, nhưng cô ta hấp dẫn. Cứ bỏ tiền bao cô ta rồi từ từ sửa cách ăn diện để hoàn lương cô ta. Đó là diễn tiến hòa bình đó bạn. Thiết nghĩ, bạn cũng nên theo con đường nầy. Bạn nên về Hà Nội, đi dạo phố, đi ăn phở, rồi bạn nói rằng bạn trở về là vì yêu dân Việt Nam, như ông đại sứ. Bạn cũng nên mang tiền về giúp cơ quan nầy, tổ chức kia, làm dự án nầy, dự án khác. Tôi nghe nói cơ quan du lịch Hải Phòng đang phá sản vì thiếu nhiều nợ và những người Trung Hoa liên doanh đã dông mất, bạn có thể kêu gọi bạn bè bỏ vốn ra đầu tư vào đó để cứu một cơ quan chánh phủ. Nhưng rủi các dự án không thành thì cũng không nên buồn. Bạn cứ xem, từ hơn mười năm qua, các cơ quan tài chánh quốc tế như WB, IMF, ADB đã viện trợ cho Việt Nam hơn một chục tỷ đôla với điều kiện là Việt Nam phải đổi mới cái nọ, cải tổ cái kia, nhưng rốt cuộc chẳng có gì thay đổi. Nhà nước vẫn cửa quyền, quan chức vẫn cứ tham nhũng, xí nghiệp quốc doanh vẫn nợ nần ngập tới cổ, hệ thống ngân hàng vẫn mục nát, luật lệ vẫn cứ lơ ngơ..., nhưng người ta vẫn cứ kiên trì cho tiền. Nếu bạn có theo dõi tin tức Việt Nam thì bạn đã thấy là trong sáu tháng qua, các cơ quan quốc tế hò hét, bảo rằng phải thay đổi thế nầy, thế kia, nếu không thì sẽ cúp viện trợ, nhưng Hà Nội vẫn cứ tỉnh bơ. Thế rồi các cơ quan quốc tế cũng lại phải viện trợ 2 tỷ 7 đôla cho năm 1999. Quả là trí tuệ, biết người, biết ta. Cái chân lý của chuyện nầy là Việt Nam có đổi mới hay không đổi mới chỉ là chuyện phụ. Chuyện chánh là Việt Nam để cho Mỹ ôm, đừng để chú Ba Tàu ôm. Là một người Mỹ, bạn không nên phá chuyện yêu đương nầy. Ngược lại, bạn phải về Việt Nam tổ chức du lịch xe đạp với các cán bộ, cũng như quý ông cựu chiến binh Mỹ vừa làm một chuyến xe đạp với các cựu chiến binh Cộng sản Việt Nam. Đứa cháu tôi, 14 tuổi, sanh bên Mỹ, đã rất xúc động khi xem cái phim về chuyện nầy.

Bạn có vẻ không bằng lòng về những ý kiến của tôi vì bạn vốn là người tranh đấu. Tôi hiểu. Dĩ nhiên là bạn có thể có những sáng kiến riêng và có thể nói những điều mà ông đại sứ không thể nói được, như là chỉ trích luật quản chế mới công bố của chánh quyền Việt Nam để họ muốn nhốt ai thì nhốt. Bạn có thể làm những chỉ trích cục bộ vì đó là những chuyện mà mọi người dân Mỹ đều được khuyến khích làm. Nhưng bạn không được bạo động, dù trên đất Mỹ hay trên đất Việt Nam. Đây là một điều cấm kỵ vì bạn cũng hiểu rằng ngoài chuyện bạo động thì bạn không có cách hoạt động nào có thể thay đổi chiến lược của Mỹ ở Việt Nam. Người Cuba ở Florida có sức mạnh chánh trị gấp trăm lần người Việt Nam, nhưng những nhóm Cuba toan tính gây bạo động để gây nhiễu loạn trong chánh sách của Mỹ ở Cuba đã bị Mỹ tiêu diệt.

Bạn lại không đồng ý với tôi và bảo rằng không thể như thế được, vì nếu như thế thì nản quá, và không có hy vọng thấy một nước Việt Nam tự do dân chủ. Xin bạn đừng bi quan như vậy. Nó sẽ như vậy nếu trên đời nầy chỉ có bạn và tôi. May thay, cũng còn có người khác.

Bạn sẽ hỏi tôi người khác là ai? Xin thưa rằng đó là những người ở Việt Nam và cái chuyện tự do dân chủ thế nào là chuyện của chính họ. Họ không thuộc phe bạn và tôi, cũng không thuộc phe Cộng sản. Họ là những người ngoại đạo. Họ không theo đạo Cộng sản, cũng không theo đạo Mỹ. Dĩ nhiên là những người nầy sẽ không theo kinh sách của Mỹ như bạn và tôi và họ sẽ làm cái gì đó vì nhu cầu tự nhiên, chứ không phải vì sách dạy.

Bạn hỏi tôi có phải tôi muốn nói tới các ông đảng viên tiến bộ trong đảng Cộng sản Việt Nam phải không. Xin thưa thật là tôi không biết nhiều về những vị nầy. Theo tôi nghĩ thì họ là những người thấy cái sai của chế độ, họ cảm thấy bực bội và nhục nhã vì cái chế độ mà họ đã góp công xây dựng. Như vậy, họ là những người tốt. Tôi hy vọng rằng họ cũng hiểu nghĩa chữ dân chủ như tôi. Từ lúc 10 tuổi tới bây giờ, tôi đã nghe rất nhiều người nói dân chủ, từ bác Hồ cho tới cụ Ngô, nhưng họ đã giải thích và thi hành dân chủ theo kinh thánh của họ, cũng như ông Hum Sen của xứ Cambốt đã giải thích và thi hành dân chủ theo kinh sách của ông ta. Tôi cũng mong sao họ bỏ được cái triết lý chánh trị "được làm vua, thua làm giặc" thì mới có thể nói chuyện dân chủ.

Chứ còn cứ nghĩ rằng đảng đã thắng chiến tranh thì dân tộc phải mang ơn đảng và vì vậy, đảng có quyền lãnh đạo dài dài thì khó mà có dân chủ. Ông Thủ tướng Anh Churchill đã lãnh đạo thắng lợi thế chiến thứ hai, nhưng đã thất cử ngay sau đó vì lãnh đạo kinh tế quá dở. Ông ta đã vui vẻ rút lui. Dân Anh quả có tinh thần dân chủ!

Tôi thì tôi cũng hiểu chữ dân chủ theo cái nghĩa tự do bầu cử của từng người dân. Người dân bỏ phiếu vì quyền lợi thiết thực của mình, không dựa vào lịch sử, triết học hay trật tự thế giới nào cả. Người dân là những người không theo một tôn giáo chánh trị nào, họ ngoại đạo. Tôi biết họ vì trước kia tôi cũng là một người ngoại đạo. Lúc tôi sáu tuổi (1945), mỗi ngày tôi đều thấy xác chết trôi sông ngang nhà tôi. Hỏi cha tôi thì ông nói đó là những người bị Việt Minh giết. Lúc tôi tám tuổi thì tôi lại thấy nhà hàng xóm bị Tây đốt và Tây bắn chết cha thằng bạn của tôi vì ông nầy nghe Tây đến đã bỏ chạy. Vì vậy, tôi đã không theo đạo Cộng sản hay đạo Tây. Khi Mỹ đến thế chân Tây thì tôi đã vui mừng theo đạo Mỹ. Nhưng không may cho tôi là tôi đã thấy tình hình Việt Nam giống như những gì CIA đã thấy nên đã lại không theo đạo Mỹ. (Hồ sơ CIA vừa được giải mật báo cáo rằng các chánh phủ ở miền Nam không có khả năng chống Cộng vì không có hậu thuẫn của dân chúng. CIA cũng đã khuyến cáo chánh phủ Mỹ không nên đem quân vào Việt Nam để đưa cường độ chiến tranh lên cao. Nhưng các nhà lãnh đạo Mỹ đã không coi yếu tố dân chúng Việt Nam là quan trọng trong chiến tranh mà chỉ tin tưởng vào hỏa lực của Mỹ).

Từ 24 năm qua, sống trên Bắc Mỹ, tôi không rửa tội, không đọc kinh, nhưng tôi biết rằng tôi đã theo đạo Mỹ, như một con thú đã mặc nhiên thích nghi với môi trường của nó. Tuy vậy, tôi vẫn hiểu biết về những người ngoại đạo ở Việt Nam. Đó là những người sau 1975 đã làm thất bại chánh sách tập thể hóa nông nghiệp và doanh nghiệp của Cộng sản ở miền Nam. Đó cũng là những người trong 10 năm qua đã làm cho Cộng sản tưởng rằng Cộng sản đã thành công với chánh sách "kinh tế thị trường được điều hướng bởi Xã hội chủ nghĩa." Những người đó, chính họ hay cha anh của họ, đã dại dột không ủng hộ các chánh phủ do Tây và Mỹ rửa tội, khiến miền Nam đã thua miền Bắc và họ đã trở thành những tội đồ. Nhưng bây giờ, họ đang thích thú thấy sự trở lại của Mỹ và rất hưởng ứng chánh sách diễn tiến hòa bình của Mỹ. Nhưng rồi bạn sẽ thấy, nếu chánh sách nầy không mang lại những gì họ mong chờ thì họ sẽ làm những chuyện mà cả Mỹ lẫn Cộng sản sẽ không ngờ.

Tôi thấy rằng bạn và chánh phủ của bạn đang giúp nhiều cho họ. Nhưng tôi cũng biết rằng vì chiến lược của Mỹ mà sự giúp đỡ đó sẽ bị hạn chế. Cũng như ngày xưa, khi Mỹ giúp Việt Nam Cộng hòa đánh nhau với Cộng sản, Mỹ chỉ giúp một cách hạn chế khiến phe miền Nam không thể có một chiến lược chiến tranh nào cả, đánh lớn, đánh nhỏ, đánh cách nào đều do Mỹ hoạch định rồi cho phương tiện. Ngược lại, miền Bắc, tuy nhận viện trợ của Liên Xô và Trung Quốc, đã có khả năng hoạch định chiến lược của họ một cách độc lập. Đến cái chuyện bỏ chạy, giao miền Nam cho Cộng sản cũng do Mỹ hoạch định từ A tới Z. (Những ông viết sách nói chiến lược của phe ta là thế nọ, thế kia là những ông giàu óc tưởng tượng). Bây giờ thì cũng thế thôi. Mỹ cũng đang giúp mang lại cho dân Việt Nam một chút tự do, nhưng vì muốn ăn nằm với Cộng sản Việt Nam nên Mỹ cũng có những hạn chế. Nhưng vì dân chúng Việt Nam đa số là những người ngoại đạo, họ không biết những hạn chế chiến lược đó, mà Mỹ cũng không điều hướng được họ, thành ra bài bản của họ không giống ai hết. Tôi lấy một thí dụ: có một ông bị Cộng sản tuyên án tử hình. Trong đợt thả tù hôm trước, chúa ngục gọi ông ta lên văn phòng bảo ký giấy xin ân xá, ông ta hỏi chứ xin ân xá về tội gì, rồi về phòng giam tuyệt thực bảy ngày để phản đối chuyện bắt ông xin ân xá. Ông đại sứ Mỹ nghe chuyện nầy chắc không vui vì ông nọ không biết bài bản gì hết. Nhưng những người như ông là ngọn đuốc soi đường cho dân tộc Việt Nam từ mấy ngàn năm nay. Nếu không thì bạn và tôi bây giờ chắc đang nói tiếng... Tàu. Tôi chỉ mong được về Việt Nam để được nhìn mặt ông ta. Tôi lạc quan vì thấy có những người như ông nầy, ngoài chuyện thấy có bạn và chánh phủ của bạn đang lo lắng cho Việt Nam.

Bạn cũng nên lạc quan như tôi đi. Chúng ta đang ở mùa Super Bowl và cái đội San Fran của bạn đã thắng đội Green Bay trong ba giây sau cùng của trận đấu. Làm sao họ có thể lật ngược thế cờ trong ba giây nếu họ không lạc quan và quyết tâm?●

Montreal 10/01/1999

NGƯỜI VIỆT ĐÔNG ÂU CHÚNG TA LÀ AI?

BÙI TÍN

LTS. *Ngày 21 tháng 12 năm 1998 Liên Đoàn Thanh Niên Dân Chủ Việt Nam đã tổ chức một hội nghị tại thành phố Munich, nước Cộng Hòa Liên Bang Đức, nhằm mục đích tạo thêm sự đoàn kết giữa các hội đoàn và tổ chức chính trị, đồng thời tìm hiểu thêm tình hình chính trị trong nước nhằm đưa ra mục tiêu thích hợp cho phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ cho Việt Nam.*

Ngoài các đại diện hội đoàn, tổ chức ở Đông Âu, còn có sự góp mặt đặc biệt của hai người ở xa đến là nhà báo Bùi Tín từ Paris và đặc phái viên Hoàng Trọng Thụy của đài phát thanh VNCR từ California. Sau đây là bài nói chuyện của ông Bùi Tín tại hội nghị về tình hình người Việt tại Đông Âu và tình hình Việt Nam hiện tại.

*

Tập thể người Việt ở Đông Âu

Người Việt Đông Âu chúng ta là một tập thể, có những nét đặc thù khá lý thú. Chúng ta ra đi phần lớn là từ miền Bắc Xã hội chủ nghĩa ở thời kỳ còn phe Xã hội chủ nghĩa và ở thời kỳ còn cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống, đang ở thời kỳ quyết liệt. Một số còn ra đi trước nữa, từ thời còn chiến tranh.

Hiện nay, Người Việt Đông Âu là tên gọi chung chỉ ra một tập thể của những anh em học sinh, sinh viên lao động ở các nước Đông Âu và tập hợp lại thành những tổ chức để có thể phát huy các tác dụng của mình trong cuộc đấu tranh nhằm kết thúc chế độ độc đoán trong nước, nhằm xây dựng một chế độ tiến bộ, dân chủ, công bằng ở đất nước ta.

Chính vì đã từng sinh sống ở Chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Việt Nam mà các bạn hiểu sâu sắc hơn những tập thể khác ở hải ngoại về thế nào là Chủ nghĩa xã hội hiện thực, thế nào là sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam: những mặt tệ hại của nó mà chúng ta càng thấy càng ngày càng sâu sắc trong tận xương tủy của chúng ta.

Tiếp nữa là chúng ta lại từng sống trong nước có ít nhiều tự do, nhìn thấy sự kết thúc Chủ nghĩa xã hội ngay trên những vùng của Đông Âu này nên chúng ta cũng chứng kiến sự sụp đổ của những chế độ độc đoán và đồng thời chúng ta cũng tận hưởng được không khí tự do, nền dân chủ đa nguyên và từ đó chúng ta cũng có kinh nghiệm thiết thân là tính ưu việt của nền dân chủ đa nguyên đã đem lại cho một xã hội như thế này. Và thời kỳ chuyển tiếp từ chế độ độc đoán sang một chế độ dân chủ nó là cả một quá trình chuyển biến khó khăn, phức tạp nhưng tất yếu thắng lợi.

Chính do chúng ta là một tập thể có những nét đặc thù như thế cho nên chúng ta cũng có điều kiện để nhận rõ trách nhiệm của mình là phải làm một cái gì đó để sớm kết thúc những cái gì gọi là tiêu cực, xấu xa, tệ hại trên đất nước ta. Và hãy nung nấu, làm thế nào để đồng bào thân yêu ruột thịt của chúng ta trong nước Việt Nam, mau được hưởng những thành tựu của loài người, những thành tựu không những về khoa học kỹ thuật mà còn về xã hội, những thành tựu của một chế độ chính trị tiên tiến.

Thế mạnh của người Việt ở Đông Âu

Thế mạnh của người Việt Đông Âu là hiện nay chúng ta đang có những mối quan hệ nhiều mặt với trong nước: Về gia đình, vợ con, bố mẹ, thầy giáo, bạn học... Chính mối quan hệ đó làm chúng ta không thể cắt đứt được với

trong nước; chúng ta nhận được những thông tin cụ thể trong nước đồng thời chúng ta có thể giúp đỡ trong nước được về vấn đề vật chất, và cả về vấn đề thông tin.

Đây là thế mạnh, như chúng ta đã nhiều lần nhận định, cuộc đấu tranh để cải biên một chế độ chính trị trước hết phải do chính đồng bào trong nước làm nhiệm vụ trực tiếp đó — chỉ có đồng bào trong nước mới có khả năng này. Nhưng đồng thời trong tình hình hiện nay, tình hình đấu tranh trực tiếp của đồng bào trong nước không thể nào duy trì và phát triển được nếu không có sự hỗ trợ của cộng đồng người Việt ở nước ngoài, đây là nhu cầu sinh tử trong cuộc đấu tranh của đồng bào trong nước mà điều này càng ngày chúng ta càng thấy rõ.

Tất cả những tài liệu trong nước tán phát đều bị truy chụp, ngăn chặn nhưng khi phóng ra ngoài chúng ta lại đưa về trở lại thì nó lại phổ biến trong nước: nó phản hồi được, nó nhân bản được nên chúng ta chính là lực lượng tăng âm, tăng lực nhân lên những tiếng nói chính nghĩa trong nước lên gấp hàng trăm lần để trở lại phổ biến, quảng bá lại cho hàng triệu đồng bào của chúng ta trong nước. Chính chúng ta đã làm việc tiếp nhận những tài liệu trong nước rồi phổ biến cho đồng bào ngoài này, qua đó bằng nhiều cách, lại đưa trở vào trong nước. Nếu không có việc nhân bản, tăng âm đó thì phong trào trong nước sẽ bị dập tắt, không thể nào duy trì và phát triển được. Vì thế chúng ta phải thấy rằng trong năm năm qua, cuộc đấu tranh đầy khó khăn của những yếu tố dân chủ, những nhân sĩ dân chủ, những chiến sĩ dân chủ trong nước sở dĩ duy trì được và đang có chiều hướng phát triển chính là có công sức góp phần rất thiết thực của người Việt Đông Âu chúng ta nói riêng, cũng như sự kết hợp chung của những lực lượng có thiện chí của cộng đồng người Việt nước ngoài nói chung.

Đây là một thế mạnh chúng ta cần tận dụng, nó là một cầu nối sinh tử mà chúng ta phải làm mạnh hơn nữa mà điều này chế độ độc đoán trong nước họ rất hiểu, họ cố ngăn chặn, cố bưng bít, làm thế nào để bịt mồm các chiến sĩ dân chủ trong nước, cố kiểm soát chặt chẽ để mối liên lạc giữa trong nước và ngoài nước qua những người đi du lịch, về thăm gia đình cũng như đi qua mạng lưới thư tín, điện thoại, điện toán... mà hệ thống an ninh công an trong nước kiểm soát rất chặn chẽ để chặn đứng. Nhưng họ càng chặn bao nhiêu, chúng ta lại càng mạnh mẽ làm gấp nhiều lần bấy nhiêu mà bây giờ kết quả cho thấy rất tốt đẹp là chúng ta đã duy trì được mối quan hệ trong và ngoài nước: thường xuyên, cập nhật để cung cấp những tin tức cho đồng bào bên ngoài.

Do đó, chúng ta nhận thức rõ trách nhiệm của chúng ta. Chúng ta đã không hoài công phí sức tất cả những công việc mà các bạn làm trong năm năm nay. Các bạn đã hy sinh rất nhiều thời gian, rất nhiều giá trị vật chất của bản thân mình, rất nhiều suy nghĩ và tình cảm để làm việc hết sức đáng quí, hết sức cao quí, tự hào rằng: chúng ta đóng góp được phần đáng kể trong quá trình dân chủ hóa đất nước. Mỗi người đã góp công sức, góp một tay, một phần cố gắng của mình để đạt đến điều này.

Báo chí ở Đông Âu

Một số người Việt Đông Âu đã xuất bản báo. Các bạn không những là một chiến sĩ hoạt động trên lãnh vực chính trị mà các bạn còn là nhà báo. Đã có 40 tờ báo lớn, nhỏ, mới, cũ, đã xuất hiện trong mấy năm qua. Có người nhận xét, đây là những động cơ để làm giấy xin ở lại, nhưng chúng ta cũng nhận thấy rằng đây là động cơ trong sáng dù kết hợp với điểm xin giấy tờ ở lại cũng là thỏa đáng và có rất nhiều anh chị em đã có giấy tờ nhưng vẫn kiên nhẫn lao vào công việc làm báo.

Trong khi nền báo chí trong nước đang phát triển khá mạnh về hình thức, như: lòe loẹt về mặt trình bày, có hưởng được chút ít tự do ăn nói so với sự nhàm chán của trước kia, nhưng vẫn là một nền báo chí chịu sự kiểm soát và bịt mồm của một chế độ độc đoán. Chính lý do đó mà các báo dân chủ ở ngoài nước phải đóng góp làm vai trò thế chân, có người gọi theo chữ Hán là vai trò điền thế, việc làm báo ở đây cũng chính là sự nghiệp báo chí của dân tộc, đất nước Việt Nam. Chúng ta không chấp nhận nền báo chí ở trong nước mặc dù có một số bài báo tốt, mặc dầu có khá nhiều nhà báo trong nước có lương tâm, nhưng họ bị hạn chế.

Chúng ta phải làm công việc điền thế, là xây dựng nền báo chí hải ngoại đồng thời thay mặt cho những người làm báo ở trong nước bị bịt mồm, trói tay để nói lên sự thật, chúng ta phải thấy chúng ta tuy ít nhưng chúng ta phải thay thế cho hơn 10 nghìn người làm báo ở trong nước để đảm nhận sứ mạng thông tin,

trung thực cho cộng đồng và cho người Việt trong nước. Đây là sứ mệnh khá nặng nề, nó thôi thúc chúng ta phải xây dựng từng tờ báo một, từng bài báo có chất lượng, những bài báo đáp ứng được đúng yêu cầu của xã hội Việt Nam, phân tích có lý lẽ, sức thuyết phục, tăng cường đoàn kết trong cộng đồng và tải về những kinh nghiệm, những suy nghĩ mới cho đồng bào đang bị bưng bít trong nước. Lịch sử báo chí Việt Nam, đặc biệt là lịch sử báo chí Việt Nam tiến bộ và dân chủ, chắc chắn sẽ ghi nhận công sức của đội ngũ làm báo của chúng ta ở Đông Âu hiện nay.

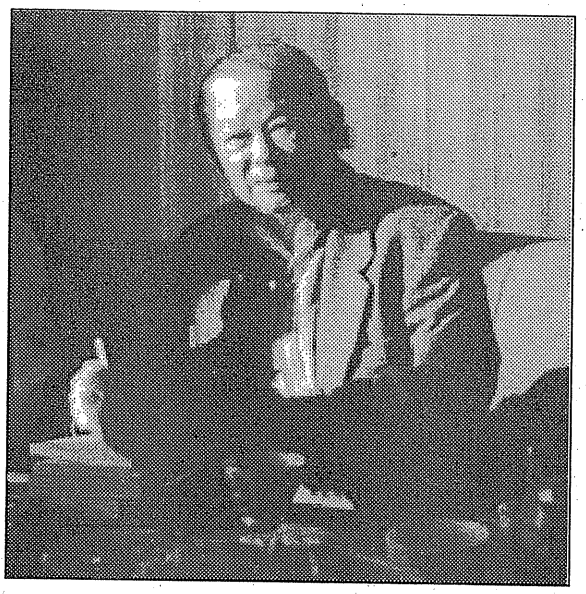

Bùi Tín

Từ lý do đó, vị trí, vai trò của người Việt Đông Âu càng ngày càng phát huy. Chúng ta phải rất khiêm tốn nhưng chúng ta tự tin là những công việc của chúng ta làm là đúng và có hiệu quả. Đồng thời chúng ta lại có trách nhiệm là mở rộng thành quả, tỏa rộng, để chinh phục, thuyết phục được những trí tuệ trẻ trong cộng đồng khác phối hợp hành động với chúng ta, vì lực lượng chúng ta vẫn còn ít. Chúng ta có hướng chính trị đúng, chúng ta làm thế nào để phát huy hướng chính trị đó ra các đoàn thể Việt Nam khác ở hải ngoại bằng sức thuyết phục của chúng ta.

Khẩu hiệu chống Cộng

Báo chí hải ngoại thì rất nhiều, và tổ chức hải ngoại cũng nhiều, riêng ở Mỹ đã có trên 300 tổ chức, nhưng chúng ta thấy rằng những tổ chức đó ít có hiệu quả về mặt thúc đẩy được phong trào trong nước. Sự kém hiệu quả đó do nhiều nguyên nhân, mà nguyên nhân quan trọng là nguyên nhân lịch sử. Nhiều tổ chức hải ngoại còn mang những cái tên, mà những tên này đã thuộc về lịch sử, không còn cập nhật. Về cơ bản, đấu tranh Quốc - Cộng đã kết thúc, đã thuộc về lịch sử. Bây giờ là cuộc đấu tranh hoàn toàn mới, đó là đấu tranh giữa Dân Chủ và Độc Đoán, chống độc đoán để xây dựng dân chủ. Vì thế tất cả những lực lượng nào dù là Cộng Sản hay không Cộng Sản, hay Quốc Gia cũ, miễn là có tinh thần dân chủ, miễn là đồng tâm đi đến chấm dứt bằng cách nào đó chế độ độc đoán thì chúng ta phải bắt tay.

Tôi nói khẩu hiệu "chống Cộng" là khẩu hiệu không thích hợp hiện nay không phải là tôi luyến tiếc gì cái chủ nghĩa Cộng Sản, nhưng vì tôi nghĩ rằng ở trong nước chỉ còn có hai triệu người mang danh là Cộng Sản. Trong hai triệu người đó ít nhất có 1/10, tức là khoảng 20 vạn người có những mầm mống tinh thần tiến bộ dân chủ trong sạch mà tôi tạm gọi là những người cộng sản có lương tâm. Điều này nếu những người có định kiến với cộng sản thì không nghe xuôi tai, nhưng đấy là sự thật. Ông Trần Độ là ai, ông Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Bùi Minh Quốc là ai, bà Dương Thu Hương là ai? Riêng Hà Sĩ Phu, Nguyễn Thanh Giang chưa phải là Đảng viên, nhưng tất cả những người khác, đại bộ phận những chiến sĩ dân chủ nổi tiếng trong nước đều đã là đảng viên hoặc hiện nay vẫn còn là đảng viên và vẫn còn có một tiềm năng dân chủ nằm trong lòng của tổ chức của Đảng Cộng Sản Việt Nam ít nhất cũng 1/10 theo tôi biết.

Nếu chúng ta gọi là chống Cộng, là chúng ta đẩy họ đi về phía không phải của chúng ta, trong khi chúng ta cần tranh thủ, coi là bạn đồng minh. Vì khá đông người trong nước có mang tinh thần quốc gia, rất nhiều người Cộng Sản mang tinh thần quốc gia, thậm chí đậm nữa là khác qua sự đóng góp đấu tranh chống Pháp, giúp giữ độc lập và thực tế đã đi đến thống nhất đất nước không có sự có mặt của người nước ngoài.

Vì vậy những người Việt Đông Âu của chúng ta phải hiểu, chúng ta là ai? Chúng ta

nên bắt tay như thế nào, bắt tay với những ai và thuyết phục như thế nào để mở rộng hàng ngũ đấu tranh cho dân chủ ở trong nước, để hỗ trợ đắc lực cho đồng bào trong nước.

Tôi nói về chuyện không nên dùng danh từ "chống Cộng" tràn lan, và không nên dùng danh từ "quốc gia" đã cũ, là nói theo tâm lý của gần 80 triệu đồng bào ở trong nước là như thế. Về những người Cộng Sản, không phải là bác bỏ họ hoàn toàn 100%, họ cũng có một phần công lao, một phần tội lỗi và trong đó có những phần cần phải thải bỏ, trừng trị, nhưng mà vẫn có những bộ phận ta cần phải lưu giữ và phát triển thành lực lượng lành mạnh của dân tộc trong thời kỳ mới: đó là những người có ý thức dân chủ, có những ý thức công bằng xã hội. Vụ Thái Bình là bài học rất thiết thân. Thực hiện cuộc nổi dậy ở Thái Bình là ai, quần chúng ấy là ai? Chính là đông đảo nông dân quá nghèo khổ. Mà những người nông dân đó là ai? Một tỉ lệ là đảng viên, một tỉ lệ nữa là người về hưu, phần lớn người về hưu ở Thái Bình tham gia là 80% là đảng viên cũ: huyện uỷ viên tham gia, bí thư chi bộ cũ tham gia, chống những đảng viên đương chức cầm quyền thối nát, chống bọn cường hào mới. Cựu chiến binh, trong đó có rất nhiều đoàn viên Đoàn Cộng Sản Hồ Chí Minh tham gia. Chính sự tham gia biểu dương lực lượng đòi công lý ở Thái Bình cho thấy là chúng ta nên bắt tay với ai. Không được vơ đũa cả nắm, và nên trân trọng những lực nào chúng ta tính trong đội ngũ chúng ta, để có thể xây dựng chế độ tiến bộ mới.

Trên đây là một vài điểm được nói qua để các bạn thấy: chúng ta là ai? Và chúng ta phải bắt tay với ai? Và như thế nào?

Trong cái bắt tay liên minh với bất cứ lực lượng nào, chúng ta phải giữ vững bản sắc của chúng ta. Chúng ta phải tự tin những suy nghĩ về chính trị của chúng ta là đúng để chúng ta bảo vệ, nhưng đồng thời chúng ta phải giữ một thái độ rất là khiêm tốn, không nên trịch thượng, dạy bảo người khác mà chúng ta phải kiên trì đến gần họ, chìa ra bàn tay anh em, nói chuyện một cách bình tĩnh, ngay thật và nói rõ rằng vì thương nhau mà chúng ta góp ý. Chúng ta càng căm giận chế độ áp bức bao nhiêu, chúng ta càng tìm ra cách đấu tranh khôn ngoan nhất, cách tập hợp lực lượng tốt nhất, và chĩa đúng vào những điểm chúng ta có thể chiến thắng. Còn những người hô hào chống Cộng, căm thù Cộng Sản nhưng lại không tìm ra được cách để tập hợp lực lượng, để thúc đẩy đấu tranh dân chủ, thì tất cả cảm xúc, tình cảm sôi nổi của họ cũng bằng không, thậm chí những người cực đoan như thế còn đóng góp vô tình cho sự củng cố của chế độ độc đoán.

Tư bản không luật pháp - Cộng sản không linh hồn

Hiện nay nghiên cứu theo dõi tiến trình trong nước, có thể tóm tắt những điểm đại thể như sau:

1. Vào năm 1993 ông Phan Văn Khải phát biểu tại Paris:"Hồi năm 91, chúng tôi lo dữ lắm, không biết mình có trụ lại nổi không, nhưng may mà bây giờ phải nói là chúng ta trụ lại được rồi." Như vậy Đảng và Nhà nước Cộng Sản Việt Nam đã có lúc đã hốt hoảng, run sợ trước sự đổ vỡ của Liên Xô, sợ sự đổ vỡ dây chuyền của Đông Âu, Nhưng sau các sự kiện này, từ năm 1993 đến 1995, họ dần tự tin, lạc quan vì tình hình đất nước phát triển, vốn đầu tư nước ngoài vào với mức rất cao (hơn 1 tỷ Mỹ kim). Nhà nước bắt đầu các công trình xây dựng lớn như điện, đường sá...

Ba năm trở lại đây không khí lạc quan, tự tin đó dần dần biến mất, và cho đến đầu năm nay bắt đầu sợ, sợ nhưng vẫn còn gượng nghĩ rằng cuộc khủng hoảng tài chính của khu vực Đông Nam Á bắt đầu từ tháng Bảy năm ngoái ở Thái Lan may ra Việt Nam có thể tránh né được, nên họ vẫn tuyên bố: tỉ lệ 9% phát triển còn có thể cố đạt được trong năm nay. Nhưng vừa rồi tại Hội nghị Trung ương 6, họ đã buộc điều chỉnh lại từ 9% hạ xuống 6%, đây là một bước lùi lớn nhưng những vị đại diện của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (World Bank) nói rằng: khó có thể đạt được trên 3% năm nay. Như vậy chỉ trong vòng một tháng rưỡi nữa chúng ta sẽ biết tất cả những con số chính thức, theo dự đoán thì may ra có thể đạt được khoảng 4%, trừ đi 2% phát triển dân số còn lại là phát triển 2% rất là khó khăn.

2. Tình trạng tham nhũng mà ông Võ Văn Kiệt năm kia, đã đề bạt lên cấp "Quốc nạn" - không có cách gì có thể giải quyết được. Qua bao nhiêu cuộc họp, bao nhiêu cuộc tổng thanh tra, xây dựng hệ thống lực lượng chống tham nhũng, cho đến nay người ta kết luận: Tham nhũng chưa hề có xu hướng giảm mà vẫn tăng. Càng chống càng tăng. Như thế đây là vấn đề bất trị, nó ngốn không biết bao

nhiêu của cải của xã hội. Tôi có gặp một số chủ công ty người Pháp sang đầu tư tại Việt Nam về, họ đã tóm tắt: Định hướng xây dựng kinh tế thị trường theo Xã hội chủ nghĩa, đây là một sự kết hợp, kết hôn thật kỳ quặc, giữa một bên là chủ nghĩa tư bản không có xương sống (Chủ nghĩa tư bản theo định nghĩa, xương sống của nó là hệ thống pháp luật), với chủ nghĩa xã hội mất linh hồn (ở Việt Nam hiện nay lại không có luật pháp, mà chỉ theo chỉ thị của Đảng).

Chủ nghĩa xã hội mất linh hồn được định nghĩa theo những nhà đầu tư Pháp này là, những trợ cấp an sinh xã hội đã bị mất. Miền Bắc Việt Nam trước năm 1975 có hai trợ cấp xã hội lớn là học phí không mất tiền từ cấp tiểu học lên đại học, và chữa bệnh, mổ xẻ đều không mất tiền từ các xã, huyện, đến thành phố. Hai sự trợ cấp trên là nhờ sự chi viện ghê gớm của Trung Quốc, Liên Xô, Đức, Ba Lan... tất cả những nước xã hội chủ nghĩa trước đây xúm vào giúp đỡ. Nhưng hiện nay hai điều này không còn nữa. Tại Việt Nam hiện nay, nếu ai bị đau ốm vào bệnh viện là một tai họa; những người thất nghiệp không có trợ cấp xã hội; những người về hưu số tiền phụ cấp không đáng kể, không đủ mua gạo để ăn trong vòng một tuần lễ. Đây là một sự kiện rất khủng khiếp.

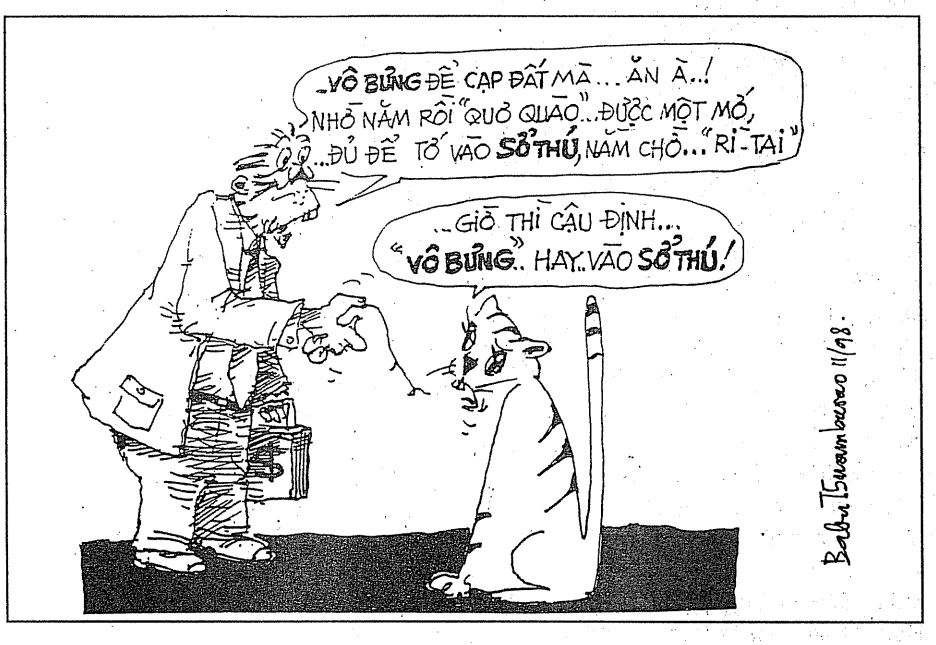

Một chủ nghĩa tư bản không có xương sống với một chủ nghĩa xã hội không có linh hồn, hai cái kết hợp lại, sẽ đẻ ra quái thai đầy dẫy những tiêu cực: tài sản của đất nước bị hoang phí, bán chác, chia nhau từ rừng đến biển. Cho đến lúa gạo được mùa lớn như hiện nay, xuất cảng đến hơn ba triệu tấn năm 1998, nhưng nông dân vẫn chịu thiệt thòi nhất vì họ phải è cổ ra bán với giá rẻ mạt để hệ thống trung gian ở giữa thu mua đã lấy lãi lớn.

Nhà giột từ nóc giột xuống

Khoảng hơn ba tháng nay, một sự kiện đặc biệt là trong nước chưa bao giờ nói nhiều đến dân chủ như hiện nay: Nghị quyết về dân chủ, thể thức về dân chủ, quy chế về dân chủ. Về quy chế dân chủ, chính phủ Việt Nam đã ban hành hơn 300 điều khoản ở cấp xã, huyện, chính quyền phải trả lời những phiếu dân kiện, phải minh bạch ngân sách cho nhân dân... Nhưng chỉ ở cấp cơ sở, còn cấp huyện, cấp tỉnh hoặc trung ương thì ra sao? Tiêu biểu là Bộ chính trị, mỗi ngày nhận rất nhiều đơn khiếu nại nhưng họ để đó chất đống đến tận trần nhà không trả lời, không giải quyết. Điển hình là có những vụ kiện về Vụ án xét lại người đương đơn đã viết đến 365 lượt (ngoài bì thơ đề: lượt 365), đúng là số ngày của một năm, và trong bốn, năm năm liền họ vẫn kiên trì đánh máy, kiên trì gởi đi, vin vào đủ các nghị quyết về vấn đề khiếu nại của công dân, nhưng không một lời hồi âm. Trong khi đó, họ lại ra lệnh cho cấp huyện cấp xã, bởi vì sợ những vụ bùng nổ như ở Thái Bình, là phải trả lời tất cả những khiếu kiện của nhân dân thắc mắc về đất đai, kinh tế... Ông Trần Độ đã nói mỉa rằng: "Khi quét một cái nhà có mấy tầng gác, anh quét thế nào? Anh quét từ tầng cuối cùng rồi hất rác lên trên, quét từ dưới lên trên! Làm sao có thể quét nhà được kiểu như

thế được!?" Và đây là một cái nhà giột từ nóc xuống bao nhiêu tầng, từ trung ương xuống tỉnh, huyện, xã nhưng chỉ lo bịt lấy một mình hạ tầng cơ sở bên dưới thì làm thế nào có thể giải quyết được? Mà chính ra ở trên mới là tham nhũng tài sản quốc gia cực kỳ lớn, nhưng các cấp lãnh đạo vẫn để yên, bỏ mặc như thế. Do đó, sự bất mãn của quần chúng sau cuộc nổi dậy ở Thái Bình lại nổ ra rất dữ dội. Cho nên sự phẫn uất của đảng viên, những người có lương tri, dũng cảm đang có điều kiện để bùng nổ. Chưa bao giờ người dân cảm thấy tự tin và dũng cảm nói ra sự thật như bây giờ. Chưa bao giờ cái sợ cực quyền của dân Việt Nam nó ít như hiện nay.

Trước đây người ta sợ bị trả thù, bị bắt nhưng bây giờ họ vào cuộc với tính cách tập thể. Có ba lá thư, hai lá là của tập thể 10 đảng viên kỳ cựu ký, một lá thư do một vị công thần ký, vừa rồi lại một lá tố cáo đích danh Tổng bí thư Đỗ Mười. Bức thư sau là của bốn vị trước đây có quyền cao chức trọng tại bốn huyện khác nhau của thủ đô Hà Nội. Họ tố cáo Đỗ Mười: Là Tổng Bí Thư, vừa rồi Đỗ Mười cho một sự nghiệp giáo dục cơ sở ở Hà Nội 80,000 đôla và cho thêm một số cơ sở khác trong toàn quốc một triệu đôla, nói đây là một hãng kinh doanh tư bản của Nam Hàn gởi tặng Tổng bí thư, bây giờ Tổng bí thư chia ra, tặng lại! Như thế thật là của người phúc ta. Thư lại tố cáo rằng: Đây là những công ty cá mập của Đại Hàn, không phải nó thương dân Việt Nam mà nó biếu một triệu, mà nó biếu để nó tước hoạt của nhân dân ta 10 triệu cũng nên, trong những vụ mua bán sau này. Đây chỉ là một kiểu đút lót cho Tổng bí thư. Ngoài Tổng bí thư còn phải đút lót cho Thủ tướng, phó Thủ tướng, các Bộ trưởng... để được dễ dãi trong những hợp đồng làm ăn buôn bán của họ, ví dụ như vụ làm sân gôn. Vậy ông Tổng bí thư nhận được bao nhiêu trong cả nhiệm kỳ này? Ngoài công ty Nam Hàn vừa nói còn bao nhiêu công ty khác? Tất cả đều ỉm đi hết.

Hiện nay mọi người yêu cầu tất cả những Tổng bí thư cũ cũng như mới phải khai báo là đã nhận bao nhiêu. Trên thế giới, các nước đều có luật pháp rất chặt chẽ về việc này: khi anh lên làm Tổng thống, anh đi những chuyến công du chính thức, được biếu xén thì anh được nhận những cái gì. Trước đây tôi đã từng dự một số phái đoàn thì thấy họ quyết định rất cụ thể, những gì có giá trị nhỏ như cây bút máy, cái đài bán dẫn thì được, nhưng lên đến cái tivi thì phải sung công, lên cái máy ảnh đắt tiền thì phải nộp đã, chờ xét, còn tiền nong thì nộp vào công quỹ hết. Thế nhưng các cấp lãnh đạo Việt Nam bây giờ xập xí xập ngầu, làm sao có thể nhịn được đôla... Vì thế những bức thư của những người bạn chúng tôi gởi sang nói rằng: Anh đừng nói quá nhiều về dân chủ đa nguyên, chưa cần! Cái đó người dân thường họ chưa quan tâm thực sự vì nó còn cao lắm! Bây giờ họ chỉ cần nói đến những chuyện bất công xã hội, bất bình đẳng, chướng tai gai mắt..., vì cứ bạn nào lên ở huyện ở xã ít lâu là y như có nhà có xe, có các thứ; hiện nay xung quanh Hồ Tây toàn là con cái các "Cụ" cả!

Người dân bớt sợ cường quyền

Riêng trong bức thư tố cáo Đỗ Mười nói rằng thằng con rể là thằng Phương nhập hết công ty này đến công ty khác, nó đi làm áp phe dễ như trở bàn tay vì thế của bố nó. Vì thế cần chất vấn, điều tra thằng con rể của Tổng bố thư Đỗ Mười đã lộng hành như thế nào, và phạm đến tài sản quốc gia bao nhiêu? Như thế ở nhà họ không sợ, những ông kỳ cựu đảng viên này không có gì để mất cả. Nhưng trước kia họ sợ, trước kia họ không dám nói, thì bây giờ họ nói thẳng, vạch trần ra. Ví dụ trường hợp của ông V. một gia đình có 10 người con, dám nói rằng tôi biết tất cả những tên tội phạm hiện nay trong chính phủ, là những tên nào: từ Ngô Xuân Lộc là phó Thủ tướng như thế nào trong vụ Thủy Cung Thăng Long, rồi bà Nguyễn Thị Hằng hiện nay là Bộ trưởng Bộ Thương Binh Xã Hội, đến những ông Bộ trưởng Bộ Du Lịch hiện nay - trước kia ở Đoàn Thanh Niên... đều là những tên phạm pháp hiện nay và đòi hỏi Nhà nước phải điều tra, làm rõ. Như thế sự sợ cường quyền đã giảm đi rõ ràng, gặp cái chướng tai gai mắt người ta dám nói lên, còn ghi rõ địa chỉ, tên tuổi, lý lịch đảng của mình, yêu cầu được trả lời. Đây là những tham gia đấu tranh hết sức quan trọng. Đặc biệt có một bức thư của 10 đảng viên kỳ cựu nói rằng: "Ông Trần Độ nói đúng, phải trả lời, chấm dứt những chụp mũ cho ông Trần Độ. Nếu các ngài bắt ông Trần Độ hoặc bỏ tù ông thì chúng tôi xin nói trước là trăm hàng vạn người sẽ xuống đường." Nói thẳng và dự định đến mức như thế. Và những lá thư mới khẩu khí khác lắm, nói thẳng chế độ này là chế độ độc đoán, lên án cả chế độ. Ngay cả khẩu khí của Dương Thu Hương cũng khác, khi nói chuyện điện thoại với anh Tuấn

ở Đức, bà nói đó là chính phủ lưu manh, hành xử theo kiểu lưu manh, tôi không thèm trả lời nó. Bởi vì tờ báo *Văn Hóa*, cơ quan chính thức của Bộ Văn Hóa, đã đăng một tin là Dương Thu Hương vào khách sạn ngủ với một thằng Tây để đưa tài liệu phản động cho nó. Láo đến như thế, Dương Thu Hương nói, tôi đã quen với những chụp mũ bịa đặt bẩn thỉu đó nên tôi không thèm trả lời bởi vì bọn viết đó chỉ là những con chó làm theo lời của chủ. Đến chủ của nó tôi cũng không coi ra gì. Trước kia bà Dương Thu Hương có nói, cả 14 Uỷ viên Bộ Chính Trị tôi không tin ông nào cả, vì không ông nào ra gì.

Thời cơ cách mạng

Tóm lại đây là thời cơ. Giới cầm quyền không thể cầm quyền tiếp tục như trước được nữa, nó phải thắt chặt thêm, phải ra mặt khủng bố để chống lại phong trào quần chúng. Và giới bị cai trị thì không thể chịu để cai trị như trước. Sự quan tâm của quốc tế cũng không thể để cho nhân dân chịu đựng những đè nén, bóc lột, hà hiếp như trước nữa. Do đó tâm tư, tinh thần của các tầng lớp xã hội đang chuyển đổi. Có luận điệu rằng, dân ta bây giờ chỉ biết chí thú làm ăn, làm giàu, bỏ chính trị ra ngoài. Đây là lối nói láo toét, bịa đặt. Sự thật có một bộ phận do quen thói trước đây là để chính trị cho người khác làm, tôi chỉ lo kinh tế, vơ vén, tự nhận là khôn ngoan nhất, nhưng không phải là tất cả là như thế.

Dân tộc Việt Nam là dân tộc rất quan tâm đến tình thế chung của đất nước. Nhất là khi cảm thấy đất nước gặp khó khăn, và khó khăn sẽ đụng đến mình, nhất là thất nghiệp hiện nay tràn lan đến 16 triệu người. Họ lo cho con cái họ trước một nền giáo dục quá khủng khiếp. Vào tháng Bảy, Trung ương họp bàn hai tuần lễ, ra Nghị quyết chiến lược về xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà màu sắc dân tộc thì có hai hành động chào mừng nghị quyết lịch sử này. Một là, một ông tiến sĩ cùng vợ đứng ra in bằng giả đại học và bán mỗi bằng giả 4 triệu đồng, và định bán đến mấy trăm bằng. Các bạn có thể tưởng tượng rằng một số người có tiền tự nhiên có một bằng đại học, nó sẽ lũng đoạn bao nhiêu năm, hàng trăm năm về sau ảnh hưởng đến thế hệ con cháu sự tệ hại như thế nào. Hai là, trong cuộc thi tốt nghiệp đúng vào tháng Bảy, về luật, người ta bắt được 70 sinh viên tốt nghiệp lớp cuối cùng của trường Đại học Luật làm dấu để Ban giám khảo biết họ thuộc về người đã trả tiền để Ban giám khảo cho những điểm cao nhất để đỗ. Như vậy những thằng dốt nhất, chỉ cần có vài triệu tiền là sẽ được đỗ cao về Luật học. Nó sẽ đào tạo ra một loạt Luật sư về luật những thằng ba trợn nhất, vừa trình độ thấp nhất và đạo đức về mặt nghề nghiệp tồi nhất. Chưa đỗ Luật sư mà đã mua bằng thì hành nghề ra làm sao? Hậu quả thật không thể lường được đối với xã hội.

Đó là hai vụ đã khám phá ra, nhưng còn biết bao nhiêu trăm nghìn vụ "cái gì cũng mua được cả," xã hội này sẽ tàn lụi, rữa nát khủng khiếp. Như một người bạn ở Hà Nội viết thư cho tôi nói rằng: "Tình hình hiện nay giống như một hũ mắm. Nhưng có hai loại mắm: Nước mắm bỏ thính vào rồi giữ vệ sinh thì nó thơm ngon biết bao nhiêu. Nhưng hũ mắm này là mắm có dòi, bây giờ nó đẻ sinh ra không biết bao nhiêu dòi, hôi thối không thể ngửi được nữa. Hiện nay tình hình xã hội Việt Nam đã ở độ là nhân dân đang đứng trước một hũ mắm thối, có đòi và người ta không thể chịu đựng được, phải quẳng đi."

Tình hình đó nó kêu gọi chúng ta phải có hành động tích cực, năng động theo dõi tình hình hỗ trợ cho tình hình trong nước. Ở trong nước các tiếng nói dân chủ đang nhân lên với tốc độ cao chưa từng có.

Trước đây năm 1991 tôi cảm thấy lẻ loi lắm. Tháng Tám năm 90 tôi đưa ra kiến nghị đầu tiên, trong đó tôi có nói là tôi thét lên cái công phẫn đối với Vụ xét lại và tôi xin công bố 42 tên nạn nhân lúc bấy giờ mới có tên ông Hoàng Minh Chính và tất cả các vị khác... thì tôi thấy rất cô độc. Vì không biết ở quê nhà có ai hưởng ứng không, may sau ngay đó có anh Phan Đình Diệu lên tiếng, anh Nguyễn Khắc Viện ủng hộ v.v... Từ 1995, 96 đến giờ bây giờ tôi cảm thấy tình hình đang mở rộng, đang nhân lên rất nhanh.

Như thế công sức của chúng ta không phải là phí. Tất cả những điều chúng ta làm được về dân chủ đưa về trong nước bằng đài phát thanh, tài liệu, bằng Thông Điệp Xanh, bằng Internet, bằng điện thoại, bằng thư tín là hết sức quan trọng. Mỗi người một tay, góp gió thành bão. Tất cả chúng ta là một ngọn gió mát mang chất của thời đại, sẽ tạo nên bão tố để quét đi những gì rác rưởi để cuối cùng nhân dân ta sẽ được hưởng Tự Do và Dân Chủ như tất cả các dân tộc bình thường khác trên thế giới hiện nay.●

MỘT CÁI NHÌN TRỞ LẠI
(Phần Hai)

TRẦN ĐỘ

Sau khi viết thiên bút ký "Một cái nhìn trở lại" (phần Một) tôi vẫn tiếp tục suy nghĩ và thấy ra rằng còn phải nhìn lại nhiều vấn đề lắm. Trong khi thấy như vậy thì lại đọc thêm một số sách về sử và vài cuốn tiểu thuyết. Có một cuốn mà tôi gặp trong đó nhiều ý nghĩ, nhiều tư tưởng có thể gợi cho tôi nhiều suy nghĩ. Đó là một bộ tiểu thuyết lịch sử tên là "Sông Côn mùa lũ," tác giả là Nguyễn Mộng Giác nói về giai đoạn lịch sử nửa sau thế kỷ 18 ở miền Trung nước ta, về phong trào Tây Sơn của anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ. Tiểu thuyết dựng lại chân dung nhiều nhân vật lịch sử và cũng hư cấu chân dung một số nhân vật của thời đại đó, một cách sinh động, để làm nổi thêm các nhân vật lịch sử có thật. Qua sự việc và lời lẽ của các nhân vật, tác giả nêu lên những tư tưởng và những vấn đề của thời kỳ lịch sử đó mà cũng có nhiều ý nghĩa thời sự. Có mấy nội dung mà tôi thích thú quan tâm:

- Khi Nguyễn Huệ tham gia với Nguyễn Nhạc nổi dậy chống phá bộ máy cai trị tàn bạo và thối nát của Trương Phúc Loan đang lũng đoạn chính quyền của Chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Nguyễn Huệ tâm sự với bạn bè và nêu lên một vấn đề: "Ta hiện nay nổi dậy để phá tan bộ máy cai trị này. Ta đập nó đi rồi, thì ta thay thế nó bằng cái gì? Liệu ta thay thế nó bằng một cái tốt đẹp hơn, hay ta lại xây nên chính những cái mà ta đang đập phá đây?" Trong tiểu thuyết có nêu lên hai sự việc giống nhau và cùng nói lên một vấn đề:

- Nguyễn Nhạc khi làm lễ đăng quang lên ngôi Vua Thái Đức ở Quy Nhơn, đã cấm giáo phường (văn công) không được diễn vở tuồng "Chàng Lía." Vở tuồng này ca ngợi chàng Lía cũng là một thanh niên nông dân nổi dậy chống áp bức bóc lột.

- Sau này khi Nguyễn Huệ đăng quang lên ngôi vua ở Phú Xuân (Huế), tác giả vở tuồng vốn là bạn học với Nguyễn Huệ, lại đề nghị cho diễn vở tuồng chàng Lía để chào mừng lễ đăng quang thì Nguyễn Huệ là vua Quang Trung cũng cấm không cho diễn vở tuồng đó!

Thế là tâm trí tôi cứ xoay quanh câu chuyện đó, và cũng là xoay quanh cuộc đời tôi. Đó là mối quan hệ giữa người nổi dậy (đập phá) với người cầm quyền cai trị, sự chuyển biến tâm lý và tư duy, ứng xử của hai con người đó, và khi hai con người đó trong cuộc đời lại là một.

Tôi không sao quên được mấy kỷ niệm nhỏ trong đời tôi.

Năm 1945, trước tháng tám, tôi hoạt động bí mật ở một vùng ngoại thành Hà Nội (huyện Đông Anh). Tôi ở một nhà cơ sở Cách mạng. Gia đình có một bà mẹ và hai người con gái: chị lớn đã có chồng và con, chị nhỏ hơn sau này lấy một anh trong đội của tôi. Bà mẹ nuôi nấng và che chở cho tôi như một đứa con, nhiều lúc cũng âu yếm, mắng mỏ, dành cho tôi từ bát cơm nguội, bắp ngô, củ khoai. Chị lớn cũng thế, chị coi tôi là em trai, các con chị đều gọi tôi là cậu rất thân mật, tự nhiên và hay bắt rận, vò giặt quần áo cho cậu. Khi tôi vô ý ngồi trong buồng làm nổ súng, chị rất nhanh ý vào bếp, đập vỡ cái nồi rang bằng đất để có cớ nói chuyện với hàng xóm, nếu có người nghe tiếng nổ mà sang hỏi thăm. Sau đó chị mới chạy lên xem tôi, chị nghĩ rằng có thể xảy ra tại nạn: tôi bị thương hoặc chết. Thấy tôi an toàn chị cười vui nói với tôi về mẹo "đập nồi rang" của chị và chị còn cười vui hơn, bảo tôi: "Cậu có làm sao thì đành chờ đêm đến, đem vùi cậu ở rãnh khoai, chứ chả biết làm thế nào?"

Thế mà sau ngày 19 tháng Tám ít lâu, tôi đã nhận công tác ở Hà Nội, trở lại thăm bà cụ và chị, thì tôi gặp một tình huống ngỡ ngàng. Cố nhiên lúc này tôi ăn mặc sang trọng hơn và đi xe hơi. Bà cụ mắt kém, mãi mới nhận ra tôi.

Bà cụ mừng rỡ, chào mời tôi: "Mời ông ngồi, xơi nước" và cụ rất lễ phép rót nước mời tôi. Chị lớn cũng thế, không gọi tôi là cậu nữa, mà cũng lễ phép gọi tôi là ông.

Tôi không thể tự nhiên được như xưa, không vui được và cũng không thích ứng được với danh vị "ông khách." Lúc ấy, tôi chỉ thấy lúng túng và tiếc nuối một tình thân mật trước đây. Tôi đã mơ hồ cảm thấy một sự rạn nứt, thấy tiếc tiếc, nhưng chưa ý thức được rõ. Mãi về sau này, khi đã ngoài 70 tuổi, tôi mới dần dần thấy rõ hơn và sẽ nói rõ thêm sau này.

Những năm 1980, lúc tôi đã hơn 60 tuổi. Tôi về thăm một cơ sở Cách mạng cũ ở Thái Nguyên. Những người thanh niên cứu quốc cùng lứa tuổi với tôi và hơn tuổi tôi đã chết nhiều. Nhưng cũng có người còn sống, có người trở thành cán bộ khá cao cấp (Phó chủ tịch Tỉnh). Tôi tìm thăm một chị. Chị này lúc ấy (1944) là một thanh niên tích cực, là một trong số đảng viên đầu tiên. Chị nhanh nhẹn hăng hái và cũng thuộc lớp nữ thanh niên xinh đẹp. Tôi mang ấn tượng về chị hồi trẻ, đến thăm chị. Chị bây giờ là một bà già nhà quê cũ kỹ và lam lũ, trong nhà chị không đến nỗi nghèo khổ. Tôi và anh đã thoát ly thành cán bộ đến thăm chị mà sao xa cách nhau xa xôi, lạnh lẽo.

Trong câu chuyện tôi có chú ý một câu của chị, đại khái: "Giá mà tôi được thoát ly như các anh thì bây giờ cũng sướng, chả đến nỗi lùi sùi thế này." Chị nói thế với một tâm thức: đi làm Cách mạng cũng là một con đường kiếm ăn sinh sống, và những người gặp may mắn được thoát ly thì con đường sống cao hơn, sướng hơn. Cái cảm giác rạn nứt như hồi 1945 lại chiếm tâm hồn tôi. Nhưng tôi không suy nghĩ gì hơn, mà chỉ ủy lạo chị một câu rất cổ hủ mà cũng xác đáng "Mỗi người một số phận, chị ạ!"

Thế là đời tôi có mấy đoạn.

Đoạn 1: là một thiếu niên học sinh rồi thanh niên, xung phong đi làm Cách mạng, đi tuyên truyền vận động quần chúng đứng lên võ trang khởi nghĩa để giành độc lập và giành chính quyền. Lúc này hết sức say sưa với những lý tưởng cao đẹp: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; giải phóng, công bằng và nhiều mơ tưởng cụ thể về đời sống tươi đẹp của toàn dân tộc, đất nước. Những mơ tưởng này rất chung mà cũng rất cụ thể: nông dân có ruộng đất, rồi có máy cày, máy gặt; công nhân làm chủ nhà máy không có thất nghiệp, đời sống no đủ; thanh niên tha hồ học hành, người ốm được chữa bệnh chu đáo. Tất cả cái gì cũng có một kết cục đẹp và đẹp nhất.

Đoạn 2: là một anh bộ đội tham gia chiến đấu giành và giữ độc lập suốt 30 năm. Những mơ tưởng thời thiếu niên vẫn tiếp tục với những vẻ đẹp huy hoàng của nó, nhưng tâm trí tập trung vào yêu cầu trước mắt là thống nhất và hòa bình với những giấc mơ hòa bình và thống nhất. Sau tháng 8-1945 mới thấy cái thắng lợi cụ thể của nó. Và sau tháng 5-1975 mới thấy cái thống nhất và hòa bình thực tế nó như vậy. Nó có nhiều cái không giống và không đẹp như trong giấc mơ, nó cũng có những cái còn đẹp hơn, rực rỡ hơn, vui hơn những giấc mơ. Nhưng suốt những năm công tác và chiến đấu không có thì giờ và điều kiện để suy ngẫm về cuộc đời.

Đoạn 3: có khoảng 18 năm thống nhất hòa bình. Tôi làm một quan chức cao cấp của Đảng và Nhà nước hưởng tất cả những tiêu chuẩn ưu đãi, đời sống đầy đủ và thuận lợi. Rồi bước sang *Đoạn 4* cho đến nay. Ở đoạn này có nhiều điều kiện để suy ngẫm so sánh và đối chiếu ước mơ với thực tế cuộc sống. Ta đã dùng hết chữ để nói về thắng lợi của dân tộc và đất nước, nay không có chữ nào mới được nữa. Nhưng té ra những thắng lợi nó lại thể hiện ở các số phận cụ thể. Nó thể hiện ở những cuộc sống đầy đủ giàu sang của một số người, nhưng nó cũng thể hiện ở tình trạng không thay đổi và còn có sự sa sút thêm của rất nhiều số phận con người khác.

*

Nhìn lại các quãng đời tôi đã sống rút cục lại, nổi lên một câu hỏi khái quát và tập trung là:

Tôi đã tham gia vào việc đập phá và phá tan một thứ chính quyền và cuộc sống như thế nào? Và tôi đã tham gia vào việc lập nên và củng cố một chính quyền thay thế như thế nào?

Tôi chỉ "tham gia" thôi, vì tôi chỉ có một vai trò hết sức khiêm tốn. Tuy nhiên vai trò đó cũng đủ cho tôi đặt câu hỏi, một câu hỏi khái quát ở tầm triết học, để mong tìm thấy thực chất chân lý của sự vật.

Tôi đã tham gia đập tan cái gì?

Tôi đã tham gia đập tan một nhà nước, một bộ máy cai trị của thực dân và phong kiến tay sai. Bộ máy đó có đủ các nét đặc điểm của sự tàn bạo, dã man, của sự vơ vét bóc lột và xa hoa hưởng thụ, của sự lừa bịp dối trá thủ đoạn

đều giả. Bộ máy nhà nước đó gắn chặt với một xã hội nghèo nàn, đói khổ, cực nhục, nhiều tệ nạn, nhiều sa đọa xấu xa. Những điều đó được hiện ra trong các tiểu thuyết của Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Ngô Tất Tố và Vũ Trọng Phụng. Tôi ở tuổi niên thiếu đã tiếp xúc và va chạm với nó ở những tên tuần phiên, lý trưởng, chánh tổng, địa chủ ở quê tôi và sau đó với những tên mật thám, những sở mật thám, những tòa án các cấp và các nhà tù từ tỉnh đến Hỏa Lò Hà Nội và nơi đi đày Sơn La. Những điều tôi biết và tôi tiếp xúc nung nấu trong tôi một lòng căm thù vừa sâu sắc vừa sôi nổi. Tôi không thể không tham gia đập phá cái thứ tàn bạo, độc ác và lừa bịp xấu xa. Trong khi tham gia việc đập phá đó tôi không thể không có những sự ước muốn, những nguyện vọng, những giấc mơ cao thượng: xây dựng một xã hội và một nhà nước đầy những sự cao đẹp: mọi người đều sống đầy đủ sang trọng, mọi người đều yêu thương nhau, tôn trọng nhau, thân ái với nhau. Một nhà nước gồm những người cũng thương yêu nhân dân, tôn trọng từng người dân, giúp đỡ và tạo cho từng người dân được sống tự do, được sống hạnh phúc.

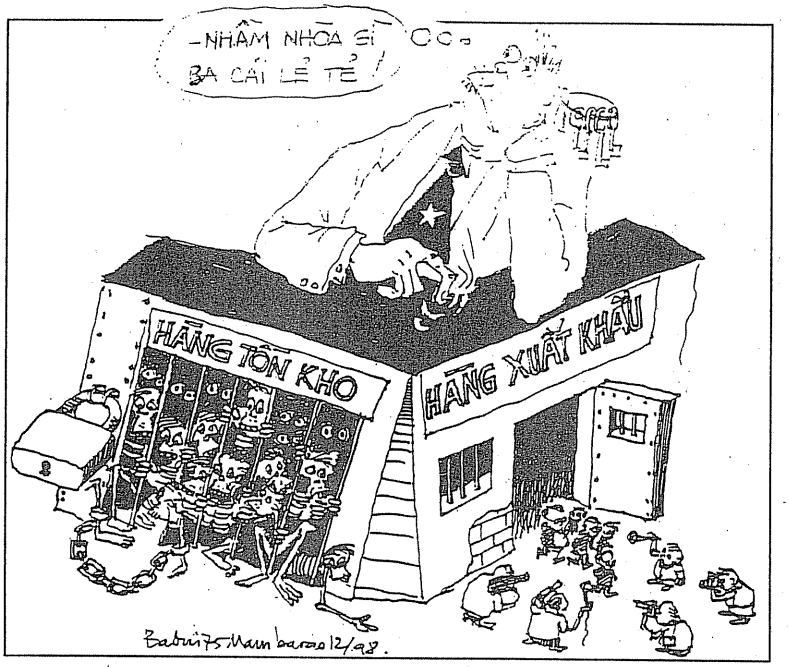

Tôi cứ nuôi những mơ tưởng đó và yên chí đinh ninh rằng đó là những lý tưởng cao đẹp và hiện thực, và những lý tưởng đó là lẽ sống của đời mình. Tôi không cần phải băn khoăn như Nguyễn Huệ và đã nhìn thấy rõ những mục tiêu và những mơ tưởng của mình. Những cái đó được hiện lên một cách cụ thể. Sau Cách mạng tháng Tám là một Nhà nước Dân chủ cộng hòa, một Chủ tịch, một Lãnh tụ siêu phàm có thể đoàn kết mọi người và thương yêu tất cả mọi người, lúc nào và ở đâu cũng lo toan cho hạnh phúc của từng con người. Cứ như thế tôi tiếp tục những mơ ước của tôi về một đất nước được thống nhất hòa bình...

Cứ mơ ước, vừa mơ ước vừa được sống những cuộc sống thực:

Sau Cách mạng tháng Tám mới biết cuộc sống thực của thắng lợi Cách mạng.

Sau 1954, mới biết cuộc sống thực của Kháng chiến thành công.

Sau 1975, đi máy bay từ Hà Nội vào Sài Gòn rồi lại đi ôtô từ Sài Gòn qua Đà lạt, Huế ra đến Hà Nội, mới biết cuộc sống thực của Thống nhất - Hòa bình. Cuộc sống thực đó vừa giống và vừa không giống những mơ ước tôi đã từng ôm ấp từ lâu. Những cái giống nhiều hơn, hay những cái không giống nhiều hơn? Tôi chưa có lúc nào điểm ra được rõ ràng. Nhưng càng ngày càng thấy, hình như cái không giống nhiều hơn. Cái không giống với mơ ước thì nhiều, nhưng những cái giống với cái gì đã được đánh đổ cũng càng ngày càng nhiều.

*

Vậy là tôi đã tham gia xây dựng, củng cố một "cái gì?" "Cái gì" đó nó phải thay thế "cái gì" mà tôi đã tham gia đập phá nó từ những năm 1945?!

Tôi không muốn và cũng không thể điểm lại sự diễn tiến của cuộc sống xã hội suốt 50 năm từ 1945 đến nay. Và tôi chỉ thử điểm qua một số điểm để đối chiếu từ "cái gì" đó trước 1945 và "cái gì" đó hiện nay. Tôi thường quan tâm vào mấy điểm như sau:

Trước 1945, xã hội Việt Nam lúc ấy có một bộ máy cai trị. Bộ máy đó là của đế quốc phong kiến. Nó có đầy đủ các đặc điểm của nó là bóc lột, vơ vét của dân nghèo để hưởng thụ phè phỡn và xa hoa. Nó dùng đủ mọi thủ đoạn đàn áp, dọa nạt, dối trá và lừa bịp để buộc toàn thể dân chúng phải cúi đầu im lặng nghe theo và hành động mọi thứ mà giới cầm quyền mong muốn.

Ngày nay ta cũng có một bộ máy Nhà nước và đó là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Trong đời sống xã hội, mọi người đều thấy một số hiện tượng (chưa bàn đến bản chất của vấn đề) cần đối chiếu và suy ngẫm:

a/ Hiện tượng thứ nhất là ta có một bộ máy Nhà nước, nói đúng hơn là một bộ máy cầm quyền, bộ máy cai trị. Bộ máy này rất to lớn đồ sộ và tốn kém, to lớn hơn bộ máy ngày xưa gấp nhiều lần. Nó gồm nhiều bộ máy:

- Bộ máy dân cử là hệ thống Quốc hội và các Hội đồng nhân dân.
- Bộ máy hành chính gồm có chính phủ và các UBND tỉnh, huyện, xã.
- Bộ máy Đảng gồm từ Trung ương đến cơ sở gồm cấp ủy và các bộ máy giúp việc.
- Bộ máy các tổ chức chính trị xã hội trực thuộc Đảng là Công - Nông - Thanh - Phụ.
- Bộ máy Ủy Ban Mặt Trận Tổ quốc bao gồm đoàn thể các ngành, nhưng không có ảnh hưởng gì đến các đoàn thể.
- Một mạng lưới các tổ chức xã hội, có tổ chức chính trị xã hội, tổ chức nghề nghiệp xã hội, tổ chức từ thiện, tổ chức tôn giáo. Các loại tổ chức này có nhiều tổ chức đều do Đảng và Chính quyền bảo trợ và chi phối.

Như vậy hiện tượng này là bộ máy Nhà nước thể hiện ra một hệ thống chính trị rất to lớn cồng kềnh gồm có tổ chức Đảng là trung tâm, các tổ chức khác, kể cả Quốc hội và Chính phủ là những tổ chức ngoại vi xung quanh tổ chức Đảng.

Hệ thống này cồng kềnh và chồng chéo. Riêng việc quản lý sự thương mại, có:

+ Bộ Thương mại
+ Cơ quan thuế vụ.
+ Cơ quan quản lý thị trường.
+ Lực lượng chống buôn lậu.
+ Cơ quan Hải quan.

Nhiều cơ quan làm một việc, nên phải luôn luôn "phối kết hợp," "lồng ghép."

Các lực lượng Công an lại có quy mô của một Chính phủ (nhiều lĩnh vực) nào là an ninh chính trị, công an kinh tế, an ninh văn hóa và an ninh đối ngoại...

Thế mà bất cứ việc gì cũng phải nêu lên đó là nhiệm vụ của toàn dân, mỗi người dân đều phải gánh vác hoặc tham gia. Công an có công an khu vực, công an phường, xã. Ngày xưa còn bé, ở nhà quê, tôi chỉ thấy làng xã tôi có một trương tuần và bốn anh tuần phiên. Ngày nay tôi thấy ở phường có công an phường có trụ sở, có mấy chục người và chỉ huy là một cấp tá; bây giờ mình nhiều sĩ quan thật!

Tôi thấy cái sự cồng kềnh và đông đảo quá thế không phải là một kinh nghiệm hay. Nó quá tốn kém vì nhiều cơ quan, tổ chức thì phải nhiều trụ sở, nhiều xe cộ, đồ dùng văn phòng, nhiều đại hội, hội nghị và học tập. Những chi phí về các việc đó đều lấy vào ngân sách, đều do dân phải đóng góp, mà trong khi ta lại quá thiếu thốn vốn để đầu tư phát triển kinh tế. Tất cả sự to lớn, cồng kềnh của bộ máy đều xoay quanh một nhiệm vụ, một mục tiêu: giữ vững và củng cố chính quyền này, chống lại và đề phòng mọi âm mưu, mọi lực lượng có thể làm suy yếu chính quyền này. Trong khi chính quyền này là của dân, do dân và vì dân, đã có lịch sử và được tổ chức đầy đủ, đã hết sức vững vàng rồi. Ngày xưa ta chưa có chính quyền, phải đối phó với cả một bộ máy thống trị, bộ máy thống trị này nhiều lực lượng và mưu mô thủ đoạn để làm hại lực lượng Cách mạng. Ngày nay Cách mạng đã là bộ máy thống trị, một bộ máy rộng lớn bề thế và vững chắc, tôi không hiểu tại sao lại có người sợ hãi làm như sắp bị đánh đổ đến nơi!?

b/ Hiện tượng thứ hai là bộ máy Công an to lớn

Chế độ nào cũng cần có một bộ máy và lực lượng trung thành để bảo vệ chế độ đó.

Chế độ ta cần có một bộ máy và lực lượng như thế là tự nhiên.

Như trong sáu điều Bác Hồ dạy thì Bác nói "đối với Chính phủ phải trung thành" và Bác thường yêu cầu các lực lượng vũ trang "Trung với nước, hiếu với dân" nhưng Đài phát thanh của ta ngày nay thường nhắc đi nhắc lại "Trung với Đảng, hiếu với dân." Trung với Đảng cũng có ý nghĩa, nhưng có lẽ ra là phải sau "Trung với nước." Nhiều người đồng nhất Đảng với nước, vì Đảng là yêu nước nhất và đại diện, tiêu biểu cho nước đầy đủ nhất. Nhưng dù sao thì Đảng là Đảng và nước là nước, không thể là một, khẩu hiệu nói trên có một ngụ ý bảo vệ Đảng rất triệt để, nhưng như thế nó lại hơi quên mất "nước."

Lực lượng Công an hiện nay thường được coi là và được trình bày như là một lực lượng bảo vệ dân, cứu giúp dân, là bạn của dân. Sự tuyên truyền cho lực lượng Công an cũng có một quy mô lớn. Riêng tôi biết, Công an có năm tờ báo và tạp chí:

Báo Công An Nhân Dân, Báo An Ninh Thủ Đô, Báo Công An Thành Phố Hồ Chí Minh (2 tờ: 1 báo; 1 tạp chí), Báo An Ninh Thế Giới, Báo Văn Nghệ Công An, và các lực lượng văn nghệ khác.

Lực lượng Công an nhân dân hiện nay được giới thiệu như một lực lượng của nhân dân, trong nhân dân và vì nhân dân. Nhưng sao mà trong thực tế nó lại hay giống những cái ngày xưa ở ta, và giống các nước tư bản quá. Nhiều người nhìn vào nó, thấy rõ nó tiêu biểu cho một lực lượng đàn áp và khủng bố. Dân sợ nó nhiều hơn và cho đó là một nghề "thất đức" và quả nhiên nó làm cho nhiều người sợ thật: Nó có một lực lượng cảnh sát chiến đấu trang bị rất sắc bén và hùng hậu.

Nó được trang bị tất cả những công cụ khủng bố hiện đại và phong phú hơn cả các lực lượng bảo vệ chế độ cũ (phong kiến và thực dân) như dùi cui, súng, vòi rồng phun nước, hơi cay, khiên và côn, xe phân khối lớn, chó nghiệp vụ v.v... Nó có một hệ thống trụ sở, đồn, nhà giam và nhà tù và đều là những chỗ đáng sợ, ít ai vui vẻ muốn tới đó.

Trình độ nghiệp vụ của nó rất cao: thẩm vấn, hỏi cung, theo dõi, điều tra, phong tỏa thư tín, nghe trộm điện thoại v.v... yêu cầu dân và tìm người đưa tin chỉ điểm. Hỏi cung thì mớm cung, gài bẫy, tạo chứng cớ, bắt nọn và hành hạ người bị hỏi cung rất kịch liệt và dài ngày.

Tất cả những điều nói trên đều là những điều mà khi ta chưa có chính quyền thì ta nguyền rủa, chống đối, khinh bỉ. Lúc đó những chữ mật thám, tay sai, chỉ điểm được nhắc đến như những gì xấu xa và lý tưởng của ta là quét sạch nó như quét sạch những rác rưởi ở chợ. Mà ngày nay ta lại sử dụng nó tích cực và ca ngợi, bênh vực nó ghê gớm. Tôi nói lên những cảm tưởng này, không phải bài bác gì các lực lượng Công an hoặc phủ nhận sự cần thiết của nó. Tôi chỉ muốn nói lên một ấn tượng khó hiểu.

Những gì trước đây ta khinh bỉ, chửi rủa và chống phá thì ngày nay ta lại làm lại nguyên những cái đó, mà lại hoàn thiện, nâng cao và ngày càng nâng cao! Khi ta nói đến những gì là dân chủ của các nước tư bản phát triển, thì ta chê nó là dân chủ tư sản, là cái gì đáng ghê tởm. Về những tổ chức và phương pháp bảo vệ chính quyền thì ta lại chăm chú bắt chước một cách rất kỹ lưỡng và còn nâng cao hơn, sáng tạo hơn. Tại sao như vậy nhỉ?

Khoảng 20.11.1998, xem thấy ở tivi một phim truyện tên là "Đám cưới đêm mưa." Trong phim, nhân vật chính là một thanh niên vì yêu một cô gái mà mẹ không bằng lòng đã bị đẩy đến chỗ giết người và ăn cắp vàng của mẹ rồi mưu trốn với người yêu. Công an tìm ra dấu vết và truy nã, khi cậu thanh niên này trốn về nhà người yêu. Công an theo sát tới, có một cán bộ Công an hiểu và biết được động cơ và ước nguyện hạnh phúc của thanh niên này nên quyết định không bắt tội phạm, mà mở đường cho tội phạm tự thú. Cán bộ công an bị nhận xét là không tròn nhiệm vụ và bị thay bởi một cán bộ Công an khác là người chủ trương phải kiên quyết bắt tội phạm và xử tội. Nhưng cuối cùng thì phim đã có kết thúc, chứng tỏ anh công an chủ trương không bắt tội phạm là đúng. Cậu thanh niên đó đã ra tự thú.

Như vậy để bảo vệ Pháp luật, để củng cố quyền lực của bộ máy cầm quyền có thể có hai cách khác nhau:

Hoặc khoan dung, nhân ái với dân, hiểu đúng tâm tư của dân và thuyết phục dân.

Hoặc nhất thiết phải đàn áp, khủng bố, bắt bớ làm dân sợ, dân trốn.

Chẳng lẽ chúng ta không có phương thức tổ chức và hoạt động thế nào để bộ máy, lực lượng bảo vệ của ta thật sự là của dân, do dân, vì dân. Chẳng lẽ ta không thể nào từ bỏ những gì ta chửi rủa, khinh bỉ và chống đối.

Tôi nghĩ rằng ta có thể tìm được, nếu chúng ta nghiêm túc kiểm điểm và tổng kết, và ta thu thập được đầy đủ ý kiến của các tầng lớp nhân dân. Có ý kiến cho rằng ta chỉ có hai con đường mà từ bỏ đường này thì phải đi vào đường kia. Nhưng ở đây lại diễn ra hiện tượng trùng lặp lại chính những gì ta đã từ bỏ và đánh đổ.

Thế là thế nào đây?

c/ Hiện tượng thứ ba là hệ tư tưởng thống trị và sự thống trị của hệ tư tưởng. Mác nói tư tưởng thống trị là của giai cấp thống trị.

Thế ở ta, về lý thuyết ta bảo là "chính quyền của giai cấp vô sản," giai cấp vô sản là giai cấp thống trị. Và tư tưởng của giai cấp vô sản là chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhưng nhìn vào hiện thực của cuộc sống xã hội, tôi thấy những biểu hiện của ý thức hệ đều khác lạ và xa cách

với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Ví dụ: "Chủ nghĩa thành phần" và "Chủ nghĩa lý lịch" thì không phải từ chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong tổ chức "Chủ nghĩa cơ cấu" cũng xa lạ với chủ nghĩa Mác - Lênin. Tôi lại thấy chủ nghĩa Mác - Lênin nhập vào ta lại nhập vào một tâm lý Nho giáo phong kiến rất nặng, tâm lý đó nặng cả trong nhân dân và trong người lãnh đạo. Hình như cái thứ "Tập trung dân chủ" rất gần gũi và hòa nhập với "Tam cương ngũ thường" của Nho giáo. Nếu ngày xưa, người ta gặp cái gì có lợi, may mắn hoặc là một thành công nhỏ nào, thì người ta nói và nghĩ ngay là nhờ Hồng phúc của nhà Vua và của bề trên. Còn ta hiện nay thì người dân và kẻ dưới có được cái gì thì cũng nghĩ và nói ngay là "ơn Bác và ơn Đảng." Bác và Đảng ban phát mọi thứ cho mỗi người dân, từ cái chữ học, hạt muối, hạt gạo, trái cây, thuốc chữa bệnh đều được ban phát như vậy, không có cái gì do người dân lao động tự làm ra và tự nuôi sống mình!

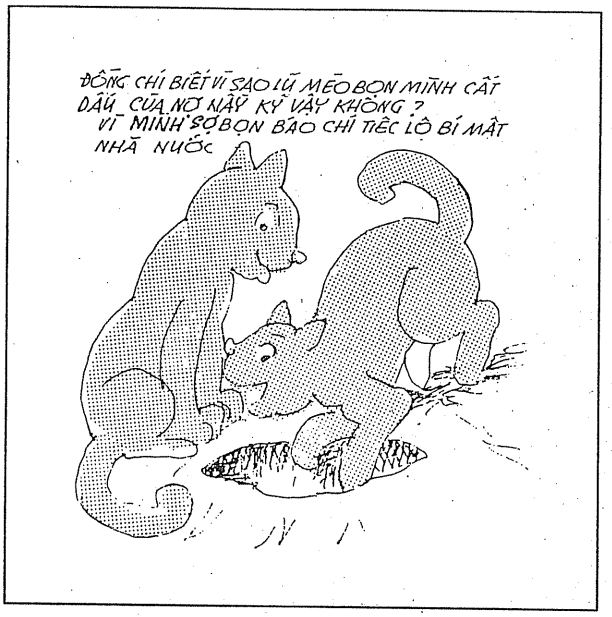

Ngày xưa, xã hội có Quân - Sư - Phụ (Vua - Thầy - Cha) thì ngày nay có "cấp trên," "thượng cấp," Trung ương và cấp ủy được gọi thân tình là "Các anh ấy." Cái gì cũng phải được phép, chờ ý kiến của "các anh ấy." Chỉ có "các anh ấy " là có ý nghĩa, còn người dân bình thường đều không có ý nghĩa gì.

Về lời lẽ và chữ viết thì "Tất cả là của dân, do dân, vì dân," rất cao cả. Nhưng về cơ chế và lý sự thì Đảng là của Dân, Đảng tức là Dân, Đảng đại diện xứng đáng nhất của Dân, vì vậy của Đảng tức là của dân, do Đảng tức là do dân và vì Đảng tức là vì dân. Đảng đồng nhất với dân, Đảng được trừu tượng hóa thành Dân. Đảng suy nghĩ và hành động đều nhân danh Dân. Trong khi ấy vẫn có những người dân cụ thể nghĩ khác và làm khác Đảng. Mà làm khác Đảng tức là chống Đảng, chống Đảng tức là chống dân . Thế là nhiều chỗ ví dụ như Thái Bình, dân lại phạm tội chống dân!? Chủ nghĩa Mác là duy vật, nhưng hệ tư tưởng cầm quyền lại thiên về duy tâm. Hệ tư tưởng này hầu như tin vào vai trò tuyệt đối của tư tưởng, tinh thần, cho đó là yếu tố quyết định của mọi công tác, mọi thành công, hầu như tin rằng các mục tiêu kinh tế đạt được là do nêu cao các khẩu hiệu tuyên truyền và sự nhắc lại nhiều lần các khẩu hiệu đó. Ví dụ cứ nói đi nói lại nhiều lần số phần trăm của tăng trưởng kinh tế thì sẽ đạt được mục tiêu, cứ lắp khẩu hiệu "công nghiệp hóa, hiện đại hóa" vào mọi hoạt động như là nuôi lợn, nuôi gà, quét sạch đường, chợ... thì ta sẽ đạt được hiện đại hóa.

Bệnh duy ý chí rất nặng một thời, nay vẫn còn. Duy ý chí thì cũng là duy tâm. Sự thần thánh hóa, linh thiêng hóa, tuyệt đối hóa lãnh tụ, cấp trên, các nghị quyết, các ý kiến lãnh đạo, thì cũng quá là duy tâm và ngược lại tinh thần của chủ nghĩa Mác. Ý thức hệ cầm quyền rất cần "duy tâm," thế dễ khống chế tư tưởng toàn xã hội. Thật ra lãnh tụ hay cấp trên cũng là những con người có những nhu cầu và tình cảm như mọi người. Những quyết định lãnh đạo vẫn có thể có những sơ hở, sai sót và sai lầm. Không thể chỉ có đúng đắn và sáng suốt. Phải để cho dân được bình luận!

Cách nhìn nhận sự vật của chủ nghĩa Mác là phép biện chứng, nhưng những người tư tưởng của bộ máy cầm quyền thì quá đơn giản và cứng nhắc, bảo thủ, nhìn nhận tình hình thế giới và trong nước hiện nay cũng giống như cách đây 50 năm hoặc hơn nữa. Và như thế lại tự hào là vững vàng, kiên định và trung thành. Rõ ràng là hệ tư tưởng cầm quyền hiện nay không mác-xít tí nào, dù rằng những người phụ trách tư tưởng đều tự cho mình là rất mác xít, và đàn áp mọi ý kiến khác mình.

Tôi quan sát và suy ngẫm, thấy rằng những

người cầm quyền có nhu cầu phải tạo ra cho mình *một ý thức hệ cầm quyền.* Ý thức hệ này chỉ nhân danh và sử dụng một chủ nghĩa nào đó chứ không hoàn toàn theo chủ nghĩa đó. Ý thức hệ cầm quyền pha trộn mọi thứ chủ nghĩa, pha trộn và lợi dụng mọi tâm lý, tầm thức của cả người cầm quyền và cả nhân dân, khai thác triệt để các yếu tố có lợi cho việc giữ vững và đề cao sự cầm quyền của mình, vì vậy ngôn từ của nó bất nhất, nhiều nghịch lý, nhiều ngụy biện, nhiều sự "nói lấy được," nhiều sự nói bừa bãi dối trá tinh vi và ngang ngược trắng trợn.

Tôi được nghe một lão thành thuật lại Giáo sư Phạm Thiều trước khi tự vận có trối trăn lại một câu cho đời là: "Những kẻ dốt hay làm dại, vì thế nên họ phải dối." Ba "D" ấy đi liền với nhau: Dốt - Dại - Dối. Đó là một nhận xét đáng quan tâm. Sự lừa dối đi tới cao độ là nói bừa, nói ẩu, bất chấp đạo lý và tất yếu dẫn đến đàn áp, khủng bố bịt mồm mọi người, vu cáo xuyên tạc mọi người. Những điều xấu xa ấy ta đã từng lên án rất nghiêm trọng ở những chính quyền mà ta cần đánh đổ. Sao bây giờ nó lại xuất hiện ở chính quyền gọi là chính quyền cách mạng, chính quyền của giai cấp v.v...

Tổng Bí thư Lê Duẩn đã nhiều lần tỏ ra bất cần Mác-Lênin. Chính tai tôi nghe nhiều lần TBT Lê Duẩn nói "Mác không nói làm chủ tập thể, Lênin không nói làm chủ tập thể, chỉ có ta (ta đây tức là Việt Nam và ta đây cũng là Lê Duẩn) là nói làm chủ tập thể." Thế mà bây giờ còn có nhiều người tự huyễn hoặc mình và lừa bịp mọi người rằng họ là trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, trong khi họ nói và làm sai hết và hầu như họ chẳng hiểu gì Mác và Lênin cả.

Có lẽ bất cứ người cầm quyền nào cũng phải có một ý thức hệ của mình. Đó là ý thức hệ cầm quyền. Vấn đề là phải bình tĩnh và khách quan phân tích cái ý thức hệ mình đang dùng có tính chất, bản chất gì? được thế nào và không được thế nào? dân chủ bàn bạc với nhân dân ra con đường đi của đất nước, đừng nói bậy, nói bạ, khinh thường mọi người, khinh thường nhân dân.

d/ Một hiện tượng thứ tư cần phải quan tâm xem xét nữa là: hiện tượng chênh lệch giàu - nghèo, đủ - thiếu, sang trọng - bần hàn.

Khi ta nổi dậy ta lớn tiếng kêu gọi nhân dân chống bất công, xóa sạch bất công, tạo nên sự công bằng bình đẳng. Nhưng nay trong một xã hội có chính quyền cách mạng, ta vẫn thấy diễn ra hàng ngày hai cảnh trái ngược:

Một bên là các đại hội, các hội nghị, các kỷ niệm, mừng công, tiếp khách, đón tiếp cấp trên đầy trang hoàng cờ hoa lộng lẫy với các bữa tiệc sáng choang thừa mứa, các quà cáp hậu hỷ, các phòng ngủ đẹp đẽ, thơm tho, êm ái, các cuộc săn sóc sức khỏe chu đáo, đầy đủ.

Còn có một cảnh ngược lại là những căn nhà lụp xụp ở nông thôn, miền núi, ổ chuột ở thành phố, các con người gầy yếu, ốm đau, rách rưới, các trẻ nhỏ gầy còm lê la, các trẻ nhỏ không đi học lang thang, bới rác kiếm ăn...

Hãy đối chiếu sự phí tổn với tất cả mọi khoản cho một cuộc sống của một Bộ trưởng hay Trung ương ủy viên, với cuộc sống của người lao động có thu nhập tối thiểu là 144.000đ thì sẽ có một sự so sánh rõ nét hơn. Sự cách biệt giữa dân và dân không to lớn và gay gắt bằng sự cách biệt giữa dân và những người cầm quyền.

Tất nhiên không thể một lúc và không bao giờ xóa bỏ được hết sự khác nhau, mọi người đều có thể giàu có sang trọng. Nhưng ít nhất ta phải thấy còn cảnh khác biệt ấy mà đừng nhơn nhơn tự đắc về những thắng lợi và thành công. Phải nhìn đến nhiều cảnh còn đau khổ, còn thiếu sót, còn oan khuất, còn đày đọa để thấy được đúng thực chất của tình hình mà đối xử với cuộc đời cho hợp lẽ phải.

Đất nước ta đã có những thắng lợi và thành công thực sự là to lớn. Ai muốn phủ nhận cũng không được. Nhưng đất nước ta cũng vẫn là một đất nước quá nghèo và lạc hậu.

Ta hãy nhìn cho đúng cái thực trạng của sự nghèo khổ, lạc hậu mà tìm cách đưa đất nước thoát dần ra. Thấy mình đang nghèo để nhìn sự việc thì tâm lý và tư tưởng khác. Thấy mình thắng lợi thành công và mình đầy thành tích thì nhìn sự việc có tâm lý và tư tưởng lại khác. Tôi cứ mong rằng mọi người nhìn rõ được thực trạng nghèo khổ của đất nước, từ đó mà tích cực tìm đường thoát ra. Còn chỉ hô "dân giàu nước mạnh" như là nói lên một ước mơ xa vời, rồi lại mơ mộng chuyện viển vông thì có vẻ ít có lợi ích cho đất nước.

Ta vẫn còn đang phải tiếp tục chống phá các thứ bất công, bất bình đẳng. Sự xa cách giàu - nghèo, sang - khó không phải chỉ có nguyên nhân duy nhất là mặt trái của kinh tế thị trường, nó còn có nguyên nhân ở trong sự cai trị và quản lý đất nước nữa. Phải tìm và tôi

tin chắc rằng ta có thể tìm ra.

*

Điều tôi trải nghiệm thấy rõ là:

- Những người cầm quyền hết sức cần thiết phải có một hệ ý thức cho mình.
- Hệ ý thức đó phải bảo đảm sự cầm quyền, phải ổn định sự cầm quyền, bảo vệ và củng cố sự cầm quyền, hệ ý thức ấy lên án tất cả mọi ý kiến nhận xét, phê phán và chống lại ý thức hệ cầm quyền.
- Hệ ý thức ấy bất chấp mọi chủ nghĩa, mọi học thuyết, thậm chí mọi đạo lý. Chỉ cần hệ ý thức ấy bảo đảm sự tồn tại của lực lượng cầm quyền.
- Sự tồn tại của cầm quyền là tiêu chuẩn duy nhất của hệ quy chiếu, duy nhất của mọi ý kiến, mọi nguyên lý và đạo lý.
- Vì vậy hệ ý thức cầm quyền cần có và cho phép mọi thủ đoạn dối trá, lừa bịp, đàn áp và khủng bố để đáp ứng yêu cầu tồn tại và củng cố sự cầm quyền hiện tại.

Thế là tôi đã trải qua:

Những mơ xóa ác ở trên đời (lúc bắt đầu)

Ta phó thân ta với đất trời (dấn thân)

Ác xóa đi, thay bằng cực thiện (thắng lợi)

Tháng ngày biến hóa, ác luân hồi (trở lại ác)

Có lẽ không ai muốn thế, tôi lại càng không muốn thế. Nhưng cuộc sống thực sự nó có sự vận động của riêng nó, nó lôi cuốn và quy định sự phát triển của cả người cầm quyền và người không cầm quyền.

Ta có thể cưỡng lại xu hướng vận động này không? Ta có thể có một lối ra không? Tôi tin chắc là có! Có thể tìm được lối ra hợp chân lý và hợp đạo lý với ba điều kiện:

MỘT: Không nên lệ thuộc vào bất cứ một chủ nghĩa, một học thuyết nào. Đảng Cộng sản có quyền có học thuyết của mình, nhưng không được bắt tất cả mọi người phải theo học thuyết đó. Vì mọi người, nhất là người Việt Nam hiện nay đã đủ trình độ để nhận xét chân lý và đạo lý.

HAI: Phải cùng nhân dân bàn bạc và tìm tòi, không thể có bất cứ ai nghĩ thay cho nhân dân cả nước được. Phải thu thập được mọi tiếng nói trong nhân dân (nhất là của các sĩ ph u gồm có trí thức và lão thành).

BA: Lực lượng cầm quyền phải thực sự của dân, do dân, vì dân (như Đảng Cộng sản đã long trọng tuyên bố, nêu lên), phải coi việc phục vụ đất nước, dân tộc và nhân dân làm mục đích tối cao, là nguyên lý chỉ đạo mọi tư tưởng, hành động, mọi chính sách và luật pháp. Không để tồn tại nghịch lý: lực lượng cầm quyền tự ý đồng nhất với nhân dân và biến mọi việc phục vụ nhân dân thành ra phục vụ cầm quyền. Phải có lực lượng cầm quyền, nhưng lực lượng cầm quyền phải thực sự của dân, vì dân, do dân và được nhân dân giám sát và kiểm soát, phải lấy việc đoàn kết toàn dân tộc làm tôn chỉ mục đích cao nhất của sự cầm quyền, cao hơn bất cứ vấn đề nào khác. Thực hiện đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết.

Từ cổ, kim, đông tây, lịch sử thường truyền tụng và ca ngợi các chính quyền khoan dung, nhân ái và phê phán các chính quyền chuyên chế, tàn bạo. Các mưu sĩ Trung Quốc thường khuyên các vua hiền cần nhân ái với người đã hàng phục, những người lỡ lầm, những người trái ý, những khuyên can thẳng thắn và trung thực.

Ở ta, người xưa hay nói đến "An dân." An dân là dân yên, chứ không phải chỉ an toàn cho chính quyền. Giàu mà không có yên dân thì không phải là một xã hội hay. Ở ta, có lẽ phải quan tâm đến mục tiêu an dân bên cạnh mục tiêu làm giàu.●

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT

9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683

(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

CUỘC GẶP GỠ Ở PARIS NĂM 1922 GIỮA PHAN CHÂU TRINH, NGUYỄN ÁI QUỐC, CAO VĂN SẾN, PHẠM QUỲNH VÀ NGUYỄN VĂN VĨNH

DƯỚI MÁI TRANH TRƯỜNG QUỐC HỌC *

LÊ THANH CẢNH

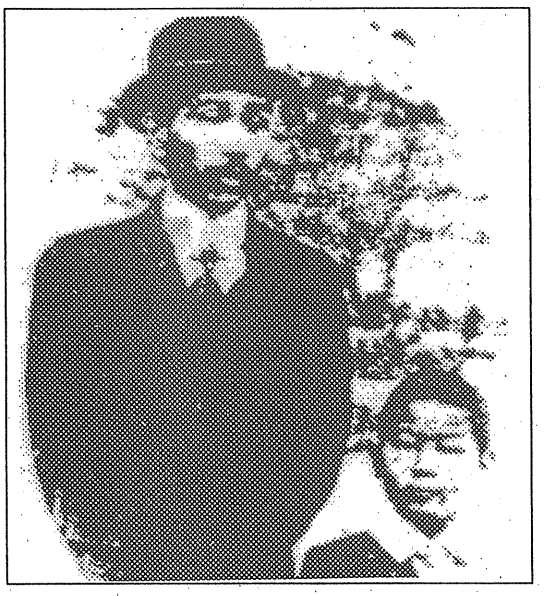

Phan Châu Trinh và con trai Phan Châu Dật chụp tại Pháp

Lời người viết .- Sau khi đưa bản thảo "Ký Ức" về trường Quốc Học, tôi đã khẩn khoản xin cùng ông Hội trưởng Hội Ái Hữu Cựu HGQH, cho tôi được đặt dấu "Chấm hết" sau bài đã đăng vào số 2. Nhưng tôi không khỏi thắc mắc khi thấy ông Hội Trưởng nghĩ sao không biết mà cho thêm hai chữ "Còn nữa," buộc tôi hôm nay phải một lần nữa đến cùng Quí vị góp "nợ bút nghiên" đối với mái trường yêu mến của tất cả chúng ta.

Sở dĩ tôi xin đặt dấu chấm hết là vì nói nhiều về "chuyện xưa tích cũ" thì không thể nào bỏ ra ngoài được "cái tôi" đáng chết mà trong số 2 vừa rồi chính cụ Nguyễn Hoài cũng đã đề cập đến. Đối với kẻ viết bài này, "cái tôi đáng ghét" lại còn "đáng phỉ nhổ" vì câu chuyện năm mươi năm trước không thể dễ gì nhớ lại được, nếu không lôi cuốn trong tiềm thức "cái tôi" để dựa vào mà viết những chuyện không có thể tìm đâu ra tài liệu nào khác ngoài ký ức của bộ óc thô thiển của "cái tôi đáng tội" này.

Một lần nữa tôi xin Quý Độc giả lượng tình thể tất cho tôi trước khi nghe tôi kể chuyện

anh Quốc và tôi trên đất Pháp, vì bất cứ trường hợp nào cái "tôi đáng phỉ nhổ" nó cứ ló dạng ra mãi, mà nó ló dạng không phải vì danh vì lợi gì hết; vì suốt đời tôi không khi nào chạy theo bả vinh hoa. Một việc này chứng minh hùng hồn cho đời tôi là sau khi Nam Triều và Bảo Hộ thỏa thuận, chấp nhận ký danh hậu bổ vào Quan lại tất cả các Tham tá ngạch Toà Sứ, thì tôi và ông Ưng Thuyên, tự nhiên chẳng ai bảo ai cấp tốc đệ đơn xin "xóa tên."

Phạm Quỳnh (1892-1945)

Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936)

Dầu sao tôi quả quyết rằng gặp cảnh ngộ nào khó khăn gay cấn đến đâu, tôi cũng đã làm tròn bổn phận con người và lãnh trọn vinh nhục của nó.

Đối với QUÁ KHỨ có người bảo phải **bỏ quên**, người khác lại bảo phải **ghi nhớ**, đó là tuỳ theo quan niệm của mỗi người suy tư khác hẳn nhau. Theo tôi nghĩ, một dân tộc bị trị, thì tất cả QUÁ KHỨ cần phải ghi chép để nhận thấy trong lịch sử và Văn hoá dĩ vãng những bài học thấm thía khả dĩ tìm thấy đường mà vươn lên.

Kính ý

Lê Thanh Cảnh

THỬ ĐI TÌM MỘT LẬP TRƯỜNG TRANH ĐẤU CHO DÂN TỘC VIỆT NAM

Nhân dịp các nhân viên Phái đoàn Nam Triều đi dự cuộc triển lãm do Pháp quốc sử địa tổ chức tại Ba Lê, được Hội ấy tặng mỗi người một mề đay vàng.

Ô. Trần Đức nói khẽ vào tai tôi, bảo hai anh em chúng mình mời bốn cụ Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Trần Ngọc Thiện, Cao Văn Sến đến chiều hôm ấy dùng cơm tại Khách Sạn Montparnasse. Chúng tôi nhân mời thêm cụ Phan Tây Hồ, anh Quốc, vợ chồng Trần Hữu Thường và ông Hồ Đắc Ứng.

Bữa tiệc này tuy chỉ có mười người mà câu chuyện rất mặn mà sôi nổi vì có sự hiện diện của năm nhân vật phi thường ngồi chung lại một bàn.

Năm nhân vật ấy theo năm khuynh hướng chính trị khác nhau mà gặp nhau trong một lúc trên đường tranh đấu xa quê hương, nên trong sự va chạm đó cũng phải nảy lửa đôi chút. Nhưng ông Đức và tôi là chủ mời, muốn giữ mãi hoà khí giữa đồng bào, nên chúng tôi cố gắng hết sức niềm nở và tìm đủ cách để dung hoà các khuynh hướng, thành ra bữa tiệc chánh trị mà mãi mãi sau này mỗi khi chúng tôi gặp lại nhau đều thừa nhận là chúng tôi đã tỏ ra hết sức cởi mở và hiếu hoà.

Ô. Đức và tôi đứng lên nhã nhặn thành kính xin tất cả quan khách - đã gặp nhau đây - có thể cùng nhau tìm một giải pháp cứu quốc và kiến quốc để khỏi mang tội với các vị tiền bối đã vị quốc vong nhân (1) đã qua đời và các vị tiền bối hiện nay còn vất vả bôn ba ở hải ngoại cũng như còn ở tù trong lao tù.

Tôi xin nói tiếp là tại đây có năm nhân vật lỗi lạc trên chính trường, tôi xin nêu danh sách và khuynh hướng để cùng nhau biết rõ lập trường của mỗi chiến sỹ để tranh luận cho có hiệu lực.

Tôi xin thưa qua danh tánh và khuynh hướng chính trị, có chỗ nào sai lầm, xin đương sự làm ơn cải chánh cho cử toạ nghe. Tôi xin thưa:

1) Cụ Phan Châu Trinh, đồng chí với tôi. Cụ đã làm quan, bỏ về theo đường cách mệnh. Đi Nhật, về nước bị tù đầy ra Côn Lôn, nhờ Hội Nhân Quyền Pháp can thiệp được trả tự do qua Pháp sống lây lất, gặp chiến tranh không chịu đi đánh giặc bị giam cầm một thời gian. Nay chủ trương :

"Lao tư cộng tác ỷ Pháp cầu tiến bộ."

2) Anh Nguyễn Ái Quốc, trốn ra khỏi nước

nhà, qua Pháp, qua Anh rồi trở về Pháp, chủ trương "Cách mệnh triệt để." (Lúc ấy chưa công khai chủ trương Cộng sản vì ở Pháp lúc bấy giờ ông Nguyễn Văn Tạo đã là Phó Chủ tịch Đảng Cộng sản tại Bordeau).

3) Ô. Kỹ sư Cao Văn Sến, viết báo bằng Pháp Văn, tại Pháp, cực lực phản đối thực dân Pháp ở Đông Dương. Đường lối tranh đấu cho Tổ Quốc Việt Nam gần như cụ Phan Tây Hồ và cũng thiên về Đảng Lập Hiến Đông Dương của cụ Bùi Quang Chiêu.

4) Ô. Phạm Quỳnh, Chủ nhiệm Tạp Chí Nam Phong, chủ trương Quân chủ Lập Hiến.

5) Ô. Nguyễn Văn Vĩnh, chủ nhiệm Báo Trung Bắc Tân Văn chủ trương "Trực trị," và kịch liệt phản đối quan lại Nam Triều mà ông không còn tin tưởng được nữa.

Kính xin quí bạn dùng cơm vui vẻ và lần lượt giải thích thảo luận, trình bày những khía cạnh chủ trương của mình mà anh em còn thắc mắc.

Cụ Phan Tây Hồ bắt đầu nói: Tôi đã gặp Nguyễn Ái Quốc từ 10 năm trước đây mà tôi nhận thấy anh chủ trương Cách mệnh triệt để quá táo bạo nên tôi không thể theo anh được, và anh cũng không chấp nhận đường lối của tôi, anh phải đi qua nước Anh rồi về đây. Vừa rồi có ông Cảnh, bạn thân của anh và cũng đồng châu với tôi, có tìm đủ cách để dung hòa đường lối tranh đấu mà mong muốn cho hai chúng tôi xích lại gần nhau. Nhưng dầu tôi tỏ thiện chí đến đâu, tôi cũng thấy còn khó...

Anh Quốc tiếp lời: Mấy hôm nay anh Cảnh qua đây có tiếp xúc nhiều với tôi và có nói với tôi một câu ước mơ của Cụ Trần Vân: Nếu cuộc khởi nghĩa của Vua Duy Tân thành công thì sau này việc đầu tiên chúng ta sẽ làm là viết chữ Việt Nam không phải chữ "Tuất" một bên, mà phải viết chữ "Việt" là Phủ Việt, "Rìu Búa," mới kiện toàn được sự nghiệp cách mệnh. Sở dĩ tôi chủ trương Cách mệnh triệt để là xưa nay muốn dành độc lập cho Tổ Quốc và Dân Tộc thì không thể nào ngã tay xin ai được mà phải dùng sức mạnh như cụ Trần Cao Vân đã nói là phải dùng BÚA RÌU.

Ô. Nguyễn Văn Vĩnh cướp lời ngay đã bênh vực chủ trương của mình mà cũng để giác ngộ anh Quốc - Tôi đã từng đứng trong hàng ngũ Đông Kinh Nghĩa Thục, cùng các bậc tiền bối và rất đau đớn thấy hàng ngũ lần lượt tan rã, và hầu hết phần tử ưu tú chiến sĩ quốc gia bị tiêu diệt: Hết Phong Trào Đông Kinh Nghĩa Thục, Chiến khu Yên Thế của Đề Thám ở Bắc, rồi đến vụ xin thuế ở miền Trung, rồi đến Thiên Địa Hội và Phong Trào kháng chiến ở Nam, Phong Trào Cần Vương ở Trung, trước sau đều bị phân tán đến nỗi ngày nay tất cả các tổ chức cách mệnh ấy chỉ còn cái tên trong ký ức chúng ta thôi: Bao nhiêu chiến sĩ đều gục ngã hoặc còn vất vưởng sống ở Côn Đảo, Thái Nguyên, Lao Bảo, hay Ban Mê Thuột. Bạo động như anh Quốc nói là thậm nguy! Tôi không muốn khóc anh Quốc bị tiêu mà khuyên anh khôn khéo chèo chống cho qua cơn sóng gió hãi hùng, cẩn trọng hoài bão chí khí và nhiệt huyết để phụng sự Tổ Quốc và Dân Tộc. Hiện nay, khó mà được người có can trường đanh sắt như anh. Sở dĩ tôi theo lập trường TRỰC TRỊ (administration directe) là kinh nghiệm cho tôi thấy Nam Kỳ trực trị mà tiến bộ quá xa hơn Trung Bắc. Mà Bắc Kỳ nhờ chế độ mập mờ nửa Bảo Hộ nửa Trực Trị (không công khai) mà còn hơn Trung Kỳ quá xa. Chính thể Bảo Hộ tại Trung Kỳ là quá lạc hậu, đồng bào chúng ta ở đó còn trong tình trạng ngu muội. Cứ Trực Trị cái đã rồi sau khi được khai hoá theo đà tiến bộ thì tức khắc dân chúng tự có sức mạnh mà trồi đầu lên. Nói Trực Trị tôi chẳng khi nào chịu giao nước Nam cho Tây đâu. Quá khứ đường lối tranh đấu của tôi, cuộc đời thiếu thốn của tôi đã hùng hồn bảo đảm cho lời nói của tôi hôm nay.

Nguyễn Ái Quốc,
Moskowa, tháng Bảy 1924

Ô. Phạm Quỳnh tiếp: Có lẽ ngay giữa tiệc này tôi đã thấy có rất nhiều lập trường tranh đấu chống lại chủ thuyết mà tôi vẫn hoài bão: "QUÂN CHỦ LẬP HIẾN." Nói đến nền quân chủ thì phần đông tỏ vẻ lo sợ chế độ chuyên chế. Nhưng xin đồng bào trương mắt nhìn hai nước Anh và Nhật. Với nền Quân chủ họ đã văn minh tột mức và dân chủ còn hơn các nền dân chủ cộng hoà khác nhiều lắm. Họ có thể đứng vào hàng

đàn anh trên hoàn cầu. Đây tôi chủ trương là "Quân Chủ Lập Hiến." Vua chẳng còn quyền hành gì trong tay mà chuyên chế được. Vua chỉ là người đứng lên "thừa hành" bản hiến pháp mà chính nhân dân toàn quốc được triệu tập dự thảo và quyết định. Như thế chúng ta có một chế độ trường cửu do ý dân tự tạo cho mình. Chớ như chế độ Cộng Hoà hay Dân Chủ thì sợ mỗi khi sau bốn năm, có thay đổi Tổng Thống thì thay đổi tất cả, làm cho guồng máy hành chánh trong nước phải bị xáo trộn trầm trọng.

Từ ngày tôi sáng lập Tạp chí Nam Phong đến nay tôi có nhiều dịp đi đó đây tiếp xúc rất đông đồng bào ba kỳ thì phần đông - mà xin quả quyết là đại đa số - đều nhiệt liệt tán thành chế độ quân chủ lập hiến. Người Nam cũng niềm nở hưởng ứng vì thấy đó là đường lối duy nhất để thống nhất lãnh thổ và dân tộc từ mũi Cà Mau đến ải Nam Quan.

Ô. Phạm Quỳnh vừa dứt lời thì tôi ngó qua Ô. Kỹ sư Cao Văn Sến. Biết là đến phiên biện giải, ông Sến tiếp lời ngay để nói đường lối đấu tranh của mình.

- Thú thật, tôi tiêm nhiễm sâu xa văn hoá Pháp và cũng nhận thấy văn hoá này có thể giúp cho dân tộc ta tiến lên đài văn minh tiến bộ như mọi dân tộc khác trên hoàn cầu. Tôi thấy họ văn minh thật sự về mọi mặt. Nhưng từ ngày tôi ở đây, luôn luôn chống đối chính phủ Đông Dương, vì tôi nhận thấy cũng là người Pháp, mà mỗi khi bước chân xuống tầu qua Đông Dương, thì bắt đầu có trong khối óc họ những chủ trương thực dân hà chánh tàn khốc, mà tôi không thể chấp nhận được cho đồng bào cả ba Kỳ, mặc dầu ở Nam Kỳ , dân khí đã tiến bộ khá mạnh, người Pháp chẳng dám ăn hiếp như ở hai kỳ kia. Vì thế tôi nhờ tài liệu nước nhà mà anh em thuỷ thủ hàng hải thường thường vui lòng cung cấp cho tôi dùng làm hào để chống đối chế độ thực dân ở Đông Dương. Tôi thành thực thưa rằng tôi chưa có một chủ thuyết rõ rệt như bốn ông vừa giải thích rành mạch. Tôi chỉ có thái độ chống bọn thực dân xấu xa bỉ ổi.

Ô. Cao Văn Sến được cử toạ nhiệt liệt hoan hô, vì ông khiêm nhượng không dám đưa ra một chủ thuyết gì mới mà chỉ nói lên lời nói chân thành của con tim người dân yêu nước, yêu đồng bào.

Nhận thấy năm diễn giả đã nói lên lập trường của mình và ai cũng biện minh chủ thuyết mình là đúng là hay, tôi muốn dung hoà tìm cách đúc kết làm sao mà sau khi ai về nhà nấy ai cũng sẽ có một hệ thống gì để lại sau lưng chúng ta khả dĩ tiếp tục tranh đấu đến thắng lợi. Lời nói thì hay, nhưng để như vậy ra về, thì thiếu thống nhất cho đường lối tranh đấu về tương lai.

Tôi khẩn khoản xin Quý Cụ là bậc tiền bối nên thảo luận ngay một kế hoạch hay hệ thống nào để làm việc cho có hiệu quả về sau.

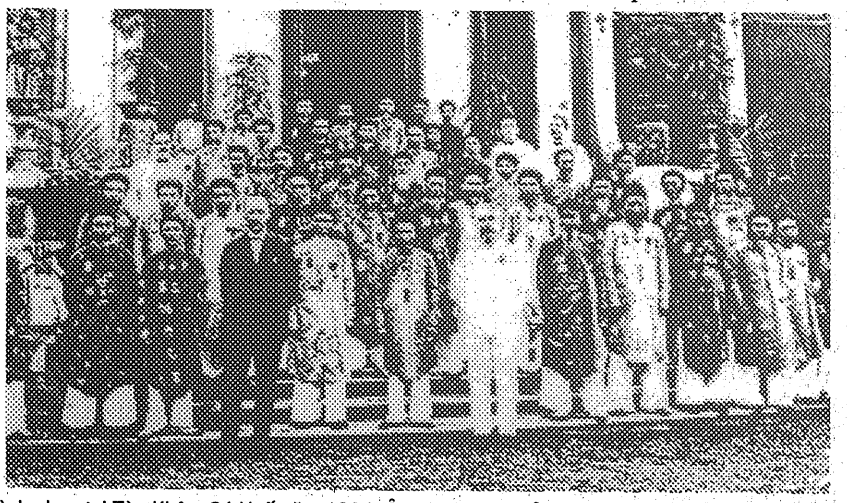

Hình chụp tại Tòa Khâm Sứ Huế năm 1924. Ông Lê Thanh Cảnh đứng hàng sau cùng ngay trước cây kiểng bên trái.

Anh Quốc nóng nẩy bảo ngay: Thì xin Chú nói ngay ý kiến chú ra.

Tôi tiếp lời: Cũng như anh đã trả lời cho Cụ Phan mấy hôm trước đây, tôi muốn nghe ngóng tất cả để sau này áp dụng một chủ nghĩa thực tiễn, lấy Văn hoá Việt Nam làm gốc. Có thế mới hợp với tính tình Dân Tộc Việt Nam: Hành động gì bây giờ là thất bại ngay, mà cũng như Cụ Phan Tây Hồ đã trịnh trọng cảnh cáo hai anh em chúng tôi mấy kỳ gặp gỡ trước đây, mà tôi rất bái phục:

"Vô bạo động, bạo động tắc tử, vô vọng ngoại, vọng ngoại tắc ngu. Dư hữu nhất ngôn dĩ cáo ngộ đồng bào. Viết; Bất như Học."

Anh Quốc quát to tiếng: "Nầy cụ Tây Hồ, nếu Cụ qua làm Toàn Quyền Đông Dương

thay mặt thực dân cũng chỉ nói như thế thôi. Bó tay mà chịu lầm than sao? Không được!"

Tôi sợ anh Quốc đi quá trớn, đứng lên thưa, ôn hoà: Tôi xin anh suy nghĩ thêm về lời khuyên của Cụ Tây Hồ. Nếu chúng ta khôn khéo thì "bất chiến tự nhiên thành."

Anh Quốc lại quát lớn: "Lại thêm chú này nữa kìa!"

Tôi được dịp kịch liệt bác bỏ luận điệu anh Quốc và bênh vực chủ thuyết của Cụ Tây Hồ:

Tôi có đọc và rất chú ý đến mấy lời kết luận một bài diễn văn của Tổng Trưởng Thuộc Địa Albert Sarraut vừa đọc tại Trường Cao Học Thuộc Địa như thế này: "Chúng ta nên thành thực khai hoá thuộc địa mênh mông của chúng ta khắp năm châu. Biết đâu một ngày nào đó chẳng xa, sau khi được khai hoá tiến bộ đến mức, các dân tộc này sẽ trỗi dậy, dõng mãnh như LÀN SÓNG THỐI HẬU (vagues de ressac: sic) và sẽ là sức mạnh vô biên cho toàn thể Liên Hiệp Pháp với dân số trăm triệu!" Xin anh Quốc hiểu cho, đó là thâm ý của tôi nói mấy chữ "bất chiến tự nhiên thành." Nhưng chúng ta phải nghe lời tiền bối như Cụ Phan Tây Hồ, bắt đầu HỌC và hăng hái HỌC.

Anh Quốc không chịu và nói chớ nghe bọn nó ru ngủ chúng ta, mà bỏ lỡ công cuộc tranh đấu cho Tổ Quốc, ngồi chờ "làn sóng thối hậu" thì ngớ ngẩn quá, chớ nghe chúng phỉnh!

Tôi không chịu nhượng bộ, vội vã tiếp:

Xin anh Quốc hãy quay lại lịch sử nhân loại mà suy gẫm câu nói chí lý của nhà văn hào La Mã HORACE, gần hai nghìn năm nay, như thế này: "Hy Lạp bại trận dưới gót giầy xâm lăng của La Mã, bị văn hoá La Mã tràn ngập! Nhưng Hy Lạp đã khôn khéo tiêu hoá nền văn minh kia, để bồi dưỡng văn hoá truyền thống của mình, rồi nhờ đó, chiến thắng lại kẻ đã đánh bại mình trước kia và đem văn hoá phối hợp của mình đi chinh phục và khai hoá lại La Mã."

Xin anh Quốc nên suy gẫm rằng "bánh xe lịch sử" sẽ tiếp tục lăn tròn và đến ngày dân tộc Việt Nam ùa theo "làn sóng thối hậu" mà vùng dậy thì chẳng còn sức mạnh nào ngăn chặn nổi. Tôi đặt nhiều hy vọng vào tương lai Dân Tộc Việt Nam vì sức mạnh vô biên của Văn Hoá Việt Nam có những *"bí quyết tồn chủng"* mà dân tộc khác không nghĩ đến.

Cử tọa nghe lời tôi biện bạch xác đáng là cứ ôn hoà chờ đợi thời cơ thuận tiện để tranh đấu.

Thấy anh Quốc chưa hoàn toàn chịu phục, tôi nói thêm về lịch sử Trung Hoa: "Hán Sở tranh hùng" mà nhấn mạnh rằng: Cái thắng lợi cuối cùng không phải về cho kẻ mạnh, mà kẻ yếu biết khôn khéo dùng *"thế"* và *"cơ"* để thắng cuộc. Lúc bấy giờ ai mạnh cho bằng Hạng Võ, ai yếu cho bằng Lưu Bang. Nhưng Lưu Bang rút lui về Hán Quốc, là nơi khỉ ho cò gáy, để tìm cho kỳ được cái *thế* (vì có *thế* là cái bàn đạp thì dễ dàng xeo nổi quả địa cầu kia mà), rồi sau khi ngồi trên *"thế"* sẽ dùng đến *"cơ"* mà đánh bẹp Hạng Võ phải tự ải ở Ô Giang!

Làm chính trị phải suy luận chín chắn bài học lịch sử. Tôi khẩn khoản xin anh nghe lời Cụ Tây Hồ. Cử toạ đồng thanh cho tôi nói đúng lý, và ngỏ lời cùng ô. Đức và tôi rất cảm kích về bữa tiệc hôm ấy.

Trước khi chia tay, tôi còn khẩn khoản thưa cùng Quý khách đôi lời đã đúc kết cuộc thảo luận hôm nay bằng lời quả quyết rằng: Bất cứ chánh sách gì cho Tổ Quốc Việt Nam ngày mai, mà không dựa vào nền tảng *Văn Hóa* và *Văn Hiến nghìn xưa* của dân tộc sẽ bị thảm bại. Vì dân ta đã thâm căn cố đế tiêm nhiễm sâu sắc với những tập quán cha truyền con nối bằng một *tinh thần cố hữu* đã được đơm hoa kết quả tốt đẹp qua bao cuộc thăng trầm.

Các Cụ cho là phải, lần lượt bắt tay tôi siết thật mạnh tỏ vẻ tán thưởng tấm nhiệt thành của tôi.

Phần đông quan khách hôm ấy đều có xe, nhiều người đổ xô ra mời Cụ Phan và anh Quốc lên xe để họ đưa về. Nhưng anh Quốc rỉ tai cùng tôi, bảo: Chú đưa mình về, vì mình không muốn ai biết cái nghèo của mình.●

Lê Thanh Cảnh

*** Chú thích của người sưu tầm.**

KÝ ỨC của Ông Lê Thanh Cảnh trên đây được chép lại đúng theo bộ sưu tập của Gia đình Ông Nguyễn Văn Vĩnh, giữ nguyên những chữ đặt trong dấu ngoặc kép hoặc có gạch dưới. Bộ sưu tập không ghi rõ KÝ ỨC này được đăng trong tập san Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Trường Quốc Học Huế phát hành vào thời điểm nào, tại đâu. Tuy nhiên, bằng vào Lời Người Viết: "câu chuyện năm mươi năm trước không dễ gì nhớ lại được..." có thể suy ra rằng KÝ ỨC được ông Lê Thanh Cảnh viết vào khoảng đầu thập niên 70.

(Được biết tập san của Hội Ái hữu Cựu học sinh trường Quốc học Huế được xuất bản tại trước đây miền Nam, khoảng thập niên 60 và 70. TK 21)

AI ĐƯA CÔNG CHÚA SANG NGANG?

TRẦN GIA PHỤNG

Sau khi Nguyễn Hoàng từ trần năm 1613, con là Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên, lúc đó 51 tuổi (âm lịch), lên kế vị và cầm quyền từ 1613 đến 1635. Sãi Vương có mười một người con trai và bốn cô con gái theo thứ tự là: Ngọc Liên, Ngọc Vạn, Ngọc Khoa và Ngọc Đỉnh. (1)

Trong bốn cô này, trưởng nữ Ngọc Liên được gả cho Phó tướng Nguyễn Hữu Vinh. Nguyễn Hữu Vinh nguyên tên là Mạc Cảnh Vinh, con của Mạc Cảnh Huống. Mạc Cảnh Huống là em của Mạc Kính Điển, và là chú ruột của bà Mạc Thị Giai, sau đổi là Nguyễn Thị Giai, tức là vợ của Sãi Vương, và là mẹ của Ngọc Liên. Nói cách khác Vinh là em chú bác ruột với bà Giai, và cưới cô cháu là Ngọc Liên.

Cô gái út Ngọc Đỉnh lấy chồng là Phó tướng Nguyễn Cửu Kiều. Bà từ trần năm giáp tý (1624). Vào năm 1633, trấn thủ Quảng Nam là Nguyễn Phúc Anh, con thứ của Sãi Vương, muốn làm phản, kiếm cách đổi ra Quảng Bình để dễ liên kết với họ Trịnh ở Đàng ngoài. Anh liền xui người tố cáo trấn thủ Quảng Bình là Nguyễn Phúc Tuấn hà khắc với dân chúng, và xin Nguyễn Phúc Anh ra thay. Sãi Vương tin thật, liền quyết định đưa Anh ra thay Tuấn. Nhưng khi chiếu chỉ nhà chúa vào Quảng Nam, Anh lại đi săn mười ngày mới về. Sãi Vương được tin này, rất tức giận, liền bỏ ý định cử Anh ra Quảng Bình. Thay vào đó Sãi Vương cử con rể là Nguyễn Cửu Kiều, chồng của Ngọc Đỉnh. Chính trong thời gian nầy, chúa Trịnh theo lời yêu cầu của Nguyễn Phúc Anh, đem quân đánh Đàng trong vào tháng 11 năm quý dậu (1633), nhưng bị Nguyễn Mỹ Thắng và Nguyễn Hữu Dật chận đứng. Không thấy nội ứng, chúa Trịnh bèn rút quân về. (2)

Tiểu sử cô gái thứ nhì và thứ ba của Sãi Vương không được chính sử nhà Nguyễn ghi lại. Khi trình bày về liên hệ ngoại giao giữa Đại Việt và Chân Lạp (Chen-la, Cambodia ngày nay) vào đầu thế kỷ 17, tác giả Phan Khoang viết: *"... Vua Chân Lạp Chey Chetta II muốn tìm một đối lực để chống lại lân bang Tiêm La* [Siam, Thái Lan ngày nay] *nguy hiểm kia, đã xin cưới một công nữ con chúa Nguyễn, làm hoàng hậu, trông mong được sự ủng hộ của triều đình Thuận Hóa, và chúa Hy Tông có mưu đồ xa xôi, năm 1620, đã gả cho vua Chân Lạp một công nữ. Cuộc hôn nhân này có ảnh hưởng lớn lao đến vận mạng Chân Lạp sau nầy..."*

Trong phần chú thích, tác giả Phan Khoang ghi nhận rằng: *"Việc nầy, sử ta đều không chép, có lẽ các sử thần nhà Nguyễn cho là việc không đẹp nên dấu đi chăng? Nhưng nếu họ quan niệm như vậy thì không đáng... Sử ta không chép, nhưng theo các sách sử Cao Miên do các học giả Pháp biên soạn, mà họ lấy sử liệu Cao Miên để biện soạn, thì quả Chey Chetta II năm 1620 có cưới một công nữ con chúa Nguyễn. Giáo sĩ Borri, ở Đàng trong trong thời gian ấy, cũng có nói đến cuộc hôn nhân này. Xem L.T.T.B. [Liệt truyện tiền biên] mục công chúa, thấy chúa Hy Tông [Sãi Vương] có bốn con gái, hai nàng Ngọc Liên, Ngọc Đãnh [Đỉnh] thì có chép rõ sự tích chồng con, còn hai nàng Ngọc Vạn, Ngọc Khoa thì chép là "khuyết truyện," nghĩa là không rõ tiểu truyện, tức là không biết chồng con thế nào. Vậy người gả cho vua Chey Chetta II phải là Ngọc Vạn hay Ngọc Khoa."* (3)

Việc tác giả Phan Khoang viết trên đây, được hai ông Dohamide và Dorohiem xác nhận trong Dân tộc Chàm lược sử, xuất bản

tại Sài Gòn năm 1965. Trong sách nầy hai ông viết: *"... Nguyên từ năm 1623, vua Chey Chetta II cưới một công chúa Nam Việt, đã nhượng lại cho Nam triều những thuế quan ở Sài Gòn. Vị công chúa kể trên đã giữ một vai trò quan trọng trong chánh sách đối nội của Cam Bốt."* (trang 103).

Cuối cùng, là tài liệu *Nguyễn Phúc tộc thế phả,* do những người trong dòng họ Nguyễn Phúc soạn, được Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc tộc thông qua, và ấn hành tại Huế năm 1995. Những người viết sách nầy đã dựa vào các bộ sách của nhà Nguyễn để viết lại bộ gia phả dòng họ Nguyễn Phúc. Về cô con gái thứ nhì của Sãi Vương, bộ sách nầy viết: *"...Năm canh thân (1620) bà* [Ngọc Vạn] *được đức Hy Tông [Sãi Vương] gả cho vua Chân Lạp là Chey Chetta II. Về sau, nể tình bà, vua Chân Lạp cho người Việt lập một dinh điền tại Mô Xoài (Bà Rịa ngày nay)."* (trang 126)

Đến đây, số phận của công chúa thứ nhì của Sãi Vương đã rõ ràng. Còn cô công chúa thứ ba, Nguyễn Phúc Ngọc Khoa, cũng sách *Nguyễn Phúc tộc thế phả* viết: *"... Năm tân mùi (1631) bà* [Ngọc Khoa] *được đức Hy Tông gả cho vua Chiêm Thành là Pôrômê. Nhờ có cuộc hôn phối nầy mà tình giao hảo giữa hai nước Việt Chiêm được tốt đẹp."* (trang 126)

Trong sách *Dân tộc Chàm lược sử,* hai ông Dohamide và Dorohiem cho biết theo lời của một vị "Pô Thea," người phụ trách giữ tháp Pô Ro mê, kể cho tác giả E. Aymonier câu chuyện rằng vua Pô Ro mê có ba vợ. Bà vợ đầu là Bia Thanh Chih, con của vị vua tiền nhiệm đã truyền ngôi cho Pô Ro mê. Bà nầy không có con. Pô Ro mê cưới người vợ thứ nhì là một cô gái gốc Ra đê, tên là Bia Thanh Chanh. Bà nầy sinh được một công chúa, sau gả cho hoàng thân Phik Chơk. Hoàng thân Phik Chơk lại *"liên kết với vua Yuôn* [chỉ người Việt] *và cho triều đình Huế rõ nhược điểm trong tâm tánh của Pô Ro mê: sự yếu đuối trước sắc đẹp mỹ nhân. Vua Yuôn đã cho một công chúa thật đẹp giả dạng làm khách thương sang nước Chàm. Do sự sắp xếp khéo léo, tin tức về nữ khách thương duyên dáng ngoại bang nầy đến tai Pô Ro mê, nên Pô Ro mê đã cho dời đến và khi vừa thấy mặt thì đã phải lòng ngay. Người Chàm gọi vị công chúa Yuôn nầy là Bia Ut hay Nữ Hoàng Ut cũng thế." (4)*

Như vậy, cô gái thứ ba của Sãi Vương đã về làm hoàng hậu Chiêm Thành theo lời thuật về phía Chiêm Thành cũng như về phía những người con cháu trong dòng họ nhà Nguyễn Phúc.

Câu chuyện ngang đây tưởng đã rõ ràng, không ngờ trong sách *Hội An* do nhà xuất bản Đà Nẵng ấn hành năm 1997, trong chương 3 "Những nhân vật đặc biệt của Hội An, mục 1 "Hai người đàn bà Hội An ở Nhật Bản", tác giả Nguyễn Văn Xuân viết: *"Sotaro âm là Mộc Thôn Tông Thái Lang. Dòng họ nầy rất giàu có và đã sang ở Hội An rất sớm, bằng cớ còn lưu lại là một bức thư ngắn, bằng chữ Nôm gởi cho chúa Nguyễn. Mộc Thôn là chủ một chiếc tàu riêng. Ông cư trú tại đây làm ăn và gây nhiều cảm tình mật thiết với chúa Nguyễn Phước Nguyên. Ông được chúa Nguyễn tin cậy, giao cho nhiều trọng trách ở Hội An. Vào năm 1619, chúa Nguyễn lập cho ông một tờ thư xác nhận ông đã tự nguyện ở dưới gối (tức là làm chức quan trung thành với chúa). Sau đó chúa cho ông lấy họ Nguyễn tên Đại Lương, cự danh Hiển Hùng. Chúa cũng mưu sự giao thông lâu dài, tốt đẹp với Nhật Bản nên gả con gái là Ngọc Khoa cho ông."* (tr. 78)

Nguồn tin trên đây rất tiếc không được tác giả Nguyễn Văn Xuân cho biết xuất xứ ở đâu. Ông không trưng dẫn tài liệu cụ thể để minh chứng những điều đã được viết ra.

Trên đặc san *Quảng Đà* năm mậu dần 1998, do nhà xuất bản Sông Thu ở Los Angeles, California, Hoa Kỳ xuất bản tháng 6-1998, trong bài "Những nét đại cương về thành phố Hội An," mục "Hội An và giai thoại công chúa Ngọc Khoa," các trang 21 và 22, ông Kiêm Đạt đưa ra cả hai thuyết về công chúa Ngọc Khoa như sau:

"Thuyết 1: Công chúa đã kết hôn với vua Chăm Pa là Po Romé. Chủ đích của chúa Sãi là dùng tình hòa hiếu để mở rộng nền ngoại thương, góp phần phát triển đất Hội An. Nhưng theo nhiều tài liệu của nước Chăm Pa thì lại nói nhiều đến cuộc hôn nhân giữa Po Romé và công chúa Ngọc Khoa và âm mưu thôn tính Chiêm Thành của chúa Nguyễn.

"Thuyết 2: Công chúa kết hôn với một thương khách người Nhật Bản đến buôn bán nhiều năm tại Hội An (1603-1619) tên là Araki Sotaro, tên Việt là Nguyễn Đại Lượng. (5) Bà đã theo chồng về Nhật năm 1620, gặp lúc Nhật cấm tàu buôn xuất dương, đành ở lại Nagasaki, lấy tên Nhật là Okakutome, gọi tên thân mật là Anio. Họ sinh hạ được một người con gái, đặt tên là Yasu. Sotaro qua đời năm 1636 và công chúa Ngọc Khoa cũng mất vào năm 1645; ngôi mộ của hai

người được chôn cất trong khuôn viên chùa Daion-Ji, nơi họ đã bỏ công sức xây cất và trùng tu. Những liên hệ của người Nhật đến buôn bán ở Hội An trong khoảng thời gian từ 1559 cho đến năm 1764 được ghi chép trong bộ Gaiban Tssusho. Câu chuyện Sotaro, Hội An cũng được ghi trong sách nầy đánh dấu từ số 11 đến số 14, được dịch ra là 'Hòa văn ngoại thiên thông thư.' (Theo Vũ Sơn Thủy - Thời báo Kinh Tế - SG 1993 trang 12)."

Như vậy, tác giả Kiêm Đạt viết có phần rõ ràng hơn ông Nguyễn Văn Xuân, trưng dẫn các tài liệu mà ông cho là liên hệ đến công chúa Ngọc Khoa. Rất tiếc là chúng ta chưa có bản dịch cụ thể về bộ sách *"Hòa văn ngoại thiên thông thư"* để tham khảo thêm. Có một câu hỏi cần được đặt ra ở đây: theo tài liệu nầy, ông Sotaro đã kết hôn với một phụ nữ Hội An, nhưng đó có phải là công chúa Ngọc Khoa hay không?

Trước hết, Nguyễn Phước Nguyên, khi còn là hoàng tử, được Nguyễn Hoàng gởi đi trấn thủ dinh Quảng Nam năm nhâm dần (1602). Nguyễn Hoàng từ trần ngày 3-6 năm quý sửu (20-7-1613), Nguyễn Phước Nguyên về Thuận Hóa, kế vị cha, lên làm chúa tức Sãi Vương. Thời gian Nguyễn Phước Nguyên trấn nhậm Quảng Nam trùng hợp với thời gian Sotaro ở Hội An (1603-1619). Dinh trấn thủ không ở Hội An, mà ở làng Thanh Chiêm, cách Hội An khoảng 10 cây số. Có thể giữa Nguyễn Phước Nguyên và Sotaro có liên lạc với nhau, nhưng trường hợp Sotaro có thật sự quan trọng đến mức cho một nhà chính trị khôn ngoan mưu lược như Sãi Vương gả con gái hay không?

Theo sách vở ghi lại, Sotaro là một thương nhân giàu có, làm chủ một chiếc tàu buôn riêng. Sãi Vương có thể biết được sự giàu có nầy, nhưng chủ nhân ông của một chiếc tàu buôn chưa phải là hạng đại phú gia đủ để một vị chúa tương lai của Đàng trong đặc biệt chú ý để gả con. Ngoài ra chắc chắn Sãi Vương không biết gì nhiều về nguồn gốc xuất xứ của Sotaro ở Nhật Bản, vì nước nầy quá xa xôi. Đó là chưa kể theo quan niệm xưa, những người đi "vong" kiếm sống, buôn bán làm ăn xa xôi nguy hiểm như từ Nhật Bản qua Đại Việt, chắc chắn không phải là những người trong giới quý tộc hay giới giàu có tại địa phương của nước đó. Vậy dù trên phương diện tình cảm gia đình hoặc trên quyền lợi chính trị cá nhân hay quốc gia, Sãi Vương khó có thể cho con gái của ông "hạ giá" (6) với một người mà ông không biết gốc gác, và cũng chẳng đem lại lợi ích gì nhiều cho ông về chính trị hay ngoại giao.

Về phần ông Sotaro, có thể ông có những quan hệ với Nguyễn Phúc Nguyên khi ông nầy còn là hoàng tử trấn nhậm Quảng Nam, và như đã nói ở trên, Sotaro đã kết hôn với một người đàn bà Việt, có thể là người Hội An theo như các tài liệu của ông Kiêm Đạt hoặc ông Nguyễn Văn Xuân. Khi từ Đại Nam xa xôi trở về lại tổ quốc, nhắm làm tăng giá trị của người đàn bà ông yêu mến, trong một xã hội quân chủ phong kiến như Nhật Bản, Sotaro có thể nói với gia đình, hoặc với bà con rằng vợ của ông là công chúa hay gì đi nữa, làm sao ai biết được?

Trở lại tài liệu trong sách *Nguyễn Phúc tộc thế phả* và trong sách *Dân tộc Chàm lược sử*. Cả hai sách nầy, từ hai phía khác nhau, đều xác nhận công chúa Ngọc Khoa đã về làm hoàng hậu Chiêm Thành. Việc nầy phù hợp với sách lược chính trị của Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên muốn phát triển về phương Nam một cách hòa bình. Trước khi gả Ngọc Khoa qua Chiêm Thành năm 1631, ông đã gả Ngọc Vạn qua Chân Lạp năm 1620.

Cuộc hôn nhân của Ngọc Khoa xảy ra sau khi lưu thủ Phú Yên là Văn Phong liên kết với người Chiêm Thành, nổi lên làm phản năm kỷ tỵ (1629). Sãi Vương liền cử Phó tướng Nguyễn Hữu Vinh đem quân dẹp yên, và đổi phủ Phú Yên thành dinh Trấn Biên. (7)

Cuộc rối loạn nầy làm cho Sãi Vương rất lo ngại, vì lúc đó chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc vừa mới khởi diễn năm đinh mão (1627) tại vùng Bố Chính (Quảng Bình ngày nay). Nếu ở vùng biên giới phía nam, Chiêm Thành quấy phá mãi thì Sãi Vương sẽ lâm vào tình trạng hai đầu gặp địch, rất khó chống trả. Có thể vì vậy ông quyết định dàn xếp với Chiêm Thành, và đưa đến cuộc hôn nhân hòa hiếu Việt Chiêm năm 1631 để rút ngòi nổ của phía Chiêm Thành, bảo đảm an ninh mặt nam. Lúc bấy giờ, tuy đã bị vua Lê Thánh Tông (trị vì 1460-1497) chia làm ba nước nhỏ từ năm 1471, Chiêm Thành vẫn còn khá mạnh. Năm 1594, quốc vương Chiêm Thành đã gởi viện binh qua giúp vua xứ Johor ở bán đảo Mã Lai chống lại sự xâm lược của Bồ Đào Nha. (8) Pô Romé là một vị vua anh hùng của Chiêm Thành, cai trị nước nầy trong thời gian 24 năm (1627-1751). *"Với những chiến công hiển hách*

được tô thêm nhiều chi tiết huyền thoại, Pô Ro mê đã được người dân Chàm thần linh hóa và đưa lên ngang hàng với Pô Klong Ga rai vậy." (9)

Hoàn cảnh khó khăn của Đàng trong, cùng với một vị phò mã anh hùng như Pô Ro mê, mới xứng đáng cho Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên hy sinh tình cảm gia đình cá nhân, đưa con gái cưng của mình qua làm hoàng hậu Chiêm Thành.

Bà vợ của thương nhân Sotaro chắc chắn không thể là công chúa Ngọc Khoa. Trở lại những tài liệu của các ông Vũ Sơn Thủy, Nguyễn Văn Xuân và Kiêm Đạt, bà vợ của Sotaro có thể là một người bà con trong dòng họ Nguyễn Phúc, có thể đã được Nguyễn Phúc Nguyên, khi ông còn là hoàng tử trấn nhậm ở Quảng Nam, tác thành cho hai bên lập gia đình với nhau. Biết đâu Nguyễn Phúc Nguyên nhận người đàn bà nầy làm con nuôi trong gia đình để làm tăng giá trị của cuộc hôn nhân? (10) Dầu thế nào, đây cũng là một điều lý thú có thể nghiên cứu thêm bằng những tài liệu về phía Nhật Bản.

Một điều cần ghi nhận cuối cùng là trong chế độ cộng sản Việt Nam, vì chủ trương đả phá chế độ quân chủ phong kiến, nhà cầm quyền Hà Nội luôn luôn kiếm cách khuếch đại những lỗi lầm của nhà Nguyễn, và không nói đến những thành quả của triều đại nầy. Việc mở mang miền Nam là công lao to lớn của các chúa Nguyễn, hầu như ít được các sử gia cộng sản xiển dương.

Gần đây, chính quyền cộng sản kỷ niệm ba trăm năm thành lập Sài Gòn (1698-1998). Điều nầy chứng tỏ cộng sản cố tình bỏ qua công ơn của công chúa Nguyễn Phúc Ngọc Vạn, con gái thứ nhì của Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên, đã qua Chân Lạp (Cambodia) làm hoàng hậu năm 1620. Chính nhờ hoàng hậu Ngọc Vạn, trung tâm định cư Sài Côn được thiết lập năm 1623, có chính quyền sơ khởi dưới hình thức tổ chức thu thuế tàu bè các nước đến buôn bán, và có quân đội bảo vệ cho dân chúng làm ăn sinh sống. Như vậy Sài Gòn đã được thành lập trên 375 năm chứ không phải chỉ 300 năm.

Từ đó, mọi người sẽ không lấy làm lạ khi nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam cố tình hướng dẫn dư luận rằng bà Ngọc Khoa, em của bà Ngọc Vạn, đã qua Nhật Bản, chứ không phải bà đã hy sinh ra đi làm hoàng hậu Chiêm Thành vì nền an ninh của xứ Đàng trong.●

Chú thích:

1. Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc tộc, *Nguyễn Phúc tộc thế phả,* Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1995, tr. 115.
2. Thế phả, tr. 126. Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng trong,* quyển thượng, Xuân Thu, Hoa Kỳ, tái bản không đề năm, tt. 328-329.
3. Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng trong,* quyển hạ, Xuân Thu, Hoa Kỳ tái bản không đề năm, tt. 400-401.
4. Dohamide và Dorohiem, *sđd.* tr. 149. Vì Po Ro mê là tên phiên âm, nên khi trích dẫn sách nào, chúng tôi viết theo sách đó để tôn trọng nguyên bản. Ẹ Aymonier là tác giả Pháp chuyên nghiên cứu về Chàm. Câu chuyện ông nghe trên đây được ông kể lại trong *Les Tchames et leurs Religions,* Paris, Ẹ Leroux, 1891.
5. Ông Nguyễn Văn Xuân viết tên Việt của Sotaro là Đại Lương; ông Kiêm Đạt viết là Đại Lượng. Chúng tôi xin ghi theo nguyên bản của hai ông.
6. Ngày xưa, công chúa đi lấy chồng gọi là "hạ giá."
7. Phan Khoang, *sđd.* tr. 386. Nguyễn Hữu Vinh tên thật là Mạc Cảnh Vinh, chồng của công chúa Ngọc Liên. Trấn Biên thường được dùng để đặt tên cho những dinh ở vùng biên giới. Về sau, khi cương thổ được mở rộng, dinh Trấn Biên lại xuống tận vùng Biên Hòa.
8. Pierre Bernard Lafont, "On the Relations Between Champa and Southeast Asia," trình bày tại cuộc hội thảo quốc tế về Chiêm Thành tại Đại học Copenhagen (Đan Mạch) ngày 23-5-1987, đăng trong *Proceedings of the Seminar on Champa,* Southeast Asia Community Resource Center, Rancho Cordova, California, 1994, trang 72.

Johor là tiểu quốc cực nam ở bán đảo Mã Lai, nằm trên đường thông thương huyết mạch giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, qua eo biển Malacca, giữa bán đảo Mã Lai và đảo Sumatra.

9. Dohamide và Dorohiem, sđd. tr. 147. Pô Klong Ga rai là vua Chiêm Thành rất anh hùng, trị vì từ 1151 đến 1205. *"Theo tục truyền, Pô Klong Ga rai đã dạy người Chàm đắp đập và lấy nước tưới ruộng, để sau cùng thăng thiên, thành một thần linh che chở người dân Chàm cho đến ngày nay."* (Dohamide và Dorohiem, sđd. tr. 145.)

> Thưa Ngài, tôi chấp nhận định luật chung của ngài
> Rằng mọi thi sĩ đều là người điên.
> Nhưng bản thân ngài cũng chứng tỏ được rằng
> Không phải tên điên nào cũng là thi sĩ.
>
> **Alexander Pope (1688-1744)**

TRIỂN LÃM KÝ ỨC TRIỀU ĐẠI - "MÉMOIRE D'IMPIRE" Ở GRAND PALAIS - PARIS

NHỮNG BẢO VẬT CỦA VUA CÀN LONG LẦN ĐẦU TIÊN XUẤT DƯƠNG SANG PHÁP

THỤY KHUÊ

Một trong những nền văn minh xưa nhất và vĩ đại nhất của loài người: Trung Quốc, đối với phần đông thế giới bên ngoài vẫn còn là một kho tàng chưa thám hiểm. Cuộc triển lãm "Ký Ức Triều Đại" Mémoire d'Empire ở Grand Palais, Paris, từ 22 tháng 10 1998 đến 25 tháng giêng năm 1999 như một "échantillon" của cái biển văn hóa ấy, mà Đài Loan cho Pháp mượn xem. Để phương tây có một ý niệm sơ khởi về diện mạo năm ngàn năm văn hiến đích thực và liên tục từ thượng cổ thời đại đến ngày nay.

Trải qua các triều đại Hạ, Thương, Chu, Tần, Hán, Tấn, Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, dường như người Trung Hoa đã biết trước, từ lâu, sức tàn phá của thời gian và con người trên các đền đài cung điện, những công trình xây dựng trên mặt đất, và họ đã tìm được nguyên tắc lưu trữ vĩnh cửu dưới lòng đất: trong bia đá và cổ mộ.

Vào Rừng Bia ở Trường An (Tây An), người ta cảm ơn vua Tống Triết Tôn, năm 1087 đã lưu trữ những kinh điển cổ về văn và triết của Trung Quốc, trên đá, qua những bia khắc từ đời Đường Võ Tôn (826-840). Vào cung điện Ly Sơn của Đường Minh Hoàng, do nhà Minh xây dựng lại, người ta bồi hồi trước những bốn tấm bằng cẩm thạch tráng lệ và ấm lạnh của Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi. Vào thăm bảo tàng viện Vũ Hán, người ta sững sờ trước 124 nhạc cụ, dùng cho dàn nhạc đại hòa tấu của một vị vương thời Chiến quốc, thấy được ý nghĩa của Lễ Nhạc thời Xuân Thu và hiểu được truyền thuyết vua Đại Vũ nhà Hạ, cách đây 4000 năm, đã coi ngũ âm như năm nguyên tắc căn bản để trị nước.

*

Truyền thống sưu tập các tác phẩm nghệ thuật đến từ rất xưa trong lịch sử Trung Quốc. Từ đời nhà Hán, Hán Vũ Đế (140-87 trước công nguyên) đã sưu tập đồ đồng, đồ ngọc, hội họa và thư pháp — tức là chữ viết, calligraphie — và xây một tàng cổ viện để lưu trữ các tác phẩm nghệ thuật. Trong cuốn Các Danh Họa Mọi Thời, viết vào năm 847 dưới đời Đường Tuyên Tôn, tác giả cũng nhắc đến các sưu tập của các vua nhà Tùy (581 đến 618) và các vua Đường từ năm 618 trở đi. Nhưng hai vì vua nghệ sĩ nhất và tha thiết với nghệ thuật nhất trong lịch sử Trung Quốc là Đường Minh Hoàng (712-756) và Tống Huy Tôn (1101-1225), cả hai đều đã khuyến khích, đã sáng tác, phát triển thơ, văn, thư pháp và hội họa. Và hai vì vua nhà Thanh, Khang Hy (1662-1722) và Càn Long (1736-1795) là những nhà sưu tập lớn, đã phục hưng văn hóa Trung Quốc và đưa đồ sứ Trung Quốc lên tột đỉnh của nghệ thuật.

Cuộc triển lãm ở Grand Palais là một phần nhỏ của sưu tập Càn Long mà Đài Loan cho Pháp mượn. Nhưng trước khi nói rõ hơn về sưu tập này, chúng ta thử nhìn lại bối cảnh khai khẩn quá khứ ở Trung Quốc những năm gần đây.

*

Có thể sự việc bắt đầu từ cuối thế kỷ XIX,

khi người dân vùng Tiểu Đốn, huyện An Dương, tỉnh Hà Nam, phía bắc Hoàng Hà, đào được một ít khúc xương loài vật và mai rùa, có khắc hình, mà họ gọi là xương rồng và dùng để trị bệnh. Tin đó loan ra, triều đình nhà Thanh đoán được những hình trên giáp cốt đó là chữ thời cổ, cho nên ra lệnh thu mua, cứ mỗi chữ trả hai lạng rưỡi (100g) bạc. Tin loan tới phương Tây, Anh và Mỹ phái người tới mua mang về cho bảo tàng viện của họ khá nhiều.

Ngọc Thạch đời nhà Hạ

Năm 1914, một người Gia Nã Đại, về An Dương mua được cả trăm, ngàn giáp cốt có khắc chữ. Mãi đến năm 1927, chính phủ cách mạng Trung Hoa Quốc Dân Đảng mới cấm dân khai quật miền đồi An Dương và phái nhân viên tới đào bới, tìm được các nền dinh thự, trường thành, lăng tẩm, lò đúc, đồ gốm, đồ đồng, chiến xa... thuộc các thế kỷ thừ 14 đến 11 trước công nguyên.

An Dương chính là quốc đô của triều Thương, xây dựng trên đất Ân cũ, còn gọi là Triều Thương Ân, cách chúng ta 3500 năm.

Từ năm 1950 trở đi, trên khắp lãnh thổ Trung Hoa, đâu đâu cũng khai quật được di tích cổ, đáng kể là: - Năm 1974, khai quật phía Tây mộ Tần Thủy Hoàng, đã phát hiện 8000 quân táng, 600 ngựa bằng gốm, đất đỏ và 125 cỗ xe bằng gỗ. Viện bảo tàng quân táng Tần Thủy Hoàng được thành lập tại chỗ. - Năm 1978, khai quật ngôi mộ một ông hoàng nước Trịnh thời Chiến Quốc, ở huyện Tùy, tỉnh Hồ Bắc, đã tìm thấy hơn 7000 hiện vật, gồm tác phẩm nghệ thuật, vũ khí, y phục, đồ dùng hàng ngày của vị vương này. Đặc biệt là bộ nhạc khí gồm 124 nhạc cụ sử dụng thời Chiến Quốc (đã nhắc đến ở trên) với bộ chuông nặng hai tấn rưỡi, gốm 65 chuông nhỏ chia làm 15 âm vực. Viện Bảo tàng Vũ Hán bỗng chốc trở nên một trong những viện bảo tàng lớn của Trung Quốc.

Nhưng Trung Quốc còn bao nhiêu bảo tàng dưới đất chưa khai quật? Mỗi mộ vua, quan thường nằm dưới một ngọn đồi và có lẽ chưa ai đếm hết những ngọn đồi có mộ trên toàn thể lãnh thổ Trung Quốc từ 5000 năm nay. Những mộ chưa khai quật phải kể đến như mộ Đại Vũ nhà Hạ, mộ Tần Thủy Hoàng, mộ Hán Vũ Đế, mộ Võ Tắc Thiên, mộ các vua nhà Minh (trừ Vạn Lịch mới khai quật) v.v...

Cố cung Bắc Kinh, cung điện cũ của hai triều đại Minh và Thanh, từ thế kỷ XIV đến XX, là một trong những bảo tàng viện lớn nhất Trung Quốc, với hơn 900 000 hiện vật. Viện Bảo tàng Thượng Hải có khoảng 500.000 hiện vật, trong đó có sưu tập đầy đủ nhất và đẹp nhất về đồ đồng thời thượng cổ (cũng là một trong những bảo tàng lớn nhất của Trung Quốc). Như thế để ta thấy rằng sưu tập của Viện Bảo Tàng Đài Bắc, gốm 600.000 hiện vật (cũng là một trong những bảo tàng lớn nhất Trung Hoa) và hôm nay, Đài Bắc cho Pháp mượn 300 hiện vật để trưng bầy ở Grand Palais, đúng là một "échantillon" của đại dương văn hóa Trung Quốc.

*

Sưu tập của Bảo Tàng Viện Đài Bắc, phần lớn là của hoàng gia nhà Thanh, đặc biệt là vua Càn Long. Sưu tập này, trước đây thuộc cố cung Bắc Kinh. Sau cuộc cách mạng Tân Hợi 1911 của Tôn Dật Tiên, nhà Thanh mất chủ quyền. Năm 1914, chính phủ Quốc Dân Đảng mở cửa bảo tàng viện hoàng gia cho quần chúng.

1931, Nhật tấn công Mãn Châu. Sợ hiểm họa Nhật, năm 1933, chính phủ Quốc dân Đảng chuyển sưu tập hoàng gia xuống miền Nam. Suốt 16 năm, những tác phẩm nghệ thuật này được bọc lụa, cất trong 20.000 hòm gỗ, lênh đênh, lưu lạc, khi trên bộ, lúc dưới thuyền, từ Thượng Hải, lên Nam Kinh, xuống Trùng Khánh, rồi lại trở về Nam Kinh vào năm 1947.

1948, Đảng Cộng Sản sửa soạn chiếm Nam

Kinh. 1949, Tưởng Giới Thạch rút quân ra đảo Đài Loan cùng với sưu tập hoàng gia. Bộ sưu tập được dấu dưới hầm trên đảo Đài Loan. Đến năm 1965, chính phủ Đài Loan chính thức mở cửa Viện Bảo Tàng Đài Bắc.

Trong cuộc triển lãm này, Đài Bắc cho Paris mượn những tác phẩm tương đối là tiêu biểu cho tiến trình văn hóa Trung Quốc từ thượng cổ thời đại đến nhà Thanh, về các lãnh vực: Đồ ngọc, đồ đồng, đồ sứ, thư pháp và hội họa.

*

Ngọc thạch

Có thể nói ngọc thạch xuất hiện đồng thời với lịch sử Trung Quốc. Người ta đã tìm thấy ngọc thạch trong những ngôi mộ cổ nhất. Người Trung Hoa chạm trổ, khắc, biến mầu chúng thành những vật vô giá; và các vua chúa coi ngọc bảo tượng trưng cho quyền lực của thiên triều. Đời nhà Thương, ngọc bảo đã dùng để thờ thần. Đến đời Khổng Tử, kỹ thuật mài, dũa, khắc ngọc đã lên tới tuyệt đỉnh. Trong số những bảo vật ở Grand Palais, người xem chú ý nhất là cái cồng, 18 tầng bằng *ngọc thạch mầu cổ vịt* và đồng tiền tròn, có lỗ ở giữa, *ngọc mầu hổ phách*, được vua Càn Long cho làm giá chạm trổ, treo lên. Cả hai bảo vật này đều thuộc thời tiền sử, ước lượng vào thời Ngũ Đế (Hoàng Đế, Đế Nghiêu, Đế Thuấn...) tức là cách chúng ta khoảng 5000 năm.

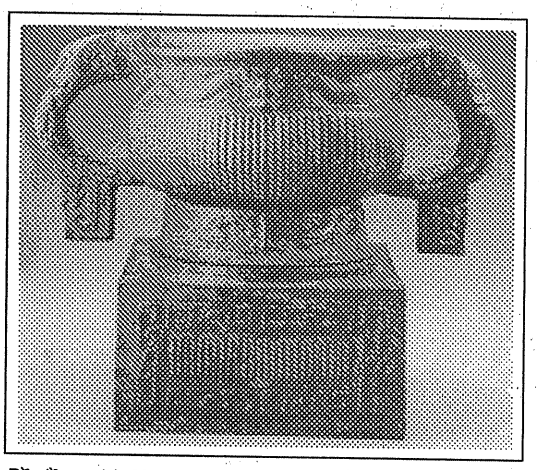

Đồ đồng nhà Chu

Người xem còn được thấy những bảo ngọc đời sau, đặc biệt là phiến thạch có chạm trổ, *màu bạch kim*, đời nhà Hạ, cách đây khoảng 4000 năm. Phiến thạch này được vua Càn Long sửa sang và chạm trổ thêm ba bài thơ, nhân dịp ba lần sinh nhật vua.

Và sau cùng là con cú bằng đá cẩm thạch trắng, chạm trổ, tìm thấy ở mộ vua đời Thương.

Đồ đồng

Đồ đồng cũng xuất hiện cùng thời với ngọc thạch và giữ một địa vị quan trọng trong nền văn minh cổ Trung Quốc. Vua Đại Vũ nhà Hạ, cách đây 4000 năm, thu phục được chín châu, rồi gom góp số đồng trong nước mà đúc chín đỉnh lớn, bầy trong hoàng cung, tượng trưng chín châu. Sau đó chín đỉnh trở thành bảo vật truyền ngôi thiên tử. Ai được cửu đỉnh đó thì làm thiên tử. Tới đời Chu Hiển Vương, nhà Chu suy, cửu đỉnh thất lạc. Tần muốn chiếm chín đỉnh nhưng không tìm được. Vì đó mà có truyền thuyết là nhà Tần bị diệt vì không sở hữu được cửu đỉnh.

Trong cuộc triển lãm ở Grand Palais, người xem được thấy nghệ thuật đồ đồng đời nhà Thương đã đạt tới mức tinh xảo thượng thừa.

Hệ thống bình, đỉnh, nậm, vò, niêu, nồi v.v... có đến gần 30 loại khác nhau. Tất cả đều chạm trổ cực kỳ tinh vi, được dùng trong các tiệc rượu, tiệc ăn, tế lễ. Những bảo vật trưng bầy ở đây, từ đời nhà Thương, qua nhà Chu, thời Xuân Thu Chiến quốc, rồi đến triều Vương Mãng, Bắc Tống v.v... Mỗi hiện vật là một kiệt tác nghệ thuật cho phép đời sau tìm hiểu về văn hóa, ngôn ngữ, lịch sử của những người đi trước chúng ta trên 20 thế kỷ.

Đồ sứ

Nếu ngọc thạch và đồ đồng biểu dương cho dấu ấn văn hóa Trung Quốc thời cổ đại thì đồ sứ, thư pháp và hội họa nói lên khuôn mặt nghệ thuật của Trung Quốc từ hai mươi thế kỷ nay.

Trái với những nước khác đồ sứ thường được coi như một thứ mỹ phẩm công nghệ, đồ sứ ở Trung Hoa, phát xuất từ đồ gốm, được coi như thay thế cho nghệ thuật điêu khắc. Nghệ thuật điêu khắc phát triển đến cực điểm ở đời Đường với các tượng Phật bằng đá, đặc biệt ở Động Long Môn, gần Lạc Dương thuộc tỉnh Hà Nam có hàng nghìn tượng phật và không ít là những kiệt tác. Nhưng sau đời Đường, ngành điêu khắc không tìm được nguồn cảm hứng tôn giáo nữa. Khi một số nghệ sĩ bắt đầu tục hóa, với khuynh hướng nhục cảm, đúc tượng Phật, tượng thánh với những đường nét uyển chuyển, thì họ bị

nghiêm cấm. Có lẽ vì khía cạnh bảo tồn đạo đức ấy mà ngành điêu khắc không phát triển mạnh được ở Trung Hoa.

Nhưng để thay thế điêu khắc, đồ gốm phát xuất từ thời đại đá, được lưu truyền và biến cải. Đồ sứ là đồ gốm làm trong đi gần như thành pha lê.

Về đời Đường, nghệ thuật uống trà càng ngày càng phổ biến. Người Trung Hoa phải chế tạo những bình, ấm, chén uống trà; do đó mà đồ sứ phát triển. Có nhiều giả thuyết cho rằng người Trung Hoa đã học kỹ thuật tráng men của người Tây Á. Đến đời Tống, nghệ thuật đồ sứ đã lên cao lắm. Lần đầu tiên người ta thấy xuất hiện những đồ sứ xanh như ngọc thạch, gọi là *đồ đông thanh* (céladon). *Đông thanh* còn có hai tên nữa là *long truyền diêu* và *tống ngọc* (tức là ngọc nhân tạo đời Tống) cực kỳ hiếm có. Người Ba Tư và Thổ Nhĩ Kỳ tin rằng chén *đông thanh* có thể dò thuốc độc vì khi chứa chất độc, nó đổi mầu, do đó vua chúa dùng làm chén bát phòng thân. Ở Istambul, bảo tàng viện của cung điện có chén, bát *tống ngọc*.

Đầu thế kỷ XV, dưới triều Minh Thành Tổ Vĩnh Lạc, bình sứ xanh lam đã đạt tới cao điểm nghệ thuật và bắt đầu xuất hiện những men sành màu vàng, màu lam và màu trắng từ phương Tây đem lại.

Đến đời Minh Tuyên Tôn (1425-1435) đồ sứ nhiều mầu đã rất thịnh hành và đến đời Thần Tôn Vạn Lịch cuối thế kỷ XVI, đồ sứ đạt tới đỉnh cao nhất trong đời Minh.

Dưới đời Minh, đồ sứ *phát lam* (cloisonné) cũng từ phương Tây du nhập vào. Nhưng sang đời vua Khang Hy nhà Thanh, nghệ thuật Trung Quốc bước vào giai đoạn phục hưng. Người ta chế tạo ra đồ sứ *da rạn*, Trung Hoa gọi là *khai phiến*, Pháp gọi là craquelé. Thợ đời Thanh tìm được nghệ thuật *đồ sứ đơn sắc*, chế tạo đủ các gam mầu: Đỏ có đỏ son, màu hồng, màu hoa đào, màu san hô, màu hồng thạch; các gam màu lục có màu dưa leo, màu táo, màu cỏ, màu lông công,... các gam màu lam có thiên thanh, hoa cà, lam ngọc, các gam màu vàng, màu trắng... Nhưng thời cực thịnh của đồ sứ Trung Quốc là thời vua Càn Long, với loại *sứ hồng* mô phỏng các thứ hoa quả trong thiên nhiên y như thật.

Trong cuộc triển lãm ở Grand Palais, chúng ta được thấy các giai đoạn chính của đồ sứ, với những tuyệt tác mỗi thời. Đặc biệt là bình *đông thanh long truyền diêu*, tức bình *tống ngọc* của vua Càn Long có khắc chữ kỷ niệm 43 năm ngày lễ đăng quang của nhà vua và những tuyệt phẩm đồ sứ trong đó có đồ sứ *da rạn* craquelé, đồ sứ *phát lam* cloisonné, dưới đời Vĩnh Lạc, Tuyên Đức, Vạn Lịch, Khang Hy, Ung Chính và Càn Long.

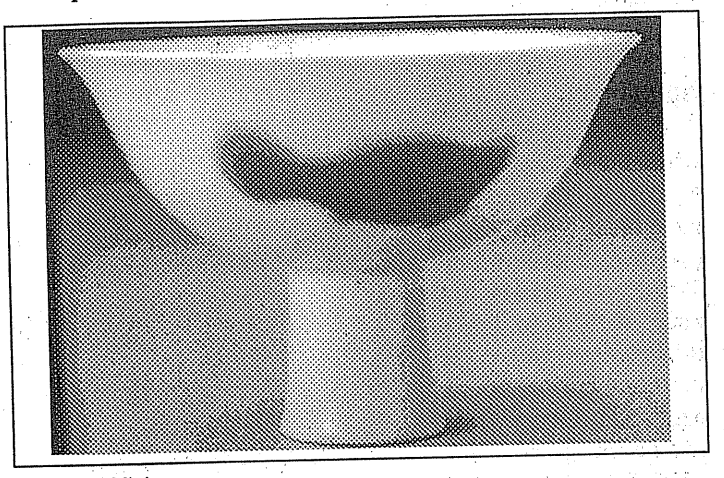

Đồ sứ đời Minh

Thư pháp

Chữ viết hay *thư pháp* (calligraphie) là hình thức hội họa đầu tiên ở Trung Quốc. Nhiều bức họa nổi tiếng của Trung Quốc chỉ là những bức tranh vẽ bằng chữ. Người Trung Hoa và Nhật Bản coi *thư pháp* là nghệ thuật cao như hội họa, họ treo những bức hoành phi, viết chữ rất đẹp, như treo tranh. Thư gia tức là người viết chữ đẹp, nổi tiếng nhất ở Trung Quốc là Vương Hi Chi, sống vào khoảng năm 400 sau Thiên Chúa. Những mộc bản đầu tiên đã khắc chữ của ông. Tương truyền là vua Đường Thái Tôn phải dùng mưu để ăn cắp một cuộn giấy có chữ của Vương Hi Chi.

Trong phần triển lãm Ký Ức Triều Đại ở Grand Palais, người thưởng ngoạn được xem thủ bút của hai vì vua nghệ sĩ nhất trong lịch sử Trung Quốc là Đường Minh Hoàng (712-756) và Tống Huy Tôn (1101-1125). Đường Minh Hoàng chép một bài thơ, theo lối viết chữ của Vương Hi Chi. Tống Huy Tôn, vì vua kiêm họa sĩ, thư gia và thi sĩ nổi tiếng, để lại thủ bút bay bướm và tài hoa của ông trong bài thơ vịnh hoa mẫu đơn.

Hội họa

Về hội họa Trung Hoa có truyền thuyết cho rằng người họa sĩ đầu tiên của Trung Quốc là một người đàn bà, chị (hay em) của vua Thuấn. Hiện nay không còn bức họa nào đời Chu, nhưng chắc chắn là nghệ thuật tạo hình có trước đó đã lâu, vì Khổng Tử bảo đã xúc động khi đứng trước bức bích họa ở nhà Minh đường, tức là một bảo tàng cổ viện tại Lạc Dương. Người ta nhắc đến Cố Khải Chi như danh họa bậc nhất của Trung Quốc, sống

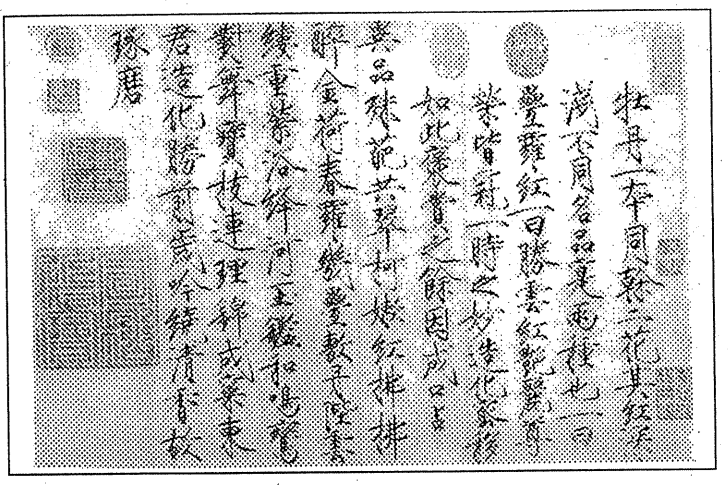

Thư pháp Tống Huy Tôn

thế kỷ IV sau Thiên Chúa, dưới thời nhà Đông Tấn, cùng thời với Đào Tiềm. Cố Khải Chi thuộc họa phái Phật giáo. Nghệ thuật tạo hình Trung Quốc phát triển ở các thời Tùy, Đường, Ngũ Đại và Tống tức là từ cuối thế kỷ VI đến thế kỷ XIII. Đời Đường, hội họa phát triển mạnh. Đỗ Phủ bảo: "Họa sĩ ở triều đình cũng nhiều như sao buổi sáng, nhưng rất ít người thực là nghệ sĩ." Người ta ghi lại tên 220 họa sĩ đời Đường, nhưng họa phẩm của họ thì hầu như không còn.

Hội họa thời Đường chia làm hai phái. Bắc Tôn giữ lối vẽ tiết độ chính xác và chi tiết của nghệ thuật cổ điển, do Lý Tự Huấn làm chủ soái. Lý Tự Huấn là hoạ sĩ dưới triều Đường Minh Hoàng. Ông là tác giả mấy bức tranh phong cảnh đẹp nhất ở Trung Hoa. Một giai thoại kể lại chuyện Đường Minh Hoàng bảo rằng: Ban đêm nghe thấy tiếng sóng vỗ bập bềnh từ một bức tranh mà Lý đã vẽ trên tấm bình phong, và một con cá trên tranh bỗng quậy, thoát ra khỏi bức tranh, ít lâu sau thấy nó trong một cái hồ.

Nam Tôn do Vương Duy sáng lập. Các nghệ sĩ phương Nam giàu tình cảm và trí tưởng tượng, màu sắc và hình thể đa dạng. Có thể nói Vương Duy là thủy tổ của ấn tượng. Ông chủ trương họa một phong cảnh không chỉ là miêu tả cảnh ấy mà là biểu hiện tâm trạng của nghệ sĩ. Vương Duy kết hợp họa với thơ và câu *"trong thơ có họa, trong họa có thơ"* người ta dùng để vinh tôn bản chất nghệ thuật thi họa của Vương Duy sau này, áp dụng chung cho nghệ thuật thi họa Trung Quốc.

Thời Đường còn một tên tuổi nổi trội nữa, vượt trên cả hai trường phái Nam Tôn và Bắc phái, đó là Ngô Đạo Tự, vẽ theo truyền thống Phật giáo, người đã đem triết học Lão Tử và Trang Tử thể hiện lên tranh. Và Hàn Cán, suốt đời chỉ vẽ các hình dáng và tư thế của loài ngựa.

Trong cuộc triển lãm ở Grand Palais, bức tranh xưa nhất tựa đề *Ngựa Và Người Quản Ngựa* của Hàn Cán, có lời ghi của vua Tống Huy Tôn chứng thực đây là tranh thật của Hàn Cán. Có lẽ vua Huy Tôn đã cho sao lại bức tranh Hàn Cán, nên mới cần phải thị thực như vậy.

Thời Ngũ Đại hiện diện trong cuộc triển lãm với một kiệt tác của Cự Nhiên, tựa đề *Tìm Đạo Trên Núi Vào Thu*, tác phẩm của Cự Nhiên cho ta cảm giác hiện thực và trừu tượng giao thoa, trong một cõi đạo huyền diệu.

Thời Tống là thời huy hoàng nhất của hội họa Trung Hoa. Vua Tống Thái Tôn đã lập Hàn Lâm Đồ Họa Viện, cấp lương cho các họa sĩ. Và hội họa đời Tống chia nhiều trường phái: Vẽ sơn thủy có Phạm Khoa, Mễ Phế, Lý Thành. Hình Phật và La hán có Lý Long Miêu, Lâm Đình Khuê. Vua Tống Huy Tôn cũng là một trong tám họa sĩ nổi danh đương thời. Vua Huy Tôn được coi là cha đẻ của khoa khảo cổ học Trung Quốc. Ngoài những sưu tập ngọc thạch, đồ đồng, đồ gốm cổ đại, Hàn Lâm Đồ Họa Viện của ông sưu tập được 6000 bức họa với mục lục rõ ràng. Những tên tuổi nổi tiếng của đời Tống là Phạm Khoa, Quách Hi, Lý Long Miêu, Lý Thành, Tống Huy Tôn, Mễ Phế, Hạ Khuê, Mã Viễn, Lương Khải. Trong cuộc triển lãm ở Grand Palais, chúng ta được xem tác phẩm của hầu hết các

danh họa đời Tống.

Cảm động nhất là chân dung Tống Huy Tôn. Bức tranh không đề tên tác giả, vua mặc áo mầu son ngân châu, đội khăn đen, ngồi ghế bọc vải vàng. Bức hình hội tụ ba sắc tương phản và đồng điệu.

Danh họa đời Tống có mặt trong cuộc triển lãm này, trước hết là Quách Hi và Lý Long Miêu, vẽ những cây thông lớn. Đặc biệt bức của Quách Hi vẽ thông trơ cành, trụi gốc, lõa thể đến muốn bóc vỏ đối tượng. Nét bút phân chia giữa trừu tượng và cực thực. Tác phẩm của Quách Hi đưa ra một cái nhìn xoáy buốt và trong suốt về thiên nhiên trong hội họa.

Bức *Hoa Xuân* của Triệu Tràng biểu dương đường nét, màu sắc lãng mạn và tế nhị của hội họa Trung Quốc.

Lương Khải với bức *Ẩn Sĩ* khá lạ lùng, một bức ấn tượng mực tầu, thể hiện triết học Lão Trang. Ngoài ra còn bức *Đào Tiềm Đi Dạo*, được gán cho Lương Khải.

Hạ Khuê có hai bức: *Cảnh Sông Nước* và *Thác Đổ*. Và một bức *Ngắm Mây* được gán cho Lý Thành.

Danh họa đời Nguyên có Triệu Mạnh Phủ với hai bức *Hòa Đồng* và *Đá, Cây Và Tre*. Ngô Trấn với bức *Ngư Phủ*. Hoàng Công Vọng với bức *Thế Giốc Ngọc Của Cửu Thạch*.

Danh họa đời Minh có Cừu Anh với bức *Chơi Xuân Về Muộn*, Trầm Chu với bức *Ngống Ngủ Dưới Hoa*. Và đặc biệt Văn Chưng Minh với bức *Thầy Pháp Trong Rừng Đông*, độc đáo về sự chiếm đoạt, lấn át không gian của cảnh và người.

Sau cùng, họa sĩ thiên tài của đời Thanh, Thạch Đào tức là Shitao, hiện diện với bức tự họa *Ngồi Thiền Trong Rừng Thông*, tác phẩm báo hiệu hội họa hiện đại.

Hội họa Trung Hoa không giống một họa phái nào trong lịch sử hội họa nhân loại, trừ Nhật Bản, thoát thai từ họa phái Trung Hoa. Nguyên tắc căn bản trong hội họa Trung Hoa là không có viễn cận (perspective). Khi vua Khang Hi cho vời các họa sĩ Âu Châu đến để trang hoàng cung điện của ông, các bức tranh của họ bị từ chối, vì họ vẽ những cột ở xa nhỏ hơn những cột ở gần.

Người Trung Hoa cho rằng không có gì sai và giả tạo cho bằng vẽ không gian lên trên một chỗ không có không gian.

Điểm thứ nhì là người Trung Hoa không quan tâm đến bóng của sự vật. Đối với họ, hình dạng là tất cả. Hình dạng là tiết điệu của tinh thần. Và muốn diễn tả hình dạng, thì nét, tức là dessin, là chủ yếu. Các bức họa cổ không dùng màu, và các danh họa đời sau cũng ít dùng màu.

Hàn Lâm Đồ Họa Viện của Tống Huy Tôn, trong một kỳ thi họa ra đề cho thí sinh vẽ một bức tranh để diễn ý câu thơ *"Đạp hoa qui khứ, mã đề hương"* (ngựa dẫm hoa trở về, móng còn thơm). Người đoạt giải vẽ một con ngựa có đàn bướm bay quanh móng chân ngựa. Như thế truyền thống *trong họa có thơ, trong thơ có họa* của Vương Duy, đã ảnh hưởng sâu xa đến các đời sau và trở thành bản sắc của hội họa Trung Quốc.●

Tài liệu tham khảo:

Lịch Sử Trung Quốc Năm Ngàn Năm, Lâm Hán Đạt, và Tào Dư Chương, do Trần Ngọc Thuận dịch, NXB Văn Hóa Thông Tin, 1997

Sử Trung Quốc, Nguyễn Hiến Lê, NXB Văn Hóa, 1997

Khảo Về Đồ Sứ Cổ Trung Hoa, Vương Hồng Sển, tác giả xuất bản, 1972

Lịch Sử Văn Minh Trung Quốc, Will Durand, Nguyễn Hiến Lê dịch, Văn Nghệ California, 1993

Chine, Guide Bleu, Hachette

Tháng10 /1998

Chỉ in đúng
một trăm (100) bản

KIM VÂN KIỀU INDEX

của PHẠM THỊ NGOẠN

(con gái học giả Phạm Quỳnh)

Sách giải thích từ ngữ truyện
Kiều bằng tiếng Pháp.
Trọn bộ hai cuốn dày 1000
trang. Giá $50.00.

Xin hỏi VĂN NGHỆ,
P.O. Box 2310 Westminster,
CA 92683, USA.
Tel: (714) 527-5761

MÀU SẮC DÂN TỘC QUA HỘI HỌA BÉ KÝ

HUỲNH HỮU ỦY

Trong sinh hoạt hội họa Sài Gòn trước đây, có một họa sĩ lụa với tài năng hết sức đặc biệt cần được ghi nhận với lòng ưu ái của chúng ta: nữ họa sĩ Bé Ký. Sinh năm 1938 ở Hải Dương, Bắc Việt, Bé Ký không được học ở một trường đào tạo mỹ thuật hay mỹ nghệ nào, chỉ do lòng mê vẽ mà trở thành họa sĩ. Tuy nhiên, bà cũng được các họa sĩ Trần Đắc, Trần Văn Thọ, Văn Đen chỉ dẫn ít nhiều ở các xưởng vẽ riêng của những họa sĩ này.

Khoảng trước năm 60, Bé Ký đã được nhiều người biết đến bởi một đời sống khá đặc biệt, với vóc dáng của một thiếu nữ đi lang thang trên lề đường, ghi lại những sinh hoạt bình dị của đời sống qua cây cọ vẽ. Và bà ngày càng được chú ý nhiều hơn vì một bút pháp độc đáo, riêng biệt. Năm 1971, ngoài 30 tuổi, đã bày tranh tới 16 lần và lần nào cũng thành công, tranh bán rất chạy và được nhiều người chú ý vì một thế giới giản dị, mộc mạc, rất đáng yêu mến.

Bé Ký bày phòng tranh riêng đầu tiên của mình ở cơ sở Pháp Văn Đồng Minh Hội (Alliance Francaise) khai mạc ngày 6-12-1957 với sự bảo trợ của ông René de Berval, người chuyên viết bình luận mỹ thuật cho báo Journal d'Extrême Orient và tạp chí France d'Asie ở Sài Gòn.

Nhiều người Âu Châu sưu tập tranh Bé Ký, một phần vì tính chất "hương xa," nhưng phần chủ yếu là vì cá tính của tranh. Bà có tranh trong bộ sưu tập của *Nhà bảo tàng Á Châu Thái Bình Dương,* Ba Lan.

Từ hồi năm, sáu tuổi Bé Ký đã thích vẽ, thấy gì cũng quệch quạc tràn lan, đến chừng 12, 13 tuổi đã bắt đầu vẽ được dễ dàng những hình con chim, con cò, các loại gia súc khác, hay cảnh đứa bé chăn trâu đang dẫn trâu về nhà vào buổi xế chiều bên lũy tre làng. Bé Ký say mê quan sát để vẽ, tự rèn luyện như thế nên chỉ vài năm sau đã vẽ hoạt họa rất giỏi. Ở tranh Bé Ký, thường là một cảnh sinh hoạt tươi sáng, một nụ cười hài hòa, một đời sống thanh thản trong nhịp điệu bình thường: người đàn bà bán hàng rong, bán trái cây, người đàn ông đẩy chiếc xe bán phở dạo giữa cơn gió lạnh của một buổi chiều mùa đông. Hay hình ảnh của một ông cụ già chống gậy đi qua đường, người phu xích lô đang gò lưng trên chiếc xe, mấy đứa trẻ chơi đá cầu, đá kiện, đánh bi đánh đáo trên hè phố...

Có dịp ra ngoại thành vào những ngày nghỉ, nhìn ngắm những cảnh tượng miền quê, cảnh trâu, bò gặm cỏ, Bé Ký chăm chú quan sát, lấy ký họa, rất nhiều ký họa, để rồi sẽ đúc kết thành tranh sau này. Việc quan sát đối tượng rồi lọc lấy đường nét là công việc chủ yếu khi muốn vẽ, khả năng quan sát và thanh lọc này càng cao thì *sự thật nghệ thuật* càng được nâng lên. Giữa hàng ngàn tấm tranh của Bé Ký, tranh vẽ nét bằng mực tàu, tranh tô màu trên lụa, tranh sơn mài, dĩ nhiên là tranh sao đi chép lại cũng khá nhiều vì nhu cầu thương mãi, giữa núi tranh đồ sộ ấy, nếu chọn lại thực kỹ, chúng ta sẽ có vài tấm thực hiện hết sức tài tình như *Đàn nguyệt, Mẹ con, Đàn độc huyền, Đàn cò, Bà cháu* có thể xem là tuyệt kỹ.

Định cư ở Hoa Kỳ từ năm 1989, hiện nay Bé Ký sống cùng chồng là họa sĩ Hồ Thành Đức và gia đình ở thành phố Westminster, California. Vẫn tiếp tục làm việc đều đặn, và thường xuyên bày tranh với các họa sĩ quen biết trong sinh hoạt cộng đồng nơi đây. Bày tranh nhiều lần ở các thành phố Garden Grove, Westminster, San Diego, Irvine, Los Angeles... Cũng có đôi dịp bày tranh chung ở các tiểu bang khác như Virginia, Florida, Maryland. Năm 1995, Bé Ký được mời tham dự cuộc triển lãm quốc tế *Women: Beyond Borders*. Cuộc triển lãm này sẽ di chuyển qua nhiều quốc gia trong vòng năm năm, từ 1995 đến 2000, rồi sẽ trở về Hoa Kỳ để được lưu giữ như một bộ sưu tập thường xuyên. Cuộc triển lãm được thực hiện với mục đích trình bày tiếng nói của những nghệ sĩ phụ nữ có tính toàn cầu, trong tinh thần đối thoại, thông cảm và sáng tạo. Các nghệ sĩ gốc gác từ các quốc gia Mỹ, Do Thái, Kenya, Úc, Tây Ban Nha, Ý, Thụy Điển, Phần Lan, Pháp, Cu Ba, Mễ Tây Cơ, Á Căn Đình, Nhật Bản, Việt Nam, những nghệ sĩ này hiện nay đang sinh sống ở Hoa Kỳ và họp nhau trong cuộc triển lãm để tạo nên một cuộc đối thoại và thông cảm vượt qua màu da và biên giới quốc gia. Như các họa sĩ và các nhà tạo hình khác dự cuộc triển lãm, Bé Ký nhận một chiếc hộp gỗ vuông mỗi chiều khoảng chừng hơn gang tay rồi biến chế bằng cách ghép thêm các nguyên liệu khác bằng kẽm, gỗ và giấy rồi vẽ lên đấy mấy hình ảnh đặc trưng của riêng mình, nổi bật lên là hình ảnh người thiếu nữ Việt Nam mềm mại, nhẹ nhàng, thon thả, rất được chú ý trong lần trưng bày khai mạc ở Santa Barbara Contemporary Arts Forum, tại Santa Barbara, California vào tháng 11 năm 1995.

Xem tranh Bé Ký, hẳn rằng ai cũng thấy ngay là Bé Ký rất thành công ở chỗ, trong suốt hơn 40 năm sống đời một họa sĩ, Bé Ký đã xây

dựng được một thế giới riêng biệt đầy cá tính ngay từ những bước đầu tiên, rồi từ đó bà cứ bước đi một cách vô cùng vững tin ở cách nhìn và sự chọn lựa của mình. Bút pháp của Bé Ký thuộc về đại chúng, đó là một thứ nghệ thuật của quần chúng. Như vậy, chẳng có gì đáng tiếc khi nghệ thuật của Bé Ký chỉ ngừng ngang mức dân gian mà không đi xa hơn nữa. Nếu chúng ta đã có những nguồn tranh dân gian Đông Hồ, Hàng Trống, tranh đỏ Kim Hoàng, tranh làng Sình ở Huế, thì chúng ta còn có thêm một nguồn tranh dân gian quý giá không kém chính là thế giới tranh Bé Ký. Dĩ nhiên, tranh Bé Ký cao và thơ mộng hơn nhiều vì nó là hơi thở thuần nhất của một nghệ sĩ chân thành và tài hoa, độc đáo và sáng tạo. Một giòng tranh dân gian của đại chúng như tranh Đông Hồ, thì hoàn toàn ngược lại, xóa hẳn cá tính vì được hình thành bằng nhiều thế hệ qua thời gian và lịch sử.

Tôi chỉ muốn nói tranh Bé Ký dừng ngang mức dân gian, bởi vì bà không được đào luyện về kỹ thuật và ý thức hiện đại. Hơn nữa, bà cũng không có nhu cầu gì về một thứ ý thức nghệ thuật hiện đại. Mà chính vì thế, bà lại như có được một lợi thế riêng biệt của mình: tạo được một thế giới rất đẹp, thấm đẫm tâm hồn và hương hoa dân tộc. Tôi chỉ lấy một thí dụ rất nhỏ, ngày tết mà có được một bức tranh Bé Ký vẽ cô thiếu nữ cầm một cành mai vàng, nhánh hồng đào hay đội một giỏ sen, em bé thả diều cùng tiếng sáo vi vu trên thảm cỏ xanh vô tận của đồng quê, cảnh mấy đứa bé đang đì đùng đốt pháo hay chọi gà, chiếc xe thổ mộ chở đầy hoa v.v... để treo lên bức tường hay bức vách đất vừa quét lại một làn vôi mới thì căn nhà ngày Tết sẽ vui hơn và ấm áp hơn. Tranh Bé Ký treo nơi căn nhà của một người trí thức, trưởng giả, hay nơi một căn nhà bình dân, nơi một căn phòng sang trọng, thanh nhã hay giữa một mái tranh nghèo thì đều như rất thích hợp miễn là phải đặt ở một chỗ thích tối thiểu. Tranh Bé Ký thân thiện, dễ chịu và ấm áp với hết thảy mọi người.

Hội họa Bé Ký cho chúng ta thấy một điều rất hiển nhiên là có những giá trị dân gian vẫn rất quý giá, cần phải được giữ gìn và bảo vệ. Nếu đi tìm một tiếng nói của dân tộc thì hội họa của Bé Ký chính là một trong những tiếng nói đó, đầy bản sắc và có thừa tư cách để phát biểu. Tôi muốn gợi lại một kinh nghiệm tương tự ở một dân tộc có nhiều gần gũi với chúng ta là Nhật Bản. Người Nhật Bản rất trân quý những giá trị dân gian mà họ xem là đặc thù của dân tộc, họ giữ gìn những tài liệu sống động về cuộc đời, sinh hoạt và tác phẩm của một nghệ sĩ gốm, một người thợ làm giấy bản, một nghệ nhân dệt lụa... Dĩ nhiên, những người nghệ sĩ dân gian ấy đều đã đạt đến một mức độ tinh hoa đáng kể, và người Nhật đã nói về những người nghệ sĩ ấy như là các nhà bảo tàng sống của dân tộc họ về mỹ thuật và dân tộc học.

Trở lại với Bé Ký, bình tâm xem xét, chúng ta sẽ thấy Bé Ký chính là những người nghệ sĩ dân gian điển hình ấy của dân tộc. Nếu ngày nay, chúng ta kịp thời tiến hành những công trình tổng kết về Bé Ký, thì chắc chắn các thế hệ mai hậu sẽ được thừa hưởng một di sản văn hóa đáng kể.

Bé Ký là một khuôn mặt nghệ thuật đầy bản sắc suốt hơn bốn thập niên qua, với một cuộc hành trình đầy đam mê và rất thơ mộng. Trước đây, Bé Ký nổi bật với các hoạt động vui tươi và đầy sinh khí của bà ở Sài Gòn, ở miền Nam. Ở miền Bắc, người ta không biết đến Bé Ký. Nhưng ngày nay, tình hình đất nước đã đổi khác, đã trở thành một thể thống nhất, Bé Ký phải thuộc về toàn dân tộc, chứ chẳng thể của riêng ai. Chỉ còn một thời gian rất ngắn, chỉ một năm nữa thôi thì chúng ta sẽ bước qua một thế kỷ mới. Đã đến lúc có thể làm một bảng tổng kết các hoạt động của thế kỷ. Là một người yêu mến nghệ thuật, để tâm đến các hoạt động trong lãnh vực này suốt cả mấy mươi năm qua, tôi muốn nhắc mọi người rằng Bé Ký cũng là một khuôn mặt rất đặc biệt của nửa thế kỷ vừa qua, đó là một phụ nữ đáng nhớ vì những đóng góp đầy giá trị nhân văn và dân tộc rất độc đáo và đặc sắc. Không vươn đến một tầm mức cao của trí tuệ được tỏa sáng, Bé Ký chỉ mở rộng bằng cái tài hoa bẩm sinh để đến với mọi người bình thường trong một tình cảm ấm áp và nhân hậu. Sự nghiệp của Bé Ký cũng là một đóng góp đáng kể vào sự nghiệp to lớn về văn hóa, văn nghệ của toàn bộ dân tộc vậy. ●

> Có hai hạng người: một hạng xét hành động của mình xem thử có gì đúng không, một hạng khác tự vấn xem thử hành động của mình còn điểm gì sai lầm hay không.
>
> **Goethe**

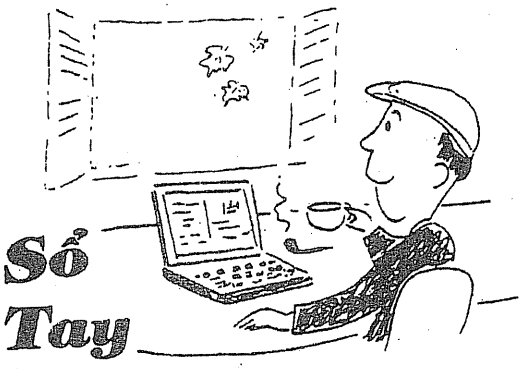

BIỂU TÌNH Ở TIỂU SÀI GÒN

Một tấm hình Hồ Chí Minh nhỏ giữa những bức hình tài tử Hồng Kông lộng lẫy treo trên tường của một cửa tiệm video ế khách ở đường Bolsa, trong khu Tiểu Sài Gòn là nơi đa số người Việt là nạn nhân trực tiếp của chế độ cộng sản. Lại thêm cờ đỏ sao vàng mà nhiều người coi chỉ là đảng kỳ của Cộng sản chứ không phải quốc kỳ; họ phải coi đó là một hành động khiêu khích.

Báo Los Angeles Times thuật lời một người biểu tình, so sánh cảnh này không khác gì "đem hình Hitler ra treo ở một khu dân Do Thái sống."

Người treo hình ông Hồ Chí Minh, chủ tiệm video Hi-Tek có nhiều dấu hiệu tâm thần khác lạ, đã từng đưa ra các ý kiến ngược với mọi người từ năm 1994. Nhưng từ năm đó đến nay ai cũng bỏ qua. Ông Trần Văn Trường đã in những bản tin khổ nhỏ "Tiếng Nói Trung Thực" đem phát không. Trang đầu, ông viết những "Thư về Hà Nội" để "Kính thăm bác Đỗ Mười," chẳng ai biểu tình phản đối việc đó cả.

Chỉ cần đọc mấy trang ông viết cho "Bác Đỗ Mười" người ta cũng thấy tâm thần của tác giả. Thứ nhất là tờ báo có trình độ người chưa thông thạo viết tiếng Việt. Trong bản tin ra ngày 12 tháng 11 năm 1994, có những câu tỉnh táo, như: "..việc bang giao và buôn bán... đem đến cho dân ta có công ăn việc làm, cho no cái bao tử rồi sau đó mới nói chuyện với chính quyền về Tự Do Nhân quyền..." Nhưng sau đó tác giả viết: "Lúc đó Việt Nam mình sẽ không còn hai chữ Cộng Sản nữa phải không thưa bác Đỗ Mười?"

Hình như ông Trần Văn Trường muốn nhờ Bác Hồ thay đổi Bác Đỗ Mười. Lá thư nói ông "muốn gợi lại hình ảnh yêu dấu của bác Hồ ngày xưa" để khuyên "Bác Đỗ Mười nghiên cứu và xét lại đường lối hiện tại." Ông Trường viết rằng lúc còn sống, "Bác Hồ bị trong thế kềm kẹp của đảng Cộng Sản quốc tế," và "nếu (bác) nói thẳng ra sự thật, Đảng Cộng Sản quốc tế nó sẽ giết Bác Hồ ngay và bọn chúng sẽ đưa một Bác Hồ khác lên thay, cho nên bác chỉ biết hút thuốc phì phà tối ngày, sáng đêm và thỉnh thoảng vuốt chòm râu dài... Bác Hồ ... phải tuân theo lệnh của ngoại bang đó là Khối Cộng Sản quốc tế... Lúc bấy giờ Bác Hồ đi đâu cũng có cái còng vô hình đè nén trên cổ bác cả..." Thư về Hà Nội ký tên Trần v. Trường kết luận rằng "Bác Đỗ Mười ơi! Bang giao với Mỹ lẹ lẹ đi..."

Mục "Phiếm Loạn" của bản tin trên còn viết: "Chủ thuyết Cộng Sản là một chủ thuyết bệnh hoạn, chủ thuyết Cộng Sản là một chủ thuyết chỉ mang đến sự phân hóa và nghèo đói," v.v. Bản tin của ông Trường ra đời để bênh vực việc thiết lập bang giao Mỹ-Việt, nhưng khó nói ông là người thân cộng. Ông Trường đã ra cửa tiệm tranh luận với các người biểu tình, và khi cảnh sát đến đưa ông đi thì có người xô đẩy khiến ông ngã chúi về phía trước. Sự thật thì không ai đánh ông Trường, vì nếu có cảnh sát đã câu lưu và ông ta đã kiện rồi.

Trong khi báo chí và đài phát thanh tiếng Việt ở Quận Cam và khắp Cali mở những "talk show" về cuộc biểu tình này, báo đài địa phương cũng tường thuật và bình luận.

Trong bài tường thuật của ký giả Tini Trần, nhật báo Los Angeles Times in đậm hàng chữ lớn lời ông Huỳnh Văn Dũng, 40 tuổi, "Mỗi lần thấy lá cờ này là tôi lại nổi giận. Tôi vẫn nghe tiếng súng nổ bên tai. Tôi không thể quên được."

Phóng viên Vik Jolly của nhật báo The Register cũng kể giáo sư Huỳnh Văn Dũng bỏ chiếc mũ trên đầu ông, cho coi vết sẹo vì bị cộng sản đánh đập còn để lại. Ông Dũng cũng cởi giày bên phải cho ký giả này thấy một ngón chân gần bị cụt, vì bị hành hạ trong nhà tù; và ông cởi áo sơ mi cho thấy các vết dao chém còn để thẹo trên ngực. Nhà báo viết mỗi lần nghe tiếng pháo Tết ông Dũng lại nhớ đến tiếng súng hồi Tết Mậu Thân ở Huế. Năm đó ông mới 9 tuổi, nhưng trong một đêm Cộng Sản đã giết mẹ ông, một người anh và một người chị.

Nhật báo L.A Times cũng thuật lại lời tuyên bố của một chuyên gia về nhân quyền. Luật sư Peter Eliasberg nói rằng người chủ tiệm Hi-Tek "có đủ quyền tự do treo hình và lá cờ. Nếu mọi người thấy làm như vậy là xúc phạm họ thì cứ biểu tình phản đối, bày tỏ thái độ." Tuy nhiên, ông cũng nói rằng không nên tước bỏ quyền tự do phát biểu của người chủ tiệm khi ông ta bày tỏ ý kiến của mình.

Trên Nhật báo LA Times, ký mục gia Dana Parsons thuật lời một thanh niên Mỹ gốc Việt tên là Thommey Lê, 24 tuổi, lớn lên ở Mỹ, có vẻ đứng ngoài cuộc, đến coi biểu tình vì tò mò. Anh Lê nói: "Tôi không hiểu ý nghĩa của việc này vì tôi lớn lên ở Mỹ. Tôi không hiểu tại sao lại làm lớn chuyện (về việc treo hình và cờ này). Anh ta (chủ tiệm) không làm hại ai hết. Nếu ai bất đồng ý kiến thì cứ biểu tình phản đối, nhưng đừng đánh anh ta, làm thế là bậy."

Nhà báo Parsons cũng gặp một cựu chiến binh Mỹ, Jack Tangard, 50 tuổi, vốn là một xạ thủ thuộc Sư đoàn Không kỵ 101 chiến đấu ở Việt Nam. Trong bộ đồ trận, ông nói rằng ông nghe tin về vụ biểu tình nhờ coi ti vi cho nên mới đến dự. Ông nói: "Bây giờ có một người đến đây treo lá cờ đó lên... Hôm nay là một thằng, mai hai thằng, và đến cuối tuần là 10 thằng!" Lời nói của một cựu quân nhân Mỹ cũng giống mối quan tâm của cộng đồng Việt Nam ở Tiểu Sài Gòn.

Lâu nay các báo Mỹ ít khi đăng tin về cuộc biểu tình chống Cộng của người Việt, trừ các tập họp lớn nhân ngày 30-4. Báo chí Mỹ thường loan tin về các chợ Tết, các cuộc diễn hành, và các vụ phạm pháp không tốt đẹp gì. Lần này nhiều báo, đài phát thanh và ti vi đã chú ý đến tâm tình của người tị nạn hơn.

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ BÁN CHÁO

"Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa," nghĩa là thế nào? Nói vắn tắt, đó là nhà nước muốn nhúng tay vào mọi hoạt động kinh tế.

Vì vậy, người Việt Nam nghe suốt ngày hai chữ "quản lý." Trong kinh tế thị trường người ta chỉ cần đặt ra luật lệ rồi mặc cho tư nhân làm, miễn đừng sai luật thì thôi, làm sai thì có cơ quan tư pháp lo. Ở Việt Nam thì Ông nhà nước tự trên trời đưa xuống ngồi chễm trệ đó rồi, ông nhìn quanh thấy cái gì cũng muốn quản lý! Vì muốn quản lý nhiều thứ quá nên nó cứ lung tung cả lên, chẳng biết ra sao nữa!

Ở Mỹ, ở Pháp, ở Singapore chẳng có chính phủ nào lo quản lý vụ tư nhân đi vay nợ cả. Vay thì phải trả, không trả thì ra tòa, đó là chuyện tư nhân với nhau, nhà nước chỉ đóng vai trọng tài thi hành luật lệ. Ở Việt Nam, có ba "cơ quan hữu trách quản lý" việc đi vay nợ, là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chánh, và Ngân hàng Nhà nước. Tờ Thời báo Kinh tế Sài Gòn viết một bài phỏng vấn "Vay và trả nợ nước ngoài: ai quản lý? quản lý ra sao?" Bà Vụ trưởng Vụ Tài chánh Đối ngoại nói: "...Chính phủ chưa phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn giữa các cơ quan hữu trách, cả trong việc ra quyết định lẫn trong việc quản lý nguồn vốn..."

Tại sao nó rắc rối như vậy? Vì, vẫn theo lời bà Trương Thái Phương, "... chưa có đủ văn bản pháp lý để có một luật chơi rõ ràng, chi tiết cho các bên tham gia." Thiếu luật lệ, nếu có thì mơ hồ, chung chung, vì đảng và nhà nước muốn làm hết, nắm lấy hết mọi việc, sức không làm gì nổi nhưng bảo buông ra thì tiếc! Ông Lê Khả Phiêu than chẳng thấy nước nào như nước ta, 10% dân chúng (7 triệu người) lãnh lương chính phủ. Nhiều ông nhà nước quá, ngồi đó, các ông phải bày việc ra mà làm.

Quý vị thử tưởng tượng nhà nước Việt Nam quản lý những cửa hàng "bán cháo trắng, cá kho tiêu, hột vịt muối, cháo gà, cháo vịt trong những quán lá lụp xụp ở Chợ Lấp Vò..." ra sao.

Báo Tuổi Trẻ đăng lời than phiền của một số bà ở huyện Lấp Vò, Đồng Tháp. Nhiều bà con ở đây từ thủa cha sinh mẹ đẻ chưa được ánh sáng Chủ nghĩa Xã hội chiếu đến, cứ đi bán cháo với hột vịt muối theo lối Chủ nghĩa tư bản người bóc lột người. Họ nghĩ cốt làm sao người ăn cháo thấy sạch sẽ ngon lành là được rồi. Bây giờ, họ được mời đi "học lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ Kinh doanh ăn uống" ở Sa Đéc.

Các "nhà kinh doanh" này phải đi học bốn ngày, đóng học phí 200 ngàn đồng (lợi tức trung bình của dân Sài Gòn cao nhất nước, được 524 ngàn một tháng, theo thống kê của chính phủ; không biết bán cháo trắng ở Chợ Lấp Vò thì được bao nhiêu? Ông Lê Khả Phiêu cho biết lương ông là 2 triệu mỗi tháng.) Không đi học thì không được "cấp giấy chứng nhận," không đủ "điều kiện kinh doanh," và sẽ bị "xử phạt hành chánh!"

Hãy nghe ông Trưởng phòng Quản lý du lịch, thuộc Sở Thương Mại-Du lịch tỉnh Đồng Tháp giải thích: "...Có 3528 cơ sở kinh doanh,

hơn 11 ngàn lao động. Hầu hết những người này đều "không được đào tạo chuyên môn... Ủy ban Nhân dân tỉnh chấp thuận cho tổ chức các lớp tập huấn chuyên ngành về ăn uống để trang bị kiến thức cần thiết..."

Ở các nước văn minh, nhà nước chỉ quan tâm bảo vệ sức khỏe người đi ăn nhà hàng. Thị xã có luật lệ về vệ sinh, lâu lâu có "thanh tra vệ sinh" đến khám từ trong xó bếp khám ra, thấy phân chuột trên sàn nhà hay trên tường nhà bếp dính dầu mỡ thì phạt mấy trăm đô hay tạm đóng cửa một tháng cho chừa. Tây nó không biết "đào tạo nghiệp vụ" và "tập huấn chuyên ngành" bán cháo và bán trái cóc.

Ông Phạm Hữu Phước nói nhà nước vốn có ý khoan hồng cho "các sạp cóc ổi," không bắt đi học. Nhưng khi lệnh trên truyền xuống thì "Bộ Thương mại vẫn chưa hướng dẫn rõ (quán hàng lớn cỡ nào) thì phải làm thủ tục đăng ký...(thế là) xã, phường, thị trấn cứ căn cứ nguyên xi tinh thần quy định này mà vét hết tất cả..." Vét hết cho chắc ăn vì, cũng giống Nợ nước ngoài, "chưa có luật chơi rõ ràng, chi tiết." Mà làm sao Bộ Thương Mại ở tận Hà Nội biết được mỗi ngày một bà ở Chợ Lấp Vò bán mấy bát cháo, bao nhiêu hột vịt thì cần phải "trang bị kiến thức cần thiết?"

Nhưng tại sao phải đóng những 200 ngàn? Đây mới là ánh sáng. Một nửa để trả cho các giáo viên Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại từ Cần Thơ xuống dạy; còn một nửa để thuê phòng ốc, và "bồi dưỡng cán bộ xã, huyện, tham gia vận động học viên... Nếu một lớp có 60 học viên thì lời 1,3 triệu đồng, nếu không thì phải bù lỗ!"

Các bà bán trái cóc, cháo trắng hột vịt muối từ nay có văn bằng tốt nghiệp Khóa Tập huấn Chuyên ngành của Trường Cao đẳng kinh tế đối ngoại được in bằng cấp đó trên danh thiếp. Còn các cán bộ, giáo viên thì tăng thu nhập; hai bên cùng có lợi. Điều khác nhau là người dân thì chỉ hưởng lợi ích tinh thần, còn các cán bộ thì có thể tính thành tiền mặt!

MỖI MÉT VUÔNG MỘT BẢO VỆ

Một tờ báo trong nước vẽ tranh cười, cảnh một siêu thị đang khai trương, với bảng hiệu "SIÊU THỊ 2000 MÉT VUÔNG" và trên tường là bích chương quảng cáo viết "Cần tuyển gấp 2000 bảo vệ!!!" Người đọc báo thấy ngay mỗi mét vuông cần một người canh gác, đề phòng trộm cắp!

Nhà hí họa muốn chế riễu nạn ăn cắp trong siêu thị. Nhưng hình ảnh này cũng mô tả tình trạng chung, đặt ra vấn đề về "hiệu năng kinh tế." Hiệu năng kinh tế nghe như một chuyện lý thuyết, bức hí họa cho ta một thí dụ rất thiết thực.

Hệ thống kinh tế tốt là khi các tài nguyên, như vốn, người, được dùng vào việc có hiệu quả cao nhất, ích lợi nhất. Trong một siêu thị, những người bốc rỡ hàng, xếp hàng lên kệ, tủ, các người mời chào khách, người ngồi "két" thâu tiền, v.v. họ tạo ra lợi ích kinh tế, "cung cấp dịch vụ" cho người tiêu thụ. Còn những người "bảo vệ" chỉ phụ giúp cho các người trên. Nếu cửa hàng phải mướn quá nhiều người canh gác thì phí tổn sẽ tăng. Hai hậu quả: một là mức lời xuống thấp, cửa hàng bị thiệt; hai là giá phải cao hơn, người tiêu thụ cũng chịu thiệt. Đó là chuyện một cửa hàng. Bây giờ thử tượng tượng mọi xí nghiệp và cửa hàng đều như vậy thì kinh tế cả nước như thế nào?

Thứ nhất, nhiều nhân lực được dùng vào những việc không tạo ra hàng hóa và dịch vụ. Nếu giảm bớt số người đóng vai "bảo vệ" thì nhiều người trong số đó sẽ đi làm ruộng hay làm thợ, tạo ra thêm hàng hóa; hoặc đi làm ca sĩ, thầy giáo, ký giả, .. cung cấp thêm dịch vụ. Nói theo lối kinh tế học, như vậy là các tài nguyên được dùng tối ưu, không bị phí phạm. (Nhiều nhà kinh tế than dân Mỹ đang phí phạm cách khác. Nếu các chủ nhà ở Mỹ chịu đóng thuế nhiều hơn để thuê bảo vệ cho cả xóm, thì họ bớt phải mua hệ thống báo động đề phòng ăn trộm, chi phí chắc rẻ hơn!)

Thứ hai, khi tài nguyên bị phí phạm, các thứ hàng hóa và dịch vụ làm ra ít hơn, giá cả đều lên cao, tất cả mọi người đều bị thiệt.

Bảo vệ cho cửa hàng siêu thị chỉ là một thí dụ. Thử nghĩ đến các sinh hoạt khác, từ các xí nghiệp, công ty, ngân hàng, cho đến các cơ quan nhà nước. Nếu mỗi khi sản xuất một số hàng hóa và dịch vụ, mỗi người làm việc lại cần một, hai người khác lo canh gác và dạy chính trị cho họ, thì cả nước cùng phí phạm sức người, cả nước cùng bị thiệt.

Đây chính là nhược điểm lớn nhất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, khiến Liên Xô đã phải thay đổi. Karl Marx nói rằng cách mạng vô sản sẽ tăng năng xuất lao động, nhưng Liên xô đợi 70 năm thấy hiệu quả vẫn thấp quá. Ở Mỹ và Hòa Lan một nông dân làm việc đủ thức ăn cho hàng trăm, hàng ngàn người; trong khi ở Nga một nhà nông cung cấp thực

phẩm đủ cho mấy chục người thôi. Cũng vậy, chế tạo một xe hơi ở Nga hay ở Đức phải dùng nhiều nhân lực hơn ở Mỹ hay Nhật (chưa kể phẩm chất thấp hơn.) Rồi ngay đến chuyện chế súng máy, bom, xe tăng cũng thế. Cứ như vậy thì họ sẽ bị tụt lùi mãi mãi, cả kinh tế lẫn quốc phòng! Vì thế, Liên Xô đã "đổi mới!"

Nhưng vấn đề hiệu năng thấp không phải chỉ nằm ở mỗi đơn vị sản xuất. Vấn đề nặng hơn là trong cả hệ thống kinh tế. Ở các nước tư bản, các xí nghiệp tư chính họ lo gia tăng hiệu năng, tìm mọi cách tạo ra sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, lo tiết kiệm chi phí. Còn trong nền kinh tế cộng sản phải có cả một bộ máy nhà nước lo kiểm soát, cổ động, hô hào mọi người giảm phí tổn và tăng hiệu năng. Ngoài ra cần cả một bộ máy công an để canh chừng những người khác.

Vấn đề nặng hơn nữa là khi cần thay đổi cơ cấu nền kinh tế. Ở Mỹ đã có những mỏ than lỗ vốn vì bị các nguồn năng lượng khác thay thế. Nhiều xí nghiệp dệt, nhà chế tạo thép bị hàng ngoại cạnh tranh phải đóng cửa. Cơ cấu công nghệ cần thay đổi vì thị trường bắt phải thay đổi. Họ đóng cửa bớt xưởng dệt, giảm số lượng thép. Các người có vốn sẽ đầu tư vào các công nghiệp mới. Các người thợ, kỹ sư quay ra học về điện tử, computer, thay vì làm những việc có hiệu quả thấp hơn. Hệ thống kinh tế thị trường cho phép vốn và nhân lực luân chuyển tự nhiên, thay vì chờ viên chức Bộ Kế hoạch nào đó quyết định, vừa chậm lại vừa dễ sai lầm.

Ở Trung Quốc chẳng hạn, các mỏ than dùng quá nhiều người, hiện đang phải sa thải bốn trăm ngàn người một lúc. Vì các nhà quản đốc lâu nay không thiết tha đến hiệu năng, họ lại có bổn phận nuôi các công nhân suốt đời, không có động cơ tự nhiên khiến họ muốn thay đổi. Trong khi đó thì bộ máy ở trung ương cũng không có động cơ và không đủ tin tức để yêu cầu cấp dưới thay đổi, cho đến khi sự phí phạm nhân lực lên mức trầm trọng. Hiện nay, tại Việt Nam có hàng ngàn và Trung Quốc có hàng trăm ngàn xí nghiệp quốc doanh không ích lợi mà chỉ hại, vì cả hệ thống không sớm thay đổi. Hàng triệu, hay trăm triệu con người đáng lẽ được làm các việc sản xuất cho mọi người tiêu thụ, hiện đang ăn bám vào xã hội. Dân chúng cả nước chịu thiệt!

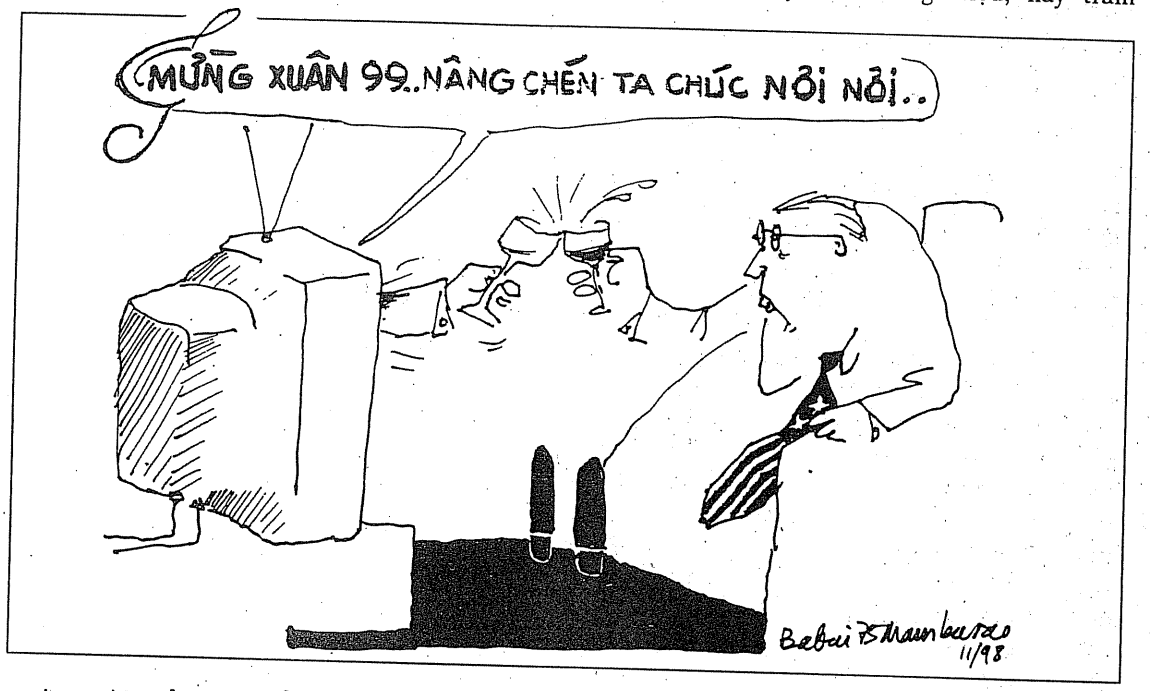

Hình ảnh "mỗi mét vuông một bảo vệ" còn khiến ta liên tưởng đến bộ máy công an. Ở các nước cộng sản số công an quá đông, thu hút nhiều nhân lực đáng lẽ đi làm việc khác có hiệu quả kinh tế cao hơn. Ngoài ra, vì nhà nước ưu đãi giới công an, cho họ hưởng nhiều quyền lợi, guồng máy đó thu hút hết nhân tài. Ở nước nào cũng vậy, những người thông minh tuấn tú đi tìm việc làm có lợi nhuận và quyền lợi cao nhất. Bộ máy công an ở các nước cộng sản thu hút nhân tài không khác gì các công ty Microsoft và Intel ở Mỹ!

Nhiều người ở hải ngoại về nước bị công an mời, họ ngồi "làm việc" mà nghĩ rằng nếu các

ông công an này đi làm kỹ sư điện tử hay giám đốc tài chánh tại các xí nghiệp thì dư sức. Nước ta để các người tuấn tú đó đi theo dõi và hạch hỏi dân chúng thật là phí, mà họ cũng chẳng vui sướng gì!

Tình trạng phí phạm tài nguyên nằm trong hệ thống kinh tế, nhưng cũng do bản chất chế độ chính trị nữa! Điều này đã được ông Lê Khả Phiêu nêu ra khi nói đến guồng máy hành chánh. Và trên tờ Thời Báo Kinh tế Sài Gòn, ông Trần Đức Lương công nhận rằng hiệu năng của hệ thống hành chánh dính liền đến hiệu năng của hệ thống chính trị. Cả cái hệ thống đó dùng tài nguyên sai lầm, làm hại nền kinh tế quốc dân. Thế mà ai đề nghị thay đổi thì bị gán cho tội phá hoại, đuổi ra khỏi đảng!

ĐỔI MỚI HAY LÀ CHẾT

Sau khi bị đảng Cộng Sản khai trừ, Tướng Trần Độ vẫn quả quyết: "Trước sau rồi thế nào đảng cũng phải đổi mới," và nhắc lại, một lần nữa, "Đổi mới hay là chết." Trong bài tâm sự, ông Trần Độ nói ông "vẫn vì Tổ quốc vì nhân dân, ... đấu tranh cho Tổ quốc và nhân dân."

Ông Trần Độ "dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng," còn thiết tha đối với đảng Cộng Sản. Ông viết: "Tôi vẫn cầu mong cho đảng tự đổi mới được." Có thể hiểu rằng Trần Độ mặc nhiên coi mình không thuộc đảng Cộng Sản "hiện nay" nữa, ông viết "Đảng này hiện nay... nó hầu như không còn là đảng của tôi nữa." Ông nói "Tôi vào đảng là để tự nguyện phục vụ và phụng sự Tổ quốc và nhân dân..." và tỏ ý "tôi không ân hận gì về 58 năm đó (làm đảng viên) ... thế cũng là đủ cho tôi báo đền Tổ quốc và dân tộc..."

Ông Trần Độ cũng như nhiều đảng viên cộng sản khác nghĩ rằng vào đảng là để phục vụ Tổ quốc và dân tộc. Chủ thuyết cộng sản nói một cách rõ ràng dứt khoát, rằng Tổ quốc, Dân tộc là những quan niệm "lỗi thời." Các ý niệm đó thuộc ý thức hệ tư bản, thượng tầng kiến trúc của kinh tế tư bản. Mục tiêu mà Karl Marx nêu trong Bản Truyên ngôn Cộng Sản quốc tế là xây dựng một thế giới đại đồng không còn quốc gia, dân tộc nữa. Thống chế Stalin đã ấn định chiến thuật "Mặt trận Dân tộc" ở khắp nơi như là thủ đoạn nhất thời của cách mạng cộng sản thế giới. Chủ tịch Mao Trạch Đông thì thấy nếu sau một cuộc chiến nguyên tử, cách mạng vô sản thành công, nếu vài trăm triệu người Trung Hoa có chết cũng là cái giá đáng trả.

Ông Trần Độ nói "Đảng này hiện nay ... đã xa rất xa đảng của những năm 40, 50, 60,..." Ông chỉ cầu mong cho "đảng tự đổi mới." Nhưng từ Nga sang Đông Âu có nơi nào đảng Cộng Sản tự đổi mới không? Người ta chỉ chứng kiến những đảng cộng sản tự sụp đổ mà thôi. Nói như Hà Thanh Liên, một nhà báo Trung Hoa, "bác sĩ giỏi cũng không thể tự giải phẫu mình."

Trong lá thư đầu tiên được công bố, ông Trần Độ viết: "Phát triển kinh tế buộc (đảng Cộng Sản) phải từ bỏ sự lựa chọn theo 'hệ tư tưởng' do đảng đề xướng và thực chất là do đảng áp đặt lên toàn xã hội." Ông cũng nói thẳng: "Giữ vai trò độc tôn của chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ đưa tới sự trì trệ về trí tuệ." Một người dám nói như vậy thì còn thiết tha gì với tấm thẻ đảng viên?

Ông Trần Độ nói: "Không cải cách chính trị thì cải cách kinh tế sẽ bế tắc." Đảng Cộng Sản không thay đổi về chính trị, và đó là một "nguyên nhân quan trọng đưa tới tình trạng gần như tắc tị về chiến lược phát triển hiện nay." Ông cũng viết: "Dân chủ hóa là điều kiện không thể thiếu, điều kiện đầu tiên để bảo đảm sự phát triển kinh tế..."

Với các ý kiến hoàn toàn trái với chủ nghĩa Lênin, trái với cương lĩnh đảng Cộng Sản như vậy, ông Trần Độ rất đáng bị khai trừ. Đáng lẽ ra ông phải từ bỏ cái tổ chức "không còn là đảng của tôi nữa" từ lâu rồi. Những đảng viên như ông nếu không từ bỏ đảng, đảng cũng từ bỏ.

Ngay sau đó, nhiều người như cựu Đại tá Phạm Quế Dương cũng trả lại thẻ đảng. Và trên bìa báo Tuổi Trẻ ở Sài Gòn người ta đọc được những hàng chữ kêu gọi nếu không thay đổi thì không thể phát triển kinh tế, lập lại một điều mà ông Trần Độ đã cảnh cáo! ●

> Có một điều chắc chắn, đó là những kẻ thất học nhất chưa chắc đã là những kẻ kém thông minh nhất.
>
> **Henry Miller**
>
> Mọi người cảm thấy nghèo vì họ hay nghĩ đến những gì họ không có. Tôi cảm thấy giàu vì tôi hay nghĩ đến những gì tôi không cần phải có.
>
> **Socrates**

GIỚI THIỆU TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VIỆT NAM ĐẠI HỌC TEXAS TECH

TRẦN ANH-TUẤN

Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Nam, Đại Học Texas Tech là một trung tâm giáo dục và nghiên cứu tương đối mới. Tuy ra đời muộn màng so với những trung tâm khác, *Trung Tâm* này hiện là một trong những trung tâm hoạt động nhất, có nhiều tài liệu nhất và hứa hẹn sẽ là trung tâm lớn nhất tại Hoa Kỳ về Việt-Nam-học.

Sự Thành Lập Trung Tâm

Tháng 11 năm 1989, Giáo sư James Reckner thuộc Viện Đại Học Texas Tech University tiếp xúc với Hội Đồng Giáo Dục của Viện để nộp dự án thành lập một tổ chức mệnh danh là *Center for the Study of the Vietnam Conflict (Trung Tâm Nghiên Cứu Cuộc Chiến Việt Nam)* trực thuộc Viện. Trong dự án, Giáo sư Reckner đề ra hai mục tiêu của *Trung Tâm*. Mục tiêu thứ nhất là hướng dẫn và tài trợ việc thực hiện một trung tâm văn khố về Việt Nam. Mục tiêu thứ hai là khuyến khích việc tiếp tục nghiên cứu kinh nghiệm Việt Nam tại Hoa Kỳ trên mọi phương diện. Hội Đồng Giáo Dục Viện Đại Học Texas Tech sau đó đã đồng ý thông qua dự án này, nhưng lại quyết định không cấp một ngân khoản nào. Do đó, dự án thành công hay không là hoàn toàn do những người chủ xướng xoay sở. Giáo sư Reckner và nhóm của ông từ đó bắt tay vào việc, và hình thành *Trung Tâm*, với sự hỗ trợ của nhiều người nhiều giới, nhất là các cựu chiến binh Hoa Kỳ.

Đến tháng 5 năm 1997, Hội Đồng Cố Vấn Trung Tâm đã họp và quyết định đổi tên từ *Center for the Study of the Vietnam Conflict (Trung Tâm Nghiên Cứu Cuộc Chiến Việt Nam)* thành *The Vietnam Center (Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Nam)*.

Các Sinh Hoạt Của Trung Tâm

Hiện nay, *Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Nam* bao gồm các ngành sinh hoạt sau đây:

1. Thư viện. Tài nguyên của thư viện *Trung Tâm* bao gồm hơn bảy triệu trang tài liệu, sách báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh về ba nước Đông Dương, nhất là về Việt Nam và chiến tranh Việt Nam. Hiện *Trung Tâm* đang đẩy mạnh việc mua thêm sách báo làm giầu cho tài nguyên thư viện (1). Thư viện của *Trung Tâm* bao gồm tài nguyên thuộc các lãnh vực sau đây:

a) Văn Khố. Hiện tại, Văn Khố của *Trung Tâm* lưu trữ hàng triệu trang tài liệu đầu tay (2). Tài nguyên văn khố của *Thư Viện Trung Tâm* trong tương lai gần sẽ được phong phú hóa bởi sự thụ đắc một phần bộ sưu tập tài liệu về chiến tranh Việt Nam của đại tướng Westmoreland (3).

b) Tài Liệu Phản Chiến: bao gồm sách báo, tài liệu về những sinh hoạt của phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam tại Hoa Kỳ.

c) Tài liệu VNCH: bao gồm sách báo ấn hành dưới thời VNCH (1954 - 1975) và những ấn phẩm của người Việt tại hải ngoại sau năm

1975).

Những người khởi xướng *Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Nam* đã chủ trương một cách đúng đắn rằng cần phải sưu tầm và lưu trữ tài liệu của VNCH và người Việt tỵ nạn cộng sản sau 1975 để tiếng nói của một tác nhân quan trọng trong cuộc chiến không bị dập tắt.

Mục đích của sự thành lập một thư viện với tài liệu văn khố và sách báo đầy đủ về mọi phe phái là để người nghiên cứu khoa học có một cái nhìn toàn diện và trung thực mọi biến cố liên hệ đến Việt Nam mà trong tình trạng hiện tại, sách báo của giới nghiên cứu tại Việt Nam và người ngoại quốc tràn ngập trong khi tiếng nói của người Việt quốc gia đã và đang bị quên lãng vì vô tình và ấu trĩ — như trường hợp những người ngoại quốc mới bước chân vào đường nghiên cứu — hoặc cố ý — như phía cộng sản VN hiện nay cố tình tẩy xóa sự hiện hữu của chế độ VNCH cùng thành tích của 17 triệu dân Việt từ Bến Hải đến Cà Mâu trong suốt thời kỳ 1954 - 1975 (4).

2) Chương Trình Tu Nghiệp. Mục tiêu khuyến khích việc tiếp tục nghiên cứu kinh nghiệm Việt Nam tại Hoa Kỳ trên mọi phương diện của *Trung Tâm* được phổ biến qua những chương trình hội thảo, nghiên cứu và tu nghiệp ngắn hạn. Thí dụ như chương trình tu nghiệp cho các giáo sư dạy Sử cấp trung học về Chiến Tranh Việt Nam được tổ chức hồi tháng 6 năm 1998 qua, hay cuộc Hội Thảo Về Việt-Nam-học 1999 sẽ được *Trung Tâm* tổ chức trong các ngày 14-17 tháng Tư năm 1999 sắp tới.

3) Chương Trình Trao Đổi Với Việt Nam. Trong những năm qua, *Trung Tâm* đã mời nhiều nhà nghiên cứu từ Việt Nam sang tham dự hội thảo và nghiên cứu. Mới đây nhất, trong tháng 4 năm 1998, bốn nhà nghiên cứu từ Việt Nam sang tham dự hội thảo về đề tài *Việt Nam tại Á Châu* (5). Cũng nhân việc tham dự của giới nghiên cứu đến từ Việt Nam, hai bên đã thảo luận việc hợp tác giữa các đại học Việt Nam và Viện Đại Học Texas Tech. Rồi tháng Bảy năm 1998, Giám Đốc Trung Tâm, Giáo sư James Reckner, cũng đã đi Việt Nam để tiếp tục thảo luận chương trình hợp tác đôi bên.

4) Tập San *Indochina Chronology. Indochina Chronology* là một tập san xuất bản đầu tiên vào đầu năm 1982 tại Viện Đại Học Berkeley, California. Đến giữa năm 1997, tập san rời sang xuất bản tại Đại Học Texas Tech. Đây là một quí san về thời sự, chính trị, lịch sử, văn hóa, giáo dục, kinh tế, tài chánh... của ba nước Việt, Miên, Lào hiện tại. Chuyên san này chính là một nguồn tài liệu phong phú và hiếm hoi về thư tịch học, giới thiệu một cách khách quan và chi tiết những tác phẩm mới xuất bản về ba nước Đông Dương trên thế giới, nhất là tại Hoa Kỳ. Số nào của *Indochina Chronology* cũng có tin tức thời sự về người và việc tại ba nước, và tin chi tiết về các hội nghị, hội thảo, chương trình nghiên cứu về Việt Miên Lào trên thế giới, nhất là tại Hoa Kỳ.

Chủ nhiệm kiêm chủ bút của *Indochina Chronology* là Giáo Sư Douglas Pike, một trong số ít chuyên viên hiếm hoi của Hoa Kỳ về Việt Nam từ thập niên 60. Giáo sư Pike cũng chính là người xây dựng nên *Indochina Archive (Văn Khố Đông Dương)* tại Viện Đại Học Berkeley trong các năm 1982 - 1997. Sau niên khóa 1996 - 1997, vì bất đồng với Viện Đại Học Berkeley (6), Giáo sư Pike đã rời bỏ Đại Học Berkeley để về làm đồng Giám Đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Nam tại Viện Đại Học Texas, và ông đã tiếp tục cho xuất bản chuyên san *Indochina Chronology* tại đây.

Chuyên san *Indochina Chronology* hiện đang được phát hành miễn phí tới các sử gia, giáo sư, nhà văn, nhà báo, viên chức chính quyền, cựu chiến binh trong chiến tranh Việt Nam... Quí độc giả của *Thế Kỷ 21* nào nếu muốn, cũng có thể gửi thư liên lạc với Giáo sư Douglas Pike để nhận miễn phí tạp chí này (7).

Triển Vọng Của Trung Tâm

Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Nam thuộc Viện Đại Học Texas Tech có rất nhiều triển vọng trong tương lai vì *Trung Tâm* do một nhóm giáo sư đại học gốc cựu chiến binh VN xướng xuất, thực hiện và nuôi dưỡng. Nhóm này lại được giới tướng lãnh và viên chức cao cấp thời chiến tranh Việt Nam bảo trợ (8). Trong tương lai gần, *Trung Tâm* sẽ phát triển mạnh mẽ hơn nữa khi cơ sở vật chất được xây cất xong. Dự án xây cất một building giá trị tối thiểu 15 triệu Mỹ kim đã được chấp thuận và đang được các kiến trúc sư thiết kế sẽ là nơi tập trung tất cả các hoạt động của *Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Nam*, bao gồm viện bảo tàng, văn khố, thư viện, giảng đường, phòng khánh tiết, phòng vãng lai cho giới nghiên cứu quốc tế, khu hành chánh, phòng làm việc và sinh hoạt...●

Alameda, tháng 01 năm 1999

Chú thích

1. Chẳng hạn như trong năm 1998, Thư Viện đã có thêm nhiều tài liệu văn khố nhờ một ngân khoản US$70,000.00 (hồ sơ vụ kiện Westmoreland-CBS, nhiều hồ sơ cá nhân, hồ sơ POW/MIA, và microfilms vụ Mỹ Lai, sách báo bí mật thời chiến tranh Việt Nam...) và sách báo (số sách báo mua tại Hoa Kỳ và Việt Nam trị giá US$7,000.00).

2. Một danh sách các tài nguyên văn khố đã được thiết lập.

3. Bộ sưu tập của đại tướng Westmoreland, Tổng Tư Lệnh Quân Đội Hoa Kỳ tham chiến tại Việt Nam trong các năm 1964 - 1968, có khoảng 15,000 món, gồm hiện vật, bằng khen, huy hiệu, huy chương, hình ảnh... Danh sách liệt kê bộ sưu tập này dầy đến 102 trang, Đại tướng Westmoreland đang có ý phân chia bộ sưu tập này đi các nơi. Và chắc chắn trong vai trò thành viên của Hội Đồng Quốc Gia *Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Nam,* ông sẽ hiến tặng một số tài liệu và hiện vật đáng kể trong bộ sưu tập cho Thư Viện Trung Tâm.

4. Lấy thí dụ tại *Library of Congress (Thư Viện Quốc Hội),* tính đến tháng 7 năm 1998, các tác phẩm của Hồ Chí Minh là 76 quyển, của Lê Duẩn là 62 quyển, của Võ Nguyên Giáp là 25 quyển... so với năm quyển của Ngô Đình Diệm, một quyển của Ngô Đình Nhu, một quyển của Nguyễn Ngọc Huy. *Thư Viện Quốc Hội* đầy những tác phẩm chính trị của Hà Nội còn của VNCH rất hiếm hoi khiến độc giả có cảm tưởng đó là thư viện của một nước cộng sản. Mặt khác, *Thư Viện Quốc Hội* lại có rất nhiều truyện của các tác giả VNCH, hệt như một thư viện cho những kẻ vô công rỗi nghề: Duyên Anh có 43 quyển, Mai Thảo có 24 quyển, Dung Sàigòn có 18 quyển, Nguyễn Thị Hoàng có 15 quyển, Lê Văn Trương có 14 quyển, Hoàng Hải Thủy có 13 quyển...

Tình trạng sách báo từ Việt Nam hiện đang tràn ngập các thư viện công tại Hoa Kỳ là một tình trạng rất phổ biến. Các tác giả Việt Nam tại hải ngoại hình như ít bận tâm đến việc phổ biến sản phẩm tim óc của mình trong các thư viện công tại Hoa Kỳ. Hiện tình này đưa đến một bất lợi rất lớn cho người Việt quốc gia: không ai, kể cả chính con cháu của họ, biết đến quan điểm của họ về mọi mặt trong đời sống công Việt Nam!

Chúng tôi thiết tha kêu gọi các tác giả gốc Việt tỵ nạn Cộng Sản tại Hoa Kỳ gửi tặng tác phẩm của mình cho những thư viện quan trọng (như *Thư Viện Quốc Hội, Thư Viện Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Nam* tại Texas...) để độc giả của những thư viện ấy (các thượng nghị sĩ, dân biểu và nhân viên của họ, giáo sư, học giả, sử gia, nhà văn, nhà báo Hoa Kỳ và độc giả gốc Việt thuộc thế hệ trẻ) biết đến quan điểm của người Việt quốc gia.

Vào hai ngày 2-3 tháng Bảy năm 1998, chúng tôi đến *Thư Viện Quốc Hội* và chỉ được tham khảo các sách vô sổ đến năm 1985 mà thôi. Vì thế chúng tôi cũng kêu gọi các nhân viên gốc Việt hiện đang tòng sự tại *Thư Viện Quốc Hội* phải vào sổ các sách báo tài liệu nhận được từ cộng đồng Việt Nam trong 13 năm qua (1986-1998) để độc giả có thể đến tham khảo. Chẳng lẽ *Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ* không hề nhận được một ấn loát phẩm nào từ cộng đồng người Việt quốc gia tại Hoa Kỳ suốt từ năm 1986 đến nay sao?

5. Bốn người sang tham dự là Trần Bá Chí, Nguyễn Quang Ngọc (thuộc Viện Đại Học Quốc Gia Hà Nội), và Lê Văn Quang, Trần Thị Thanh Thanh (thuộc Viện Đại Học Quốc Gia Thành Phố HCM). Đây là những người nghiên cứu sử thuộc thế hệ trẻ.

6. Giáo sư Douglas Pike đã rất bất mãn khi nhận xét thấy từ niên khóa 1992 - 1993, chương trình nghiên cứu và giảng dạy Việt-Nam-học tại Viện Đại Học Berkeley, California đã bị hủy bỏ dần dần. Đến niên khóa 1996-1997 thì VĐH Berkeley chỉ còn hai giảng khóa về Việt Ngữ mà thôi. Do đó, Giáo Sư đã phải chấm dứt sự hợp tác với Viện Đại Học này để về Viện Đại Học Texas Tech nơi có ngân khoản, có chương trình nghiên cứu nghiêm túc, có cơ cấu lãnh đạo đứng đắn là những yếu tố cần thiết để thúc đẩy sự phát triển việc nghiên cứu và giảng dạy Việt-Nam-học.

7. Thư có thể gửi về:

Prof. Douglas Pike, Editor
Indochina Chronology
The Vietnam Center
P.O.Box 41045 - Texas Tech University
Lubbock, Texas 79409-1045

8. Chính viện trưởng Viện Đại Học Texas Tech, Giáo sư John. T.Montford, cũng là một cựu thủy quân lục chiến thời chiến tranh Việt Nam. Còn Hội Đồng Cố Vấn Quốc Gia của *Trung Tâm* thì gồm những nhân vật nổi tiếng như đô đốc Elmo Zumwalt (chủ tịch Hội Đồng), đại tướng William C. Westmoreland, cựu đại sứ VNCH tại Hoa Thịnh Đốn Bùi Diễm, nhà ngoại giao William P.Bundy, Roger Donlon...

Suzie Vuong
Gallery

Bán tranh originals
và Limited Editions

207 N. Broadway, Suite # 6A,
Santa Ana, CA 92701

Tel: (714) 558-8218 **Fax: (714) 444-1082**
Pgr: (714) 967-7571 **http://kicon.com/art/SuzieVuong**

MỘT TRĂM NHÂN VẬT NỔI DANH CỦA MỘT NGÀN NĂM QUA (1001-2000)

NGUYỄN HÙNG VŨ

Quan niệm đương thời xem không/thời gian là những điều kiện căn bản mang lại ý nghĩa cho sự hiện hữu, và trong dòng hiện hữu liên tục thì dấu mốc thời gian chỉ là quy ước nhân tạo để con người có thể dùng đó mà phân định thời kỳ. Tuy vậy, đối với tâm lý số đông thì con số 2000 dường như có một cái gì đó huyền bí đáng sợ, như một thời điểm xa lạ, một vùng đất chưa hề được khám phá, nhất là con số đó lại để chỉ một cái mốc quan trọng bắt đầu cho một thiên kỷ mới, xa rời hẳn con số 1... quen thuộc vẫn được dùng trong một ngàn năm qua. Hôm nọ, sau khi xem báo, mẹ tôi rụt rè hỏi:

"Năm hai ngàn liệu có tận thế không con? Sao mẹ đọc báo thấy người ta cứ bảo sấm này sấm nọ truyền cho biết, bảo là năm 2000 thì tận thế."

Em gái tôi đùa:

"Mẹ biết không? Tất cả máy tính sẽ ngừng chạy, tất cả nhà băng sẽ đóng cửa, và tất cả tiền cũng như nữ trang của mẹ để trong nhà băng sẽ bị mất hết vì cửa sắt sẽ bị hư vì máy computer ngưng chạy, và tiền của mẹ trong chương mục sẽ tự động điều chỉnh thành zéro khi năm 1999 chuyển thành năm 2000!"

Nhiều ý kiến khác nhau được mọi người bầy tỏ trên mặt báo. Một số người bảo chuyện đó có tính cách quá lo xa, có người lại cho rằng sự thật còn có thể tệ hại hơn những gì chúng ta tưởng. Lấy ví dụ, trong sở tôi bà thị trưởng mới ra một thông báo áp dụng cho toàn thể nhân viên: tất cả sẽ được đặt trong tình trạng báo động để đề phòng tình trạng gọi là YEAR 2000 MELT DOWN vào tuần lễ chuyển tiếp của năm 1999. Một biến cố rất có thể xẩy ra khi chuông đồng hồ điểm 12 tiếng vào đêm 31 tháng 12 năm 1999! Đối với trách nhiệm của những nhà cầm quyền thì cẩn tắc vô ưu và nguyên tắc hành xử "worst case scenario" thường được áp dụng. Có nghĩa là chính quyền lúc nào cũng phải tự đặt mình vào một vị thế để đối phó với tình trạng tệ nhất có thể xẩy ra.

Tôi mới nhận được một cuốn sách đặc biệt của tuần báo Đời (*Life* đã đình bản) trong đó có liệt kê một trăm biến cố và một trăm nhân vật được xem là có ảnh hưởng quan trọng nhất đối với thế giới trong một ngàn năm vừa qua. Để thực hiện cuốn sách kỷ niệm đặc biệt này, nhóm chủ trương đã mời gọi sự đóng góp của nhiều học giả trong mọi lãnh vực, từ khoa học, triết học, nghệ thuật, văn chương, chính trị, kinh tế, giải trí, để đúc kết, chọn lựa ra 100 nhân vật.

Những nhân vật được chọn vào bảng vàng thiên kỷ phần lớn là những vĩ nhân chúng ta đã có nghe tên qua. Họ không những nổi tiếng trong một lãnh vực nào đó mà hành động hay tư tưởng của họ còn phải gây được nhiều ảnh hưởng rộng lớn cho nhiều thế hệ, chi phối đến nhiều tầng lớp xã hội. Sự nghiệp của những vĩ nhân này có khả năng thay đổi bộ mặt xã hội gián tiếp hay trực tiếp, góp phần vào sự tạo nên lịch sử. Thành quả của họ như những khám phá, phát minh, sáng chế, văn tài, cũng như tư tưởng phải có ảnh hưởng rộng lớn đến văn minh và tiến triển nhân loại trên lãnh vực

liên hệ. Họ được công nhận là những nhân vật tạo ra lịch sử và tồn tại với lịch sử. Khi chúng ta ngồi thoải mái trên chiếc phản lực khổng lồ, thưởng thức trà hay cà-phê, chúng ta có bao giờ nghĩ ai là người sáng chế ra máy bay? Khi chúng được hít thở không khí tự do, có quyền nhóm họp về chính trị, tôn giáo, có quyền nói những gì chúng ta nghĩ mà không... ngán bất cứ một hình thức chế tài nào, chúng ta có bao giờ nghĩ ai đã đảm bảo cho chúng ta cái quyền tối quan trọng đó? Khi chúng ta thưởng thức một tác phẩm điêu khắc nổi tiếng với những đường chạm trổ công phu tuyệt vời, chúng ta có biết ai là tác giả?

Cần nói thêm, nổi tiếng không hoàn toàn đồng nghĩa với "tốt." Trong số nhân vật được chọn, lưu danh thiên cổ cũng có mà lưu xú vạn niên cũng có. Một vài nhân vật tên tuổi được chọn mang tiếng xấu. Dĩ nhiên, "Ngàn năm ai có khen đâu Hoàng Sào" nhưng quy tắc chọn lựa đòi hỏi phải có tên họ. Có một số lớn nhân vật tôi chưa từng nghe tên bao giờ. Chúng ta chỉ là một thiểu số nhỏ của một cộng đồng nhỏ trong một thế giới rộng lớn và phức tạp trong một ngàn năm qua. Tôi cũng để ý đếm và thấy chỉ có khoảng mười người đàn bà được vào sổ thiên kỷ, và không có một người đàn bà Á đông nào. Một điều đáng suy nghĩ.

Sau đây là sơ lược sự nghiệp của 100 nhân vật được chọn, những người được xem là đã tạo ảnh hưởng nhiều nhất trong một ngàn năm qua, theo nhận định của những học giả từ khắp nơi trên thế giới cộng tác với *Life*.

*

1. Thomas Edison (1847-1931)

Ngày nay, mỗi khi chúng ta đi làm về lúc trời tối, với tay bật công tắc điện cho đèn sáng, xin nhớ đến ông. Được mệnh danh là cha đẻ của bóng đèn điện, sự nghiệp của ông không những chỉ phát minh ra bóng đèn, ông còn góp phần vào việc kiện toàn những thứ như radio, phim ảnh, truyền hình, cũng như đã giúp Alexander G. Bell hoàn chỉnh máy điện thoại. Đêm ông mất, để tưởng nhớ đến ông, toàn nước Mỹ tắt đèn để tiễn đưa người quá cố đã cho họ một dụng cụ phát ánh sáng, một thứ tiện ích không thể thiếu của bất cứ xã hội văn minh nào.

2. Christopher Columbus (1451- 1506)

Người ta biết đến nhà hàng hải Ý đại lợi này qua việc tìm ra Châu Mỹ. Người Việt chúng ta gọi ông là "Kha Luân Bố" theo cách phiên âm Hán Việt.

Ông đã thất bại nhiều lần trước khi đặt chân được lên lục địa Mỹ. Những chuyến du hành của ông cũng đã bị chỉ trích vì lối đối xử bất nhân và bạo ngược của ông lẫn thủy thủ đoàn đối với thổ dân vùng Caribbean bị dùng làm nô lệ.

Dầu sao, giấc mộng "khám phá ra cho bằng được những vùng đất mới ngoài biển cả" của ông cũng đã thành sự thật, và tên tuổi ông sẽ còn mãi với dân tộc Mỹ.

3. Martin Luther (1483 - 1546)

Ông được xem là nhà cải cách tôn giáo, bắt đầu tại nước Đức, chống lại chính sách độc tôn và quyền lực của toà thánh La Mã trong những vấn đề như cứu rỗi, giải tội cũng như những chuyện chính trị thế tục thời của ông. Vì lý do này, ông đã bị dứt phép thông công.

Ông được xem là nhà lãnh đạo, cải cách tinh thần đầu tiên của giáo phái Thệ phản (Protestant) với hàng trăm triệu tín đồ khắp thế giới.

4. Galileo Galilei (1564 - 1642)

Người Ý, tên ông gắn liền với một sự kiện lịch sử vì ông đã dám đối đầu với thứ quyền lực mạnh nhất của Âu châu thời đó, là thần quyền. Bị tòa thánh La Mã quản thúc tại gia sau khi ông đưa ra bằng chứng về luật chuyển động của thái dương hệ, trong đó mặt trời ở trung tâm chứ không phải trái đất như vẫn thường nghĩ. Là một nhà toán học và một trong những nhà thiên văn học đầu tiên, với những dụng cụ quang học chính ông chế tạo lấy, ông đã quan sát những thiên thể để đi đến kết luận: Copernicus đã nói đúng về quan niệm vận hành của thái dương hệ và vị trí của mặt trời.

Những khám phá của ông như luật về inertia (tính chất bất động của vật chất), vật rơi trong chân không có cùng vận tốc và gia tốc, con lắc chu kỳ (pendulum) đã đưa nhân loại đến những khám phá mới, suy luận khoa học mới. Nguyên lý tương tự (principle of similitude) của ông đã cho phép chúng ta giải thích rất nhiều điều liên quan đến hình thể của sinh vật cây cối.

Câu nói nổi tiếng: "Dù tôi bị bắt phải im lặng, tôi biết thực sự trái đất quay chung quanh mặt trời."

5. Leonardo Da Vinci (1452 - 1519)

Điêu khắc gia, họa sĩ nổi tiếng người Ý, tượng trưng cho nghệ thuật thời Trung Cổ. Tuy nổi tiếng nhưng số tác phẩm mà ông thực sự hoàn tất như hai bức *Mona Lisa* và *The Last Supper* thì không nhiều. Ông vẽ về khắp mọi lãnh vực chuyên biệt như kỹ thuật, cơ khí, toán, quang học, cơ thể học. Những cuốn sách vẽ dở dang vất bừa bãi lộn xộn của ông đã theo tên tuổi ông trở thành vô giá, gây ảnh hưởng lớn cho giới thẩm định nghệ thuật và gần đây, trong một cuộc đấu giá, nhà tỷ phú Bill Gates đã chịu trả giá hơn 30 triệu đô la cho một số bản vẽ đó.

Câu nói nổi tiếng: "Thái độ chúng ta sống ở đời nói lên được quan niệm của chúng ta về sự chết."

6. Isaac Newton (1642 - 1727)

Là một người Anh, cuộc đời ông là một chuỗi

Thomas Edison (1847-1931)

Christopher Columbus (1451-1506)

Martin Luther (1483-1546)

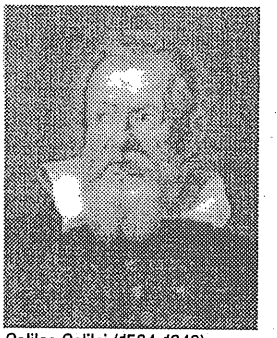
Galileo Galilei (1564-1642)

ngày dài say mê phân tích những hiện tượng thiên nhiên. Chúng ta chịu ơn ông qua những thứ như toán tích phân, vi phân, những phương trình về hấp lực của thiên thể, về quang học, cũng như ba luật về quy tắc của chuyển động, đã được xem như nền tảng chính của mechanics (cơ khí). Ông cũng đã đặt nền tảng toán học cho những công trình khảo cứu của Kepler và Galileo, là những nhà thiên văn tiền phong. Học sinh khắp thế giới biết ông qua câu chuyện ông ngồi nhìn quả táo rơi mà suy ra được hấp lực của quả đất và từ đó đưa đến giải thích mặt trăng và trái đất thu hút lẫn nhau.

Câu nói nổi tiếng: "Tôi như cậu bé nhặt vỏ sò trên bãi biển, thỉnh thoảng nhặt được một vỏ sò đẹp hơn những cái vỏ khác, trong khi đó chân lý tượng trưng như biển cả ngoài kia, tuy nằm trước mắt tôi nhưng hoàn toàn chưa hề được khám phá."

7. Ferdinand Magellan (1480 - 1521)

Nhà hàng hải nổi tiếng Bồ Đào Nha, tạo thành tích đã đi qua mũi Hảo Vọng (Cape of good Hope), điểm cực nam nguy hiểm của Châu Mỹ La tinh trong một chuyến hải hành đầy gian nan. Sau khi đã vượt qua chặng đường dài đầy cạm bẫy sóng gió ở Đại Tây Dương, Thái Bình Dương, có những lúc tưởng đã sắp chết vì đói, vì đắm thuyền, và những cuộc nổi loạn trên tàu, ông đến được Phi Luật Tân và mất ở đó. Tuy nhiên, một số thủy thủ đoàn dưới quyền ông đã trở về được quê hương, và được công nhận là những người thủy thủ đã thành công trong chuyến hải hành đầu tiên vòng quanh thế giới, một kỳ tích lịch sử của con người trong việc chinh phục thiên nhiên thời điểm đó.

8. Louis Pasteur (1822 - 1895)

Ông được tôn vinh là "Nhân vật hoàn thiện nhất của khoa học."

Là một lý thuyết gia đại tài kiêm chuyên gia giải quyết vấn đề thực dụng trong lãnh vực hóa học, những công trình nghiên cứu của ông đã đem lại kết quả lớn lao cho nước Pháp và thế giới, như trong việc tìm ra thứ vi trùng làm hại loại tằm nhả tơ. Nhờ ông, kỹ nghệ dệt tơ của Pháp được phục hồi. Thành quả nổi tiếng nhất của ông là sự nghiên cứu vi trùng sinh bệnh, từ đó đưa đến thuốc chủng ngừa. Ông được xem là cha đẻ ra khoa chủng ngừa (immunology). Ta quen thuộc với ông qua "Thức ăn đã được khử trùng theo phương pháp Pasteur" như sữa tươi.

Câu nói nổi tiếng: "Vũ trụ là thành quả của sự bất cân xứng."

9. Charles Darwin (1809 - 1882)

Khoa học gia người Anh nổi tiếng của thế kỷ 19, mệnh danh là cha đẻ của thuyết tiến hóa, một trong những thuyết khoa học quan trọng nhất hiện đại, ngược lại với thuyết sáng tạo (creationism) của các nhà thần học và các nhà tôn giáo (Tòa thánh Vatican gần đây cũng đã chấp nhận những khám phá khoa học của thuyết tiến hóa).

Là con nhà giầu, học hành không được... giỏi lắm, nhưng thích du lịch và có đầu óc tò mò, Darwin tình nguyện làm việc không lương trên chiếc thuyền mang tên Beagle của Anh quốc. Chuyến hải trình ròng rã năm năm trời đưa ông đi đến những vùng đất mới. Ông ghi nhận, quan sát thiên nhiên trong vùng đảo mang tên Galapagos và vùng đảo san hô ở Thái Bình Dương.

Năm 1859, ông trình làng cuốn sách về thuyết tiến hóa và sự chọn lọc thiên nhiên (natural selection). Ảnh hưởng của cuốn sách đó còn đến ngày nay, tạo ra những tranh cãi không ngừng giữa hai ý niệm sáng tạo và tiến hóa.

Câu nói nổi tiếng: "Trí tuệ chúng ta dù có cao cả đến thế nào đi chăng nữa thì thể xác chúng ta cũng không dấu diếm được cái xuất thân nguyên thủy tầm thường của nó."

10. Thomas Jefferson (1743 - 1826)

Vị tổng thống thứ ba và là một trong những tổng thống nổi tiếng nhất của Mỹ. Xuất thân là một luật sư, ông đã cho thấy ngọn bút trong tay ông là thứ khí giới lợi hại hơn gươm đao. Kiến thức cộng thêm ngòi bút đã giúp ông đã trở thành nhà tiền phong với những tư tưởng chính trị góp phần đưa đến định chế dân chủ của Mỹ. Ông cũng là một trong những nhà lập pháp đầu tiên. Tuy vậy, cũng có những điểm trái ngược trong đời tư của ông, như việc chống đối chính sách nô lệ nhưng trong nhà ông lại nuôi nô lệ.

Câu nói nổi tiếng: "Tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng."

11. William Shakespeare (1564 - 1616)

Đại văn hào Anh quốc. Trong thế giới văn chương, những gì đòi hỏi sự thiện xảo của kỹ thuật ngôn ngữ để nói lên tình cảm, tâm lý của con người, ông là vua không ngai. Tài sáng tác của ông sung mãn, với 38 kịch bản (bi kịch, hài kịch...) và 154 bài thơ (*sonnets*). Những tác phẩm nghệ thuật của ông đã thôi miên khán giả khắp thế giới hơn 400 năm trong hí viện cũng như phim ảnh.

William Shakespeare (1564-1616)

Napoléon Bonaparte (1769-1821)

Chúng ta biết đến ông qua những kịch bản như Macbeth, Romeo Juliet, Hamlet v.v...

12. Napoleon Bonaparte (1769 - 1821)

Ông là vị đại đế Pháp nổi tiếng với tài điều binh khiển tướng, có biệt tài nhớ tên của lính, và chính sách đối đãi tưởng thưởng quân nhân tùy theo công trạng thay vì tên tuổi dòng họ. Năm 1799, ông nắm quyền hoàng đế và giấc mộng của ông lúc đó là làm bá chủ thế giới. Một số sử gia đã xem ông là một thứ bạo chúa hơn là một minh quân.

Ông đã thảm bại tại trận Waterloo nước Bỉ vào năm 1815. Ông bị bắt và sống kiếp lưu đày hơn sáu năm tại hòn đảo St. Helena. Có tin đồn là trong thời gian này ông đã bị đầu độc từ từ.

13. Adolf Hitler (1889 - 1945)

Xuất thân là một người thợ sơn vô danh, nhờ khả năng nói trước công chúng, khả năng tuyên truyền, tài chính trị khôn khéo và những huyền thoại cá nhân tự kể trong cuốn "Mein Kamp," Hitler đã gieo vào lòng dân tộc Đức lòng tự tôn về giống nòi Nhật Nhĩ Man, sự căm thù người Do Thái, và mộng làm bá chủ thế giới. Năm 1939, Hitler tuyên chiến với thế giới và một trong những mục tiêu chính của Đức Quốc Xã lúc đó là tận diệt tất cả người Do Thái, kể cả những dân tộc nào không thuộc dòng Aryan thuần túy.

Khi thế chiến thứ hai kết thúc vào năm 1945, đã có hơn 77 triệu người thiệt mạng, và Hitler đã trở thành tên sát nhân lớn nhất của lịch sử nhân loại.

Câu nói nổi tiếng: Võ lực và sự gây kinh hoàng cho kẻ thù là phương tiện để đạt chiến thắng hữu hiệu nhất.

14. Trịnh Hà (1371- 1435)

Ông là một Thủy Sư Đô đốc nổi tiếng của Trung Hoa vào thế kỷ thứ 15. Xuất thân từ một hoạn quan, ông trở thành một nhà ngoại giao. Sứ mạng của ông đối với hoàng đế Trung quốc thời đó là đem những đoàn thương thuyền viễn du khắp thế giới để gây ảnh hưởng chính trị. Những cuộc hải trình vĩ đại với những chiếc thuyền khổng lồ đã đưa ông và hàng vạn thủy thủ dưới quyền đi đến tận những vùng xa

Adolf Hitler (1889-1945)

Zheng He (1371-c. 1435)

xôi như Phi châu, Ấn Độ, Ba Tư. Một lần, sau một cuộc viễn trình, ông đem về một con vật lạ từ Phi châu: con hươu cao cổ.

15. Henry Ford (1863- 1947)

Ông là cha đẻ của kỹ nghệ xe hơi và đồng thời cũng là nhà phát minh ra phương pháp dây chuyền sản xuất nổi tiếng, làm tăng hiệu năng của thợ, giảm thiểu sức lao động vô ích. Chiếc xe đầu tiên được biết đến là Model T, và trong 19 năm liên tiếp, xưởng chế tạo/sản xuất của ông đã bán được hơn 15 triệu chiếc, một con số ngoài sức tưởng tượng vào thời đó!

Nhờ sáng kiến của ông mà xe hơi đang từ một thứ xa xỉ phẩm có tính cách trang sức của nhà giầu vào đầu thế kỷ đã trở thành một tiện ích cần thiết cho đại chúng, và kỹ nghệ xe hơi chuyển thành một kỹ nghệ hàng đầu của Mỹ, nuôi sống hàng chục triệu người trong thế kỷ này. Tuy vậy, ông cũng phần nào có trách nhiệm với vấn đề ô nhiễm không khí, những vụ kẹt xe khổng lồ, những tử vong vì tai nạn xe cộ, và sự hư hao tài nguyên thiên nhiên như dầu hỏa.

16. Sigmund Freud (1856- 1939)

Cha đẻ của môn phân tâm học. Ông là bác sĩ thần kinh đầu tiên áp dụng phương pháp thôi miên trong việc trị liệu, trong đó ông để con bệnh muốn nói gì thì tự do nói. Ông áp dụng kỹ thuật này kiêm thêm phương pháp giải lý giấc mơ để chẩn bệnh và trị bệnh tâm lý. Trong khi chữa bệnh, những ẩn ức tâm lý, những thèm khát thầm lén được con bệnh bày tỏ, một hình thức tự chữa bệnh. Nghiên cứu của ông về sự ảnh hưởng của tiềm thức đến hành vi bên

ngoài đã đóng góp nhiều cho sự hiểu biết về căn tính con người cũng như những khả năng tính dục tự nhiên (libido & id)

Câu nói nổi tiếng: "Một giấc mơ không được diễn giải cũng tương tự như một lá thư nhận được nhưng không xé ra để xem nội dung."

17. Richard Arkwright (1732 - 1792)

Phát minh lớn của ông là việc khai thác và sử dụng thế năng của nước để dùng vào việc dệt vải, lần đầu tiên ứng dụng tại Anh quốc. Để thực hiện điều đó, những bộ phận cơ giới phải được thiết trí trong một căn nhà rộng. Điều này vô tình đã làm ông trở thành ông tổ của những cơ xưởng hiện đại, trong đó, tất cả những máy móc được thiết bị một cách hữu hiệu có tổ chức và sắp đặt quy mô, và những công nhân được chọn lựa thế nào để có thể

Richard Arkwright (1732-1792)

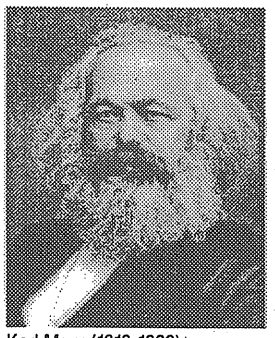

Karl Marx (1818-1883)

xử dụng máy móc một cách chuyên môn. Ngày nay, những chuyên viên học về ngành "Industrial, Chemical Engineering" chắc quen thuộc với tên tuổi ông.

18. Karl Marx (1818 - 1883)

Lý thuyết gia về xã hội chủ nghĩa. Ông từ bỏ thế giới trưởng giả quý tộc của ông để cầm bút trở thành một nhà báo viết về chính trị, sở thích và chí nguyện của đời ông. Ông với Friedrich Engels, một tên tuổi nổi tiếng khác cùng thời, trở thành một cặp bài trùng trong lãnh vực này.

Những tư tưởng của ông về ý niệm vô sản, trong đó giai cấp thợ thuyền làm chủ phương tiện sản xuất, được đề cao vai trò và nâng cao giá trị, đã làm say mê số đông và tạo được ảnh hưởng lớn đối với thế giới vào thế kỷ 19, đưa đến những ảnh hưởng chính trị vào thế kỷ 20.

Câu nói nổi tiếng: "Tôn giáo chẳng qua chỉ là một thứ thuốc phiện ru ngủ con người."

19. Nicolaus Copernicus (1473- 1543)

Thiên văn gia và toán gia nổi tiếng thời trung cổ. Ông đã gây chấn động khi ông thu góp đủ dữ kiện để chứng minh là trái đất quay chung quanh mặt trời giống như những hành tinh khác. Khám phá này đã phủ bác quan niệm thời cổ của Ptolemy, Aristotle, vốn vẫn xem trái đất như trung tâm điểm của vũ trụ.

Vốn bản tính thận trọng, không bạo phổi và ương ngạnh như Galileo vào một thời điểm mà một câu nói đụng chạm đến thần quyền có thể mất mạng như chơi, cho nên tuy đầy đủ bằng chứng trong tay, ông vẫn trì hoãn không cho phát hành cuốn sách quan trọng của ông cho đến khi ông nằm chờ chết trên giường bệnh.

Ông được xem là một trong những ông tổ của khoa thiên văn.

20. Orville & Wilbur Wright (1871-1948 / 1867-1912)

Ngày nay, mỗi khi chúng ta đi mây về gió trên những chiếc phản lực cơ khổng lồ, xin nhớ đến sự nghiệp và phát minh vĩ đại của hai ông. Chuyến bay thành công đầu tiên của chiếc phi cơ do hai ông chế

Nicolaus Copernicus (1473-1543)

Orville & Wilbur Wright (1871-1948 & 1867-1912)

tạo đã cất cánh tại bãi biển Kitty Hawk, North Carolina (Hoa Kỳ) dài đúng 12 giây đồng hồ phù du và đoạn đường bay không dài quá chiều dài một chiếc jumbo jet. Công trình này là thành quả của tấm năm dài vất vả sau bao nhiêu thất bại. Phát minh của các ông đã làm thay đổi cái nhìn của con người về thế giới.

21. Albert Einstein (1879 - 1955)

Nhiều người tôn ông là cha tinh thần của thế kỷ 20. Tên ông tượng trưng cho sự thông thái (cũng như đãng trí) và khi còn sống cũng như sau khi đã chết, ông là một huyền thoại lớn của thế kỷ hiện đại. Năm 1905 là một trong những năm sáng chói của môn vật lý khi ông "hạ bệ" Newton với thuyết tương đối.

Khám phá của ông về vận tốc tuyệt đối của ánh sáng, về sự di động tự nhiên Brownian, về lượng của bức xạ, hiệu ứng tế bào quang điện (photoelectric effect), sự tương quan giữa vật chất và năng lượng, sự co dãn của không thời gian tùy thuộc vào sự hiện diện của khối lượng, là những khám phá gây bão tố khoa học vào đầu thế kỷ 20, làm thay đổi hẳn quan niệm của con người về nền tảng vật lý từ thời cổ Hy-lạp. Công thức E=mcc của ông dẫn đến sự phát minh ra bom hạch tâm, mở đầu cho kỷ nguyên nguyên tử.

Câu nói nổi tiếng: Thượng Đế không chơi trò xúc

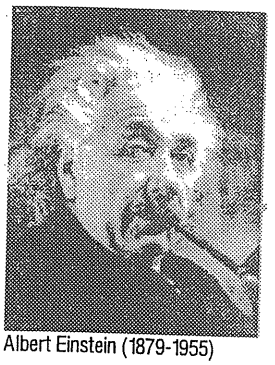
Albert Einstein (1879-1955)

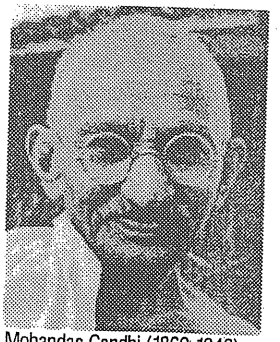
Mohandas Gandhi (1869-1948)

Kublai Khan (1215-1294)

James Madison (1751-1836)

xấc với vũ trụ.

22. Mohandas Gandhi (1869 - 1948)

Ông được người Việt biết đến qua cái tên "thánh Cam Địa." Chủ trương và chính sách bất bạo động của ông đã dành lại được độc lập cho Ấn Độ vào năm 1947, sau gần hai thế kỷ bị trị dưới chế độ thuộc địa của đế quốc Anh. Qua những hình thức chống đối mềm mỏng như: bất cộng tác, tẩy chay sản phẩm đế quốc, tuần hành, nhịn đói, ông đã thực hành triết lý "dĩ nhu chế cương" của Đông phương. Cuộc đời, sự nghiệp của ông được nhiều nước nhược tiểu trên thế giới bắt chước.

Câu nói nổi tiếng: "Hãy thắp lên ngọn lửa bất bạo động ở những nơi nào ngọn gió bạo hành thổi qua."

23. Kublai Khan (1215- 1294)

Tức Hốt Tất Liệt, vua Mông Cổ, cháu nội của Thành Cát Tư Hãn, đã hoàn tất việc thôn tính Trung Hoa, mở ra triều đại nhà Nguyên, do đó cũng gọi ông là Nguyên Thế Tổ. Thủ đô được đặt tại Bắc Kinh, dưới triều đại ông, Trung Hoa phát triển mạnh về nông nghiệp và thương nghiệp, về học vấn và nghệ thuật, tôn giáo... Sự thịnh vượng của Trung Hoa thời ấy đã lôi kéo các nhà hàng hải Tây phương tìm đến, trong đó có Marco Polo.

24. James Madison (1751- 1836)

Tổng thống thứ tư của Mỹ, được tôn là cha đẻ của Hiến pháp. Ông nhấn mạnh đến sự thăng bằng và sự chế ngự lẫn nhau giữa ba ngành Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp. Ông còn được biết đến là vị tổng thống đã ngăn cấm việc chọn lựa một thứ tôn giáo làm quốc giáo, là một trong những điểm chính trong bản phác thảo đạo luật về nhân quyền do ông chủ trương (The bill of Rights). Nhờ ông, những quyền cơ bản của con người như tự do tín ngưỡng, hội họp, ngôn luận... được công nhận.

25. Simon Bolivar (1783- 1830)

Nhà cách mạng, chính trị gia kiêm tướng chỉ huy quân đội người Venezuela. Năm 1819, ông cùng 2500 người lính dưới quyền đánh quân thực dân Tây Ban Nha bật ra khỏi Nam Mỹ trong một trận chiến ở Boyaca, đem lại độc lập cho xứ Venezuela, và góp phần trong việc giải phóng hai nước Ecuador và Peru.

26. Mary Wollstonecraft (1759- 1797)

Một phụ nữ người Anh, nổi tiếng qua việc nêu lên quyền bình đẳng cho giới phụ nữ trong tác phẩm *A vindication of the rights of Woman*, xuất bản năm 1792. Trong đó, bà đòi hỏi giới phụ nữ phải được tôn trọng ngang hàng trong những vấn đề như giáo dục và việc làm. Bà cũng là động cơ thúc đẩy trong việc đòi hỏi chính phủ làm ra một đạo luật đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ.

Một trong những chuyện riêng tư của đời bà là sinh ra đứa con đầu lòng khi vẫn chưa lập gia đình.

27. Guglielmo Marconi (1874 - 1937)

Nhà phát minh ra vô tuyến điện người Ý. Năm 1901, ông sử dụng lối đánh Morse để truyền tín hiệu chữ S qua biển Đại Tây Dương. Thành công này làm chấn động thế giới: khả năng truyền tin mà không cần dây thép! Ngày nay, vô tuyến điện đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong thế giới văn minh, từ radio, radar, đến vệ tinh nhân tạo, và cả việc liên lạc đến những hành tinh khác trong vũ trụ.

28. Mao Trạch Đông (1893 - 1976)

Là một thủ lãnh đầy thủ đoạn chính trị của đảng Cộng sản Trung Quốc, Mao đã chống lại đế quốc Nhật, dẹp đảng phái quốc gia, đuổi Tưởng Giới Thạch chạy ra tới đảo Đài Loan, và đem lại được thống nhất cho đất nước, dưới danh hiệu "Cộng hòa nhân dân Trung Quốc."

Khi thực sự trở thành lãnh tụ một nước đông dân nhất hoàn cầu, bàn tay sắt máu của Mao hiện rõ. Mao Trạch Đông có công trên một phương diện nào đó, nhưng cũng có tội tầy đình với dân tộc Trung Hoa. Trong những cuộc thanh trừng khủng khiếp, từ kinh tế cho đến cuộc cách mạng văn hóa, hơn 20 triệu dân Tàu đã bỏ xác khắp nơi.

Câu nói nổi tiếng: "Quyền lực chính trị nằm ở họng súng."

29. Vladimir Lenin (1870 - 1924)

Nếu Karl Marx có công suy tưởng và góp nhặt tư tưởng của mình vào một hệ thống biện chứng, thì Lenin đã thực hành không gớm tay hệ thống đó.

Hậu quả là những cuộc thanh trừng tập thể đẫm máu nhất của nhân loại mà dân Nga phải gánh chịu trong thời cách mạng, với hơn ba mươi triệu người bị tàn sát. Cùng với Leon Trotsky, Lenin cầm đầu cuộc nổi loạn tháng 10 năm 1917, trong đó toàn thể gia đình Nga hoàng bị thảm sát. Cuộc cách mạng đã đưa vận mệnh dân Nga vào tay nhóm Bolsheviks, một nhóm cực khuynh tả cộng sản, bắt đầu cho chủ nghĩa cộng sản chuyên chế trên toàn lãnh thổ Xô Viết.

Guglielmo Marconi (1874-1937)

Mao Zedong (1893-1976)

Vladimir Lenin (1870-1924)

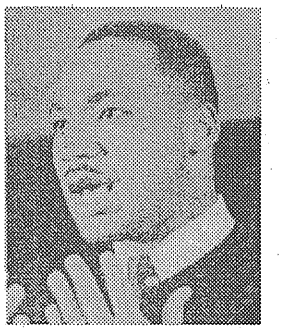

Martin Luther King Jr. (1929-1968)

Lenin điển hình cho một mâu thuẫn lớn lao nhất lịch sử, đó là thẳng tay tiêu diệt những bất công dưới thời Nga hoàng, và thay vào đó bằng một bất công ghê gớm hơn nhiều lần: ý thức hệ và chủ nghĩa cộng sản.

Tuy nhiên, các sử gia cũng đã nhận định Liên Bang Xô Viết do Lenin khai sinh đã là một siêu cường về nhiều mặt, nhất là trên lãnh vực quân sự và khoa học, và là nước khơi mào cuộc chạy đua vào vũ trụ.

30. Martin Luther King Jr. (1929- 1968)

Xuất thân là một mục sư, ông trở thành người da đen đầu tiên đoạt giải Nobel hòa bình và là một trong ba người Mỹ có ngày sinh được biến thành ngày lễ để kỷ niệm. Năm 1955, ông xách động cuộc tẩy chay hệ thống xe bus ở tiểu bang Alabama, khởi đầu cho một cuộc hành hương nhân quyền đòi quyền bình đẳng cho sắc dân da mầu diễn ra sau đó. Đoàn biểu tình đi đến tận thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Chính sách bất bạo động của ông, những bài diễn thuyết hùng hồn đã gây được lòng tin và làm xúc động cũng như đem lại hứng khởi cho dân da mầu vào thập niên 60. Năm 1968, một viên đạn bắn lén kết liễu đời ông vào tuổi 39.

Ông được xem như một anh hùng của dân da mầu, không những ở Mỹ mà còn khắp thế giới.

31. Alexander Graham Bell (1847 - 1922)

Ông tổ của máy điện thoại. Ông đăng ký môn bài sáng chế vào năm 1876, mở màn cho một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên viễn liên. Ảnh hưởng của phát minh này đối với xã hội văn minh chúng ta như thế nào chắc các bạn cũng đã rõ. Ba ngày sau khi ông được cấp môn bài, ông vô tình đánh đổ acid lên áo choàng lúc ông đang loay hoay với máy điện thoại, và ông vô tình hốt hoảng gọi một người phụ tá cầu cứu. Những gì ông hét cầu cứu qua một cái máy điện thoại gần đó đã được công nhận là một cuộc... "điện đàm" đầu tiên của thế giới!

32. Rene Descartes (1596 - 1650)

Tuy gần đây một số tư tưởng của ông đã bị hạ bệ vì những khám phá mới của khoa học cũng như những suy tưởng hiện đại, nhưng ông đã một thời làm mưa gió với nhị nguyên luận thuyết (dualism or Cartesian split). Ngoài ra, ông còn là một nhà toán học đại tài, đã chế ra môn hình học giải tích. Ông cũng là một khoa học gia tên tuổi, với những khám phá về quang học và sinh học và đồng thời cũng là một triết gia lớn của Pháp với nguyên tắc Cartesian.

Câu nói nổi tiếng: "I think, therefore I am" (Je pense donc je suis, Tôi tư duy nên tôi hiện hữu)

33. Ludwig Van Beethoven (1770 - 1827)

Đại nhạc sĩ người Đức, được xem là nhà soạn nhạc cổ điển lớn nhất của Tây Phương. Cảm hứng bởi các lý tưởng của cuộc cách mạng Pháp, bị dằn vặt đau khổ bởi các tình cảm lãng mạn và cả chứng điếc của mình, Beethoven đã khai triển những bản tứ tấu, concerto, giao hưởng truyền thống thành những diễn đạt cá nhân vừa cao vời vừa sâu thẳm. Trả lời sự ngờ vực của một người đương thời, ông nói: "Những bản nhạc này không phải dành cho anh, mà cho đời sau."

34. Thomas Aquinas (1225- 1274)

Ông là một thầy dòng Dominique người Ý và là một nhà thần học nổi tiếng với những quan niệm triết lý thần học. Số lượng ông viết cũng kỷ lục với hơn tám triệu chữ về nhiều lãnh vực. Một trong những quan niệm đáng kể là theo ông đức tin và lý trí không mâu thuẫn nhau. Con người là lý trí, nhưng có thể đạt đến hạnh phúc cao nhất trong niềm tin Thượng Đế.

Tác phẩm dở dang *Summa theologiae* của ông có ảnh hưởng lớn đối với giới thần học Ki-Tô giáo.

35. Abraham Lincoln (1809 - 1865)

Tổng thống thứ 16 của Hiệp Chủng Quốc Hoa

Ferdinand Magellan (1480-1521)

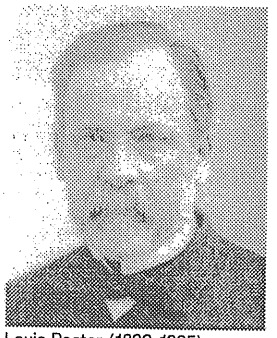
Louis Paster (1822-1895)

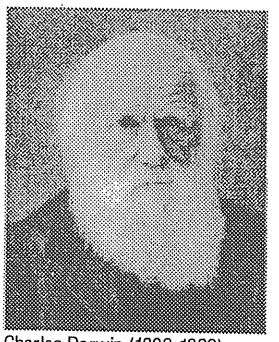
Charles Darwin (1809-1882)

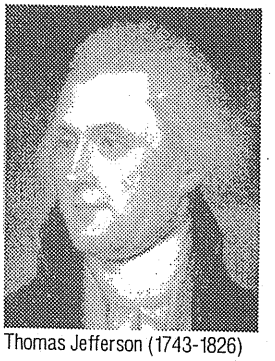
Thomas Jefferson (1743-1826)

Kỳ. Trong một thăm dò, ông là vị tổng thống được ngưỡng mộ và tôn kính nhất của dân tộc Mỹ.

Trong thời kỳ nội chiến Nam/Bắc, ông đã phải đương đầu với những vấn đề như liên bang (federalism), nô lệ (slavery), là những vấn đề hết sức trọng đại của xứ sở đang phôi thai lúc đó. Ông bị ám sát trong khi đang xem trình diễn ở một hí viện.

Câu nói nổi tiếng: "Tôi không quan tâm ông nội tôi đã là người như thế nào, tôi chỉ quan tâm đến việc cháu ông ta sẽ trở thành người như thế nào."

36. Michelangelo (1475 - 1564)

Ông được tôn là điêu khắc gia nổi tiếng nhất lịch sử. Ngoài tài điêu khắc, ông còn là tác giả của những bức vẽ trên trần của những cung điện, thánh đường. Những tác phẩm điêu khắc điển hình là Pieta và David. Với một tài năng phi thường và đạt nhiều thành tựu, ông vẫn còn để lại rất nhiều tác phẩm dở dang, điều đó nhắc nhở rằng dù các tham vọng của ông rất thánh thiện, ông vẫn chỉ là một con người.

37. Vasco De Gama (1460 - 1524)

Là một nhà hàng hải nổi tiếng, ông đã được vua Bồ Đào Nha giao cho nhiệm vụ dành lấy ưu thế thương mại giữa Âu châu và Á châu. Ông đã thành công trong chuyến đi vòng mũi Hảo Vọng ở Nam Phi để mở thủy lộ nối liền Âu Á.

38. Suleyman The Magnificent (1494 - 1566)

Một trong những vì vua của Ba-Tư nổi tiếng trong việc bành trướng mở mang bờ cõi. Ông cho xây cất những đền đài lăng tẩm, những dinh thự với những lối kiến trúc đặc thù của miền Ba-Tư. Công trình văn học và nghệ thuật nở rộ dưới triều đại của ông vẫn còn tồn tại cho đến ngày hôm nay.

39. Samuel F. B. Morse (1791 - 1872)

Người Mỹ, là một họa sĩ và một nhà xuất bản, ông lại nổi tiếng với phát minh ra lối chữ "tích tích tè tè" trong việc truyền tin, dùng tính chất từ của nam châm và dây đồng để dẫn điện. Bản điện tín đầu tiên được ông đánh thử nghiệm là vào năm 1837. Sau đó lối "đánh Morse" phổ biến thành một phương tiện truyền tin mới, người Việt Nam không những biết đến khi nói "ra bưu điện đánh dây thép" mà thành viên các đoàn thể thanh thiếu niên như Hướng Đạo, Gia Đình Phật tử đều có học đánh morse để dùng trong các sinh hoạt của mình.

40. John Calvin (1509 - 1564)

Người Pháp, một trong những nhà thần học nổi danh với tư tưởng Cải Cách. Đã có công phát triển tư tưởng Tin Lành khắp Âu Châu gây ảnh hưởng sâu rộng về chính trị và xã hội tại Âu châu thế kỷ 16, và những cải cách thần học của ông được làm khuôn mẫu cho đến hiện tại.

41. Florence Nightingale (1820- 1910)

Bà là một nữ y tá và là một sứ giả của tình thương và của sự săn sóc tận tâm đối với những thương binh trong cuộc chiến tranh Crimean của Anh quốc chống lại Nga.

Sau khi nổi tiếng, bà dùng thế lực và tiếng tăm của bà để đòi hỏi những cải cách về y tế và sức khỏe trong quân đội hoàng gia. Nhờ bà, điều kiện vệ sinh trong những bệnh viện được cải thiện. Bà cũng là người sáng lập ra một trường đào tạo nhân viên y tá đầu tiên.

42. Hernan Cortes (1485 - 1547)

Một nhà thám hiểm Tây Ban Nha và cũng là một tay săn vàng tại xứ Mễ Tây Cơ, ông và bọn giặc biển Tây Ban Nha đã làm mưa gió tại một lãnh thổ vùng Trung Mỹ gọi là Aztecs, đem đến sự đô hộ và thống trị vùng này trong vòng ba thế kỷ.

43. Joseph Lister (1827 - 1912)

Ông được tôn là cha đẻ của thuật giải phẫu để chữa bệnh. Những công trình của Pasteur đã ảnh hưởng đến cách trị liệu của ông đối với những bệnh nhân mà sự mổ xẻ trở thành cần thiết và bắt buộc. Vì thế, trước khi giải phẫu, ông cho khử trùng bác sĩ lẫn bệnh nhân lẫn dụng cụ giải phẫu để tránh nhiễm trùng, và kết quả là số tử vong giảm hẳn.

44. Ibn Battuta (1304 - 1377)

Năm 1325 ông làm một chuyến hành hương lịch sử bắt đầu từ xứ Ma-rốc cho đến Mecca. Rồi trong 30 năm kế tiếp, ông đi hầu khắp thế giới Hồi giáo,

đến tận bờ biển Trung Hoa. Cuốn sách ông viết, *Travels,* là một trước tác về những chuyện thần kỳ, có giá trị cho mọi thời đại.

45. Chu Hi (1130 - 1200)

Một đại triết gia Trung Hoa, cùng thời với Vương Dương Minh. Ông có công lớn trong việc làm sáng tỏ những tư tưởng của Khổng Tử. Căn bản tư tưởng ông đặt nền tảng trên đạo đức và luận lý. Ông bài bác quan niệm một vị thần có tính cách cá nhân và ông cũng chống lại hình thức tín ngưỡng thông thường của tôn giáo. Điều này được xem như là một cản trở cho sự bành trướng của Phật giáo thời đó.

Kinh điển của ông được dùng làm đề tài khảo thí cho sĩ tử trong hơn sáu thế kỷ.

46. Gregor Mendel (1822 - 1884)

Cha đẻ của môn di truyền học. Ông là một tu sĩ người Áo. Những thí nghiệm của ông với loại đậu trong khu chủng viện đưa ông đến một khám phá căn bản quan trọng về sự di truyền tính trong ngành thực vật học, từ đó ông có khả năng tiên đoán được kết quả của những cây đậu lai giống. Tuy nhiên, lúc ông trình lên Hội Khoa Học Tự Nhiên kết quả thí nghiệm của ông, khám phá của ông không được để ý và bị bỏ rơi vào quên lãng, và cho đến khi ông qua đời được 16 năm thì thành quả của ông mới được công nhận là một nền tảng căn bản của di truyền tính.

John D. Rockefeller (1839-1937)

Jean-Jacques Rousseau (1712-1778)

Niels Bohr (1885-1962)

Joan Of Arc (1412-1431)

47. John Locke (1632 - 1704)

Một triết gia đa tài của Anh quốc, đã viết nhiều về những vấn đề như sư phạm, khoa học và tự do tín ngưỡng. Ý niệm của ông về chính trị, trong đó ông quan niệm đời sống, quyền được tự do, quyền tư hữu, và sự chấp nhận thể chế chính trị của đám đông, là những quyền căn bản của con người. Ý niệm này đã là nguyên động lực dẫn đến cơ chế dân chủ trên thế giới.

48. Akbar (1542 - 1605)

Được xem là một hoàng đế Ấn Độ nhân từ và thông thái. Đường lối chính trị khôn khéo của ông đối với những tiểu chư hầu đã mang lại thịnh vượng cho Ấn Độ. Ông còn được biết đến là một ông vua có những tài năng về nghệ thuật kiến trúc. Ngôi đền Taj Mahal nổi tiếng thế giới là do công trình của cháu ông.

49. Marco Polo (1254 - 1324)

Nhà hàng hải nổi tiếng thế kỷ thứ 14. Năm 17 tuổi, ông theo cha và anh làm một cuộc viễn trình sang đến Trung Hoa và sống 20 năm tại đây. Những gì ông viết để lại đã là động lực thúc đẩy dân Âu châu đi tìm Châu Á và Kha Luân Bố ra đi về hướng tây khám phá ra châu Mỹ.

50. Dante (1265 - 1321)

Cuốn Thần Khúc (*The Divine Comedy*) của Dante là một kiệt tác văn học đầy tính cách sử thi và phúng dụ, dẫn người đọc đi qua các hình thái văn hóa, chính trị và tôn giáo của nước Ý thế kỷ 13. Với óc tưởng tượng phi thường, ông cũng dẫn người đọc đi qua chín tầng địa ngục với các cực hình kinh hoàng sau khi chết, đã gây hãi sợ qua biết bao thế kỷ. T.S. Eliot đã nói: "Dante và Shakespear đã chia nhau thế giới hiện đại. Không có người thứ ba."

51. John D. Rockefeller (1839 - 1937)

Tỷ phý đầu tiên của Mỹ và là khuôn mặt tài phiệt lớn nhất của thương trường trong những thập niên đầu thế kỷ 20. Sản nghiệp ông gầy dựng trên thị trường buôn bán nhiên liệu (dầu hỏa) do chính ông quản lý. Giầu hết cỡ nhưng suốt đời ông không đụng đến một ly rượu hay hút một điếu xì gà nào. Khi ông 58 tuổi, ông dùng sản nghiệp của ông vào viện từ thiện và nếu tính theo giá hiện đại, ông đã tặng cho đại chúng gần sáu tỉ đô-la vào các mục tiêu y tế và giáo dục.

52. Jean-Jacques Rousseau (1712- 1778)

Ông là một người Pháp đa tài trong nhiều lãnh vực như giáo dục, văn chương, chính trị, thảo mộc, ngôn ngữ, âm nhạc. Cuốn sách Social Contract (Khế ước xã hội) được xem là tác phẩm nổi tiếng nhất của ông. Tư tưởng ông được xem là một trong những nguyên nhân đưa đến cuộc cách mạng 1789, và cũng vừa được tôn trọng vừa bị chê trách bởi người đồng thời. Ông quan niệm "nhân chi sơ tính bản thiện" và động lực thúc đẩy cá nhân vào con đường tội lỗi

chính là những ảnh hưởng tồi bại của xã hội.

Cuộc đời của ông nhiều thăng trầm và tư tưởng ông có tính cách "dễ gây bàn cãi" (controversial). Sau khi ông mất, thi hài ông được quàn trong điện Pantheon, một nơi dành cho những vĩ nhân quan trọng nhất của Pháp.

53. Niels Bohr (1895 - 1962)

Người Đan Mạch, được xem là một trong những ông tổ của thuyết vi lượng tử khi ông thành công trong việc cắt nghĩa và toán học hóa mô hình nguyên tử khinh khí. Nếu Einstein đã đưa đến những quan niệm mới về không thời gian thì ông đã có công chuyển nền vật lý cổ điển thành nền tân vật lý, là nền móng căn bản cho tri thức luận khoa học hiện đại.

Nikola Tesla (1856-1943)

Immanuel Kant (1724-1804)

Thế giới của ông là thế giới cực nhỏ với những quan niệm khoa học mới mẻ như lưỡng tính của vật chất (sóng và hạt), tính chất hổ tương (complementarity). Ông đã cho thấy sự vững chắc của vật chất (concreteness) chỉ là một ảo niệm, thay vào đó, yếu tính thực sự của vật chất nằm ở hai quan niệm: xác xuất (probability) và hỗn tính (randomness). Ông cho thấy muốn hiểu được vũ trụ, con người phải hiểu được thành phần vi tử nhỏ nhất cấu tạo nên vũ trụ.

Tư tưởng triết học của ông đã và vẫn còn gây ảnh hưởng lớn lao trong lãnh vực triết lý khoa học.

54. Joan of Arc (1412 - 1431)

Xuất thân là một thôn nữ, bà trở thành một nữ chiến tướng và những chiến công của bà trong việc dành lại tự do cho xứ sở chống lại Anh quốc đã làm cho bà trở thành một nữ anh hùng của Pháp. Trong một cuộc biểu tình vận động đòi tự do cho Paris, bà bị bắt, bị tuyên án là tà ma ngoại đạo và bị đốt chết khi mới 19 tuổi.

Bà được tôn thờ như một nữ thánh của Pháp khi bà được phong thánh vào năm 1920.

55. Frederick Douglass (1818 - 1895)

Ông được xem là nhà giải phóng tinh thần cho dân da mầu Phi Châu khốn khổ dưới chế độ nô lệ ở Mỹ trong thế kỷ 19. Năm 20 tuổi, ông cải trang thành một thủy thủ để tránh bị bắt làm nô lệ. Ông trốn tránh lên miền bắc Mỹ và trở thành một học giả sau bao cam go khó khăn cá nhân. Ông dùng cuộc đời ông để viết và nói lên những sai lầm trái đạo đức của chế độ nô lệ.

56. Louis Thập Tứ (1638 - 1715)

Lên ngôi lúc chưa đầy năm tuổi, ông trở thành một trong những vì vua của Pháp nổi tiếng xa hoa, hoang đàng. Cung điện nổi tiếng Versailles do ông chủ trương xây cất. Ông thành lập những đoàn tinh binh hùng mạnh, gây chiến với những nước láng giềng như Anh quốc, Hòa Lan và Ý.

Ông được xem là vì vua đã đem lại quyền lực cho nước Pháp, và cũng bị xem là đã mang đến sự suy vong cho xứ sở.

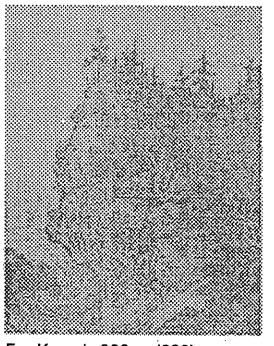

Fan Kuan (c.990-c. 1030)

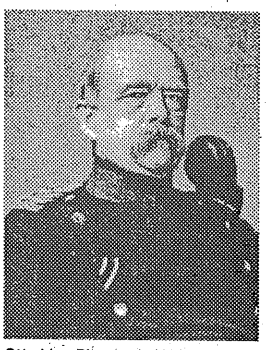

Otto Von Bismarck (1815-1898)

57. Nikola Tesla (1856 - 1943)

Một trong những nhà phát minh nổi tiếng nhất trong kỷ nguyên điện lực. Tên ông quen thuộc trong giới vật lý nhờ những công trình khám phá của ông trong việc thí nghiệm với điện và từ. Phát minh quan trọng của ông là sự sáng chế ra một cách thức để tải điện từ nhà máy đến nơi xử dụng dùng dòng điện xoay chiều. Nhờ phát minh này, ngày nay điện lực có thể được dẫn truyền đi khắp nơi từ nhà máy điện.

58. Immanuel Kant (1724 - 1804)

Suốt đời độc thân, không hề bước ra khỏi thành phố Konigsberg (Đức), nhưng thay vào đó, ông du lịch bằng trí tuệ, tư tưởng; và suy tưởng triết học thâm sâu của ông đã trở thành nền tảng cho những thế hệ triết gia tương lai. Cuốn sách "Phê bình thuần túy lý tính" (Critique of pure reason) của ông biện giải về yếu tính của thiên nhiên, giới hạn của tri thức và đồng thời ông lý luận để phá đổ luôn hai "bằng chứng" liên quan đến quan niệm về sự hiện hữu của Thượng đế. Hai bằng chứng này được biết đến là bản thể chứng và vũ trụ chứng (ontological and cosmological proofs).

Câu nói nổi tiếng: "Thiên nhiên đã đặt một bí thuật vào vũ trụ để từ đó hỗn mang có thể biến dịch thành hài hòa."

Theodor Herzl (1860-1904)

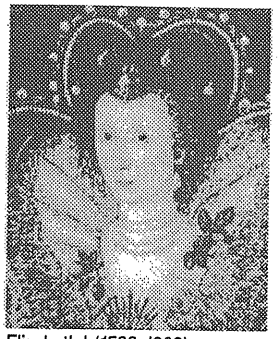
Elizabeth I (1533-1603)

Claudio Monteverdi (1567-1643)

Walt Disney (1901-1966)

59. Phạm Khoan (Fan Kuan) (990 - 1030)

Tên thật là Phạm Trung Chính, quê ở Thiểm Tây Trung Quốc. Ông là một ẩn sĩ đạo Lão, nổi tiếng với bức vẽ thiên nhiên phong thủy có đường nét thủy mặc. Bức tranh này được xem là đã nói lên được nguyên lý của Đạo, trong đó con người và thiên nhiên hợp nhất thành một. Đây là bức tranh tượng trưng cho nghệ thuật vẽ tranh của Trung Hoa, được rất nhiều họa sĩ dùng làm tiêu chuẩn.

60. Otto Von Bismark (1815 - 1898)

Biệt hiệu của ông là "Thống Chế sắt" Nhờ tài chính trị của ông mà nước Đức, sau chín năm trời, đã trở thành một nước hùng mạnh liên hợp từ 135 vùng riêng rẽ. Sử gia xem ông là một lãnh tụ ôn hòa, nhưng cũng có một số sử gia xem ông là một nhà độc tài, đã tạo mầm mống cho sự nổi dậy của Đức Quốc Xã.

61. William The Conqueror (1027 - 1087)

Vua Anh quốc, đã có nhiều công trạng đối với xứ sở trong đó có việc giữ vững bờ cõi khỏi tay quân xâm lăng. Sau 21 năm trị vì của ông, nước Anh không bao giờ bị nạn ngoại xâm nữa.

62. Guido of Arezzo (991 - 1033)

Ông là một nhà nhạc lý và là một ông thầy dậy nhạc, đã có công tạo ra một hệ thống viết nốt nhạc với những cung, khóa. Nhờ phát minh của ông mà dần dà thế giới mới có cách để mà viết xuống giấy những nốt nhạc trên khuôn nhạc gồm năm dòng song song như hiện nay.

63. John Harrison (1693 - 1776)

Một nhà chế tạo chronometer (một dụng cụ tính giờ chính xác hơn đồng hồ thường). Thuyền trưởng James Cook đã dùng dụng cụ này để định vị trí những hòn đảo trong những chuyến hải hành. Một dụng cụ khác của ông đã cho phép những nhà hàng hải tính toán chính xác vị trí của kinh tuyến, quan trọng cho ngành hàng hải thời đó.

64. Pope Innocent III (1160 - 1216)

Một trong những giáo hoàng của thời Trung cổ, với hai đạo quân viễn chinh dùng để thực thi quyền hành của giáo hội. Hội đồng của ông là nền tảng của Giáo hội La Mã hiện đại.

65. Hiram Maxim (1840 - 1916)

Ông là nhà phát minh ra bộ phận cơ bẩm để nạp đạn vào súng một cách dễ dàng mà không cần phải dùng đến sức người, chỉ dùng sức giật lùi của viên đạn đã bắn, và kết quả là khẩu súng máy bắn liên thanh ra đời.

Thế chiến thứ nhất dùng sáng chế này của ông và còn được biết đến là cuộc "chiến tranh súng máy."

66. Jane Adams (1860 - 1935)

Bà là người Mỹ, được trao giải thưởng Nobel hòa bình năm 1931 vì những hoạt động cộng đồng lẫn từ thiện ở thành phố Chicago. Bà còn là người sáng lập ra những tổ chức xã hội như "Hội phụ nữ quốc tế tranh đấu cho tự do và hòa bình."

67. Tào Tuyết Cần (1715 - 1763)

Cuốn tiểu thuyết Hồng Lâu Mộng của ông được xem là một trong sáu đại danh tác (lục tài tử) bất hủ của Trung Quốc, kể câu chuyện một gia đình quyền lực từ lúc hưng thịnh đến lúc suy tàn. Ảnh hưởng của bộ truyện này rất lớn trong nhiều ngành nghệ thuật, trong đó có sân khấu, làm say mê hàng trăm triệu người Trung Hoa qua nhiều thế hệ.

68. Matteo Ricci (1552- 1610)

Ông là một tu sĩ dòng tên người Ý, được xem là một sứ giả tiền phong của những giao lưu văn hóa, kỹ thuật, tư tưởng giữa Đông và Tây. Những tư tưởng gia thế kỷ 18 trường phái Enlightenment đã ảnh hưởng tư tưởng Khổng Mạnh xuất phát từ Trung Hoa, nhờ vào những đóng góp giao lưu của ông.

69. Louis Armstrong (1901 - 1971)

Ông nổi tiếng với cây kèn trompet và lối diễn xuất đặc biệt trên sân khấu. Lối hát lảm nhảm một cách vô nghĩa nhưng độc đáo của ông đã được nhiều tay chơi kèn khác bắt chước. Nếu có một danh từ đi liền với tên tuổi ông thì đó là "jazz", một thứ nhạc của người da đen nhưng đã trở thành phổ thông mọi nơi. Ngoài ra, cá nhân ông và nụ cười nhăn luôn

luôn trên môi đã trở thành như một cái gì đó tiêu biểu và đặc sắc cho loại nhạc này, và ông trở thành một sứ giả của nhạc jazz, một đóng góp nghệ thuật của Mỹ cho thế giới.

70. Michael Faraday (1791 - 1867)

Là một nhà hóa học nhưng ông cũng đã có công rất lớn trong những thí nghiệm tiền phong về điện và từ trường, thuộc lãnh vực vật lý. Từ tương quan một thiết này, ông đã tìm ra một cách để tạo ra dòng điện từ sự biến thiên của từ trường để dùng vào công việc thực dụng. Bộ phận biến điện năng thành cơ năng dùng những đặc tính của từ trường, người Việt ta gọi đơn giản là "mô-tơ" (dynamo) đã trở thành một dụng cụ tối cần thiết bất cứ ở đâu trên thế giới, từ máy hút bụi cho đến xe lửa điện.

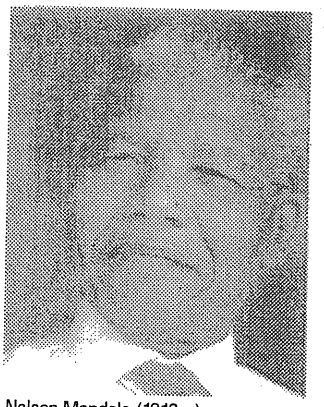

Nelson Mandela (1918 -)

Ngoài những sáng kiến thực dụng, ông cũng là người đầu tiên đã nghĩ đến một quan niệm về một thực tính mang tính chất trừu tượng: the concept of field (quan niệm về trường), quan niệm này đã trở thành nền tảng căn bản của vật chất theo suy nghĩ hiện đại.

Là một người bình dân, khiêm tốn, ông đã từ chối nhiều giải thưởng, kể cả chức hiệp sĩ, một chức tước quý phái của Anh quốc.

71. Ibn Sina (980 - 1037)

Triết gia và bác sĩ nổi tiếng vùng Ba Tư, đã viết hai tác phẩm lớn, một về triết học/khoa học và một cuốn bách khoa y khoa dựa trên những khảo cứu của những bác sĩ Hy Lạp. Cuốn sách về y khoa của ông đã được sử dụng rộng rãi ở Tây phương.

72. Simone De Beauvoir (1908 - 1986)

Bà đã khai triển triết lý hiện sinh trong tiểu thuyết và các sách luận đề của bà, và là tác giả những tác phẩm bênh vực nữ quyền có ảnh hưởng nhất trong thế kỷ 20. Tác phẩm nổi tiếng *The Second Sex* (1949) cho thấy đàn bà bị đưa vào một vị trí thấp kém không phải vì lý do sinh lý hay tâm lý, mà do cái xã hội thống trị bởi đàn ông. Bà có ảnh hưởng lớn trong giới phụ nữ khắp thế giới.

Câu nói nổi tiếng: Tôi sinh ra là giống cái và cuộc đời biến tôi thành một người đàn bà.

73. Jalal Ad-Din Ar-Rumi (1207 - 1273)

Một nhà thơ nổi tiếng của xứ Ba Tư. Tác phẩm của ông vẫn còn được người đời nay thưởng thức.

74. Adam Smith (1723 - 1790)

Ông là một kinh tế gia lừng lẫy, tư tưởng ông đã ảnh hưởng rất lớn đối với chế độ tư bản hiện đại. Ông nhấn mạnh đến việc giảm thiểu sự tham gia của chính quyền trong vấn đề cạnh tranh thương mại. Nền kinh tế tự do, theo ông, trong đó mỗi cá nhân được quyền tự do sản xuất những sản phẩm mà xã hội cần nhất, là hình thức sinh hoạt thích hợp nhất để đem đến sự hưng thịnh về kinh tế. Đối với ông, về mặt kinh tế, sức lao động của cá nhân có giá trị hơn là tiền bạc hay bất động sản.

Tư tưởng của ông được dùng đặt làm nền móng cho môn kinh tế học.

75. Marie Curie (1867 - 1934)

Gốc người Ba Lan, bà là một trong những khoa học gia hàng đầu của thế kỷ và cũng là nữ vật lý gia đầu tiên đoạt giải Nobel (năm 1903, cùng với chồng cũng là một nhà một khoa học) trong việc khám phá ra chất phóng xạ. Lãnh vực khảo sát của bà nằm trong những hạt nguyên tử cực kỳ nhỏ. Năm 1911, bà lại đoạt thêm một giải Nobel về hóa học khi bà phân tích và lọc ra được chất radium, một nguyên tố phóng xạ. Bà thành lập Viện khảo cứu Radium tại Pháp, một trung tâm nghiên cứu nguyên tử và hạch tâm.

Câu nói nổi tiếng: "Tôi không thấy những gì đã được hoàn tất, tôi chỉ thấy những gì chưa hoàn tất cần phải làm."

76. Andrea Palladio (1508 - 1580)

Một kiến trúc sư nổi tiếng người Ý với những công trình kiến trúc và bộ sách *Four Boohs of Architecture* còn gây ảnh hưởng lớn cho đến hiện đại. Thomas Jefferson là một trong số những người chịu ảnh hưởng nghệ thuật kiến trúc của ông.

77. Peter The Great (1672 - 1725)

Một trong những Nga hoàng có công lớn đối với xứ sở ông. Ông đã quyết tâm mang lại sự phú cường và quyền lực cho lãnh thổ Nga. Ông bắt đàn ông Nga phải cạo râu và thay đổi cách phục sức.

Tuy là một nhà cải cách, ông cũng có những hành xử trái ngược, như giết con trai ông khi con ông chống đối việc ông sử dụng nô lệ trong những cơ xưởng.

78. Pablo Picasso (1881 - 1973)

Ông chế ngự hội họa của thế kỷ 20 với những bức vẽ táo bạo và lạ mắt của trường phái lập thể (cubism) do chính ông sáng tạo. Người xem nhận định sáng tác của ông từ "nhảm, lố bịch" cho đến "siêu đẳng, tuyệt vời." Ông sáng tác trong hơn 70 năm và trị giá hiện kim tổng số tranh vẽ của ông hiện thời lên đến gần tỷ Mỹ kim.

Câu nói nổi tiếng: "Nghệ thuật chỉ là một hình thức nói dối để nhờ vào đó con người có thể thấy được chân lý."

79. Louis Jacques Mande Daguerre (1789 - 1851)

Bức ảnh đầu tiên được chụp vào năm 1826 cần phải một thời gian tám tiếng đồng hồ mới rửa xong.

Năm 1839 Daguerre, người Pháp, chế một phương pháp mới, chỉ cần 20 phút để có một bức ảnh. Tiệm chụp hình chân dung, rồi nghệ thuật chơi ảnh, bắt đầu từ đó.

80. Antoine-Laurent Lavoisier (1743 - 1794)

Ông được mệnh danh là cha đẻ của nền tân hóa học và là một bác học tài ba trên nhiều lãnh vực. Ngoài ra ông còn là một nhà cải cách xã hội trong bối cảnh lịch sử của cuộc cách mạng Pháp. Một trong những khám phá quan trọng của ông là sự bảo toàn vật chất trong mỗi tiến trình và phản ứng hóa học như sự cháy bùng. Ông cũng đã đóng góp về vấn đề hệ thống hóa danh từ hóa học và sự phân biệt thế nào là hợp chất và thế nào là nguyên chất. Một đóng góp quan trọng khác của ông về trọng lượng, trọng khối đưa đến hệ thống "mét hệ" mà nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam, vẫn dùng.

Vì là một nhân viên thu thuế, ông bị kết tội và bị chặt đầu trong cuộc cách mạng Pháp, lúc ông mới 50 tuổi. Nhà toán học Lagrange đã than, "Chỉ cần một giây đồng hồ để chặt đầu ông, nhưng chưa chắc cả thế kỷ nữa nước Pháp tìm ra được một trí tuệ tương đương để thay thế."

81. Phineas T. Barnum (1810 - 1891)

Ông nổi tiếng nhờ tài quảng cáo trước công chúng. Một trong những "bảo tàng viện" do ông làm chủ, trong đó trưng bày những thứ kỳ lạ quái đản của thiên nhiên, đã thu hút được hàng triệu khán giả đến xem. Ông cũng tổ chức những đoàn xiệc lớn. Người Mỹ xem ông là một thứ showman tượng trưng cho tài quảng cáo.

82. Edwin Hubble (1889- 1953)

Năm 1924 là một năm biến cố trong ngành thiên văn khi ông khám phá ra một sự kiện thiên nhiên căn bản và quan trọng: sự bành trướng dãn nở của vũ trụ. Tên ông được đặt cho một thứ hằng số, the Hubble constant, chỉ sự dãn nở của vũ trụ. Nhờ ông, quan niệm vũ trụ bất biến và bất động đã bị loại bỏ.

Khi ông khám phá ra giải thiên hà Andromeda nằm ngoài giải ngân hà chúng ta, cũng như hàng muôn triệu thiên hà khác, một lần nữa, ông lại làm thay đổi hẳn nhãn quan của con người về sự rộng lớn vô biên của vũ trụ.

Viễn vọng kính không gian đặt trên quỹ đạo (Hubble Space Telescope) mang tên ông để tưởng nhớ công lao của ông.

83. Susan B. Anthony (1820 - 1906)

Bà là lãnh tụ đợt đầu tiên cho nữ quyền của Mỹ, tranh đấu cho quyền đầu phiếu của phụ nữ. Mười bốn năm sau khi bà qua đời, vào 1920, một Tu Chính Án cho phụ nũ đi bầu, xác nhận câu nói của bà: "Thất bại là chuyện hoàn toàn không thể xẩy ra!"

84. Raphael (1483 - 1520)

Ông là một trong ba họa sĩ lừng danh của Ý đầu thế kỷ 16. Nhưng ảnh hưởng của ông đối với những nghệ sĩ tương lai lớn hơn Leonardo và Michelangelo. Các họa phẩm của ông mang trọn vẹn tinh thần của Thời kỳ Phục Hưng.

85. Helen Keller (1880 - 1968)

Vì một bạo bệnh, bà trở nên mù, điếc, câm, khi chưa đầy hai tuổi. Tuy thế, khả năng trí tuệ và sự nhẫn nại phi thường của bà đã giúp bà vượt qua những trở ngại khổng lồ để hoàn tất học vấn. Bà đã tốt nghiệp với hạng danh dự đại học Radcliff, trở thành một tác gia, một người hoạt động chống chiến tranh, tranh đấu cho quyền lợi của giới lao động và phụ nữ, và những người câm điếc. Bà là ngọn lửa tinh thần gây hứng khởi cho những kẻ tật nguyền, là tấm gương cho mỗi cá nhân để đạt đến mục tiêu, dẫu trong bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào.

86. Hokusai (1760- 1849)

Họa sĩ Nhật Bản nổi tiếng thế giới. Năm 74 tuổi, ông than: "Những bức tranh tôi vẽ trước năm tôi 70 tuổi không có bức nào mà ra hồn, năm tôi 100 tuổi may ra tôi mới hài lòng những gì tôi vẽ."

Ông không thọ tới cỡ đó nhưng những tác phẩm của ông về cảnh trí thiên nhiên và lịch sử đã sống thay ông. Sáng tác của ông đã ảnh hưởng nhiều đến trường phái Ấn tượng, điển hình là họa sĩ Paul Gauguin.

87. Theodor Herzl (1860 - 1904)

Ông được xem là người đã có công đưa đến một quốc gia tự lập với một lãnh thổ riêng cho những người theo đạo Do Thái (Jewish) trong thế kỷ 19. Sau khi trải qua một thời thử thách khó khăn, sau cùng nước Do Thái cũng đã thành sự thật vào năm 1948, với một thể chế cộng hòa.

88. Elizabeth I (1533 - 1603)

Năm 1558 bà lên ngôi nữ hoàng Anh và trở thành một một nữ hoàng lừng danh, một nữ chính khách tài ba. Bà suốt đời không lập gia đình. Chính sách đối ngoại của bà rất thực tiễn. Tuy ghét chiến tranh, bà đã củng cố và bành trướng hải quân Anh, điều này đã giúp hạm đội Anh đánh bại quân Tây Ban Nha năm 1588. Bà còn có tài nhìn xa, tiên đoán những gì cần thi hành để củng cố chế độ và bành trướng ảnh hưởng chính trị. Thời trị vì của bà kéo dài 45 năm và là một thời kỳ vàng son của Anh quốc.

Câu nói nổi tiếng: "Ta thà làm một con mụ ăn mày độc thân còn hơn làm một nữ hoàng có chồng."

89. Claudio Monteverdi (1567 - 1643)

Nổi tiếng nhờ những đóng góp của ông vào lãnh vực sân khấu. Những vở kịch của ông dàn dựng,

dùng âm nhạc để diễn tả cá tính và cảm xúc của nhân vật, đã đi trước thời của ông và cho thấy tiềm năng của nghệ thuật opera.

90. Walt Disney (1901 - 1966)

Ngày nay tên của ông hầu như đồng nghĩa với sự vui thích trong mọi gia đình. Ông là người đoạt nhiều giải Oscar nhất. Những phim hoạt họa của ông tạo thích thú cho tất cả mọi người. Cuốn phim hoạt họa đầu tiên, "Bạch Tuyết và bẩy chú lùn," đã trở thành một tác phẩm nghệ thuật bất hủ làm say mê hàng trăm triệu người. Ông là cha đẻ của một kỹ nghệ lớn của Mỹ: kỹ nghệ của những khu giải trí công cộng như Disneyland, Disneyworld...

91. Nelson Mandela (1918 -)

Tên ông làm người ta liên tưởng đến một chế độ bất nhân, đó là chế độ *apartheid*, một thứ chính sách kỳ thị dân da mầu có hệ thống của giới lãnh đạo da trắng xứ Nam Phi.

Khởi đầu, ông chủ trương bất bạo động, nhưng sau khi chứng kiến những vụ đàn áp dã man của cảnh sát đối với người cùng mầu da, ông đã đứng lên thành lập một lực lượng quân sự để chống lại. Bị tù trong hơn một phần tư thế kỷ, cuối cùng ông đã được trả tự do năm 1990, được tưởng thưởng giải Nobel hòa bình, được bầu làm tổng thống Nam Phi và được thế giới ngưỡng mộ vì ý chí phi thường của ông.

92. Roger Bannister (1929 -)

Ông là người đầu tiên trong lịch sử đã phá được một thứ biên giới vô hình: Khả năng chạy nước rút đoạn đường một dặm trong vòng bốn phút đồng hồ. Đây là một khả năng của thân xác con người ngoài sức tưởng tượng của những thể tháo gia thời điểm đó.

Ngày lịch sử đó là ngày 6 tháng 5 năm 1954, tại Oxford, Anh quốc, và ông lúc đó chỉ là một sinh viên y khoa vô danh. Khi ông đến mức, đồng hồ tính giờ ngừng ở con số 3 phút 59 giây 4 sao. Và tên ông mãi mãi đi vào lịch sử điền kinh.

93. Leo Tolstoy (1828 - 1910)

Sinh trưởng trong một gia đình quý tộc Nga, khi viết cuốn Anna Karenina, suy tưởng của ông đã hướng nhiều về thân phận và mục đích của đời người. Vì không chấp nhận sự thánh hóa của Chúa Jesus, ông đã bị giáo hội Nga dứt phép thông công. Ông chủ trương bất bạo động, không cố tư sản, sống một cuộc đời nông dân đơn giản bên cạnh vợ và 13 người con trong trang trại. Tác giả "Chiến Tranh và Hòa Bình" được cả thế giới ngưỡng mộ, trong đó có thánh Gandhi, người cũng chủ trương bất bạo động như ông.

94. John Von Neumann (1903 - 1957)

Một trong những đại khoa học gia và nhà toán học lừng danh của thế kỷ 20, gốc Hung Gia Lợi. Nổi tiếng trên nhiều lãnh vực khoa học, sáng chói nhất có lẽ là việc chế tạo bom nguyên tử và máy điện toán, ông còn là một vật lý gia lượng tử hàng đầu của Mỹ. Ông cũng được xem là nhà tiền phong về một lý thuyết mới, *game theory*, một lý thuyết về "luật chơi" đặt căn bản trên luận lý toán học, trong đó những chiến lược được cân nhắc trước khi hành xử. Lý thuyết này đưa đến những áp dụng quan trọng trong những vấn đề xã hội và khoa học. *Prisonner's dilemma* (lương tâm người tù) là một trong những vấn đề nổi tiếng của game theory. Ảnh hưởng của thuyết này rộng lớn trong xã hội phức tạp hiện đại.

Câu nói nổi tiếng: "Toán là một dụng cụ sử dụng lâu thành quen, chứ còn hiểu toán thì không ai hiểu nó là gì cả."

95. Santiago Ramon Y Cajal (1852 - 1934)

Là bác sĩ thần kinh, được xem là cha đẻ của môn thần kinh học, ông đã khám phá và chứng tỏ bộ óc được hợp bằng những tế bào thần kinh chuyên biệt riêng rẽ. Hiểu biết căn bản đó dần dà đưa đến những hiểu biết mới về các hoạt động của não bộ, suy ra từ cách thức hoạt động của mỗi tế bào thần kinh và sự hoạt động tập hợp của nhiều thần kinh đưa đến những gì chúng ta gọi là ngũ giác.

Công trình của ông cho thấy bộ óc chúng ta tạo ra cái cảm tưởng "tôi" dựa trên những kinh nghiệm quen thuộc thu nhập được từ ngũ quan.

96. Jacques Cousteau (1910 - 1997)

Người Pháp, ông là nhà hải dương học nổi tiếng nhất thế giới, làm say mê hàng chục triệu khán giả truyền hình trong những chuyến thám hiểm biển cả.

Ông cũng là nhà phát minh ra dụng cụ để lặn và thở dưới nước. Những chuyến thám hiểm của ông đã đem lại thích thú, kiến thức về đại dương, và góp phần nâng cao trình độ hiểu biết của khán giả về ngành hải dương học. Ông thành lập ra Hội Cousteau, với mục tiêu bảo tồn môi sinh biển cả.

97. Catherine de Medicis (1519 - 1598)

Người gốc Ý, làm hoàng hậu nước Pháp, bà có những thủ đoạn chính trị đáng sợ, được đặt tên là *Mụ rắn độc*. Tuy thế, bà cũng làm được vài việc có ý nghĩa, như đã tạo ra một thứ nghệ thuật mới đầy mầu sắc, trang sức quần áo lòe loẹt, và một loại nhạc đặc biệt trong khi trình diễn trên sân khấu. Bà được xem là người đã đem đến cho đại chúng một thứ nghệ thuật trình diễn mới.

98. Ibn Khaldun (1332 - 1406)

Ông là một nhà ngoại giao Tunisie, và là một sử gia nổi tiếng.

Khi đề cập đến công trình viết sử của ông, sử gia Arnold Toynbee đã phê bình đó là tác phẩm sử ký vĩ đại nhất của một trí tuệ ở bất cứ nơi nào và thời nào. Trong bộ sử vĩ đại của ông viết về thế giới Hồi giáo, ông tư duy và nghiên cứu đến bản chất con người, những chu kỳ thịnh suy của lịch sử, và điểm biết hợp quần gây sức mạnh của nhiều thành phần xã hội để đạt được mục tiêu chung.

99. Kwame Nkruman (1909 - 1972)

Ông đã là động lực chính trong việc khởi xướng phong trào đòi chấm dứt chế độ thuộc địa tại Phi Châu trong thập niên 50, trong đó nhiều nước nhược tiểu ở Phi Châu vùng lên đòi tự do. Năm 1960, chính sách bất bạo động của ông đã dành lại được tự do cho xứ Ghana trong tay đế quốc Anh. Tuy nhiên, một cuộc đảo chánh năm 1966 lật đổ ông đã cho thấy ông làm một nhà cách mạng giỏi hơn làm một vị tổng thống.

100. Carolus Linnaeus (1707 - 1778)

Một nhà thực vật học, đã có công lớn trong việc hệ thống hóa và phân loại cây cỏ bằng những quy luật riêng của ngành thực vật do chính ông tạo ra. Ngoài ra, ông còn thành lập một hệ thống với những quy tắc tiêu chuẩn để mà đặt tên cho động vật tùy theo giống, loài, họ v.v...

*

Sau khi soạn xong bài này dựa trên cuốn sách *The Life Millennum*, tôi thấy có một số nhân vật theo quan niệm riêng của tôi đáng được vào bảng vàng nhưng rất tiếc họ đã không được chọn. Tôi nêu ra một số tên tuổi tượng trưng, hy vọng được quý bạn góp ý:

Vua hề Charlot (Charlie Chaplin); Tôn Dật Tiên, nhà ái quốc, cách mạng Trung Hoa; Nguyễn Du, đại thi hào Việt Nam; Winston Churchill, thủ tướng, chính khách nổi tiếng của Anh; Nietzche, triết gia Đức; Friedrick Gauss, nhà toán học vĩ đại nhất của lịch sử; Alfred Nobel, sáng chế ra thuốc nổ; Franklin D. Roosevelt, cha đẻ Social Security, một tổng thống lỗi lạc của Mỹ; Werner von Braun, bác học hỏa tiễn, đưa đến một kỷ nguyên mới của nhân loại, kỷ nguyên không gian; James Clerk Maxwell, vật lý gia có công rất lớn, đã hợp nhất điện và từ làm một; Dalai Lama, nhà lãnh đạo tinh thần bất khuất của Tây Tạng, giải Nobel hòa bình, điển hình cho thái độ và tư cách của bậc hiền nhân thời đại; Mother Teresa, sự hy sinh cao cả của bà cho tầng lớp khốn cùng là một tấm gương sáng cho thế giới.●

Nhà xuất bản AN TIÊM

Tuyển tập

BÌNH NGUYÊN LỘC

Võ Phiến giới thiệu

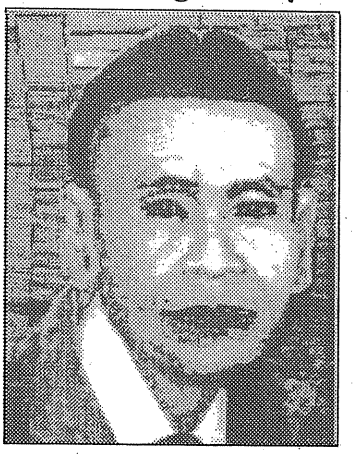

Tuyển Tập được tuyển chọn:

* Những tác phẩm mà chúng tôi cho là hay nhất,
* Những tác phẩm mà Tác giả từng yêu thích nhất,
* Những tác phẩm được truyền tụng rộng rãi, được quần chúng ưa thích nhất.
* Đầy đủ tài liệu về Tác giả: hình ảnh, bút tích, thư mục v.v...

500 trang, giá 22 MK

Sách do nhà **VĂN NGHỆ**

phát hành, xin liên lạc:

P.O. Box 2301, WESTMINSTER, CA 92683, USA.

Tel, fax: (714) 527-5761

TRẦN HỒNG CHÂU

HẠNH PHÚC ĐẾN TỪNG PHÚT GIÂY

Hạnh phúc đến từng phút giây
nhỏ bé kỳ diệu
như bàn ghế áo quần. Mong manh
bền chặt như vầng tóc em
khi gần khi xa

Hạnh phúc là buổi sớm gió êm êm
đường xưa vắng vẻ. Anh bước nhẹ vào một ngày
tiền sử
trong vườn chưa tỉnh giấc
cây cỏ long lanh
đếm từng giọt sương đêm
liền sau đó là chén cà phê đen
nóng bỏng và nhạc F.M. *Ta ngắt đi*
một chùm hoa thạch thảo

Hạnh phúc là lúc hết phải điên đầu
chuyện chính trị xa lông văn hóa thời trang
anh được vứt bỏ đồ lớn tiếp tân và lụa là cravate
sợi dây cổ lòng thòng. Để đi dép lẹp xẹp mặc áo
rằn ri
ra ngồi quán dì Năm với anh Tám xa lam
và khô mực râu ria xồm xoàm

Hạnh phúc là ngọn đèn khuya
lung linh. Anh ngồi tĩnh tự
với trang bản thảo. Sa mạc băng trinh
hay cánh đồng tuyết phủ? Lắng nghe
hồn đêm thầm lặng
hồn anh trầm trầm
bâng khuâng giấy trắng chưa hề mực đen

Hạnh phúc là niềm vui những ngạc nhiên những
khám phá
trong thầm kín tâm tư sự vật bầu bạn hàng ngày
vừa thân quen vừa lạ lẫm
Là mảng rêu xanh da trời
điểm nhung lavande dợn sóng như Victoria's
Secret áo ngũ huyền nhiệm em
mầu rêu lần đầu anh thấy
trên triền núi Bạch Mã
quanh co hồn cỏ dại
Là hương lúa chan hòa
son đỏ đường quê
nhạt nhòa nhạc sáo diều linh hiển
trở về từ tiềm thức biển sâu
Là lần đầu bất chợt
những mảnh tuyết lạnh đầu mùa
phất phơ rơi trên vùng trời lữ thứ
anh tưởng đâu đây có trận mưa hoa
sầu đông trong gió lộng
tuyết lạc hoàng hoa tư cố hương

Hạnh phúc là khi bước vào giảng đường
chiêu niệm hồn xưa kiều nữ
những Ophelia những Giáng Hương và
Quỳnh Như Kinh Bắc
hương sắc trần gian
châu về Hợp phố
anh gặp lại tuổi trẻ sinh viên
đẹp đôi mắt ngời sáng tin yêu
như hình bóng hôm qua của anh
và ngày mai men say đó sẽ thành anh của
hôm nay

Hạnh phúc là khi anh lái xe 70 miles trên xa lộ
55 North
về Chicago. Chúng ta cùng rũ bụi đi vào quán
bên đường
gọi một ly kem dâu phớt hồng
như môi em đồng lõa chờ mong
tháng giêng ngon như một cặp môi gần.

Hạnh phúc là lời nhắn nhủ ngàn đời ca dao
bềnh bồng điệu sa mạc
bềnh bồng cô lái đò huyền thoại
trăm năm dầu lỗi hẹn hò
Hạnh phúc là ngón ngón hoa quỳ
lướt nhanh lướt nhanh
giọt giọt pha lê sáng mãi đêm dài
Nocturnes
ngọc trắng huyền châu rơi vãi
trên phím ngà đa đoan

Hạnh phúc là khi anh và em cùng nắm tay
ngồi lì cho đến khi thành phố lên đèn. Quán
cà phê Flore
cùng học thi chồng Dân luật dày cộm
cùng làm thơ tình
cùng nhìn lá rụng và khách qua đường
St Germain
thanh thản đăm chiêu. Để sau cùng
lại thấy phép lạ bình thường:
chỉ phải chi 50 quan cũ
cho hai cà phê crème và croissants mới ra lò
không có anh lấy ai đưa em đi học về

Hạnh phúc đến từng phút giây
tầm thường kỳ diệu
bền chặt mong manh
hạnh phúc vững chắc bàn thạch
hạnh phúc chòng chành thuyền không lái
hạnh phúc dễ như giở từng trang sách
hạnh phúc khó như đi giữa trời vần vũ

Không tôi quyết đem chồi hạnh phúc
bé bỏng. Về vun xới chắt chiu
ở nơi cao ngất một hòn đảo tuyệt trần
ở ngay trái tim thành phố ngựa xa quần thảo
có thể là non Bồng Dông hải
có thể là cửa động Thần phù
khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm

sóng tị hiềm có thể ào ạt dâng cao
bão hung dữ có thể tàn bạo vần xoay
tôi vẫn bình tĩnh xây trường thành cao vút
bằng những phiến đá hạo nhiên vô chấp
bằng những phớt lờ Lão Trang và Thiền đạo
chân không

Trên đỉnh Linh Sơn vờn mây trắng
tôi giơ tay vẫy
ngàn cánh chim tự do
về nhập hội. Tôi xây đài hạnh phúc
hạnh phúc đến từng phút giây
nhỏ bé kỳ diệu
bền chặt mênh mông
hạnh phúc khuôn mặt từng giờ
hạnh phúc phiên bản tâm hồn
của mỗi chúng ta!

HIỂM HỌA CẠN KIỆT TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ Ô NHIỄM MÔI SINH CỦA ĐẤT NƯỚC

PHẠM PHAN LONG

Dẫn Nhập

Với một lãnh thổ trải dài lên nhiều cao độ và vĩ tuyến, tạo hóa đã ban cho dân tộc Việt Nam một hệ sinh thái đa dạng và nhiều kho tàng tích sinh học hiếm quý. Chiến tranh đã hủy hoại đất nước và đày đọa nhiều thế hệ; ngày nay, để phát triển kinh tế trong hòa bình, lâm sản, khoáng sản và thủy sản đã bị khai thác kiệt quệ và nạn ô nhiễm đã lan tràn ra không khí, sông hồ, kinh rạch và đất đai. Môi sinh bị đặt dưới áp lực nặng nề của dân số gia tăng và chính sách khai thác tài nguyên ráo riết để xuất cảng trong tình trạng quản lý thiếu kỹ thuật và thẩm quyền.

Khai thác đã lấn lên rừng già để làm than lấy gỗ, xuống vùng ngập mặn phá tràm lấy chỗ nuôi tôm, lên cao xẻ núi lấy đá, đào sâu tìm giếng, khai mỏ, hút dầu, và hàng ngày hàng triệu mét khối nước thải và chất thải đang chảy thẳng vào sông hồ kinh rạch không hề xử lý. Thậm chí các chất thải và rác rưởc còn để ứ đọng ngay trong các thành phố chật chội đông đúc, để những trận lụt lội mang các nguồn bệnh tật rải rộng khắp nơi.

Lê Huy Bá, Nguyễn Đức An, Lâm Minh Triết đã tường trình về các tình trạng báo động gần như toàn diện: Đất đai đang bị đá ong hóa tại nhiều nơi, 15% diện tích miền Đông Nam Bộ và Tây Nguyên đã biến thành "vùng đất chết". Rừng vốn che phủ trên 45% diện tích đất, nay đã sa sút chỉ còn 23%. Rừng ngập mặn nay chỉ còn 70% diện tích ngày trước. Trong thành phố, ô nhiễm SO2 trong không khí lên 2 tới 10 lần, bụi bặm lên 20 tới 60 lần mức độ cho phép. Giếng UNICEF phải đào sâu đến 70 mét cũng chỉ 15% là có nước dùng được. Rồi có khi chỉ 6 tháng sau cũng bị phèn hóa. Hàm lượng ô nhiễm trong nước ở miền Nam, nơi xem là vựa lúa của cả nước, lên gấp 2-10 lần, có khi 50 lần các chỉ tiêu của World Health Organization. Việc đào giếng cẩu thả đang gây ô nhiễm những nguồn nước ngầm khác. Thành phố HCM có 550.000 m3/ngày nước thải từ gia cư và 650.000-1.000.000 m3/ngày nước thải từ công nghệ. [1,2,3] Mai Thanh Truyết cũng đã nhận định: Ô nhiễm rất nguy hiểm vì ở miền Nam nước ngầm nằm không sâu, các chất ô nhiễm rất dễ xâm nhập và lan truyền bệnh tật. Đặc biệt ô nhiễm nitrate trong nước gây ra bởi con người lẫn thiên nhiên có hiểm họa tử vong cho thai nhi và trẻ sơ sinh, đã lên đến 80 mg/L gần gấp đôi lượng cho phép nên cần phải đối phó cấp bách.[4]

Xã hội hiện nay thể hiện ra cảnh trạng ráo riết vơ vét tài nguyên thiên nhiên, hủy hoại môi sinh, phó mặc cho các mầm bệnh tật gieo

rắc trên hệ sinh thái và xâm nhập vào các nguồn thực phẩm của mọi giống loài. Thế hệ này đang ăn cạn kho thóc giống của mình, đi vệ sinh vào miệng giếng, rồi bỏ lại cho thế hệ sau một gánh công nợ chất chồng và lãnh thổ mang các vấn nạn môi sinh trầm kha tắc trách. Sự bảo toàn tài nguyên cho đất nước, và lành mạnh của môi sinh cho dân tộc phải là điều thao thức trong tâm tư của mọi người Việt. Nếu không niềm hãnh diện đã có "Đổi Mới," "Lãnh đạo tiến bộ sáng suốt" sẽ thành những mỉa mai chua xót của dân tộc này trước thềm Thế Kỷ 21.

Việt Nam cần phải thực hiện ngay các biện pháp phòng ngừa và chế giảm các tác hại môi sinh trong mọi chương trình phát triển ngắn lẫn dài hạn. Việc lựa chọn một đường hướng kinh tế và chính trị khả dĩ bảo đảm sự bền vững tương lai cho môi sinh của đất nước, cũng như nếp sống người dân, phải được cân nhắc và đem lên hàng đầu bàn thảo công khai cả nước. Đã đến lúc phải huy động một Hội Nghị Diên Hồng về Tài Nguyên và Môi Sinh để cứu lấy đất nước này.

Áp Lực Dân Số và Nghịch Lý

Dân số Việt Nam trung bình đã tăng 2.1% mỗi năm từ 1991 đến 1997. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam là 68 tuổi. Tỷ lệ sinh sản mỗi bà mẹ có 3.21 con. Đổ đồng, mỗi người có 0,13 mẫu đất, ở hàng tệ nhất thế giới. Miền Bắc còn tệ hơn, chỉ có 0,06 mẫu đất mỗi đầu người. Tỉ số dân Việt biết chữ và tuổi thọ trung bình cao hơn so với các nước có ngang Tổng Sản Lượng Quốc Gia (GNP). [5][6] Không nên lấy tin mừng này làm niềm hãnh diện quá đáng vì tự nó là một nghịch lý bẽ bàng: Nếu dân ta sống lâu hơn, khoẻ mạnh hơn, đi học đông hơn, thế sao ta lại không nuôi nổi mình mà vẫn phải chịu cảnh nghèo đói ngang hàng với các dân tộc nghèo nhất thế giới như vậy ? Chỉ số "GNP per capita" năm 1997 của Việt Nam là US$320. Việt Nam thành nước nghèo thứ 24 trên thế giới. Transparency International vừa tường trình trong 1998, Việt Nam có "Corruption Perception Index" là 2.5, đứng vào hàng thứ mười trong các nước tham nhũng nhất thế giới, ngang hàng vơi Kenya và Russia.[7]

Sự Chênh Lệch Giữa Nông Thôn Và Thành Thị

Chặng đường đầu tiên của sự thay đổi kinh tế tại Việt Nam là kế hoạch Đổi Mới. Việc giải thể cơ chế tập thể hóa đã mang lại một số thành công cho nền kinh tế nông nghiệp. Nhưng chênh lệch giữa nông thôn và thành thị đã trở thành một quốc nạn nổi bật. Đa số dân còn sống dưới mức nghèo đói. Sau khi Đổi Mới mức chênh lệch về lợi tức tăng lại nhanh. Đến 30% lợi tức cả nước nằm trong tay số 10% cao nhất .[8] Nạn thiếu hụt thực phẩm ở những vùng nông thôn tiêu biểu kéo dài đến sáu tháng trong một năm. [5] 45% Trẻ con đang thiếu dinh dưỡng. [8] Theo Japan International Cooperation Agency (JICA), trở ngại to tát nhất trong việc phát triển nông nghiệp Việt Nam là sự thiếu ổn định trong việc cung cấp thực phẩm, sự nghèo nàn tuyệt cùng của nền kinh tế nông thôn, cộng thêm nạn thất nghiệp tăng cao.

Cách biệt lợi tức sẽ dẫn đến những nguy hiểm sắp tới trong việc phát triển đô thị bừa bãi. Nông dân khi hết đường xoay sở phải tìm cách vào thành phố kiếm sống. Robin Broad đã tóm tắt: "Nếu khoáng sản của bạn đang bị tiêu hao, rừng của bạn đang bị chặt đốn, đất đai của bạn đang bị hao mòn, hải sản của bạn bị người khác đánh bắt, bạn còn con đường nào để đi nữa ?"

Theo tài liệu cuả World Bank: "Nếu dân số đô thị gia tăng như kế hoạch dự trù 5 đến 7% một năm, thì trong năm 2000 dân số ở đô thị sẽ lên đến 24 triệu. Trường hợp này sẽ không có cách nào giải quyết được ... bằng những khu nhà ổ chuột chật hẹp, và không tránh khỏi những vấn nạn xử lý rác và chất thải". Mặc dù có những lời cảnh cáo thống thiết này, chính đại diện Ngân Hàng đã công nhận rằng "trên thực tế", những kế hoạch cho mượn tiền và chỉ đạo của cơ quan FDI lại tương đương với một chiến lược đô thị hóa do chính World Bank (Ngân Hàng Thế Giới) yểm trợ.

Giá Trị Của Đầu Tư Trực Tiếp Từ Ngoại Quốc

Kể từ khi Đổi Mới, mỗi năm hàng tỉ Mỹ kim Foreign Direct Investment (FDI) đã được đầu tư vào Việt Nam. Nhưng con số nhân công tìm được việc làm nhờ FDI rất thấp và đáng thất vọng. Chỉ dùng có 70,000, hay 0.02% trên tổng số công nhân. Theo IMF, đầu tư vào nông thôn chỉ được 20%, nhưng nông thôn lại chiếm hơn 80% dân số. [5] Luật Đầu Tư Nước Ngoài của Việt Nam được Citibank cho là một trong những luật đầu tư rộng rãi nhất ở Đông

Nam Á. Nhiều công ty đa quốc (Multinational CorporationdMNC) đã đến Việt Nam nhưng không góp phần vào việc phát triển lâu dài. MNC đã vào Việt Nam vì gía công nhân và chi phí bảo vệ môi sinh còn thấp rẻ. Ồ ạt đem FDI vào một nơi nghèo khó đã quá lâu như Việt Nam có thể tiêu diệt ý chí tự sinh tự tồn, đè bẹp sức đề kháng mong manh của môi sinh, và cơ hội để quyền lực và tư bản kết hợp vô kìm hãm. Trong "Blueprint for a Banana Republic", Sixto Roxas phát biểu, "theo chiến thuật dựng lên những khu công nghiệp bất động sản và những khu chế xuất, đất nước đang gạt nhân dân nông thôn ra ngoài lề tạo nên những lãnh địa dân cư nghèo khổ và bần cùng ..."

Việt Nam cần phải thay đổi chiến lược đầu tư để thúc đẩy công nghiệp hóa nông thôn, lập ra những tổ hợp trung và tiểu thương thay vì để nền kinh tế kiệt quệ đi vơi nạn di dân vào đô thị gay gắt thêm. Chiến lược phát triển kinh tế bền vững cho Việt Nam phải chú trọng vào nông thôn có đông dân sinh sống và cho giúp họ có công ăn việc làm lâu dài.

Ảnh Hưởng Những Nguồn Cho Vay

Theo phúc trình chính thức từ World Bank: "Mục tiêu lâu dài của Ngân Hàng ở Việt Nam là thúc đẩy phát huy các phát triển bền vững để nhanh chóng xoá bỏ nghèo nàn." Ngân Hàng hiện có những dự án chấn chỉnh cơ cấu (Structural Adjustment Credits, SAC). Qũy Tiền Tệ Quốc Tế, IMF cũng đã uỷ thác 535 triệu Mỹ kim qua cơ quan Enhanced Structural Adjustment Facility, ESAF vào Việt Nam. Các chương trình này sẽ cấp tài trợ vơi điều kiện phải có cải tổ chính sách quản lý xã hội và cắt giảm chi phí. Chi tiết chính sách cắt giảm chi phí của chính phủ không được công bố ra ngoài. Hiện nay người dân sử dụng dịch vụ y tế và giáo dục đều phải trả lệ phí. Quan điểm khó hiểu của Ngân Hàng là lệ phí này là để "giúp người nghèo", tăng dịch vụ căn bản vơi ngân quỹ cắt giảm, và hạn chế lại nền giáo dục cao cấp. Bây giờ, những gia đình thật nghèo không cho con đi học được nữa. Con gái phải chịu thiệt thòi vì con trai mới ưu tiên được đi học lên cao.

Một viên chức đại diện World Bank nói "Tôi là một nhà kinh tế vĩ mô, tôi thật sự không biết về những vấn đề ngoài lãnh vực kinh tế này." Dựa theo mô hình mà những kinh tế gia của World Bank tại Vietnam Country Desk sử dụng, môi sinh đã không có giá trị kinh tế. Mặc dù World Bank đã có rất nhiều pho tài liệu phân tích về môi trường và những khuyến cáo phát triển bền vững, sự thiếu sót nói trên trong cấp điều hành của World Bank có thể coi là điều cần báo động vì họ đã không chú ý đến tệ nạn cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi sinh. World Bank đã nhấn mạnh rằng Việt nam phải tiếp tục đầu tư có hiệu quả và phát triển tối đa. Tài trợ của World Bank tùy thuộc vào việc Việt Nam tiếp tục tiến trình tăng trưởng dựa vào xuất cảng mà World Bank nhiệt liệt tán thành.[5]

NGHIÊM XUÂN HỒNG

CHIỀU TÂM LƯỢNG

Chiều tàn nở nụ tâm hoa
Nắng tàn chợp giấc phai nhòa tình thu
Nửa khuya vượt cửa Thần Phù
Khéo tu chẳng nổi, vụng tu chẳng chìm
Đường tâm mờ ảo cánh chim
In hư không nọ sao tìm dấu đây?
Ngày xưa lỡ trót cuồng ngây
Đã bao nhiêu thuở lệ đầy biển vơi!
Giờ đây quên giấc mộng đời
Mơ chùm sao rụng nghiêng trời biển Đông
Mơ miền hương thủy thong dong
Lời kinh hư thực rải lòng huyền-không
Chừ đây thiêm thiếp trăng hồng
Mở tâm vô lượng soi vòng trần ai
Thấy thân bước tới Kim đài
Hóa hình cát bụi hiện ngoài thinh không
Gặp người tiên nữ thần thông
Tung hoa diệu ý toại lòng xót thương
Tỉnh ra thấy bóng cành dương
Lắt lay song cửa vô thường mênh mang
Bãi sông cồn ngọc cát vàng
Lung linh tâm mở giữa tràng khổ hoa...

Những Vấn Đề Môi Sinh và Nền Kinh Tế Xuất Cảng Dựa Vào Tài Nguyên Thiên Nhiên

Phá rừng có thể là mối đe dọa lớn nhất cho môi trường và phát triển của Việt Nam. Rừng vùng Tây Bắc đã có thời Tố Hữu coi là "Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù" nay chỉ còn có 13.3% mà thôi. [1] Hiện tại có 9.3 triệu mẫu (hecta) được phân loại như rừng (kể luôn các đồn điền). Chỉ 1.4 triệu mẫu được xem như rừng che kín. Diện tích rừng bị mất đi ước tính khoảng 200,000 mẫu: 50% bị làm gỗ đốt, 25% bị phá làm đất nông nghiệp, và 25% bị cháy.[5]

Nạn phá rừng đã làm mất đi khả năng thấm hút và giữ nước của Cao nguyên gây ra lũ cuốn lụt lội và thất thoát đi một trữ lượng nước lớn cần trong mùa khô. Hiện tượng sói lở và lụt lội đã tàn phá những vùng đất nông nghiệp thấp của Việt Nam, hủy hoại đồng lúa, rừng đước, và công nghiệp cá ven biển.

Có khoảng 365 loài thú có cơ nguy diệt chủng đang sống trong rừng bao gồm rùa Javan Rhinoceros, voi Á Châu và cọp. Theo thống kê của Government's Biodiversity Action Plan, " - Tại Việt Nam, 28% là động vật có vú, 10% là chim, và 21% là loài bò sát và lưỡng cư phải đối đầu với nạn diệt chủng." Từ năm 1970 đến 1994, số lượng cọp từ 3000 xuống khoảng 200 con, và tê giác từ 300 xuống còn 25 con. Viên chức của United Nations Development Program, Rob Morey phát biểu rằng, "Nếu như đà phá rừng này cứ tiếp tục nữa, trong tương lai sẽ hoàn toàn không còn rừng để che phủ môi sinh trong năm 2020." [5]

Vài công ty nước ngoài đã đầu tư những qui trình sản xuất bột giấy và ván ép vào Việt Nam. Nước ngoài làm chủ 100% từ việc độc canh cây khuynh diệp (bạch đàn) đến việc thu hoạch cho sản phẩm giấy. Nông nghiệp đặc trưng được gieo trở lại với những giống ngoại lai như khuynh diệp và cây keo. Theo kinh nghiệm dân làng Nong Yak, Thái Lan họ đã mất 20 năm tranh đấu mới được bồi thường, được phá bỏ các đồn điền khuynh diệp công nghệ, đốn và nhổ tận rễ các cây khuynh diệp mọc lại, và cấy lại những cây rừng quen thuộc truyền thống cũ. Đồn điền khuynh diệp hút rất nhiều nước, mực nước ngầm phải rút xuống rất sâu, giếng cạn, dân không còn nước uống, mặt đất hóa cằn cỗi và không giữ được môi trường sống cho các chủng loại động vật đa dạng.[14] Rừng công nghiệp cho kết quả nhanh, ba năm đã có gỗ, nhưng không có khả năng che phủ tốt, hấp thụ mất quá nhiều nước, diệt hại các thảo mộc địa phương và làm giảm thu hoạch nông phẩm cho dân sinh sống trong vùng. Lỗi lầm ở Thái đang tái diễn tại Việt Nam.

Quyền Sở Hữu Đất Đai

Nạn phá rừng ở Việt Nam là một trường hợp cổ điển: Nhà nước làm ch tất cả đất đai nên không có động lực thúc đẩy cá nhân giữ gìn tài sản công cộng. Quyền sở hữu là điều kiện cần thiết để nền kinh tế lâm nghiệp trở nên bền vững. Luật lệ về đất đai tuy thừa nhận quyền sở hữu, lại cho giới chức cấp tỉnh có quyền phân phối, sử dụng và tịch thu đất đai. Điều này tạo ưu thế cho các kế hoạch nông nghiệp thương mại và hại cho sinh kế của người thiểu số. Sắc lệnh về rừng ấn định các vùng được bảo vệ hay được quản lý vơi quyền khai thác. Tại các vùng "đất trơ cằn", chính phủ trợ cấp để gây rừng, nhưng phần lớn dân cư không tham gia.

Việc thiếu minh bạch trong việc phân định quyền sở hữu đất đai dẫn đến hậu quả không ai lo bảo trì gìn giữ đất mà chỉ còn khai thác ngắn hạn "ăn xổi ở thì". Việc kiểm tra tài nguyên và đất đai phải được giao cho cộng đồng địa phương quản lý và giao cho người dân và gia đình họ chăm sóc lâu dài. Chính phủ nên cho phép chính dân địa phương không phải chính quyền địa phương mà thôi] có quyền quyết định về việc phát triển và cách sử dụng đất đai của họ. Khi nào người dân hành động do thôi thúc của quyền lợi chính họ, chính quyền sẽ bơt đi gánh nặng kiểm soát, việc phát triển Mới bền vững tự nhiên và đối tác giữa thiên nhiên và loài người mới lên được mức tối ưu .

Chính Sách Di Dân Định Cư Du Mục

Sau năm 1975, chính quyền Việt Nam bắt đàu kế hoạch di dân cấp lớn lên những vùng cao nguyên để giảm mật độ dân số ở miền Bắc, ổn định địa hình chính trị và an ninh. Chính quyền Việt Nam đã huy động 4.8 triệu người Kinh từ đồng bằng di dân lên những "vùng kinh tế Mới", tại Trung Nguyên và Cao Nguyên. Theo Rainforest Action Network, kế hoạch di dân vào tỉnh Đắc Lắc đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường. Chính quyền dự định di chuyển trên 1 triệu người đến lập

nghiệp ở khu biên giới Cambodia, khai phá rừng sâu, trồng trọt nông sản như tiêu, cà phê, và cao sụ Những kế hoạch này đã làm tăng áp lực khai khẩn trên những khu vùng cao và đẩy những dân tộc thiểu số ra ngoài lề. Ba phần tư rừng bị phá hủy có thể qui trách vào chính sách di dân ở những khu vực này [5] Chính sách này không những gay gắt trên những vùng môi sinh vốn mong manh nhất của đất nước mà còn gây ra các vấn đề xã hội và cơ hội tái phân phối tài sản theo ân huệ chính trị.

Nông Nghiệp Du Canh

Nông nghiệp du canh của dân tộc thiểu số là phương pháp làm ăn nhỏ, đốn và đốt để dọn dẹp những miếng đất nhỏ trong rừng để canh tác. Trước khi bỏ đi nơi khác du canh họ dọn dẹp lại rồi để nguyên cho đất phục hồi Theo truyền thống, những miếng đất này rất nhỏ so vơi diện tích mênh mông của rừng, do đó nông nghiệp cổ truyền không phá hoại rừng mà lại vững chắc nhờ cho đất được để cho phục hồi trở lại Edward Goldsmith ghi chú, "Quả thật, rừng còn tồn tại cho đến ngày hôm nay là một sự thành công kỳ diệu của hệ thống du canh cổ truyền trên vài thế kỷ". Người Cao nguyên bây giờ trồng trọt theo cách này là việc khó khăn vì họ không còn chỗ du canh khi rừng đã bị người di dân định cư lên chiếm đóng.

Khi người di dân và chính quyền lên thăm dò để lùng tìm các vùng đất canh tác mới thường lầm lẫn cho những mảnh đất tạm nằm hoang đó là không có chủ hay không ai canh tác. Có khi biết đất đang tạm bỏ hoang nhưng quyền sử dụng cố hữu của người du canh không được họ nhìn nhận.[5]

Thủy Điện

Để đáp ứng nhu cầu điện năng của công nghiệp, năm 2020 sẽ là 100 tỉ kw giờ. Hiện tại khả năng sản suất điện năng cuả Việt Nam là khoảng 14.5 tỉ kw giờ một năm. Hiện công suất điện năng đang có là 5,000 megawatt (MW), sẽ cần tăng lên 14,000 MW trong năm 2010. [9] Việc gia tăng điện năng đang được theo đuổi bằng các lò than đốt, khí đốt và ngay cả những lò hạt nhân. Thủy điện hiện là nguồn năng lượng chính yếu mà Việt Nam muốn khai thác thêm nhiều.

Thủy điện tuy không nhả khói tỏa nhiệt ra trời, không có các ống khói cao vút như nhiệt điện, nhưng không nhất thiết là nguồn điện năng có hiệu suất cao, giá thành rẻ và trong lành nhất cho loài người. Kỷ nguyên xây đập đã cáo chung tại các quốc gia tân tiến, con cháu họ đang tìm cách đóng cửa các nhà máy thủy điện, tháo hồ nước, mở cửa đập, mong làm sống lại các dòng sông mà thế hệ cha ông đã lỡ lầm hủy hoại. [10] Dù thế, hơn một tá dự án thủy điện đã được đề bạt ra tại Việt Nam. Dự án Mới và gây nhiều tranh luận nhất ở Sơn La, còn gọi là đập Ta Bu, vơi ước tính phí tổn 3,5 tỉ USD, cho công suất 3.600 MW và 17 tỉ kw giờ năng lượng. Đập Sơn La lớn gấp đôi đập Hoà Bình, mà Hoà Bình vốn đã là con đập lớn nhất Đông Nam Á. Hồ chứa nước cho đập Sơn La sẽ làm ngập hầu hết các cánh đồng lúa trên Lai châu và Sơn La và phải tản cư ít nhất 70.000 người sắc tộc, tác động đến sinh kế của 110.000 người ở thượng nguồn. [11] Rút kinh nghiệm từ Hoà Bình, đa số người phải di tản không phải là người Kinh mà là sắc tộc thiểu số. Kế hoạch tản cư của Hoà Bình đã đền bù trung bình chỉ có 500 mét vuông đất cho mỗi gia đình. Ngay trong cuộc chiến chống Pháp, tuyên truyền chống chế độ thuộc địa đã nhấn mạnh là gia đình nông dân nghèo cũng cần đến 1000 mét vuông Mới tạm sống được. Vốn vẫn canh tác trên đất ẩm màu mỡ, người bị tản cư nay phải gỡ đất trồng cấy bên các sườn núi khô cằn và dốc cao quanh hồ chứa dưới nạn lở sói đất lan rộng khiến họ không thể nào tái lập kế sinh tồn.

Philip Hirsch ghi nhận "Phần lớn số người phải tản cư vì hồ chứa phải chịu điều bất công là họ chẳng được hưởng ánh đèn thắp sáng hay phúc lợi gì khác từ con đập". Công trình Hoà Bình đã giúp phần nào việc chống lũ lụt, nhưng chính nó lại cản phù sa cần thiết trong việc canh tác hạ lưu, làm nhu cầu dẫn thủy và phân bón hóa học tăng lên, thu hoạch nông dân và ngư dân giảm xuống. Sự soi mòn thượng nguồn và ven hồ chứa đã dồn trầm tích vào hồ khiến thời gian hữu dụng của Hoà Bình phải giảm từ 300 năm xuống dưới 100 năm [12]. Dự án Hoà Bình sử dụng mất 70% tổng số lượng gỗ sản suất ra từ lưu vực sông Đà. Dự án Sơn La, nếu tiến hành, sẽ cần đến một số lượng gỗ lớn lao hơn và sẽ phải lấy ở ngay một vùng rừng đã kiệt quệ.

Ổn Định Môi Sinh và Tăng Trưởng Kinh Tế Tại Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia vừa hết chiến tranh, đã bị phơi mình dưới hàng ngàn tấn hóa chất độc hại, nay lại phải đối phó trước mâu

thuẫn giữa phát triển kinh tế, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và hủy hoại môi sinh. Thêm vào đó là sự tranh chấp quyền lợi và quyền lực gay gắt trong nội bộ chính quyền. Bài học nhà máy than đá Quảng Ninh bị đóng cửa khi vừa xây xong là một điển hình.[13] Người Việt nói chung hiện không bận tâm nhiều đến số lượng tài nguyên cần phải gìn giữ lại hay việc bảo trì môi trường chung. Với dân số tăng nhanh, tài nguyên cạn hiếm dần, sự khai thác sẽ càng thêm khốc liệt trên nguồn tài nguyên còn sót lại mà 80% dân số ở thôn quê cần có để sinh tồn.

Vậy làm sao để bảo vệ kho tài nguyên đất nước và môi sinh lành mạnh mãi cho đời sau với khả năng kỹ thuật hạn hẹp của mình? Chi phí bảo vệ tài nguyên và môi sinh lấy ở đâu ra ? Không phải tìm ở đâu xa, mà ở những nguồn đang thụ hưởng mà người dân nào trong nước cũng thấy trước mắt; ở ngay các xí nghiệp đang ngang nhiên thải độc hàng giờ thẳng ra môi trường; ở những khoản phung phí nhập cảng hàng xa xỉ [gánh nặng cho cán cân mậu dịch mà chỉ giúp tăng trưởng kinh tế các nước ngoài].

Lấy đâu ra điện năng đáp ứng kịp nhu cầu tiêu thụ nếu không tiếp tục trực tiếp khai thác môi sinh và xây dựng thêm nhà máy ? Năng lượng có thể để dành ra bằng cách tận lực bảo toàn, tránh lãng phí, dùng thiết bị hiệu quả cao, và quản lý nhu cầu tiêu thụ lẫn thất thoát. Nước Mỹ đã nhờ vào đó mà trong thập niên qua đã giảm tiêu thụ năng lượng quân bình đi được 25-50%, trong khi nền kinh tế vẫn phát triển đều đặn. Tại Việt Nam, tiềm năng tiết kiệm này phải còn cao hơn thế nữa.

Tìm đâu ra chuyên viên kinh nghiệm để giao phó trọng trách này ? Hiện đã có nhiều nhân tài, đã ở trong nước, và ngay trong các viện khoa học và cơ quan môi trường. Chuyên viên ở đâu cũng cần được huấn luyện, học kinh nghiệm và có dụng cụ để thi hành trọng trách của họ. Nhưng gánh nặng trên vai họ sẽ nhẹ đi rất nhiều, nếu được sự hậu thuẫn triệt để nhiệt thành và quyết liệt của pháp luật ngay từ thượng đỉnh. Khi đó, giới đầu tư không còn lý do để nghi ngờ lòng cương quyết bảo vệ tài nguyên và môi sinh của đất nước. Khi đó, mánh mung và lèo lách không còn là con đường pháp lý hiệu quả nhất và ít tốn kém nhất. Khi đó, các chuyên viên, vốn có lòng sẽ xả thân đem "quách cả sở tồn làm sở dụng". Những nguồn đầu tư đứng đắn lâu dài sẽ tìm về thay thế những đối tác ngắn hạn thu mau. Khi đó, cả tình trạng môi trường lẫn công lý xã hội sẽ lành mạnh sống lại.

Dân tộc Việt đã giữ cõi bờ bằng lòng hy sinh suốt cả lịch sử, ngày nay vẫn không thiếu những người dân đang hy sinh, và trí thức sẵn sàng dấn thân cho khoa học và xã hội, nhưng sự hy sinh lịch sử cần thiết lần này không phải là của người dân, cùng không phải của giới trí thức, mà là của những người cầm quyền có lương tâm và ý thức.●

10/1998

Tài Liệu Tham Khảo:

[1] Lê Huy Bá - Nguyễn Đức An, *Quản Trị Môi Trường Nông Ngư Nghiệp,* 1996

[2] Lê Huy Bá, *Môi Trường,* 1997.

[3] Lâm Minh Triết, *Khảo Sát Ô Nhiễm Công Nghiệp TPHCM,* 1994.

[4] Mai Thanh Truyết, *Ô Nhiễm Nước & Vấn Đề Môi Sinh ở TPHCM*
Đại Hội Khoa Học Kỹ Thuật Việt Nam, Anaheim, CA 1997.

[5] Sandy Buffettd, *Viet Nam's Development Path & Implications for Natural Resource Degradation,* American University 1996.

[6] World Bank, *Vietnam at a Glance,* October 1, 1998.

[7] Transparency International, 1998 Corruption Perception Index,

[8] World Bank, *World Development Indicator 1998.*

[9] Reuters, Hanoi, October 17.

[10] Phạm Phan Long, *Kế Hoạch Khai Thác Sông Mekong*
Đại Hội Khoa Học Kỹ Thuật Việt Nam, Anaheim, CA 1997.

[11] Patrick McCully, *Silenced Rivers, The Ecology and Politics of Large Dams,* 1966

[12] Phillip Hirsch et. al., Politics of Environment in South East Asia, 1998

[13] Bach Tan Sinh, *Environmental Policy and Conflicting Interests at Quảng Ninh,* The Politics of Environment in Southeast Asia, 1998

[14] Watershed, *Natural Forest is The Right of Local People,* Vol 3, No. 3, March-June 1998

Khi hai người lấy nhau , họ trở thành một người dưới con mắt của luật pháp, và người đó là người chồng!

Shana Alexander

TÌNH YÊU VÀ... LÃNH TỤ (1)

NGUYỄN MINH CẦN

Những người lãnh đạo cộng sản, nhất là ở các nước còn nặng tinh thần phong kiến Á châu, thường cố bao phủ quanh "lãnh tụ" của họ một tấm màn huyền bí để dễ bề suy tôn "lãnh tụ" lên hàng thánh, suốt đời chỉ lo chuyện "cứu thế." Chính vì thế, họ ra sức che đậy cuộc đời bình thường, sinh hoạt hàng ngày của "lãnh tụ," nhất là trong quan hệ nam nữ, tình ái. Những "dữ kiện" về loại đó đều được xếp vào hàng bí mật quốc gia.

Những phút yếu lòng của các "cụ"

Đây là mẫu mực của cái lối giữ bí mật kiểu bolshevik. Một chuyện nh" trong đời của Karl Marx, vị tổ sư của chủ nghĩa cộng sản, mà nhiều người ở các đảng xã hội và đảng cộng sản Tây Âu đã biết t"ng từ lâu, thế mà hơn sáu thập niên ròng rả, ban lãnh đạo Đảng cộng sản Liên Xô vẫn cứ khư khư giấu kín trong tủ sắt kho lưu trữ của Trung ương đảng, đến mãi tận ngày đảng bị "hạ bệ," một bức thư viết từ hồi tháng Hai năm 1929 của Klara Tsetkin gửi cho Riazanov. Lý do rất tầm thường : trong thư đó, người nữ chiến sĩ cách mạng nổi tiếng có viết về chuyện riêng của Marx. "Tôi - lời của Tsetkin - được biết một chuyện có thật, không thể nào chối cãi được, do Karl Kautsky, chứ không phải một người nào khác, cho biết là Karl Marx và Hélène Demut đã có với nhau một đứa con trai. Kautsky nói với tôi là Ede (Bernshtein) đã báo cho anh ấy biết là qua thư từ của Marx thấy rõ một điều chắc chắn không chút nghi ngờ, Marx là cha đẻ của cậu con trai ngoài giá thú... Trong một bức thư, Marx thắm thiết cảm ơn Engels đã lấy tình bạn giúp đỡ cho Marx, bằng cách thú nhận trước mặt vợ Marx, mình là cha đẻ của đứa bé đó.

Kautsky khi đến Luân Đôn đã có dịp gặp cậu con trai của Marx. Theo ý kiến của anh ấy, đó là một chàng công nhân bình thường, chắc không kế thừa được một chút gì thiên tài của cha đẻ cả. Theo lời của Kautsky, cậu này thiếu học và vô tài...

Engels không quan tâm gì đến đứa con hờ của mình, cậu được những người khác lạ nuôi dạy. Cả Marx lẫn Engels chẳng hề chú ý tí nào đến cậu .

Về điều đó thì cả Parvus cũng có kể lại. Trong một trận nổi tam bành của vợ, - Tanya Gelfand đang cơn tức giận đã kể cho tôi biết điều này, - Parvus đã viện dẫn Marx ra để "thanh minh" cho mình bằng cách nói rằng thậm chí như Marx mà cũng còn có con riêng ngoài giá thú nữa là. Mà Lenkhen Demut là cô đầy tớ trong gia đình Marx...

Lố bịch nhất là khi giấu kín bí mật đó thì ban lãnh đạo cộng sản lại cho xuất bản ở Liên Xô những cuốn sách ca ngợi tình yêu trong sáng, đẹp đẽ giữa Marx và vợ, coi như là mẫu mực của gia đình cộng sản ! Còn tập thư tình "ướt át" giữa Karl và Jenny, với những lời bình tán bốc thơm, thì được in đi in lại nhiều lần và truyền bá rộng khắp các nước xã hội chủ nghĩa, kể cả Việt Nam, đã từng làm rung động nhiều trái tim non nớt của thanh niên nam nữ một thời.

Hôn nhân vì cách mạng

Nhiều người cho là Lenin chẳng yêu ai cả, có chăng chỉ yêu trẻ con thôi, nhưng mà ông không có con bao giờ cả, nên chung quy lại, chẳng có người nào được ông yêu. Thế thì đối với Nadejda Krupskaya ? Họ cho rằng cuộc hôn nhân giữa Lenin với Krupskaya là do một sự tính toán dựa trên lợi ích cách mạng nhiều hơn là tình cảm. Các nhà sử học ghi nhận rằng hồi tháng 2 năm 1894, Vladimir Ulianov (sau này lấy họ Lenin của một người khác để hoạt

động cách mạng) gặp hai thiếu nữ A.Yakubova và N.Krupskaya - là đôi bạn - tại cuộc họp của nhóm mác-xít ở Peterburg. Về sau, Lenin đã ng" lời cầu hôn với Yakubova, nhưng cô từ chối, rồi cô đi lấy chồng là một giáo sư, chủ bút tờ *Tư Tưởng Công Nhân*. Tuy vậy, trên đường đời, Lenin và Yakubova vẫn còn gặp nhau nhiều lần, nhất là khi ở Luân Đôn.

Chỉ đến khi Lenin được lệnh phải đi đày đến miền Đông Siberia (1897) thì quan hệ thư từ giữa Lenin và Krupskaya mới bắt đầu tăng lên. Nhân thể nói thêm, trong thư gửi mẹ và các chị em, Lenin đã kể rằng tại nơi đi đày ông không bị bắt buộc phải làm gì cả, hoạt động cũng không bị hạn chế, suốt ngày đi dạo, bơi, câu cá, săn thú, ngủ tha hồ và rất hài lòng về chỗ ở, cũng như thức ăn. Chắc bạn đọc ngày nay khó lòng hình dung được chế độ tù đày dưới thời Nga hoàng. Hồi đó, người đi đày có thể gặp nhau, hội họp, viết sách, viết cương lĩnh, từ nơi xa đến chơi với nhau, ở lại đêm, tiếp thân nhân và... lập gia đình. Còn chế độ tù đày xô-viết và ở các nước xã hội chủ nghĩa khác khắc nghiệt thế nào, hẳn là mọi người đã biết.

Đến tháng 1 năm 1898, Lenin viết đơn xin giám đốc sở công an cho Krupskaya đang đi đày ở Ufa được đến Shushenskoe vì "cô ấy là vợ chưa cưới" của ông. Chưa đầy bốn tháng sau, vào đầu tháng 5, Krupskaya cùng mẹ ruột đã đến Shushenskoe với Lenin. Trong thư gửi mẹ, Lenin viết: ."... mẹ ạ, N.K. (Krupskaya - NMC) đặt ra một điều kiện thật bi hài là đòi phải cưới *ngay* (sic!) không thì cô ấy quay trở lại Ufa." Thế là đầu tháng 7 năm 1898, đám cưới giản dị của họ được tổ chức tại nơi an trí, có các bạn đi đày và hai nông dân sở tại tới dự.

Nhiều người cho rằng cuộc hôn nhân của hai người đã trưởng thành không có tình yêu nồng thắm, nhưng nhờ tính tình của Krupskaya nhẫn nhục và hiền lành, nên với tháng năm họ gắn bó nhau hơn. Về thực chất, bà là một đồng chí trung thành thực hiện đầy đủ vai trò người vợ và người giúp việc không thể nào thiếu được của Lenin. Không có bà thì Lenin khó mà thực hiện được nhiều việc, như viết một khối lượng thư từ thật lớn cho rất nhiều người, kịp thời đọc những sách báo chính trị mới, tìm những luận chứng để tranh cãi với Plekhanov là một người có học vấn và trình độ hiểu biết cao hơn ông. Ngoài ra, bà cũng tạm lo được việc nội trợ, ít nhất là không để cho chồng đi bít tất rách đến dự mít tinh...

Thế nhưng, Lenin cũng đã từng có tình yêu. Và không phải một lần. Ông đã t" tình với người bạn gái Yakubova, đã mê cô nhạc sĩ dương cầm Ekaterina K. đến ngơ ngẩn tâm thần, khi cô chơi bài *Appassionata,* đã viết thư tình cho một cô nhà văn Pháp hồi ở Paris... Nhưng đó chỉ là những mối tình thoáng nhẹ, không lâu. Ông còn có một mối tình sâu đậm nhất và lâu dài nhất nữa.

Cố nhiên, "lãnh tụ giai cấp vô sản toàn thế giới" (những người cộng sản Nga thường tôn vinh ông như thế) không thể yêu mê mệt một cô nữ sinh ngây thơ, cũng không thể đắm say một cô gái hát rong rẻ tiền ở quán bar, mà ý trung nhân của ông phải là - nói theo ngôn ngữ người đương thời với ông - một người phụ nữ có thể minh họa được tốt nhất sự thống nhất giữa hình thức với nội dung. Khuôn mặt trái xoan dịu dàng bao quanh bởi những búp tóc xoăn mềm mại như tơ, đôi mắt to rực sáng nhìn sâu thẳm, thân hình cân đối, kiều diễm, cặp đùi thon thon đều đặn, bộ ngực căng tròn và... - điều quan trọng không kém - làn gió cách mạng lồng lộng thổi trong đầu. Inessa Armand, nói theo cách của Lenin, "cô gái Pháp gốc Nga," chính là một mẫu người như thế. Ngay từ giờ phút gặp Inessa đầu tiên hồi năm 1909, Lenin đã cảm thấy ngây ngất... Có lẽ chính lúc đó, thần Ái Tình đã lấy dây cung phóng mũi tên trúng tim "lãnh tụ," để lại một mối tình nồng thắm, sâu sắc, dài lâu, đầy kịch tính trong cuộc đời ông.

Đường tình gian truân

Élisabeth (sau này lấy tên là Inessa) sinh năm 1874 tại quận 18 thành phố Paris. Bố cô là Théodore Stéphane, ca sĩ opera, mẹ là Natalia Vilde, một phụ nữ lai Pháp-Anh. Mấy năm sau, ông bố qua đời sớm, bà mẹ sống túng thiếu ở Luân Đôn với ba con gái nh" trên tay. May mắn cho cô, khi lên năm, vào năm 1879, cô được đưa đến Moskva ở cùng bà và dì. Dì là một giáo sư âm nhạc và dạy tiếng Pháp. Nhờ đó, cô được nuôi dạy đến nơi đến chốn. Thạo tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Anh, chơi đàn dương cầm gi"i lại có nhan sắc diễm lệ, nàng đã làm nhiều chàng trai say mê. Nàng lấy chồng khá sớm, khi mới 19 tuổi. Đám cưới trọng thể có nhiều vị tai mắt trong giới thượng lưu và công thương gia Moskva tới dự. Chồng nàng là Alexandre Armand, con một thương

gia giàu có, chủ xưởng dệt len và xưởng nhuộm lớn ở gần Moskva. Sống hòa thuận và hạnh phúc tám năm với người chồng đẹp trai, hiền lành, có với nhau bốn mụn con khấu khỉnh - hai trai hai gái, thì... một tình yêu mới bùng cháy, đầy quyền lực đã cuốn hút Inessa. Có thể dễ dàng hình dung được "cú sốc" cho tất cả mọi người trong gia đình, khi nàng quyết định rời bỏ chồng cũ để đến với người yêu mới. Mà oái ăm hơn nữa, người yêu mới của nàng lại là em ruột của Alexandre, tên là Vladimir. Về sau, hai người có với nhau một cậu con trai. Vladimir hồi đó làm Inessa đắm đuối vì những tư tưởng tiến bộ của chàng. Nàng say sưa đọc Rousseau và các loại sách cấm cũng giống như trước đây say sưa chơi dương cầm. Thế rồi nàng lao mình vào con đường cách mạng - năm 1904 là đảng viên Đảng công nhân xã hội dân chủ Nga, theo phái bolshevik ở Moskva. Chẳng bao lâu sau, cả Inessa lẫn Vladimir đã bị bắt...

Điều đáng nói là khi gia đình tan vỡ, không có những cảnh chì chiết thường tình, tất cả mọi người trong nhà đều đau khổ vì tấn bi kịch chung. Alexandre là người tốt bụng, dù bị vết thương lòng sâu sắc, nhưng trước sau anh vẫn giữ một tấm lòng độ lượng, đầy hiểu biết với vợ cũ và em trai. Còn Inessa thì vẫn giữ được quan hệ rất tốt với chồng cũ, khi ở nước ngoài, nàng đã nhiều lần gặp gỡ Alexandre. Nên khi nàng đi đày, cũng như khi cả nàng lẫn Vladimir sống lưu vong nhiều năm ở nước ngoài, thì chính Alexandre đã nuôi dạy cả năm con nh," cũng như trước đó chàng đã giúp đỡ cho Inessa học xong Trường đại học kinh tế ở Bruxelles.

Trong tấn bi kịch gia đình, Inessa đã tỏ rõ cái tinh thần "tự do luyến ái" mà nàng suốt đời cổ vũ. Có lần nàng đã gửi cho Lenin xem dàn bài cuốn sách định viết về vấn đề phụ nữ, trong đó nàng đưa ra yêu sách "tự do luyến ái." Lenin cho là yêu sách đó không có tính chất vô sản, nhưng nàng không đồng ý. Đến cuối đời, đề tài yêu đương thỉnh thoảng vẫn được nhắc đến trên những trang nhật ký của nàng. Hai tuần lễ trước khi chết, Inessa đã viết: "Đối với những người lãng mạn, tình yêu chiếm vị trí hàng đầu trong đời sống con người, tình yêu là tối thượng." Ở một đoạn khác, nàng viết: "Ý nghĩa của tình yêu so với cuộc sống xã hội trở thành hoàn toàn bé nhỏ, không thể nào so sánh được với sự nghiệp xã hội. Thực ra thì trong đời mình, cho đến giờ tình yêu vẫn chiếm một vị trí lớn, bắt mình phải đau khổ nhiều, lấn át tâm tư mình. Nhưng dù sao thì mình vẫn không một phút nào ngừng nhận thức rằng, dù mình đau khổ nhiều, thì tình yêu, sự quyến luyến cá nhân cũng không là cái gì cả so với nhu cầu của cuộc đấu tranh..." Trong vấn đề tình yêu, Inessa quả là một phụ nữ khá độc đáo, nhưng không phải là độc nhất, vì như chúng ta biết, chẳng bao lâu sau đó, ở các nước Âu Mỹ đã bùng lên cuộc cách mạng tình dục.

Khốn nỗi, số phận không cho Inessa sống với Vladimir được lâu: khi nàng đi đày, Vladimir cùng đi theo, nên bệnh ho lao của chàng nặng thêm. Các bác sĩ gi"i nhất, cũng như những nhà an dưỡng ở Thụy Sĩ đều chịu bó tay, không cứu được chàng.

Sau cái chết của người chồng thứ hai hồi năm 1909, người phụ nữ ngoài 30 tuổi, vừa xinh đẹp, vừa thông minh đó đã được rất nhiều người ngấp nghé... Nữ đảng viên bolshevik Elizaveta Drabkina hồi tưởng : "Cả khi cô còn sống cũng như sau khi chết, ai cũng đều gọi cô một cách giản đơn là Inessa. Và họ không chỉ thương yêu, mà còn say đắm cô nữa. Tất cả đều thế - trẻ cũng như già, đàn ông cũng như đàn bà."

Tình cảnh éo le

Cũng trong năm 1909, Inessa gặp Lenin ở Paris. Trước đó, nàng đã từng nghe tiếng ông, còn ông thì mới thấy nàng lần đầu. Sau lần gặp mặt đó, trái tim tưởng chừng khô cằn của Lenin dường như được tưới tẩm bởi một tình cảm mới mẻ, tươi thắm, ngây ngất... Sự xâm nhập bất ngờ của người phụ nữ xinh đẹp, thông minh và hăng say ấy vào cái thế giới nội tâm nghiêm khắc, cuồng tín, đầy toan tính, đầy mưu mô thủ đoạn và bị chính trị hóa cao độ của "lãnh tụ" đã làm rung động mạnh tất cả những sợi tơ lòng của ông bấy lâu chùng xuống. Còn Inessa thì thấy sợ Lenin. Về điều đó, sau này nàng đã thú nhận trong một bức thư gửi Lenin: "Hồi đó em muốn gặp anh lắm, nhưng hình như thà chết tại chỗ còn hơn là vào với anh... Bao giờ em cũng thấy ngạc nhiên và ghen tị sự bạo dạn của những người khác, họ tự nhiên vào chỗ anh và nói chuyện với anh. Chỉ từ khi ở Longjumeau và mùa thu năm sau, nhân có việc dịch thuật và những việc khác thì em mới hơi quen dần với anh..."

Charles Rappoport, đảng viên xã hội-bolshevik Pháp, kể lại là ông "thường thấy

Lenin cùng Inessa, ngồi lâu trong quán cà phê bàn bạc, chuyện trò gì đó. Hai người nhìn nhau không rời mắt." Dần dần, Inessa dường như trở thành "một bộ phận không thể tách rời" của gia đình Lenin và Krupskaya. Họ đi đâu thì Inessa đến đấy như hình với bóng. Năm 1911-1912 cả ba người cùng ở Paris, sau đó gia đình Lenin rời Paris đến Longjumeau thì chẳng bao lâu Inessa cũng đến Longjumeau. Năm 1913 họ đến Cracovie ở Ba Lan thì một thời gian sau "cô gái Pháp gốc Nga" cũng đến Cracovie. Năm 1914-1915 họ sang Thụy Sĩ thì nàng cũng đến Thụy Sĩ ở gần đâu đấy. Đây là một bức tranh sinh hoạt đầy thơ mộng trong thời gian này: sau bữa ăn sáng, Lenin ngồi viết sách bên bàn, Krupskaya viết thư, còn từ cửa sổ khách sạn rẻ tiền "Mariental" gần đấy vang đến tai họ tiếng đàn dương cầm trầm bổng của Inessa... Theo lời Krupskaya kể lại: "Làm việc trong tiếng nhạc đó thì thật là thích." Đến khi gia đình Lenin trở về Nga trên chiếc tàu lửa qua nước Đức thì nàng ở trong cùng một phòng trên toa với họ. Trong hơn mười năm trời, người phụ nữ xinh đẹp đó đã để lại những dấu vết sâu sắc không phai mờ được trong cuộc đời của "lãnh tụ."

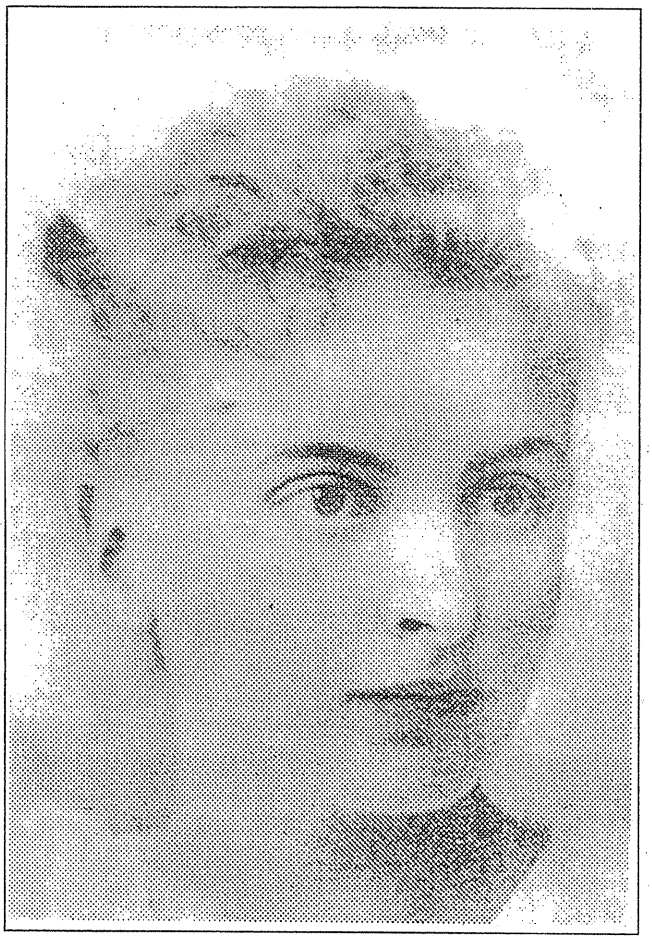

Inessa

Nhiều người nói rằng dường như chính Krupskaya đã đưa Inessa đến nhà. Về những lần gặp nhau lúc đầu, Krupskaya đã viết: "Trong nhà sáng sủa hẳn lên, mỗi khi Inessa đến..." Rồi hai người nhanh chóng trở thành bạn thân. Hầu như tối nào họ cũng ngồi nói chuyện với nhau, bàn những vấn đề của phong trào nữ công nhân, những sách báo chính trị mới xuất bản hoặc kể về mọi chuyện trên đời. Nhiều tối, Inessa chơi dương cầm cho cả nhà thưởng thức. Nhưng với thời gian... cái tình thế thật éo le đã xuất hiện. Lenin và Inessa say đắm nhau, trong lúc Krupskaya sờ sờ ở đó, mà Krupskaya và Inessa lại coi nhau là bạn. Còn "lãnh tụ" thì một mặt không dập tắt được và cũng không giấu nổi mối tình thắm thiết với Inessa, mặt khác vẫn muốn giữ Krupskaya, người đồng chí và người bạn trung thành, làm người giúp việc cho mình, đồng thời cũng để tránh lời ra tiếng vào có hại cho uy tín của ông. Nhiều người cho rằng đối với tính chất phóng khoáng của Inessa thì tình cảnh éo le đó không có nghĩa gì lắm, vì nàng cho tất cả những phiền toái trên đường tình chỉ là những ước lệ không có gì đáng kể. Cố nhiên, trong việc này, Krupskaya là người đau khổ nhất. Sau này, Alexandra Kolontai đã kể lại là Krupskaya biết rõ về mối quan hệ của hai người, bà rất đau buồn và nhiều lần đã có ý định ra đi, nhưng Lenin giữ lại.

Thực ra, mối tình của "lãnh tụ" chẳng phải là điều gì bí mật đối với nhiều người lãnh đạo cách mạng Nga hồi đó, như Zinoviev, Kamenev, Ryjkov... Đáng buồn cười là sở mật thám của Nga hoàng lại biết chậm nhất, mãi đến tháng 4 năm 1916, đôi lần trên mật báo

của họ mới thấy viết *Sophie, dite "Inessa," la maitresse de Lenine* (Sophie, tức là "Inessa," cô bồ của Lenin).

Krupskaya là một người phụ nữ rất tốt. Đối với kẻ tình địch, bà luôn luôn kìm lại thói ghen tuông thường tình, không để xảy ra những cảnh không đẹp mắt. Sau này, trên những trang hồi ký, nhiều lần bà vẫn nhắc đến Inessa, nhưng chỉ là những nét phớt qua, nhân thể mà nói đến thôi và hầu như không đi vào chi tiết, hơn nữa, bao giờ bà cũng giữ một giọng văn rất bình thản. Chỉ có đôi lần bà viết hơi cụ thể một chút. Như đoạn sau đây: "Chúng tôi thường đi lang thang hàng giờ trên những đường rừng phủ đầy lá vàng. Phần lớn là đi ba người - Vladimir Ilich (Lenin - NMC), Inessa và tôi ... Thỉnh thoảng chúng tôi ngồi hàng giờ bên sườn núi nắng ấm, nơi có nhiều bụi cây nhỏ." Ilich (Lenin - NMC) ngồi thảo dàn ý cho bài nói hay bài viết, đẽo gọt cách trình bày, tôi học tiếng Ý theo sách của Toussaint, còn Inessa thì khâu váy và khoan khoái sưởi nắng mùa thu..."

Đúng là cuộc sống đã vẽ lên một "hình tam giác đều cạnh"! Vài nhà nghiên cứu cho rằng mối quan hệ tay ba như thế cũng không có gì là lạ cả, nếu nhớ lại cái tinh thần của thời bấy giờ. Hồi đó, chế độ hôn nhân hình thành trước cách mạng bị coi như là một cái gì trái với tự nhiên, cũng như chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Tinh thần tự do thường hướng đến mức tuyệt đối. Và thời đó cũng đã từng có những "tam giác" như vậy: Osip và Mayakovsky cùng lần lượt chia nhau một người tình chung là Lilya Brik; Kolontai yêu người đảng viên menshevik Maslov, mà anh này thì đang có vợ ốm đau, chị vợ "thấy cả và hiểu biết," nên đã chấp thuận. Thế thì quan hệ trong gia đình của Lenin cũng phù hợp với cuộc cách mạng tình dục cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20.

Qua chồng thư từ

Sau khi Lenin chết, Bộ chính trị Trung ương đảng ra quyết định bắt buộc phải chuyển giao toàn bộ thư tín, bút ký, ghi chép, v.v... của "lãnh tụ" vào kho lưu trữ của Trung ương đảng. Nhìn lại số lượng thư từ Lenin viết cho Inessa Armand cũng đã thấy ngợp. Trong chín năm, tính từ năm 1911 đến 1920, Lenin đã viết cho nàng 139 bức thư và thiếp (không kể số đã bị hủy). Con số đó xấp xỉ số thư và thiếp ông viết cho mẹ. Lenin không hề viết cho ai trong số các đồng chí nhiều thư từ đến thế, nhất là viết một cách nồng nàn và thắm thiết như vậy.

Mãi đến năm 1939, lần đầu tiên ở Liên Xô người ta mới cho đăng trên tạp chí *Tháng Mười* vẻn vẹn ba đoạn thư Lenin viết cho Inessa. Còn trong bộ *Lenin Toàn Tập* xuất bản lần thứ hai và thứ ba hoàn toàn không đăng một bức thư nào của "lãnh tụ" viết cho nàng. Đến lần xuất bản thứ tư và thứ năm, có đăng vài bức, sau khi các quan chức kiểm duyệt ở Viện nghiên cứu chủ nghĩa Marx-Lenin đã trắng trợn cắt xén từng đoạn, để lộ rõ "đầu Ngô, mình Sở." Rõ ràng là những người lãnh đạo cộng sản cố giấu kỹ một mặt nào đó trong đời sống của "lãnh tụ." Nhưng mà giấu cũng không phải dễ. Chồng thư từ còn lại, được khui ra sau khi đảng cộng sản bị "hạ bệ," đã giúp cho người đọc hiểu sự thật.

Như nhiều người đã biết, đối với tất cả mọi người, kể cả với bạn bè thân thích và các chiến hữu gần gũi, bao giờ Lenin cũng gọi bằng *"vư"* (như chữ *vous* tiếng Pháp) theo phép lịch sự thông thường thời đó, thế nhưng đối với Inessa, trong nhiều năm liền Lenin gọi bằng *"tư"* (như chữ *tu, toi* tiếng Pháp). Mãi cho đến trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tức là sau việc Krupskaya đòi ly dị một thời gian, khi viết thư cho Inessa, Lenin mới gọi nàng bằng đại từ nhân xưng *"vư"* viết hoa, nhưng lời lẽ trong thư vẫn mặn nồng, thắm thiết như trước.

Các nhà nghiên cứu còn nhận thấy là địa chỉ hai người dùng để gửi thư cho nhau thường là ở nhiều nơi khác nhau. Không phải tất cả các thư Inessa gửi cho Lenin ở Cracovie đều gửi đến địa chỉ tại nơi Lenin và Krupskaya ở.

Sau đây là một đoạn trong một bức thư rất dài, Inessa viết hồi tháng 12 năm 1913 gửi Lenin, khi cả gia đình Lenin đến ở Cracovie được gần hai tháng, nói lên tâm trạng của nàng khi phải xa cách Lenin:

... "Thứ bảy, buổi sáng.

Anh yêu quý, đấy, em đang sống tại Ville Lumière (tiếng Pháp trong thư, Thành phố Ánh sáng - NMC) mà cảm tưởng thì tồi tệ vô cùng. Sống ở đây, mọi thứ đều làm em khó chịu - cả màu xám xịt của các đường phố, cả những người đàn bà ăn mặc sặc sỡ, cả những lời đàm thoại tình cờ nghe lõm được, thậm chí cả tiếng Pháp... Em buồn lắm vì Aroza có cái gì đấy tạm bợ, có cái gì đấy chuyển tiếp. Aroza còn gần Cracovie lắm, chứ Paris - thì đó là một cái gì đấy dứt khoát rồi. Anh yêu quý, hai

chúng mình chia tay nhau, chia tay nhau! Mà điều đó thì đau đớn quá. Em biết, em cảm thấy là không bao giờ anh còn quay trở lại đây nữa ! Nhìn những nơi chốn quen thuộc với chúng mình, em nhận thức rõ ràng rằng hơn bao giờ hết, ở đây, ở Paris, anh đã chiếm một vị trí lớn lao như thế nào trong đời sống của em đến nỗi hầu như toàn bộ hoạt động ở đây, ở Paris, có hàng nghìn sợi chỉ gắn với ý nghĩ về anh. Hồi đó, em chưa say đắm anh, nhưng hồi đó em đã rất yêu mến anh. Bây giờ em có thể chịu thiếu những nụ hôn, miễn là được thấy anh, được thỉnh thoảng nói chuyện với anh, như thế là đã vui lắm rồi - và điều đó không hề gây sự đau khổ cho ai hết. Tại sao em lại bị tước đoạt niềm vui đó ? Anh hỏi, em có giận hay không vì anh đã "thực hiện" cuộc chia tay đó. Không, em nghĩ là điều này anh làm không phải vì anh.

Hồi ở Paris, bao nhiêu điều tốt đẹp trong quan hệ với N.K. (Krupskaya - NMC). Trong một buổi nói chuyện gần đây nhất, chị nói với em là chỉ mới gần đây thôi, em đã trở thành quý mến và gần gũi đối với chị... Chỉ từ khi ở Lonjumeau và mùa thu năm sau, nhân có việc dịch thuật và những việc khác thì em mới hơi quen dần với anh. Em rất thích chẳng những nghe mà còn nhìn anh, khi anh nói. Thứ nhất là khi nói, mặt anh linh hoạt hẳn lên, và thứ hai là lúc đó thuận tiện ngắm nhìn anh hơn, vì anh không nhận thấy..."

Sau đó là vài trang nữa viết trong "ngày thứ bảy, buổi tối."... rồi đến "ngày chủ nhật, buổi tối," trong đó nàng kể những người quen gọi nàng là "La Joconde đã biến mất," viết về bài báo cáo sắp tới... và sau đây là đoạn kết:

"Anh yêu quý, thôi đến đây là đủ cho hôm nay rồi - vì em muốn gửi thư đi. Hôm qua, không có thư anh gửi đến. Em rất sợ là những thư của em không đến được tay anh - em đã gửi cho anh ba bức thư (thư này là thứ tư) và một bức điện. Lẽ nào anh không nhận được hay sao? Về chuyện thư từ thì bao nhiêu ý nghĩ không thể nào tưởng tượng nổi cứ hiện ra trong đầu. Em cũng có viết cả cho N.K., cho người em, cho Zina (vợ của Zinoviev - NMC) nữa.

Lẽ nào không một ai nhận được gì cả sao ?

Hôn anh thắm thiết.

Inessa của anh."

Thiết tưởng không phải bình luận gì nữa, bức thư tự nó đã là một chứng minh hùng hồn. Qua thư đó, các nhà nghiên cứu thấy rõ nguyên nhân thật của việc Lenin rời khỏi Paris hồi đó, không phải như giới sử học quan phương xô-viết đã đưa ra. Một điều nữa, câu thư ám chỉ rằng nàng "có thể chịu thiếu những nụ hôn, miễn là được thấy anh" và "điều đó không hề gây sự đau khổ cho ai hết" được viết lên không phải là ngẫu nhiên. Có lẽ sự có mặt giây lát, chớp nhoáng, có khi gián tiếp, nhưng thường xuyên và đầy quyền lực của Inessa ở gia đình vợ chồng Lenin, đã gặp phải sự phản kháng tự nhiên của người vợ.

Các nhà nghiên cứu còn lưu ý đến một bức thư của Lenin viết hồi tháng 7 năm 1914 cho Inessa (hồi đó ông còn gọi nàng bằng *"tư"*) trong đó có câu: "Xin em hãy mang đến, khi nào em đến đây (tức là em hãy mang theo mình), tất cả những thư từ của chúng mình (gửi bảo đảm đến đây không tiện đâu: thư bảo đảm có thể bị bóc ra rất dễ dàng bởi bạn bè. Và vân vân...). Xin em hãy đem đến đây tất cả những thư từ, em hãy đến nhé, và chúng mình sẽ nói chuyện về việc đó."

Theo Volkogonov, Lenin là người rất cẩn thận, quen hoạt động bí mật, sau những năm 1912-1913, thời kỳ cao điểm trong mối tình của hai người, chắc đến lúc này ông định tiêu hủy thư từ mà ông đã gửi cho Inessa. Ông xin nàng "hãy đem đến đây tất cả những thư từ" chắc chắn không phải để "kiểm kê tài sản" hay để hai người cùng nhau đọc lại. Chính vì vậy, một số thư từ quan trọng cho việc nghiên cứu đến nay không còn nữa. Mà ngay những thư từ còn lại, cũng bị cái kéo kiểm duyệt của đảng cắt xén khi công bố. Chẳng hạn, bức thư của Lenin viết cho Inessa ngày 13 tháng 01 năm 1917, công bố trong tập 49 *Lenin Toàn Tập*, sau chữ "Bạn quý mến," người ta đã trắng trợn cắt bỏ đoạn này (thời kỳ này ông đã chuyển sang gọi Inessa bằng *"vư"*): "Những bức thư gần đây của Chị đầy buồn rầu và những ý nghĩ phiền muộn đã gây cho tôi nỗi cắn rứt lương tâm điên cuồng đến nỗi tôi không thể nào bình tĩnh lại được." Một đoạn khác trong thư Lenin viết ngày 23 tháng 01 năm ấy cũng bị cắt bỏ: "Bạn quý mến !... Có lẽ là việc Chị không trả lời mấy bức thư gần đây của tôi (cộng thêm điều gì khác nữa) chứng tỏ là có sự thay đổi tâm trạng hay là quyết định hay là tình hình nào đấy của Chị. Trong bức thư gần đây nhất, ở đoạn cuối có một chữ được lặp lại hai lần - tôi đi, tôi hỏi. Không có gì hết. Tôi chẳng biết nghĩ thế nào nữa, Chị có giận điều gì không, hoặc là Chị quá bận vì việc chuyển

chỗ ở, hoặc là vì cái gì khác... Tôi sợ không dám hỏi Chị, vì có thể là những câu hỏi làm Chị khó chịu, và vì thế tôi ước định là sự im lặng của Chị về điều đó tôi hiểu chính với ý nghĩa là những câu hỏi làm Chị khó chịu, và thế thôi. Thế thì tôi xin lỗi vì đã hỏi Chị, và cố nhiên, tôi sẽ không lặp lại." Cái lối nói rối rắm, úp úp mở mở này chỉ có Lenin và Inessa hiểu được với nhau mà thôi, vì họ phải nhớ là còn có Krupskaya nữa.

Cái chết trong lòng

Những năm 1916-1917, trước khi trở về nước Nga, là thời kỳ mà Inessa nhận được nhiều thư của Lenin nhất so với tất cả những người khác. Còn sau cuộc đảo chính tháng 10 năm 1917, do Lenin bị thu hút vào công việc, nên hai người ít gặp nhau, nhưng sự quan tâm thường xuyên của "lãnh tụ" đối với "cô gái Pháp gốc Nga" vẫn rất nồng thắm... Thỉnh thoảng họ nói chuyện với nhau qua điện thoại, còn thường thì Lenin giao người tùy phái đưa những lá thư ngắn đến nhà Inessa hỏi thăm sức khỏe, nghe nàng ốm thì hỏi nhiệt độ trong người và vài lần phái bác sĩ đến thăm bệnh, tha thiết dặn dò nàng đừng ra ngoài trời lạnh, nghe nói máy điện thoại hỏng thì cho người đến chữa, khi thì hỏi về củi đốt lò sưởi và ai lo việc đốt lò, khi thì hỏi về thức ăn và ai nấu ăn cho, khi thì hỏi cỡ giày đi mùa đông để cho người tìm mua, khi thì khuyên nàng đi nghỉ dưỡng sức ở miền Nam nước Nga...

Nhưng cuộc cách mạng với những hiến sinh hàng triệu, hàng triệu sinh mạng, với sự chém giết vô cùng tàn bạo giữa người với người, với nạn đói ghê rợn, nạn dịch khủng khiếp... đã làm Inessa cạn kiệt sức sống, làm tâm hồn nàng ngày thêm trống rỗng. Volkogonov đã dẫn ra một đoạn nhật ký cuối đời của Inessa, viết vội bằng bút chì với nét chữ đẹp. Đoạn này nói lên rõ rệt nhất trạng thái nội tâm của nhà nữ cách mạng trước đây rất hăng hái, năng động, nay đã rũ xuống như một bông hoa héo tàn, nó cũng nói lên rõ rệt nhất mối quan hệ giữa nàng với Lenin đầy đủ hơn ngàn trang tiểu sử quan phương đã xuất bản dưới thời xô-viết.

"1.IX.1920.

Bây giờ có thì giờ, nên hàng ngày mình sẽ viết, dù đầu óc thấy nặng nề lắm và mình cảm thấy dường như mình đã trở thành một cái bao tử thế nào đấy mà cứ đòi ăn mãi... Hơn nữa, có một khát vọng kỳ lạ là mình muốn được đơn độc. Mình thấy mệt quá khi người khác nói gần mình, đó là chưa kể chính bản thân mình nói thật khó. Không biết có khi nào đấy cảm giác về cái chết nội tâm ấy biến mất đi không? Bây giờ hầu như mình không bao giờ cười, mình chỉ mỉm cười, không phải vì có niềm vui trong lòng, mà vì đôi lúc cũng cần phải mỉm cười. Mình cũng kinh ngạc là bây giờ mình thấy dửng dưng với thiên nhiên. Thế mà trước đây, thiên nhiên làm mình xúc động mạnh đến thế. Và bây giờ mình thật ít yêu mến con người. Trước kia, mình đến với mọi người với một tình cảm ấm áp. Còn bây giờ mình thấy dửng dưng với mọi người. Và cái chính là mình thấy buồn tẻ với mọi người. Tình cảm nồng nàn chỉ còn lại với các con và V.I. (Lenin - NMC). Đối với mọi người khác, dường như trái tim của mình đã chết rồi. Sau khi đã cống hiến sức lực của mình, lòng say đắm của mình cho V.I. và công việc, thì trong tim mình đã cạn kiệt mọi nguồn yêu thương và thông cảm mà trước kia thì nó tràn đầy. Mình không còn có quan hệ riêng tư nào nữa với con người, trừ với V.I. và các con của mình, mà chỉ còn quan hệ công việc thôi. Người khác cảm thấy cái chết đó trong lòng mình và họ trả lại cho mình cũng sự dửng dưng đó, hay thậm chí cả ác cảm nữa (mà trước kia người ta yêu mến mình thật)... Giờ đây mình là cái thây ma còn sống! Điều này thật là khủng khiếp!"

Đoạn nhật ký bộc bạch tâm tư này làm cho người đọc xúc động vì sự chân thực của nó và chiều sâu của sự tự phân tích. Dường như cảm thấy mình chỉ còn sống được ba tuần lễ nữa thôi, Inessa đã nói với tất cả sự thẳng thắn vốn có là nàng "đã cống hiến sức lực của mình, lòng say đắm của mình cho V.I. và công việc," nhưng nàng bây giờ là "cái thây ma còn sống." Volkogonov viết rằng: cách mạng bao giờ cũng chỉ tự nuôi dưỡng và sống bằng những hiến sinh. Những hiến sinh gồm hàng triệu, hàng triệu sinh mạng con người tập thể cũng như con người riêng lẻ. Một trong số những người đó là Inessa Armand.

Đường tơ đứt đoạn

Vào một ngày tháng 9 năm 1920, Lenin nhận được bức điện báo một tin sét đánh mà ông đọc đi đọc lại mấy lần vẫn không muốn tin. "Tối khẩn. Moskva, TƯ ĐCSN, Hội đồng Dân ủy, gửi Lenin. Không cứu được đồng chí Inessa Armand bị dịch tả. Đã mất 24 tháng 9. Thi hài sẽ chuyển đến Moskva. Nazarov."

Lenin bàng hoàng ngồi bất động rất lâu, thẫn thờ nhìn bức điện, khi bên ngoài, trời đã nhá nhem tối... Mới trưa nay, nói chuyện qua điện thoại với G.Ordjonikidze, người phụ trách toàn vùng Caucase, hỏi về tình hình Inessa thế nào, anh ta bảo là người ta báo cáo cho anh là mọi việc đều ổn cả cơ mà. Mà chính ông đã giao nhiệm vụ rõ ràng cho Ordjonikidze là phải trông nom Inessa với cậu con khi đến Caucase... Lenin thấy đau đớn tự trách mình đã can ngăn, không để Inessa đi nghỉ ở Pháp, mà lại năn nỉ khuyên nàng đi Caucase nghỉ. Nào ngờ, tại đấy nàng bị bệnh dịch tả và đột ngột qua đời ở Vladikavkaz, lúc chỉ mới 46 tuổi. Khó khăn lắm (còn lưu giữ cả một xấp điện tín của chính quyền trung ương, kể cả của Lenin, gửi cho các cấp chính quyền sở tại để thúc giục, đôn đốc, thậm chí đe dọa trừng trị) thì 17 ngày sau, mãi đến ngày 11 tháng 10, thi hài của nàng mới được đưa đến Moskva. Lenin cùng Krupskaya và các con của Inessa ra tận ga Kazansky đón quan tài. Theo lời Kolontai kể lại, trong nỗi đau khổ vô hạn Lenin thay đổi nhiều đến nỗi không còn nhận ra được nữa. Tại lễ đưa tang ngày hôm sau, ông lê bước theo cỗ quan tài khó nhọc đến nỗi những người đi gần cứ lo ông bị ngã gục. Đôi mắt buồn thảm, thẫn thờ của ông như không còn thấy gì chung quanh nữa. Một vòng hoa mang dòng chữ: *"Viếng đồng chí Inessa. V.I.Lenin"* được đặt trước mộ ở tường điện Kremli. Anjelika Balabanova hồi tưởng lại: "Đi bên cạnh, tôi liếc nhìn Lenin. Thấy ông có vẻ như sắp khuỵu xuống vì tuyệt vọng, mũ lưỡi trai kéo sụp xuống mắt. Người đã thấp lại co rúm, trông bé hẳn. Ông có vẻ mất hết cả thần sắc. Chưa bao giờ tôi thấy ông như thế cả. Sự mất mát đó đúng là lớn hơn sự mất mát một người bolshevik tốt hay một người bạn tốt. Có cảm tưởng là ông đã mất một cái gì hết sức quý báu, hết sức thân thiết đối với ông và ông cũng chẳng cố che giấu điều đó." Còn Kolontai thì về sau đã viết: "Cái chết của Inessa là một đòn đau làm bệnh tình của Lenin trầm trọng thêm đến mức nguy kịch..."

Nhà sử học Volkogonov đã tìm thấy và cho công bố một bức thư nh" của Inessa gửi con gái, trước khi nàng đi Pháp đầu tháng 2 năm 1919.

"Inusya yêu quý của mẹ,

Bây giờ mẹ đang ở Piter (Peterburg - NMC)... Hôm nay, ngủ lại ở Piter và sẽ đi tiếp. Trong thư gửi con, mẹ có bỏ vào đó ba lá thư: lá thứ nhất gửi Sasha, lá thứ hai gửi Fedia (các con trai của Inessa - NMC) và lá thứ ba gửi Ilich (Lenin - NMC). Lá thứ ba này *chỉ một mình con biết mà thôi*. Lá thứ nhất và lá thứ hai con hãy đưa ngay, còn lá thứ ba *tạm thời con cứ giữ lại đấy*. Khi nào mẹ về mẹ sẽ xé nó đi. Còn khi có chuyện gì xảy ra với mẹ (mẹ nói thế không phải vì mẹ cho rằng trong chuyến đi này có điều chi nguy hiểm, nhưng, cố nhiên, trên đường đi mọi sự đều có thể xảy ra, tóm lại, để phòng xa), *thì lúc đó con hãy chuyển lá thư đến Vl.Il.* (Lenin - NMC). *Chuyển tận tay*. Có thể chuyển như thế này: con hãy ghé lại tòa báo *"Pravda,"* có Maria Ilinichna (em gái Lenin - NMC) ngồi ở đấy, con hãy chuyển thư và nói là thư đó mẹ gửi *riêng* cho V.I. Còn bây giờ thì cứ giữ lá thư ấy... Thư gửi V.I. đã niêm kín trong phong bì."

Tháng 5 năm 1919, Inessa đã trở về. Vì thế chuyện gì đã viết trong thư thì nó trở thành một bí mật vĩnh cửu của lịch sử, dù rằng mối quan hệ giữa "lãnh tụ" với "cô gái Pháp gốc Nga" đối với chúng ta ngày nay không còn gì là bí ẩn nữa.

*

Suy cho cùng, mối tình nồng thắm của Lenin với Inessa là một nét thoáng hiện tính người trên chân dung "lãnh tụ," kẻ độc tài đã đặt nền móng xây dựng lên một chế độ cực quyền đẫm máu nhất và lâu dài nhất của thế kỷ 20. Mối tình đó là chút nắng mùa thu sưởi ấm cho một tâm hồn cuồng tín, độc ác, hầu như đã cạn kiệt tính người và tình người (2).●

21.11.1998

1. Khi viết bài này, chúng tôi dựa trên những tài liệu lịch sử được công bố sau năm 1991, nhất là những sách về Lenin của nhà sử học nổi tiếng D.Volkogonov.

2. Hiện còn lưu giữ nhiều lệnh của Lenin về việc tàn sát không thương xót hàng vạn người vô tội, cũng như nhiều chủ trương rất tàn bạo gây sự chết chóc cho hàng triệu người.

Sự phát triển con người là một hình thái bất công về mặt thời gian. Bởi vì những người đến sau có thể hưởng được công sức của những người đi trước mà không phải trả cùng một giá giống nhau.

Alexander Herzen

CHIẾC SÁO TRE VIỆT NAM VÀ TÔI

NGUYỄN ĐỨC MAI

Một ban nhạc tài tử Huế. Ảnh chụp khoảng năm 1919

Có người nói rằng tiếng Việt nói lên như hát. Điều đó rất đúng. So với các ngôn ngữ trên thế giới thì tiếng Việt có nhiều thanh cao thấp trầm bổng hơn cả. So với tiếng Anh tiếng Pháp không có thanh nào, thậm chí so với các ngôn ngữ Á châu khác mà thanh mang tính chất âm vị (morphemic) như tiếng Trung Quốc cũng chỉ có được bốn thanh: âm, dương, thượng, khứ. Tiếng Việt Nam có đến sáu thanh: bằng - huyền - sắc - nặng - hỏi - ngã .

Đã thế, tiếng Việt lại còn giàu âm sắc và ngữ điệu do đó - theo lời một nhà ngôn ngữ học phương Tây - người Việt Nam là bậc thầy về thẩm âm. Tôi không tin vào điều này cho đến khi tôi gặp hai việc sau đây. Một là khi giáo sư Herbert Izzo của trường đại học Michigan State University đến Huế dạy học và nhờ tôi giúp thầy nghiên cứu sáu âm vị thanh trong tiếng Việt. Bằng đủ các phương pháp và dụng cụ khoa học, thầy của tôi tại Văn Khoa về môn âm ngữ học đã phải mất sáu tháng mới phân biệt nổi sáu chữ tôi dùng trong bài tập: *ma, mà, má, mạ, mả, mã* (ghost, but, cheek, young rice plant, tomb, horse). Chuyện thứ hai là lúc tôi nghe được cô Ý Lan trên đài BBC mà chắc ai có nghe qua cũng biết là người ngoại quốc mà nói tiếng Huế như người Huế - nói về những khó khăn gặp phải khi học tiếng Việt và lưu ý những người ngoại quốc coi chừng các chữ: *cực khổ, không quân, hải quân*... (Khi phát âm những chữ này mà bỏ dấu lạng quạng thì dễ thành tức cười lắm!)

Tiếng nói đã cho dân Việt một kho tàng dân ca vô cùng phong phú mà ít dân tộc khác

trên thế giới có được do những đặc thù riêng về mặt âm thanh tiếng nói. Ca, hò, vè, hát bội, ngâm thơ, và chỉ riêng hò không thôi cũng rất nhiều làn điệu trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Kho tàng thanh nhạc Việt Nam rất lớn và rất đúng nghĩa khi chính tiếng nói trở thành một nhạc khí.

Thiên nhiên và khung trời Việt Nam là môi trường lớn cho sự sản sinh và phát triển âm nhạc Việt Nam, đâu đâu cũng vang vọng tiếng nhạc của thiên nhiên hòa với sinh hoạt của con người. Ở Việt Nam âm nhạc có thể có ở mọi lúc, mọi nơi. Trong đám bình dân nơi thôn dã thì ai cũng có thể là ca sĩ, nhạc sĩ và người chế tạo ra nhạc khí.

Có một lần ông Lê Văn Siêu ra diễn thuyết tại Câu Lạc Bộ Thể Thao Huế, theo lời mời của Thượng Tọa Thích Đức Tâm, Giám đốc Trung Tâm Văn Hoá Phật Giáo Liễu Quán Huế. Đề tài là đời sống tại làng xã nông thôn Việt Nam. Để cho đề tài thu hút được người nghe, ông Lê văn Siêu nhờ tôi giúp phần minh họa bằng âm thanh cho bài nói. Tôi đã mất hơn một tuần lễ cho công việc thực hiện cuốn băng này và cũng nhờ đó phát hiện ra rằng rõ ràng đất nước Việt Nam là cả một khung trời âm nhạc.

Cuốn băng mở đầu cho một ngày ở nông thôn bằng tiếng côn trùng rả rích trên đồng ruộng, tiếng chuông chùa trong sương sớm làm tan dần màn đêm yên tĩnh. Hoà trong tiếng gà gáy sáng là tiếng khóc nhè nhẹ của trẻ thơ tỉnh giấc, tiếng bà ru cháu ngái ngủ và tiếng võng, tiếng nôi đưa kẽo kẹt. Rồi tiếng bước chân của những người đi buôn sớm, tiếng chèo khua nước trên sông và văng vẳng tiếng hò của người ngư phủ một mình trên chiếc ghe nhỏ bắt đầu cho một ngài dài ôm cần trên một khúc sông đầy bóng mát và yên tĩnh. Và cứ thế âm thanh và nhạc điệu theo sát từng bước sinh hoạt của nông thôn cho đến khi đêm xuống chấm dứt một ngày.

Thiên nhiên Việt Nam là nguồn cung cấp nhạc khí cho người nhạc sĩ bình dân. Nhạc khí phổ biến nhất ở miền quê nơi tôi sinh ra và lớn lên tại Huế là chiếc sáo tre. Các trẻ chăn trâu có tài chế tạo sáo bằng những khúc hóp, một loại trúc thẳng vỏ mỏng và đốt dài rất dễ dùng để khoét ống sáo. Trong làng tôi nhà nào gần như cũng có mấy bụi hóp trồng sau nhà. Những cây hóp thẳng cao vút thường được dùng làm cần câu cá. Những đoạn có đốt dài có hai mắt hóp cách xa nhau và đủ già thì sau khi phơi nắng từ màu xanh ngã sang màu ngà voi rất đẹp.

Chiếc sáo tre Việt Nam đối với tôi mang nhiều kỷ niệm. Trước hết đó là nhạc khí đầu tiên của tôi, một nhạc khí do mình tự tay chế tạo lấy và tự học sử dụng, như phần nhiều trẻ con nhà nghèo khác tại miền quê. Thoạt đầu thổi những bài tân nhạc tiền chiến như Thiên Thai, Khối Tình Trương Chi v.v. Lên bậc trung học cũng tập tễnh thổi được mấy điệu sáo Tao đàn đệm cho bạn ngâm thơ. Nhưng mãi đến năm 1969 tôi mới thật sự đi sâu vào tìm hiểu về sáo và gắn bó với chiếc sáo tre Việt Nam trong ngành cổ nhạc Huế.

Do công việc từ những năm 1964 65, tôi có nhiều liên lạc với Ban Cổ Nhạc Đại Nội Huế trong việc tổ chức trình diễn và giới thiệu cổ nhạc Huế với các khách ngoại quốc, trong số có nhiều nhạc sĩ quốc tế. Năm 1969, tôi có nhiều thì giờ rảnh và thường vào xem các buổi tập dượt của Ban Cổ Nhạc tại Tả Vu trước Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch nghệ Huế bên trong Nội Thành.

Ban Cổ Nhạc gồm chừng 20 nhạc công già có trẻ có, gồm toàn những gia đình chuyên nghiệp cha truyền con nối. Nhạc khí sử dụng gồm có đàn, sáo, kèn, trống và phách. Nhạc khí phong động gồm có kèn bầu hay kèn tổ sâu, và sáo (ống địch). Nhạc khí huyền động gồm: đàn tam, đàn tỳ bà và đàn nguyệt. Nhạc cụ kích phát gồm có trung cổ (để dùng trong đại nhạc), đại cổ và ngưỡng thiên đại cổ (chỉ dùng trong Tế Giao), đơn diện cổ, tâm âm, mõ sừng trâu, quản tiền phách. Riêng bộ trống nhạc gồm hai trống Văn và Võ thì phải kể là nhạc khí như các thứ đàn khác chứ không thể cho là một nhạc cụ kích phát đơn giản.

Thường thì trong nhã nhạc, loại nhạc dùng trong tế lễ, triều yến hay tiếp các sứ thần ngày xưa, thì hai cây sáo là nhạc khí nổi bật hơn cả. Trong một lần nghe ban nhạc dượt bài Long Ngâm Lễ, tôi rất thích. Đây là bài nhạc dùng trong tế lễ mà tôi nhớ ra là nó đã ăn sâu vào ký ức tôi tự thuở nhỏ trong các cuộc thu tế tại đình làng Dương Nỗ quê tôi. Mở đầu buổi tế khi Ban Văn Lễ xướng lệnh: *Chấp sự giả các ư kỳ sự* (Những người phụ trách người nào việc ấy), rồi đến *Nghệ hương án tiền* ra lệnh cho vị chánh bái ra đứng trước bàn thờ, và câu *Nhạc sanh khỉ càng* vừa dứt thì đàn sáo vang lên trong khói trầm hương nghi ngút tấu bài Long Ngâm Lễ. Tiếng sáo tre lanh lảnh vang dội khắp xóm làng, suốt cả dòng sông Phổ Lợi Hà.

Tôi quyết định phải học thổi cho được bài Long Ngâm Lễ này. Sở dĩ gọi là Long Ngâm Lễ vì đây là biến tấu của điệu Long Ngâm mà bài ca Huế xưa thường bắt đầu bằng câu: *Trăm năm cõi trong đời người ta, tu là cội phúc*... Nhưng làm thế nào để đạt được mục đích? Tôi áp dụng lại chiến thuật cũ của tôi trước đây trong việc học máy đánh chữ và lái xe hơi. Nguyên tắc chính phải áp dụng là: muốn người khác cho mình sử dụng vật gì thì mình phải tỏ ra là biết sử dụng vật đó, ít ra là về mặt cơ bản. Cho nên phải nghiên cứu kỹ càng lý thuyết trước khi thực hành. Để bắt đầu tôi đem máy thu băng cát-xét ghi âm lại bài nhạc trong khi ban nhạc tập dượt.

Sau buổi tập tôi mời mấy bác nhạc sĩ già ra quán dùng nước giải khát. Tôi thuyết phục bác L. để lại cho tôi chiếc sao tre của bác. Bác ấy khuyên tôi ta đường Trần Hưng Đạo mua, mỗi ống chỉ 100 đồng thôi, giá rất rẻ mà lại đẹp. Thật ra bác ấy không hiểu ý đồ bí mật của tôi. Sáo tre Việt Nam — về sau này gọi là sáo ngũ âm để phân biệt với sáo Nguyễn Đình Nghĩa do ông Nghĩa chế tạo với âm thanh chính xác ở cung Đô trưởng — mỗi cái mỗi giọng cao thấp khác nhau, trong khi mục đích của tôi là dùng chính chiếc sáo đó và phần nhạc đã được ghi âm là để ghi lại thành bản nhạc dùng làm tài liệu tập dượt. Lý do thứ hai là hai chiếc sáo của hai bác thổi lớn bằng nhau và ngang giọng với nhau.

Tôi viện lẽ thích ống sáo ấy và xin mua nó với giá 500 đồng. Người nghệ sĩ Huế nghèo nhưng rất liêm sĩ, không tham tiền bạc như nhiều người giàu có khác. Tôi phải khó nhọc năn nỉ thuyết phục hết lời bác ấy mới chịu nhượng lại cây sáo. Tôi hí hửng mang cây tre sáo của bác L. về nhà và bắt tay vào công việc. Thời gian đó tôi và Lệ Tâm cùng hai con lên tạm ở nhà bà ngoại của các cháu tại Nam Giao. Sau khi quay lại băng ghi âm và ghi lại nhạc bản Long Ngâm Lễ ra giấy tôi bắt đầu công việc tập dượt. Sau một ngày viết bài và ba ngày tập tôi thổi trọn bài song suốt và dùng hai ngày còn lại thổi theo với ban nhạc ghi trong băng cho thêm nhuần nhuyễn.

Bây giờ đến bước thứ hai của kế hoạch là làm sao chen được vào Ban Nhạc Đại Nội. Đây là một việc khó có khả năng thực hiện. Ca nhạc Huế là một loại hình nghệ thuật mà kỹ thuật trình diễn rất cao và phức tạp. Ít người trẻ tuổi đạt được tiêu chuẩn trình diễn. Những người thưởng thức sành điệu ca Huế ngày trước đoan chắc rằng ca sĩ dưới 40 tuổi không thể nào ca Huế hay được. Cần phải có cả kinh nghiệm sống lẫn trình độ kỹ thuật điêu luyện mới diễn ca nổi, chứ chỉ có giọng ca tốt không mà thôi thì không đủ. Cho nên mặc dầu bị lịch sử khắc nghiệt gạt ra ngoài xã hội với danh xưng xướng ca vô loại, họ tuy không được học hành nhưng quyết không để ai bán rẻ nghệ thuật của họ. Cho nên nhiều người vẫn rất khó tính dầu trong hoàn cảnh nghèo đói. Họ không chơi đàn cho người trọc phú hay những kẻ không đủ trình độ thưởng thức và nhất là không cùng đàn với người kén cỏi.

Ban nhạc cung đình Huế. Ảnh chụp tại Hoàng cung Huế khoảng 1919.

Hôm đó tôi quay trở lại Tả Vu với Ban Nhạc Đại Nội. Tôi chuẩn bị sẵn ba ngàn đồng trong túi. Sau khi ban nhạc tập dượt đợt đầu tôi xin phép được đãi tất cả một chầu bia. Trong câu chuyện tôi nói về bài Long Ngâm Lễ và phần sáo. Theo hai nhạc sĩ thổi sáo, thì hai ống cùng thổi và linh hoạt chuyển tử nội (bậc thấp) và ngoại (bậc cao hơn một bát độ) và thay nhau biến tấu dựa trên lòng bản. Có tí men bia, các nhạc sĩ cũng có vẻ hứng khởi thêm hơn. Sau cùng họ đề nghị trở vào hoà nhạc tập dượt đợt hai cho buổi sáng hôm ấy.

Tôi đề nghị ban nhạc tấu bài Long Ngâm Lễ và để tôi phụ trách một trong hai cây sáo. Bác L. sau một phút ngập ngừng trao cây sáo cho tôi, không biết tôi có say rượu bia hay không. Còn mấy chú nhạc sĩ nhỏ con cháu các bác lớn tuổi thì nhe răng cười. Khi khi bác K. phụ trách trống nhạc gõ hai dùi trống vào nhau ba tiếng ra hiệu cho ban nhạc khởi đầu, tôi bình tĩnh thổi hết một hơi toàn bài từ đầu đến cuối như một nhạc công chuyên nghiệp. Khi bài nhạc chấm dứt, ai cũng vỗ tay tán thưởng.

Bác L. cho biết bác rất ngạc nhiên. Theo bác, thì tuy tôi thổi chưa có xuất thần lắm, nhưng đúng nhịp và đúng giai điệu. Dĩ nhiên là bác ấy không biết tôi đã tập dượt theo bài bản viết ra giấy thì làm sao không đúng nhịp và giai điệu được. Bác ấy cũng nói rằng Bài Long Ngâm Lễ ở Trường Quốc Gia Âm nhạc là thuộc chương trình trung cấp và thường phải mất ba năm tập dượt mới đạt được tiêu chuẩn. Bác cho rằng tôi học thổi được như thế là nhanh lắm.

Tôi rất vui mừng với thành công đạt được này và chiếc sáo tre trở thành nhạc khí thân thiết nhất với tôi. Trong bộ sáo của tôi sưu tập tại Huế gồm có sáo tre, sáo trúc, sáo gỗ cẩm lai Nguyễn Đình Nghĩa, sáo ngang (transverse concert flute), recorder alto, recorder tenor (loại sáo dọc châu Âu từ 1500 đến khoảng 1750, được cho tái sinh và sản xuất hằng loạt ở thế kỷ 20). Từ đó, trong các buổi trình diễn của Ban Nhạc Đại Nội cho các khách ngoại quốc do tôi hướng dẫn và giới thiệu chương trình, bao giờ tôi cũng là một trong hai nhạc công sáo của Ban Nhạc.

Dĩ nhiên là tôi được tán thưởng nhiệt liệt và bản thân lấy làm tự hào. Chính cây sáo cổ châu Âu *recorder alto* là do ông Middlton thuộc Tòa Đại Sứ Anh tại Sài Gòn bảo con gái ở Luân Đôn mua gởi sang tặng tôi sau khi được nghe tôi trình diễn với Ban Nhạc Đại Nội tại Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Huế năm 1970. Còn ống *recorder tenor* do bac L. đi dự Hội chợ Osaka Nhật bản năm 1972 và đoạt giải về sáo mua tặng.

Mối duyên của tôi với cây sáo tre Việt Nam có điểm hay mà cũng có điểm dở. Điểm hay là tôi biết khai thác sở trường và tránh sở đoản. Tại Huế, tôi thường hướng dẫn các nhạc sĩ ngoại quốc khách của Đại học hay của Tỉnh đi thăm Đại Nội và nghe nhạc cung đình Huế. Qua chuyện trò, chúng tôi cũng có lần bàn về sở trường sở đoản. Có một nhạc sĩ cho tôi biết rằng khi sinh ra thì đã thấy chiếc dương cầm có sẵn trong gia đình không biết từ đời nào và người dạy những nốt nhạc đầu tiên cho nhạc sĩ ấy trên đàn piano là bà nội. Tôi nói: Đấy là sở trường của anh, vì nhạc dương cầm đã có sẵn trong giòng máu anh từ nhiều thế hệ trước. Khi đến thăm nơi tôi ở, thấy có chiếc kèn hắc tiêu (clarinet) trên treo trên tường, anh ấy hỏi: Anh có chơi hắc tiêu vậy mà có trau dồi thêm không? Tôi trả lời là chỉ thổi cho vui thôi chứ không chú trọng mấy. Anh ấy hỏi tại sao? Tôi trả lời: Hắc tiêu - cũng như dương cầm, vĩ cầm... tất cả là sở trường của các anh. Còn đối với tôi là sở đoản. Tôi tập hắc tiêu thì biết đến bao giờ mới bằng các anh được. Còn sáo tre Việt Nam tôi chỉ tập một tháng thôi thì còn lâu các anh mới bắt kịp được!

Còn điểm không tốt của mối duyên này? Đúng ra thì không thể nói như vậy. Mà phải nói là trong câu chuyện sáo tre Việt Nam này, tôi một lần phải sáng mắt ra vì cái kém cỏi và ngu dốt của mình. Như trên tôi đã có nói rằng được thổi sáo với Ban Nhạc Đại Nội, được thính giả nhiệt liệt tán thưởng, được khách ngoại quốc ca ngợi tài năng, tôi cứ tưởng rằng sáo tre là sở trường của mình, và mình là người sành sử dụng cây sáo tre. Hoá ra không phải như thế!

Chuyện như thế này: Trong một buổi tôi giới thiệu nhạc Huế tại Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Huế, như thường lệ sau phần giới thiệu chương trình, tôi chuẩn bị cùng ban nhạc trình tấu bài đầu tiên trong chương trình: Bài Long Ngâm Lễ. Khi một trong hai nhạc sĩ sáo đưa cho tôi cây sáo, tôi so thử giọng. Khác với những lần trước, hai cây sáo lần này không bằng nhau và không ngang giọng với nhau. Tôi vừa ngạc nhiên vừa bực tức. Tôi hỏi bác nhạc sĩ già bằng giọng gắt gỏng: Thế cây sáo bác thường thổi đâu rồi?

Bác ấy cho biết là đứa cháu nhỏ nghịch ngợm đánh vỡ mất rồi cho nên bác phải tạm dùng cây này để thay thế.

Vào thời gian này tôi là người rất có thế lực với các nhạc sĩ cổ nhạc. Hơn nữa, tôi là Tổng Thư Ký của Hội Cổ Nhạc Huế mà anh Tôn Thất Toàn , nhạc sĩ đàn tranh ở Ty Kiến Thuết Huế là Hội Trưởng. Tôi lên giọng khiển trách nhạc sĩ này về chuyện bất cẩn đối với nhạc khí. Tôi nói là nhạc khí đối với nhạc sĩ cũng như là khẩu súng của người lính, đâu có thể lơ là như vậy được. Tôi cũng nhắc lại với họ gương cẩn thận của các nhạc sĩ ngoại quốc như nhạc sĩ dương cầm Jacob Feuerring từ Nhật sang và nhạc sĩ Tây ban cầm cổ điển Alice Arts từ nhạc viện Juilliard New York đến trình diễn ở Viện Đại Học Huế do tôi tổ chức và giới thiệu. Trước ngày trình diễn một tháng Alice đánh điện dặn tôi: Anh Mai lưu ý giùm hai điểm sau đây. Thứ nhất: Không ai được chạm đến cây đàn của tôi ngay cả khi nó được để trong hộp cũng không được ôm hay xách nếu không có sự đồng ý của tôi. Thứ hai: Tôi xin miễn không bắt tay bất cứ một ai kể cả những nhân vật quan trọng nhất. Còn nhạc sĩ Jacob Feuerring thì thử đàn đến năm lần. Lần cuối cùng đêm hôn trước ngày trình diễn, yêu cầu khoá đàn lại và cho người canh giữ cho đến giờ trình diễn.

Cuối cùng, tôi trả lại cây sáo và nói với vẻ hờn dỗi: "Thôi bác thổi đi. Sáo hai cây hai giọng lạc vạch làm sao tôi thổi được." Và bỏ sân khấu xuống ngồi ở hàng ghế quan khách. Bản trình tấu vẫn rất hay như thường lệ, không có gì trục trặc như tôi có ý chờ đợi sẽ xảy ra. Khi chương trình kết thúc, tôi lên hậu trường sân khấu. Thấy tôi vẫn còn giận, bác L. tiến đến gần tôi và một lần nữa bác xin lỗi về chuyện cây sáo bị đánh vỡ. Bác ôn tồn nói:

"Anh em trong ban nhạc chúng tôi rất kính phục thầy. (Họ vẫn thường gọi tôi bằng thầy vì biết tôi dạy ở trường Quốc Học từ năm 1960, và đến 1970 thì được biệt phái lên dạy ở Đại học Huế). Trẻ tuổi như thầy mà thổi được sáo như rứa là có tài lắm. Nhưng sáo thầy thổi chưa được xuất thần. Còn nói về kỹ thuật thổi, kỹ thuật bỏ ngón (fingering) thì thầy chỉ mới thổi được sáo bậc thiệt mà thôi. Bậc thiệt tức là lối bỏ ngón thường gồm có hai bậc - bậc một và bậc năm. Bậc một là bậc *họ ăn đô* có nghĩa là bịt kín hết sáu lỗ huyệt kể là *họ*, tương đương với nốt *đô* trong ký âm pháp Tây phương. Bậc năm gọi là *họ ăn xôn*, tức là thả trống bốn lỗ huyệt dưới kể là *họ*, tương đương với nốt *xôn* trong nhạc mới.

"Còn chúng tôi thổi sáo bậc, nghĩa là tất cả các bậc chứ không phải chỉ có hai bậc một và năm như thầy thổi. Điều đó có nghĩa gì? Có nghĩa là một lối bỏ ngón cực kỳ phức tạp không phương pháp nào chỉ bày được mà do quá trình sử dụng nhạc khí lâu ngày, muốn thổi ra nốt nhạc ở cung bậc nào cũng được. Trong khi thầy cần phải có hai cây sáo ngang giọng nhau thì mới thổi được, còn chúng tôi thì cầm cây sáo nào trên tay cũng có thể thổi hoà ngang giọng với một cây sáo khác, cây đàn khác hay bất cứ một giọng ca ở bất cứ cao độ nào.

"Chúng tôi già rồi thổi sáo cả mấy chục năm nay, cho nên cây sáo cũng như một bộ phận kéo dài của thân thể mình vậy. Có những bài sáo mà phải già như bọn chúng tôi mới thổi được. Như thầy thấy , ở Việt Nam mình ông Nguyễn Đình Nghĩa thổi sáo thiệt hay, thiệt tài tình. Nhưng trong bài sáo Phụng Vũ của nhạc cổ Huế mình, thì đoạn diễn tả chim phụng rỉa lông ông Nghĩa không thổi được..."

Tôi ngạc nhiên, hỏi lý do tại sao ông Nguyễn Đình Nghĩa thổi đoạn chim phụng rỉa lông không đạt, bác L. nói:

"Có chi khó mô, nhưng phải *tra* như chúng tôi mới thổi được. Đoạn rỉa lông thì hai môi phải rung lên trước khi thổi vào sơn khẩu. Mà thổi kiểu đó thì hai hàm răng phải rụng hết mới thổi được. Ông Nghĩa muốn thổi được đoạn này thì phải nhổ hết cả hai hàm răng!"

Tôi nghe xong giật mình, sáng mắt ra và vô cùng thán phục các nhạc sĩ cổ nhạc Huế của mình. Đến lúc đó tôi mới nghĩ ra là tại sao chỉ có Louis Armstrong mới thổi được nốt nhạc cao nhất trên kèn trompét mà trên thế giới không ai thổi tới được. Vì Louis môi dày và vì ông không được học nhạc và không biết nhạc, mà cuộc đời và tâm hồn là nhạc. Tôi cũng từng nghe nói có người phải khoét hổ khẩu (phần thịt mềm giữa ngón cái và ngón trỏ) của bàn tay phải để có thế chơi được vĩ cầm. Không biết có ai muốn nhổ hết răng để thổi được bài sáo Phụng Vũ hay không?

Năm 1972 - năm của Đại lộ Kinh hoàng và Mùa hè Đỏ lửa , tôi lại có dịp giới thiệu bác L. với chiếc sáo tre và bài Phụng Vũ. Đây lại thêm một kỷ niệm khó quên về chiếc sáo tre Việt Nam trong một chương trình trình diễn nhạc cổ truyền Huế tại khách sạn Hương Giang. Sau trận Việt Cộng thảm sát dân

chúng trên Đại Lộ Kinh Hoàng, Bộ Tư Lệnh Tiền Phương của Quân Đoàn I được đặt tại Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 1 ở Mang Cá do Trung Tướng Ngô Quang Trưởng làm Tư lệnh để lo việc chiếm lại Cổ Thành Quảng Trị với các Sư Đoàn Dù của Trung Tướng Dư Quốc Đống, về sau là Chuẩn Tướng Lê Quang Lưỡng và Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến do Chuẩn Tướng Bùi Thế Lân làm Tư Lệnh. Đại Tá Lê Văn Thân là Tham Mưu Trưởng. Trung Tá Bảo Thọ làm Chánh Văn Phòng.

Một phần của cuộc tiến chiếm Cổ Thành Quảng Trị do Cộng Sản tử thủ là chiến dịch Lôi Phong I và Lôi Phong 2 tập trung toàn bộ pháo nặng gồm pháo 130 ly, 15O ly, 175 ly và hải pháo 240 ly dập vào Cổ Thành Quảng Trị. Sau khi tái chiếm Cổ Thành, một phái đoàn tùy viên quân sự của các Toà Đại Sứ ngoại quốc được mời ra thăm Quảng Trị và dự thuyết trình tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I Tiền Phương. Đại Tá Lê Văn Thân nhờ tôi làm phiên dịch cho buổi thuyết trình này. Trong buổi tối đãi tiệc phái đoàn tại khách sạn Hương Giang, một chương trình cổ nhạc do Ban Nhạc Đại Nội đảm trách, và như thường lệ tôi là người giới thiệu chương trình bằng Anh ngữ và Việt ngữ.

Trong tiết mục đầu tiên: Bài sáo Phụng Vũ, tôi đưa bác L. ra sân khấu với chiếc sáo tre trên tay. Tôi mặc bộ vescal, bộ đồ ký giả màu mỡ gà bốn túi, may ở nhà may Liên theo đúng kiểu anh Trần Đình Ân, chủ tiệm sách Ái Hoa ở Huế và nhà hàng khách sạn Bạch Đằng ở Đà Nẵng. Tôi nhìn xuống đám khách mời và thấy rõ nét mặt khinh khỉnh của họ khi thấy người nhạc sĩ già nua, trong chiếc áo dài xanh và chiếc khăn đóng nghèo nàn. Nhạc khí cầm trên tay lại càng thô sơ và nghèo nàn hơn nữa. Tôi bực tức cho nên tay vẫn cầm lon bia bông trắng Budweizer và đổi ngay cách giới thiệu. Tôi nói khá dài dòng như sau:

"Thưa Quí Vị, mở đầu cho chương trình biểu diễn tối hôm nay, tôi hân hạnh được giới thiệu đến Quí Vị tiết mục Sáo Phụng Vũ..."

Đám thực khách vẫn ồn ào không mấy ai chú ý nhìn lên sân khấu nhỏ. Tôi nói tiếp, gằn giọng mạnh hơn:

"Trước khi trình tấu tôi muốn nói với quý vị về giá cả chiếc sáo tre Việt Nam này..."

Nghe lời giới thiệu có phần chướng tai này, tất cả đều im lặng, ngưng ăn uống và nhìm chăm chú vào tôi. Có lẽ họ tưởng rằng tôi điên chăng.

"Đây là một nhạc khí hết sức rẻ tiền và rất phổ biến trong dân gian. Trẻ mục đồng Việt Nam chúng tôi thường tự chế tạo lấy bằng một đoạn hóp, rồi chiều chiều ngồi trên lưng trâu thổi các điệu dân ca. Còn như đối với quý vị thì trước khi trở về Sài Gòn, quý vị có thể đi dọc theo đường Trần Hưng Đạo, con đường chính của thành phố Huế, và tôi có thể bảo đảm Quý vị có thể mua được một chiếc sáo tre xinh xắm với giá 100 đồng Việt Nam, tính theo hối xuất đồng đô la Mỹ thì chừng 10 xu. Trong khi đó một chiếc sáo Tây phương thì trong catalô Sears, giá rẻ nhất là 120 Mỹ kim, đắt gấp 1200 lần!"

Khán thính giả càng nghe càng chú ý hơn vì phần tính toán chi tiết chứng tỏ người giới thiệu không điên mà cũng không say rượu. Tôi nói tiếp:

"Nhưng chắc quý vị cũng rõ từ lâu nay chưa thấy ai nói về một cây sáo ngang Tây phương đoạt giải quốc tế về âm nhạc. Trong khi đó, người nhạc sĩ lão thành này là người mới từ hội chợ Osaka Nhật Bản trở về sau khi đã đoạt giải nhì quốc tế về nhạc cổ điển Á châu cũng với chính chiếc sáo tre đơn sơ đang cầm trên tay với bài Phụng Vũ mà chốc nữa đây có hân hận được trình tấu hầu qúi vị.

"Tôi chắc ai trong qúy vị cũng đồng ý với tôi rằng, ban giám khảo của Hội chợ Quốc Tế Osaka hẳn phải là những người có thẩm quyền và đầy đủ khả năng thẩm định và đánh giá đúng mức nghệ thuật âm nhạc của tác phẩm này cũng như trình độ kỹ thuật cao của người nhạc sĩ cổ nhạc lão thành này. Do đó, nếu nghe xong mà qúy vị không thấy hay, thì thật tình tôi cũng không biết nói thế nào hơn. Xin mời quý vị thưởng thức bài sáo Phụng Vũ..."

Có lẽ chưa bao giờ tôi nghe được tiếng vỗ tay đều và ròn rã sau khi bài sáo Phụng Vũ chấm dứt như đêm hôm ấy.●

Có được hạnh phúc trong hôn nhân thường chỉ là kết quả của sự tình cờ may mắn.

Jane Austen

Thà ngoại tình còn hơn chung thủy một cách miễn cưỡng.

Brigitte Bardot

Những kẻ tầm thường dễ hãnh diện vì những chuyện tầm thường.

Shakespeare

TÌM ĐƯỢC BỨC TƯỜNG

TRẦN MỘNG TÚ

Tháng Mười Một, tháng của mưa và lạnh. Thành phố Hoa Thịnh Đốn vào ngày lễ Cựu Chiến Binh (Veteran Day) bầu trời xám và khô, không có mưa nhưng gió thì nhiều lắm. Mùa thu đã bắt đầu rụng lá, trên những cành khẳng khiu chỉ còn sót lại vài chiếc đã khô cong. Ở khu dựng bức tường Tưởng Niệm những chiến sĩ đã bỏ mình hay mất tích trong cuộc chiến ở Việt Nam, hôm đó tụ tập hàng trăm người từ các nơi đổ về. Họ là những người có thân nhân bỏ mình ở Việt Nam hay là những cựu chiến binh thuộc cuộc chiến Việt Nam (1962 - 1972). Họ đến để tìm gặp lại nhau, để nói về một cuộc chiến đã tàn, về những kỷ niệm vui, buồn họ bỏ lại. Và cùng nhau để tưởng niệm về những người chiến sĩ đã hy sinh cho một quốc gia khác. Nhất là để chia xẻ nỗi đau của những người có thân nhân bị mất đi trên phần đất ngoài lãnh thổ quê hương mình. Họ đặt hoa, đọc diễn văn, họ hát, hô khẩu hiệu, thắp nến, cầu nguyện và khóc. Những giọt nước mắt của họ lạnh và cô đơn như mưa tháng Mười Một.

Nguyễn Thị Hai cũng có mặt trong đám người đó, cô không đến để tham dự vào buổi họp mặt ngày hôm nay, nhưng cô đến để tìm một người cha cô chưa hề gặp mặt và cô chỉ có một tài liệu duy nhất về mối liên hệ của cha con cô là: Ông là một người lính Mỹ đen và Hai ra đời năm 1967.

Nguyễn Thị Hai được sang Mỹ theo diện con lai, cô đem theo cả đại gia đình gồm có cha ghẻ, mẹ, và sáu đứa em. Cả gia đình cô hiện cư ngụ ở Los Angeles sau sáu tháng ở trại chuyển tiếp Phi Luật Tân. Và họ đến Mỹ đã được năm năm. Ngày khi đặt chân lên đất Mỹ, lần đầu tiên nhìn thấy người da đen trên vỉa hè Los Angeles, Hai đã đặt hy vọng tìm được cha mình. Mỗi lần ra phố với mẹ cô cứ hỏi có phải ông Mỹ đen này là cha cô, hay ông Mỹ đen kia trông có giống cô không? Lần nào mẹ cô cũng lắc đầu. Cô hỏi một vài người Việt Nam đã ở Mỹ lâu năm. Làm cách nào để cô có thể tìm được cha cô, thì mọi người điều nói là khó lòng mà cô tìm được. Vì mẹ cô không biết rõ tên họ, ngày sanh, cũng như số quân của người lính viễn chinh đó. Chỉ có một cách duy nhất là cô nên đến Hoa Thịnh Đốn mỗi năm

vào ngày Cựu Chiến Binh thì may ra có một chút hy vọng, nếu cha cô còn sống, và ông đến dự ngày lễ đó.

Năm nay là năm thứ tư, Hai đến Hoa Thịnh Đốn trong ngày lễ Cựu Chiến Binh để tìm cha. Hai hy vọng sẽ tìm được ông nếu cô cứ đến nơi này mỗi năm và nếu ông chưa qua đời. Mẹ Hai không biết rõ tên, tuổi của ông ngoài tên gọi Bill, da rất đen và tóc rất quăn, cao lớn, miệng rộng, môi dầy và nói to. Ba năm nay Hai đi tìm ông với bức hình trong tay (do chính cô vẽ ra, theo lời mẹ tả). Hai thèm một người cha quá! Một người cha có màu da và sắc diện giống như cô.

Khi còn ở Việt Nam, Hai rất khổ sở. Vì là một đứa con gái lai Mỹ đen, Hai đi đến đâu cũng bị ruồng bỏ và chế nhạo. Hai đi học thì phải bỏ học ở nhà, một phần vì nhà nghèo, em đông, phải trông em cho mẹ ra chợ kiếm sống, một phần đi học bị đuổi vào một góc vì không có đứa học trò nào chịu ngồi chung một ghế với con bé lọ lem. Hai chỉ được học đủ để viết cái tên Nguyễn Thị Hai và đọc được từ số 1 đến 100. Phải khó nhọc lắm Hai mới đánh vần và đọc được nửa trang sách. Nói tóm lại Hai lớn lên là một người thất học. Năm Hai 13 tuổi thì mẹ bảo các em bây giờ có thể trông nhau được rồi, Hai phải đi làm để kiếm tiền phụ với gia đình. Hai được gửi đi làm mướn, ở đợ từ nhà này đến nhà khác cho đến khi được sang Mỹ năm 1990. Hai được đến trường học tiếng Anh trong chương trình ESL dành cho người mới tới, khi đó Hai đã 23 tuổi. Hai đem hết cả tâm trí ra để học và hy vọng một ngày nào đó, khi gặp lại cha thì cha con có thể hiểu nhau. Hai học vất vả lắm vì ngay cả tiếng Việt mà Hai đọc chưa thông thì làm sao mà học được dễ dàng tiếng Anh. Thế nhưng nhờ chăm chỉ sau năm năm ở Mỹ Hai đã có thể nói được một số câu thông dụng (tuy không được đúng cách) và nghe được gần hết những điều người khác nói. Hai hài lòng lắm rồi.

Hai len lỏi giữa đám đông, cờ quạt và biểu ngữ. Cô cố chen chân tìm đến nơi người ta đặt một cái bàn nhỏ, trên đó có một quyển sổ để những người cựu quân nhân đến ghi tên, binh chủng của họ (hồi còn ở Việt Nam) để tìm bạn bè. Cũng có người có thân nhân đã tử trận, họ biên tên vào đó để tìm những người lính ngày trước cùng một binh chủng với thân nhân của họ. Đã ba năm liền Hai ghi vào cuốn sổ: *Nguyễn Thị Hai, sinh năm 1967. Tìm cha là Binh Nhì Mỹ đen, tên Bill.* Cô có kèm theo cả địa chỉ và số điện thoại của cô ở bên cạnh. Và trong ba năm cô chẳng nhận được một tin tức gì. Năm nay là lần thứ tư Hai biên tên vào cuốn sổ đó. Và cô vẫn đặt tất cả hy vọng vào giòng chữ nguệch ngoạc của mình.

Hai cầm bó hoa đi giữa đám đông, đến sát bức tường đá. Hai đọc hàng tên trước mặt mình, nhìn xuống phía dưới, nhìn sang bên phải, bên trái. Cô tìm thấy vài người có tên là Bill. Nhưng chắc đó không phải là cha mình. Vì mẹ bảo khi ông về nước thì mẹ mới biết là mình mang thai. Cha Hai không có chết ở Việt Nam. Hai đặt bó hoa của mình dưới chân bức tường, cô nói thầm trong lòng. Đây là bó hoa cho những người không có thân nhân đến viếng ngày hôm nay. Cô sung sướng vì cha mình không có tên trên đó.

Gió thổi mạnh quá và trong gió đã có mang theo những hạt mưa nhỏ. Người ta đi sát vào nhau, khoác tay nhau hoặc dấu tay trong túi áo lạnh. Có người mặc quân phục, đeo huy chương và những hiệu đính trên ngực. Họ đi riêng rẽ, hoặc năm, bảy người tụm vào một nhóm hỏi han, nói chuyện với nhau. Có người mồi điếu thuốc, có người cầm ly cà phê giấy trên tay. Có người khóc lặng lẽ, có người cười thành tiếng, tay bắt, mặt mừng. Hai đứng quan sát những người bên cạnh mình, nơi nào có người da đen tụ tập thì Hai tìm tới. Hai cho tay vào túi áo lạnh lấy ra tấm hình của cha (do cô vẽ). Một người đàn ông cao lớn, da rất đen và tóc rất quăn. Hai để tấm hình trong lòng bàn tay, ngó ngang, ngó dọc, rồi lại ngó xuống tấm hình. Trong đám người tụ họp ở phía tây của bức tường Tưởng Niệm có một nhóm đến bảy, tám người. Họ gồm có hai người da trắng và phần còn lại là da đen, Hai đến gần họ. Người da đen Hai nhìn thấy trước tiên là người cao lớn nhất và đen nhất, tóc của ông cũng quăn. So với bức hình trong tay thì người đàn ông đó rất có thể là cha Hai. Làm sao Hai dám đoan chắc điều này. Chỉ có một cách duy nhất là đến làm quen và hỏi. Vốn liếng tiếng Mỹ của Hai thì tệ lắm, nhưng mà cũng phải hỏi cho ra. Nếu ông ta thực sự là cha mình thì Hai nghĩ không cần phải hỏi ông cũng phải cảm nhận ra mình và mình cũng phải thấy gần gũi với ông. Ở Việt Nam người ta thường nói "Phụ tử thâm tình" là gì. Câu này thì thất học như Hai cũng phải hiểu. Vì nghe nói cả ngày. Hai đến gần họ, họ đang nói một chuyện gì thích thú lắm thì phải. Nét mặt họ không buồn, họ cười luôn và nói khá to, nhất là cái

ông - "Hình như là cha mình" - thì nói to nhất. Hai nhìn ông, ông nhìn Hai rất nhanh rồi lại quay đi ngay, rõ là ông không nhận ra Hai. Hai ngắm nghía ông, cố tìm ra hình ảnh mình ở trong đó. Ông đen, đen lắm! Trán ông ngắn, tóc dán sát vào đầu, quăn như xoắn ốc vào nhau. Mũi ông to và phình ra ở phía dưới, miệng ông rộng, môi ông dầy và thâm. Khi ông cười, nói, hàm răng ông thẳng và to, mất một cái ở phía trên sát khóe miệng. Ông trạc 50 tuổi. Hai đến gần ông thêm chút nữa cố tình để ông chú ý đến mình. Nhưng ông lơ đãng quá! Ông có cười với Hai rồi lại quay sang nói chuyện với người bạn đứng cạnh. Hai đi ra phía sau lưng ông, Hai cố hít hà cái hơi người của ông toát ra từ cái áo lạnh để tìm một hơi hướng liên hệ, nhưng Hai không cảm nhận được một điều gì. Chắc là cái hơi đó đã bay đi sau gần 30 năm rời khỏi Việt Nam. Hai cố hình dung ra người đàn ông này, đã có một thời gian đi về con hẻm nhỏ ở tỉnh lỵ Pleiku, nơi mẹ Hai cư ngụ. Hai nghĩ đến những buổi sáng đặc sương mẹ đi làm công việc quét dọn trong một cái trại lính Mỹ. Mẹ Hai dọn xuốt từ khu nhà vòm này đến khu nhà vòm khác. Nơi đó là chỗ ngủ của những người lính khi ở mặt trận về. Họ cho mẹ Hai những gói kẹo, cục xà bông, hộp thịt, hộp cá v.v... Có người lính Mỹ đen còn cho mẹ Hai cả một giọt máu của anh ta mà anh ta không biết.

Hai lại đi vòng ra phía trước mặt người đàn ông - có lẽ là cha mình. Đứng ra xa một chút nữa để ngắm ông ta mà không bị chú ý. Hai thấy ông cho tay vào túi lấy ra cái mũ đội lên đầu. Cái mũ len ôm kín mít lấy mớ tóc quăn, trông ông bây giờ thành một người khác, không giống như bức hình của Hai vẽ đem theo. Ông đang cúi xuống mồi một điếu thuốc lá, ngọn lửa ở que diêm như con mắt thứ ba trên nền da mặt đen xậm của ông. Nó cũng giống như đốm lửa hy vọng nhỏ nhoi của Hai trong một cái quá khứ tối om. Cái đóm lửa đó chỉ xoẹt lên một giây rồi lại tắt ngấm, lạnh lẽo. Người đàn ông da rất đen và tóc rất quăn đó có phải là cha mình hay không? Hay ông chỉ trông giống là cha mình theo hình thức mẹ kể lại. Hai ao ước ông đúng là cha mình. Hai đi tìm ông mới ba năm nay, nhưng nỗi ao ước có ông trong đời thì đã bắt đầu từ ngày Hai có trí khôn, từ ngày Hai nhận biết là mình có một người cha không giống như người cha của bất cứ đứa trẻ nào cùng xóm. Mặt trời và Trái đất, Phật và Chúa phải cùng nhau hợp sức lại mà chúc phúc cho Hai, để cho Hai được tìm thấy cha. Hai phải có một người cha như bất cứ ai sanh ra ở đời và người cha đó đã cho Hai một cái hình hài da cũng rất đen và tóc cũng rất quăn như ông. Hai đứng co ro trong giá lạnh, nhìn người đàn ông đó và hình dung ra những ngày ông đi lính ở Việt Nam. Trong cái trại lính mù sương đó. Mỗi lần ông đi hành quân về có một người đàn bà bản xứ, bé nhỏ, thầm lặng đến quét bụi, gấp mền, đổ rác, thu xếp chỗ nằm, chỗ ngồi cho ông. Ngoài kẹo bánh, xà bông, thuốc đánh răng, thịt hộp và tiền lẻ ra, ông còn cho mẹ Hai thêm một thứ gì nữa không? Ông có yêu thương bà chút nào hay không? Ông có biết là ông đã để lại một giọt máu của ông trong cái trại lính mù sương đó

DƯƠNG KIỀN

NGÀY XƯA, Ở HUẾ

Xem tranh Đằng Giao, nhớ mùa hè ở Huế,
Em mười lăm hay mười tám, thơ ngây.
Hồ Tịnh Tâm Sen nở, thơm đầy
Mái tóc ướt, mưa rất buồn, ở Huế
Trăng rất lạ, Bergen, hàng cây quạnh quẽ.
Lấm chân em, hạt tuyết trắng, rồi tan
Xem tranh Đằng Giao, vài cánh Sen tàn,
Nhưng thơm mãi, mùa hè, ở Huế
Cánh phớt hồng, hình như là e lệ,
Hình như là kết hạt, yêu đương.
Trăng ở đây xuống thấp. thật buồn,
Như nhớ ngày xưa, mùa hè, ở Huế.
Đẫm tóc em, nhạt nhòa, rất nhẹ,
Tuyết trắng đêm nay, rất nhẹ, giọt trăng xưa.
Mưa Bergen
nhớ Huế mưa
Nẻo về em
đã khuất mờ
chiêm bao.

Bergen 1998

hay không?

Hai nhất định phải đến hỏi cái người đàn ông - hình như là cha mình - kia cho tỏ tường mọi sự.

Hai hất cái nón dính liền vào áo khoác ra đằng sau, để chiếc đầu với mớ tóc quăn của mình được nhìn rõ trong bầu trời xám đục. Hai giơ tay vuốt mặt mình cho tỏ mầu da đen bóng dưới cái ẩm ướt của những hạt mưa. Hai tiến về phía người đàn ông cao lớn, da rất đen và tóc rất quăn, hỏi bằng một câu đầy tin tưởng:

"Có phải tên ông là Bill không?"

Người đàn ông da đen nhìn Hai một giây, ngỡ ngàng:

"Không, tôi không phải là Bill."

Hai gằn giọng:

"Tại sao ông không phải là Bill."

"Vì tôi tên là Tom."

Hai bướng bỉnh:

"Không, tôi muốn ông phải tên là Bill."

Người đàn ông ngửa mặt cười, khoe hàm răng trắng đục.

"Cái ông Bill nào đó thiếu tiền cô phải không? Tôi không có trả hộ hắn đâu."

Hai đau nhói trong lòng. Bill là cha cô, ông đâu có thiếu cô tiền. Ông chỉ thiếu cô một tình phụ tử. Hai cố vớt vát:

"Ông đi lính ở Việt Nam, đóng quân ở Pleiku có phải không?"

"Không, tôi đóng ở Đà Nẵng. Tôi không biết Pleiku ở đâu, và chắc chắn tôi không phải là Bill, cô nhầm rồi. Tôi rất tiếc là không giúp gì được cô."

Ông vừa nói, vừa bước đi theo những người bạn, sau khi gửi cho cô một cái nhìn đầy thương hại.

Hai đứng nhìn theo người đàn ông - có lẽ là cha mình - đi vào đám đông phía trước. Da ông thật đen và tóc ông thật quăn. Bất giác Hai đưa tay xoa lên tóc mình, những sợi tóc quăn rối rít vào nhau bám sát da đầu. Hai muốn chạy theo ông, năn nỉ ông nhận mình là giọt máu ông bỏ lại ở Việt Nam. Nhưng ông và những người bạn của ông đã mất hút sau bức tường Tưởng Niệm.

Nước mắt Hai ứa ra, nhòe lạnh cùng nước mưa. Cô cất bước đi, chân thấp, chân cao không định hướng. Cô va phải người này, dẫm lên chân người kia. Gió vẫn thổi, mưa vẫn bình thản rơi, cô vẫn thẩn thờ đi như một người bước trong cơn mộng. Gặp bất cứ một người đàn ông da đen nào cô cũng hỏi "Có phải tên ông là Bill không?" Và cô chỉ nhận được những cái lắc đầu. Cũng có người ái ngại, dừng lại nhìn Hai trong giây lát, nhưng rồi tất cả đều bỏ Hai và đi mất hút về phía bên kia bức tường Tưởng Niệm. Bỗng Hai đâm xầm phải một người đi ngang trước mặt, cô ngửng lên thì là một ông Mỹ đen cao lớn. Ông ta đội một cái mũ len phủ kín cả trán, cả tai nên cô không nhìn rõ tóc của ông. Nhưng khuôn mặt đen bóng của ông với cái mũi thật to, cái miệng thật rộng thì cô nhìn rất rõ. Ông đúng là hình ảnh người đàn ông mà cô đã vẽ ra theo lời mẹ tả. Cô thấy tim mình đập hối hả trong lồng ngực. Cô gọi to tiếng:

"Bill, ông Bill."

Người đàn ông ngạc nhiên nhìn cô:

"Sao cô biết tên tôi."

Hai hấp tấp nói:

"Vì tôi là con ông."

"Không, tôi đâu có con."

Hai run rẩy như con chim nhỏ bị bão:

"Có, cha có con. Có phải cha là Bill, và cha đóng quân ở Pleiku, Việt Nam không?"

Người đàn ông cúi xuống, ôm lấy hai vai cô, từ tốn nói:

"Cô bé, hãy bình tĩnh. Tôi tên là Bill nhưng tôi không biết cái địa danh Pleiku ở chỗ nào và tôi chưa bao giờ có một đứa con."

Hai ôm mặt khóc nức nở. Người đàn ông buông vai cô ra. Khi cô ngửng mặt lên thì cái bóng cao lớn đó đã khuất sau bức tường Tưởng Niệm. Hai chạy theo và lần này thì cô va phải bức tường đứng chặn ngang trước mặt cô. Cô lặng người đứng ngắm. Bức tường đen bóng và lạnh lùng với hơn 50 ngàn cái tên khắc trên đó. Hình như nó vừa lấy đi tất cả những người cha mà cô tưởng như tìm thấy trong ngày hôm nay. Những người đó tuần tự mất hút sau lưng nó, không để lại cho cô một dấu vết gì. Bức tường vững chãi và kiên cố quá, cô chẳng thể đập nát ra được. Cô chỉ còn một niềm ao ước cuối cùng là tên của cha cô được khắc vào bức tường này để mỗi năm cô chắc chắn tìm lại được người.

Hai lau khô nước mắt, cô đi ngược về phía cổng ra vào, nơi đặt cái bàn nhỏ có quyển sổ ghi danh. Cô cúi xuống xóa đi cái giòng chữ cô đã ghi vào sáng nay: *Nguyễn Thị Hai, sinh năm 1967. Tìm cha là Binh nhì Mỹ đen, tên Bill.* Những dòng chữ này không cần thiết nữa. Hai đã tìm được Bức Tường.●

Tháng 11/98

THIỆN CÙI

TÂM THANH

Tặng VTT và các bạn.

Tôi và Thiện học khác phân khoa, nhưng cùng ở cư xá sinh viên Sognsvann, hai dãy nhà chỉ cách một bãi cỏ xanh, thường bắt cùng chuyến xe điện tới Blindern. Lúc đầu chúng tôi hay ngồi gần nhau, có thể chỉ là tình cờ, có thể vì trong tiềm thức tôi tò mò muốn dò la hắn người nước nào. Một hôm hắn để mắt đâu không biết, mà để đầu gối va vào cây cột sắt trên xe, đau điếng, kêu "Ái!" thay vì "Au!"* , tôi biết hắn là người Việt. Nhưng đương nhiên tôi không làm quen trước; ngược lại tôi còn thấy sau khi sự tò mò đã được thỏa mãn, tôi không còn lý do gì để "tình cờ" ngồi gần hắn trong một chuyến tầu có tới bốn toa thênh thang. Đến buổi họp mặt sinh viên Việt Nam đầu tiên trong niên học, hình như vào dịp Trung Thu, chúng tôi mới "nhận đồng bào." Thiện nói biết tôi là người Việt do cái lần tôi nhường chỗ cho một cụ già. Tôi nói cứ tưởng Thiện là người Chà-và lai cho đến khi nghe tiếng kêu "Ái." Suốt buổi họp mặt chúng tôi ngồi bên nhau và tôi thấy nói chuyện với Thiện không nhàm chán lắm. Thiện nói lối trắc nghiệm về tiếng kêu đau của tôi gợi ý cho hắn sau này sẽ đi chuyên ngành sản khoa, và trong sản khoa sẽ chuyên nghiên cứu về tiếng khóc đầu tiên của con người - người da đen, da vàng, da trắng khi lọt lòng mẹ khóc thế nào, và đứa trẻ Na-uy với đứa trẻ Việt Nam sẽ khóc tiếng gì. Hay từ nguyên thủy tiếng khóc không màu?

Hết năm thứ ba Thiện về Việt Nam để làm bài khảo luận do ông thầy ruột giao: quan sát hoàn cảnh sống, thuốc men, việc chữa trị bệnh

phong cùi tại một làng người Thượng. Trên quê hương của nhà bác học Armauer Hansen này chẳng còn bao nhiêu người nghiên cứu về bệnh cùi, vì thế ông giáo sư muốn Thiện nối nghiệp ông.

Hôm nay ngày đầu một năm học mới, tôi và Thiện lại ngồi đối diện nhau trên xe điện. Thiện còn cháy nắng nhiệt đới, và mặt mày hốc hác, càng làm nổi bật hàng mi cong như con gái, và đôi mắt đăm chiêu thấy... ghét. Chúng tôi ngầm đồng ý không nói chuyện với nhau. Tôi nghĩ nói tiếng Việt thì kỳ, mà nói tiếng Na-uy càng... kỳ hơn, vì hành khách bên cạnh sẽ bắt được nội dung câu chuyện và biết chúng tôi là người Việt Nam. Là người Việt Nam, chẳng việc gì phải xấu hổ, nhưng chẳng cần bạ đâu cũng la to lên căn cước của mình, nhất là sau những vụ đâm chém gần đây mà có người Việt nhúng tay, mỗi sáng mở radio nghe ...ức tai nạn đêm qua tôi cứ lo ngay ngáy nó ...t ra hai chữ Việt Nam.

Tới trạm xuống, chúng tôi đi chậm lại, nhường bước cho đám hành khách - hầu hết là sinh viên - hối hả tuôn ra cửa, lên trường. Thiện lôi trong ba-lô ra một cây sáo tre dài chừng hơn gang tay đưa cho tôi:

"Quà Việt Nam cho bà."

Tôi nói cám ơn rồi kê môi thổi mấy tiếng tút tít. Lòng tôi vui vui, trong nắng thu trời trong. Thiện kể công:

"Chỉ mình bà có quà đấy."

Tôi cảm động, nhưng làm tỉnh:

"Dữ hôn!"

Khi chúng tôi đi trên cây cầu sắt bắc qua đường rầy, tôi hỏi:

"Về Việt Nam chắc vui lắm?"

Tôi hỏi như thế vì đa số người đi Việt Nam về đều mở đầu câu truyện "Vui dễ sợ." Thiện lơ đãng:

"Có gì mà vui? ... Nhưng mà nhiều truyện để kể lắm."

Tôi nghiêng đầu tỏ vẻ lắng nghe:

"Kể nghe!"

Thiện lấy hơi như sắp đổ ra một bầu tâm sự, nhưng lại chép miệng:

"Bắt đầu từ đâu bây giờ?"

Tôi gợi ý:

"Nghe nói đồ ăn ngon và rẻ như bèo, phải không?"

Thiện nhìn tôi, vẻ lạ lẫm:

"Thì tương đối rẻ."

"Nghe nói tôm hùm bự, hai người ăn mới xuể, chỉ có 100 kr, phải không?"

"Tôi không biết."

"Ông có ăn thịt chó không?"

Thiện không hưởng ứng câu hỏi đùa của tôi, hững hờ:

"Không."

Tôi nhận ra thái độ lạnh nhạt ngang xương của Thiện, nhưng muốn trắc nghiệm lần chót, hỏi thêm một câu đùa khác:

"Người ta về Việt Nam cưới được cả vợ đẹp. Ông có đặt cọc được cô nào chưa?"

"Rồi."

Rõ ràng là anh chàng này vừa giở chứng. Sau hai tháng hè xa cách, trong đó có một tháng thật xa, không có liên lạc gì ngoài một tấm bưu ảnh cô gái Thượng của Thiện, lúc này tôi chờ đợi một cuộc gặp lại vồn vã hơn, chứ không phải những câu nhát gừng. Tôi im lặng, bực bội, nhưng vẫn chờ đợi Thiện nói một câu gì dài hơn, thân thiện hơn, ví dụ cải chính chuyện lấy vợ. Tôi biết anh nói chơi, nhưng biết bao nhiêu chuyện lạ lùng xảy ra ở Việt Nam với người khác, cũng có thể xảy ra với Thiện được vậy. Ví dụ có người bị thầy thuốc tây chê, về Việt Nam chữa bệnh bằng bùa ngải, lại hết bệnh, nhưng không hết hẳn. Một người quen của má tôi than phải gởi tiền về nuôi bùa, mỗi năm vài lần, chậm trễ là bị bùa vật ói máu. Biết đâu Thiện chẳng bị cô nào chuốc bùa... yêu. Mà bùa trên rừng thiêng nước độc của người Thượng lại càng đáng gờm hơn. Vừa thương, vừa sợ, vừa giận, tôi đi bên Thiện mà không yên. Tôi cà cà ngón tay vào đầu cây sáo tìm cảm giác đau cho đỡ bứt rứt trong lòng. Bước chân Thiện cũng có vẻ nặng nề. Chắc hắn cũng đang khó chịu như tôi. Nhưng hắn đâu có quyền khó chịu chứ? Tôi đang niềm nở hỏi thăm, tự nhiên hắn giở chứng... á khẩu.

"Ê! Về Việt Nam, lây bệnh á khẩu rồi hả?"

"Tôi chỉ định làm hòa trong danh dự, thế mà hắn sửng cồ như con nhím:

"Tôi lây nhiều thứ bệnh lắm. Cây sáo tôi cho bà cũng lây cùi rồi đó!"

Tôi biết Thiện hù để chọc tức tôi, nhưng sẵn đang bực mình, tôi liệng cây sáo vào bụi cây bên đường, nói:

"Ghê!"

Rồi ù té chạy.

*

Nghĩ tới vụ bùa ngải, tôi cảm thấy tội nghiệp Thiện và hối hận về cử chỉ nóng nảy của mình, hôm sau trở lại bụi rậm tìm cây sáo,

nhưng không thấy. Tuy vậy ý nghĩ Thiện bị "bùa yêu" làm cho tôi không thể làm hòa trước được. Cả tuần rồi tôi tránh gặp Thiện. Tôi đón xe chuyến trước hoặc chuyến sau và ít ra bãi cỏ nằm giữa hai dãy nhà. Cuối tuần tôi về với ba má, nhưng lòng vẩn vơ trên cư xá Sognsvann. Chiều chủ nhật trở lên đại học xá, tôi mang theo cây sáo bạc, mà ba má cho nhân dịp tôi 18 tuổi, định sẽ ghi tên học sáo lại, và sẽ thổi thật hay cho đời biết tay. Đêm đó tôi nằm mơ thấy Thiện bị đóng đinh. Vì tội chở lậu một cô gái ra khỏi Việt Nam, bị bắt quả tang. Trong mơ tôi biết là Thiện bị gài bẫy. Khi tôi nấp trong bụi coi Thiện bị đóng đinh, có một ông già mà trong mơ tôi thấy giống cái ông già điên hay đi chữ chi trong sân trường đại học, rỉ tai tôi nói bằng tiếng Na-uy "Thằng đó vì mê cô gái Thượng, nên bị đóng đinh." Nghe ông nói tôi nhìn kỹ thì thấy cô gái Thượng chính là cô gái trong tấm bưu ảnh Thiện gởi cho tôi. Sáng thức dậy tôi áy náy vì trong mơ đã không cứu Thiện. Tôi đáp chuyến xe thường lệ thì gặp Thiện đang ngơ ngác như chờ ai. Thấy tôi, cái mặt đen như lai Chà-và sáng rỡ. Chúng tôi ngồi bên nhau ở toa cuối cùng. Xe lăn bánh êm, trườn tới lúc nào tôi không hay. Thiện hỏi:

"Bà về Kristiansand có vui không?"

Câu hỏi cố giấu vẻ ân cần của Thiện làm tôi dịu lòng, nhưng nhớ lại câu hỏi tương tự của tôi tuần trước, mà đã bị phá ngang, tôi cố làm ra vẻ đanh đá:

"Có gì mà vui... Nhưng nhiều chuyện kể lắm."

Thiện hào hứng:

"Kể nghe!"

"Ông bị bỏ bùa."

Thiện giật nảy người trên ghế:

"Ý! Sao có chuyện lạ vậy?"

"Tôi mơ ông bị một cô Thượng bỏ bùa... yêu."

Thiện tưởng tôi bịa chuyện nói bóng gió, đôi mi dài chớp chớp - càng giống con gái hơn. Nhưng chỉ thoáng cái, người con trai liến láu trở lại ngay, Thiện hù lại tôi:

"Có lẽ tôi bị bùa thật. Từ ngày đi Việt Nam về, tôi bị ám ảnh hoài."

Tôi sợ câu chuyện chuyển hướng lệch lạc như bữa trước, nên không ngắt lời, để Thiện tiếp tục giòng tư tưởng và nỗi ám ảnh gì đó, có thể là chuyện buồn trong giòng họ, bà con còn ở trong nước. Quả nhiên Thiện nói tiếp:

"Tôi đang bị ám ảnh vì những hình ảnh đau khổ bên nhà. Vì thế bữa trước, khi gặp bà tôi định bộc lộ một chút, thì bà hỏi 'có vui không,' tôi bị sốc. Nhưng nghĩ lại hỏi một người mới đi xa về 'vui không,' là câu bình thường. Tôi xin lỗi bà."

"Xí, bày đặt."

Thế rồi, mặc dầu trên xe người lên đông thêm, Thiện vẫn rù rì kể, bằng tiếng Việt, về buôn Thượng và những người bạn cùi, mà anh bảo tôi phải gọi lịch sự là bệnh nhân phong. Khi chúng tôi chia tay ở chỗ tôi vất cây sáo tre hôm trước, Thiện nói:

"Chiều nay sang tôi coi hình."

Từ ngày cho tôi "lên tỉnh" học, má tôi dặn đi dặn lại "con gái không được để cho thằng con trai nào vô phòng." Tôi ngoan ngoãn giữ đúng giới răn đó, lại còn tự giác áp dụng luôn vế ngược lại "con gái không được vô phòng con trai." Nhưng sau hai năm thấy tôi khô rang không ai ngó ngàng tới, bà lại sợ tôi thành "tiết hạnh khả phong," không nhắc lại giới răn "nam đáo nữ phòng" nữa. Tuy nhiên chưa bao giờ tôi "phạm giới luật." Nhưng với Thiện, có biệt lệ: hắn nhu mì như con gái, nhất là đôi mi cong. Tôi không áy náy khi sang phòng Thiện. Tôi đứng lóng ngóng giữa phòng. Thiện chỉ cho tôi chiếc ghế bành độc nhất màu lục đậm, trên có để cái mền len. Tôi nói thầm "khiếp, không biết dẹp cái mền đi," và thay vì ngồi xuống, tôi lại gần bàn học của Thiện. Tôi chỉ vào tấm hình một cô gái người Thượng đang dệt vải:

"Đây có phải cùng cô gái hái chè trong tấm thiệp ông gởi cho tôi từ Việt Nam không?"

"Không phải. Hai cô khác nhau. 'Cô' hái chè tôi gởi cho bà là do hãng du lịch chụp, trình bày vẻ đẹp hoang dã của người Thượng. 'Cô' dệt vải này do tôi chụp, ghi lại hình ảnh cái khung cửi mà cha mẹ tôi cho là thơ mộng."

"Tôi chả thấy có gì thơ mộng. Nhưng lạ lạ."

"Hai tấm hình đó, chẳng tấm nào phản ảnh đời sống hẩm hiu của người Thượng mà tôi thấy."

Tôi nhớ lý do sang đây:

"Ông rủ sang coi hình. Hình đâu, cho tôi coi?"

Thiện lấy ra một cuốn album. Chắc anh xếp theo một thứ tự nào đó, mở đầu là hình anh ngồi vênh váo trên cái xe Honda, bên cạnh là cái bản đồ Việt Nam cắt từ một tờ quảng cáo du lịch. Anh nói:

"Đây là cái xe Honda tôi đi mỗi ngày từ Đác Lác tới buôn Thượng. Đường đất đỏ gập

ghềnh. Chạy xe từ làng Kinh sang buôn Thượng, tôi có cảm giác như vượt qua từ thế giới này sang hẳn thế giới khác. (Thiện lật từng trang hình) Bà coi nhé: Làng Kinh thì trù phú, có nhà xây gạch, vườn kiểng, vườn cà-phê, ụ tiêu kiểu hiện đại trông như cái tổ tò vò vĩ đại. Tới chân núi, sang buôn Thượng, con đường hẹp hẳn lại, cây cối khô cằn vì thiếu nước, toàn nhà sàn. Con heo, con gà ở buôn Thượng cũng ốm o hơn ở làng Kinh. Con người cũng vậy."

Lật tới hình anh chụp chung với một ông già gầy đét, Thiện kể:

"Ông này là ông ngoại của cô gái dệt vải kia, biết tiếng Pháp, và nói sõi tiếng Việt, tôi đặt tên là thánh Gandhi. ổng giúp tôi nhiều lắm, kể nhiều truyện. Ông kể bộ lạc Jarai của ổng sống từ nhiều đời trong rừng sâu. Thời thực dân Pháp, họ bị lùa ra gần đường cái quan, vì Pháp nghi họ ủng hộ Việt Minh. Thời ông Diệm, họ được đẩy ra một chỗ khác, vào ấp chiến lược để cách ly khỏi Việt cộng. Tới khi 'giải phóng thống nhất đất nước' họ lại bị người từ ngoại ô Hà Nội, Hải Dương tràn xuống lập nghiệp và đẩy trở về rừng. Ổng thấy tôi có cái mụt lẹo trên mí mắt, chà chiếc đũa lên chiếu, áp vào. Thế mà sáng hôm sau mụn lẹo biến mất. Tôi hỏi sao ông không dùng mẹo này chữa cho người cùi, ông bảo cùi là do Trời làm, phải chịu vậy, không chữa được."

Tới tấm hình một anh Thượng cao lêu nghêu như cây sào, vai đeo gùi, mặt như mếu, Thiện kể:

"Anh Don Quichote này là bồ của cô dệt vải. Tôi thường thấy anh ta lẽo đẽo theo sau mấy con bò để hốt phân, trân trọng bỏ vào cái gùi đeo sau lưng. Tôi còn nhớ mãi những buổi sáng sương còn vương vấn trên con đường đất đỏ. Mỗi lần qua khỏi làng Kinh, quẹo vô buôn, tôi thấy cuộc diễn hành thầm lặng: 'Don Quichote' đi sau cùng, tới một con bê, ba con bò, rồi dẫn đầu là thằng bé người Kinh giắt bò. Khi tôi vượt qua đoàn diễn hành, tới gần nhà ông Gandhi thì thấy cô gái buông khung cửi đứng dậy, ngóng đợi. Một hôm tôi không thấy anh ta đâu, nhìn vào mấy con bò, thấy đít con nào cũng lủng lẳng cái giỏ. Chủ bò cũng muốn giữ phần cho mình. Tôi hỏi dò ông Gandhi về chuyện cháu gái ông với cậu này thì ông kể là lúc đầu anh ta làm ăn cũng không đến nỗi tệ. Giỏi săn bắn và múa ca. Nhưng anh săn bằng ná, mà người Kinh săn bằng súng đạn ria, súng AK, và cả lựu đạn. Dần dần không còn con mồi nào cho anh nữa. Anh có nuôi được một con heo... 'mọi.' Tài sản duy nhất này cũng biến mất do cái tính nghệ sĩ thích múa ca. Bà có coi phim tài liệu của Pháp chiếu trên TV2 về người Thượng Việt Nam không?"

"Phim gì?"

"Phim săn voi, trong đó có thấy lễ tế trâu."

"Thấy."

"Những cảnh như đoàn vũ nữ, ban nhạc với trống, chiêng, khèn, có thể chỉ là giàn cảnh. Nếu có thực, cũng không bao giờ xảy ra tại buôn Thượng mà tôi đi thăm. Họ không có lấy được một cái chiêng. Lễ tế trâu, Ban thông tin văn hóa huyện phải mang máy cát-xét và máy phóng thanh về giúp vui. Khi nghe phát thanh một điệu nhạc dân tộc Jarai, anh Don Quichote mê quá, gạ gẫm người cán bộ thông tin, xin đổi bất cứ cái gì để lấy điệu nhạc của dân tộc mình. Một tên thanh niên người Kinh láu cá nào đó biết được nỗi đam mê của chàng Thượng, bèn đưa một cái băng cát-xét tới đổi heo. Anh Thượng mang băng cát-xét về lắc hoài không nghe gì hết, mà chẳng biết khiếu

TRẦN TRUNG TÁ

ĐƯỜNG XUÂN TÌNH TỰ

Hôm qua, tôi nói gì, không nhớ, mà nhớ là có nói với em. Có nói: hình như trăng mới nửa, hình như trời nước vẫn mông mênh...
Dù ta im lặng hay ta nói, thì đã cầm tay, tựa mái đầu; đã đến với nhau nhiều kiếp đợi, rồi cùng sánh bước nẻo chiêm bao!
Tình yêu như thế là vô nghĩa như những bài thơ vô giá hoài! Hai chữ Tân Thanh chưa hóa Cựu, chuyện đời thôi mặc khói sương bay!
Em đứng bên người trai chiến binh, ở đây không phải Nước Non mình. Em buồn. Tôi biết. Nhìn em khóc. Có nói gì, thôi... cũng đã quên!
Mùa Xuân đang đến. Đẹp. Em ơi! Ta có hay ta mất hết rồi? Đừng giở làm chi chồng Lịch Sử, mà đi tìm một bến Tương Lai!

nại với ai, khóc hu hu chán rồi lại cười hề hề. Mất con heo, anh xoay qua 'nghề' nhặt phân bò."

Thiện chỉ lên tấm vải treo trên tường, nói tiếp:

"Đó là tấm vải do cô gái dệt."

Rồi Thiện chỉ vào một tấm hình hai đứa bé trần truồng ngồi bốc cái gì trong hai cái gáo dừa:

"Hai đứa nhỏ này là em cô dệt vải, tức cũng là cháu ông 'Gandhi.' Cha mẹ chúng bị cùi hết, không cho chụp hình. Đố bà hai đứa đang ăn gì?"

"Các em ăn cái gì đen đen, không phải đậu phọng cháy chứ?"

"Kiến đấy. Chúng bốc kiến ăn, như mình ăn pop-corn."

Tới đây Thiện ngồi lặng thinh, mặc cho tôi lật từng tấm hình những người Thượng ngồi buồn thảm trước thềm nhà chòi, những đứa trẻ bụng ỏng như những đứa trẻ Phi Châu trong cơn đói. Những người cụt tay chân, người sứt môi, lẹm mũi, mù mắt. Có người thiếu một bộ phận, có người thiếu hầu hết. Tôi bối rối, vừa ghê sợ muốn lật cho qua nhanh, vừa như bị níu áo phải quay lại nhìn. Khi tới tấm hình chụp lớn một ống chân, Thiện lấy ngón tay út chỉ vào một vật trắng như hạt gạo ló ra từ một vết thương sâu hoắm, nói:

"Con giòi."

Tôi rùng mình, trả xấp hình lại cho Thiện, muốn khóc:

"Sao có những người khổ như vậy!"

Những tấm hình tôi coi bằng mắt hình như đã in vào tim Thiện, và ảnh hưởng tới cả đời sống hằng ngày của anh. Sáng thứ bảy sau, vì ba má tôi bận đi dự đám cưới ngay tại Oslo, nên chiều mới chở tôi về được. Buổi sáng, tôi sang Thiện, rủ:

"Mình đi ăn hủ tiếu, nhé?"

Thành phố Oslo có ba bốn tiệm ăn Việt Nam, lúc đầu lèo tèo, bây giờ đã kéo được sự chú ý của khách sành ăn bản xứ. Thiện hỏi:

"Bây giờ giá bao nhiêu một tô hủ tiếu?"

Câu hỏi của Thiện làm tôi ngạc nhiên, nhưng tôi vẫn nói tỉnh:

"Ông bần tiện khỏi lo, tôi bao mà."

Thiện không giận:

"Bà bao tôi cũng phải hỏi chớ."

"Từ xưa tới nay hủ tiếu vẫn 50 kroner, không tăng giá, chỉ bớt vật liệu, hai tôm còn một, không có lưỡi và tim heo như trước, nhưng xá xíu và hẹ vẫn giữ tiêu chuẩn cũ."

Thiện có vẻ chỉ quan tâm con số 50 kroner, không quan tâm tới hành tỏi, lẩm bẩm tính rợ, rồi nói:

"50 kroner thành 80.000 đồng Việt Nam, mua được 20 ký gạo, nuôi một gia đình một tuần lễ..."

Tôi biết nhiều người đi Việt Nam về mấy ngày đầu không dám tiêu pha gì cả, vì thói quen làm tính nhân hối suất. Phải chờ vài tuần lễ sau, mới "lại hồn." Tuy vậy, không được đi ăn hủ tiếu một sáng thứ bảy đẹp trời, tôi vẫn cảm thấy mất hứng. Có lẽ Thiện thấy sự thất vọng của tôi, nhỏ nhẹ:

"Để tôi làm cái gì ở nhà đãi bà."

"Ông biết làm cái gì nào?"

"Bánh mì trét margarin với đường, nướng lên, ăn ngon hết xảy."

Chúng tôi ra bếp. Tôi làm theo công thức ông hà tiện, ăn thấy cũng ngon miệng.

Một hôm trong căng-tin Frederike, nơi gặp gỡ của mấy đứa sinh viên Việt Nam tụi tôi, Thiện lượm khoanh bánh mì Đoan Ròm ăn dở, đút mồm nhai tỉnh bơ. Mấy người ngồi chung, trai có, gái có, kẻ thì đạo mạo như cụ non, kẻ láu táu như con nít vườn trẻ, nhưng ai cũng quen với những tác phong rất điên của nhau, không ai thắc mắc hành vi của Thiện là trò đùa hay thật. Chỉ có tôi xót xa trong lòng.

Đôi mắt to với hàng mi dài của Thiện nhìn đâu cũng thấy Việt Nam. Lên xe công cộng, anh không ngại bị lộ căn cước nữa. Anh nói chuyện một cách tự nhiên, không bô bô, nhưng không rụt rè. Hôm xe điện đình công, tôi đã tính nghỉ học, Thiện sang rủ tôi đi bộ tới trường, anh nói:

"Ở Việt Nam người ta đi bộ mỗi ngày vài chục cây số, để kiếm một mụn măng."

Tới một cái bãi nhỏ, thấy những con chim sẻ tíu tít lượm hạt kê từ một cái giỏ treo trên một cành cây thấp, Thiện nói:

"Ở đây, con chim nhỏ cũng có người nuôi. Và bà thấy không, cái giỏ người ta cũng treo khuất để chim lớn không giành đồ ăn của chim nhỏ. Còn ở Việt Nam, trẻ con..."

Thiện chỉ bận tâm tới Việt Nam, tới Gia Lai. Anh bị các bạn đặt tên là Thiện Gia Lai, hay đơn giản hơn, Thiện Cùi. Năng, biệt hiệu "Năng Nổ," con người chuyên mặc quần áo nhãn hiệu và chăm bón từng sợi ria mép, có lần mất kiên nhẫn vì Thiện cứ kể truyện cứt bò với lại máu mủ cùi, trong lúc chúng tôi ngồi uống cà-phê, xua tay nói:

"Đi chỗ khác nói chuyện dơ dáy."

Thiện ức:

"Tôi đâu có nói với anh. Tôi nói với... Phương Thi mà."

Có điều lạ là càng nhiều người tẩy chay Thiện, tôi càng thấy muốn gần anh. Tôi thích được một mình nghe Thiện kể về Gia Lai. Trước khi về gia đình nghỉ lễ Giáng sinh, tôi rủ Thiện đi trượt tuyết, ngay trong rừng bên cạnh cư xá. Trong bộ đồ trượt tuyết bó chẽn, những nét khắc khổ của người thanh niên bị ám ảnh về quê hương biến mất, chỉ còn vẻ uyển chuyển, và.. sexy. Thế mà lúc ngồi nghỉ chân uống ca-cao, anh vẫn mơ về miền đất nóng hổi. Anh chỉ tay ra giải tuyết óng ánh dưới mặt trời, nói:

"Giá mà đưa tuyết này về Gia Lai làm đá nhận cho trẻ con ăn giữa trời nóng bỏng, thì chúng nó sướng biết bao!"

Tôi bốc một nắm tuyết, liệng ra xa:

"Trời đã phân phối thiên nhiên đa dạng và đồng đều. Như ở đây ông muốn có nước biển ấm áp và cát mịn của Việt Nam, đâu có được."

Thiện buồn:

"Ngay ở Việt Nam, không phải mọi người được tắm nước biển ấm áp. Người Thượng thèm khát từng hạt muối."

Sau đó Thiện như chiều ý tôi, tạm bỏ những cảnh ảm đạm, quay ra tả phong cảnh rừng núi nhiệt đới, những đồi chè, cây cà-phê và giòng suối mát. Giữa rừng tuyết phủ và mặt hồ Sogn đóng băng, nghe Thiện kể về rừng nhiệt đới, tôi có một cảm giác ấm áp, gần gũi một nơi tôi chưa bao giờ đặt chân tới. Tôi sanh tại Na-uy và Cha Mẹ tôi là người tị nạn chính trị. Các Ngài nhất định không về Việt Nam du lịch. Tôi hiểu lý do của Cha Mẹ, nên không đòi về. Nhưng tôi bắt đầu nghe trong lòng mình những tiếng sáo xa xăm.

Tôi nhờ ông thầy dạy sáo phổ lại bài "Mẹ trăm con", dân ca Jarai, do Phạm Duy sưu tầm. Suốt kỳ nghỉ lễ Giáng Sinh với cha mẹ tôi tập bài đó. Chiều áp lễ, Thiện điện thoại nói mấy câu chúc. Má hỏi:

"Đứa nào vậy?"

"Dạ, Thiện học chung trường."

"Con cái nhà ai vậy?"

Ba đang vừa vỗ vỗ trên trán vừa lục trong tủ kho xem có món quà gì có thể đáp lễ một người năm nay tự dưng tặng quà không. Tưởng ba không nghe thấy gì, một lúc ông nói:

"Thằng Thiện học y khoa, con ông Hòa phải không?"

"Dạ, sao Ba biết vậy?"

"Ba nó ở trong ban Trị sự hội Phật giáo."

Má nói với ba:

"Sao anh chị Hòa có thằng con tên Thiện mà em không biết cà?"

Người Việt ở Na-uy chỉ có chừng 14, 15 ngàn, qui tụ về thủ đô và phụ cận, và năm, sáu tỉnh lớn. Quanh quẩn rồi cũng có thể quen nhau. Những gia đình có con cái tới tuổi cập kê thường hay ngắm nghé nhau. Bề ngoài các ông bà chê quan niệm "môn đăng hộ đối" đã lỗi thời, nhưng bên trong vẫn nhắm những "hộ" ngang ngang, cho nó thoải mái con mắt, khỏi phải nghển cổ lên, cũng không phải cúi đầu xuống. Nhưng mức nào là "ngang," giữa cuộc biển dâu này, thật khó phân định lắm. Ví dụ cái bà bán cá kia có con gái đậu kỹ sư nhất định không chịu làm xui với ông cựu giám đốc thủy lâm nọ có con trai làm thợ sửa khóa. Tuổi trẻ chúng tôi lấy làm lạ nhưng vẫn thích nghe những chuyện như thế của người lớn. Nhiều đứa cần biết để làm... nghịch lại. Y khoa được coi là có giá nhất dưới mắt các bậc cha mẹ, là cái triều thiên trong các đám cưới, đám tiệc. Nhưng đối với tôi, y khoa của Thiện chỉ là sự tình cờ, một tình cờ lúc đầu hơi bất lợi cho Thiện, sau nhờ vụ Gia Lai mới trở thành có lợi. Tôi bắt đầu cảm thấy một y sĩ mà có lòng thì thật là vạn hạnh cho đời.

Trở lại cư xá, tôi sang Thiện liền, mang theo con búp bê và mấy món quà lặt vặt tôi được trong dịp lễ, để Thiện gởi về cho mấy đứa trẻ Việt Nam của anh. Nhưng Thiện chưa lên. Tôi tò mò lục trong hộc thư của Thiện xem có cái thiệp tôi bỏ bưu điện trước khi đi nghỉ không. Có. Tức là Thiện đã về gia đình rồi thiệp mới tới, và tới không kịp lễ Giáng sinh. Tôi đọc lại thiệp, và tần ngần sửa lại một chữ.

Sáng thứ hai, khi đón xe điện đi học tôi cũng không thấy Thiện. Chiều về Thiện kêu điện thoại cho biết anh lên trễ, nên đi thẳng vào lớp. Học xong, các bạn rủ ở lại bàn việc ra báo sinh viên Việt Nam và tổ chức Tết.

Sáng thứ tư chúng tôi cùng trống hai giờ đầu, Thiện rủ tôi đi chơi với anh.

"Đi đâu?"

"Sang Nha khoa."

Tôi nghĩ tới Loan, người đẹp bẻ răng, có vẻ thích Thiện lắm, bèn duỗi ra:

"Sang thăm Loan hả? Ông đi một mình đi."

"Không phải thăm Loan, mặc dầu có liên hệ tới Loan."

"Gì mà bí mật vậy?"

'Chả là thế này: Bên đó họ cần làm một thí nghiệm xem những người không súc miệng buổi sáng thì mồm miệng, răng cỏ ra sao. Mỗi tuần 'kiêng' đánh răng buổi sáng một lần, ba lần kiêng được 300 kroner. Họ không kiếm được người tình nguyện, nên Loan giới thiệu tôi."

Tôi cảm thấy bực bội:

"Ông đem thân làm vật hy sinh cho người ta thí nghiệm để lấy 300. Thảm quá!"

"Không phải tôi làm vật thí nghiệm cho người khác, mà tôi thí nghiệm cho chính tôi. Tôi chỉ cần không đánh răng buổi sáng ba lần, mà kiếm được số tiền tương đương với thu nhập một năm của một người Thượng khỏe mạnh. Làm việc này để cảm thấy sự khác biệt chua chát thế nào."

Tôi dịu lại:

"Vậy chắc ông sẽ dùng số tiền này để gởi về Việt Nam?"

Thiện tươi tỉnh:

"Đúng vậy. Tôi sẽ bù thêm một ít và gởi cho cô gái dệt vải." "Tại sao lại gởi riêng cho cổ?"

"Vì tôi mới nhận được thư cô y tá cho biết sở dĩ cô Thượng hoãn đám cưới vì chưa dệt xong áo cưới. Tấm vải cổ dệt để may áo cưới, tôi đã vô tình mua mất rồi, để treo chơi trên tường."

Tôi có cảm tưởng mấy người bên đó đã thành bà con của Thiện. Anh nhờ người nọ chuyển quà cho người kia, rồi người kia báo tin tức về người nọ. Trước cửa trường Nha, tôi hỏi Thiện:

"Ông vào đó rồi răng cỏ có bị đục đẽo gì không?"

"Không. Tôi chỉ thở vào cái bình cho người ta coi hôi hám ra sao."

Tôi thấy chung quanh không ai, nói:

"Ông thở tôi nghe có hôi không!"

"Thiện thổi phù ra, một luồng hơi nước phà vào mặt tôi, không có mùi gì cả. Tôi nói:

"Không hôi lắm."

Ngày Tết Nguyên đán cho sinh viên Đại học và các trường Cao đẳng Oslo được tổ chức tại hội trường phân khoa Sinh Hóa. Người tới đông ngoài dự liệu của ban tổ chức. Sau bài diễn văn khá hay nhờ... ngắn ngủn, tới các tiết mục văn nghệ, ẩm thực. Tới mục bán vé số, Thiện ghé tai tôi:

"Mình tính sai rồi. Để mục vé số trước, tụi nó mua hết tiền, tới mục lạc quyên thì chỉ còn toàn tiền 10 ửre*"

Tôi cũng lo, nhưng an ủi:

"Không sao. Ăn thua Thiện khéo kêu gọi."

Tiếng MC Nhơn đã vang vang:

"Vé số có giới hạn. Xin các bạn nhanh tay, kẻo hết các... số trúng. Tiếp theo chương trình, và trong khi chờ đợi các chị đi bán những vé số cuối cùng, tôi xin giới thiệu... Thiện Cùi có đôi lời tâm sự. Xin cho Thiện Cùi một tràng pháo tay!"

Tiếng vỗ tay lẹt đẹt. Thiện lên sân khấu một cách rất điệu (như hôm anh mặc đồ chẽn đi trượt tuyết), rút từ túi áo ra một tờ giấy viết sẵn đọc:

"Thưa các bạn,

Tôi có nghe cha mẹ tôi kể về nguồn gốc người Việt chúng ta. Đó là một bọc 100 trứng, nở ra 100 con, 50 con lên rừng, 50 con xuống biển. Trong số con cái của những người ra biển, có nhóm đi thật xa ra khơi, được gọi là thuyền nhân. Nhiều thuyền nhân sống sót sang bên kia bờ Thái Bình dương, sang Đại Tây dương. Riêng các bạn và tôi lên tận Bắc Hải, được vui vẻ ngồi đây, ca hát, học hành, ăn những hạt gạo thơm nhất từ Thái Lan, những con tôm mập mạp nhất từ Việt Nam, những trái soài ngon ngọt nhất từ Pakistan.

Tôi là con của nhóm thuyền nhân, vừa về Việt Nam để nhìn lại đời sống của con cháu nhóm 50 người lên rừng... và thấy họ..."

Thiện ấp úng, gấp tờ giấy viết sẵn nhét lại vào túi áo, nói một cách tuyệt vọng:

"Tôi... tôi dở quá, không biết nói, không diễn tả được. ở nước ta có khoảng 200.000 người cùi, mỗi người là một bể khổ. Làm sao Thiện nói hết được? Các bạn thấy người cùi bao giờ chưa?"

Các bạn có mặt, phần lớn sinh trưởng tại Na-uy, lắc đầu. Thiện tự trả lời:

"Tôi đã thấy. Tôi chỉ gặp và nói chuyện với 49 người. Nhưng tôi không chắc 49 cái xác đó ráp lại thành được mấy con người lành lặn, vì có người cụt chân, có người cụt tay, có người mất môi, có người mất hẳn sống mũi, có người mù mắt, có người ruỗng một lá phổi..."

Thiện ngưng. Hội trường im lặng, chờ đợi. Anh hắng giặng nói tiếp:

"Tôi... tôi có thấy xác chết trong nhà cơ thể bệnh viện, có sờ mó vào cơ thể người ta. Nhưng tôi không sợ lắm, vì tôi biết đó là những xác chết. Điều làm tôi run sợ khi nhìn những người cùi còn sống, là tôi thấy những linh hồn nguyên vẹn trong những thể xác nhày

nhụa. Và rõ ràng là họ muốn sống, ham sống lắm. Bên cạnh nỗi sợ hãi, là sự đau đớn vì tôi biết trong các thể xác tàn tạ đó có mang nhiều 'ghen' chung với tôi..."

Không khí nặng nề trong hội trường. Bỗng Năng nổ đứng lên:

"Ghê quá, mày có 'ghen' cùi chắc!"

Đôi lông mày Thiện nhíu lại, nhưng khóe miệng cười hiền:

"Không hề có 'ghen' nào mang bệnh cùi. Nhưng anh Năng có lý ở điểm: trong tôi có máu Việt Nam, mà nhiều người Việt Nam khác đã bị cùi, thì cũng có thể thể tới phiên tôi."

Năng Nổ khệnh khạng:

"Mày cùi thì tất cả đây nghỉ chơi."

Cái nhíu mày của Thiện bỗng làm tôi nhớ lần đầu quen nhau, cũng trong hội trường này, Thiện nói đùa sẽ nghiên cứu về tiếng khóc đầu tiên của các giống người. Thiện lắc đầu:

"Tôi... Thiện không tin..."

Thiện xòe hai bàn tay trước ngực, như van xin, nói tiếp:

"Thiện không tin các bạn sẽ bỏ Thiện. Mà cho dầu các bạn lánh xa Thiện vì sợ lây, các bạn cũng để lại một chiếc gậy cho Thiện chống, một nắm cơm cho Thiện ăn, một bình nước, để Thiện tiếp tục lên đường... tránh."

Anh Đức hội trưởng lên đứng bên cạnh Thiện, cầm micro:

"Các bạn ơi, tôi nghĩ Thiện nói như vậy đã đủ rồi. Chúng ta nên đáp lại lời kêu gọi của Thiện, chúng ta hãy cho những đồng bào bất hạnh kia một chiếc gậy chống, một nắm cơm, một bình nước. Tôi đề nghị chúng ta mở cuộc lạc quyên chớp nhoáng. Xin các bạn bắt đầu mở bóp.... Tiền quyên được sẽ giao cho Hội Hansen tại Na-uy đưa về buôn Thượng tại Gia Lai."

Tôi thấy anh Đức không hổ danh đàn anh của chúng tôi. Thiện được tiếp sức, hoan hỷ bắt tay anh Đức:

"Cám ơn anh Đức nói thay em."

Cả hội trường lặng đi một lúc rất lâu, cho tới khi Vinh khua trống đánh rầm, ban nhạc chơi một bài gì đó. Và nhóm Thắng, Oanh, Nini, Duyên, Thục Khanh bắt đầu đi quyên tiền giúp người cùi Việt Nam. Tôi ghé tai MC Nhơn:

"Sau khi lạc quyên xong, anh cho tôi trình diễn một màn cám ơn các nhà hảo tâm được không?"

Tôi đã bí mật mang theo cây sáo bạc, không cho Thiện biết trước. Nhơn nói:

"Còn gì bằng nữa. Sao hồi giờ Phương Thi giấu tài hoài?"

Quyên tiền xong, anh Đức lên tuyên bố:

"Kết quả cuộc lạc quyên bất ngờ hôm nay cho làng phong Gia Lai là 3371 kroner. Xin cho một tràng pháo tay."

Tràng pháo tay chưa chấm dứt, anh Đức khoát tay:

"Chưa hết! Chúng tôi còn nhận được tấm sếch 500 kr của bạn Năng."

Tiếng ồ ngạc nhiên pha tiếng vỗ tay thật lâu trong hội trường. Liên, biệt hiệu Thím Liên, đứng lên thi thố sở trường:

CỔ NGƯ

XUÂN - EM

Lộc chưa xanh,
Hoa chưa nở,
Chim còn xếp cánh,
Tuyết buổi trưa còn giăng trắng đỉnh trời,
Em đã lên ngôi cùng mùa Xuân rạng rỡ
Áo lụa ngà tà ông mượt tơ vương,
Từng con đường chờ dấu hài bước khẽ
Dáng đông phương da tuyết nõn tây phương,
Dòng sông dài chờ tóc mềm lay nhẹ
Tỏa hương xuân bát ngát những phố phường.
Xin lời uyên ương
Về đậu trên môi ngày Xuân mới,
Xin trời sẽ xanh,
Cỏ sẽ thơm, nắng ông
Và em thôi buồn vời vợi,
Mở tim yêu
Ôm trọn cuộc đời vui.

Xuân Bính Tý - Paris 19-2-96

"Ê! sếch có tiền bảo chứng không đó, Năng Nổ?"

Năng Nổ ngồi im uống bia, không... phản pháo, trong khi anh Đức rút ra một tờ giấy viết tay đọc, có vẻ như dịch từ tiếng Na-uy:

"Tôi ký tên dưới đây xin góp 500 kr cho đồng bào cùi tại Gia Lai. Ký tên Vương Duy Năng."

Thím Liên cong cớn:

"Tờ giấy lộn đó còn tệ hơn tấm sếch không tiền bảo chứng nữa."

Thục Khanh nhảy lên cướp micro, nói:

"Xin các bạn nghe tôi nói: Khi tôi đi thâu tiền, tới anh Năng, ảnh chỉ có 20 kroner muốn giữ lại để lỡ đạp bánh tráng có tiền đền, mà lại muốn ủng hộ nhiều, nên ảnh hứa khi lãnh học bổng sẽ cho 500. Anh tự viết giấy cam đoan, không thôi ra khỏi hội trường quên mất. Chứ tôi không đòi, vì tôi đây biết anh Năng hứa là làm."

Tiếng vỗ tay xen tiếng cười vui vẻ. Thục Khanh xuống, lại có Long "ngáo" giằng micro:

"Thế thằng Năng Nổ đã 'hứa hẹn' gì với Thục Khanh?"

Cả đám lại cười hô hố. Thục Khanh tỉnh bơ lại ngồi gần Năng Nổ. Cặp môi tuyệt đẹp của nó trề ra, khiến nhiều anh con trai điên cái đầu, đâm ghen với Năng Nổ. Thiện lên sân khấu cám ơn:

"Cám ơn! Cám ơn! Tôi yêu tất cả các bạn."

Có tiếng hô:

"Thiện Cùi mà làm như Michel Jackson không bằng - 'I love you all!'"

Phút hồi hộp đã tới, MC Nhơn giới thiệu:

"Để thay cho lời cám ơn của những người bệnh phong gởi tới các bạn hảo tâm, Phương Thi sẽ độc tấu sáo bài 'Mẹ trăm con,' dân ca Jarai, do Phạm Duy soạn lại."

Tiếng huýt sáo inh ỏi làm tôi vừa mắc cỡ vừa vui sướng. Trong tiếng hô hoán, tôi nghe loáng thoáng tên nào tinh nghịch xen vào "đặc biệt tặng Thiện cùi." Tôi tự trấn tĩnh bằng cách tưởng tượng đang đứng trên một ngọn đồi ở cao nguyên Đác Lác, giữa hằng ngàn đồng bào Thượng nhìn tôi hiền từ và chờ đợi. Thiện đứng bên cạnh, đặt tay trên vai tôi. Và tôi bắt đầu điệu nhạc, mà tôi nhớ lời là "Anh em ta cùng mẹ cha, nhớ chuyện cũ trong tích xưa..." Những bước chân người giẫt díu nhau đi lên núi, xuống đồng. Và gió lùa trên ngàn. Khi khúc nhạc ngắn ngủi chấm dứt, tiếng vỗ tay và tiếng khích lệ vang lên:

"Hay quá!"

"Bis! Bis!"

Tôi cúi đầu, nói chậm rãi:

"Cám ơn các bạn. Nhưng rất tiếc, nhạc Việt, tôi chỉ thuộc một bài sáo đó. Tôi cũng rất tiếc và ân hận đã đánh mất một cây sáo tre, do chính người cùi làm. (Tôi quay sang Thiện), nếu còn cây sáo đó, tôi đã thổi hay hơn."

Ai ngờ, Thiện tiến lên, rút từ túi trong áo vét ra một cây sáo. Đúng là cây sáo tre ngắn đó. Tôi cầm cây sáo trong tay, nói:

"A! May quá, Thiện đã tìm lại được cây sáo tre. Các bạn cho phép tôi thổi lại nhé?"

"Tới luôn đi! Bà nội làm điệu hoài!"

Tôi kê ống tre còn ấm hơi người lên môi và bắt đầu lại bài Mẹ Trăm Con.

Nhạc dứt, Năng Nổ nói huỵch toẹt:

"Tôi nghe cũng rứa thôi. Có hay hơn gì đâu? Rè hơn thì có."

Tôi nói:

"Vâng, tiếng sáo rè vì bữa trước tôi đánh rớt nó từ trên lầu tư xuống."

Tôi về chỗ ngồi bên cạnh Thiện, nói nhỏ:

"Tôi chưa xin lỗi... ông về vụ tôi vứt cây sáo đi."

Thiện nói, giọng ngọt hơn bình thường:

"Tôi thấy bà lén đi tìm cây sáo ngoài bụi cây."

Tôi vui sướng, chữa thẹn:

"Ê! Cái ông này theo dõi tôi bất hợp pháp!"

Rồi mân mê cây sáo, tôi tiếp:

"Năng Nổ nhận xét đúng. Hồi nãy tôi thổi hơi ngang ngang, lơ lớ làm sao ấy,... ông ạ."

Thiện ghé tai tôi:

"Lơ lớ như thế mà lại ngọt. Như giọng bà khi nói tiếng Việt."

Trống ngực tôi đập mạnh, không biết do sự xúc động vì vừa thổi sáo, hay do hơi ấm của Thiện phả vào tóc mai. Thiện nói tiếp:

"Vừa rồi vì xúc động quá, tôi nói những điều dao to búa lớn như... người lớn. Bà thấy có kỳ không?"

Tôi nhìn sâu vào mắt Thiện đang mở to, hỏi:

"Những điều ông nói đó, ở đâu ra?"

Thiện đặt tay trên ngực:

"Từ trong này."

"Điều gì từ trong lòng nói ra, chẳng bao giờ kỳ."

Miệng tôi nói vậy, nhưng trong lòng tôi bây giờ tôi có biết bao nhiêu điều, mà nói ra kỳ lắm.●

Ngày Xuân mừng tuổi thọ

VÀI NÉT VỀ NGƯỜI VIỆT CAO NIÊN

Bác sĩ TRẦN MINH TÙNG

Trước đây chừng độ vài ba chục năm, nếu hỏi dân số Việt Nam bao nhiêu thì trả lời rất dễ. Người trẻ rất đông nhưng sống không lâu, trung niên chết sớm, người già cũng chẳng được lâu. Thành ra khi cắt từng hạng tuổi một, sắp xếp để thành tháp tuổi thì thấy tháp nhọn, rộng ở chân bệ, bụng dưới thon thon, còn chóp thì nhỏ: nhiều trẻ, ít già, rõ ràng dân số thật non, ít người cao niên và nhiều trẻ nít. Tình hình giống in ở các xứ kém mở mang nghèo đói: sanh cao, nhưng dưỡng không được, dân thường chết yểu, trung niên hiếm ít và hiếm hơn nữa là những người già. Những năm gần đây, tình hình đã đổi: trong nước tạm yên, bớt nạn chinh chiến, kinh tế tương đối sáng sủa, người ta bớt đói, đời sống có phần dễ thở, xã hội có mòi đi lên, chết chóc giảm, kỹ thuật khoa học tiến đến tầm tay người dân, tuy rằng số người hưởng thụ hãy còn rất nhỏ, nơi cán bộ, dân chúng thị thành... Hãy còn đại họa chết yểu nhưng bớt đi nhiều nhờ các phương pháp ngừa bịnh trẻ con ngày càng phổ thông nhờ giá rẻ và dễ dàng.

Tháp tuổi do đó đổi khác, chân tháp vẫn rộng vì nhiều con nít, bụng lớn vì người trung niên có đông hơn trước và nhứt là chóp tháp to hơn, nhờ những người lớn tuổi đã trở nên nhiều hơn.

Xã hội Việt Nam hải ngoại, ở Mỹ, ở Pháp hay Úc... vấn đề cũng vậy. Khoảng năm 1975 1980, cao niên chỉ cỡ 4 % dân số tị nạn, một tỷ lệ khá cao, gần bằng tỷ lệ trong xứ (5 %), và là một chuyện rất đáng kính phục nếu nhớ ra đi lúc ấy là chịu đủ thứ gian nguy, cơ cực, người già đi thoát là chuyện hi hữu và phải nhờ tình gia đình keo sơn. Sau năm 80, cùng với cao trào thuyền nhân, vượt biên đường biển hoặc đi đường bộ, thì vẫn có người lớn tuổi theo con, nhưng số bớt đi, cao niên có chỉ còn khoảng chừng 1,5 đến 2 % dân số. Như thế vẫn còn khá cao nếu nghĩ đến sự gian khổ mà người tị nạn phải trải qua. Những năm gần đây, với chương trình HO, đoàn tụ gia đình... nhiều người lớn tuổi ly hương dễ dàng, số người cao niên nhiều hơn và có phần gia tăng so với số người tị nạn gần như đứng lại (qua ngã HO thì người tuổi cao cũng được khá nhiều). Tuổi thọ người sống ở ngoại quốc cũng tăng lên thêm, khiến cho con số cao niên ở trong cộng đồng di cư thành ra quan trọng, ước lượng từ 2 đến 3 % tổng số, tức 40 đến 60 ngàn người trong số tổng cộng hai triệu người tị nạn. Người Việt cao niên đông hơn, và sống lâu hơn, vừa là cái phước vừa là cái khó phải mang. Nhiều bài toán mới xuất hiện, phức tạp và dai dẳng hơn trước, không thể buông xuôi hay bỏ qua được. Định nghĩa được chữ Cao Niên, sao gọi là lớn tuổi, thì sẽ hiểu ngay được chỗ nào là chỗ phải lo âu.

Giới hạn

Ở đây chúng tôi nói những chuyện về người lớn tuổi một cách tổng quát hơn là riêng rẻ từng trường hợp. Khi tả những thái độ, cảm nghĩ, hành động là lấy số trung bình các đặc điểm có nơi 80, 90 phần trăm người cao niên. Ví dụ nói về sự lo âu, thì không phải ai nấy thảy đều lo âu, nhưng là một nét tâm trạng chung thường có; nói về sự sống eo hẹp thì không có nghĩa tất cả đều là cùng khổ...

Những nhận định của chúng tôi do đó xin được hiểu một cách tương đối.

Cũng sẽ có người trách: tại sao chỉ nói về khía cạnh xấu mà quên cái tốt? Thật sự chúng tôi không quên sự tốt, thảng hoặc vẫn sẽ nhắc đến khi nào có dịp. Nhưng những gì khác thường vẫn là cái cần để ý và dễ ghi nhận hơn là cái êm ả bình thường. Thành ra mới có những vấn đề, những bài toán được nêu lên, làm cho có vẻ cái xấu có nhiều hơn, trong khi thực tế thì cái hay vẫn lẫn ở trong cái dở.

Người cao niên

Vậy ai sẽ được gọi là người cao niên? Câu đáp tùy chỗ, tùy người. Bên nhà tính quá 50 đã là thọ, được ngồi chiếu hoa. Nhưng đối với đa số thì không nhứt định, vì không có luật hưu trí nếu không là công chức. Thành ra người già làm việc dài dài, trên 60, 70 tuổi hãy vẫn còn cày, chừng nào quá yếu hẳn hay. Bên nây thì khác, có luật, quyền lợi rõ ràng nên ít sai chạy. 65 tuổi được hưởng tiền già (SSA), làm việc quá 20 năm được quyền hưu trí, con số có đó, ít ai chối cãi. Tuy nhiên vẫn còn xê dịch chút ít: có người làm việc lâu hơn, quá 65 tuổi, có người muốn hưu trí non, 60 hay 62 cũng kêu là cụ được rồi.

Nói chung thì tiêu chuẩn chánh, nhứt là đàn ông, là coi có còn làm việc hay không. Nếu yếu không thể làm thêm thì coi là già. Nếu chưa hưu trí thì chưa đúng hẳn cao niên. Trung bình và theo luật pháp hầu hết các tiểu bang thì phải 65 tuổi hay hơn mới tính.

Trên thực tế, và nếu không bị luật pháp ràng buộc thì tùy riêng ý mỗi người định nghĩa cao niên. Tùy cơ hội, hoàn cảnh, mỗi người sẽ lựa lúc mình hưu trí, nghỉ việc, sống đời nhàn hạ của người cao niên. Tuy nhiên, cũng không đi khỏi một số nguyên tắc và giới hạn trong tình cảnh của người lớn tuổi mà đa số khó lòng tránh khỏi.

Sức khỏe yếu kém

Tuổi cao niên có khi còn gọi là tuổi kim tiền, tuổi vàng, tuổi bạc, là một cái gì quí báu và đáng trọng. Thời xưa thì lên lão làng là điều đáng mừng, đáng trọng thật sự. Nội cái sống lâu hơn người cũng đã là quí, thêm vào lại được nhàn nhã. Với nền văn minh Á châu, lớn tuổi có nghĩa là nhiều kinh nghiệm, lịch lãm, khôn ngoan hơn người, nên người già lại càng được trọng vọng. Cho nên mới có lễ thọ, yến lão, để kính những người tuổi cao.

Tuy nhiên, xã hội ngày nay đã khác. Sống lâu không còn là đặc biệt, ai cũng có thể có cơ hội sống lâu được, không cần hồng phúc gì riêng. Quí giá không chỉ là có kinh nghiệm, từng trải, mà còn ở chỗ làm ra được cái gì, nếu còn có sức làm ra. Thành ra cao niên không còn cao giá như xưa, mà phần nhiều chỉ gây thêm khó khăn.

Đầu tiên là việc *yếu kém sức khỏe*. Lớn tuổi, đầu bạc, răng long, da nhăn, mắt mờ... là thường. Diện mạo không còn anh tú như hồi còn trẻ, bắt đầu ngay từ cọng tóc bạc đầu tiên. Nhưng còn dễ thấy hơn nữa là khi sức khỏe nói chung xuống dốc, kém đi rõ ràng, khi chúng ta bớt nhanh nhẹn, không còn mạnh sức như xưa. Nay thì không làm được lâu: một chút thì mệt, phải nghỉ, phải nằm, hết còn dẻo dai như thời trai tráng. Ôm bưng không bằng, không đi được xa, ngủ gà ngủ gật, quên, lãng, dù chuyện nho nhỏ cũng phải nhờ con cháu mới xong... Ai cũng thấy là mình dở hơn, kém hơn, thua sút thiên hạ: mình đang già đi và mất khả năng sức khỏe. Có người may mắn chỉ thấy sút kém chậm chậm, đa số thì có bịnh chứng rõ ràng. Tuổi già là lúc cần đi bác sĩ thường nhứt, ở xứ nào cũng vậy. Bịnh thì là máu cao, phong thấp. Bịnh nặng thì bại, rồi bịnh còm lưng, gảy xương, ung thư hay đứt mạch máu. Đủ thứ bịnh, bịnh hay trở lại và nhiều hơn trước, hầu như không lúc nào khỏe hoàn toàn. Thuốc men phải uống hoài hoài, đủ thứ, nhiều lần, cho nên dễ lộn, dễ quên.

Nói chung, thể xác phản bội, bỏ ta, không giúp gì được mà còn gây phiền hà, mà không quên nó được. Trong khi ấy, ngay những khi mình thấy bớt bịnh, thật sự vẫn không lành hẳn, vẫn thấy sợ thêm, lo thêm, cho đầu miệng vẫn hay nói sẵn lòng chờ chết.

Khả năng sa sút

Không chỉ thể xác sa sút mà thôi, các khả năng khác cũng kém thua trước. Con người có vẻ điềm đạm hơn xưa, nhưng mà trong dạ có khi cứng rắn và không chịu thua, nên dễ tủi hờn, dễ giận con cháu, và giận rất dai. Có khi lẩm cẩm, quên những chuyện vặt hay là hỏi đi hỏi lại một chuyện. Tâm trí chú ý không lâu, khó theo đuổi được chuyện dài, làm lâu. Có khi là ngược lại, cả ngày khư khư một chuyện không đâu. Thần trí không lanh bằng như lúc trước, mau mệt, mau chán. Và nhứt là không còn thấy hăng hái, háo thắng, chỉ vui cầm chừng, làm như không thiết, thua ăn không

màng, không còn cái chí quyết của thời son trẻ.

Người cao niên còn không thiết ăn; nếu không có người nhắc hay là cùng ăn với mình, thì nhịn cũng được. Giải trí cũng vậy: họ muốn đánh bài để cho khuây khỏa, hay coi phim cho hết thì giờ, nhưng nếu không có thì thôi, không tới mức ghiền, phải đòi cho được. Sắc dục trước kia là một nhu cầu, nhưng bây giờ thành ra nhỏ bé, chỉ là sự triều mến hơn là dục vọng xác thịt. Người cao niên sống trong thế giới thu hẹp, ít tham sân si, vì tại cái nhìn của họ nhỏ lại và họ tự thấy khả năng không bằng lúc trước.

Nghỉ không làm việc

Người ta ai cũng làm việc, thức khuya dậy sớm và cũng mộng ước từ lâu có ngày ăn không, ở rỗi, không bị bắt buộc sản xuất, hay phải đi làm, đi học, mong nhàn hạ cả ngày mà không phải lo miếng cơm manh áo. Thế nên ai cũng mơ ngày hưu trí, để được ở không, rảnh tay và khỏi ưu tư.

Thực tế không hoàn toàn giống giấc mơ. Hưu trí là nghỉ việc, không còn thức sớm, đi làm hối hả, ngay thứ bảy chúa nhựt ở nhà cũng mong làm việc nầy việc kia và lo sợ không đủ giờ. Bây giờ ung dung, đánh bài, đọc sách, làm thơ, cuốc đất... muốn gì thì làm, không ai ngăn cản. Nhưng ở không lại có cái buồn của nó, thấy mình dư thừa vô dụng. Thì giờ lê thê và ngày quá dài khi không có gì để làm, không gì khác hơn là mong với đợi, tuy rằng chẳng biết chờ ai và đợi cái gì. Thế nên người ta tình nguyện: giữ cháu, coi trẻ, trồng rau, làm ở thư viện, thăm giúp ở tại nhà thương, viết hồi ký... Có làm được tiền cũng tốt, nhưng nếu không có cũng được, miễn là làm sao bận rộn và qua thì giờ và lấy lại sự tự trọng.

Điểm chánh là sự tự trọng: không phải người già muốn làm việc chỉ vì thói quen hay là muốn tự đặt kỷ luật cho chính mình. Điều quan trọng là họ không muốn thấy mình như bị quên lãng, muốn mình vẫn hữu ích, không muốn thấy mình chỉ là kẻ bàng quang trong khi mọi người lăng xăng. Họ muốn người khác kính nể vì sự đóng góp của họ, thấy họ vẫn còn sản xuất và tạo được chỗ đứng riêng, chứ không phải chỉ ăn hại.

Từ đó nảy ra nghịch lý: vừa thích nghỉ ngơi, vừa muốn có việc, vừa muốn bớt lo, vừa kiếm trách nhiệm. Nhưng nói chung thì người già vẫn bị khiếm dụng, thấy mình dư thừa và ở bên lề xã hội sản xuất.

Kinh tế hạn hẹp

Một tiêu chuẩn khác để định nghĩa tuổi già, xem như là hậu quả của sự khiếm dụng vừa nói ở trên, đó là: coi là già khi nào *mất bớt độc lập về tài chánh*, phải nhờ vào con hay nương người khác. Điều này chỉ đúng cho một số người, bởi có một số người Việt Nam đã sống với con từ đầu và vẫn đóng góp bằng tiền trợ cấp xã hội (SSI, Welfare), từ lâu đã không độc lập, thì nay lớn tuổi, tình trạng cũng không thay đổi bao nhiêu. Tiêu chuẩn hạn hẹp về kinh tế không đúng lắm đối với số người Việt Nam này.

Tuy nhiên, người cao niên vẫn phải đặt ra vấn đề tài chánh và coi đó là yếu tố làm phiền không ít. Dĩ nhiên là không chết đói, nhưng mãi lực so với lúc còn đi làm việc sút kém hẳn đi. Khi đi làm dầu ít dầu nhiều vẫn có đồng ra đồng vô cho nên ăn xài có phần tự do. Khi đã lớn tuổi, tiền vô tự nhiên khô cạn hay là giới hạn, phải tính từ đồng, nên không còn dám ăn xài, nói chung thì sống bẩn chật hơn trước vì biết ngày sau không có tiền vô để thế số tiền đã tiêu.

Bù lại thì nhu cầu người già rất ít, họ không mấy khi đua đòi hay là phung phí, bon chen như hồi còn trẻ, nên trên thực tế, dầu họ tiền ít nhưng một số nào vẫn xài không hết. Phần còn dư lại, họ đem dâng cho nhà thờ, cúng dường nhà chùa, cho con cháu, giúp giúp bên nhà, hoặc giúp những người cùng khốn, dầu nghèo, họ vẫn giúp người nghèo hơn. Thế nhưng tiền bạc vẫn làm cho họ ray rứt: họ muốn giàu hơn, họ mong trúng số, để khỏi lệ thuộc, nhờ vã con cháu, và cũng để thỏa những ước vọng nhỏ của họ như giúp cho bà con, phụ với con cháu, mua sắm chút đỉnh...

Lệ thuộc con cháu

Một điều khác nữa khá trớ trêu, vừa làm hãnh diện vừa gây tủi nhục những người lớn tuổi, là việc nhờ vả con cháu. Già yếu, được sống với con là tốt, và chính đứa con nhiều khi muốn được phụng dưỡng, báo đền cha mẹ vào lúc xế chiều. Thế nên ở chung với con, nương tựa vào con trong những năm cuối cùng, là điều hạnh phúc và là phước lành. Nhưng mà hoàn cảnh xa xứ hơi khác, và càng rõ ràng một chuyện làm họ bực bội hạng nhứt: người già thấy mình lệ thuộc vào các người trẻ trăm

đẳng. Ngoại ngữ thiếu hụt, đường sá lung tung, cần người bên cạnh hoặc để thông dịch, hoặc để đưa đón. Nhà cửa trước kia của mình, bây giờ mình chỉ ở đậu. Đi đứng, ở ăn, liên lạc với người, nhất nhất đều phải nhờ con, đợi cháu nó rảnh rồi mới dám nhờ. Nếu nó bận rộn, đi làm, bận việc thì thôi, sẽ chờ khi khác. Chuyện nhỏ như đi chơi, gặp bạn, đánh bài đã đành, nhưng ngay chuyện lớn như khám bịnh, mua đồ... rồi cũng phải đợi hay nhịn, tùy con, theo cháu. Nhiều khi cha mẹ hy sinh vì thương con cháu, nhưng cũng nhiều khi tủi nhục, giận đời, giận mình, sao phải lệ thuộc, phải nhờ người khác. Và lúc ấy, ước mong phải chi độc lập, phải chi một mình nhảy lên xe Lam, xích-lô... khỏi phiền "người ta"! Đã biết con cháu thương mình nhưng tránh sao khỏi những lúc bị chạm tự ái: không nói lên thì ấm ức, còn nói thì là nhỏ mọn và chuyện không đâu. Nhứt là khi phải nhờ con dâu, con rể, còn dễ bực dọc hơn nữa và ít có ai chịu phải hay quấy vì chuyện thể diện; thế nên đố kỵ chồng chất và thành khó lòng gỡ rối.

Cô đơn

Người già Việt Nam thường hay sống chung với đại gia đình, nên đặt vấn đề cô đơn nghe cũng hơi lạ. Nhưng trên thực tế dẫu cho có người nầy người kia, mối lo của người lớn tuổi luôn thường là phải sống lẻ loi. Khi tuổi cao lên, chỉ một số nhỏ may mắn còn được người bạn đồng hành, là người phối ngẫu hay là bạn đường trung thành, còn sống để chia xẻ ngọt bùi vào những ngày cuối. Đa số thì sống vô vị những ngày cô đơn, lạnh lẽo, không có người nào có thể hiểu được để lo cái lo hay buồn cái buồn của mình. Bạn bè mỗi ngày mỗi bớt, cứ thấy kẻ đồng lứa mất đi, không biết phải sợ sắp tới phiên mình, hay lại phải mừng, vì được sống sót. Người cùng lứa tuổi lại càng ít bớt đi, vì nếu ở xa nhau thì khó gặp hay không gặp được, vì phải lệ thuộc con cháu và đường sá trắc trở. Còn với cháu con, thì tuy một nhà, nhưng mà khác tuổi, mỗi người mỗi ngã, tuy thương nhưng vẫn khó lòng luôn luôn thông cảm. Cháu chắt sanh ở bên Mỹ nhiều đứa không nói được rành tiếng Việt, khó nói chuyện với lại ông bà được lâu, nhứt là sau tuổi đi học chúng bắt đầu vào con đường Mỹ hóa. Cha mẹ chúng nó đi làm cả ngày, chỉ gặp chỉ được gặp vào giờ cơm, nhưng họ cũng đầy những nỗi lo mới lạ mà người lớn tuổi rất ít khi chia sẻ được. Cuối cùng, còn lại hội người già chỉ người lớn tuổi với nhau, nhưng khó chọn bạn và không có gì ý nghĩa để nói. Cuối cùng rồi sẽ thui thủi một mình, và chịu tất cả một mình.

Trầm cảm

Tất cả các yếu tố vừa kể thường hay kết hợp, chồng chất, tương đồng, làm người già càng mất tinh thần nếu không có cách đáp ứng thích hợp cho vơi cơn buồn và nỗi nuối tiếc. Hậu quả đôi khi là bịnh trầm cảm (depression), bịnh chứng tâm lý là buồn bã, thất chí, tuyệt vọng, nhiều khi xem ra nặng hơn là hoàn cảnh thực. Tình trạng tâm lý ấy ảnh hưởng lên cơ thể, gây nhức đầu, mất ngủ, kém ăn, có khi bị sụt cân, đau nhức tứ chi, choáng váng, hồi hộp. Nguy hiểm là bịnh nhân nghĩ quẩn, có khi đi đến tự tử. Bịnh chứng trầm cảm xảy ra ở mọi lứa tuổi, già trẻ bé lớn đều có, nên không phải là bịnh riêng người già. Tuổi già cũng không phải bịnh hơn người khác, nên chẳng thể coi bịnh chứng như là tiêu chuẩn tuổi già. Có điều là vì dễ bị bịnh, nên phải ghi nhận đó như là triệu chứng thông thường của tuổi cao niên.

Câu trả lời

Nói chung thì khi trả lời cho câu hỏi "Ai là người già?" ta phải tế nhị, uyển chuyển, tùy người và tùy theo hoàn cảnh mỗi người. Tất nhiên mỗi một yếu tố có phần quan trọng riêng của nó, có giá trị tương đối cho mỗi cá nhân. Có người thì sức khỏe sẽ là mực thước để đo tuổi già, người khác thì là tiền bạc, người khác nữa thì là con cái... Nói chung, cao niên thì có nhiều chứng, nhưng không phải mỗi người đều mang tất cả các chứng ấy.

Trên đây là các nhận định tổng quát về những mối lo, những hiểm họa đa phần chúng ta sẽ phải đối đầu khi tuổi lên cao, cần phải biết để đề phòng hay là chữa trị, và nhất là mong đóng góp vào việc nghiên cứu những chương trình giúp đỡ cho người cao niên.●

> Bạo lực chỉ có thể che đậy bằng lời nói dối, và nói dối chỉ có thể duy trì bằng bạo lực. Bất cứ người nào đã từng tuyên bố dùng bạo lực làm phương pháp thì nhất thiết phải lấy nói láo làm nguyên tắc.
>
> **A. Solzhenitsyn**

CHÍN CHỮ CỦA NÀNG

nguyên tác tiếng Anh của
DƯƠNG NHƯ-NGUYỆN
THẢO NHƯ *dịch sang tiếng Việt*

Mùa thu 1976, Hội Sinh Viên Việt Nam tại SIU tức Đại Học Nam Illinois có chừng hai chục hội viên. Đa số học ngành kĩ sư hoặc kế toán, và có học bổng từ hồi mới sang Mĩ trước 75. Sau khi Sài Gòn sụp đổ, phải cần cả một năm trời để họ điều chỉnh tình trạng di trú, thay đổi chương trình tài trợ sinh viên, ổn định tinh thần và tiếp tục đời sống. Lúc đầu không ai để í, nhưng dần dần trong Hội ai cũng biết chuyện Chàng Khùng. Như một đạo sĩ kì dị, hắn thiết lập bản doanh tại hành lang tòa nhà Krost Hall, nằm giữa Trung Tâm Sinh Viên và Tòa Nhà Hành Chánh Woody. Hắn ngồi trên một tấm chăn, nhiều khi hắn đứng, khua chân múa tay và lẩm bẩm một mình. Quanh hắn là những truyền đơn và quảng cáo về tự do, dân chủ trong khối Thế Giới Thứ Ba.

Trong nhóm sinh viên Việt Nam, mọi người đồn đại về cuộc đời hắn. Trước kia, hắn từng là một sinh viên tiến sĩ tại phân khoa Khoa Học Chính Trị. Hắn xuất thân từ một gia đình cách mạng. Cha hắn là một anh hùng trong kháng chiến chống Pháp, ông chết trận tại Điện Biên phủ. Người anh cả nuôi hắn. Ông này là Chánh Sở An Ninh phủ Tổng Thống của chánh phủ Sài Gòn. Một hôm, ông đưa người em ra máy bay, và kế đó, người thanh niên này đã có mặt tại SIU, nơi có Trung Tâm Việt Học. Ai cũng biết tham vọng của Chàng Khùng là về nước tranh cử chức vị. Hắn không dè dặt, giấu-diếm giấc mơ này. Mục đích của hắn là trở thành Tổng Thống của Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng đó là khi còn chưa mất nước, còn có một nước để làm Tổng Thống. Mùa thu 1975, anh hắn ở trong trại tù cải tạo, và chàng Tổng Thống-sẽ-thành của một nước cộng hòa ở Đông nam Á thấy mình trở thành Phó Giám Đốc nhà ăn Steak @ Ale trên con đường từ phi trường Mirian, Illinois về Đại Học Nam Illinois.

Mùa thu 1977, hắn từ bỏ luận án tiến sĩ và việc làm ở Steak @ Ale. Tòa nhà Krost Hall, nơi có phân khoa Khoa Học Chính Trị, trở thành trú sở thường xuyên của hắn. Hắn quyên tiền đóng góp để tái thiết một nước Việt Nam mới, và loan báo cho quần chúng sinh viên biết rằng cuộc chiến giữa hai miền Nam Bắc Việt Nam chưa chấm dứt.

Lần đầu tiên tôi gặp hắn ở Krost Hall, hắn

đưa cho tôi một tờ truyền đơn. Tờ truyền đơn đặt câu hỏi: *"Cuộc chiến ở Việt Nam thuộc về Mĩ hay thuộc về giai cấp trung lưu của Nam Việt Nam?"*

Tôi hỏi: *"Ai là giai cấp trung lưu của Nam Việt Nam?"*

Hắn nhìn tôi, rõ ràng là hắn khám phá ra những đặc điểm di truyền trên mặt tôi. Hắn trả lời giản dị, có lẽ quá giản dị: *"Cô và tôi."*

Sinh viên tò mò đứng thành một vòng tròn quanh hắn. Cứ như thế kéo dài mấy tháng đầu. Rồi người ta bỏ mặc hắn. Chẳng bao lâu, đa số sinh viên ném truyền đơn của hắn vào thùng rác ngay trước mặt hắn. Cứ như thế được một năm. Và hắn trở thành một cảnh thông thường trước lối vào Krost Hall.

Cứ mỗi lần đi cạnh Krost Hall là tôi thấy hắn. Chúng tôi nhìn nhau. Một hôm, tôi vứt tờ giấy bạc một đôla vào cái hộp của hắn, hắn chăm chú nhìn tôi. Với chiều cao 5 bộ 11, hắn cao hơn hầu hết những người Việt Nam khác cùng thế hệ. Hắn cũng đen hơn và vạm vỡ hơn. Cặp mắt sáng, làn da nâu ánh, hai bàn tay to, xương xẩu, rắn chắc, với những ngón tay dài, vuông đầu. Tóc hắn cắt rất ngắn. Cằm vuông, đầy đặn, đôi môi mím chặt, cái mũi nhọn khiến tôi nhớ đến chàng tài tử Mĩ đen Sidney Poitier. Một năm trước khi Sài Gòn mất, tôi đã coi một phim tại Hội Việt Mĩ về một ông khách da đen tới dùng cơm. Từ đó, tôi không quên bộ mặt của người tài tử da đen này.

Chàng Khùng là thể hiện Việt Nam của Sidney Poitier. Thấm thiết, mạnh mẽ, và công chính. Hắn có thể trở thành một nhà cách mạng. Một nhà lãnh tụ.

Tôi đã cho hắn số tiền ăn trưa của tôi. Hồi đó, tôi làm việc tại Tòa Nhà Hành Chánh Woody, với lương tối thiểu. Hàng ngày, tôi ăn bánh chả của nhà hàng McDonald. Năm 1976, giá một đôla. Đó là bữa ăn chính duy nhất của tôi trong ngày.

"Tôi biết cô là ai." Hắn nhìn tôi, loé một nụ cười kiểu Sidney Poitier,để lộ hai hàm răng đều đặn, càng trắng hơn trên màu da nâu xẩm. "Cô là nàng thiếu nữ đẹp, thông minh của trường báo chí. Cô cần ăn nhiều nữa. Cô gầy quá. Cô trông chỉ độ mười lăm tuổi thôi!"

Tôi không nói gì, bỏ đi. Trong Toà Nhà Woody, tôi phải dốc túi lấy hết mấy đồng tiền còn lại để mua một bị khoai tây khô từ cái máy để ăn thay cho cái bánh chả McDonald thường ngày. Tôi tự nhủ sẽ không bao giờ cho Chàng Khùng đồng đôla của tôi nữa.

Tuy nhiên, tôi vẫn cứ cho. Lần này, hắn cho tôi một tờ truyền đơn mới, với đầu đề như sau: *"Người tị nạn Việt Nam là bông hoa mới nhất tại vườn hoa Mĩ quốc. Tại sao con cái họ phải trả học phí ngoài tiểu bang cho SIU? Họ có trả thuế như người ở ngoài tiểu bang hay không?"*

Điều này không liên hệ gì đến tôi. Tôi được học bổng vì học lực xuất sắc. Tuy thế, tôi không lấy lại tờ giấy bạc một đôla. Nó vẫn ở trong cái hộp của hắn.

"Tôi biết hết về cô." Hắn trố mắt nhìn tôi. "Cô ăn gì khiến cho cô thông minh?"

Tôi muốn nói cho hắn biết là tôi ăn bánh chả McDonald. Chỉ mỗi ngày một lần. Dù tôi không thích đồ ăn Mĩ, tôi cũng chẳng có lựa chọn nào khác. Bao tử tôi thường xuyên trống rỗng, gây những tiếng động phiền hà. Nhưng ít khi tôi thấy ngon miệng. Tôi học bù đầu. Mục đích của tôi là học xong đại học trong ba năm.

Tờ báo *Nam Illinois* đã chạy một câu chuyện lí thú về một sinh viên trẻ năm thứ nhất đã được điểm cao nhất về bài thi ngữ pháp Anh tại Trường Báo Chí. Môn này là bắt buộc đối với tất cả những sinh viên lấy ngành báo chí làm môn học chính. Không một giáo sư nào của Trường Báo Chí nghĩ rằng một sinh viên tị nạn Việt Nam mới tới Illinois chưa đầy một năm lại đạt điểm cao nhất. Chàng Khùng chắc đã nghe chuyện này.

"Ngữ pháp Anh dễ vì tương đối nó rất lô gích," tôi nói với hắn. "Anh ít khi phải chia động từ, và anh không đặt túc từ trực tiếp trước động từ. Tiếng Anh nói *'I love you'* chứ không nói *'I you love.'*" Tôi so sánh tiếng Anh với tiếng Pháp.

"Đó là một nhận định thú vị. Cô rất thông minh. Cô sẽ là Phó Tổng Thống của tôi." Hắn nói.

"Phó Tổng Thống?"

"Của Cộng Hòa Việt Nam mới."

"Ồ!" Tôi sững sờ không thốt ra lời.

"Hay cô có thể tham gia nội các của tôi. Cô có tham nhũng không?"

"Không!" Tôi trả lời khống tin tưởng lắm. Tôi biết tôi không phải là thánh. Ở tuổi choai-choai, tôi thường xung khắc với cha mẹ tôi.

"Tôi phải gọi cô là gì?" Hắn hỏi.

"Tôi chỉ là Mi. Mi."

"Bây giờ, hãy nói chuyện phát-âm-học. Trong tiếng Việt và tiếng quan thoại, 'Mĩ' nghĩa là đẹp. 'Mĩ' cũng có nghĩa là nước Mĩ.

Nước Mĩ đẹp. Với một thanh điệu khác, "Mĩ khiến tôi nhớ đến Mỵ nương, tên của nàng công chúa con vua Hùng."

Tôi gật đầu. Tôi biết "Mĩ" nghĩa là gì.

"Hay cô có thể là Michelle. *Michelle ma belle. Ce sont les mots qui vont très bien ensemble. Très bien ensemble.*" Hắn nói tiếp.

Thì ra Chàng Khùng là một người mê nhạc Beattles. Giống như những người khác. Tôi bỏ hắn quay đi, vừa đi vừa cảm thấy khổ sở. Không còn nước Việt Nam Cộng Hòa nữa. Nó đã bị thay bằng nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa. Ở đó, không có người Việt Nam nào bỏ phiếu cho Chàng Khùng, cho dù có một cuộc tổng tuyển cử xảy ra, nhất là chàng chỉ đứng phát truyền đơn ở Nam Illinois.

*

Những tờ giấy bạc một đôla của tôi tiếp tục rơi vào trong cái hộp của Chàng Khùng. Một hôm, hắn tuyên bố:

"Cô có muốn thành một Đệ Nhất Phu Nhân không?

"Anh nói cái gì? " Tôi giật mình hỏi. Hắn đã nói ra giấc mơ của tôi. Sinh ra trong một xã hội Khổng Mạnh, tôi không có hi vọng gì trở thành một nữ Tổng Thống. Cho nên tôi đành chịu làm Đệ Nhất Phu Nhân vậy. Tôi không bao giờ nói điều này ra với bất cứ một ai. Giấc mơ ấy, dù quái dị, đã chết đi khi Sài Gòn sụp đổ.

"Tôi muốn lấy cô làm vợ!" Hắn nói.

"Anh thật là khùng."

"Đó chính là điều người ta nói về tất cả những vĩ nhân không chịu làm người tầm thường. Tôi nói thực đấy, tôi muốn cưới cô."

"Tại sao?"

"Cô thực sự là một Đệ Nhất Phu Nhân. Một thứ Đệ Nhất Phu Nhân. Như tôi vậy."

HỒ THÀNH ĐỨC

THƠ GIẢI OAN GỬI MẸ

Thư đầu xuân, vài hàng về thăm mẹ
Trên đỉnh trời thương nhớ kết thành mây
Lòng như biển, hao gầy trăng viễn xứ
Bao nhớ thương vụt hiện mũi tên bay

Đã ngậm hoài ngãi đắng buổi chia tay
Sao không thấy trầm thơm nơi núi Lạc
Sao không thấy hoa môi trên biển ngát
Vẫn tháng ngày hiu hắt nắng tự do!

Vẫn áo cơm rưng rức chuyện lỡ đò
Nên bến cũ bấy giờ sông hóa kiếp!
Để thuyền xưa gõ nhịp nhớ nhung người
Để lầu cao sáo thổi khúc tiêu hư!

Trăng cổ tích chìm sâu sông nguyệt tịch
Người trở về từ chốn cõi chôn nhau!
Nên tình nghĩa hóa thành lời vô tích
Con dư thừa, khúc ruột của mẹ đau!

Lời cung tên bay về nơi xứ mẹ
Cắm vào lòng huyệt lộ của cha ông
Ở nơi đó ai cầm cân nẩy mực
Để đất trời rưng rức chuyện ra đi

Mẹ con ta không còn chỗ thầm thì
Trăng và gió ùa nhau thành tiếng nấc!
(Nam mô, nam mô A Di Đà Phật)
Người gọi người lạc giọng tiếng Việt Nam

Người đuổi người ra khỏi chỗ hư không
Nên hụt hẫng xoay vòng con ốc ngược!
Như Trương Chi thả thuyền theo con nước
Để trôi hoài tiếng sáo hận trăm năm!

Như An Tiêm biệt xứ chuyện lỗi lầm
Trăng ốc đảo mây bay vòng cố quốc
Như oan khiên buộc vào đời cô Tấm
Để ngút trời thăm thẳm chuyện giải oan

Nam mô Bồ Tát Quan Âm!
Mẹ ơi con gửi một vòng hoa tim
Trời Nam nước Việt bình yên
Con về với mẹ chuyến thuyền tự do.

Những bài thơ nhớ nhà
28/6/1998

"Tôi thành hôn bây giờ thì còn quá trẻ."

"Người ta không bao giờ quá trẻ để biết yêu và để được yêu."

Nói đến tình yêu làm tôi càng thêm buồn, biết rằng cha mẹ tôi sẽ không bao giờ chấp nhận một thanh niên không có việc làm, một gã vô nghệ. Tôi nhức nhói bước đi, ý thức rằng hắn đang nhìn theo.

Từ bữa đó trở đi, mỗi lần tôi đi qua Krost Hall, hắn lại nháy mắt với tôi: *"À, chào Đệ Nhất Phu Nhân của tôi!"*

*

Thời tiết trở lạnh hơn, khóa học tiếp tục, và mùa thu đang tới gần. Lá đang đổi màu.

Chàng Khùng không đứng nữa. Hắn ngồi xuống nền đá, quấn mình trong tấm chăn bẩn. Một bữa kia, hắn lại bảo tôi:

"Tôi muốn cưới cô làm vợ. Cô là người đàn bà đẹp của tôi."

"Tại sao anh lại làm như vậy?" Tôi sắp sửa khóc.

"Làm cái gì hả cô?"

"Tôi trở vào những tờ truyền đơn. Chúng chẳng có ý nghĩa gì."

"Cô đừng bao giờ nói với tôi như thế."

"Xin lỗi. Tôi chưa đầy hai mươi tuổi. Tôi không biết gì nhiều."

Tôi nhìn gần hơn vào mặt hắn. Rõ ràng đó là biểu hiện Việt Nam của nét mặt Sidney Poitier. Cặp mắt nảy lửa, mép môi mím chặt tỏ ra là một người thẳng thắn, bướng bỉnh, chịu chấp nhận số phận, và nguồn cội, với niềm kiêu hãnh tuyệt đối.

"Tại sao tôi lại phải lấy anh?" Tôi thay đổi câu chuyện.

"Vì tôi biết cô có một cái bụng đẹp và một cái rốn gợi cảm."

Tôi đỏ mặt. Dĩ nhiên, là một thiếu nữ đoan chính, khiêm cung, tôi như bị điện giật, và cảm thấy bị xúc phạm. Từ khi Sài Gòn sụp đổ, tôi đã trở nên dè dặt và lặng lẽ hơn. Nam giới lấn tới luôn là một đe dọa đối với tôi.

"Da cô mềm, láng, với một hàng lông tơ nhỏ chạy từ rốn tới bẹn..." Cặp mắt hắn nhắm lại. Hắn đang mơ màng trong thế giới riêng của hắn, và sẽ chẳng để ý nhiều tới phản ứng của tôi.

"Anh thật khùng." Tôi thở dài.

"Cuộc đời còn có gì đáng sống hơn là theo đuổi một chính nghĩa và rúc đầu vào bụng người đàn bà mình yêu mà hôn cái rốn của nàng!"

"Anh không yêu tôi. Anh chỉ vì anh thôi." Tôi bỏ chạy, vừa chạy vừa kêu lớn. "Anh thô lỗ và vô trách nhiệm. Và anh đang rỡn với tôi."

Tôi thấy giận hắn, và thấy bị đe dọa bởi những nhận xét dâm dục của hắn. Nhưng một cảm giác mơn man cứ kéo dài trên vùng bụng dưới của tôi mỗi lần tôi nhớ tới những gì hắn nói. Cảm giác ấy làm tôi bận tâm. Tôi quyết định không bao giờ cho hắn tiền ăn trưa của tôi nữa.

*

Mùa thu tới trong vẻ đẹp bi thương, với lá vàng bay trong không khí lạnh. Khi đi bộ trong khuôn viên đại học, tôi quấn mái tóc dài quanh cổ. Bạn cùng lớp gọi tôi là "cô gái đông phương gầy ốm tóc quấn quanh cổ."

Đã nhiều tuần tôi không đi qua Krost Hall. Vì tôi bận học. Rồi một bữa kia tôi phải đi qua khu rừng giữa Krost Hall và thư viện Morris để tới Tòa Nhà Truyền Thông và Nghệ Thuật. Để tập kịch. Ở phía bên kia khu rừng.

Trên những bậc thềm của Krost Hall, không thấy Chàng Khùng nữa. Hắn đã đi rồi.

Không còn tấm chăn. Không còn những cuộc nói chuyện ngu xuẩn. Không còn truyền đơn hay quảng cáo. Không ai nhớ hắn cả. Cũng không ai để ý là hắn đã đi rồi. Đã có lần tôi nghĩ là người ta sẽ đặt hắn vĩnh viễn trên vỉa hè Krost Hall, như thế hắn sẽ thành một cơ chế. Như là cơ chế Krost Hall.

Tôi đứng ngay chỗ hắn vẫn đứng. Tôi ngơ ngác và bất ngờ cảm thấy mất mát. Tôi đi qua tấm cửa kính đúp. Vào Krost Hall. Ở bên trong, tôi lượm một tờ báo của đại học. Ngay trang đầu có một bài về Chàng Khùng. Hắn đã bị những nghi can vô danh đả thương. Cảnh sát đang điều tra.

Bài báo nói rằng hắn ta rất khoẻ, và đã chiến đấu can đảm như một chiến sĩ, tuy nhiên thái độ anh hùng đó đã dẫn hắn tới bệnh viện, khu săn sóc đặc biệt.

Bài báo nêu lên mọi giả thuyết. Đạo tặc ư? Không chắc, vì hắn không có gì trên người, và hộp tiền của hắn, đầy tiền cạch và những tờ giấy bạc một đôla, vẫn nguyên vẹn.

Thù hằn ư? Nỗi cay đắng của những cựu chiến binh chiến tranh Việt Nam? Hay là những cha mẹ Mĩ mất con ở Việt-Nam đã trả thù những người tị nạn mới tới? Hay là đoàn viên hội "da-trắng-là-nhất" vẫn hiện diện không định danh được ở miền nông thôn Nam

Illinois? Hay chỉ là hận thù cá nhân?

Dù sao chăng nữa, biến cố này đã xẩy ra trong một đại học thanh bình, tự do, bên ngoài một tòa nhà trú sở của những phân khoa Lịch Sử ,Khoa Học Chính Trị, Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn. Một biến cố như thế chưa bao giờ xẩy ra tại Nam Illinois và SIU thường vẫn ngủ yên. Những kẻ tấn công có ý định giết chết hắn.

Bài báo tiếp tục nói về luận án dở dang của hắn. Hắn đã viết về cuộc chiến đấu chống thực dân và cộng sản tại Việt Nam và hắn xây dựng một mô hình tái thiết vùng thôn quê. Khai thác dầu hỏa dọc theo bờ biển. Xuất cảng gạo. Tiến đến hoàn toàn chấm dứt viện trợ kinh tế và quân sự của Mĩ, Nga, Tàu.

Hắn nói về việc xây dựng một giai cấp trung lưu mạnh, về tự do ngôn luận phải in sâu vào tâm trí người dân để trở nên một thói quen, một thái độ, một nếp sống. Đó là mô hình Mĩ áp dụng vào Đông Nam Á đang phát triển.

Luận án này là công trình của một con người lí tưởng, bài báo kết luận.

*

Tôi rời khỏi Krost Hall và tiến về phía Tòa Nhà Truyền Thông. Tôi phải đi qua rừng để dự buổi tập kịch.

Mùa thu hiện ra trước mặt tôi. Một tấm nệm lá vàng, đỏ, và xanh vàng. Như một bức tranh tù túng, trong gió heo may buổi sớm, khu rừng đông lại ở phía trước. Những hàng cây đứng im lặng, và vô vàn lá đang chờ đợi trong sự im lặng tuyệt đối đó trong khi tôi dẫm bước lên chúng. Những tiếng động rất nhỏ vang ra khi làn gió thổi vào lá. Những tiếng động này trở thành ròn rã, vỡ gãy khi tôi dẫm giày lên trên đất ẩm.

"Lá đang khóc," tôi thầm nghĩ, vừa nghĩ vừa nín thở.

Giữa những lá vỡ, tôi bắt đầu trông thấy cặp mắt đen, nảy lửa của chàng sinh viên cao học vỡ mộng đã quyết định bỏ dở những năm dài theo đuổi sự học và đã gọi tôi là "Đệ Nhất Phu Nhân" của chàng.

Tôi muốn đứng giữa rừng, chôn chân vào xác lá vỡ. Lạc hướng và bối rối. Đầu óc tôi tràn ngập những tư tưởng. Tôi đã tìm được tự do từ một cuộc chiến tranh, thoát khỏi một chế độ. Tôi chỉ tìm được một nhà tù mới trong sức nặng của văn hóa, bóng dáng cuộc đời tôi đã bỏ lại phía sau tiếp tục ám ảnh tôi về ban đêm. Tôi mơ đang trở về nhà để khăn gói sửa soạn cho một cuộc ra đi đúng nghĩa. Có những cơ hội chào từ biệt những người tôi yêu, họ chúc tôi may mắn và hành trình tốt đẹp, thay vì một cuộc chạy trốn trong những chiếc máy bay chở hàng hay trong những ghe thuyền đánh cá. Tôi mong muốn được tới những vùng đất rất xa , được tặng quà chào mừng, không có những người đứng sau những biểu ngữ "Duy có Tổng Thống Ford là muốn họ mà thôi."

Tôi đã làm một cuộc hành trình qua đại dương và được gặp những chiếc lá đang đổi màu báo hiệu sự thay đổi mùa và bản chất vô thường của chính đời sống. Một ngày kia, khi đời sống và cái chết hoà làm một, chính tôi sẽ trở về với đất, hòa nhập với những chiếc lá trong vô tận ở dưới mặt đất, và lúc đó tôi sẽ đổi thành không khí mùa thu. Duy lúc đó tôi mới đạt tới bờ bến tuyệt đối an toàn. Tuyệt đối tự do. Và vô tận. Một người tị nạn đến được nơi nương náu cuối cùng để có bình an.

Cho tới khi giờ phút cuối cùng ấy tới, thì tôi phải vượt khu rừng để tới sân khấu. Các sinh viên kịch nghệ đang tập kịch và dự tuyển cho vở *Người Lái Buôn Thành Venice*. Tôi là một sinh viên tị nạn mới từ Việt Nam tới và phải đóng vai của mình. Tôi phải đọc phần của một nữ luật sư nhờ tài hùng biện mà đã cứu được người nàng yêu. Một người bạn cùng lớp cứ hỏi: "Bạn có chắc đóng kịch Shakespeare được không? Tiếng Anh lai giọng Việt của bạn và nhiều chuyện nữa ..."

Tôi vẫn lắng nghe tiếng khóc của những chiếc lá đang chết. Có lúc chúng thổn thức.

Chẳng khác gì sự rung động của trái tim tôi.

Một cơn gió mạnh thổi qua, và tất cả muôn vàn lá chợt thức dậy lần cuối cùng. Trước khi chết. Tiếng khóc của chúng cùng vang lên dồn dập mỗi lúc một nhanh hơn choán đầy không khí.

Tôi níu chặt lấy vai, rung động vì tiếng nhạc của thiên nhiên. Nhạc cầu siêu cho những chiếc lá đang chết.

Đứng giữa rừng, tôi bắt đầu khóc. Vô cớ. Không có một lý do nào hết.

Những xúc cảm bùng nổ. Không cần thiết. Không can cớ. Niềm thất vọng của tôi càng lớn khi tôi không hiểu nổi những giọt nước mắt của chính tôi.

Tôi đến sân khấu Phân Khoa Kịch Nghệ Đại Học Nam Illinois như thế đó. Để đọc những lời của một vai trò khác hẳn với tôi, trong một ngôn ngữ mà một năm trước đó ở

quê nhà được coi là một phần của chương-trình ngoại ngữ. Tôi phải đóng vai đó trước một cử tọa còn nghi ngờ khả năng của tôi.

*

Tôi không bao giờ gặp lại Chàng Khùng nữa. Tờ báo đại học cho biết là sau khi ra khỏi khu săn sóc đặc biệt của bệnh viện là hắn biến mất. Rõ ràng hắn đã xuất viện trước khi những vết thương hoàn toàn bình phục. Hoặc giả có người bắt cóc hắn.

Đối với những sinh viên Việt Nam tại SIU, hắn trở thành một huyền thoại.

Tôi không bao giờ biết hắn thực sự là ai ? Tôi là người Việt Nam và tin tưởng vào sự may mắn của con số chín. Tất cả những việc quan trọng trong đời sống có thể được tóm tắt trong chín chữ.

Từ nhiều ngày, nhiều năm nay, để tưởng nhớ một người mà tôi đã tin tưởng, tôi vẫn ước ao đã trao được cho chàng chín chữ của tôi. Một ngày kia, tôi đã viết chín chữ đó xuống trong nhật kí của tôi:

Thân gửi Ông Tổng Thống nước Cộng Hòa mới,

I think I have fallen in love with you.

1 2 3 4 5 6 7 8 9

Em nghĩ rằng hình như em trót yêu anh

1 2 3 4 5 6 7 8 9

*

Trước khi tốt nghiệp SIU, có lần tôi được nghe những sinh viên Việt Nam trong Hội Sinh Viên vô tình nói đến Chàng Khùng. Có người nào đó nói hắn giả dối. Một người khác nói hắn đã chết trong một bệnh viện tâm thần. Những người khác nữa nói có thể họ đã gặp hắn ở Chicago, vẫn cứ như vậy, đứng phát truyền đơn và quảng cáo, quấn mình trong một tấm chăn bẩn. Có một điều khác là hắn đã già thêm vài tuổi. Đối với đa số chúng tôi, hắn vẫn là một huyền thoại. Cho nên tôi chẳng muốn đi tìm hắn, e rằng tôi sẽ phá vỡ huyền thoại đi. Khác với con người, huyền thoại không suy đồi với thời gian.

*

Chính tôi cũng đã già đi. Hôm nay tôi thức dậy, nhìn vào trong gương và thấy một người đàn bà trong đó. Đã qua rồi thời sinh viên năm thứ nhất tại SIU.

Từ ngày gặp Chàng Khùng lần cuối cùng, tôi không bao giờ được gặp một người nào mà tôi muốn trao tặng chín chữ của tôi. Một người nào có những giấc mơ to lớn hơn đời sống và có can đảm theo đuổi những giấc mơ ấy, không bao giờ e thẹn, ngại ngùng nói những ước mơ ấy ra trong một thế giới không tình cảm.

Tôi cất giữ chín chữ ấy trong một cái bình ảo thuật và đậy nắp lại, cùng với thời thơ ấu mới lớn ở Việt Nam. Đồng thời, tôi tiếp tục chờ đợi, hi vọng sẽ gặp một người nào gọi tôi là Đệ Nhất Phu Nhân. Tôi không bao giờ gặp cả. Tôi học xong đại học. Rồi vào trường Luật. Trở thành luật sư. Làm việc liên tục trong một số những hãng luật. Thời gian chầm chậm trôi qua. Một hôm, nhìn vào gương tôi nhận ra là tuổi hai mươi đã qua rồi. Rồi tôi về Houston, Texas, và có lẽ sẽ không bao giờ trở lại miền khí hậu lạnh để có thể thấy bốn mùa thay đổi và những lá vàng rơi.

Tôi nhìn vào cặp mắt người đàn bà ở trong gương trước mặt tôi và nói với nàng: "Ừ, tôi biết cô. Tôi biết tất cả về cô, và tôi vẫn thích cô."

Tôi muốn vô cùng là tôi có thể nói như thế với một người khác, với tất cả sự trìu mến ràng buộc những trái tim nhạy cảm. Những ràng buộc giữa những nghệ sĩ, những người mơ mộng, những bạn bè tốt nhất họ hiện hữu vượt ra ngoài cõi đời này. Sự thông cảm giữa những người trưởng thành, sâu sắc, mang niềm hoài cảm nhớ tiếc những giấc mơ đã chết.

Tôi muốn tôi có thể ôm hình bóng của chính tôi, vì tôi nhìn thấy trong mắt người đàn bà đứng trước mặt tôi hình dáng cái bình ảo thuật với chín chữ đè nặng những giấc mơ của nàng.

Tôi muốn vô cùng là tôi có thể làm cho điều đó xảy ra với nàng. Công cuộc đi tìm tình yêu và lí tưởng. Trong một thế giới bị xâm chiếm bởi những tiêu chuẩn vật chất,và chủ nghĩa tiêu thụ, điển hình là sự đòi hỏi vô nhân của sự thi hành luật pháp, thì người đàn bà-mà-tôi-đã-trở-thành sẽ tiếp tục kiếm cách trao đi, một cách giản dị và trọn vẹn, chuỗi chín chữ bằng tiếng Anh đơn giản. Hay bằng bất cứ thứ tiếng nào trên thế giới, bao gồm cả tiếng mẹ của nàng.

Chín chữ của tôi.

Cô S.

Bản quyền 1998

VÀI MẨU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG

HUY LỰC BÙI TIÊN KHÔI

Học trò Bình Định ra thi
Thấy cô gái Huế bước đi không đành.

Tôi không biết đã có bao nhiêu học trò Bình Định hỏng thi vì cô gái Huế; ngành thống kê của nước ta vốn dĩ quá sơ đẳng, nếu không đã tiết lộ những con số to lớn làm tròn xoe con mắt của đám sĩ tử Bình Định, một đám thư sinh ham học nhưng cũng ham gái đẹp vô cùng. Ông nội tôi là một sĩ tử Bình Định tiêu biểu này.

Ông nội tôi từ quê hương Bình Định ra Huế thi cử nhân hán học đôi lần nhưng đều hỏng cả chỉ vì một người đẹp. Người đẹp của xứ thần kinh Huế có làn da trắng hồng mịn màng và đôi mắt huyền mộng mơ đắm đuối:

Da trắng mịn hốt hồn thơ chữ nghĩa
Mắt đen huyền chôn mộng ước công danh

Đó là hai câu đối ông nội tôi sáng tác sau bao lần hỏng thi và ông ngâm nga giải bày tâm sự trong những lúc trà dư tửu hậu. Thời thơ ấu tôi đã nghe không biết bao nhiêu lần và khi lên mười tuổi tôi đã thuộc lòng hai câu đối trên, nhưng lúc bấy giờ vẫn chưa hiểu được cái đại nạn "hồng nhan họa thủy." Bà nội bảo rằng: ông nội hận cô gái Huế này lắm, sắc đẹp của cô đã làm ông nội tôi ngây ngất mê hồn, không còn nhớ gì đến học hành thi cử, cô đã phá hủy công danh sự nghiệp đời ông. Bây giờ đọc lại suy gẫm tìm tòi, tôi đâm ra nghi ngờ lời bàn có chút dèm pha ganh tỵ của bà tôi, tôi không thấy một chút gì uất hận toát ra từ hai câu đối, xuyên qua đó tôi chỉ tìm thấy sự mãn nguyện thưởng thức nhan sắc giai nhân với cái kết quả tất nhiên sau đó của cuộc đời. Ông nội tôi được tiếng là văn hay chữ tốt, học tài thi hận. Gia đình họ Bùi có một thời năm thế hệ sống chung với nhau an ổn hòa thuận, làm ăn chung, hưởng lợi chung như một đại đơn vị kinh tế gia đình. Theo lý thuyết kinh tế ngày nay, cách thức sinh hoạt này gây nên sự trì trệ chậm tiến, nhưng thời bấy giờ "ngũ đại đồng đường," năm thế hệ cùng sinh sống trong một nhà, được vua ban thưởng tặng danh hiệu sắc phong. Một tấm bình phong chạm trỗ hai con rồng lượn làm khung cho một bài thơ của vua phong tặng được khảm cẩn xà cừ trắng lóng lánh, tôi chỉ còn nhớ câu cuối cùng:

Bùi thị danh truyền Nại hải thanh

(Dòng họ Bùi vang danh biển xanh Thị Nại. Trước đây thành phố Qui Nhơn được gọi là Thị Nại).

Thú thật, tôi không thấy có gì đáng kiêu hãnh cho cái danh hiệu "Ngũ đại đồng đường" vua ban, ngoại trừ một câu chuyện hằn sâu đậm trong trí óc non nớt của tôi. Chú tôi trong một chuyến đi xa về, vì nhớ cô vợ trẻ đi thẳng về thăm vợ, trước khi đến chào hỏi ông nội tôi. Thế là ngũ đại đồng đường tập họp đông đủ chứng kiến cảnh xử tội chú tôi.

Trước hơn năm chục người vòng tay lặng yên kính cẩn, ông nội tôi tóc bạc phơ tay cầm con roi, miệng giảng hiếu nghi lễ nghĩa. Thỉnh thoảng phết con roi vào mông chú tôi trong y phục chỉnh tề khăn đóng áo dài đang nằm úp mặt sóng sượt, người co rúm lại đầy ân hận bi thương cho cái lỗi tầy trời của mình. Lúc bấy giờ tôi nghĩ những bọn trẻ nhóc tì như chúng tôi, đùa giỡn nghịch ngợm như quỷ mới bị nằm dài chịu những làn roi trừng phạt, còn người lớn khăn đóng áo dài như chú tôi mà lại

ngoan ngoãn nằm dài để ông nội tôi vừa đánh vừa dạy bảo, một hình ảnh phi lý ngộ nghĩnh của ngũ đại đồng đường.

Tuy nhiên "ngũ đại đồng đường" cũng có điểm lợi. Các cô tôi vừa mới 14, 15 hoặc nhiều lắm 16 tuổi, các đào nhí này đã có người mối mai dạm hỏi vội vã xuất giá vu quy. Thời bấy giờ người ta cho rằng "phụ nhân nan hóa" đàn bà rất khó dạy, và các cô tôi được đào tạo trong cái lò "ngũ đại đồng đường" nhất định sẽ là những phụ nữ tốt dễ dạy, suốt đời chỉ nghĩ đến chồng con. Cô ba của tôi xuất giá mới 14 tuổi, cô vợ nhí này quả đã làm cho nhà chồng nể phục cái truyền thống công dung ngôn hạnh của "ngũ đại đồng đường" nên tiếng đồn lan xa. Các cô kế tiếp mới vừa trổ mã, nhan sắc chưa kịp lên hương đã hấp tấp lên võng hoa về nhà chồng. Có cô về nhà chồng chưa được dạy dỗ bổn phận làm vợ, đêm động phòng nhất định không để cho chồng ngủ chung.

Ông nội tôi vô cùng hể hả với cái nhịp độ xuất giá nhanh vun vút của tám cô con gái cưng gia đình. Có kẻ đến chậm và quả thật ông nội tôi đã ân hận không còn cô con gái thứ chín để về làm dâu dòng họ Đặng, một dòng họ hay chữ có huyết thống trào lộng độc đáo.

Cụ tổ Đặng Đức Siêu người làng Phú Cang tỉnh Bình Định, làm quan đến chức Lễ Bộ Thượng Thư đời vua Gia Long, kiêm chức Phụ đạo Đông Cung, thầy dạy học của vua Minh Mạng, nhưng tâm hồn trào lộng phóng khoáng. Ông Bộ trưởng Bộ Lễ, một bộ dùng lễ nghi để giáo dục dân chúng mà lại làm thơ vịnh cái "Ngọc Hành" để đáp lại bài thơ "Cái Giếng" tả một vật quý của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, một đề tài nhảm nhí như vậy có thể đưa đến nhiều thị phi miệng thế rắc rối lắm đa!

Cái Giếng

Ngõ ngay thăm thẳm tới nhà ông
Giếng tốt thanh thơi giếng lạ lùng
Cầu trắng phau phau đôi ván ghép
Nước trong leo lẻo một giòng thông
Cỏ gà lún phún leo quanh mép
Cá diếc le te lách giữa dòng
Giếng ấy thanh tân ai đã biết
Đố ai dám thả nạ rồng rồng.
Hồ Xuân Hương

Ngọc Hành

Cũng không phải Phật cũng không Tiên
Vui sướng một mình ở cõi riêng
Ngoài xũ áo xiêm năm bảy lớp
Trong màn hầu hạ một hai viên
Chính chuyên tấc dạ thường ngay thẳng
Khuya sớm một mình phải gắng siêng
Cửa đỏ ra vào đà phỉ chí
Ngàn năm cốt cách để lưu truyền.
Đặng Đức Siêu.

Cụ bà Hồ Xuân Hương nổi tiếng là táo bạo, phóng túng nổi loạn trong tình dục, vậy mà khi muốn tả cái vật quý trinh nguyên của mình, cũng đã phải dùng thể ví, dùng cái này để ám chỉ cái kia, xem thế ta thấy cụ Thượng Thư gốc người Bình Định nghịch ngợm hơn nhiều.

Một người rể của ông nội tôi, ông Lê Bính bút hiệu Khiêm Đức, nguyên quận trưởng quận Tuy Phước tỉnh Bình Định, đã họa bài thơ "Ngọc Hành":

Ngọc Hành

Không màng thế sự sống như tiên
Một nếp thanh nhàn một cõi riêng
Rộng rãi an cư nhà một cột
Sẵn sàng chiến đấu đạn vài viên
Tấm lòng ngay thẳng vì dân lợi
Công việc cứng mềm hết dạ riêng
Ngõ tía lân la ngày mấy bận
Hằng lo giống tốt để di truyền
Khiêm Đức Lê Bính

Cụ Thượng Thư Bộ Lễ Đặng Đức Siêu còn táo bạo hơn nữa, dùng vần thơ Đường tao nhã thời của cụ chỉ xử dụng trong thi cử hoặc xướng họa giữa các bậc tao nhân mặc khách, để tả "Đàn bà đái" trong thời đại cầu tiêu rest room chưa được xây cất thịnh hành, và nhờ vậy may mắn cho chúng ta được biết cách sinh sống người xưa:

Đàn Bà Đái

Ngó trước nhìn sau vắng khách qua
Hai tay rón rén trịch quần ra
Sóng xao bãi hến sương dầm ấm
Suối chảy gành ngao nước bửa hoa
Kiến tưởng mưa dông tha trứng chạy
Cóc ngờ lụt ói cống con ra
Bởi chưng méo mó nên che đậy
Xinh xấu cũng là của mẹ cha.
Đặng Đức Siêu

Bài họa của dượng tôi, chồng cô thứ sáu cũng lắm chi tiết trần trường hiện thực:

Đàn Bà Đái

Ngọn cỏ thường ngày đái chẳng qua (1)
Bởi ngồi che hẻ trật khu ra
Hai tay bám chặt quần tung gió
Đôi mắt xem chừng nước trổ hoa

Ngõ hẻm nhà nghèo xoi cát sụn
Chân tường kẻ có tróc vôi ra
Sánh cùng nam giới không thua thiệt
Lời lõm cũng đừng trách mẹ cha.
Khiêm Đức Lê Bính

(1) Người đời thường nói: Đàn bà đái không qua ngọn cỏ.

Té ra các cụ ngày xưa khăn đóng áo dài y phục trang nghiêm tề chỉnh, nhưng trong đầu các cụ vẫn tóe ra những ý tưởng nghịch ngợm táo bạo làm nhăn mặt các bậc mô phạm ở cửa Khổng sân Trình.

Người suôi gia ông nội tôi hãnh diện nhất là ông Đào Phan Duân bút hiệu Biểu Xuyên. Người con trai thứ của ông cưới cô con gái thứ bảy của ông nội tôi. Ông Đào Phan Duân người làng Biểu Chánh tỉnh Bình Định, đậu cử nhân hán học năm 1894, đậu Phó bảng năm 1895, lúc ông 31 tuổi. Ông làm quan đến chức Tuần Vũ Khánh Hòa, tức là Tỉnh trưởng tỉnh Khánh Hòa. Tính tình điềm đạm, bình dị ông về hưu sớm và đi du lịch khắp nơi trong nước. Có lẽ ông là nhà thơ Bình Định đầu tiên viếng Đà Lạt và tặng thành phố này một món quà, một thi phẩm:

Viếng Đà Lạt cảm tác
Nghe nói Lâm Viên cảnh lạ đời
Quên già lão cũng gắng sang chơi
Lâu đài chen chúc đường thêu dệt
Khe núi quanh co đất vẽ vời
Cao thấp rừng thông đèn rọi bóng
Êm đềm tiết hạ gió đưa hơi
Bồng lai tiên cảnh đâu đây hẳn
Hẳn thấy phong quang biệt một trời!
Biểu Xuyên Đào Phan Duân

Một trong những người rể ưng ý nhất của ông nội tôi là ông Trần Đình Tân, chồng của cô thứ tư. Dĩ nhiên ông Trần Đình Tân rất *hay* chữ, một điều kiện ưu tiên trong việc chọn rể của ông tôi, xứng đáng làm chồng của cô tư, một giai nhân *khéo* vô cùng. Ông tôi xử dụng từ ngữ *hay* và *khéo* một cách thận trọng. Người nào học hành thật xuất sắc thông minh, ông mới cho là hay chữ, giai nhân nào tuyệt đẹp mới được gọi là khéo, trong tám cô tôi, ông chỉ thưởng từ ngữ khéo cho hai người.

Ông Trần Đình Tân đậu cử nhân hán học làm quan đến chức Án Sát, tương đương Phó tỉnh trưởng kiêm chánh án tỉnh Bình Thuận, trong thời gian này ông Ngô Đình Diệm làm Tuần vũ như Tỉnh trưởng Bình Thuận. Hai ông Trần Đình Tân và Ngô Đình Diệm trở nên bạn chí thân tri kỷ với nhau. Những năm chiến tranh chống Pháp 1945 - 1954, ông Trần Đình Tân bị kẹt lại trong vùng Bình Định, tình trạng chiến tranh gian khổ, hai mắt kéo màng mây bị bệnh cataract không thấy đường. Năm 1954, ông Ngô Đình Diệm về nước làm Thủ tướng, ông Trần Đình Tân được người bạn

TẠ TỴ

BÂNG KHUÂNG

Anh cho em cuộc đời đầy giông bão
Và phũ phàng thường trực chuyện áo cơm
Còn cuộc sống đắm chìm trong mộng ảo
Tình đẹp bay đi để lại tủi hờn

Anh cho em những đầu sông, ngọn núi
Với dòng thơ trong vũng máu sục sôi
Nhận đi em, cho hồn đừng buồn tủi
Vì thơ anh cùng máu chảy một dòng

Giọt máu mặn làm môi anh khô cháy
Lồng ngực căng như muốn vỡ tung ra
Thơ rên siết trên thịt da chai đá
Lửa mặt trời kết thành những đóa hoa

Thơ không rượu nên thơ buồn quá
Biết lấy gì quên lãng kiếp nhân sinh
Manh áo phủ thân gầy gỗ đá
Nhìn quẩn quanh sao vẫn chỉ thấy mình?

Em hãy ngắm dòng phù sa nhuộm thắm
Mặt nước ưu tư có thấy ngậm ngùi
Bởi nước chảy xuôi dòng ra biển cả
Rồi hòa tan theo ngọn sóng đìu hiu

Một kiếp nhân sinh hận thù chai đá
Lửa kinh hoàng đốt cháy cả nhân gian
Nhìn khuôn mặt bỗng trở thành xa lạ
Nhận đi em, đừng cất tiếng phàn nàn!...

Ngô Đình Diệm đài thọ mọi chi phí chữa trị bệnh mắt tại phòng mạch bác sĩ Cát ở Sài Gòn. Năm 1956, ông Trần Đình Tân đắc cử Dân biểu Quốc Hội và làm việc tại Quốc Hội ở thành phố Sài Gòn. Cho đến cuối năm 1962, tôi đã cùng người dượng hay chữ Trần Đình Tân vào dinh Độc Lập hay dinh Gia Long để thăm Tổng Thống Ngô Đình Diệm nhiều lần, có những lần chỉ ở chơi vài giờ, có những lần ở suốt ngày đêm. Thời gian này đã để lại trong tôi một kỷ niệm đầu đời khó quên, một câu chuyện tình. Dượng Trần Đình Tân vóc người đẫy đà, mập mạp đôi mắt tuy được chữa trị nhưng phải mang đôi kính cận dày mười hai độ, đi đứng chậm chạp cần tôi giúp đỡ dẫn đường.

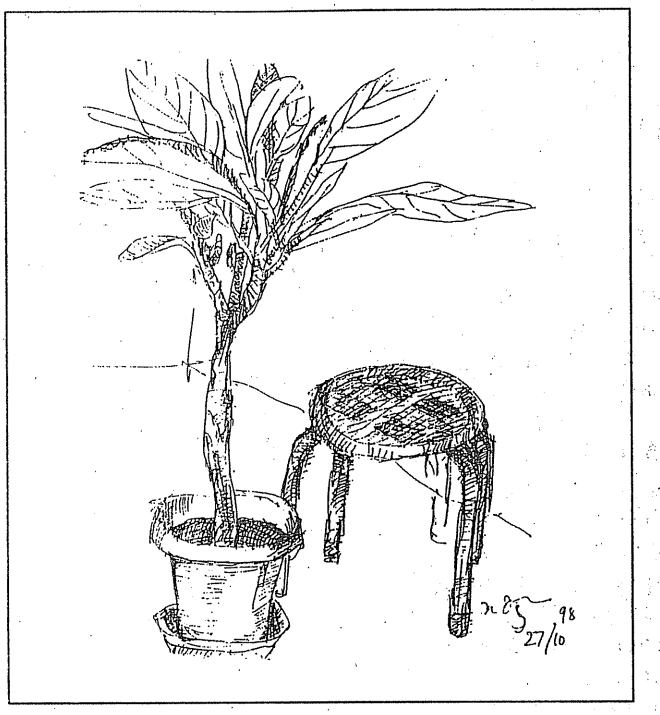

Tôi không bao giờ có thể ngờ được gian phòng dành cho một vị Tổng Thống quyền uy một nước lại đơn sơ giản dị khô khan thiếu những đồ đạc tiện nghi văn minh thoải mái đến như thế. Dẫu ở trong Dinh Độc Lập hay Dinh Gia Long gian phòng dành cho vị nguyên thủ quốc gia thật quá nhỏ so sánh với toàn bộ kiến trúc của hai dinh thự này. Tổng thống Ngô Đình Diệm thích ngồi trên một chiếc ghế bành da cũ kỹ, cái kiểu ghế bành từ hồi thật xa xưa có vẻ vững chãi quê kệch, thiếu hẳn tính chất trang trí thẩm mỹ. Có lần dượng Trần Đình Tân hỏi ông Chánh văn phòng Võ Văn Hải sao không thay cho cụ Diệm một cái ghế bành da mới, ông Hải cho biết đã đề nghị với cụ, nhưng cụ Diệm bảo ghế này vẫn còn sử dụng được, mua cái mới làm gì cho lãng phí công quỹ. Đặt trước ghế bành là chiếc bàn tròn nhỏ, trên bày biện bộ bình trà tách nước, hộp đựng thuốc lá, cái đựng tàn thuốc và một chồng hồ sơ đang phê dở. Lùi sau chiếc ghế bành là một bàn chữ nhật rộng, trên để đầy sách tạp chí, chen lẫn với hồ sơ văn thư tờ trình được miếng kim loại tròn đè dằn lên. Trong góc phòng một chiếc giường độc thân làm bằng gỗ lúc nào cũng trải chiếc chiếu hoa màu sậm, trên đầu giường một chiếc tràng kỷ con để những vật dụng tùy thân như cặp kính lão, những chai thuốc lọ dầu, bên cạnh cái tráp nhỏ cẩn xa cừ. Trong một góc phòng đối diện, một chiếc tủ cao, trên nóc tủ một khung ảnh lớn hình chụp ông Ngô Đình Khả, thân phụ Tổng thống Ngô Đình Diệm, mặc áo gấm bông, khung ảnh nằm giữa hai trụ nến bằng thủy tinh.

Vào một ngày xuân, khoảng năm 1957, Tổng thống Ngô Đình Diệm lấy từ trong chiếc tủ cao này một câu đối do ông Nguyễn Trác, cử nhân hán học chủ tịch Hội Khổng Học Việt Nam, vừa mới viết tặng Tổng thống Ngô Đình Diệm:

Đông thất tây thâu phi tiểu tiểu
Thượng hành hạ hiệu thị thao thao

東失西收非小小
上行下效是洮洮

Hai câu đối có ý nghĩa ví ông Ngô Đình Diệm cũng giống như Lưu Bị, bỏ Đông Ngô về Tây Thục, rút miền Bắc, di cư vào Nam, hoàn thành việc đó không phải là việc nhỏ. Trên ra lệnh dưới làm cả một phong trào khí thế sôi sôi lên. Hai câu đối này lời ý vế chữ đối nhau tuyệt hảo toát ra một ý nghĩa lịch sử hào hùng.

Tôi chưa bao giờ thấy hai ông bạn già thảo luận việc nước say sưa, bàn tán quốc sự một cách hăng say nhiệt tình vui vẻ đến thế. Hôm đó, tôi một kẻ hậu sinh được hân hạnh tham dự dạ tiệc do Tổng thống Ngô Đình Diệm khoản đãi ông Trần Đình Tân, người bạn cũ với ba món cá thu kho ăn với dưa chua cà

pháo, đậu hũ xào thịt, uống với nước trà Huế đậm đặc, thực đơn quen dùng của hai người khi làm việc ở tỉnh Bình Thuận thời xưa; bữa tiệc quá đơn giản đạm bạc của vị nguyên thủ quốc gia đãi bạn hiền.

Trong thời đại của ông bà tổ tiên chúng ta, việc làm câu đối rất thịnh hành. Cưới vợ cho con trai, gả chồng cho con gái, thăng quan tiến chức, món quà quý nhất là một câu đối được khắc cẩn xà cừ trên những tấm hoành phi, liễn đối, những kỷ niệm hãnh diện để đời. Phú Cũ cách thành phố Quy Nhơn hơn năm cây số có một dòng họ chuyên làm liễn cẩn xà cừ, nghệ thuật thủ công thượng hạng, gỗ làm liễn hoành phi là những danh mộc quý khó tìm.

Lưu lạc xứ người vào những năm cuối cùng của thế kỷ hai mươi, thời đại mạng lưới điện toán, mà ngồi mơ ước nhận được đôi liễn cẩn xà cừ khắc câu đối làm quà tặng mình, ước mơ này cũng giống như ước mơ trúng số độc đắc liên bang. Ấy vậy mà tôi được trúng số an ủi đấy!

Mùa hè năm 1996 tôi được mời đến thuyết trình về văn hóa Việt Nam và văn hóa Trung Hoa tại đại học Houston, chi nhánh thành phố Clear Lake. Thành phần sinh viên tham dự đủ mọi sắc tộc, nhưng quá phân nửa là sinh viên gốc Việt và gốc Trung Hoa. Trong một hội trường trang trí trẻ trung vui nhộn, khi tôi tiến vào khoảng vài trăm người đang ồn ào trò chuyện, ông Nguyễn Xuân Diễm có bằng cử nhân giáo dục tại Hoa Kỳ năm 1969, tác giả quyển sách *English 4000*, nguyên là chuyên viên tại Bộ Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa, hiện là cố vấn Hội Sinh Viên Việt Nam, ông mời tôi đứng trên bục giảng và giới thiệu tôi với cử tọa. Ông Diễm trình bày những sinh hoạt văn chương và giáo dục của tôi, cuối cùng ông tặng tôi hai câu đối:

Đất tổ địa linh sự nghiệp văn chương lẫy lừng danh Huy-Lực.

Quê người trường tốt công trình giáo dục thơm nức tiếng Tiên-Khôi.

Khi ông Diễm dứt lời, hai câu đối nét chữ bay bướm viết trên giấy dày cuộn tròn được treo từ trước, từ từ hạ xuống hai bên đối xứng với chính giữa bục thuyết trình của tôi. Tôi đã đi thuyết trình hàng trăm lần tại các đại học, nhưng chưa bao giờ được chào đón một cách truyền thống văn chương lý thú như thế. Ngày hôm đó tôi hứng khởi thao thao tuyệt thú. Trong phần thảo luận, một sinh viên gốc Tàu Chợ Lớn đứng lên hỏi tôi:

"Trong sinh hoạt văn hóa Trung Hoa, mỗi giai đoạn đời người thường có những ưu tiên phản ảnh qua các câu:

Tam thập nhi lập
Tứ thập nhi bất hoặc
Ngũ thập tri thiên mạng
Lục thập nhi nhĩ thuận
Thất thập nhi tòng tâm sở dục (1)

Xin diễn giả cho biết sinh hoạt văn hóa Việt Nam có những câu nói về sinh hoạt đời người tương ứng như vậy, hay Việt Nam chỉ sử dụng những câu trên của Trung Hoa?"

Sinh viên gốc Hoa này hỏi xỏ xiên, ám chỉ rằng văn hóa Việt Nam chỉ rập khuôn văn hóa Tàu. Tôi đã gặp trường hợp này khi đến thuyết trình tại đại học Houston Baptist University, một đại học có nhiều sinh viên gốc Trung Hoa, cách đây nhiều năm. Tôi trả lời:

"Việt Nam với bốn ngàn năm văn hiến, trong bất cứ sinh hoạt nào của con người cũng đều rút ra những triết lý sống động căn bản. Đây là những câu về "Đời người" của văn hóa Việt Nam:

Đời Người
Tuổi hai mươi vừa cười vừa học
Tuổi ba mươi khó nhọc định thân
Tuổi bốn mươi sự nghiệp lớn dần
Tuổi năm mươi truyền đời kinh nghiệm
Tuổi sáu mươi đức tin tụng niệm
Tuổi bảy mươi thoát tục thoát đời
Tuổi tám mươi rừng trúc ẩn nơi
Tuổi chín mươi đợi về tiên cảnh.
Huy Lực Bùi Tiên Khôi

Quả thật tôi đã quá cái tuổi năm mươi từ lâu, nhưng chưa có chút kinh nghiệm gì để truyền lại, ngoại trừ vài mẩu chuyện về giáo dục và văn chương.

Dâu bể đời người biến đổi thay
Đầu xanh thoắt bạc có ai hay
Trăm năm cuộc sống là bao nhỉ?
Giở lại đời sau chuyện kiếp này.
Huy Lực Bùi Tiên Khôi

Và từ chuyện cô gái Huế, đến những nhân vật liên hệ với ông nội tôi, chuyện văn chương kéo dài lan man không hết...

Xuân Kỷ Mão

Chú thích:

1. Tuổi ba mươi tự lập.
Tuổi bốn mươi không còn nghi ngờ gì nữa.
Tuổi năm mươi biết mệnh trời
Tuổi sáu mươi nghe cái gì cũng thuận tai
Tuổi bảy mươi tùy theo tâm ý ta mà làm

CHÂN DUNG KỶ NIỆM

TRẦN THU MIÊN

(tặng Nguyễn Trọng Khôi
& Nguyên Long Đỗ Vyhạ)

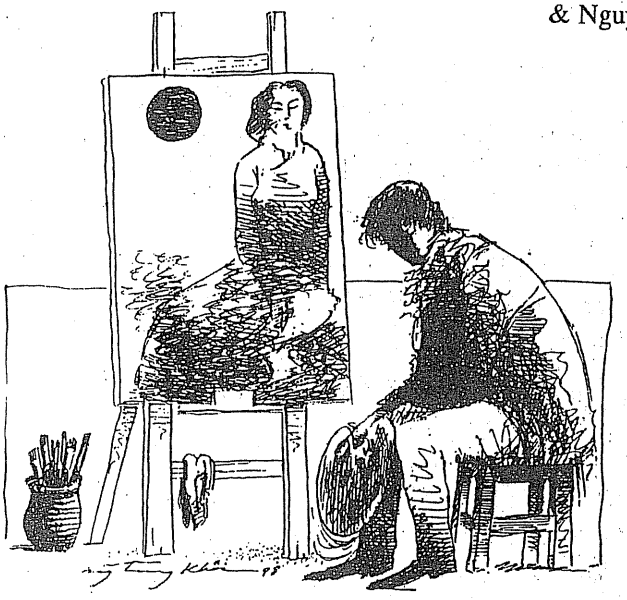

Hai mươi ba năm vù bay. Tên tuổi người họa sĩ trẻ, tài hoa tại Sài Gòn ngày xưa bây giờ chỉ còn là một bóng mờ trong ký ức người quen biết chàng. Họa sĩ Nguyễn Mộng Du của Sài Gòn trước năm 1975, đã chôn vùi đời mình trong tiệm sửa xe ở một phố nhỏ miền Nam Hoa Kỳ. Từ ngày định cư tại đây, anh chưa hề vẽ được một bức tranh. Đời tha hương của Nguyễn Mộng Du thật sự bắt đầu từ trại tỵ nạn Fort Chaffee thuộc bang Arkansas. Cũng tại đây chàng đã chán nản, thất vọng về tương lai và nghi ngờ chính tài năng mình. Lúc đại diện gia đình lên văn phòng định cư trong trại tỵ nạn để lập thủ tục tìm bảo trợ, Nguyễn Mộng Du được một nhân viên Việt Nam phỏng vấn. Du còn nhớ rõ cảm giác hoang mang rụt rè của mình suốt buổi nói chuyện trong văn phòng. Gã nhân viên bắt đầu cuộc phỏng vấn bằng câu hỏi hơi xấc. "Làm gì bên Việt Nam?"

"Họa sĩ."

Đang ngồi ngả lưng trên ghế với chồng hồ sơ cao ngang mặt, nghe chàng trả lời, hắn nhổm dậy, đập cây viết trên tay xuống mặt bàn, nhìn chàng một cách diễu cợt.

"Trời ơi! khai làm thợ sơn may ra bảo trợ còn kiếm cho một tay đi sơn nhà chứ họa sĩ bên này chỉ đói thôi!"

Nghe gã nói, Du chỉ muốn bợp vào mặt hắn một bợp tai cho bõ ghét. Chàng chửi thầm trong đầu, "Cái thứ biết vài câu Anh Văn vào đây làm việc tạm mà lên mặt. Bên nhà chắc chuyên chạy chọt buôn lậu hay ăn cắp đồ lính Mỹ phế thải chứ học hành tới đâu!" Nghĩ thế nhưng chàng im lặng ra vẻ đồng ý với gã. Chàng chưa biết trả lời gì thì gã đưa tay lên gãi tóc rồi ra vẻ thầy đời.

"Anh có biết hàng ngàn họa sĩ Mỹ thất nghiệp, phải lái taxi kiếm ăn không? Tôi nghĩ anh chưa lái taxi ở bên này được. Thi cái bằng lái xe không phải là dễ."

Chả cần biết chàng đang nghĩ gì. Gã hỏi tiếp.

"Biết Anh Văn không?"

"Không!" Du trả lời e ngại.

"Anh nên bỏ nghề vẽ, ráng trau dồi Anh

Văn để học cái nghề nào cho thực tế. Đời sống Hoa Kỳ không dễ đâu. Tư bản mà! Ráng kiếm tiền nuôi thân nuôi gia đình trước rồi vẽ gì thì hãy vẽ. Mà vẽ nhiều chỉ tốn tiền mua cọ mua màu, chỗ đâu mà treo tranh. Mua được căn nhà có chỗ treo tranh anh vẽ không dễ đâu."

Nghe gã dạy đời mình, Nguyễn Mộng Du tức điên lên. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, chàng thấy điều gã nói có phần hợp lý. Ngay từ phút đó Du âm thầm quyết định không tiếp tục con đường nghệ thuật nữa. Sau này nhiều đêm nằm nhớ kỷ niệm xưa, chàng đã định hoàn tất tác phẩm vẽ chưa xong mang theo từ Sài Gòn. Nhưng không tài nào làm được. Chàng mang theo bức tranh này vì một lời hứa với người yêu và niềm hy vọng được gặp lại nàng. Rất nhiều đêm Du ngồi hàng giờ nhìn khuôn mặt người con gái chàng vẽ chưa xong trên khung vải đã bạc màu theo thời gian. Rồi chàng thở dài ngao ngán.

Những năm đầu đời di dân, Du cũng như bao người di dân khác đến Hoa Kỳ phải đương đầu với những khó khăn về ngôn ngữ, kinh tế và nhất là chuyện tình cảm. Đời sống của chàng hoàn toàn thay đổi khi đặt chân lên Hoa Kỳ. Từ một người trẻ tuổi nổi tiếng của Sài Gòn, đi đâu cũng có người xì xào ngưỡng mộ, hay đón tiếp ân cần, chàng đã trở thành một tên thợ thay dầu nhớt xe ở một thành phố đìu hiu cô quạnh. Ngày đi làm, tối và cuối tuần đi học thêm Anh Văn, đời sống chàng cứ vùn vụt trôi qua. Hai đứa em lên đại học lúc nào không hay. Trách nhiệm của chàng đối với gia đình coi như đã bớt. Nguyễn Mộng Du định ghi tên vào đại học để tiếp tục học thêm về nghệ thuật. Nhưng người bạn gái Mỹ mang thai bất ngờ. Tin Catherine mang thai làm Nguyễn Mộng Du chới với. Gia đình chàng và gia đình Catherine đồng ý cho hai người cưới nhau. Cuộc đời chàng lại qua một khúc rẽ mới.

Nguyễn Mộng Du hoàn toàn bị cô lập trong đời sống gia đình. Thành phố lưa thưa vài người Việt. Bố mẹ và các em chàng đều bỏ đi. Nhiều lúc cô đơn quá chàng đã định kết liễu đời mình bằng một chai thuốc ngủ. Nhưng khi nghĩ đến thằng con hai dòng máu mình đã cưu mang, chàng quên ngay ý định tự tử.

Sau hơn mười năm chung sống, hai người càng ngày càng xa cách nhau. Catherine ngỏ ý ly dị. Nguyễn Mộng Du không hề thắc mắc hay phản đối. Càng lớn tuổi người ta càng thích trở về với gốc gác của mình. Dù hai người không thường cãi cọ, họ đã âm thầm nhìn về hai hướng cuộc đời khác nhau. Thêm vào đó, cả chàng và Catherine không còn thấy ở nhau nét đẹp lãng mạn như ngày nào nữa. Bây giờ nàng đã là một phụ nữ nở nang, trông già dặn hơn chàng vài tuổi dù nàng thật sự trẻ hơn chàng cả năm tuổi. Chàng cưới Catherine nhưng chưa bao giờ yêu nàng như đã yêu người con gái tên Thục-Quyên năm xưa ở Sài Gòn.

Sau khi chia tay Catherine, chàng định bỏ thành phố này về ở với bố mẹ bên Houston, nhưng vì thương con nên đành ở lại để còn dịp gần gũi nó mỗi cuối tuần. Vô tình, đứa con đã ràng buộc chàng với thành phố nhỏ bé cô đơn này. Rồi con chàng cũng sắp xong trung học và nó sẽ vào đại học nay mai. Nguyễn Mộng Du tính sau khi lo cho con vào đại học chàng sẽ bỏ thành phố này tìm về một nơi đông người Việt.

Trong nỗi cô đơn cùng tận, Nguyễn Mộng Du đã dần dà giao du với đồng hương trong thành phố. Chàng tưởng đời mình đã hoàn xa cách khỏi những sinh hoạt, giao tế với đồng hương. Những làn sóng di dân của người Việt vào cuối thập niên tám mươi đã mang lại thành phố của chàng một vẻ khác. Từ khi khám phá ra sự hiện diện của đồng hương trong thành phố, chàng cảm thấy phấn khởi nhiều. Một hôm ghé lại tiệm tạp hóa Việt Nam mới khai trương, Nguyễn Mộng Du choáng váng vì thấy hình người bạn thân năm xưa ở Sài Gòn trên bìa sau một tờ báo văn nghệ xuất bản ở California. Vừa nhìn bìa tờ báo, chàng vừa lẩm bẩm, "Đúng là thằng Hùng! Trần Chí Hùng." Thằng bạn thân thời trung học.

Sau khi thi tú tài, chàng vào trường Mỹ Thuật còn Hùng đăng lính Hải Quân. Hai người rất ít có dịp gặp lại nhau. Từ năm đệ tứ đến năm đệ nhất, không lúc nào là chàng và Hùng không có mặt bên nhau. Hai đứa đi học chung, chơi chung, về nhà nhau ăn ngủ thường xuyên. Đọc kỹ phần quảng cáo, chàng thấy bạn mình bây giờ là luật sư, giám đốc một văn phòng luật sư có vẻ lớn ở Little Saigon. Ở thành phố này hơn hai chục năm, không liên hệ, giao du với đồng hương. Chàng hầu như đã bị tách rời khỏi những sinh hoạt cộng đồng, hay văn học nghệ thuật. Chính vì thế mà chàng đã mất hẳn liên lạc với bạn bè cũ ở Sài Gòn ngày xưa. Thậm chí chàng không hề biết là có những tờ báo văn học nghệ thuật đã xuất

bản cả chục năm nay ở Cali. Một số bạn cũ của chàng vẫn còn vẽ, còn viết văn, xuất bản thơ, hay đĩa nhạc.

Mua tờ báo về nhà. Chàng đã nằm trên sofa đọc từng dòng, từng trang, từng tiết mục, kể cả những trang quảng cáo. Chàng có cảm giác như cậu học trò mới lớn ngày nào vẫn ham đọc những tạp chí văn nghệ hay những tác phẩm thi văn vừa xuất bản. Đọc xong tờ báo chàng mới biết lũ bạn văn nghệ ngày xưa vẫn còn sinh hoạt bên Cali. Chàng định điện thoại ngay cho Hùng nhưng bỗng ngại vì mặc cảm. Ngày xưa thằng bạn nối khố này vẫn coi chàng như một thiên tài. Bây giờ nó là luật sư có văn phòng bề thế ở ngay trung tâm thương mại và văn hóa lớn nhất của di dân Việt Nam trên thế giới. Nguyễn Mộng Du thắc mắc không biết bạn nghĩ gì khi biết chàng bây giờ là thợ sửa xe, gia đình tan vỡ, chưa vẽ được một bức tranh nào hơn hai chục năm qua. Nghĩ thế nhưng chàng đã viết vội lá thư ngắn gửi Hùng.

Hai tuần sau khi gửi lá thư cho bạn, Nguyễn Mộng Du nhận được hồi âm. Hùng không những gửi thư, nhưng còn gửi hình gia đình và thiệp cưới con gái đầu lòng. Điều làm chàng xôn xao nhất là người vợ của Hùng. Nhìn hình người đàn bà khoảng ngoài bốn mươi có nhiều điểm hao hao giống Thục-Quyên. Ý nghĩ đầu tiên của chàng là vợ Hùng đúng là Thục-Quyên, nhưng chàng không dám quả quyết. Phần vì hơn hai mươi năm xa cách, dáng vóc con người có thể thay đổi, nhất là sự thay đổi từ một thiếu nữ đến một phụ nữ trung niên đã có chồng con. Phần vì suốt thời gian chàng yêu Thục-Quyên, Hùng không hề biết. Lúc đó Hùng ở trên một chiến hạm nằm tận Cam Ranh, ít có dịp về Sài Gòn. Mỗi lần nghỉ phép Hùng ghé chơi một hai ngày rồi lại ra đi vội vã. Còn chàng bận rộn với những sinh hoạt hội họa nên cũng không có giờ đi chơi với Hùng mỗi lần Hùng về phép.

Chàng chưa bao giờ kể chuyện tình giữa chàng và Thục-Quyên cho Hùng nghe.

Ngồi nhìn tấm hình gia đình Hùng mà lòng Nguyễn Mộng Du bỗng trào dâng những ẩm ức tủi thân cho số phận hẩm hiu của mình. Đời đã đưa đẩy chàng vào những cạm bẫy do chính chàng đặt. Trong tâm trí chàng lúc này có cả ngàn câu bắt đầu bằng chữ "nếu." Chàng tự hỏi, "Nếu mình cứ tiếp tục theo đuổi hội họa thì bây giờ ra sao?" Hay "Nếu mình đừng lăng nhăng với Catherine thì bây giờ đâu phải chôn thân ở thành phố khỉ ho cò gáy này!" Chàng thầm trách bố mẹ đã không khuyến khích chàng theo đuổi hội họa từ những ngày đầu đời di cư. Em chàng tiếp tục việc học từ ngay qua đây bây giờ đứa nào cũng công danh sự nghiệp vững chãi. Cái nghề sửa xe của chàng cũng đủ nuôi sống chàng nhưng nó đã tàn phá sức sáng tạo và tâm hồn văn nghệ của chàng. Những lo lắng về miếng cơm manh áo đầu đời di dân không ngờ có sức phá hủy tâm hồn chàng tàn bạo đến thế.

"Nhất định vợ của Hùng là Thục-Quyên rồi." Nguyễn Mộng Du lẩm bẩm một mình. Nhìn kỹ tấm hình đứa con gái lớn của vợ chồng Hùng làm Nguyễn Mộng Du không còn chút nghi ngờ nào nữa. Con bé giống in hệt mẹ nó lúc mười tám hai mươi. Hùng viết tên Thục-Nhi sau tấm hình và còn báo cho bạn biết là sẽ gửi vé máy bay mời chàng và gia đình qua dự đám cưới con bé vào tháng tới. Hùng trách bạn đã không cho số điện thoại để được nói chuyện sau bao nhiêu năm trời xa cách.

Cuối cùng thì Nguyễn Mộng Du đã điện thoại cho Hùng. Hai người say sưa kể chuyện thời bé và Hùng vẫn tưởng rằng Nguyễn Mộng Du chưa bao giờ gặp vợ mình, Thục-Quyên. Hùng khoe vợ mình là người rất rành về hội họa. Nàng sưu tầm được một bức tranh của Nguyễn Mộng Du và coi nó như một bảo vật trong nhà. Thấy bạn thành tâm về chuyện muốn mình qua dự đám cưới con gái đầu lòng, Nguyễn Mộng Du đã thu xếp công việc để về Little Saigon gặp lại bạn và dự đám cưới Thục-Nhi.

Hai tuần trước khi lên đường, chàng quyết định phải hoàn tất tác phẩm vẽ còn dở hơn hai mươi năm trước ở Sài Gòn. Nguyễn Mộng Du đã phải tốn mấy ngày đi đến những tiệm bán dụng cụ nghệ thuật để tìm cho được loại cọ và màu chàng đã dùng lúc vẽ bức tranh. Chàng đã thất vọng vì không sao tìm ra cọ và màu có nhãn hiệu chàng thường mua ngày xưa. Sau cùng thì chàng cũng phải mua đại những thứ cần thiết để hoàn tất công trình bỏ dở. Chàng thức trắng mấy đêm để vẽ. Đứng trước khung vải cũ, chàng thấy sự thôi thúc trong lòng bùng lên như ngọn lửa bừng bừng đốt cháy cánh đồng cỏ khô giữa mùa nắng hạn. Một tay cầm cọ vẽ, một tay vuốt những giọt mồ hôi đầm đìa trên trán, trên mặt. Nguyễn Mộng Du đứng vẽ như người xuất thần. Hình như những tinh hoa cô đọng trong tâm thức chàng hơn hai chục năm nay bỗng

tuôn trào trên ngón tay, trên cọ vẽ, và trên khung vải như những cơn cuồng phong trong mùa bão táp. Chàng vẽ bằng nỗi ẩm ức. Chàng vẽ bằng sự điên cuồng lãng mạn của tuổi hai mươi còn sót lại trong hồn tưởng đã già nua cằn cỗi. Chàng vẽ bằng nỗi ăn năn của người bỏ cuộc. Chàng vẽ bằng chút hy vọng cuối cùng đang leo lắt như ngọn đèn trước gió. Trước mặt chàng dĩ vãng đang ào ào đổ tuôn ra như ngọn thác trên đỉnh non cao. Chàng đang chìm ngập trong thế giới của kỷ niệm. Khuôn mặt người tình năm xưa hiện về nguyên vẹn trong ký ức chàng. Chàng vẽ và vẽ như người đang chạy đua với thời gian quá khứ. Mầu sắc và nét vẽ của chàng ngời lên những đường nét siêu nhiên cuồng nhiệt.

Khi bức tranh hoàn tất, chàng chờ cho khô rồi mang ra tiệm tranh ảnh nghệ thuật chọn khung gỗ và đóng thùng mang đi xa. Lúc chàng trở lại lấy tranh, người chủ tiệm đã trầm trồ khen ngợi.

"Ai vẽ bức tranh này?" Ông chủ nhìn chàng

LUÂN HOÁN

PHẤT PHƠ MƯƠI NGỌN CỎ XUÂN

Hội An 1945

áo cổ bẻ, quần giây treo
chân đeo kiềng bạc, cổ đeo bùa vàng
gỡ tay chị, chạy làng quàng
chân phải, chân trái hai bàn vấp nhau
chống tay, chùi cát lên đầu
đâu ngờ tóc sữa xanh màu đến nay
Cẩm Phô trộn nắng vào mây
gói mùa xuân lót gót giày tháng năm

Tiên Phước 1949

chiều ba mươi, núi dặn rừng
cành oằn lá ướt, tạm ngừng trổ hoa
gió giăng hơi đá thướt tha
nhốt Tiên Châu giữa mượt mà mây rơi
vò đầu gối, ngó khơi khơi
mùa xuân sắp bước tới nơi mất rồi
từng giây, đất tiếp giáp trời
mẹ chưa về tới đứng, ngồi ngó quanh

Hòa Đa 1953

sáng ra thấy mẹ mỉm cười
thấy cha hút thuốc rung đùi ngâm thơ
thấy xôi bánh ấm bàn thờ
thấy con se sẻ bất ngờ vô hiên
thấy tôi coi bộ có duyên
giày quai rọ, bê rê nghiêng tóc bồng
cả làng Liêm Lạc sạch bong
nắng tơ, gió lụa lòng vòng ngọn tre

Đà Nẵng 1960

chiều chiều luồn chợ Vườn Hoa
trôi theo Đồng Khánh níu tà áo bay
mắt hồng liệng cái ngoắt tay
dắt qua Độc Lập dựa cây đèn đường
chập chùng xuân ảnh vải hương
ngó ai lòng cũng yêu thương tức thì
giả vờ châm thuốc nhâm nhi
nuốt thầm vóc đứng, dáng đi quanh mình

Thủ Đức 1967

đánh giày, chùi súng xong xuôi
trải bao thuốc lá lên đùi làm thơ
nắng xuân chín ửng ngọn cờ
vớt theo tình mộng vu vơ bên trời
nhớ em, quả thật nhớ rồi
nhớ thêm đôi mắt chịu chơi Biên Hòa
chẻ lòng trộn nét chữ hoa
đọc thầm cho cả bao la thấm đều

Quảng Ngãi 1969

rút quân từ ngọn đồi Mười
về ngang Thi Phổ, đất cười chào xuân
mới hay giọt máu thơm lừng
phổ lên cỏ lá trùng trùng âm giai
anh thần chết lộn, chạy dài
vắt ngang tảng đá ngã nhoài vô âm
bàn chân ai rụng dưới hầm
cúi đầu thấy lệ anh đồng minh rơi

Sài Gòn 1985

sáng ra 1 B Duy Tân
chiều về Lê Lợi phơi chân, uống trà
chưa đi xa, đã nhớ nhà
thả tình vào ướp xóm hoa qua ngày
ngó con đường, ngó hàng cây
buồn không khắc nổi dấu tay để đời
ghé lãng Ông, ngó qua thôi
hồi chuông mùng một bỏ tôi lâu rồi

Montreal 1966

chống cằm đối mặt tivi
vịn lời Việt Dzũng lần đi về làng
chậu hoa ngủ gục giữa bàn
trắng dòng tuyết vụn lạc đàn vô hiên
tiếng chuông điện thoại vô duyên
tống lên xe chạy đảo điên với trời
Ngạc nằm, hơi níu lấy hơi
mùa xuân ghé cõng anh hồi cố hương

Đà Nẵng 2006

xác nằm thơm cỏ quan tài
mặc hồn thả bộ gặp ai cũng chào
nơi này quả đẹp làm sao
đất mát, trời ấm nuôi thơ thành người
và tôi nghiêm chỉnh gặp tôi
gặp luôn em giữa đọt cười chớm xanh
câu thơ một đời để dành
mở ra, giản dị, loanh quanh thế này .

thắc mắc.

"Thưa ông chính là tôi!"

"Từ ngày mở tiệm này, hai mươi năm rồi, tôi chưa được làm khung cho bức tranh nào đẹp như bức này."

"Cảm ơn ông. Tôi cũng mất hơn hai mươi năm để hoàn tất nó."

"Ông nên tìm cách gửi bức tranh này đi dự cuộc thi tranh nghệ thuật của tiểu bang sẽ được tổ chức vào tháng tới. Nếu ông không ngại, tôi sẽ tìm cách giúp ông ghi danh."

"Cảm ơn tấm lòng tốt của ông, nhưng tôi vẽ bức tranh này làm quà cưới con gái bạn tôi bên California vào tuần tới."

"Tiếc quá! Tôi bảo đảm nếu ông gửi bức tranh này dự thi, ông sẽ thắng huy chương vàng."

"Ông có đóng thùng cẩn thận cho không đấy?"

"Đừng lo! tôi làm nghề này lâu rồi, thân chủ tôi gửi tranh ảnh đi khắp thế giới, chưa ai phàn nàn cả."

Nguyễn Mộng Du trả tiền và mang tranh về. Lâu lắm rồi chàng mới có lại được niềm vui của người họa sĩ sau khi sáng tác xong một tác phẩm. Trên đường lái xe về, chàng thấy lòng mình lâng lâng như những lần sửa soạn triển lãm tranh ngày nào ở Sài Gòn.

Chàng không báo cho Hùng biết là sẽ đến dự tiệc cưới của Thục-Nhi vì sợ làm Thục-Quyên bối rối trong lúc xếp đặt đám cưới cho con gái. Khi phi cơ đáp xuống phi trường John Wayne, chàng thuê xe lái thẳng về khách sạn. Chàng đã nghiên cứu kỹ bản đồ về khu Little Saigon và dự định để dành cả chiều nay ra thăm phố. Ý nghĩ đi thăm một thành phố đông dân cư Việt Nam sau hơn hai mươi năm sống xa đồng hương bỗng làm chàng hồi hộp bâng quơ.

Nguyễn Mộng Du lái xe trên đại lộ Bolsa mà tưởng như mình đang lạc vào một quê hương rất xa lạ nhưng cũng rất gần gũi. Từ ngày di cư sang Hoa Kỳ, chàng chưa bao giờ thấy mình đi trên con đường lô nhô bóng dáng đồng hương. Chàng để ý những chiếc xe chạy ngược chiều, hay song song với xe chàng, hầu như xe nào cũng do đồng hương lái. Chả bù ở thành phố của chàng, sự hiện diện của một người Á Châu ngoài phố là chuyện hiếm hoi thường tình. Chàng tìm đến địa chỉ văn phòng luật sư Hùng nhưng không ghé vào. Chàng cũng tìm đến nhà hàng Pacific Ocean Seafood nơi tiệc cưới của Thục-Nhi sẽ được tổ chức chiều mai. Chàng định bụng ngày mai sẽ mang bức tranh lại nhà hàng sớm để khỏi gây ra sự chú ý.

Chứng kiến sinh hoạt nhộn nhịp của đồng hương và ý nghĩ gặp lại Thục-Quyên và Hùng ngày mai làm Nguyễn Mộng Du không sao ngủ được. Cô nữ sinh Gia Long con nhà giầu, mê văn nghệ hơn mê học, đã một thời yêu chàng điên loạn. Không biết bao nhiêu lần Thục-Quyên đã năn nỉ để làm người mẫu cho chàng vẽ nhưng Nguyễn Mộng Du luôn luôn từ chối. Chàng không muốn nàng ngồi làm mẫu vì không thích dùng cọ, màu sắc, và khung vải để làm việc của một nhiếp ảnh gia. Chàng hứa sẽ vẽ một bức chân dung Thục-Quyên, nhưng chỉ vẽ từ trí nhớ và óc tưởng tượng của chàng về nàng. Chàng bảo nàng vẽ như thế mới thật sự là nghệ thuật. Sáng tác phải đến từ những chất lọc của tâm linh. Nguyễn Mộng Du vẫn coi Gauguin như thần tượng duy nhất của mình. Chàng thường bảo Thục-Quyên là Gauguin khác van Gogh ở chỗ là ông tin rằng họa sĩ chỉ nên vẽ từ ký ức. Họa sĩ không cần phải nhìn thấy trước mắt điều mình đang vẽ. Ngược lại, van Gogh cần phải nhìn thấy những gì ông vẽ. Chàng hứa với nàng khi hai người cưới nhau chàng sẽ hoàn tất bức tranh về nàng. Lời hứa đó đã không thành. Bây giờ nàng đã là vợ bạn thân mình và chàng sẽ không bao giờ vẽ chân dung nàng nữa.

Tiệc cưới sẽ khai mạc lúc sáu giờ chiều, nhưng Nguyễn Mộng Du đã mang tranh lại nhà hàng từ bốn giờ chiều. Chàng ngồi uống rượu một mình trong góc quầy rượu, khuất mắt mọi người để tránh phải gặp gia đình Hùng sớm. Chàng định bụng chờ mọi người đến đông đủ rồi mới xuất hiện vì không muốn cản trở việc đón chào quan khách của gia đình Hùng và Thục-Quyên. Nghĩ thế nhưng chàng không sao giữ được vẻ bình tĩnh. Tự nhiên chàng cần có một điếu thuốc trên tay dù đã bỏ hút cả hơn chục năm rồi. Ngày xưa Thục-Quyên vẫn mang thuốc lá đến phòng vẽ của chàng dù nàng không thích mùi và khói thuốc.

Khoảng năm giờ thì gia đình bên nhà Hùng bắt đầu đến để sửa soạn tiệc cưới. Nguyễn Mộng Du ngồi nhìn người ta xếp hoa, sửa soạn máy thu hình, mở sổ lưu niệm, hay trang trí bàn cho đôi tân hôn mà thấy lòng mình hoang mang khó tả.

Đang chăm chú theo dõi người ta sắp xếp

phòng tiệc, tự nhiên chàng cảm thấy đau nhói trong bụng khi Hùng và Thục-Quyên bước vào cửa. Vừa thấy họ là chàng nhận ra ngay. Chưa kịp nhìn kỹ hai người, nhất là Thục-Quyên, thì họ đã chạy lăng xăng trong phòng tiệc để coi lại mọi việc cho sẵn sàng. Từ ngày định cư tại Hoa kỳ, Nguyễn Mộng Du chưa bao giờ đi dự tiệc cưới của người Việt Nam nên chàng có cảm giác lúng túng ngượng nghịu khi nghĩ mình sắp sửa phải đối diện với khách lạ trong tiệc cưới.

Khi đôi tân hôn xuất hiện. Chàng thấy cô dâu mặc áo cưới trắng toát. Trông rất nhỏ bé bên cạnh chú rể cao rong rỏng, có khuôn mặt xương xương, và hàm râu quai nón rậm màu bạch kim. Chàng ngước mắt chăm chú nhìn Thục-Nhi rồi lẩm bẩm, "Con bé giống in mẹ nó lúc trẻ." Đôi tân hôn, vợ chồng Hùng, và có lẽ vợ chồng cha mẹ chú rể cùng đứng trong tư thế sẵn sàng để chào đón khách.

Nguyễn Mộng Du nhìn đồng hồ thấy gần sáu giờ. Khách cũng đã đến đông đủ. Chàng đứng dậy, hít một hơi dài lấy bình tĩnh rồi ôm thùng đựng tranh ra chào vợ chồng bạn.

"Ê Du! Sang đây hồi nào sao không cho tao hay."

Hùng buông tay Thục-Quyên nói như hét làm mọi người bỡ ngỡ. Anh chạy lại đưa hai tay ôm bạn với cử chỉ ngạc nhiên thích thú tột độ. Nguyễn Mộng Du cũng ôm vai Hùng và nói đủ cho hai người nghe, "Mày khỏe chứ, lâu quá không gặp nhau." Chàng nhìn thấy mắt Hùng ươn ướt nên cũng bồi hồi theo bạn. Thục-Quyên dù rất ngạc nhiên nhưng cố giấu nỗi xúc động. Nàng đứng im lặng cho đến khi Hùng giới thiệu mình.

"Vợ tao đây, Thục-Quyên, trong thư cho mày tao có nói về cô ấy."

Thục-Quyên khẽ cúi đầu chào và giấu cảm xúc của nàng trong nụ cười rất xã giao làm mọi người, kể cả Hùng, đều tưởng rằng đây là lần đầu tiên nàng gặp Nguyễn Mộng Du. Từ ngày quen biết Hùng, sau khi mất liên lạc với Du, nàng chưa bao giờ kể cho Hùng nghe về Du. Trong tâm nàng, Nguyễn Mộng Du đã chết. Sau biến cố "Bảy Lăm," nàng chờ hai năm không tin tức gì về Du. Hùng đã đến với gia đình nàng như vị cứu tinh. Anh đã lo tổ chức đưa cả nhà nàng vượt biên đến bến bờ bình an. Tình yêu của nàng với Du là thứ tình yêu ngây thơ lãng mạn thuở học trò. Tình yêu của nàng với Hùng là thứ tình yêu phó thác, tin tưởng, và bền lâu. Nàng không kể về Du cho Hùng nghe vì thấy không cần thiết. Chả bao giờ nàng hỏi Hùng về quá khứ chàng và Hùng cũng không thắc mắc về quá khứ của nàng. Hai người gặp nhau trong giai đoạn tuyệt vọng hoang mang và họ đã hoàn toàn phó thác tin tưởng vào nhau. Từ ngày yêu Hùng, nàng chưa bao giờ nghĩ là sẽ gặp lại Nguyễn Mộng Du nên không biết phải cư xử ra sao bây giờ. Hơn hai mươi năm gặp lại người yêu thuở học trò, dù đã quên, nhưng lòng nàng bỗng bối rối, hoang mang khó tả. Thục-Quyên nghĩ thầm là có dịp thuận tiện nàng sẽ phải kể cho Hùng nghe về chuyện của nàng và Nguyễn Mộng Du ngày xưa. Bây giờ nàng không thể tỏ ra vồn vã với Du khi chồng nàng vẫn còn nghĩ hai người chưa quen nhau.

Hùng gọi Thục-Nhi đến chào bạn mình. Cô bé lấy chồng Mỹ nhưng nói tiếng Việt rành rọt.

"Chào bác, cảm ơn bác về dự tiệc cưới cháu. Bố mới nhắc là không biết bác có về được không."

Nguyễn Mộng Du nghe Thục-Nhi nói mà tưởng như nghe được giọng Thục-Quyên hơn hai mươi năm trước. Chàng bắt tay Thục-Nhi và chồng cô bé, Henry Barnard, rồi bưng hộp đựng tranh lên nói, "Quà cưới cho cháu đây."

"Trời ơi bác đi đường xa mà còn phải mang theo món quà lớn thế. Bác cho cháu mở ra ngay được không?"

"Tùy cháu, nhưng sắp đến giờ khai mạc tiệc rồi đấy." Nguyễn Mộng Du vừa trả lời vừa nhìn vợ chồng Hùng xem phản ứng.

"Con nhờ Henry giúp kéo dơ áo."

Thục-Quyên nhắc con và bất chợt nhìn thẳng vào mắt Nguyễn Mộng Du rất vội như một tia sáng xẹt ngang rồi biến ngay. Chàng thấy tim mình nhói lên gần nghẹn thở.

Henry loay hoay một lúc thì mở được thùng gỗ. Anh lấy hai tay nâng bức tranh lên nhìn rồi hô, "Tuyệt đẹp!" Henry kê vội bức tranh tựa vào bàn đón khách rồi cầm tay Thục-Quyên nói với vẻ ngạc nhiên tột độ.

"Ai vẽ bức tranh tuyệt thế?"

Mọi người ai cũng mở to mắt nhìn vào bức tranh với đầy vẻ ngưỡng mộ, ngạc nhiên. Ai cũng tưởng người mẫu trong tranh là cô dâu. Thục-Nhi nhìn tranh rồi đưa tay che miệng làm như vẻ thích thú quá đỗi. Chính cô cũng không biết ai vẽ vì không nhìn thấy chữ ký trên tranh.

Hùng đến ôm vai bạn. Nhìn con gái một cách hãnh diện rồi nói, "Bác Du vẽ đấy!"

"Bác ơi bác tài quá! Thảo nào gần đây lúc nào bố cháu cũng nói về bác. Cảm ơn bác...Cảm ơn bác..."

Chỉ có Henry là đứng nhìn bức tranh như nhà phê bình nghệ thuật đang quan sát, phân tích tranh trong cuộc triển lãm. Anh nghiêng cổ, cúi đầu, xích gần, lui ra, gật gù, và lẩm bẩm một mình trước bức tranh như người vừa khám phá ra một điều gì mới lạ. Từ lúc thấy bức tranh, Thục-Quyên có vẻ như không còn kiềm chế nổi sự xúc động trong lòng nữa. Nguyễn Mộng Du liếc nhìn nhưng không hiểu tâm trạng nàng nên tìm cách quay đi chỗ khác, bắt chuyện với cha mẹ của Henry.

Hùng đưa bạn vào ngồi chung bàn tiệc. Anh tỏ ra rất vui sướng được gặp lại người bạn thân thời nhỏ nên giới thiệu bạn với hết mọi người quen trong tiệc cưới. Thục-Quyên thỉnh thoảng tham dự vào câu chuyện nhưng nàng luôn luôn giữ một khoảng cách rất kín đáo với Nguyễn Mộng Du. Dường như chàng hiểu tâm trạng và hoàn cảnh nàng nên không tỏ vẻ vồn vã lộ liễu. Hùng nằng nặc mời chàng về nhà sau tiệc cưới nhưng Nguyễn Mộng Du đã khôn khéo từ chối và hẹn sẽ qua lại Cali thăm bạn một ngày rất gần.

Một tháng sau đám cưới Thục-Nhi, Nguyễn Mộng Du nhận được thư cô bé. Chiều thứ Sáu, về nhà sau một ngày làm việc cực nhọc tại tiệm sửa xe, chàng nằm trên sofa đọc thư Thục-Nhi. Cô bé viết được hai ba câu mở đầu bằng tiếng Việt, nhưng cả lá thư dài hơn năm trang bằng Anh Văn.

"...Bác Du kính mến, xin lỗi bác là cháu chỉ có thể viết thư cho bác bằng Anh Văn được thôi. Cháu nói tiếng Việt Nam được nhưng chưa viết được xuôi chảy...

Vợ chồng cháu mới đi trăng mật ở Tahiti về. Anh Henry phải đi họp ở New York và bố cháu có việc đi Singapore nên cháu đã về ở với mẹ cháu cho đỡ buồn. Bác Du ơi, chỉ có ba người biết người mẫu trong bức tranh không phải là cháu. Lúc đầu anh Henry bảo người mẫu trong tranh không thể là chân dung cháu được. Cháu nhất định không tin. Nhưng anh cắt nghĩa là dựa theo màu sắc và sự gián đoạn trong bố cục của bức tranh, bác có lẽ đã phải mất rất nhiều năm mới hoàn tất. Anh còn quả quyết với cháu là canvas bác vẽ có thể đã trải qua một thời gian dài còn hơn là tuổi cháu. Anh Henry là giáo sư trưởng ban hội họa đại học UCA. Anh đã có thời làm phối trí viên triển lãm của viện bảo tàng nghệ thuật quốc gia ở thủ đô nên rất rành về chuyện này. Nghe lời giải thích khoa học của Henry cháu đành tin thôi. Anh rất thích bức tranh nên đã mời nhiều bạn anh từ đại học và viện bảo tàng nghệ thuật ở Los Angeles về nhà coi tranh. Nhiều người tưởng anh vừa khám phá ra tài năng mới nên đã dồn dập hỏi về tác giả của bức tranh.

Người thứ hai biết ai là người mẫu trong tranh ngay từ lúc đầu chính là mẹ cháu. Về ở với mẹ một tuần, ngày nào mẹ cũng kể chuyện về bác. Nghe mẹ kể chuyện tình của mẹ và bác ngày xưa mà cháu thấy quí mến bác và thương kính mẹ cháu thêm. Mẹ và những người quen bác đều yên tâm rằng bác đã chết vì hơn hai chục năm rồi không ai biết bác ở đâu. Mẹ bảo dù mẹ đã một thời yêu bác si mê nhưng bố chính là người mẹ yêu chân tình. Lúc mới quen bố, mẹ hoàn toàn không biết bố là bạn thân của bác. Sau này bố thấy bức tranh "Mái tóc chiều mưa" bác vẽ tặng mẹ là của bác, bố mới bảo mẹ là bác và bố chơi với nhau từ bé. Mẹ biết thế nhưng chưa bao giờ cho bố hay về mối liên hệ giữa mẹ và bác. Không phải vì mẹ sợ bố buồn, nhưng mẹ thấy không cần thiết. Mẹ bảo kỷ niệm cuộc tình giữa bác và mẹ đẹp nhưng đã qua. Mẹ không sống bằng quá khứ.

Chỉ những kẻ bất đắc chí mới thu mình gặm nhấm dĩ vãng. Vì dĩ vãng là liều thuốc dưỡng sinh cho những ai không kham nổi hiện tại. Bây giờ bố đã gặp lại bác, mẹ bảo mẹ sẽ kể cho bố nghe, và chỉ khi nào bố nghe xong chuyện này mẹ mới yên tâm để bố mời bác về nhà chơi...

Bác Du ơi tại sao lâu rồi bác im hơi lặng tiếng? Tại sao bác không còn vẽ nữa? Hay bác vẽ mà không cho ai hay biết? Anh Henry bảo thế nào anh cũng phải tổ chức một cuộc triển lãm tranh bác vẽ tại Los Angeles...Cảm ơn bác vẽ chân dung mẹ làm quà cưới cho cháu..."

Những dòng chữ trong thư Thục-Nhi làm Nguyễn Mộng Du như người vừa hồi phục sau một cơn bệnh dài muốn đứng dậy, chạy nhảy, ăn uống cho thoả thuê. Chàng chồm dậy lấy cọ ra vẽ miệt mài. Những đường cọ trên tay chàng rực lên niềm hy vọng đang hồi sinh sáng chói trên khung vải. Vừa vẽ chàng vừa lẩm bẩm, "Họa sĩ không còn vẽ là họa sĩ chết. Mình phải sống lại, phải vẽ. Chỉ có nghệ thuật mới cho mình ý nghĩa để sống. Chỉ có tác phẩm mới chứng minh được sự hiện hữu của người nghệ sĩ." Nguyễn Mộng Du đứng vẽ say mê và đêm không còn hoang vu vô tận nữa.●

ÁNH TUYẾT

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Để cho Tú-Anh, Tường-Linh, Đan-Tâm.

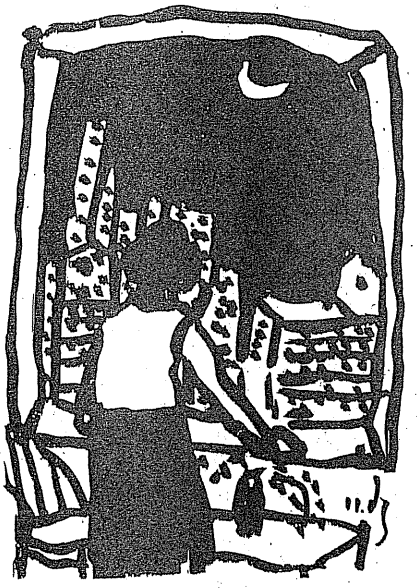

Trên tủ sách trong phòng làm việc của Tâm, lạc lõng giữa những cuốn sách khoa học chuyên môn dầy cộm là một cuốn sách tiếng Việt nhỏ, gáy thò ra ngoài mời mọc. Cuốn sách có tên *Yêu con, dạy con nên người Việt,* tôi tò mò mở đọc.

"Sao anh có cuốn sách này ở đây? Mà dạy con nên người chưa đủ, phải dạy con nên người Việt?"

"Cậu không nên khe khắt quá. Tôi nghĩ ông tác giả đặt tên như vậy để bán sách cho dễ. Nếu tên cuốn sách là 'Yêu con, dạy con nên người' thì cuốn sách sẽ lẫn với cả trăm cuốn sách "How to..." khác. Cậu đã biết chi tiết có thể có nhiều nhưng nguyên lý chỉ có một, hai. Tôi đã đọc cuốn sách, nếu nghe theo lời khuyên thực tế của tác giả, chỉ cần thay đổi một ít chi tiết cậu có thể dạy con nên người Anh, người Mỹ, người Gia Nã Đại, người Congo..."

Câu chuyện tiếp đó xoay quanh mấy thế hệ trẻ gốc Việt đã ra đời từ hơn hai mươi năm nay trên khắp thế giới và sau cùng quay sang Ánh-Tuyết, con gái đầu lòng của anh Tâm. Câu chuyện bắt đầu khi Ánh-Tuyết một hôm đi học về kể cho bố mẹ nghe chuyện đứa bạn học cùng lớp trọc nó nói: "Papa chinois, maman chinoise, bébé tout mélangé." Tâm suýt phì cười khi Ánh-Tuyết phản đối, nói nó là Việt Nam chứ không phải Tầu. Nhưng đó không phải là một câu chuyện để cười, đối với Ánh-Tuyết, một đứa bé mới sáu hay bẩy tuổi, đó là một câu chuyện rất nghiêm trọng.

Phản ứng thô bạo đầu tiên của Tâm là bảo con lần sau nếu đứa nào nói vậy thì trả lời trước hết nó là Việt Nam, sau nữa là dân Việt Nam đã từng "kick the shit out of even authentic frogs."(1) Anh ngừng lại kịp thời, anh không thể dạy con anh nói thế. Vả lại nó chẳng giải quyết được gì, và Ánh-Tuyết không

đủ tư cách để nói câu đó, nó không được chuẩn bị giống bố nó. Tâm nghĩ lại những quyển sách anh đọc từ khi còn nhỏ, như Những Trang Sử Vẻ Vang, tiểu thuyết nhiều hơn là lịch sử. Hay câu chuyện về ông giáo sư, đại tướng say sưa giảng bài về Napoléon hành quân ở Austerlitz, câu chuyện huyền thoại do thầy học cũ kể lại anh không thể kiểm chứng. Chuyện anh có thể kiểm chứng là chuyện ông giáo sư, kịch sĩ, thầy dạy sử của anh ở trường Nguyễn Trãi, Hà Nội mà anh rất cảm phục. Ông có đầu bóng mượt, mắt có nhiều tia máu có lẽ vì rượu. Đứng trên bục gỗ cao quan sát cả lớp trong một hai giây, với dáng điệu của một kịch sĩ trên sân khấu ông nói: "1789!" Rồi ông bước đi vài bước trong im lặng, chờ cho 1789 như một hòn đá nặng nề rơi xuống an tọa giữa lớp, ông giảng tiếp "trong khi dân chúng Paris sửa soạn phá ngục Bastille bắt đầu một cuộc cách mạng thì vua Quang Trung sửa soạn..."

Hết chiến tranh Việt-Pháp, anh vào học ở trường Quốc Học, Huế, nhớ lại hai câu thơ của cụ Thượng Trứ: "Ngã kim nhật tại tọa chi địa, Cổ chi nhân tằng tiên ngã tọa chi" mà anh nhất định hiểu là "hôm nay ta ngồi đây, người xưa ai đã ngồi đây?" anh đi kiếm mãi trên các bàn học xem có ai khắc tên mình trên mặt bàn không, và nếu có thì tên có quen thuộc không. Biết đâu đấy! Sang một tòa nhà khác thuộc nhà trường, lính Tây mới dọn đi, cả một tầng lầu rộng thênh thang dùng làm chỗ ngủ, trên tường hãy còn đầy chữ viết. Tâm không còn nhớ rõ chi tiết, nhưng khi đọc anh thấy thật tội nghiệp. Chắc những anh lính này còn rất trẻ, họ viết, tục cũng có nhưng hầu hết là về chuyện yêu đương, về người tình hay vợ con của mình. Tâm tự hỏi những người lính trẻ này, ai còn sống và ai đã chết.

Những mẩu chuyện rời rạc, tương tự như vậy là phần hành lý của đời anh. Chúng sẽ mãi mãi là những mẩu chuyện rời rạc nếu một hôm trên đất Mỹ anh không tình cờ đọc cuốn *The Struggle for Indochina* của Ellen J. Hammer xuất bản năm 1954, trong đó có câu trích: "... We have sometimes been weak, and sometimes powerful, but at no time have we suffered from a lack of heroes." Bà Hammer viết thêm không có lý do gì để tin rằng cái tinh thần này đã thay đổi. Câu nghe quen quen, chú thích nói tác giả câu đó là Nguyễn Trãi và bài viết là Bình Ngô Đại Cáo. À ra thế, "... Dẫu cường nhược có lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có," câu anh học thuộc lòng từ bao giờ. Như nước tuy ở không độ mà không thể kết tinh thành nước đá, cần phải lẫn một chút gì khác để bắt đầu, những điều anh học hay đọc hay chứng kiến ngày xưa đột nhiên trở nên mạch lạc, kết hợp thành hệ thống. Có lẽ đó là cái mà ông nhà văn nào đó gọi là Việt tính, một kinh nghiệm bản thân rất riêng tư, mỗi người tìm thấy và hiểu theo một cách.

Cái Việt tính đó là tất cả và có lẽ chẳng là gì hết. Trong suốt thời gian dài sống ở nước Mỹ "Việt tính" của Tâm không có dịp biểu lộ. Cho đến một hôm đi chơi ở Thụy Sĩ, đứng trong thang máy để đi trượt tuyết chỉ có ba người, một người Anh, một người Mỹ và Tâm. Ông người Mỹ, một thương gia ở Philadelphia, cũng như nhiều người Mỹ khác, rộng rãi, giản dị và chất phác, nói chuyện vui vẻ. Khi biết Tâm là người Việt, ông vỗ vai anh, nói với giọng kẻ cả nước Mỹ là bạn, đến Việt Nam để giúp dân Việt v.v. Lúc đó chiến tranh ở Việt Nam đang hết sức tàn bạo, Tâm đang bực mình vì vừa đọc báo thấy ông tướng Mỹ tuyên bố phải bỏ bom cho Việt Nam trở về thời đại đồ đá và đổ bê tông phủ kín nước, Tâm bắt đầu khá nhã nhặn là giữa hai quốc gia không có tình bạn mà chỉ có quyền lợi, khi quyền lợi không va chạm thì kể như là bạn. Cuộc độc thoại xuống dốc từ điểm đó, ông du khách người Mỹ rất ngạc nhiên không hiểu mình đã làm gì trái quấy, để phá vỡ bầu không khí căng thẳng ông du khách người Anh bèn chêm vào mấy câu khôi hài. Tôi cười nói với anh:

"Tôi nghĩ phản ứng của anh là biểu tượng của một mặc cảm 'thuộc địa' còn chìm rất sâu trong anh hơn là cái mà anh gọi là Việt tính."

"Cũng có lý, Tâm trả lời. Cậu thấy kinh nghiệm sống của mình chẳng được việc gì trong việc dạy con mình hết. Nếu trẻ con trọc con cậu 'Papa chinois, maman chinoise, bébé tout mélangé' thì cậu cắt nghĩa cho nó thế nào cho phải?"

Tâm rất ghét mấy tiếng "kỳ thị chủng tộc," vừa hèn vừa xấu xí, thô tục, nhất là khi mấy người dân nhập cư dùng nó để tranh đấu cho quyền lợi kinh tế. Anh nghĩ tính vị chủng (ethnocentric) thỏa đáng hơn, nhưng anh không thể cắt nghĩa cái sắc thái tế nhị đó cho cô con gái sáu, bẩy tuổi. Cuối cùng trẻ con tìm thấy trình độ riêng của nó. Ở Ánh-Tuyết, đó là sự hội nhập - being one of the crowd. Với bạn nó, nó trở thành Ann. Về điểm này bố mẹ

nó chịu trách nhiệm một phần, đặt tên nó là Ánh-Tuyết với mục đích nếu ai không phát âm nổi thì cứ gọi là Ann cho tiện. Cô giáo dương cầm người Anh của nó không đồng ý, cô nói: "Ann, Ann, ngõ ngách nào cũng có thể kiếm được Ann, nhưng Ánh-Tuyết thì chỉ có một; đứa nào thật là bạn em nó sẽ đọc được tên em." Như để nhấn mạnh, bao giờ cô cũng gọi nó là "Anh-Tu-yêt." Ánh-Tuyết không bị thuyết phục, cố là một trong đám đông, nhiều khi có những cử chỉ quá đáng, thành thử mỗi lần như vậy nó cứ thò trơ ra như ngón tay cái bị đau.

Ánh-Tuyết thành công hơn khi nó làm gì để chứng tỏ rằng nó khác những đứa trẻ khác, vì chính khi ấy nó mới thật trở thành một trong đám đông. Bạn nó rất thích những quà tặng sinh nhật nó làm. Nó được nhiều giải trong những cuộc thi dương cầm, và sau khi nó được giải cao nhất trong một cuộc thi thì nó thôi. Nghe nó chơi dương cầm một biến tấu rất dài của Mozart lần đó, tôi có thể hình dung được một cậu bé ngây thơ vui chơi, chạy nhảy, láu táu nói chuyện với mẹ. Nốt nhạc cuối cùng tan biến, Ánh-Tuyết khẽ từ từ nâng cao hai bàn tay xinh xắn như một nhạc sĩ nhà nghề. Nhìn nó mỉm cười đắc thắng, tôi nghĩ nó thích thú về vẻ đẹp được tạo ra bởi bàn tay của nó. Nhưng có lẽ không phải, bố nó nói sau đó nó thôi. Thôi hoàn toàn, thôi không chạm đến dương cầm nữa. Ở trình độ âm nhạc của nó, bắt ép nó không có lợi gì. Con bé thật tài hoa, mới có mười hai tuổi.

"Bỏ bao nhiêu công sức và thì giờ chỉ để chứng minh một điểm là mình có thể làm hơn kẻ khác, Tâm nói với giọng nhẫn nhục, động cơ thúc đẩy quá nghèo nàn, nó được đền bù quá ít."

Từ kỳ thị chủng tộc, đến tính vị chủng, đến Việt tính rồi đến việc Ánh-Tuyết thôi học âm nhạc, tôi nghĩ chuỗi lý luận của Tâm hơi dài. Tôi nghĩ cái mà anh gọi là Việt tính phức tạp hơn là tổng cộng một vài chuyện nhỏ dính dáng đến văn hóa hay lịch sử. Tôi còn nhớ những lần anh kể chuyện ông nội bắt anh ngồi chép gia phả, hay trong chiến tranh Việt-Pháp anh tản cư về nhà quê, anh nói khổ như con chó, nhưng anh tả với một giọng thật trìu mến những buổi đi câu cá, tắm sông, những đêm không trăng chạy Tây khắp đồng ruộng tỉnh Thái Bình, những buổi chiều cả gia đình chạy dài dài trên bờ đê rặng nhãn tỉnh Hưng Yên. Rồi những chuyện nhỏ lặt vặt khác, tự chúng không có ý nghĩa gì và có khi đã quên, tất cả đều là yếu tố cấu tạo của Việt tính như anh định nghĩa. Do đấy Việt tính của anh trơn như con lươn, không sao nắm được. Tôi tin chắc nó có nhiều ảnh hưởng trong việc dạy dỗ Ánh-Tuyết.

Mặc dầu sống ở Bắc Mỹ rất lâu năm, Tâm còn rất Việt - through and through - có lẽ vì cần thiết, còn Việt nhiều hơn là khi còn ở trong nước nữa, nhưng anh không phải là người câu nệ, quá đáng. Ánh-Tuyết nói được tiếng Việt, đọc lõm bõm được tiếng Việt, nhưng không phải là Việt như bà nó mong muốn. Lý do Tâm cố giữ tiếng Việt cho con anh là để phòng xa, sau này nhớn lên muốn tìm hiểu, học hỏi về nguồn gốc của nó, nó vẫn còn phương tiện. Anh lý luận tất cả liên hệ tình cảm nó có với những gì gọi là Việt là điều bố mẹ nó người Việt. Có vậy thôi, sinh đẻ ở đây, trách nhiệm đầu tiên của nó là đối với nước này. Tuy có thái độ rất vừa phải này, hầu hết những gì Tâm quyết định cho con đều do thói quen nhiều hơn là lý trí, có nghĩa là mang nhiều "Việt tính," như việc chọn trường cho

HOÀNG TƯỜNG ANH

NGÀY XUÂN

Mai vàng rụng cánh ven sân
Ngày xuân có rộ cũng ngần ấy thôi
Ta đem chiếu giải ra ngồi
Chẻ bài tam cúc ước thời ấu thơ
Gọi cây
Tướng,
Sĩ,
Tịnh điều.
Gọi đôi
Xe,
Pháo,
Mã,
nhiều xót xa.
Bao nhiêu năm đã xa nhà
Bấy nhiêu năm ấy mẹ già sầu mang.

nó.

Cuối năm cuối cùng của tiểu học, Ánh-Tuyết thi đỗ vào một trường trung học tư thục điều khiển bởi các bà sơ. Đi thăm trường Ánh-Tuyết cũng thích, nhưng có lẽ không thích nhiều bằng bố mẹ nó. Ngôi nhà cổ kính, trần thật cao, hành lang thật rộng dài hun hút, được lau sạch bóng khiến Tâm nhớ lại những trường anh học ngày xưa. Anh cho Ánh-Tuyết học trường bà sơ không phải vì lý do trưởng giả mà vì anh thật tình tin tưởng nó sẽ có một giáo dục tốt, trước hết nó đã qua một chọn lọc. Cái Việt tính trong việc chọn lựa lộ ra khi anh buột miệng nói "cho chắc ăn", nhất là vì sống ở nước này. Điều hiểu ngầm là trường bà sơ, vì lý do này khác, dính chặt với một đạo đức cao.

Có lẽ đó là một điều lầm. Trường bà sơ nào cũng giống trường bà sơ nào, học rất cẩn tắc, từ chương, Ánh-Tuyết có một giáo dục tốt. Tuy nhiên, sau vài tháng nó không còn yêu bộ đồng phục rất thanh lịch như lúc đầu nữa; gần như thù hận trường, nó nói như phun nọc độc "cái nhà tù!" Mặc dù biết đổi trường là một điều không tốt, một vài lần bố mẹ nó hỏi có muốn đổi trường không, có lẽ vì thể diện Ánh-Tuyết không đổi. Vì là trường con gái toàn con gái, Ánh-Tuyết không có nhiều bạn trai, bố mẹ nó đỡ được quyết định về "dating" khi trẻ con mới có mười hai, mười ba tuổi. Nhưng cũng vì học trường toàn con gái, gặp con trai Ánh-Tuyết lúng túng như con gà tây; khi nó chữa nhiều khi thái quá thành ra lố. Ánh-Tuyết ra trường năm mười sáu tuổi, cũng rất kiêu hãnh với cái nhẫn ghi năm nó tốt nghiệp.

Ánh-Tuyết có một tuổi thơ sung sướng, nó rất gần gũi với Tâm, bắt chước bố đủ điều. Nó lẽo đẽo theo Tâm làm "helper" khi anh đóng giường cho nó, bút chì gác trên tai chờ bố cần hỏi bút chì. Để bù lại Tâm dành hầu hết thì giờ rảnh rỗi cho con. Nhưng từ khi Ánh-Tuyết lên trung học anh nhận thấy sự thắm thiết giữa hai bố con nhạt dần. Ánh-Tuyết thường có cái nhìn xa vắng, hình như nó rất cô độc, luôn luôn hằn học một điều gì. Càng cố suy nghĩ, tìm hiểu anh càng thấy vấn đề phức tạp: vì đang nhớn, vì ở tuổi *teen*, vì học trường bà sơ, vì bị gò bó quá trong gia đình?

Tâm cố lập lại liên hệ tin cậy cũ nhưng anh không thành công nhiều. Ngày sinh nhật mười sáu tuổi của Ánh-Tuyết, đáng lẽ xuống phố mua cho con một món quà Tâm muốn cho con một cái gì có nhiều ý nghĩa hơn, anh viết cho nó một lá thư dài. Đại khái anh nói với nó không nên nhìn gia đình như một trở ngại, làm cho nó ngột ngạt không thở được, mà là một điểm tựa khi nó gặp điều gì khó khăn, một nơi nó có thể tìm thấy an ủi hay giải bầy tâm sự. Anh kể lại quãng đời anh khi còn nhỏ, sống thiếu thốn trong chiến tranh nhưng không vì thế mà mất hương vị của tuổi thơ. Anh tả lại những mái trường cũ, có thể là một đình làng với cột lim to cả người ôm, hay là những tòa nhà đẹp đẽ tại Hải Phòng, Hà Nội hay Huế. Anh nói sinh trưởng ở nước này Ánh-Tuyết có những tiện nghi khi còn nhỏ không bao giờ anh mơ tới được; nhưng trái lại nó cũng có những thiệt thòi, thí dụ như nó vẫn có những nghi ngờ, vẫn thiếu một niềm tin, vẫn còn cần một thứ lý lịch. Anh hiểu những khó khăn của nó. Trích một đoạn thư Tâm viết cho Ánh-Tuyết:

"... Cái liên hệ quyến thuộc (sense of belonging) đó bố không thể cho con, nó cũng chẳng ích lợi gì cho con. Với bố, nó là kết quả của nhiều năm sống với thất bại và thành quả, trong sợ hãi và hy vọng, trong cơ cực và mãn nguyện. Với bố, nó là kết quả của những đêm không trăng phải đi bộ suốt đêm tại đồng quê, nghe mãi tiếng chân của chính mình, dần dà nẩy nở một tình yêu và kính trọng cho mảnh đất trên đó mình đang bước. Với bố, nó là kết quả của ngày lại ngày đi dọc theo hành lang dài của những mái trường, nhìn những viên gạch mòn lõm, tự hỏi những ai đã từng bước trong hành lang này.

Phải đó, con gái, tòa nhà to lớn, vô tri vô giác này được nhiều người biết đến là nhờ những người đã bước đi trong hành lang của nó; và nếu không làm nó rạng rỡ thêm, ít nhất bố con cũng không làm nó dơ bẩn. Con thấy không, của ai người ấy giữ, những ràng buộc tình cảm này mình phải tự kiếm lấy một mình, riêng biệt và độc lập. Biết đâu đấy! Một hôm, một bà mẹ nào đó cùng cô con gái nhỏ về thăm trường cũ, cái nhà tù to lớn, vô tri vô giác. Giới thiệu con cho bà sơ giám thị ("Cú Vọ"), này đã rất già, bà có thể cảm thấy cái nhìn trìu mến, nụ cười hiền hòa, và bà tự hỏi tại sao những đứa trẻ quái ác có thể cho sơ cái tên Cú Vọ. Bà hãnh diện khoe với con Ánh-Tuyết cũng đã từng là tên tù trong đó và trên bà có hai năm. Bà dệt một câu chuyện về Ánh-Tuyết một cách trìu mến, chuyện có thật hay không không quan trọng. Đây chính là cùng một nhà tù với hành lang bóng loáng mà

bà đã từng kinh sợ, và ở trong đó bà đã từng làm việc mờ người."

Tâm kể tiếp cho con anh chuyện một anh bạn đồng nghiệp rất thân, người Mỹ, một hôm hỏi anh: "Nói cho tôi nghe, tại sao người ta gọi chúng tôi là giặc? Chúng tôi có thể là nhiều thứ, nhưng chúng tôi không là giặc." (Tell me, why do they call us bandits? We may be many things, but we are not bandits.) Tâm cười nói với bạn anh có thể tìm thấy một phần câu trả lời ở trong cách đặt câu hỏi của anh, "them and us." Vả lại anh cũng chẳng nên than phiền vì anh có nhiều bạn đồng hành lừng lẫy, trước anh là giặc Pháp, giặc Tầu. Và đối với "giặc" Tầu thì chúng ta là những kẻ chung thuyền, chúng ta đều là "rợ": rợ Nam, rợ Bắc, rợ Đông, rợ Tây. Bạn anh cười nói khôi hài bây giờ mới vỡ lẽ, vì trong bao nhiêu năm bị nhồi sọ, chữ Tầu dùng để chỉ những người trông tiệm giặt ủi hay những người phu xây dựng đường sắt.

Cuối cùng Tâm viết nhắc lại chuyện "Papa chinois..." gần mười năm về trước, câu chuyện bây giờ dễ cắt nghĩa. Anh nói Ánh-Tuyết vẫn còn nhiều khó khăn giải quyết những mâu thuẫn, tìm chỗ đứng cho"them" và"us" trong chính nó. Tất nhiên Ánh-Tuyết - "us" - không có kinh nghiệm về Việt Nam như anh - "them" - nhưng nếu lợi dụng được, cái di sản Việt Nam trong nó sẽ cho nó một đời sống rất phong phú. Tâm đọc kỹ lại thư anh viết nhiều lần, đôi chút bóng bẩy nhưng anh nghĩ anh viết không sáo. Anh bỏ thư vào phong bì rồi đút qua khe cửa buồng Ánh-Tuyết.

Tâm không biết con anh hiểu và cảm thấy được bao nhiêu điều anh viết. Văn hóa ở nó là một thứ văn hóa quả chuối (2), bên ngoài tuy có vàng, nhưng bên trong trắng bóc. Ngay cả việc chọn quả chuối làm biểu tượng cũng là một điều đáng tiếc vì chuối không phải là thổ sản, mà nhập cảng từ Trung hay Nam Mỹ, khi cắt xuống chuối hãy còn xanh thành thử khi vào đến đây đã mất nhiều hương vị. Ánh-Tuyết tuy vàng nhưng nó thiếu cái tế nhị, tinh tế của người phương đông, tuy trắng nhưng nó chưa có cái tế nhị, tinh tế của người phương tây. Với Ánh-Tuyết, phong tục, tập quán là những điều trừu tượng. Có lẽ tại môi trường sống ở đây, khái niệm về thời gian và không gian lệch lạc hết, nó hãy còn bỡ ngỡ với những chuyện như thờ cúng tổ tiên, hay hiểu một cách mơ hồ về sự quan trọng của ngày Tết.

Đêm ba mươi Tết, tuy Ánh-Tuyết về nhà đúng giờ như mẹ dặn, nhưng nó hậm hực nằm trong phòng vì nằn nì xin phép mãi mà không được bố mẹ cho ngủ lại nhà bạn. Thật ra việc ngủ nhà bạn không phải là chuyện thường xẩy ra, nhưng đêm ấy mấy đứa bạn cùng lớp định tổ chức một đêm đặc biệt, chiếu hai ba videó. Mẹ nó đã giảng về ý nghĩa ngày Tết cho nó đến cả mười phút đồng hồ, nhưng ngoài việc có tiền mừng tuổi Ánh-Tuyết thấy đêm ba mươi Tết không khác gì bất cứ đêm nào khác. Nó có thấy bà cẩn thận quét nhà, và nấu cúng giao thừa, nhưng nó không có cái thú được ngồi canh nồi bánh chưng những đêm trước Tết, chờ đến đỏ mắt chiếc bánh chưng xinh xinh như bố mẹ nó.

Trước nửa đêm, mặc dầu tuyết rét, bà nó cẩn thận ra ngoài hái lộc, cắt mấy cành cây đầu xuân (forsythia) rồi quay về xông nhà ("cho chắc ăn"). Trong khi bà còn đang mừng tuổi bố mẹ nó thì Ánh-Tuyết tức nhịn không nổi nữa, nó mở cửa buồng ra đứng đầu cầu thang khóc và la to: "I wish you all dead, and soon!" Mẹ nó dịch vòng quanh cho bà nó nghe. Tâm dẫn con vào trong phòng, nói trong bất cứ thứ văn hóa nào, dù là quả chuối, quả soài, hay quả mít... đó là điều không thể chấp nhận được, đó là ngôn ngữ cống rãnh.

*

Tôi cảm thấy tội nghiệp Ánh-Tuyết. Không phải lỗi của nó mà do sự bất hạnh của nó (3). Tôi định viết về chuyện Ánh-Tuyết mà một nửa thành ra chuyện của Tâm. Nghĩ cho cùng, có lẽ đó là điều khó tránh. Ánh-Tuyết chẳng qua như ảnh trong gương, không phải, như âm bản của bố nó. Cũng sẽ vất vả, nhưng rồi cũng kiếm được con đường nó đi, theo cách của nó.●

Aylmer 05-01-1999

Chú Thích:

(1) Frog - tiếng tục chỉ dân Pháp.

(2) Người viết nghe thấy mấy chữ "văn hoá quả chuối" lần đầu tiên từ giáo sư Nguyễn Quý Bổng.

(3) Hình như chuyện của Anatole France. Chuyện một cậu bé, con nhà tử tế khá giả. Một hôm đứng trên gác trông xuống đường, cậu thấy một đứa trẻ lem luốc nghịch chơi ở cống, rồi còn làm mặt trêu cậu nữa. Cậu thèm được như đứa trẻ đó lắm. Bà mẹ thấy vậy, cắt nghĩa cho con rồi nói: "Ce n'est pas sa faute, c'est son malheur." Bà không quên nói thêm con bà là con nhà tử tế, không được làm như thế.

VIAGRA VÀ HÍ HỌA

BABUI 75 MAMBARAO

Pat Oliphant *Universal Press Syndicate*

Sunday, May, 24-1998

Năm qua ở Mỹ có hai trận bão lớn, bão thời tiết El Nino và bão tình Clinton - Monica, cơn bão thứ hai tuy với sức gió "hiu hiu" nhưng đã thổi tốc chiếc váy của nàng Monica và làm lung lay chiếc ghế của Ngài Clinton. Đây là cơn bão mang tai tiếng thị phi nhất từ trước đến nay vì thiên hạ được đầy tai chuyện tình ướt nhẹp của "Vua tôi và thiếp." Cộng hưởng thêm với "tình yêu như trái phá con tim mù lòa" này, là sự ra đời của thần dược sex Viagra, nên năm Dần vừa qua của chú Sam có thể gọi mà không sợ bị mang tiếng "công xúc tu sĩ" là năm tình dục... bắt cọp.

Thần dược Viagra xuất hiện đã làm nên một cuộc cách mạng tình dục hết sức "to và lớn," nó đã đánh thức chiếc đồng hồ sinh học hết pin của quí liệt sĩ trên toàn thế giới để bắt đầu lên dây thiều chạy lại, bắt đầu đổi giờ từ 6g30 ảm đạm của buổi chiều tà thành 12 giờ trưa hoàng đạo.

Vào thời điểm này dĩ nhiên báo chí, đài phát thanh, truyền hình và cả "loài người tiến bộ" hết lời ca tụng thuốc Viagra. Theo đóm ăn tàn với lực lượng tiền hô hậu ứng kể trên, tất nhiên phải kể thêm giới vẽ hí họa. Nói theo kiểu dao to búa lớn thì đó cũng là lực lượng mũi nhọn, luôn luôn đứng trước đầu sóng ngọn gió của thời cuộc, vì một tranh hí họa đổ đồng tương đương với cả ngàn chữ viết, như thể sắc thuốc Bắc từ ba chén nước còn lại tám phân vậy! Nên tác dụng của hí họa nhanh và hấp dẫn hơn đọc. Ngoài ra tranh hí họa còn phải là loại tranh "vừa thổi vừa xem" thì mới đã ngứa, ít ra tranh phải gãi đúng chỗ, bắt kịp nhịp đập thời sự và chuyện ta bà thế giới; như "cuộc tình mình như mây mùa thu" của nàng Monica mà hí họa Mỹ đã cho nổ tan xác pháo trong thời gian qua.

Thường họa sĩ vẽ tranh hí họa hay tự mình kiêm nhiệm luôn nhiều vai trò nặng ký khác nhau, nào là nhà nhiếp ảnh, nhà viết kịch, và nhà văn nhưng dĩ nhiên tất cả đều ẩn danh.

Này nhé, là nhà nhiếp ảnh nhưng không có máy ảnh, nên các tay vẽ hí họa phải bò lăn, bò càng để vồ, chụp, nắm, bắt thời cơ cho kịp thời và đúng lúc, thì may ra mới có được những "tranh nóng" cho độc giả xem, không kể nhiều khi còn phải làm thao tác "ráp nối phim," lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia để tạo thêm tình tiết éo le gay cấn. Là nhà viết kịch, phải biết chia hồi phân cảnh thắt gút, mở gút một đề tài, một ý tưởng để tạo nên những tình huống có vấn đề, hòng gây chú ý cho người xem. Là nhà văn, đương nhiên phải tạo được cho mình một bút pháp riêng, cũng thai nghén sáng tạo nhì nhằng những nhân vật chánh diện, phản diện, lúc nào cần câm thì câm như hến (tranh không lời) lúc nào cần "phụ đề Việt ngữ" để bốp chát gỡ gạc thì cũng phải nổ cho ra trò, nổ tưới hạt sen, qua những mẫu đối thoại đủ tầng số, cường độ: hỉ, nộ, ái, ố, dục, lạc... Rõ ràng nghề chơi nào cũng lắm công phu, huống hồ vẽ hí họa về Viagra, có dây dưa tình cảm với sex! Ở Mỹ thần dược Viagra được sử dụng đều trời không những ngoài đời (giới bình dân học vụ, giai cấp quí tộc) mà còn tràn lan trong tranh hí họa nữa.

Xin được dẫn chứng qua tranh của Pat Oliphant (*The San Diego Union - Tribune*, Sunday May 24, 1998). Nhân vật chính gồm Chàng và Nàng, Nàng trông dáng vẻ bụ bẫm, tay đang cầm lọ Viagra, hướng dung nhan mùa hạ về phía độc giả với nét mặt nghiêm và buồn, không hiểu vì lý do thầm kín gì nàng lại đan tâm đổ bỏ lọ thần dược của chàng vào bồn nước... Trong khi ấy chàng nào hay biết gì, vì còn đang say men chiến thắng của thuốc, mải mê lo cập nhật hóa thành tích, cứ mỗi lần ra quân chàng ghi dấu bằng một vạch trên vách và đây là vạch thứ 19 của chàng. Tuy họa sĩ không cho biết liều lượng thuốc mà chàng đã dùng, nhưng nếu so sánh hai kiểu thao tác trên, quí vị sẽ nghiệm ra được tác dụng "thần dược" của thuốc như thế nào. Tại sao Nàng lại trút bỏ lọ thần dược của chàng? Nàng muốn bảo vệ sức khỏe cho chàng chăng? Nàng hết còn yêu thương chàng hay nàng chịu đời hết xiết với chàng, với thuốc?

Về phần chàng, nếu không còn tìm thấy lọ thuốc thần trang bị tận răng đâu nữa, thì phản ứng của chàng sẽ như thế nào? Lúc đó đành hát câu "Đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng không thành" hay ngồi đó mà khóc ngoài quan ải?

Sau khi xem xong tranh này, tôi cứ bị ấm ức mãi như bị bò đá, về việc đổ bỏ thần dược, đúng là bỏ thì thương mà vương thì tội. Đây là tội lãng phí tài lực (đôla) và vật lực (nguồn năng lượng tiềm tàng mặt trời bé con đồi dào trong thuốc), ngứa nghề, tôi có ý định ăn theo thêm một tranh nữa, không biết Pat *say "yes"* hay *"no."* Nếu "yes", trong tranh này, tôi sẽ để cho vòi nước tưới cây ngoài vườn... tự thú trước bình minh, nghĩa là, sau khi bị ngấm thuốc, cả đường ống đang nằm im lìm bỗng dưng rục rịch, cựa quậy và ngóc đầu dậy... Quí vị nghĩ sao? Có như vậy mới hợp tình hợp lý và triệt để khai thác chức năng của thần dược bị đổ bỏ chứ!?

Và trong một tranh khác của họa sĩ hí họa Mỹ (rất tiếc tôi quên tên tác giả, quí vị nào đã xem qua xin vui lòng nhắc hộ thành thật đa tạ). Họa sĩ này cho giới quí tộc thưởng thức Viagra. Người mẫu trong tranh không ai khác hơn là ngài Clinton, Ngài được họa sĩ ưu ái cho uống Viagra thì đủ biết Ngài được quần chúng ái mộ quá chừng chừng, đặc biệt là phái đẹp.

Chẳng một chút thẹn thùng sau vụ tai tiếng với Monica Ngài đang rất ư "hồ hởi phấn khởi" vì trong tay đang cầm lọ thần dược bách phát bách trúng... theo kiểu "phen này toàn thắng ắt về ta", nhưng xui cho chàng (lại thêm một phùa xui nữa) Ban tham mưu (của Nhà trắng và Lầu năm góc, đoán chừng vậy!) trông thấy, tất cả đồng thanh say "No" và ba chân bốn cẳng lao thẳng về phía Ngài như thể Ngài đang uống độc dược để quyên sinh vậy... Kết quả khỏi cần bàn cũng thừa biết là Ngài bị cụt hứng, ít nhất là tới thắt lưng quần! Giả như Ban tham mưu không trông thấy và ngăn chận kịp thời hành động "điên rồ" nói trên của Ngài, thì cả nước Mỹ ngày hôm đó phải thay phiên nhau thức giấc để "canh me" ngài, vì sau khi thuốc ngấm, Ngài sẽ đi lung tung theo kiểu không người lái thì biết mô mà tìm. Hơn nữa nhóm máu của ngài được quần chúng xét nghiệm là nhóm máu số (thay vì là mẫu tự A, B, AB, O như bàng dân thiên hạ), đã mang nghiệp dĩ vào thân với nhóm máu này mà còn lạm dụng tính "ngay thẳng" của thần dược nữa thì ai mà chịu đời cho thấu với Ngài!

Về đến Việt Nam, thần dược Viagra có vẻ như đã bớt đi tính hung hãn của nó. Họa sĩ hí họa Nốp cũng theo thời thượng đưa Viagra vào tranh dưới hình thức chắt chiu từng viên Viagra một, bỏ vào rượu ngâm chung với rắn, tắc kè, bìm bịp... theo kiểu Đông - Tây "hòa hợp hòa giải". Phải chăng theo Nốp uống thần

được Viagra theo kiểu tư bản, hả họng thảy vào rồi nuốt thiếu tính nhân bản và không có văn hóa? Tuy ngâm vào rượu theo kiểu "Xã Nghĩa" nồng độ có bị pha loãng đi chút ít cũng chẳng sao vì có còn hơn không, lại được uống khề khà từng hớp nhiều lần, rượu chạy đến đâu rần rần và tưng bừng đến đó thì còn gì thú vị bằng? Đúng là nền văn hóa nào thì phục vụ cho chế độ chính trị đó như "Đảng ta" thường nói.

Trở về với cái tôi... Babui "nhầy nhụa và nhiễu nhão" này, từ lúc nghe tin Viagra xuất hiện, tôi đã ăm ắm nằm đề trên Thế Kỷ 21 với đôi ba tranh Viagra... gọi là. Nếu quí vị cho phép, tôi xin được trích đoạn và diễn nôm đôi điều. Trước đây, tôi không nghĩ sẽ có một ngày nào đó... mình vẽ tranh hí họa, nhưng từ khi sa cơ thất thế vào hí họa thì lại là cái nghiệp, vì đó là cái nghiệp nên với một đề tài hay một ý mới nào đó về Viagra tôi hay loay hoay trăn trở theo nhiều kiểu, nhiều cách khác nhau cho hợp... khẩu vị, như đã lỡ... uống xong Viagra vậy.

Trang số 1 (TK 21 số 111 trang 22). Viagra với đầy đủ nội lực thâm hậu của nó: trẻ không tha, già không chừa. "Chàng là Cụ" vì "liệt sĩ" chưa trang bị thần dược, dáng vẻ của Cụ thật chán chường mệt mỏi, dường như đuổi ruồi không bay, còn Nàng... ngồi đó, tuy gần mà xa, "hiện trường lao động" đối với Cụ lúc này là hai phương trời cách biệt, nghìn trùng xa cách. Nhưng sau khi lận lưng được lọ Viagra... "Cụ là Chàng" (đây là tình huống "có vấn đề"), nhận chân được giá trị lọ thần dược hộ mệnh, chàng quyết thừa thắng xông lên, một tấc không đi một ly không rời, bèn thả dê chạy rong và không ngần ngại làm một cuộc cách mạng bản thân ném phứt đi cây gậy cầm tay của mình cho đỡ vướng... (đúng ra chàng đã được trang bị cây gậy khác để thay thế). Chàng bèn áp dụng chiến thuật xa luân chiến, nhất cự li nhì tốc độ, quyết đi theo tiếng gọi của Viagra: tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc theo kiểu "mây trên trời nó cuộn lại, nước dưới biển nó dồn vô, o với tui cũng cuộn lại!"

Tranh số 2 (TK 21 số 112 trang 14) Viagra trong trường hợp này vừa dùng để phục vụ sex và phục vụ Đảng theo ý đồ chính trị (Political cartoon). Dùng nghệ thuật lấy mây vẽ trăng hay dương đông kích tây, để giải thích câu hỏi hiểm hóc đầy ngóc ngách tối om: tại sao các đồng chí khứa lão "liệt sĩ" của Đảng ta luôn luôn tham quyền cố vị, muốn phục vụ dài lâu và dai dẳng như đỉa đói trong Bộ Chính Trị mà không hề mệt mỏi?

Tranh số 3 (TK 21 số 116 trang 28) Viagra trong tranh này thật nặng nợ giang hồ với đời, vừa làm một công mà hai việc:

- Mượn lời của hải cẩu để đề cập về Viagra để "xỉ vả" về nhân tình thế thái của con người (hành động "ném đá dấu tay" này thường gặp trong tranh hí họa); có cá phụ canh, có mới nới cũ, có trăng quên đèn... hay "có đào nhí quên vợ già"!

- Qua nhân tình thế thái để nói lên Viagra là ân nhân của nòi giống hải cẩu: Viagra vừa cứu nhân (quí vị liệt sĩ) vừa độ thế (hải cẩu).

Tóm lại, Viagra trong tranh hí họa còn có thêm một vỏ bọc khác, hoàn toàn không mang màu sắc xanh xanh đỏ đỏ trẻ nhỏ nó mừng hay được tính kích thích như trong y học mà là được tính "vị tha" vì chẳng có mùi vị gì cả.

Nhân đề cập đến Viagra, tôi nhớ đến một anh bạn thân, trong một bữa tiệc cưới của cô bạn gái, cô bạn gái trước đây anh đã miệt mài "đưa em về dưới mưa"... Anh ghé tai tôi bỏ nhỏ hai câu thơ tiền chiến đã bị anh cạo sửa lời đầy kịch tính bi ai yếm thế và rất ư cơ học vật lý:

Nếu biết rằng em đã lấy chồng
Anh về cất dụt thế là xong

Nếu thật sự anh bạn tôi dám hành động thì mạng cùi bằng cách "Self service" như vậy thì "nói năng chi cũng thừa" trong cõi đời ô trọc đầy hoa thơm cỏ lạ này! Lúc đó chắc những viên thần dược Viagra sẽ vô duyên và trơ trẽn như những viên thuốc xổ, chứ đâu được oai phong lẫm liệt "thét roi cầu vị ào ào gió thu" mang đầy tính chiến đấu anh hùng ca cách mạng như "mấy cha" vẽ hí họa phụ họa ăn theo để bốc thơm về nó một cách lùm xùm vô tội vạ như vậy!

Quí vị nghĩ xem, có phải đúng như vậy không?●

San Diego, Buồn tàn thu 1998

Khi kẻ chết có khả năng dạy dỗ kẻ sống, chúng ta gọi đó là truyền thống, phong tục.

Auguste Compte

Danh vọng chẳng qua là một làn hơi, tiếng tăm chẳng qua là một sự nhất thời. Nếu có một cái gì tồn tại lâu dài nhất, thì đó là sự lãng quên.

Mark Twain

ĐI CHÙA HƯƠNG

TÔN NỮ THU NGA

Thi sĩ Nguyễn Nhược Pháp hơn sáu mươi năm trước, diễn tả cuộc hành trình chùa Hương bằng tâm tình ngây thơ của cô thiếu nữ mười lăm tuổi. Theo gót ông, tôi cũng đi thăm viếng chùa Hương, một giấc mơ xưa mà tôi ngỡ rằng chẳng bao giờ thành sự thật.

Trang bị không phải túi thơ bầu rượu mà bằng một cái ba lô nặng trĩu, gồm hai cái máy hình, mấy ống kính và phim đủ loại. Tôi hy vọng sẽ chụp được vài tấm hình, đem về xứ Mỹ, khoe với bạn bè những hình ảnh quê hương xinh đẹp.

Hôm qua, chân ướt chân ráo đến Hà Nội, chúng tôi đi thăm Văn Miếu. Thấy có bán mấy bộ áo tứ thân, yếm đào, thắt lưng thiên lý, khăn vành nhung tím với cái đuôi gà ngộ nghĩnh. Diễm, cô bạn đồng hành trẻ tuổi thích quá, vòi vĩnh chồng mua cho mình một bộ, mặc vào chụp ảnh để ngày mai diện đi chùa Hương. Ấn, anh chàng bác sĩ trẻ, hiền như bụt, lúc nào cũng cười cười, chìu vợ nên móc tiền ra chi. Thấy Diễm hồn nhiên vui vẻ, lòng tôi cũng phấn khởi vô vàn. Trí tôi tưởng tượng ra biết bao nhiêu là cảnh đẹp chùa Hương, có Diễm làm một cô người mẫu xinh đẹp. Mắt cô đen tròn, môi cô mọng. Da cô trắng như trứng gà bóc, dáng cô mình hạc xương mai... Cô thật là yêu kiều trong chiếc áo tứ thân với cái đuôi gà phất phơ bên má. Tôi sẽ có dịp tạo ra nhiều tác phẩm nhiếp ảnh để đưa cô bé chùa Hương từ thế giới thi ca, đi vào thế giới nhiếp ảnh. Mặc dầu trí óc tôi phần lớn dành riêng để mơ những giấc mộng hão huyền, nhưng giấc mộng tạo hình cô bé chùa Hương này thật đầy hy vọng. Đêm ấy, sau khi kiểm soát đầy đủ những dụng cụ trong ba lô, tôi hy sinh, không tham dự cuộc đi chơi đêm Hà Nội. Tôi cần gìn giữ sức khỏe để ngày mai chịu đựng cuộc hành trình vất vả.

Tôi cư ngụ gần trung tâm thành phố, khách sạn nhỏ nhưng lịch sự, sang trọng và tiện nghi không kém gì những khách sạn xứ Mỹ. Tắt đèn phòng, tôi luyến tiếc mở màn cửa sổ, dí mũi vào cửa kính nhìn ra đường để thưởng thức một chút hương vị của Hà Nội về đêm. Bên kia công viên người đã vắng. Trên hè phố, một vài gánh hàng rong còn qua lại. Dưới đường, xe đạp, xe gắn máy không còn đông đảo như ban ngày. Ngắm phố một lúc, tôi không muốn đi ngủ nữa, đồng hồ mới chỉ chín giờ đêm, tôi lò mò khóa cửa phòng, xuống phố đi dạo một mình. Vừa bước ra khỏi thang máy, cô nhạc sĩ dương cầm nhìn lên mỉnh cười, hai bàn tay trắng như ngó sen, thoăn thoắt dạo trên những phím ngà quen thuộc. Ban chiều, sau khi cô đàn bản "Lara's song" theo lời tôi yêu cầu, tôi nán lại bên cô nói chuyện tầm phào, biết được cô là giáo sư dạy nhạc, ban đêm chơi đàn cho khách sạn. Thấy cô vui vẻ, dễ chịu, các bạn tôi đã kéo đến yêu cầu cô đàn hết bản này đến bản nọ. Chú gác cửa khách sạn, mặc bộ đồng phục màu xanh biển, mũ đồng màu, trên áo có những hạt nút vàng bóng nhoáng trông ngộ nghĩnh như những chú lính trong tuồng "nutcraker". Thấy tôi bước ra, chú chạy tới chào, mở cửa cho tôi ra đường.

Đi vòng vo qua vài khu phố, tôi kiếm được khu bán trái cây ở cuối phố hàng Giầy. Mấy chị bán hàng thấy tôi chào mời rối rít. Trái cây đủ loại bày trên những cái mẹt lớn. Nhãn lồng thơm phức cột từng chùm. Những trái thanh long đỏ hồng ngày xưa là sản phẩm đặt biệt của Nha Trang bây giờ đầy đường Hà Nội. Măng cụt, mãng cầu, sầu riêng, cam, quít và

trái mơ chồng chất lên nhau. Tôi chỉ thích nhãn nên mua mấy ký, hí hửng xách về khách sạn. Sau khi ăn một bụng đầy trái nhãn, tôi lại thay áo quần, chải răng, thoải mái bò lên giường. Lim dim đôi mắt, tôi thả hồn theo ông Trang Tử, hóa thành cánh bướm trắng, chập chờn vào giấc mơ hoa.

*

Tiếng chuông đồng hồ báo thức reo chát chúa làm tôi bàng hoàng tỉnh giấc. Mỗi buổi sáng khác, thế nào tôi cũng bịt tai, kéo chăn che kín đầu, ỉ ôi rên rỉ một hồi lâu mới lồm cồm bò dậy. Hôm nay, tôi hăng hái nhảy xuống giường, lôi tấm mền khỏi người anh Tuấn hối thúc:

"Dậy lẹ lên đi ăn sáng không thôi trễ!"

Anh hé một con mắt ra nhìn:

"Mệt quá, phải chi hồi tối đừng đi Karaoke thì đỡ biết mấy!"

Tôi ngạo nghễ nhìn anh:

"Hối hận thì đã trễ rồi, tí lên xe ngủ tiếp để có sức mà vác máy hình."

Anh dẩy nẩy:

"Thôi hôm nay anh không chụp hình, đi chơi tay không cho khỏe."

Nghe câu anh nói, lòng tôi áy náy buồn bã lắm. Tôi tiếc dùm anh những cơ may hãn hữu, sợ anh mất đi những tấm hình đẹp. Nhiều lúc anh nghe lời tôi năn nỉ, mang máy theo, bị nặng nề khó chịu, than đau lưng, đau cổ, mặt mày méo xẹo, tiu nghỉu mất vui, nên lần này tôi không dám nói năng gì cả. Tôi lẳng lặng thay y phục, khoác ba lô xuống phòng ăn. Hôm nay khách sạn chìu khách, dọn thức ăn điểm tâm từ ba giờ sáng. Thức ăn đầy đủ như mọi buổi sáng khác chỉ thiếu có món phở. Ăn sáng xong, tôi ngồi trước phòng khách, chờ một hồi lâu không thấy Ẩn và Diễm. Tôi tự nghĩ, chắc cô bé sửa soạn kỹ quá nên giờ này vẫn chưa xong. Chỉ còn mấy phút nữa là xe tới, chị hướng dẫn áy náy đi lui đi tới trước cửa thang máy, anh Tuấn đòi chạy lên phòng ngủ để kiếm. Cửa thang máy vừa mở thì thấy Ẩn và Diễm lọt tọt chạy ra. Cô bé chùa Hương áo lụa, đuôi gà chả thấy đâu, chỉ thấy một cô bé hốt hoảng, hốc hác, bơ phờ vì mới ngủ dậy. Cô nhìn chúng tôi, bẽn lẽn:

"Bọn em quên để đồng hồ báo thức."

Ẩn thì cứ cười cười chả nói năng gì.

Xe vừa mới đến, anh Tuấn xách mấy trái chuối và phó mát đưa cho Diễm:

"Đây, cô cầm lên xe ăn cho đỡ đói."

Anh Tuấn dễ thương như vậy đó, khi đi chơi chung, anh không những chỉ săn sóc cho vợ mà còn lưu tâm đến tất cả mọi người.

Thấy Diễm không có thì giờ trang điểm và mặc áo tứ thân để đi chùa Hương tôi cũng hơi buồn. Diễm bây giờ mặc quần tây, áo cánh, mái tóc thề rủ dài mướt như một tấm lụa phủ ngang lưng. Mặt mày cô xanh xao thiếu ngủ, buồn xo. Cô giống như cô Nga, người thiếu nữ trong bài thơ Nguyên Sa:

Hôm nay Nga buồn như con chó ốm
như con mèo ngái ngủ trên tay anh...
đôi mắt cá ươn như sắp sửa se mình...

Rõ ràng là chỉ vài phút sau khi trèo lên xe, Diễm dựa đầu vào vai Ẩn, ngái ngủ như một chú mèo con.

Tôi và Tuấn trèo ra tận băng cuối, không ai thích ngồi băng cuối vì sợ đường xấu xe dằn, trừ hai đứa tôi ra. Tôi và Tuấn là những kẻ phiêu lưu, chúng tôi đưa nhau đi chơi đầu ghềnh cuối bể nên chẳng sợ gì một chút xíu nhọc nhằn. Ghế trên chúng tôi nhường cho nữ nhi yếu đuối và các cụ thâm niên. Ngồi sau tôi dễ dàng quan sát những điều xảy ra trước mắt.

Trong lúc chờ xe chuyển bánh, tôi quan sát Hà Thành bừng tỉnh giấc nồng qua cửa kính. Bên vỉa hè, những người bán hàng rong bắt đầu đến, quang gánh nhịp nhàng trên đôi vai. Một bà cụ già tóc bạc trắng, đặt hai chiếc thúng lớn bên đường. Bà lấy ra cái mẹt lớn, xếp đặt từng bó hành ngò tươi xanh mơn mởn. Trong tiệm, sau lưng bà, một bà cụ đang làm bánh cuốn. Bà cụ này mặc áo nâu, tóc bạc quấn trong chiếc khăn vành nhung đen, quanh cổ đeo một chuỗi ngọc xanh, những hạt ngọc lớn bằng viên bi giữa ngực. Tôi nhớ rằng ngày xưa thuở nhà còn khá giả, mẹ tôi cũng có một chuỗi ngọc xanh tương tự. Sau ngày tôi di cư sang Mỹ, ba tôi mất, mẹ phải bán chuỗi ngọc để nuôi các em tôi, cho đến ngày tôi bắt được liên lạc có thể gởi chút ít tiền về giúp đỡ gia đình. Bà cụ này chắc cũng khá giả vì có được một gian nhà ngay phố chính để làm tiệm ăn. Bà thoăn thoắt đổ vá bột lên tấm vải căng trên miệng nồi hấp. Tráng bột thật mỏng và đậy cái vung lại. Trong vòng ba mươi giây, bà lấy một thanh tre dài, nâng tấm bánh mỏng tanh, đặt lên cái khay nhôm. Bà lấy chút xíu nhân thịt, bỏ vào giữa tấm bột, cuốn lại tròn trĩnh. Diễn tả thì lâu lắc thế nhưng động tác của bà rất là nhanh nhẹn. Chỉ trong vòng năm phút, bà đã làm ra cả chục cái bánh cuốn trên dĩa. Nóng hổi, thơm phức mùi hành chiên. Bà mỉm cười,

hàm răng đen nhánh, đặt dĩa bánh trước mặt một người khách đang kiên nhẫn chờ đợi. Có lẽ bụng đang kêu rột rột và nước dãi đang ứa đầy mồm, như cảm giác tôi đang có.

Trên đường, các cô gái bán hoa tươi bắt đầu đến từ một chợ hoa nào đó. Các cô đạp xe đạp, mặc áo bà ba, đội nón lá. Sau lưng cô là một thúng hoa đầy. Hoa cúc vàng, hoa huệ tây, hoa hồng, thược dược. Các cô nhanh nhẹn, len lỏi qua dòng xe cộ khắp ngả đường đã tràn ngập người đi.

Xe bắt đầu chạy, chốc lát đã ra ngoại ô Hà Nội. Dọc đường lộ, có những khu chợ nhỏ, tụ họp đông đảo. Tôi chăm chú nhìn những món hàng bày ra trên đất. Xe chạy chậm để tránh những rổ rá, gồng gánh bạn hàng bày cả ra đường. Rau cải, bầu bí, thịt tươi, cá sống, gà vịt và cả mấy con lợn nằm ọt ẹt trong rọ tre. Qua khỏi khu chợ, ruộng lúa, ao đầm trải dài hai bên xa lộ. Trời tờ mờ sáng, sương mù giăng trắng xóa, xa xa, những con đường đất nhỏ chạy giữa đám ruộng xanh. Dọc đường, hàng cây cao, thân mỏng manh, lá lăng tăng rủ lướt thướt như cây lệ liễu, nhạt nhòa trong sương sớm.

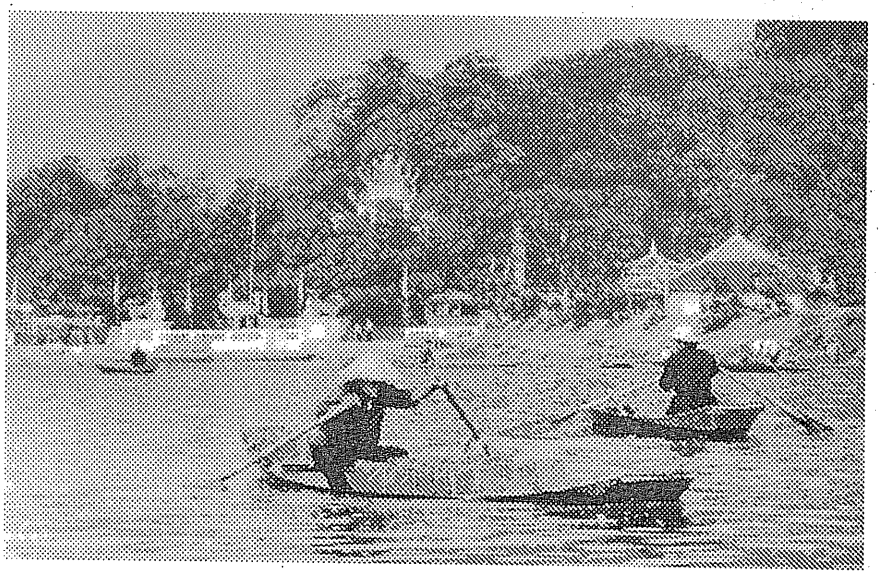

Chùa Trình. Ảnh của tác giả.

Xe chạy vun vút trên đường gập ghềnh. Lòng tôi đảo điên bối rối vì chỉ mong được dừng lại để chụp mấy tấm hình. Mỗi lần thấy mặt mày tôi nhăn nhó đau khổ, anh Tuấn lại đưa tay lên miệng ra dấu cho tôi yên lặng, đừng xin xe ngừng sợ làm phiền kẻ khác. Sau một hồi lâu, chịu không nổi nữa, tôi nói nhỏ với chị hướng dẫn nếu thuận tiện cho xe ngừng vài phút để tôi chụp mấy tấm ảnh.

Anh tài gãi gãi cái đầu bờm xờm:

"Để tôi lui lại cái cầu hồi nãy, có mấy bụi tre, chỗ đó đậu xe rộng rãi!"

Lòng mừng khấp khởi, tôi mở ba lô, lấy cái máy hình đeo lên cổ, len lỏi hàng ghế trước đứng sẵn chờ xe ngừng.

Xe vừa ngừng, tôi nhảy xuống chạy một mạch lên chiếc cầu bắc ngang sông. Hai đầu cầu tre xanh mọc rậm rạp. Dưới sông, một cái chòi tranh nho nhỏ, nổi cao trên mặt nước, nâng đỡ bằng những nhánh tre khô. Chắc đây là chòi đựng lưới hoặc những dụng cụ làm chài. Một anh ngư phủ mặc áo quần rách rưới, chống chiếc thuyền nan nho nhỏ từ từ tiến đến bên chòi. Nghe tiếng người, anh ngoảnh mặt nhìn lại chỗ tôi đứng. Tôi nâng máy hình, bấm thật nhanh mấy tấm rồi lật đật trở lên xe. Lòng tôi buồn buồn trước cảnh quê nghèo, tôi lẩn thẩn nghĩ đến tấm áo rách vai và ánh mắt của chàng ngư phủ. Từ khi trở về quê hương, biết bao lần tôi phải nhìn những bờ vai áo rách, những chiếc nón xơ vành, những bàn chân bùn lấy nứt nẻ để xót thương cho thân phận nhược tiểu của dân tộc mình.

Xe lại chạy bon bon trên đường thiên lý, chả mấy chốc trời đã sáng hẳn. Người hướng dẫn dặn dò:

"Ai có hỏi anh chị từ đâu đến thì cứ nói là ở miền Nam ra tham quan chứ đừng nói thêm gì nữa. Ai có mời mọc mua sắm gì, nếu không có ý định mua thì đừng nhìn hoặc trả giá. Dân ở đây họ hay dây dưa lắm."

Nghe tiếng đối thoại ngoài cửa xe, nhìn ra, tôi thấy có người cỡi xe Honda, đi kèm theo xe chúng tôi, đang kêu gọi điều gì đó với anh tài xế. Chị hướng dẫn giải thích: những người chủ ghe, chạy ra tận đường lộ để tranh dành khách.

Đến bến Đục, chúng tôi được đưa xuống

một chiếc thuyền gỗ nhỏ chút xíu, phải lót thêm mấy tấm ván ngang mới có đủ chỗ ngồi. Chúng tôi ai nấy đều hồi hộp vì thấy thuyền quá khẳm.

Ghe rời bến Đục, trôi ra giữa dòng nước lênh đênh. Nhà cửa hai bên bắt đầu thưa thớt. Trên dòng nhiều chiếc thuyền con lướt nhanh thoăn thoắt, mỗi chiếc chèo bởi một chị đàn bà. Các chị đội nón lá, có chị bịt mặt, chỉ chừa hai con mắt. Những người này làm việc trên dòng suối Én. Họ chuyên chở những tảng đất sét lớn, nạy lên từ dưới lòng sông bởi những chàng thanh niên đang dìm mình tận bụng trong dòng nước. Sau khi các cô cập chiếc thuyền đầy những tảng đất sét ấy vào bờ suối, một toán thanh niên khác nâng đất ra khỏi thuyền để đắp lên bờ suối. Chú lái đò cho tôi biết rằng sau một ngày làm việc, mỗi nhân công ấy được lãnh lương chừng độ một đồng rưỡi tiền Mỹ kim.

Thuyền cập bến chùa Trình. Người hướng dẫn mời chúng tôi lên bờ, cúng Trình để xin phép vào chùa Hương. Các anh chị Phật tử mua hương hoa, đi van vái các bàn thờ Phật. Tôi xách máy hình rảo quanh chùa, ngắm mấy cây đa, rễ dài lòng thòng, tàng lá rậm rạp. Tôi lửng thửng đi ngược bờ sông, dừng lại ngắm những người đắp đê. Họ cười nói huyên náo mặc dù lao lực mệt mỏi dưới nắng. Trông họ đầy sức sống, đầy nghị lực, đang vươn lên tìm sự sinh tồn.

Trở lại bên chùa Trình, thấy mọi người hoang mang chờ thuyền. Chị hướng dẫn bảo chúng tôi:

"Chủ ghe muốn đòi thêm tiền nên làm khó dễ, bắt đi bằng hai chiếc thuyền nhỏ."

Nhìn xuống bến, hai chiếc thuyền rỉ sét, nằm cạnh bên nhau, mỗi chiếc chở chừng độ bốn người, trong khi đoàn tôi gồm mười tám mạng. Chủ ghe bảo rằng mỗi chiếc thuyền nhỏ ấy chở được mười người. Chiếc thuyền lớn kia phải chở tới "ba mươi nhăm người mới lấy lại vốn." Chị hướng dẫn một lần nữa lại phải kỳ kèo, mặc cả. Sau khi điều đình tiền bạc xong thì chiếc thuyền lớn trở lại rước chúng tôi lên đường.

Lênh đênh trên dòng suối Én, tuy gọi là suối nhưng dòng nước lớn như một con sông. Từ chùa Trình trở đi, nước bắt đầu trong như lọc, nhìn được cả rong rêu dưới đáy. Trong lòng suối có nhiều mảnh đất sói, tròn như cái mâm. Chú lái đò cho biết rong rêu những chỗ ấy bị chết vì người ta cắm điện xuống lòng suối để giết cá. Hai bên bờ suối, những rặng núi thấp, cây cối xanh tươi, lác đác vài ngôi chùa nho nhỏ, mái cong rêu phủ, ẩn hiện sau đám cây. Một rặng núi chạy dài, uốn khúc như lưng con rồng nổi trên mặt nước. Từ bờ suối đến chân núi đồng ruộng xanh tươi, chú bé phụ lái đò mới có mười tuổi nhưng tinh khôn lắm, chỉ cho tôi cách phân biệt ruộng lúa tẻ và lúa nếp. Chú nói chuyện láu lỉnh, vì chú đã ra đời sớm, sống lẫn lộn trong kiếp thương hồ, tiếp xúc với người hành hương bốn phương tám hướng.

Thuyền trôi chầm chậm trên dòng, gió hiu hiu thổi, tiếng nước róc rách qua mạn chèo, phong cảnh tuyệt vời như những bức tranh thủy mạc.

Thỉnh thoảng tôi thấy một người câu cá, đứng đơn độc trên con thuyền nhỏ. Một chị đàn bà ngồi giặt chiếu bì bõm, trên chiếc thuyền vắt đầy những chiếc chiếu cạp điều. Thấy cảnh đẹp, tôi đứng giữa lòng thuyền để chụp hình, thuyền chòng chành làm thiên hạ la lên oai oái:

"Coi chừng lật thuyền người ta, có cái thân bồ tượng mà không chịu ngồi yên, chết cả đám bây giờ."

Tôi phì cười, nhìn xuống đáy suối, nước chỉ sâu chừng hơn một thước, nhưng tôi đành ngậm cười ngồi xuống. Chỉ vì đi với một đám người nhát gan mà tôi không có nhiều hình ảnh suối Én, một dòng suối thơ mộng nhất trong cuộc đời du lịch của mình.

Tôi ngồi yên trên thuyền, nắng mai ấm trên da, thò tay ra khỏi mạn thuyền, dòng nước lùa qua kẽ tay mát rượi. Đàn chim nhỏ trong rừng ríu rít, chỉ nghe tiếng mà không thấy hình. Có những dòng lạch tách ra từ dòng suối chính, vòng quanh co, biến mất sau rừng cây. Trong một nhánh lạch, sen hồng khoe sắc trước ngôi cổ tự. Một cặp vịt đi lạch bạch trên bờ, chợt nhảy tòm xuống nước, duỗi cánh đập nước tung tóe. Đàn vịt con theo gương mẹ, vội vã nhảy theo, có chú lật đật, trượt chân lăn cù xuống nước, những chú vịt con cũng vẫy vẫy cặp cánh nhỏ, thưa thớt lông vũ, lội quanh quẩn bên mẹ, rúc cái đầu vàng tơ óng xuống nước tìm mồi.

Thấy tôi say sưa nhìn đàn vịt, chú bé lái thuyền chỉ tay vào dãy núi xa xa, nơi có những căn lều tranh lụp xụp:

"Dân trong ấy chuyên nuôi vịt để sống, còn trồng trọt thêm khoai, sắn, chuối để ăn."

Một bức tranh quê đang vẽ ra trước mắt

tôi. Nơi đây sông hồ lớn rộng, chim bay, cá lặn, gió thổi mây ngàn, hồn lãng tử của tôi tha hồ tung hoành, phiêu bạt.

Thuyền đi qua nhiều ngọn núi. Chú lái thuyền chỉ hòn núi nhỏ, có đám cây um tùm trên ngọn, bảo đây là "oản gà xôi." Quả thật, trái núi tròn vun như một mâm xôi, những chùm cây um tùm trên ngọn trông giống như một con gà luộc.

Tôi bảo Tuấn:

"Thơ ông Nguyễn Nhược Pháp có câu: 'Qua núi oản gà xôi, bao nhiêu là khỉ ngồi...' oản gà xôi phía bên kia còn đám khỉ thì đang ngồi trên thuyền này."

Anh Tuấn lườm tôi, ra dấu bảo đừng nói lớn, sợ các cụ nghe được thì mất lòng. Tôi cụt hứng, không ba hoa nữa, tiu nghĩu ngắm núi "con voi phục," lòng thầm khen ông Nhược Pháp, ông đặt ra được một bài thơ tuyệt vời lại chính xác địa hình địa vật. Bài thơ này có thể dùng làm tài liệu hướng dẫn chuyến hành hương thơ mộng này. Mặt trời đã lên cao, không khí bắt đầu nóng nực, thuyền cũng vừa cập bến chùa Hương. Dọc bờ suối, san sát những sạp hàng bán nước, thức ăn và của tế lễ. Bạn hàng thấy khách đến, nhao nhao mời mọc. Anh Tuấn mua cho tôi một chai nước uống, tôi khoác ba lô lên vai rảo bước theo các bạn đồng hành tiến lên con đường lát đá, cắt ngang một cánh rừng thưa.

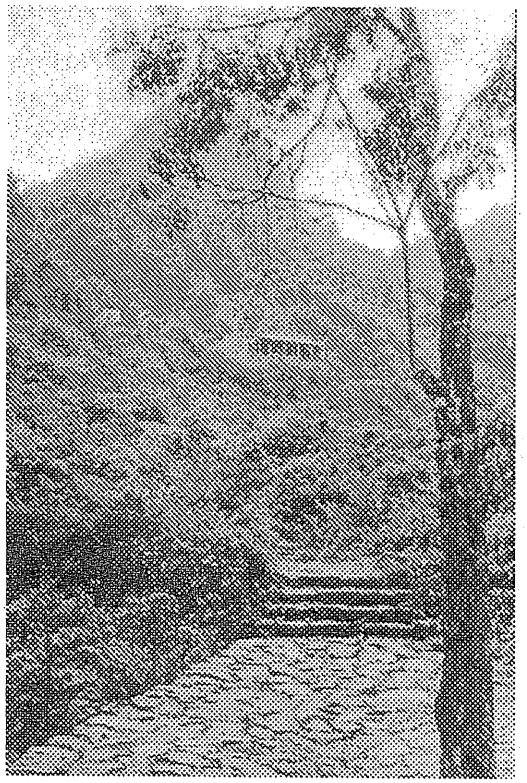

Đường vào động Hương Tích. Ảnh của tác giả.

Ngoài cổng chùa, một dãy nhà nhỏ, trống trải, có những sạp gỗ trải chiếu hoa. Đây là dãy nhà trọ cho khách ngủ qua đêm. Mùa hội chùa Hương đã hết nên khung cảnh êm ả, vắng lặng. Tôi đi vòng quanh chùa, tò mò quan sát nhiều gian phòng thờ khác nhau, đại khái gian nào cũng có lư hương, bàn thờ, nhang đèn, tượng Phật, tượng Thần, Quan Âm Bồ Tát, ông Di Lặc, ông Quan Công, bà Thị Mầu, Thị Kính... không biết đâu mà kể cho hết! Tôi hì hục leo lên mấy chục bậc cấp, len lỏi vào các ngõ ngách quanh co. Tình cờ tôi thấy một nhà sư trẻ, ngồi lắt lẻo trên một bức tường thấp bên hông chùa. Thầy chăm chú dùng kim chỉ, vá tấm áo cà sa bạc thếch của mình. Tôi nấp trong bụi cây, kéo ống kính dài, len lén chụp hình thầy. Dường như có linh tính, thầy ngẩng mặt lên nhìn phía bụi cây tôi núp. Bị bắt quả tang, tôi bấm vội tấm hình, mỉm cười vẫy tay chào, nhảy ra khỏi lùm cây, chạy vội xuống đường chính, trước khi bị quở. Chụp hình bên xứ này tôi hay bị phê bình hoặc quở trách. Tính tôi thích chụp hình nên thấy cái gì cũng chụp, lâu ngày tánh tình trở nên lì lợm, da mặt trở nên dày dạn chai đá. Cách đây mười phút, có tên rỉa rói:

"Đồ quỷ sứ, ăn mày đẹp đẽ gì mà cũng chụp."

Tôi mặt mày tỉnh bơ, giả bộ mình là người Đại Hàn, chả biết thằng cha khỉ mốc kia nói cái gì mà nhi nhô loạn xị!

Đường từ từ lên dốc, đá mòn nhẵn, tảng thấp tảng cao, có tảng lắc lư xiêu vẹo, màu đá nâu nhạt, xám nhạt hoặc hồng, vân đá bạc chạy chằng chịt rất đẹp. Đến gần chùa Giải Oan, tôi bắt đầu cảm thấy nóng nực và mệt mỏi. Ẩn và Diễm nhảy thoăn thoắt trên mấy bậc thềm kêu tôi:

"Cô lên chùa này coi, có suối nước mát rửa mặt cho khỏe."

Tôi nghĩ đến những bậc cấp lên chùa, lắc đầu không muốn bước. Nghỉ mệt xong, tôi cương quyết đứng lên, tiến về hướng động Hương Tích. Thỉnh thoảng tôi dừng bước, vừa nghỉ vừa ngắm cảnh núi non hùng vĩ chung quanh. Từ đường lộ chính, rẽ ra nhiều con đường nhỏ, khi lên đồi, khi xuống dốc, dẫn đưa tới những ngôi chùa xa xôi, chênh vênh, hiểm trở trên sườn núi, ẩn hiện lờ mờ trong khói sương. Tôi dừng lại quán nước bên đàng,

uống trái dừa tươi, đãi chị hướng dẫn một chén chè khoai mài. Giải khát xong, tôi uể oải đứng dậy, anh Tuấn thương hại tôi mỏi mệt, tình nguyện đeo ba lô. Tôi giữ một cái máy hình bên ngoài, lâu lâu thấy cảnh đẹp, gắng gượng sức tàn, nâng máy lên bấm cò mấy cái.

Gần đến động Hương Tích, chị hướng dẫn đứng lại bên một sạp hàng. Sau cái bàn gỗ thấp kê sát đường, một thầy đồ mặc áo dài the đen, đầu đội khăn đóng, đeo kính lão, chòm râu bạc, phất phơ đạo mạo, đang ngồi viết chữ Tàu. Tôi ngồi xuống tảng đá bên đường, nhìn những tờ sớ vàng đỏ treo trên vách trong lúc chị hướng dẫn nhờ ông viết sớ. Tôi nhớ lại bài thơ "Ông đồ già" của thi sĩ Vũ Đình Liên:

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua...

Vì ảnh hưởng của bài thơ này, xót xa cho ông đồ già tội nghiệp ấy, không muốn để cho "mực đọng trong nghiên sầu," tôi bèn xin anh Tuấn tiền, nhờ anh thuê ông đồ viết dùm tôi mấy lá sớ để tôi cầu tài, cầu lộc, cầu sức khỏe cho mẹ tôi. Trong lúc anh ngồi trước mặt thầy, tôi lợi dụng "nước đục thả câu," bấm cò máy ảnh nhanh như gió.

Rời ông đồ già, tôi cầm ba lá sớ đỏ chi chít chữ Tàu, hớn hở quên cả mệt, trèo thêm mấy trăm bực cấp nữa. May thay, đây là chặn đường cuối, qua một cái cổng đá, cửa Động Hương Tích hiện ra đen ngòm dưới dốc. Trên đường xuống ruộng, thỉnh thoảng chúng tôi dừng lại, chụp hình dùm cho những khách thập phương khác.

Ngoài động, nhan nhãn những sạp hàng bán hương đèn, hoa quả, tràng hạt. Trong động, khói hương mù mịt, thạch nhũ như những giọt nến khổng lồ chảy xuống từ trên trần cao, tạo thành những hình thù kỳ bí. Không rành cung cách lễ Phật, tôi đi theo chị hướng dẫn. Thấy chị lạy; tôi cũng lạy; thấy chị vái, tôi cũng vái; thấy chị để mấy lá sớ trên bàn thờ, thắp nhang, kê lên trán lâm râm cầu nguyện, tôi cũng lật đật làm theo. Trong lúc tinh thần bối rối, tôi chỉ nhớ cầu Trời Phật cho được trúng lô độc đắc của California. Cầu xong, tôi đứng dậy, lòng tràn đầy hy vọng, bước theo chị ra đốt sớ trong một cái lò than đen đủi đặt ngay ngoài cửa động.

Trước khi rời động, tôi nhìn lên dốc, thấy bóng anh Tuấn in lên nền trời, giữa một vùng ánh sáng chan hòa. Ánh sáng viền trên những bậc đá đen chạy dài xuống tận nơi tôi đứng, tôi đưa máy ảnh lên, vội vàng thu lấy tấm hình trước mặt. Hình ảnh anh đứng trong nguồn sáng ấy có thể là câu trả lời của Trời Phật, nhắc cho tôi biết rằng mình nên vui hưởng sự bình an trước mặt, trong vòng tay che chở và săn sóc của anh chăng?

Đường xuống núi, mọi người vui vẻ chuyện trò, ai cũng sung sướng thỏa mãn vì trong đời mình, ít nhất cũng một lần thăm được Động Hương Tích. Anh Tuấn rất hãnh diện thấy tôi đã chiến thắng được tất cả sự mệt mỏi, lười biếng, nóng nực để hoàn thành cuộc hành hương. Anh luôn miệng khen ngợi tôi làm cho tôi rất khoái chí vì ngỡ rằng mình giỏi thật. Chúng tôi có ngừng lại nghỉ ngơi vài chặng, chiêm ngưỡng những người dân quê, gánh gồng tre, củi, tranh, nặng nề di chuyển xuống núi. Chuyện trò với du khách từ Bắc Âu hoặc châu Úc đến và giả vờ điếc khi bị một anh chàng bán chim kiểng càu nhàu vì chúng tôi không dừng lại mua chim cho hắn.

Xuống thuyền rời bến chùa Hương, một lần nữa chúng tôi lại lửng lờ trôi trên dòng suối Yến. Tôi ngắm lần cuối cùng những rặng núi thấp chung quanh. Mùi nắng nồng nàn thơm da thịt, mồ hôi mặn chảy trên mắt môi. Gió chiều hiu hiu thổi làm mọi người buồn ngủ, mất lờ đờ. Không ai hào hứng trò chuyện nữa vì đã thấm mệt. Tôi cất máy vào ba lô lặng lẽ ngắm những cô thiếu nữ chèo thuyền thoăn thoắt xuôi ngược trên dòng. Tôi liên tưởng đến những con dã tràng miệt mài xe cát, những con kiến lửa cặm cụi kéo hạt cơm, thời còn bé tôi thường say sưa nhìn ngắm. Đời những con dã tràng và con kiến ấy sẽ đi về đâu? Đời những người con gái ấy sẽ đi về đâu?

Ngày mai, tôi đi về khung trời mênh mông khác, hành trang là kỷ niệm, và xấp hình ảnh quê hương. Một ngày nào đó trong đời, nhìn lại mấy tấm ảnh xưa, chắc thế nào lòng tôi cũng xao xuyến não nề, vẩn vơ tự hỏi:

Hỡi người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

Hình ảnh cô bé chùa Hương vẫn là một bóng hình bất diệt trong tâm tư tôi. Ngày xưa, cô đi đôi guốc cao trên lối đời mộng tưởng. Ngày nay tôi đi giày Reebok, vai đeo máy hình, tha thẩn mấy dặm đường quê. Tôi cũng như cô, nhưng mỗi người dệt riêng một giấc mộng.●

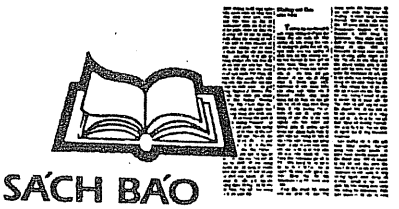

PHẠM XUÂN ĐÀI

Sách báo trong... năm

Tính từ số báo Xuân năm Mậu Dần (Jan. và Feb.98) đến số tháng Jan.99 vừa rồi, (mười ba tháng, mười hai cuốn báo) mục Sách Báo Trong Tháng đã giới thiệu đến độc giả 93 quyển sách, bảy cuốn tạp chí, tuyển tập mới, không kể một số đĩa hát và băng video.

Sách báo xuất bản trong năm qua có gì đáng nói? Có lẽ đó là một câu hỏi hơi quá rộng cho mục này của Thế Kỷ 21. Con số 93 quyển sách và tám tạp chí mà TK 21 giới thiệu chỉ là con số khiêm nhường, không phản ảnh hết tình hình xuất bản của người Việt hải ngoại.

Về sáng tác mới trong năm qua, đáng chú ý có *Thư Về Bloomington, Illinois* của Lê Tất Điều, *Lầu Xép* của Võ Đình, *Đêm hè* của Hà Thúc Sinh, *Vầng Trăng Nội Thành* của Hồ Đình Nghiêm, *Trăng ơi thơ ấu mãi* của Nguyễn Chí Kham, *Trăng Góa* của Lê Minh Hà, *Đá Mục* của Thảo Trường, *Ánh Mắt* của Trương Anh Thụy, *Một mình em, đến giữa đời* của Hồ Minh Dũng, *Những giọt mưa trên giàn bông giấy* và *Tìm em trong nắng thu vàng* của Nguyễn Hùng Vũ, *Nói thầm với đá* của Lệ Hằng, *Tháp Ký Ức* của Phùng Nguyễn, *Về Hướng Mặt trời lặn* của Trần Hoài Thư, *Dòng đời lặng lẽ* của Nguyễn Ngọc Ngạn, *Nắng muộn thu vàng* của Cao Xuân Lý v.v... Hầu hết các tác giả ở vào lứa tuổi ngũ tuần, lục tuần, chỉ một vài ở vào lứa ba bốn mươi. Có lẽ do vậy, về nội dung, những truyện nói về đời sống "hôm nay" có vẻ ít hơn là nói về quá khứ.

Vẫn về sáng tác, một số sách được tái bản hoặc in lại những bản thảo viết đã lâu: *Miền thơ ấu* của Vũ Thư Hiên, *Kỷ vật đầu tay và cuối cùng* in một số tác phẩm của Khái Hưng, *Những chiếc mặt nạ cười* của Kinh Dương Vương, *Sợ lửa, Hồ Thùy Dương, U hoài, Dòng sông định mệnh, Cúi đầu* của Doãn Quốc Sỹ, *Bờ sông lá mục* của Phan Lạc Tiếp... Tuy là in lại, có cuốn, như *Miền thơ ấu* của Vũ Thư Hiên, đã thành một biến cố văn học, vì sự đặc sắc và mới mẻ của nó đối với độc giả hải ngoại.

Về biên khảo, hồi ký, bút ký... năm qua có một số tác phẩm hay, đầu là in lại sách cũ hay mới viết: *Hành trình nhật ký* của Phạm Quỳnh, *Trăm Việt trên vùng định mệnh* của Phạm Việt Châu, *Đi vào cõi thơ, Thi ca tư tưởng* của Bùi Giáng, *Chút tình với quê hương* của Nguyễn Văn Ba, *Sóng từ trường* của Thụy Khuê, *Việt Nam một thế kỷ qua* của Nguyễn Tường Bách, *Nhìn cây thấy rừng* của Đỗ Quyên, *Chiếc bảo ấn cuối cùng của hoàng đế Việt Nam* của Lê Văn Lân, *Cờ bạc* của Huỳnh Văn Lang, *Hành trình cuối đông* của Tiêu Dao Bảo Cự, *Những cuộc đảo chánh cung đình Việt Nam* của Trần Gia Phụng v.v... Người xa xứ khi tuổi đã lớn thường có khuynh hướng thiết tha quay về quá khứ, vì thế thể loại biên khảo, hồi ký có thể coi là thế mạnh của người cầm bút hải ngoại.

Thơ cũng là một thế mạnh, được xuất bản nhiều, dù thơ hay vẫn hiếm. Đáng chú ý có *Cỏ bồng* của Nguyễn Hữu Nhật, *Từ tình Epphen* của Lê Đạt, (tác giả trong nước, xuất bản hải ngoại), *Cõi thơ* của Khánh Hà, *Thiên đường chuông giấy* của Phan Nhiên Hạo... Người Việt Nam rất yêu thơ, thích giải tỏa tâm sự bằng vần điệu. Nơi người Việt hải ngoại nhu cầu ấy càng nhiều. Số tác phẩm thơ được in vì thế rất đáng kể, nói lên một hình thái sinh hoạt tâm hồn của người Việt xa xứ.

Làm công việc giới thiệu "sách báo trong tháng" cho độc giả, Thế Kỷ 21 không mong muốn gì hơn là với khả năng có hạn của mình, tạo một thông tin tinh thần gửi đến bạn đọc xa gần, vốn ở rải rác khắp nơi trên thế giới, không phải lúc nào và ở đâu cũng được cập nhật về chuyện sách vở. Công việc không thể tránh được thiếu sót, đôi khi có thể "đụng chạm," chúng tôi kính xin quý vị tác giả và độc giả, nhân buổi đầu Xuân, vui lòng hỉ xả và thông cảm.

Bây giờ xin quay lại với...

Sách báo trong tháng

Tuyển Tập Bình Nguyên Lộc

tập hợp một số truyện của **Bình Nguyên**

Lộc, do nhà xuất bản An Tiêm chủ trương, **Võ Phiến** viết phần giới thiệu và giúp tuyển chọn tác phẩm, 492 trang, giá US$20.00. Liên lạc: An Tiêm, 3 Vincent Van Gogh, 95170 Deuil-La-Barre, France. Hoặc nhà phát hành Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA; Tel & Fax: (714) 527-5761.

Bình Nguyên Lộc là một nhà văn kỳ cựu của miền Nam, bắt đầu viết báo vào năm 1942, có tác phẩm văn chương đầu tiên vào đầu thập niên 50 và tiếp tục sáng tác và biên khảo cho đến năm 1945. Theo Hồ Trường An thì *Hồ Biểu Chánh là kẻ mở đường cho lối viết văn miền Nam, nhưng phải đợi tới 20, 30 năm sau, chính Bình Nguyên Lộc mới mang cờ quạt, biểu ngữ làm cuộc hành trình có nhiều tiếng vang tốt đẹp vào ngôn ngữ miền Nam gieo niềm tin cho người cầm bút gốc người miền Nam để viết văn bằng ngôn ngữ, bằng giọng điệu miền Nam.* Bình Nguyên Lộc có một số lượng tác phẩm khá lớn, sáng tác lẫn biên khảo, và là một nhà văn được đông đảo quần chúng miền Nam yêu mến trong một thời gian rất dài.

Nhà xuất bản An Tiêm ở Pháp từ lâu vẫn mong muốn khôi phục thành tích văn học của miền Nam thời trước 1975, bằng cách thực hiện tuyển tập của từng tác giả. Bình Nguyên Lộc được chọn là tác giả mở đầu cho Tủ sách Tuyển Tập của nhà xuất bản. Ông Thanh Tuệ, giám đốc An Tiêm, cho biết ý định của mình về việc nầy như sau: Chúng tôi dự định trước hết thực hiện một loạt Tuyển Tập dành cho các tác giả thời 1954-1975. Một Tuyển Tập soạn kỹ càng ít ra cũng có thể gợi lại cho các lớp độc giả về sau một ý niệm khá xác đáng về một nhà văn. Mỗi tuyển tập nhà xuất bản sẽ cố gắng mời một nhà văn thích hợp trông coi việc chọn bài, thu thập tài liệu và soạn lời giới thiệu.

Ngoài bài giới thiệu của nhà văn Võ Phiến, trong tuyển tập này các tác phẩm của Bình Nguyên Lộc được in lại chia làm ba phần: Phần thơ, ngắn nhất, chỉ chiếm ba trang; phần Truyện dài với truyện Đò Dọc, 232 trang; phần Truyện ngắn gồm 22 truyện. Đây là những tác phẩm hay nhất của Bình Nguyên Lộc, xứng đáng nằm trong một tuyển tập trình bày một cách rất chăm chút và trang nhã, để có thể lưu trữ dài lâu trong tủ sách của những ai yêu văn chương.

Triết Lý Lý Đông A

biên khảo của **Phạm Khắc Hàm**, do Nhóm Diễn Đàn Địa Lý Nhân Văn xuất bản, 398 trang, giá US$20.00, ngoài Hoa Kỳ $25.00. Liên lạc: Nhóm Diễn Đàn Địa Lý Nhân Văn Việt Nam, P.O. Box 247 Midway City, CA 92655, USA. Tel: (714) 557-8450.

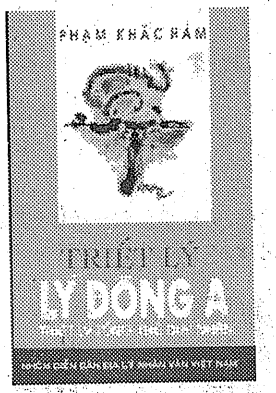

Các tác gia Việt Nam xưa nay hầu như không ai tự mình tạo dựng một học thuyết, một hệ thống tư tưởng về nhân sinh hay vũ trụ để được mệnh danh là nhà tư tưởng hay triết gia. Hậu bán thế kỷ 20, tên Lý Đông A có được nhắc đến đây đó như một người làm cách mạng, nhưng không chỉ thuần túy hành động, mà còn có một học thuyết. Học thuyết ấy chưa bao giờ được giới thiệu một cách hệ thống ở cấp độ quốc gia hay được nghiên cứu trong các Đại học, mà chỉ được khai triển thành chủ thuyết của Duy Dân, một đảng cách mạng xuất hiện từ khoảng đầu thập niên 40. Nay với cuốn *Triết Lý Lý Đông A*, những gì Lý Đông A đã viết được giải thích và giới thiệu một cách có hệ thống.

Tác giả Phạm Khắc Hàm là một nhà khoa học, ông đã tốt nghiệp Tiến sĩ Vật lý Vi tử và Lý thuyết tại Đại học Bordeaux Pháp quốc năm 1963, trước 1975 đã giảng dạy tại Đại học Khoa học Sài Gòn và các viện Đại học Cần Thơ, Đà Lạt, Huế. Để giới thiệu các tư tưởng của Lý Đông A, ông đã vận dụng một khối kiến thức rất uyên bác về Khoa học, Sử học và Triết học với một lối trình bày sáng sủa, khoa học. Ông cho rằng thế kỷ 20 với các học thuyết khoa học có tính cách cách mạng là một thế kỷ "bản lề" của lịch sử loài người, "đánh dấu một nếp gãy trong cách thức sống và tư duy của nhân loại," để từ đó giới thiệu Lý Đông A:

Là một nhà cách mạng nhưng bản chất là một nhà thơ, một nhà tư tưởng, Lý Đông A tiên sinh nhận thức điều đó rõ ràng hơn ai hết và đó

là lý do mà Ông đã duyệt xét lại, đánh giá lại toàn bộ vấn đề tri thức. Kết quả là một học thuyết mà chúng ta gọi là triết lý Lý Đông A. Học thuyết này tập đại thành mọi trường phái triết học, thống nhất ba ngành tri thức là Khoa, Triết, Sử để thiết lập một ý thức hệ hướng thượng, nhân bản, nhân chủ và nhân tính, mà ta gọi là triết lý tổng thể duy nhân hoặc triết lý Lý Đông A.

Ông đã nhìn thấy trong tư tưởng Lý Đông A không chỉ là học thuyết cách mạng cho một giai đoạn lịch sử của Việt Nam mà còn có tầm vóc nhân loại. Kiến thức người đọc sẽ được mở rộng rất nhiều, vì để giới thiệu học thuyết Lý Đông A vốn được viết rất cô đọng, tác giả đã vận dụng đến rất nhiều nguồn tri thức, với một nhận thức vừa kinh điển nhưng cũng rất nhiều mới lạ, và nhất với lối trình bày rõ ràng, khúc chiết của một nhà khoa học, và sự tinh tế của một người làm thơ.

Vẻ Vang Dân Việt - Tuyển tập IV The Pride of the Vietnamese - Selection IV

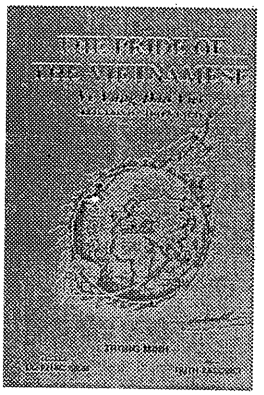

sưu tầm của **Trọng Minh**, viết bằng hai thứ tiếng Việt và Anh, tủ sách Vẻ Vang Dân Việt xuất bản, 603 trang, giá US$32.00. Liên lạc: Vũ Trọng Chất, P.O. Box 2133, Westminster, CA 92684, USA. Tel & Fax: (714) 775-2610.

Tác giả có công sưu tầm, biên soạn tiểu sử, hoạt động và những thành tựu của những người Việt Nam thành công ở hải ngoại về khoa học kỹ thuật, thương mại, văn học nghệ thuật, xã hội, và nhất là về học vấn, đúc kết thành sách song ngữ, in rất trang trọng để giới thiệu rộng rãi đến người Việt Nam và người ngoại quốc khắp nơi. Đây là một sáng kiến rất hay, vừa có tính cách thông tin, vừa kích thích tinh thần hướng thượng của người Việt trong việc học hành cùng những hoạt động giúp ích cho đời. Loạt sách này vì thế đã được đón nhận nồng nhiệt, tuyển tập I và II đã được tái bản đến hai lần, tuyển tập III tái bản một lần. Trong cuốn thứ tư này, ba gia đình thành đạt về khoa bảng, 24 người đã thành công danh tiếng trong những ngành khác nhau, tám người trẻ tuổi đang theo đuổi học vấn và gặt hái những thành tựu đáng kể, đã được giới thiệu.

Một bộ phận của dân tộc Việt Nam, trong thế kỷ 20 này, do những hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, đã bỏ xứ bung ra đi khắp nơi sống với cộng đồng thế giới. Họ có khả năng gì không, đã học hành làm ăn sinh sống ra sao tại những nơi mà họ đến ăn nhờ ở đậu? Loạt sách Vẻ Vang Dân Việt cho chúng ta một khái niệm về năng lực vươn cao của người Việt, bất cứ định cư ở đâu họ cũng chứng tỏ là những người cần cù, hiếu học, và dần dà có những đóng góp xứng đáng, thậm chí đạt đến những vị trí cao trong xã hội mà họ sống. Thực tế chắc còn phong phú hơn những gì đã sưu tầm được rất nhiều, vì thế tác giả của loạt sách Vẻ Vang Dân Việt có lẽ còn phải vất vả nhiều trong tương lai để phản ảnh ngày càng đầy đủ hơn, sát thực hơn về tình hình thành đạt của người Việt ở khắp nơi.

Đào Thoát

tập truyện của **Ngự Thuyết**, Đồng Văn xuất bản, 258 trang, giá US$13.00. Liên lạc với tác giả: 13947 Brock Lane, Garden Grove CA 92843, USA. Hoặc với Văn Nghệ, nhà phát hành: P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683, USA.

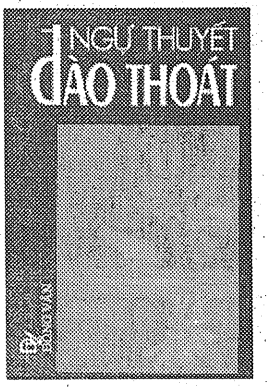

Đây là cuốn truyện thứ hai của Ngự Thuyết được xuất bản, sau cuốn Sóng Trôi ra đời năm 1996. Trước 1975 tác giả là nhà giáo, chưa viết văn. Trải qua một cuộc tù cải tạo, rồi đến Hoa Kỳ từ đầu thập niên 90, Ngự Thuyết mới bắt đầu viết. Vẫn những đề tài quen thuộc như những người viết có cùng cảnh ngộ với ông: các kỷ niệm xa, chuyện ở tù, chuyện đời sống của người mới qua Mỹ..., nhưng truyện của Ngự Thuyết mang một nét riêng. Đây đó, qua miêu tả những việc bình thường trong đời sống, ông lộ ý muốn đào sâu vào cái thế giới mung lung của tâm thức con người. Một buổi chiều chủ nhật trong trại cải tạo, một nhóm anh em bạn tù ngồi lại thay nhau kể mỗi người một chuyện để giải trí cho nhau, việc ấy xem ra quen thuộc với dân cải tạo, dù không thông tin cho nhau, trại nào cũng có những hình thức na ná như vậy.

Nhưng mỗi chuyện kể của Ngự Thuyết lại như đại diện cho một mảnh tâm lý khác thường của những người bị sa cơ không lối thoát, mặc dù về hình thức đó toàn là chuyện tầm phào làm một thứ giải trí nghèo nàn cho một buổi chiều ở tù rảnh rỗi. Trong những chuyện tù, tác giả không cố tình cường điệu để bi đát hóa sự việc, các miêu tả bề mặt của ông sẽ thoáng cho thấy cái thế giới sóng ngầm dữ dội và phức tạp bên dưới. Đó mới là điều đáng kể, thảm cảnh về mặt tinh thần, tâm thức của xã hội miền Nam sau 75 còn lớn lao và đáng nói hơn là những chuyện thiếu ăn, đổ vỡ, và sự tàn bạo, thô lỗ, lật lọng của chính quyền mới nhiều.

Một trong những truyện thành công của ông trong cuốn *Đào Thoát* là Đà Lạt, một loại hồi ức tuổi thơ. Mỗi người có một tuổi thơ, một đời sống gia đình, học đường và trò chơi riêng của mình, rất khó chia xẻ để tìm đồng cảm nơi người khác. Nhưng đọc Đà Lạt thì mỗi người đều cảm thấy mình có phần trong đó, dù môi trường tuổi thơ của mỗi người có thể ở những nơi khác trên nước Việt Nam chứ không cứ là Đà Lạt. Nói về cái rất riêng mà thành ra cái rất chung, giống như hình ảnh cậu bé đi học nhảy chân sáo qua vườn Lục Xâm Bảo của A. France đã làm rung động biết bao hoài niệm của con người khắp nơi.

Truyện ngắn của Ngự Thuyết là loại truyện ngắn dài. Đó không phải là sự chụp bắt những tia chớp của cuộc sống, như có người đã định nghĩa truyện ngắn. Nó lê thê, có vẻ như không để ý về kỹ thuật. Nhiều khi nó gần với chuyện kể, lan man hết việc nọ đến việc kia, để cuối cùng mới hé lộ cho thấy một ý định nào đó của tác giả mà người đọc phải tinh ý nhận ra. Và một khi đã nhận ra thì mọi cái dài dòng lê thê đột nhiên có ý nghĩa, vì phải có cái kia mới có cái này.

Những huyền thoại và sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm

biên khảo của **Vĩnh Phúc**, Văn Nghệ xuất bản, 494 trang, giá US$22.00, ngoài nước Mỹ $25.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2310, Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Đã có rất nhiều sách viết về thời Đệ nhất Cộng hòa, tập sách của Vĩnh Phúc vẫn là một cuốn sách nên đọc. Vĩnh Phúc có ý tường thuật một cách trung thực nhận xét và hồi tưởng của các nhân vật thời Đệ nhất Cộng hòa, đặc biệt là các ông Trần Kim Tuyến, Cao Xuân Vỹ, Hoàng Bá Vinh, và một người cháu ông Ngô Đình Diệm. Phần lớn các huyền thoại được nói cho rõ sự thật là các lần tác giả phỏng vấn các ông Trần Kim Tuyến và Cao Xuân Vỹ.

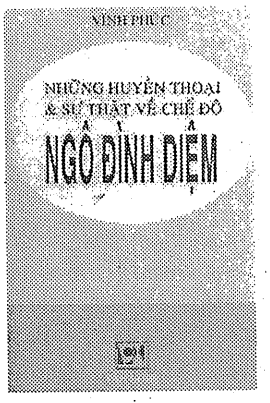

Rất ít người đứng ngoài hay chống lại chế độ đã cho tác giả phỏng vấn, ngoài các ông Vương Văn Đông, Hà Thúc Ký, Nguyễn Chánh Thi, và họ thường nói rất ít.

Vì đa số tài liệu do các người phục vụ dưới quyền Tổng thống Ngô Đình Diệm cung cấp cho nên cuốn sách cũng biện minh nhiều điều mà người ta gán cho ông Diệm, dựa trên trí nhớ của các ông Trần Kim Tuyến, Cao Xuân Vỹ v.v... Nhưng người đọc thấy rõ thái độ nghiêm cẩn của tác giả Vĩnh Phúc trong việc tường thuật lời các nhân chứng. Cho nên nếu tin ở trí nhớ các người được phỏng vấn thì chúng ta phải tin có nhiều "sự thật" đã được làm rõ.

Cuốn sách cũng làm hiện rõ nhiều nét về các ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu, mà các cuốn sách trước đây thường đề cao quá đáng hoặc bôi nhọ quá đáng. Chúng ta thấy hai người nắm vận mệnh miền Nam Việt Nam từ 1955 đến 1963 như những con người thật, có những cử chỉ, lời nói, tánh tình phức tạp, các thành công và các lầm lẫn của họ. Đây có lẽ là đóng góp quan trọng nhất của tập tài liệu lịch sử này.

Nhiều "huyền thoại" về thời Ngô Đình Diệm cũng được soi sáng, như cái chết của Trình Minh Thế, vụ án Ba Cụt, Phạm Ngọc Thảo và Vũ Ngọc Nhạ là ai, nhất là về đảng Cần Lao và cơ quan mật vụ của bác sĩ Tuyến.

Có một đôi chỗ tác giả nói về ý nghĩ của các nhân vật mà không nêu rõ nguồn gốc, thì dụ ở trang 280, 283, và có lúc giải thích các động cơ của họ, như trang 283.

Một điều độc giả cần nhớ, là đây không phải là một tác phẩm viết về toàn thể chế độ của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Vì còn nhiều nhân chứng liên quan đến nhiều chuyện khác không có mặt ở đây, và tác giả cũng không thể tìm gặp tất cả mọi người. (V.H.Bột)●

HỘI MỸ THUẬT VIỆT NAM HẢI NGOẠI và TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Trân trọng giới thiệu cuốn sách về một họa sĩ tài danh Việt Nam vừa quá cố

Sách dày 60 trang, khổ 8.50 x 8.50, gồm:
* 19 bức tranh của họa sĩ NGHIÊU ĐỀ in Full Color trên giấy láng dày
* những bài viết của **THÁI TUẤN, ĐỖ QUÝ TOÀN, DU TỬ LÊ, HUỲNH HỮU ỦY, TRẦN DẠ TỪ**

Giá $20.00

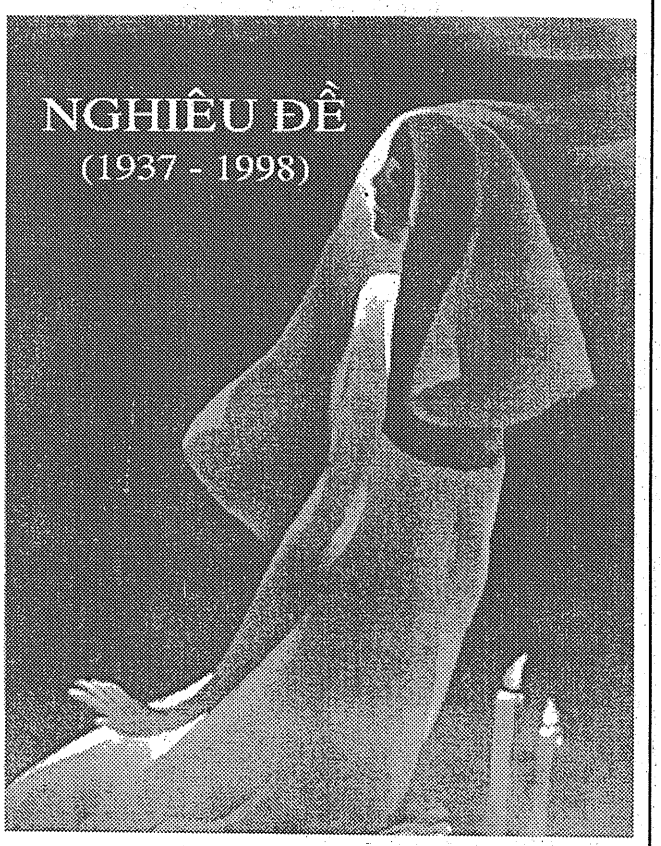

PHIẾU ĐẶT MUA SÁCH "NGHIÊU ĐỀ"

Họ tên: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Yêu cầu gửi cho tôi ..... cuốn "Nghiêu Đề" với giá US$20.00 một cuốn (chưa kể cước phí).

** Cước phí hạng nhất cho một cuốn trong nước Mỹ là US$3.00; ngoài nước Mỹ US$7.00.*
** Chi phiếu, lệnh phiếu xin đề THE KY 21, phần Memo ghi "Nghiêu Đề."*
** Phiếu đặt mua và tiền bạc xin gửi về:* **Tạp chí THẾ KỶ 21, 11022 Acacia Parkway, # A, Garden Grove, CA 92840, USA.**

STEVEN MA, EYE M.D.

Diplomate, American Board of Ophthalmology
Fellow, Royal College of Physician & Surgeon, Canada

LASER EYE SURGEON

1-877-88EYE88 ■ (714-894-0903)

Giải-Phẫu-Nhãn-Khoa 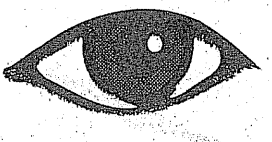 **LASER bằng LASIK hay PRK**

- Tốt nghiệp Bác sĩ Y-Khoa, Faculty of Medicine, University of Toronto, Canada
- Tốt nghiệp Chuyên-Khoa Giải-Phẫu Nhãn-Khoa, University of British Columbia, Canada & Stanford University, USA
- Giảng-viên giải-phẫu Nhãn-Khoa bằng tia sáng LASER tại USC, USA
- American Society of Cataract & Refractive Surgery
- International Society of Refractive Surgery
- Fellow of Oculoplastics Surgery, University of British Columbia, Canada
- Fellow of Refractive Surgery, University of Southern California, USA

CHUYÊN MÔN

Giải-phẫu bằng tia sáng Laser để điều chỉnh Mắt Cận-thị, Viễn-thị, Loạn-thị bằng phương-pháp LASIK hay PRK.

Đôi Mắt là cửa sổ của Tâm Hồn

NHẬN

- ***Khám bệnh theo hẹn***
- ***Tham-Khảo MIỄN PHÍ***
- ***Visa & Master Card & Vision Plans.***

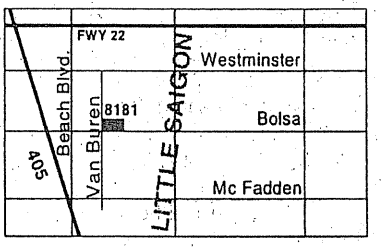

I

USC/Doheny Refractive Laser
Medical Center
1450 San Pablo St., #4500
Los Angeles, CA 90033
Tel: (323) 442-6377
Fax: (323) 442-6376

Giờ mở cửa
Thứ Hai-Thứ Bảy
10AM-6PM

II

Liên lạc
Cô Bạch Thuhà: R.N.,B.S.N.
8181 Bolsa Ave.
Midway City, CA 92655
Tel: (714) 894-0903
Fax: (714) 894-0466

Orange County California. USA

Thuh

Beauty Institute

8181 Bolsa Ave,
Midway City, CA 92655

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) anf B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, Vietnam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Canne, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 +1992 + 1993 +1994 +1995 +1996 +1997 +1998, CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 +1992 +1993 +1994 +1995 +1998, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzerland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Athens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio DE Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia.
* Lina Bocardi and Vittess La Cosmética 1997, Madrid, Spain.
* Biofol 1998, Montreal, Canada.

Cô Bạch Thuhà
R.N., B.S.N., ESTHETICIAN
chăm sóc và điều khiển

Tel: (714) 8-949-949
(714) 960-0311
Fax: (714) 894-0466
Bp: (714) 218-6262

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

DO BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐẢM NHẬN

*** GIẢI PHẪU**
Mắt, mũi, môi, cằm, tai, bàn tay.
- Căng da mặt, căng da bụng.
- Nâng ngực cao, làm ngực nhỏ lại

***PHƯƠNG PHÁP NỘI SOI:**
(Endoscopic plastic surgery)
- Sửa ngực lớn với thẹo nhỏ ở nách.
- Căng da trán, nâng chân mày.

*** TIA LASER:**
Xóa nếp nhăn trên mắt.
- Lấy mở mắt dưới không để thẹo.

*** HÚT MỠ:**
- Cằm, bắp tay, lưng, mông, bụng, đùi.

*** CẤY TÓC**
*** CHÍCH MỠ**
*** Chữa trị các hình thức Silicone.**
*** Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.**

CHUYÊN MÔN

*Facial *Lột da mặt *Thuốc mọc tóc * Dầu thơm Pháp
*Dưỡng da *Xăm Thẩm Mỹ *Mỹ Phẩm & Kem Dưỡng da **SOTHYS** (Pháp)
*Trang điểm: Cô dâu, dạ hội.
***Chữa Trị Da Nám, Tàn nhang, Vết sẹo vì mụn**
*Lớp Dạy Trang Điểm và Xăm thẩm mỹ
*Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.

NHẬN VISA & MASTER CARD

BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐẶC BIỆT DO THUH BEAUTY NGHIÊN CỨU VÀ CHĂM SÓC SAU MỘT THỜI GIAN NGẮN SẼ CÓ LÀN DA TƯƠI MÁT VÀ MỊN MÀNG.

DIANA FLOWERS & GIFTS

5127 A. WEST EDINGER AVE., SANTA ANA, CA 92704
(Trong khu chợ Family & nhà hàng Emerald Bay)

Phone: (714) 775-6600
Fax: (714) 775-8268
Toll Free: 800-933-5693

Chuyên môn các dịch vụ về hoa:
Cưới hỏi, Sinh nhật, Dạ tiệc,
Thương mại, Khai trương,
Bệnh viện, Phúng điếu.

NHẬN ĐẶT VÀ GIAO HOA TOÀN THẾ GIỚI

Order by phone
* VISA * M.C * A.E. Accepted
* WORLDWIDE SERVICES
Business Hours:
Mon: 10 AM - 2 PM
Tues - Sat.: 9 AM - 6:30 PM
Sunday: By appointment only

Viễn đông

Thuần Túy Món Bắc

Người Việt từ khắp nước Mỹ,
từ khắp thế giới về thăm
Little Saigon, muốn thưởng thức
các món ăn quốc hồn quốc túy,
xin mời đến

thuần túy món bắc
VIỄN ĐÔNG RESTAURANT

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster, Garden Grove, CA 92844
(714) 539-4614

Giờ mở cửa: 9 AM - 9 PM
Nghỉ ngày thứ Ba

CHÚNG TÔI CÓ BÁN CƠM PHẦN GIA ĐÌNH

Ăn Chơi Ngon Hơn Ăn Thiệt

CAFÉ LÚ

636 S. HARBOR BLVD.
(Góc Harbor và McFadden)
SANTA ANA, CA 92704

Chủ nhân và toàn thể
nhân viên xin kính chúc
quí khách
một năm mới
an khang thịnh vượng.

CAFÉ LÚ

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

THẨM MỸ VIỆN HOÀN - MỸ

NEWPORT SURGERY INSTITUTE

Chuyên sửa những gì về sắc đẹp cho phái nữ và phái nam

ĐẶC CHẾ KEM CHO TỪNG LOẠI DA

Đặc biệt: Có Bác Sĩ Thẩm Mỹ chuyên môn cấy tóc tự nhiên và vĩnh viễn

Do một nhóm Bác Sĩ Thẩm Mỹ Canada, Mỹ, Việt có bằng thẩm mỹ, kinh nghiệm hơn 25 năm, từng giải phẫu trên 35,000 trường hợp.

DƯỚI SỰ ĐIỀU KHIỂN CỦA BÁC SĨ
P. JAMES VOLOSHIN
M.D., F.R.C.S.©

NGUYỄN NGỌC THANH
Tốt nghiệp Giải Phẫu Thẩm Mỹ Tại Hoa Kỳ

Bà Phương Lan
Nguyễn Gia Quỳnh

Tốt nghiệp Thẩm Mỹ tại Hoa Kỳ, nhiều năm kinh nghiệm. Vẽ kiểu mặt và chọn mẫu mũi cho hợp với khuôn mặt Á Đông.

CÓ MÁY COMPUTER THẨM MỸ CHO BẠN NHÌN THẤY KẾT QUẢ TRƯỚC KHI SỬA.

Hình sẽ hiện ngay trên Màn Ảnh để bạn chọn lựa theo ý muốn.

BẢO ĐẢM 100% KHÔNG ĐAU VÀ KHÔNG HẠI SỨC KHỎE VÌ KỸ THUẬT TÂN TIẾN CỦA THUỐC MÊ.

MAU LẸ, RA VỀ TRONG MỘT NGÀY.

Phương pháp mới nhất dùng chất sụn trong cơ thể bạn để đắp lên mũi nên 100% tự nhiên và sẽ không sợ phản ứng sau khi sửa.

NHẬN TRẢ GÓP & BẢO HIỂM
(Tùy trường hợp)

Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC VÀ NGHỈ LẠI

Mrs. Phương Lan Nguyễn Gia Quỳnh
DIRECTOR ASIAN COSMETIC COUNSELING PROGRAM

360 SAN MIGUEL, SUITE 406 • NEWPORT BEACH, CA 92660

Tel: (949) 759-8276 - *Res.* 898-6514

Fax: (949) 759-5458 1-800-367-9671